

**người dân
muốn biết**

TẬP III

Từ 26-9-1971

Đến 15-9-1972

Mục Lục Chỉ Dẫn Vấn Đề
Mục Lục Chỉ Dẫn Tên Người
Của Ba Tập Ở Trang Cuối

việt nam thông tân xã

SAIGON 1972





TRẦN VĂN LÂM

Đại Tá QLVNCH
Tổng Giám Đốc
(8-1969 – 10/1973)

người dân
muốn biết

việt nam thông tấn xã

116 Hồng Thập Tự, Saigon. Điện thoại : 25.921 - 22 - 23 Hộp thư 181 Saigon. Điện tín : VIETAMPRESS SAIGON

LỜI GIỚI THIỆU

-+---+

Đây là Tập III của bộ sách Người Dân Muốn Biết sưu tập những bài phỏng vấn đã được phát thanh phát hình trong khoảng thời gian một năm từ 26.9.1971 đến 15.9.1972 trên Chương Trình Người Dân Muốn Biết. Chương trình này đã bắt đầu từ ngày 19.9.1969 và hoạt động đến nay đã được ba năm.

Vì nhận thấy các cuộc phỏng vấn này chứa đựng nhiều chi tiết có thể giúp ích cho các nhà khảo cứu về các vấn đề Việt Nam nên chúng tôi đã cho sưu tập lại, trình bày nguyên vẹn để phổ biến. Hai tập trước (Tập I từ 19.9.1969 đến 18.9.1970, Tập II từ 25.9.1970 đến 19.9.1971) đã được sự tiếp đón nồng hậu của các vị thức giả và báo chí trong nước.

Nhân dịp phát hành Tập III này chúng tôi xin cảm tạ về sự đón tiếp nồng hậu đó.

Để quý vị dễ tham khảo tài liệu chứa đựng trong cả ba cuốn sưu tập, chúng tôi thực hiện Mục Lục Chỉ Dẫn về Vấn Đề và Mục Lục Chỉ Dẫn về Tên Người có nêu ra trong ba cuốn I, II, III sắp theo thứ tự A, B, C, nằm vào những trang cuối của sưu tập này.



am

Đại Tá TRẦN VĂN LÂM
Tổng Giám Đốc
Việt Nam Thông Tấn Xã

MỤC LỤCTrang

1. Cuộc Bầu Cử Tổng Thống Và Phó Tổng Thống Ngày 3.10.1971.....	5	-	12
2. Phỏng Vấn Ông Giám Đốc Nha Lộ Vận.....	13	-	27
3. Chuyên Chợ Công Cộng Tại Saigon.....	28	-	39
4. Các Trung Tâm Cải Huấn Tại VNCH.....	40	-	54
5. Thuế Và Rác Rến Tại Đô Thành.....	55	-	64
6. Các Bệnh Viện Tại Saigon.....	65	-	72
7. Nghề Luật Sư.....	73	-	85
8. Vấn Đề Dinh Dưỡng.....	86	-	97
9. Việc Trợ Giúp Thiệt Hại Do Chiến Cuộc.....	98	-	109
10. Hưu Bổng Và Cấp Dưỡng.....	110	-	119
11. Hội Cha Mẹ Nuôi Quốc Tế.....	120	-	126
12. Bảo Chế Thuốc Tây Và Hành Nghề Dược Sĩ.....	127	-	137
13. Thư Viện Quốc Gia.....	138	-	148
14. Việc Bảo Vệ Thuận Phong Mỹ Tục.....	149	-	156
15. Viện Pasteur Việt Nam.....	157	-	167
16. Bói Quẻ Đầu Năm.....	168	-	178
17. Phỏng Vấn Bác Sĩ Hoàng Mộng Lương Về Khoa Châm Cứu.....	179	-	185
18. Trường Luật Saigon.....	186	-	195

.../

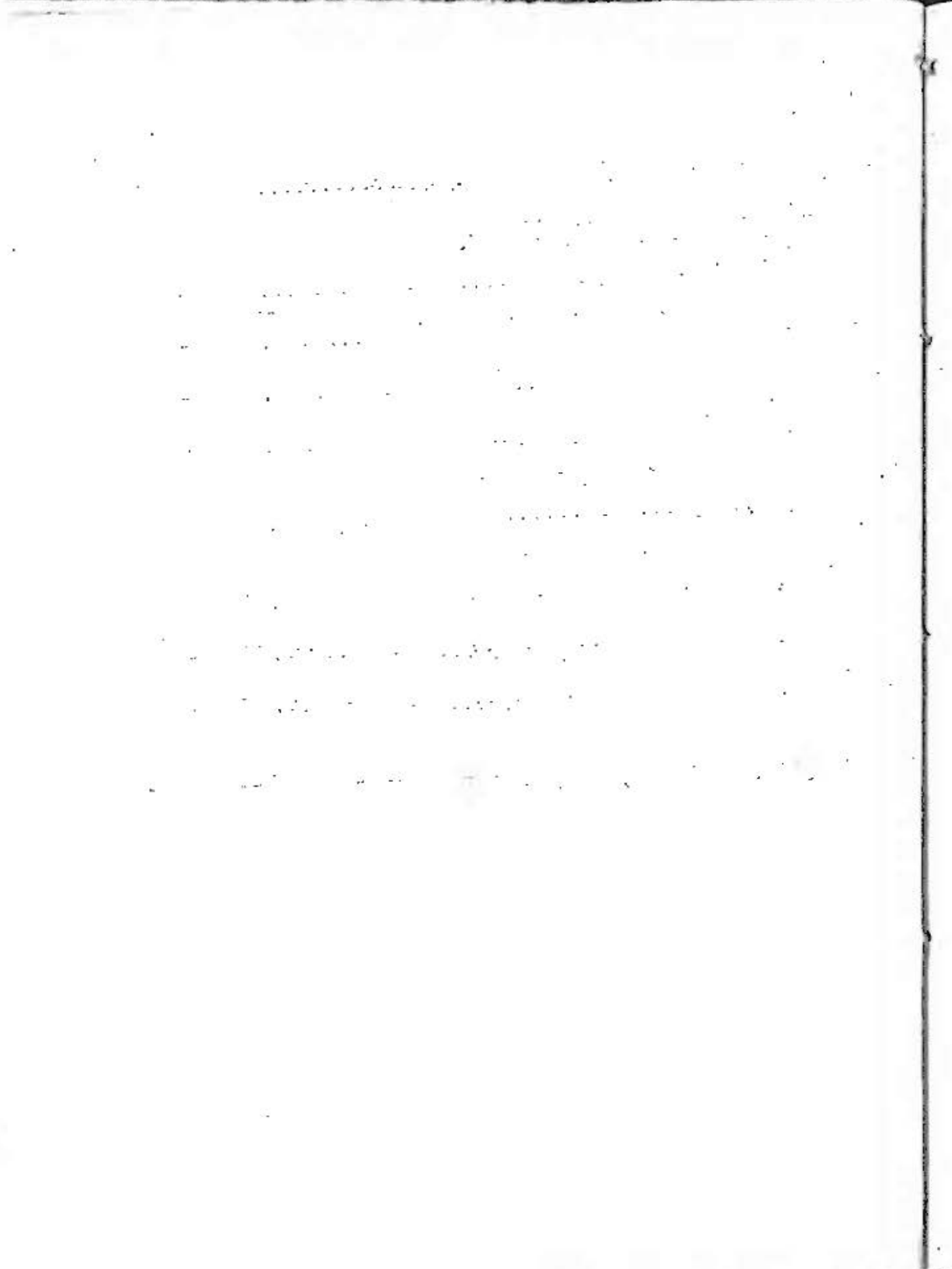
2.

19. Ủy Ban Quốc Gia Việt Nam
Vận Động Giải Nobel Hòa Bình..... 196 - 209
20. Thảo Cầm Viên Saigon..... 210 - 217
21. Dự Án Cải Tiến Trung Tiểu Học..... 218 - 225
22. Chánh Đảng Tại Việt Nam..... 226 - 242
23. Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam..... 243 - 254
24. Phái Đoàn Việt Nam Giao Dịch
Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến..... 255 - 266
25. Kế Hoạch Phát Triển Quốc Gia..... 267 - 276
26. Đại Học Tại Việt Nam..... 277 - 288
27. Chợ Bến Thành Mới..... 289 - 297
28. Tình Trạng Thiết Quân Luật..... 298 - 311
29. Công Cuộc Cứu Trợ Đồng Bào Lính Cựu
Và Cựu Nhân Chiến Cuộc..... 312 - 320
30. Công Kỹ Thương Gia Yểm Trợ Tiền
Tuyên Và Cứu Trợ Nạn Nhân Chiến Cuộc..... 321 - 330
31. Phòng Vấn Chiến Sĩ Tại Các Chiến
Trường Trị Thiên, An Lộc Và Đất Đỏ..... 331 - 344
32. Di Tản Cổ Vật Quốc Gia Từ Huế
Vào Saigon..... 345 - 351
33. Quan Hệ Giữa Nga Sô Và Bắc Việt..... 352 - 363
34. Các Kỳ Thi Tú Tài Và Những Tổ Chức
Lửa Bíp Bàn Đề Thi..... 364 - 377
35. Chương Trình Cải Cách Phủ Tục
Hành Chánh..... 378 - 389

.../

36. Phỏng Vấn Trung Tướng Vanuxem.....	390 - 401
37. Le General Vanuxem Interviewé A L'Emission "Le Public Veut Savoir" (1).....	402 - 413
38. Phỏng Vấn Về Bảo Hiểm Chiến Tranh.....	414 - 425
39. Trường Bộ Binh Thủ Đức.....	426 - 444
40. Điện Và Người Tiêu Thụ Điện.....	445 - 459
41. Phỏng Vấn Ông Tổng Trưởng Phát Triển Sắc Tộc.....	460 - 471
42. Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phủ Thọ.....	472 - 484
43. Viện Định Chuẩn.....	485 - 496
44. Sách Tại Việt Nam.....	497 - 506

(1) Nguyên bản bằng Pháp Văn.



CUỘC BẦU CỬ TỔNG THỐNG
VÀ PHÓ TỔNG THỐNG NGÀY 3.10.71

Phát Hình Ngày 26.9.1971

Ông Thứ Trưởng LÊ CÔNG CHẤT, quyền Tổng Trưởng Nội Vụ.

NDMB: Trước khi bàn về cuộc bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống ngày 3.10, xin Ông Thứ Trưởng cho biết kết quả cuộc bầu cử Hạ Viện ngày 29.8 vừa qua như thế nào?

Thứ Trưởng Nội Vụ: Kỳ bầu cử Hạ Viện ngày 22.10.1967 có 5.853.384 cử tri. Tỷ lệ đi bầu 73%.

Kỳ bầu vừa qua, ngày 29.8.1971 có 7.086.146 cử tri. Tỷ lệ đi bầu 78,7%.

Tỷ số cử tri đi bầu kỳ này rất cao và sự đắc cử của nhiều ứng cử viên mà ngay lúc vận động tranh cử đã tố cáo có gian lận bầu cử, đủ chứng minh một cách hùng biện rằng cuộc bầu cử vừa qua được tổ chức đúng đắn và đồng bào cử tri rất chú tâm đến mục tiêu "xây dựng dân chủ" của Chánh phủ.

Mặc dầu ở một vài địa phương có những sự khiếu nại hoặc kiện tụng, đó là thuộc thẩm quyền của Hội đồng Tuyển cử địa

.../

phương cũng như các cơ quan tư pháp. Kết quả thật đạt được tốt đẹp như vậy là nhờ sự cố gắng của Quân đội và các cấp Dân, Cán, Chính trong kế hoạch tự phòng, tự quản và tự túc.

Nhờ đó, đồng bào biết lấy quốc gia làm vật sở hữu chung, lấy công ích làm vật sở hưởng chung và lấy chính trị làm sự quản lý chung.

NDMB: Thẻ cử tri đi bầu Hạ Viện và thẻ cử tri đi bầu Tổng Thống và Phó Tổng Thống có gì khác biệt không? Có gì khó dễ hoặc trở ngại cho những người không đi bầu kỳ bầu cử Hạ Viện vừa rồi không?

Thủ Trưởng Nội Vụ: Số cử tri bầu Tổng Thống và Phó Tổng Thống ngày 3.10.1971 có thể cao hơn số cử tri bầu Hạ Viện kỳ rồi vì sau khi niêm yết lần thứ nhất, cử tri nào sót tên có quyền khiếu nại và được cấp thẻ theo danh sách cử tri bổ túc.

Thẻ cử tri bầu Tổng Thống và Phó Tổng Thống ngày 3.10.1971 là thẻ đã dùng đi bầu Hạ Viện kỳ rồi hoặc thẻ cấp theo danh sách cử tri bổ túc. Cử tri nào, không đi bầu được kỳ bầu Hạ Viện vừa rồi cử tri bầu Tổng Thống ngày 3.10.1971 không có gì trở ngại. Cử tri nào rủi làm mất thẻ cử tri, tới Phường, Xã xin cấp phó bản và sẽ được thỏa mãn dễ dàng.

NDMB: Trong kỳ đi bầu Hạ Viện vừa rồi, một số khá đông cử tri không đi bầu được vì, hoặc là phòng phiếu quá ít, hoặc số ứng viên quá đông, nhân viên phòng phiếu làm việc quá chậm chạp, bỏ đi ăn trưa, nghỉ trưa cùng một lúc, thời gian đi bầu quá ít. Những người đi bầu được phải chờ ít lắm là một, hai tiếng đồng hồ. Ông Thủ Trưởng có nghĩ đến việc tổ chức phòng phiếu lại cho cuộc bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống không?

Thủ Trưởng Nội Vụ: Những nhận xét vừa rồi đúng và một vài chánh quyền địa phương cũng đã nhận những khuyết điểm đó và cũng có ra thông cáo rồi. Chánh quyền có nhiệm vụ tổ chức các phòng phiếu đúng theo luật lệ hiện hành và phải công bố cho cử tri biết trước ngày 30.9.1971 đúng theo Điều 26 của Luật số 09/71 ngày 23.6.71 đã ấn định.

.../

Rút kinh nghiệm kỳ bầu cử ngày 29.8.1971. Chánh quyền kỳ này có cho tăng thêm phòng kín để cử tri bầu nhanh chóng, khỏi chờ đợi. Ngoài ra, một điểm đáng lưu ý là chiếu Điều 6 của Luật số 09/71, quân nhân hành quân ngoài lãnh thổ VNCH có thể bỏ phiếu gần nơi hành quân. Phòng phiếu chánh đặt tại Saigon và do Bộ Nội Vụ đảm trách. Do đó, Bộ Nội Vụ sẽ đặt năm địa điểm bầu phiếu gần nơi hành quân của quân đội ngoài lãnh thổ VNCH. Các địa điểm này sẽ được công bố trước 30.9.1971, như luật định. Tại mỗi địa điểm, ngoài quan sát viên còn có năm sĩ quan tư pháp cảnh lại được gửi đến để lập vi bằng kiểm chứng khi cần.

Trong dịp này, tôi cũng thấy còn một điểm cần lưu ý là theo Luật số 09/71, cuộc bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống Ngày 3.10.1971 bắt đầu từ 7 giờ sáng và kết thúc đúng 5 giờ chiều chứ không phải 4 giờ như kỳ bầu Hạ viện.

NDMB: Có rất nhiều trường hợp gọi là vi phạm luật bầu cử. Xin Ông Thứ Trưởng, kể cho khán thính giả biết các trường hợp vi phạm đó?

Thứ Trưởng Nội Vụ: Luật lệ hiện hành trừng phạt các vi phạm liên quan bất kỳ đến cuộc bầu cử nào. Chánh quyền đã phổ biến các biện pháp chế tài và cho in các báo cáo niêm yết tại các nơi và trước phòng phiếu.

Điều 35 Luật số 009/71 ngày 23.6.1971: "Người nào đưa một hay nhiều lá phiếu không dùng ra khỏi phòng phiếu sẽ bị phạt tiền từ 5.000\$ đến 50.000\$ và phạt tù từ một (1) tháng đến một (1) năm".

Điều 36 Luật số 009/71: "Người nào cố ý không phát thẻ cử tri hoặc gây khó khăn cho người lãnh thẻ cử tri sẽ bị phạt tiền từ 5.000\$ đến 50.000\$ và phạt tù từ một (1) tháng đến một (1) năm".

Điều 37 Luật số 0009/71: "Quyền đặc miễn tài phán không được viện dẫn để từ chối thẩm quyền tư pháp xét xử những vi phạm luật lệ bầu cử".

Điều 35 Luật số 001/67 ngày 15.6.1967: "Cử tri nào dụng ý bỏ phiếu nhiều lần hoặc không có thẻ cử tri mà xin và

được nhận cho đi bỏ phiếu sẽ bị phạt tiền từ 1.000\$ đến 20.000\$ và phạt tù từ một (1) tháng đến một (1) năm".

Điều 36: "Ứng cử viên hay đại diện, liên danh nào vận động tuyển cử ngoài số lượng, cách thức, phương tiện và thời gian do Ban Vận động tuyển cử ấn định sẽ bị phạt tiền từ 10.000\$ đến 100.000\$.

Trường hợp được tha bổng hay miễn nghị, Tòa Án đương tụng sẽ xét xử tức khắc về đơn của ứng cử viên bị cáo đòi bồi thường thiệt hại nếu có".

Điều 37: "Người nào tự mình hay nhờ đệ tam nhân mua chuộc cử tri bằng tiền bạc hay hiện vật sẽ bị phạt tiền từ 30.000\$ đến 300.000\$ và phạt tù từ sáu (6) tháng đến ba (3) năm".

Điều 38: "Người nào hăm dọa, đánh đập, hay làm cho người khác sợ mất chỗ làm hoặc sợ bị tổn hại về bản thân gia đình hay tài sản, với mục đích ngăn cản họ ra ứng cử hay đi bỏ phiếu, hay để họ bỏ phiếu cho mình hay cho một ứng cử viên do mình chỉ định hoặc không bỏ phiếu cho người khác, sẽ bị phạt tiền từ 100.000\$ đến 500.000\$ và phạt tù từ một (1) năm đến năm (5) năm".

Điều 39: "Người nào tự mình nhờ đệ tam nhân mua chuộc hay toan mua chuộc cử tri của một xã hay đoàn viên của một tập thể bằng cách cho hay hứa cho một xã hoặc tập thể ấy tiền bạc, hiện vật hay bất cứ ân huệ nào khác, sẽ bị phạt tiền từ 100.000\$ đến 300.000\$ và phạt tù từ một (1) năm đến năm (5) năm".

Điều 40: "Việc mang vũ khí vào phòng phiếu bị triệt để cấm chỉ, trừ trường hợp tối cần thiết để bảo đảm an ninh trật tự và sự tự do bỏ phiếu của cử tri. Vi phạm khoản này sẽ bị phạt tiền từ 10.000\$ đến 100.000\$ và phạt tù từ mười lăm (15) ngày đến ba (3) tháng.

Điều 41: "Người nào cố ý xâm phạm hay mưu toan xâm phạm bằng mọi cách và bất luận lúc nào hay tại nơi nào đến tánh cách kín hay thành thật của cuộc bầu cử, hoặc ngăn cản việc điều hành phòng phiếu, sẽ bị phạt tiền từ 100.000\$ đến 500.000\$ và phạt tù từ sáu (6) tháng đến ba (3) năm".

Điều 42: "Người nào có nhiệm vụ nhận phiếu, đếm phiếu, kiểm phiếu hay khảo sát hồ sơ cuộc đấu phiếu, mà thêm, bớt, đổi, sửa, lá phiếu hoặc đọc một tên khác tên ghi trong lá phiếu với mục đích gian lận, sẽ bị phạt tiền từ 100.000\$ đến 500.000\$ và phạt tù từ hai (2) năm đến năm (5) năm".

Điều 43: "Người nào phá bỏ, đem đi nơi khác hoặc mưu toan phá bỏ các lá phiếu, thùng phiếu đựng phiếu bầu chưa kiểm, với mục đích làm thay đổi kết quả cuộc đấu phiếu hoặc làm cho cuộc đấu phiếu bị tiêu hủy sẽ bị phạt tù từ hai (2) năm đến năm (5) năm".

Điều 44: "Người nào hành hung hay hăm dọa với mục đích ngăn cản việc làm của nhân viên phụ trách phòng phiếu, sẽ bị phạt tiền từ 10.000\$ đến 100.000\$ và phạt tù từ hai (2) tháng đến hai (2) năm".

Điều 45: "Trong tất cả các trường hợp dự liệu ở các điều 35 đến 44 trên đây, nếu người phạm pháp là nhân viên đảm nhận một công vụ được hưởng lương bổng, hình phạt sẽ tăng gấp đôi".

Điều 46: "Kẻ nào có hành vi phá hoại, với mục đích ngăn trở cuộc bầu cử, sẽ bị trừng phạt từ năm (5) năm đến hai mươi (20) năm khổ sai".

Điều 47: "Người nào bị tòa án xử phạt chiếu theo các điều 41, 42, và 43 trên đây sẽ bị cấm quyền công dân về mặt tiểu hình từ hai (2) năm đến năm (5) năm".

Ngoài ra, chiếu theo Nghị Định số 516-BNV/BC/NĐ ngày 21.6.71 và Nghị Định số 551-BNV/NĐ ngày 5.7.71: "Sẽ bị truy tố chiếu theo các điều 153, 154 Hình luật Canh cải và các điều 254, 255 Hoàng Việt Hình luật và bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm hoặc tù ba tháng đến một năm tùy trường hợp kẻ nào lạm dụng hay tàng trữ thẻ cử tri giả mạo, dùng thẻ cử tri của người khác, hay đưa thẻ cử tri của mình cho người khác dùng".

NDMB: Trong các cách gian lận, người ta thường nói đến sự gian lận trong lúc kiểm và đếm phiếu. Bộ Nội Vụ có biện pháp nào để ngăn ngừa sự gian lận đó không?

.../

Thứ Trưởng Nội Vụ: Luật đã dự trù đầy đủ các thể thức để đảm bảo tính cách thành thực và nghiêm chỉnh của việc kiểm phiếu. Việc kiểm phiếu phải công khai thi hành ngay tại chỗ và liền sau khi cuộc bầu cử kết thúc. Trước khi kiểm phiếu, trưởng ban phải cho niêm những thùng đựng phiếu bị thái không dùng, để ngăn ngừa mọi sự đánh tráo vào với số phiếu sẽ kiểm.

Các kiểm phiếu viên do ban phụ trách mời tham dự trong số cử tri có mặt biết đọc và biết viết, khi gần mãn giờ bỏ phiếu. Mỗi ứng cử viên cũng được phép chỉ định lấy kiểm phiếu viên, số người này phải được chia đều cho mỗi ban kiểm phiếu. Cứ mỗi ban kiểm phiếu, có bốn kiểm phiếu viên làm việc dưới sự chứng kiến của các quan sát viên đại diện cho ứng cử viên. Một người phụ trách mở phong bì và lấy lá phiếu ra, một người đọc to họ tên của ứng cử viên, hai người còn lại xem xét lá phiếu cho đúng như đã nghe đọc xong mỗi người ghi riêng trên một tờ kiểm phiếu và ghi bằng mực. Hai tờ kiểm phiếu này sẽ được đọ với nhau để biết có hoàn toàn phù hợp hay không.

Các kiểm phiếu viên mở bì và đọc phiếu cũng bị cấm không được mang trên tay bất cứ vật gì nghi là có thể dùng để làm hư lá phiếu.

Sau khi kiểm phiếu, trưởng ban lập biên bản và biên bản phải có chữ ký của trưởng ban, phó trưởng ban và các ủy viên.

Ngoài các quan sát viên luật định, các quan sát viên ngoại quốc, ngoại giao đoàn, báo chí trong nước và ngoại quốc, nghị sĩ, dân biểu, nghị viên Đô, tỉnh, thị, thân hào nhân sĩ tại đô, tỉnh, thị, Hội Đồng Xã, ấp cũng được mời và giúp phương tiện để quan sát.

NĐMB: Trong buổi nói chuyện của Liên Danh 1- Dân chủ, ứng cử viên Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu kêu gọi đồng bào ngày 3.10. sắp tới bày tỏ sự tín nhiệm hay bất tín nhiệm của mình bằng một thái độ thật rõ ràng, minh bạch, tức là bằng cách đi bầu bằng lá phiếu. Chúng tôi xin quay lại lời nói của Liên Danh 1- Dân Chủ:

(Ứng cử viên Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu)

"Thứ nhất- Là đồng bào nên đi bầu thật đông đảo để tỏ thái độ một cách rõ ràng bằng lá phiếu của mình.

Thứ hai- Nếu đồng bào tín nhiệm chúng tôi, đồng bào cứ bỏ phiếu một cách hợp lệ, tức là lấy phiếu liên danh Dân chủ cho vào phong bì và bỏ vào thùng phiếu.

Thứ ba- Còn nếu đồng bào bất tín nhiệm chúng tôi, đồng bào bỏ phiếu bất hợp lệ.

- Thông thường và theo luật tổ chức bầu cử thì lá phiếu bất hợp lệ phải xem như vô giá trị.

Nhưng lần này, vì tôi muốn rõ ràng minh bạch cho nên đối với tôi, tôi xem một phiếu bất hợp lệ là một phiếu bất tín nhiệm.

- Như vậy khi kiểm phiếu, hễ có bao nhiêu phiếu hợp lệ thì tôi xem đó là bấy nhiêu phiếu tín nhiệm tôi- Và có bao nhiêu phiếu bất hợp lệ là bấy nhiêu phiếu bất tín nhiệm tôi- Đó là cách rõ ràng nhất để tôi đo lường được sự tín nhiệm hay bất tín nhiệm của đồng bào".

Vì hai liên danh kia rút, nay chỉ còn một liên danh duy nhất nên Liên Danh 1-Dân chủ Nguyễn Văn Thiệu - Trần Văn Hương đã quan niệm như vậy để đo lường sự tín nhiệm hay bất tín nhiệm của đồng bào, xin cho biết quan điểm của Bộ Nội Vụ và cho biết thế nào là phiếu bất hợp lệ?

Thứ Trưởng Nội Vụ: Việc nhìn nhận phiếu hợp lệ là phiếu tín nhiệm và phiếu không hợp lệ là phiếu bất tín nhiệm, là quan điểm của liên danh Dân chủ.

Đối với Bộ Nội Vụ, Bộ có nhiệm vụ thi hành Luật số 009/71 ngày 23.6.71 và các phán quyết của Đại Hội Đồng Tối Cao Pháp Viện, không đặt vấn đề tín nhiệm hay bất tín nhiệm mà Bộ Nội Vụ chỉ chuyển trình Tối Cao Pháp Viện các kết quả kiểm phiếu của các Bộ, tỉnh, thị để Tối Cao Pháp Viện tổng kết cho biết liên danh ứng cử được bao nhiêu phiếu hợp lệ và bao nhiêu phiếu không hợp lệ.

.../

Cũng theo Luật số 009/71 ngày 23.6.71 về cuộc bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống nhiệm kỳ 1971-1975, Điều 31 ấn định thế nào là phiếu bị xem không hợp lệ. Tôi xin mở một dấu ngoặc là trong luật dùng chữ không hợp lệ chứ trong luật không dùng chữ bất hợp lệ.

Điều 31 nói: "Kể như vô giá trị những trường hợp sau:

1. Phong bì đựng hơn một lá phiếu. Tuy nhiên, nếu các phiếu đều thuộc một liên danh thì được coi là hợp lệ và tính một phiếu.
2. Phong bì khác với phong bì đã phát cho cử tri.
3. Phong bì không đựng gì cả, hoặc đựng các giấy tờ khác các lá phiếu đã phát ra.
4. Phong bì hay lá phiếu có viết thêm chữ hay ghi thêm dấu hiệu.
5. Lá phiếu không đựng trong phong bì.
6. Lá phiếu có thêm, bớt, đổi tên, hay đổi thứ tự tên ứng cử viên, lá phiếu bị xé rách đôi hoặc bị xé mất tên hay họ của ứng cử viên".

PHÒNG VẤN ÔNG GIÁM ĐỐC

NHA LỘ VẬN

Phát Hình Ngày 10.10.1971

Ông NGUYỄN VĂN CỬ năm nay 54 tuổi, sinh tại Hà Nội, Kỹ sư Công chánh đặc hạng, Quản trị viên Chương trình Danhlim kiêm Giám Đốc Điện Lực Việt Nam từ năm 1963 đến năm 1965, Tổng Thanh Tra Bộ Giao Thông Vận Tải từ năm 1967 đến 1968 và hiện nay là Giám Đốc Nha Lộ Vận.

NDMB: Thưa Ông Giám Đốc Nha Lộ Vận, xin ông cho biết Nha Lộ Vận thành lập từ bao giờ và tại sao cần đặt thêm Nha này?

G.D.L.V.: Nha Lộ Vận được thành lập cuối năm 1968 để phụ trách các vấn đề liên quan tới ngành vận tải đường bộ. Đến tháng 11 này thì đủ ba năm.

Trước kia, xe cộ ít, sự lưu thông bình thường nên chỉ cần một phòng gọi là Phòng Kiểm Soát Xe Tự Động để phụ trách vấn đề này. Tới năm 1963 phòng này được nâng lên Sở. Đó là Sở Kiểm Soát Xe Tự Động. Sau đó tới năm 1968 thì Sở này được đổi thành Nha Lộ Vận vì vấn đề vận tải đường bộ đã trở nên rất quan trọng, vượt quá tầm mức một Sở.

.../

NDMB: Công việc của Nha Lộ Vận như thế nào?

G.D.L.V: Trong khi Tổng Nha Kiềm Lộ thuộc Bộ Công Chánh phụ trách các công tác làm đường, làm cầu, Nha Lộ Vận phụ trách việc xử dụng cầu, đường đó.

Xử dụng đường, có xe cộ và khách bộ hành. Việc này đưa đến những luật lệ để tránh những việc xử dụng bừa bãi có thể gây ra tai nạn lưu thông và hư hại đường sá. Xe cộ hằng năm phải được khám xét, người lái xe phải có bằng lái thích hợp, các người xử dụng cầu đường phải tôn trọng luật đi đường không được chạy quá tốc độ ấn định, không được chở quá số hàng khách hay hàng hóa cho phép, không được thu quá giá mà Chánh phủ đã ấn định.

Ngoài các công việc kể trên, Nha tôi còn phụ trách nghiên cứu các vấn đề cải tiến lưu thông, giá cước đường bộ, chuyên chở đại chúng, xa cang v.v..

Hiện thời, Nha tôi đang xúc tiến xây cất Xa Cảng Phú Lâm mà kinh phí lên tới 100 triệu để xử dụng cho 600 xe đồ, xe lô chạy miền Tây. Công tác này hoàn tất vào đầu năm 1972.

NDMB: Toàn quốc hiện có tất cả bao nhiêu xe tự động?

G.D.L.V: Toàn quốc hiện nay có tất cả 250.000 xe tự động được đăng bộ tại Nha Lộ Vận.

Trong số này, xe du lịch chiếm 23%, xe vận tải nặng nhẹ 30%, xe 2 bánh và 3 bánh 47%.

Xe đăng bộ tại trung tâm Saigon chiếm 80% tổng số, như vậy số xe tại các tỉnh chỉ bằng có 20% tổng số trên toàn quốc. Trong số 250.000 xe kể trên, không kể các xe của Quân Đội VNCH và đồng minh, và nhứt là 740.000 xe gắn máy và máy dầu dưới 50 phân khối.

Theo thống kê của Nha Lộ Vận số xe trong thời kỳ 10 năm từ 1960 tới 1970 gia tăng trung bình 10% mỗi năm. Mức độ gia tăng này không có gì quá đáng và nếu cứ tiếp tục như vậy thì tới năm 1980 tức 10 năm nữa, số xe tự động của Việt Nam lên tới 650.000.

So với số dân lúc đó vào khoảng 22 triệu thì 33 người mới có một xe tự động, 108 người mới có 1 xe du lịch. Tỷ số này rất kém so với mức đạt được tại các nước tân tiến hiện nay Hoa Kỳ: 2 người có 1 xe, Úc Châu: 3 người một xe, Anh Quốc: 6 người một xe, Nhật Bản: 6 người một xe, Âu Châu: 15 người một xe và Mã Lai Á: 20 người 1 xe.

NDMB: Một số khán thính giả thắc mắc về việc mua bán xe và sang tên xe. Ông Giám Đốc có thể cho biết việc mua bán xe và sang tên các xe hiện nay ra sao?

G.D.L.V: Hiện nay vì có biện pháp không cho nhập cảng xe du lịch các loại nên việc mua xe mới giảm sút. Trái lại, việc mua đi bán lại các xe cũ lại gia tăng gấp bội.

Năm 1968 trung bình mỗi ngày có 50 vụ sang tên. Năm 1971 trung bình mỗi ngày có tới 100 vụ sang tên tức gấp đôi năm 1968. Như vậy hằng năm có trung bình 30.000 vụ mua bán xe cũ.

NDMB: Nhiều chủ xe muốn xin số 9 nút, chúng tôi có nghe nói đến việc có xổ số rút thăm "ma" để dành những số 9 nút cho những người cho tiền hoặc cho những ông lớn việc đó có không?

G.D.L.V: Một số đồng đồng bào tin rằng được số 9 nút thì sẽ hên, vì lẽ đó rất mong được số này. Trên thực tế xe có số 9 nút thường bán được thêm tiền, vì thế có nhiều người thích số 9 nút và còn bỏ tiền ra chạy để được số đó.

Về tệ đoan này các chủ xe thuộc mọi thành phần xã hội đều tin tưởng trong chốc lát khó mà giải thích để họ bỏ sự tin tưởng đó. Tuy nhiên trong một tài liệu nghiên cứu của Nha tôi trong 200 chiếc xe hơi gây tai nạn lưu thông có tới 29 chiếc có số 9 nút. Số lượng kể trên chứng tỏ là xe có số 9 vẫn gây ra tai nạn như các xe khác. Việc phải chạy tiền mới có số 9 nút Nha tôi đã áp dụng các biện pháp cấp số đăng bộ để đồng bào mọi giới hiểu là khó mà sắp xếp để có được số 9.

Số đăng bộ xe tự động được cấp theo lối rút thăm kể từ năm 1967 theo cách thức như sau:

.../

Mỗi ngày đúng 14 giờ 30, chủ xe tới bàn giấy phụ trách việc cấp số xe để chứng kiến việc rút thăm cấp số. Có ba vị được mời vào văn phòng để rút thăm.

Hồ sơ được sắp xếp thành một chồng theo thứ tự nộp hồ sơ của các chủ xe. Chủ xe thứ nhất kiểm soát số thứ tự xem có liên tục không để tránh việc sót hồ sơ. Sau đó chủ xe thứ nhì chia chồng hồ sơ đã kiểm soát số thứ tự ra làm ba phần không bắt buộc phải đều nhau và xếp ba chồng này riêng biệt rồi đánh số 1, 2, 3. Chủ xe thứ ba mở một hộp sắt trong đó có 3 lá thăm và bốc mỗi lần một lá. Nếu lần thứ nhất ra số ba, thì chồng số ba xếp lên đầu, bốc lần thứ nhì nếu ra số nào thì xếp chồng có số đó kế theo chồng ở trên và cứ thế mà tiếp tục.

Kế đó, sau khi bốc thăm và xếp xong nhân viên Ty Đăng Bộ đánh số liên bằng máy đánh số vào mỗi hồ sơ theo thứ tự của sự sắp xếp kể trên trước sự chứng kiến của ba đại diện chủ xe. Các chủ xe có thể biết liên số xe của mình sau việc đánh số kể trên. Ngoài ra sau mỗi lần bốc thăm cũng đều có cáo thị cho các chủ xe biết số cuối cùng trong ngày.

Như vậy việc sắp xếp trước để có số 9 hầu ăn tiền không sao thực hiện được và việc đánh số hoàn toàn do may rủi.

NDMB: Sau đây là những thắc mắc về việc sang tên xe hay xin số xe: Ông Đỗ An ở Nguyễn Thiện Thuật hỏi tại sao Nha Lộ Vận khi nhận hồ sơ lại không cấp biên nhận cho dân chúng?

G.D.L.V: Việc này không đúng là vì khi nhận một hồ sơ, đương nhiên là phải cấp biên nhận cho dân chúng.

NDMB: Ông Đỗ An cũng hỏi tại sao quý Nha không ấn định rõ bằng bố cáo trước mỗi bàn giấy về thời hạn cấp phát?

G.D.L.V: Việc này cũng không đúng vì chúng tôi luôn luôn có một bản thông cáo rất to, viết bằng sơn tường hoàng để chỉ dẫn rõ ràng cho đồng bào.

NDMB: Ông An còn hỏi phải chăng có những vụ dấu hồ sơ để làm tiền hoặc những ai không đưa tiền thì nhân viên cố tình làm sai và quý Nha dung dưỡng những kẻ môi giới, trung gian tại hành lang của quý Nha?

G.D.L.V: Nha tôi cũng nhận được đơn khiếu nại như vậy, nhưng đồng bào lại cho chúng tôi không đầy đủ chi tiết và chúng cố để chúng tôi điều tra.

Vậy nếu có những đơn thắc mắc của đồng bào chúng tôi sẽ mời những đồng bào đó đến hỏi thêm chi tiết hầu có thể giải quyết những thắc mắc đó.

NDMB: Một khách thỉnh giả xin dấu tên hỏi tại sao những người lo bảo hiểm vào văn phòng kiểm tra được dễ dàng hơn những người dân thường?

G.D.L.V: Thường, liên đoàn bảo hiểm có nhiều công việc giao dịch với cơ quan của chúng tôi chứ không phải chúng tôi có thiên vị gì đâu.

NDMB: Nói về việc thiên vị cũng có người nói rằng người Việt gốc Hoa họ buôn bán xe rất nhiều, nhất là những xe đầu giá và đến xin số thì mau lẹ trong khi người Việt đến lại bị lâu. Đây có phải là sự thiên vị không?

G.D.L.V: Trường hợp này cũng như trường hợp vừa nói, người Việt gốc Hoa thường có những công ty rất lớn nên trong những vụ đầu thầu xe phở thải thì họ có giao thiệp thường xuyên với Nha Lộ Vận để xin số những xe đó. Vì họ lui tới luôn nên đồng bào tưởng lầm là có thiên vị vậy thôi.

NDMB: Ông Lê Ngọc Kinh ở đường Nguyễn Cảnh Chân Saigon cho biết ông xin cứu xét hồ sơ xin sang tên một xe scooter mà Ty Công Chánh Vĩnh Long đã cấp giấy phép tạm. Ông Kinh đề nghị quý Nha ra một thời hạn nhất định để hoàn tất một hồ sơ hợp lệ do các tỉnh chuyển đến quý Nha và loan báo cho đồng bào biết thời hạn nói trên để họ tiện theo dõi.

.../

G.D.L.V.: Thời gian từ ngày nộp đơn tại Ty Đăng Bộ và sang tên đến ngày có thể đăng bộ tức thể chủ quyền không quá 15 ngày. Trong thời gian này, đồng bào sẽ dùng biên lai tạm thời của Ty Đăng Bộ và sang tên đi chạy xe.

Các thể lệ về việc đăng bộ và sang tên cùng thời gian cứu xét và cấp phát đã được yết thị rõ ràng tại cơ quan đăng bộ của Sở Kiểm Xa. Nếu quá thời hạn chỉ định đồng bào có quyền hỏi lý do chậm trễ và khiếu nại nếu thấy có điều gì quá đáng.

Còn vấn đề Ty Công Chánh chuyển hồ sơ về tôi, kể từ ngày mà Ty chuyển về tôi, trong vòng 15 ngày, chúng tôi sẽ hoàn tất.

NDMB: Dân chúng có thể để xin tham khảo các hồ sơ xe tự động không?

G.D.L.V.: Vấn đề này, việc hỏi tài liệu về ốp bộ xe thì chúng tôi luôn luôn cung cấp cho đồng bào nhanh chóng.

Còn việc hỏi tài liệu xe và địa chỉ, chúng tôi cũng phải xem lại coi có phải người đó hỏi để mua xe hay vì lý do gì khác. Trường hợp này, chúng tôi đòi vấn tự mua bán xe để chúng tôi người hỏi chỉ dùng kết quả trong việc mua bán xe mà thôi.

NDMB: Trong việc mua bán xe, sợ nhất là mua lầm xe gian vì không những mất xe mà còn bị bắt nữa. Vậy làm sao biết được thể đăng bộ giả hay số giả?

G.D.L.V.: Gần đây có nhiều vụ xe gian mà đồng bào có nhiều người đã mua lầm phải.

Xe gian là những xe mất cấp, kẻ gian không thể dùng bằng số cũ để bán xe sợ bị lộ, nên đã thay bằng số cũ bằng một bằng số giả. Đồng thời vì không có thể chủ quyền nên họ cũng làm luôn thể chủ quyền giả để đem bán xe. Họ đặt in các thể này giống như mẫu thể đăng bộ của Sở Kiểm Xa và làm luôn các dấu giả để đóng vào chữ ký họ cũng bắt chước chữ ký của nhân viên Sở Kiểm Xa. Các xe này họ thường bán với một giá tương đối rẻ hơn giá thị trường. Đồng bào ham rẻ thường bị mắc lừa, sau khi mua xe xong,

đem hồ sơ lại xin sang tên tại Sở Kiểm Xa bị giữ lại liền vì nơi đây có những phương pháp riêng để kiểm soát rất hữu hiệu và chắc chắn không có một thể đăng bộ giả nào có thể qua lọt được.

Trường hợp này đồng bào mua lầm xe gian, ngoài vấn đề mất tiền còn bị liên lụy vì bị coi là tòng phạm.

Vậy trong vấn đề này, để đề phòng, đồng bào nên lưu ý các điểm sau đây:

1. Đừng nên ham mua xe bán với giá quá rẻ.
2. Nên xem kỹ thể chủ quyền, nếu có vết tẩy xóa, nên nghi ngờ ngay và đến hỏi tại Sở Kiểm Xa để xin xác nhận.
3. Trong mọi trường hợp, muốn cẩn thận dù không có dấu hiệu gì khả nghi cũng nên hỏi lại để tránh trường hợp mua lầm xe gian hoặc xe đã bị ốp bộ.

NDMB: Nếu có ai lấy một số xe bất kỳ xe nào đó ví dụ lấy số xe lambretta để gắn lên xe hơi để chạy thì làm sao Cảnh Sát công lộ biết được xe đó là xe gian?

G.D.L.V: Trường hợp này, nếu xe đó đang chạy thì không sao biết được thực hay giả. Việc làm giả này chỉ bại lộ khi xe đó vi phạm luật lệ lưu thông hay gây ra tai nạn bị Cảnh Sát Công Lộ lập biên bản hay biên phạt.

Trong lúc hỏi cung, hoặc vì không có thể chủ quyền hợp lệ, hoặc vì lúng túng sợ sệt nên Cảnh Sát mới khả nghi và cho điều tra thêm và tìm ra sự giả mạo.

Tại nhiều nước trên thế giới, mỗi năm khi chủ xe đóng thuế lưu hành xe, được phát một bảng số xe mới do Chánh phủ làm nếu làm không đúng mẫu mực của chánh phủ thì Cảnh Sát nhận ra ngay.

Ở nước ta, nếu làm như vậy thì kẻ gian cũng vẫn làm giả và khi xe chạy cũng rất khó mà tìm ra được.

.../

NDMB: Saigon có lẽ là thủ đô độc nhất thế giới không ô tô buýt. Mới đây nghe nói chánh phủ Nhật viện trợ Việt Nam Cộng Hòa 200 chiếc buýt Nha Lộ Vận có trách nhiệm nào trong vấn đề này không?

G.D.L.V: Đúng vậy, Saigon hiện nay là thủ đô độc nhất trên thế giới không có ô tô buýt. Với một dân số 2.000.000 người việc chuyên chở tại Saigon hiện nay do 4.500 xe taxi, 3.600 xe lam, 2.500 xe xích lô máy và 250.000 xe gắn máy và máy dầu.

Sở dĩ Saigon hiện nay chưa có một hệ thống xe buýt là vì công quản xe buýt quá lổ đã bị giải tán từ năm 1968. Sau khi Công quản Xe Buýt giải tán Chánh phủ quyết định cho tư nhân đấu thầu khai thác xe buýt. Việc đấu thầu đã được thực hiện từ năm 1969 đến nay cả thảy cũng bốn lần nhưng vẫn chưa có kết quả, vì lẽ các giới vận tải Việt Nam tính toán quá kỹ nên không sốt sắng tham gia, có lần không có ai dự thầu, có lần chỉ có một người tham dự.

Việc tổ chức xe buýt hiện nay được giao cho Tòa Đô Chánh. Tuy nhiên trên bình diện vận tải đường bộ, việc chuyên chở hành khách bằng xe buýt là hình thức chuyên chở đại chúng tại thành thị cùng các xe đò là loại chuyên chở đại chúng liên tỉnh.

Các loại chuyên chở này đều thuộc thẩm quyền của Bộ Giao Thông và Bưu Điện nói chung và Nha Lộ Vận nói riêng, về phần kiểm soát cũng như về phần cước phí.

Vì lẽ đó Nha tôi cũng đã nghiên cứu các biện pháp để giải tỏa ứ nghẹt lưu thông tại Saigon, trong đó có giải pháp tổ chức một hệ thống xe buýt cho Đô Thành. Theo sự nghiên cứu này thì Đô thành phải có ít nhất là 2.000 xe buýt mới đủ cung ứng cho nhu cầu di chuyển của 2.000.000 đồng bào. Việc thiết lập hệ thống này không phải một hay hai năm mà làm xong, nhanh cũng phải mất năm năm mới hoàn tất. Trong năm đầu chỉ nên tái lập với số lượng cũ khoảng 200 xe buýt.

Về số 200 xe buýt do Chánh phủ Nhật viện trợ Nha tôi được biết Chánh phủ Việt Nam yêu cầu Nhật viện trợ một số xe buýt, Chánh phủ Nhật đang nghiên cứu vấn đề nhưng chưa trả lời

chánh thức. Tuy nhiên cũng có nhiều hy vọng, vì Chánh phủ Nhật đã quan tâm tới vấn đề kể trên.

NDMB: Thưa Ông Giám Đốc, đây là một số câu hỏi của các Việt kiều hồi hương có xe honda, xin cho miễn thuế để có thể đăng bộ và lưu thông hợp lệ các xe honda có giấy hợp lệ tại Căm Bốt.

Thư của một khán thỉnh giả không đề tên cho biết Bộ Tài Chánh và Tổng Nha Quan Thuế vừa ký nghị định bắt đóng thuế các xe Việt kiều đem về như các xe nhập cảng.

Xin Chánh phủ phân biệt số xe là tài sản chạy giặc và xe nhập cảng để buôn bán.

Thư của Ông Nguyễn Bá Yên, cư ngụ đường Tôn Thất Thiệp Quận 11 Saigon. Đề nghị Chánh phủ cho đóng thuế nhẹ hơn, một cách tương xứng với khả năng người đóng thuế.

Thư của Ông Đoàn Hồng Diệu, ngụ tại số 81 đường Trần Kế Xương Ấp Đông Ba, Gia Định là một trong số 84 Việt Kiều hồi hương theo đoàn xe của Chánh phủ và quân đội VNCH tổ chức và hộ tống ngày 8.8.1970 ông Diệu đem về một chiếc xe Jeep capot thấp rất cũ có giấy tờ chứng nhận nhưng hiện không dám lưu thông vì chưa đăng bộ và đóng thuế.

Vậy xin Ông Giám Đốc trả lời những câu hỏi này cho đồng bào Việt kiều hồi hương được biết.

G.D.L.V: Một số Việt kiều khi hồi hương mang xe theo về các xe này mang bảng số của Căm Bốt. Theo các thể lệ hiện hành, các xe này được coi như xe tạm nhập tức là được mang bảng số củ chạy trong một thời gian ba tháng, và sau đó được gia hạn thêm ba tháng nữa, sau khi đã làm một số thủ tục với quan thuế và khai tại Nha Lộ Vận.

Sau thời gian sáu tháng, nếu đồng bào muốn đem xe về Căm Bốt thì lại làm một số thủ tục để mang xe ra khỏi nước. Như vậy xe vẫn giữ nguyên số củ và không phải đóng thuế gì cả.

Trái lại, nếu muốn lưu hành hẳn ở Việt Nam trong thời gian sáu tháng kể trên đồng bào phải lo ngay việc lập hồ sơ và thủ tục để xin số đăng bộ ở Việt Nam và nộp đủ các thứ thuế như một xe tạm nhập hoàn thuế.

.../

Vì số tiền thuế quá cao, nên nhiều đồng bào hồi hương không có đủ tiền để đóng hoặc không muốn đóng nên có xin Chính phủ miễn thuế hoặc giảm thuế vì trường hợp đặc biệt của mình.

Chính phủ đã nghiên cứu vấn đề này nhưng vì để tránh trường hợp một số con buôn lợi dụng buôn xe ở Căm Bốt về và mạo danh đồng bào hồi hương để trục lợi hay một số xe ăn cắp ở Căm Bốt làm thẻ đăng bộ giả mang tên đồng bào hồi hương để hưởng biện pháp giảm thuế nên đã chỉ thị cho Bộ Giao Thông Bưu Điện, Bộ Tài Chánh và Bộ Kinh Tế nghiên cứu kỹ vấn đề và để tránh sự lợi dụng. Ủy ban liên bộ sẽ họp trong tuần sau để cứu xét vấn đề.

NDMB: Chúng tôi có nghe nói Bộ Quốc Phòng muốn thâu hồi những xe Jeep-lùn lại và không muốn để Nha Lộ Vận cho đăng bộ những xe đó, việc này đúng không?

G.D.L.V: Chúng tôi nhận được thông tư của Bộ Quốc Phòng cho biết là không được đăng bộ những xe Jeep-lùn vì có một số lớn xe của Quân Đội bị đánh cắp đem ra ngoài và Bộ Quốc Phòng có ý đề nghị sẽ mua lại những xe đó nhưng việc này chưa thực hiện vì vấn đề này phức tạp vô cùng về vấn đề giá cả nên ý định này không thành.

NDMB: Nhưng có phải rằng trong tương lai sẽ không cho đăng bộ những xe Jeep-lùn nữa phải không?

G.D.L.V: Việc này chưa có luật lệ gì cấm việc đăng bộ xe Jeep-lùn cả.

NDMB: Còn những xe số X và số T là một loại số đặc biệt cũng như các loại số NG, LS. Những xe này nếu mua thì gặp những trở ngại nào?

G.D.L.V: Số T dành riêng cho các nhân viên ngoại quốc được hưởng quy chế hành chánh của các phái đoàn ngoại giao, các chuyên viên ngoại quốc được hưởng quyền đặc miễn theo hiệp ước quốc tế hay hiệp ước song phương.

Những xe này được miễn thuế quan và thuế lưu hành. Số X dành riêng cho các hãng thầu với Chính Phủ Hoa Kỳ và làm các công tác ở Việt Nam, các cơ quan xã hội và cứu trợ quốc tế làm việc tại Việt Nam.

Xe chủ X được miễn thuế quan nhưng phải đóng thuế lưu hành.

Chế độ đặc miễn cho các xe số T và X chỉ dành riêng cho người được quyền thụ hưởng trong suốt thời gian lưu ngụ tại Việt Nam. Khi mãn nhiệm kỳ phục vụ và rời khỏi Việt Nam, các xe này được họ mang theo về. Còn nếu muốn bán thì phải xin phép Bộ Ngoại Giao và Bộ Tài Chánh và đóng đủ các sắc thuế trước khi giao xe.

Nếu bán cho người không được quyền thụ hưởng chế độ hoãn thuế, xe phải đăng bộ sang số thường và làm đầy đủ các thủ tục như một chiếc xe nhập cảng không ngoại tệ. Vì lẽ đó, xe số T và số X vì chưa đóng thuế nên bán ra thường rất rẻ vào khoảng 500.000\$, xe trị giá trên một triệu đồng bạc. Một số đồng bào mua xe để dùng, phần thì không có tiền để nộp thuế, phần thì thuế nhiều chưa muốn trả, nên không chịu lập hồ sơ xin sang tên và đổi số ngay cứ để bằng số cũ, để chạy nện thường chặn bắt và phạt vì lẽ số T và số X chỉ dùng cho một số ngoại kiều mà thôi.

NDMB: Một khán thính giả hỏi tại sao khi mua một xe hai bánh quá cũ mà cũng phải làm nhiều giấy tờ phiền phức?

G.D.L.V: Xe hai bánh do Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát đăng bộ. Theo chỗ tôi biết, Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát căn cứ theo các thể lệ bán xe của những xe hai bánh trên 50 phân khối của Sở Kiểm Xa hiện nay phụ trách. Chúng nào Nhà tôi phụ trách việc đăng bộ các xe gắn máy dưới 50 phân khối, chúng tôi sẽ nghiên cứu lại thủ tục và thể lệ để xem có giảm thiểu được phần nào.

NDMB: Thưa Ông Giám Đốc, có phải vì số xe gắn máy trên 700.000 chiếc mà Nhà Lộ Vận phải giao cho Cảnh Sát lo đăng bộ các xe?

.../

G.D.L.V: Đúng như vậy. Nha Lộ Vận thành lập vào cuối năm 1968. Lúc đó, đã có trên 500.000 xe loại này lưu hành ở Việt Nam. Vì tổ chức còn mới mẻ, nhân viên cũng khiêm khuyết mà công việc đăng bộ quá lớn lao nên Bộ Giao Thông Vận Tải hồi đó có nhờ Tổng Nha Cảnh Sát phụ trách.

Tới nay, tổng số xe gắn máy và máy dầu do Tổng Nha Cảnh sát phụ trách đăng bộ đã lên tới 740.000 xe trên toàn quốc và riêng ở Đ. Thành tới 250.000 chiếc.

Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát đã nêu vấn đề giao trả việc đăng bộ xe này cho Bộ Giao Thông và Bưu Điện. Nhận thấy việc giao trả kể trên hợp lý và thuộc thẩm quyền của Nha Lộ Vận, hơn nữa các tổ chức của Nha Lộ Vận đã thành lập xong nên Nha Lộ Vận đã đề nghị với Bộ nhận lãnh công tác kể trên. Việc bàn giao sẽ thực hiện kể từ 1972 và kết thúc vào tháng 7.72.

NDMB: Một khán thính giả khác đề nghị không nên cho các salon xe hơi làm giấy ủy quyền vì đó là một hình thức trốn thuế.

G.D.L.V: Salon xe hơi là một cơ quan trung gian để mua bán xe cũ. Hiện nay không có cách gì cấm người ta làm giấy ủy quyền được. Hơn nữa, việc trốn thuế nằm trong thẩm quyền của Bộ Tài Chánh.

NDMB: Thưa Ông Giám Đốc, bây giờ chúng tôi xin bàn về vấn đề thi bằng lái xe. Việc sát hạch thi bằng lái xe có bảo đảm cho an ninh công cộng không? Và cũng có nhiều người dị nghị về việc thi bằng lái xe chẳng hạn người thi bằng lái xe bị nhà trường bắt đóng tiền quá nhiều. Vì lệ phí chỉ trên dưới 1.000\$ mà họ phải đóng 8.000\$ nói là để cho giám khảo.

Bà Huỳnh Thị Nhung ở Cư xá Lê Đại Hành Chợ Lớn hỏi: Tại sao xe đăng bộ ở một trung tâm đăng bộ khác, được đổi số và tái đăng bộ tại Saigon được mà bằng lái xe ở trung tâm khác xin cái bộ về Saigon lại không được?

Một khán thính giả 또 tên là Minh và ông Lê Thương Hiền, cư ngụ ở đường Công Lý Saigon hỏi: Tại sao bằng lái xe tự động

.../

chỉ có hiệu lực trong thời hạn năm năm. Sau khi mãn hạn, người có bằng lái xe phải đi đổi bằng lái ở đâu, thủ tục như thế nào? Ông Hiền hỏi thêm: Nha Lộ Vận dựa trên căn bản pháp lý nào mà không còn cấp bằng lái xe có hiệu lực vĩnh viễn như xưa?

Ông Lê Văn Xây, ở Bến Phạm Thế Hiển Saigon hỏi: Tại sao học phí mỗi trường dạy lái xe khác nhau lại phải thêm từ 2.000\$ đến 3.000\$ để được bao đậu. Và như vậy, những người có tiền bạc được đậu nhưng chắc gì họ lái xe giỏi?

G.D.L.V: Việc thi bằng lái xe được chia ra làm hai phần: phần lý thuyết và phần thực hành. Phải đậu cả hai phần mới được cấp phát bằng và bằng môn nào, kỳ này thi kỳ sau chỉ phải thi lại môn đó mà thôi.

Đến ngày thi, mới rút thăm các giám khảo để biết vị nào chấm môn nào. Đầu bài cũng được rút thăm trước khi thi. Sau khi rút thăm xong, đầu bài được phát liền cho thí sinh thi ngay. Các giám khảo chấm bài ngay tại chỗ và phải chấm xong nội ngày không được mang về nhà.

Về thực hành, thi công khai tại bãi trước Sân Vận Động Cộng Hòa. Thí sinh nào làm đổ cọc, hay leo lề hay đậu quá xa lề hay vi phạm luật lệ lưu thông khi chạy đường trường là bị rớt liền.

Còn về việc bằng lái xe do Nha tôi cấp phát, có bảo đảm cho an ninh công cộng không, vấn đề đó hơi phức tạp. Trước hết chúng ta cần biết rõ những nguyên nhân thường gây ra tai nạn lưu thông có thể do các sự việc sau đây:

- Vụng về khi lái xe
- Phản ứng chậm khi sắp xảy ra tai nạn.
- Chạy nhanh hay khinh thường để khi tai nạn xảy ra không tránh kịp.

Về loại thứ nhất, các tài xế mới lãnh bằng thường hay gây ra vì những người này chưa có kinh nghiệm nên khi lái xe còn vụng về. Tuy nhiên, họ lại rất cẩn thận chạy rất chậm nên cũng ít gây ra tai nạn, và nếu có tai nạn cũng không quan trọng.

.../

Về loại thứ hai, phản ứng trước tai nạn phần nhiều tùy thuộc cá tính của người lái, có người lái xe rất lâu năm, nhưng đứng trước một tình thế cấp bách lại phản ứng rất chậm hay là có những phản ứng không thích hợp khiến tai nạn xảy ra.

Về loại thứ ba, thường những người lái xe lâu năm và có kinh nghiệm thường hay mắc phải tật quá tự tin ở tài lái của mình, những người này thường chạy xe quá mau, rồi khi tai nạn xảy ra không lách kịp. Tai nạn thường quan trọng.

Như vậy thì việc gây ra tai nạn lưu thông không phải chỉ do người mới đổi bằng lái, mà do tất cả các tài xế dù mới hay cũ. Tại nhiều nước người ta mới đổi bằng lái khi lái xe phải dán trước kính xe chữ tập sự để mọi người lái xe khác biết mà đề phòng. Thời gian tập sự có nơi sáu tháng, có nơi một năm.

Hiện nay trên toàn quốc có năm Trung Tâm thi lái xe chính là Saigon, Dalat, Nha Trang Đà Nẵng và Cần Thơ. Các Trung Tâm này tổ chức các kỳ thi lái xe định kỳ cho tất cả mọi người và cấp phát tất cả các loại bằng lái.

Ngoài ra tại các tỉnh đều có tổ chức thi lái xe nhưng chỉ dành riêng cho quân nhân và công chức vì bận công vụ không thể về các trung tâm dự thi được và chỉ tổ chức thi lấy bằng lái xe dự lịch và máy dầu mà thôi.

Trong năm 1970 tổng số thí sinh thi lấy bằng lái trên toàn quốc là 70.000, riêng tại Saigon số thí sinh là 52.000 tức 74% tổng số thí sinh trên toàn quốc.

Tổng số bằng lái cấp phát trên toàn quốc tới nay là 530.000 bằng. Mười năm gần đây, từ 1961 đến 1970, số bằng lái cấp ra là 291.000 vậy trung bình 29.000 bằng lái mỗi năm.

Nha tôi dự trù với nhịp độ bằng lái phát ra hiện nay mỗi năm 37.000 chiếc, tới năm 1980 số bằng lái xe lên tới 870.000, so với số xe tự động dự trù lúc đó là 650.000 xe tỷ số trên chỉ là 1,33.

NDMB: Xin Ông Giám Đốc nói về việc bạo đẩu và những giá cả do trường dạy lái xe ấn định.

.../

G.D.L.V: Theo quy chế các trường dạy lái xe các trường này được coi như các trường tư được Bộ Quốc Gia Giáo Dục cấp giấy phép mở trường, kiểm soát và thanh tra.

Cũng như mọi tư thực khác, vấn đề học phí tùy theo tổ chức trường sở, uy tín của các huấn luyện viên, dụng cụ, trang bị của nhà trường nên giá biểu học phí không đồng đều và khác nhau.

Học phí hiện giờ trung bình vào khoảng 3.000\$ hay 4.000\$ một học khóa. Học viên nào phải trả tới 8.000\$ là trả quá giá. Còn việc bảo phải trả quá giá đe cho các giám khảo chỉ là một nguồn tin không có căn cứ. Nhà tôi cũng thỉnh thoảng nhận được một vài thư tố cáo các giám khảo ăn tiền nhưng hầu hết không nêu được bằng chứng nên cuộc điều tra không có kết quả.

Tuy nhiên, chúng tôi cũng đã tìm mọi cách để ngăn chặn việc giám khảo có thể lấy tiền, thiên vị...

CHUYÊN CHỖ CÔNG CỘNG TẠI SAIGON

Phát Hình Ngày 17.10.1971

Kỹ Sư BỬU HIỆP, Phụ Tá Chuyên Môn Đô Trưởng Saigon năm nay 46 tuổi, quê tại Huế, kỹ sư công chánh, đã phục vụ nhiều năm trong ngành công chánh. Từ năm 1967 đến 1970 ông là Chánh Sự Vụ Sở Công Chánh Đô Thành. Hiện là Phụ Tá Chuyên Môn Đô Trưởng, điều khiển các Sở Công Chánh, Thiết Kế, Vệ Sinh, Y Tế, Múc Súc, Cứu Hỏa, hai phòng Trồng Tĩa và Công Xưởng Đô Thành.

NDMB: Xin Ông Phụ Tá cho biết quan điểm chung của Tòa Đô Chánh đối với vấn đề chuyên chỗ công cộng cho dân chúng trong Đô Thành?

O. Bửu Hiệp: Vấn đề chuyên chỗ công cộng tại Đô thành là một vấn đề mà Tòa Đô Chánh rất quan tâm vì tính cách đặc biệt quan trọng của nó. Hiện tại Đô Thành có khoảng 3.500 tắc xi đang lưu hành, 60 xe lô du khách, 60 xe chuyên chở học sinh, 1.800 xe lam số hông chữ S, 300 xe lam số hông chữ G, 2.500 xe xích lô máy và 5.500 xe xích lô đạp, 250.000 xe gắn máy.

Tắc xi đang sử dụng, phần nhiều là loại xe Renault 4 ngựa, ở vào tình trạng cũ, có thể chở được ba người. Riêng xe

.../

làm chỗ được tám người chỗ ngồi tuy không được thoải mái cho lắm, song trong khi chưa có xe buýt thì xe làm lại là phương tiện chuyên chở hợp ý cho dân chúng vì rẻ tiền và để kiếm xe.

Xe xích lô máy xả khói nhiều và gây tiếng động ồn ào, còn xích lô đạp không thấy gì là tiến bộ.

Đối với số lượng xe cộ và tình trạng xe cộ mà chúng tôi vừa trình bày, thì vấn đề chuyên chở công cộng tại Đô Thành còn quá thô sơ. Đô thành không có một hệ thống xe buýt có thể chở được nhiều hành khách, chứ chưa nói đến xe điện ngầm dưới đất, hay xe lửa trên cao mà phần nhiều các nước tân tiến đều đã có đầy đủ. Dân số Đô thành lại khá cao khoảng 2.200.000 người, dịch vụ chuyên vận lại yếu kém. Vấn đề đặt ra cho Đô thành một hệ thống xe buýt để phục vụ dân chúng thủ đô có lẽ đã chín mùi và đã đến lúc phải giải quyết.

NDMB: Trước khi bàn tới xe buýt mới, chúng tôi xin bàn về việc Công Quản Xe Buýt cũ. Một khán thính giả ký tên là "một cựu công nhân" của CQXB cũ, nói rằng tại sao Tòa Đô Chánh lại đóng cửa hàng xe buýt cũ. Nếu cho rằng vì lỗi là thì tại sao chánh phủ lại trợ cấp cho Sở Hỏa Xa, trong khi ấy công nhân xe buýt hơn 600 người đã bị thất nghiệp. Xin Ông Phụ tá cho biết về vấn đề này?

Ô. Bửu Hiệp: Theo ý kiến riêng của chúng tôi, CQXB do sự điều hành và quản trị chưa được kinh nghiệm nên hằng tháng bị lỗ lã quá nhiều. Trong khi đó giám sát đô thành không đủ để đài thọ cho sự lỗ lã này đã phải đi đến chỗ giải tán.

Còn Hỏa Xa là một ngành chuyên chở vô cùng quan trọng nên dù lỗ lã, chánh phủ cũng có thể tài trợ được.

NDMB: CQXB cũ mỗi tháng lỗ bao nhiêu?

Ô. Bửu Hiệp: CQXB trước đây đã được Tòa Đô Chánh đền bù sự lỗ lã mỗi tháng từ 5 đến 8 triệu đồng?

.../

NDMB: Những khó khăn nào làm trở ngại việc thành lập một hệ thống ô tô buýt điều hòa tại Saigon?

Ô. Bửu Hiệp: Trước đây Đô thành đã có CQXB, song Công Quán bị lo là nặng nề, và sau đây đành đi đến chỗ giải tán.

Trong khi đó, vì nhu cầu tình thế, một số xe lam, do nhiều nghiệp đoàn chỉ huy, được ra đời để bổ khuyết chỗ trống của xe buýt. Giải pháp xử dụng xe lam chỉ là giải pháp tạm thời, việc cải tiến chuyên chở công cộng vẫn là việc phải xử dụng xe buýt. Song Tòa Đô Chánh gặp phải một trở ngại và khó khăn như sau:

1. Chưa thể lập lại một cơ cấu xe buýt do Chánh phủ đảm trách vì cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng, dự trù một ngân khoản lớn và phải có một ban quản trị đầy đủ khả năng.

2. Một vài tư nhân có vốn, có kinh nghiệm muốn đầu tư và tham dự các cuộc đấu thầu để lưu hành xe buýt song vấp phải sự chống đối mãnh liệt của các nghiệp đoàn.

3. Về phần nghiệp đoàn, thì thuộc nhiều hệ thống chỉ huy khác nhau, một số đã sẵn sàng qua các sự khuyến khích và nâng đỡ của Tòa Đô Chánh, một số chưa có đầy đủ khả năng tài chánh để tạo lập xe buýt, một số đang hoạch định chương trình xin lưu hành xe buýt và xin chánh quyền chờ đợi, và hầu hết đều có ý tham gia vào kế hoạch lưu hành xe buýt trong Đô thành hiện nay.

NDMB: Tòa Đô Chánh đang có những kế hoạch nào để giải quyết vấn đề này?

Ô. Bửu Hiệp: Tòa Đô Chánh đã tiếp xúc với nhiều công ty tư nhân, và nhiều nghiệp đoàn để tìm hiểu những nguyện vọng và các đề nghị thiết thực của từng nơi về vấn đề lưu hành xe buýt và sau đây là 16 nghiệp đoàn và công ty tư nhân mà Tòa Đô Chánh đã tiếp xúc:

1. Nghiệp đoàn tài xế xe lam độc lập.

.../

2. Nghiệp đoàn tài xế xe lam 3 bánh và xích lô máy Saigon-Gia Định

3. Nghiệp đoàn công nhân xích lô máy, xe lam và vespa Saigon-Gia Định

4. Nghiệp đoàn công nhân xích lô máy và tự động xe Saigon-Gia Định

5. Công ty chuyên chở công cộng thuộc Tổng Công Đoàn Tự Do Việt Nam.

6. Liên đoàn hữu sản hóa xe lam Đợt Tự Chủ, Tự Cường và Tự Lập

7. Ủy ban Thống nhất Tranh Đấu Quyền Sống Xe Lam Saigon-Gia Định

8. Các tư nhân hành nghề cho thuê xích lô đạp.

9. Công ty Chuyên Chở Việt Nam

10. Hãng Sovitrama

11. Hãng xe Thuận Hiệp

12. Lực lượng Nhân Dân Kiến Quốc

13. Hội Ái Hữu Thương Phế Binh

14. Hội Chuyên Nghiệp Vận Tải Đường Bộ

15. Hãng Xe Buýt Vàng.

16. Nghiệp Đoàn Công Nhân Xe Xích Lô đạp.

NDMB: Kết quả của các cuộc tiếp xúc đó?

0. Bưu Hiệp: Một buổi họp đầu tiên đã được triệu tập vào ngày 25.8.1971, có nhiều nghiệp đoàn tham dự. Trong buổi họp này, Tòa Đô Chánh đã thiết tha lưu ý các nghiệp đoàn sự khiêm tốn một hệ thống xe buýt tại Saigon, và đó là một sự thiệt thòi to lớn cho trên hai triệu dân chúng thủ đô trong vấn đề chuyên vận đồng thời kêu gọi các nghiệp đoàn trên tinh thần tương thân tương trợ, đoàn kết dung hòa quyền lợi của mỗi bên để tránh các xung đột có hại cho công cuộc xây dựng chung.

Các Nghiệp đoàn cũng đã thuận ý và cùng phân chia lộ trình làm thế nào để một lộ trình trước đã có xe lam của nghiệp đoàn này chạy thì sau khi thành lập công ty xe buýt, nghiệp đoàn đó được tiếp tục cho xe buýt lưu hành trên lộ trình cũ.

Lấy một ví dụ cụ thể, như trên lộ trình Saigon-Gia Định, trước đây có 2 nghiệp đoàn khai thác xe lam là nghiệp đoàn thuộc Tổng Công Đoàn Lao Công có xe chạy đến Gò Vấp, thì nay Tòa Đô Chánh sẽ thuận ý để hai nghiệp đoàn trên tiếp tục khai thác xe buýt thay thế xe lam.

Các lộ trình khác như Saigon-Phú Mỹ-Gia Định, Saigon-Trần Hưng Đạo Chợ Lớn, Saigon- Lăng Cha Cả, Saigon- Ngã Sáu, Ngã Bảy, Chợ Lớn, cũng được phân chia cho các nghiệp đoàn trên tinh thần nói trên.

NDMB: Xin Ông cho biết qua về dự án xe buýt của Tổng Công Đoàn Tự Do như thế nào?

O. Bửu Hiệp: Gần đây nhất, Tòa Đô Chánh nhận được dự án của hai nghiệp đoàn, đó là Tổng Công Đoàn Tự Do xin thành lập Công Ty Chuyên Chở Công Cộng và Nghiệp đoàn Công Nhân Xích Lô Máy, Xe Lam và Vespa Saigon-Gia Định.

Theo dự án của Công Ty Chuyên Chở Công Cộng của Tổng Công Đoàn Tự Do, sẽ xin lưu hành một loại xe buýt khoảng 350 chiếc hiệu Isuzu Diesel (hiệu màu nâu xám) hiện nay đang được sử dụng để chuyên chở nhân viên quân sự Huế Kỳ. Xe này chở được 36 người có chỗ ngồi rộng rãi, ngoài ra có thể chở thêm từ 15 đến 20 người đứng.

Công ty có thể cho lưu hành ngay 100 chiếc, khi được cơ quan hữu trách chấp thuận đợt hai, 150 chiếc có thể lưu hành trước 1.1.1972 và 100 chiếc còn lại sẽ cho lưu hành sau 4 tháng.

Công ty đang xin hợp thức hóa, xin miễn trừ một vài thuế xuất trong việc lập thủ tục hữu sản hóa, và xin chạy vài lộ trình qua Gia Định.

NDMB: Còn dự án thứ hai của Nghiệp Đoàn Công Nhân Xích Lô Máy?

.../

O. Bửu Hiệp: Dự án thứ hai do Nghiệp Đoàn Công Nhân Xích lô máy, Xe Lam và Vespa Saigon-Gia Định đệ trình.

Nghiệp đoàn này đã nêu ra các nhược điểm của xe lam, như máy chạy 2-thứ, xả khói nhiều, cản trở lưu thông, chỗ ngồi chật hẹp, phụ tùng khó kiếm, thiếu an toàn vì chỉ có 3 bánh, thiếu thêm máy và đề nghị đưa sử dụng một loại microbus, loại xe Club Wagon của hãng Ford có thể chở được 28 chỗ ngồi với các đặc điểm là ghế ngồi tiện lợi và an toàn. Về giá cả thì một chiếc xe này khoảng 1.600.000\$. Hãng Ford cũng đã thương lượng để bớt cho nghiệp đoàn 200.000\$ mỗi chiếc.

Nghiệp đoàn xin Tòa Đô Chánh can thiệp với Bộ Kinh Tế để được miễn thuế suất quân bình, cho nợ lại khoản thuế kiễm ước, khi ấy giá xe chỉ còn lại 860.000\$ và 2,3 đoàn viên có thể bán xe lam hiện tại để mua microbus. Nghiệp đoàn cho biết nếu được Bộ Kinh Tế chấp thuận điều khoản này, thì đợt xe microbus đầu tiên khoảng 200 chiếc sẽ được lưu hành tại Saigon vào ba tháng đầu năm 1972 và sau đó sẽ có các đợt kế tiếp.

NDMB: Thưa Ông Phụ Tá nếu trong trường hợp những dự án vừa nói được chấp thuận, Em Trần Văn Dũng, trưởng Chu Văn An và Ông Trần Văn Dân ở Lê Văn Duyệt, Chí Hòa hỏi bao giờ chúng ta sẽ có xe buýt.

O. Bửu Hiệp: Trước đơn xin của Công Ty Chuyên Chở Công Cộng của Tổng Công Đoàn Tự Do và đơn xin của Nghiệp đoàn Công nhân Xích lô máy, Xe lam và Vespa Saigon-Gia Định, Tòa Đô Chánh đã có văn thư trình Bộ Kinh Tế ngày 16.8.1971 xin thỏa hiệp việc miễn vài sắc thuế cho Nghiệp đoàn, Tòa Đô Chánh cũng đã có văn thư gửi Tòa Hành Chánh Gia Định để ngày 27.9.1971 xin thỏa hiệp để các đoàn xe của Nghiệp đoàn được chạy qua vùng Gia Định. Vậy nếu công việc tiến hành tốt đẹp, các đoàn xe buýt đầu tiên sẽ xuất hiện, vào đầu năm 1972 và khi ấy mong rằng dân chúng thủ đô sẽ có phương tiện di chuyển dễ dàng, chỗ ngồi thoải mái, rộng rãi, an toàn.

.../

NDMB: Cựu Trung Sĩ Dương Văn Nguyễn, thương phế binh loại 2 vĩnh viễn, trên 18 năm quân ngũ, hiện ở hẻm 359/12 Trường Minh Giảng than phiền rằng khi ông ta ra nghề mua một chiếc xe lam với giá 820.000\$ và bây giờ xe buýt sắp ra thì xe buýt sẽ làm cho các giới xe lam khôn khổ. Ông ta nói xe buýt ra là do tư bản trục lợi, tính bóp chết dân nghèo và giới xe lam phải không?

Ô. Bửu Hiệp: Như chúng tôi đã trình bày Đại Tá Đỗ Trường đã thỏa hiệp để các nghiệp đoàn đổ ra xe buýt thay thế xe lam, và Nghiệp Đoàn Công Nhân Xe Vespa, Xe Lam Saigon-Gia Định cho biết rằng 3, 4 đoàn viên của nghiệp đoàn sẽ bán xe lam và hùn tiền để mua một xe buýt. Như vậy thì ông Nguyễn có thể cũng bán xe lam, hùn tiền để mua xe microbus và tiếp tục hành nghề.

NDMB: Giới xe lam cũng có công rất nhiều với Đô thành trong lúc không có xe buýt. Nhưng Bà Văn Thị Ích tự Tư Róm ở Cư xá Hòa xa Phan Thanh Gian than phiền về thái độ khinh thường hành khách của tài xế xe lam. Như một khi xe ngừng, bà nói: "Tôi chưa kịp xuống, tài xế đã chạy nên tôi bị chúi nhủi". Tiền trả thì không được thối lại, có người than phiền rằng xe lam luôn luôn lấy quá giá.

Ô. Bửu Hiệp: Chúng tôi đồng ý là sự than phiền của đồng bào có phần chính xác. Một vài tài xế xe lam có thể có thái độ không được chiều khách.

Về việc lấy quá giá thì cảnh sát cũng thường có những biện pháp thích nghi để ngăn chặn việc này.

NDMB: Còn việc kiểm soát các xe tắc xi trong Đô thành thuộc thẩm quyền của Nha Lộ Vận hay Tòa Đô Chánh.

Ô. Bửu Hiệp: Việc kiểm soát Xe tắc xi trong Đô Thành thuộc thẩm quyền Tòa Đô Chánh.

Các loại xe tắc xi được kiểm soát mỗi năm hai kỳ do một ủy ban gồm đại diện Bộ Chỉ Huy Cảnh Sát Thủ Đô, Sở Cảnh Sát Lưu Thông, Sở Công Chánh Đô Thành, Phòng Công Xưởng và do Phụ Tá Chuyên Môn Tòa Đô Chánh làm chủ tịch ủy ban.

Xe tắc xi được kiểm soát về hai phương diện: giấy tờ, thẩm mỹ và kỹ thuật.

Về giấy tờ, xe tắc xi phải có thẻ chủ quyền, sổ lưu thông, sổ thuế bến, giấy phép khai thác, thuế lưu hành, thuế môn bài, bảo hiểm, sổ hành nghề, sổ cho mượn. Về thẩm mỹ và kỹ thuật, xe được kiểm soát việc sơn xe cho đẹp, thùng xe không mốp, không tróc sơn, nệm, mui không rách, chỗ ngồi êm ái. Đèn xe, kèn xe đều phải được tốt. Đồng hồ xe nhảy đúng giá tiền, bể cở 22\$, và mỗi cây số 20\$. Theo giá biểu hiện nay một cuộc xe tối thiểu giá 60\$, neo xe một giờ giá 160\$, xe chạy từ 22 giờ trở lên 5 giờ sáng, cũng như chạy ra ngoại ô, được tính thêm 50%.

Ủy ban xét xe làm việc theo những tiêu chuẩn đã được công khai hóa, nên ít sự khiếu nại.

NDMB: Dân chúng than phiền rất nhiều về tắc xi như gọi không tới, không vận đồng hồ, xe hư giữa đường, kiểm xe không ra. Xin ông cho biết ý kiến.

O. Bửu Hiệp: Như đã trình bày trên, số lượng xe tắc xi vào khoảng 3.500 chiếc đang lưu hành ở Saigon. Số lượng xe nói trên phần nhiều là cũ, nên thỉnh thoảng vẫn nằm đường và vì số lượng ít tương đối với dân số đô thành nên khi dân chúng chờ đợi thật lâu vẫn chưa có xe đi, hoặc địa điểm dân chúng đợi xe không nằm trên trục lộ chính.

Về việc tài xế tắc xi bị chỉ trích không bể cở, ấy chắc là một vài tắc xi lẻ tẻ, chứ theo chỗ chúng tôi dò hỏi, thì phần đông tắc xi đều có bể cở. Xe tắc xi chạy bây giờ cũng không được đắt mỗi như trước. Tài xế tắc xi mỗi ngày phải thuê xe khoảng 800\$ tiền xăng nhất 300\$, ăn uống dọc đường 100\$. Nếu chạy một ngày được khoảng 1.800\$ hay 2.000\$, trừ tiền tổn phí còn đem về gia đình được từ 600\$ đến 800\$ một ngày.

Đôi khi tài xế cũng có chạy theo lối thương lượng giá xe với khách, việc này tất nhiên không được chấp thuận, song khách Việt Nam thường dễ dãi, miễn sao không mất thì giờ và được việc thành thử giá mỗi cuộc xe có cao vài ba chục đồng cũng thông qua.

Trong trường hợp tài xế tắc xi từ chối bẻ cở, khách có thể ghi vào sổ tài xế, hay ghi số xe để báo cho Cảnh sát cuộc, thì Cảnh sát cũng sẵn sàng can thiệp ngay.

NDMB: Với số xe du lịch tăng, nhất là thêm xe buýt, người ta lo ngại sẽ kẹt chỗ đậu xe, Saigon còn có thể mở thêm bến đậu xe không?

O. Bửu Hiệp: Hiện nay đã có một số bến đậu xe dành cho xe du lịch như các bến xe trước Tòa Đô Chánh, bến xe đường Nguyễn Huệ, Tự Do, Hàm Nghi, Lê Lợi, Đồng Khánh, Tổng Đốc phương.

Về vấn đề xe buýt sắp lưu hành tại Saigon, nhiều người ngại rằng đường sá sẽ thêm kẹt xe và lưu thông sẽ thêm trở ngại. Nghe ra cũng có lý, nhưng nhìn sâu vào vấn đề, khi xe buýt ra đời, ngoài việc xe lam sẽ giảm thiểu, số xe gắn máy hai bánh, và xe du lịch cũng có thể bớt đi một số lượng quan trọng. Dân chúng đi làm, đi buôn bán sẽ để xe ở nhà và sử dụng xe buýt, đã rẽ tiền đỡ phải lo lắng việc đậu xe, trả tiền thuê giữ xe.

NDMB: Nhận tiện xin hỏi Ông Phụ tá về việc thầu bến đậu xe hơi vì giá cả như thế nào? Trách nhiệm của chủ thầu đối với chiếc xe ra sao? Việc thứ hai là chúng tôi thấy có nhiều phía đường cấm đậu từ 1 đến 15 tây chẳng hạn, vậy mà khi đậu ở đó vẫn bị đóng thuế đậu xe như thường, vậy việc này ra sao?

O. Bửu Hiệp: Tại Đô thành hiện nay có đến 5 bến đậu xe là ở trước Tòa Đô Chánh, đường Lê Lợi, Hàm Nghi, Đồng Khánh và Tổng Đốc Phương.

Việc thầu giữ xe thì các xe hơi đến đậu nơi các bến xe phải trả tiền cho nhà thầu 20\$ mỗi giờ ban ngày cũng như ban đêm. Nếu đậu lâu thêm dưới 30 phút phải tính làm nửa giờ và trả thêm 10\$. Nếu đậu lâu hơn 30 phút phải tính thành 1 giờ và phải trả thêm 20\$.

Giá tiền nói trên là tiền choáng chỗ để đậu xe trên công lộ mà chủ xe phải trả cho Đô thành qua trung gian của nhà thầu chứ không phải là tiền mượn giữ xe và do đó, nhà thầu không chịu trách nhiệm về sự mất mát của các vật dụng để trong xe cũng như của chiếc xe. Khi đậu xe, chủ nhân phải khóa xe cẩn thận trước khi rời khỏi xe.

Còn về vấn đề những xe đậu trên lề đường hay những chỗ cấm đậu thì các nhà thầu giữ xe không được nhận tiền của chủ xe vì việc này sẽ do sự can thiệp của Cảnh Sát Lưu Thông.

NDMB: Cứ mỗi lần có lễ trước Tòa Đô Chánh là bến xe trước Tòa bị trưng dụng. Xin Tòa Đô Chánh khi làm lễ xong, xin giải tỏa liền để đỡ cho người có xe.

Ô. Bửu Hiệp: Thường sau cuộc lễ, chúng tôi vẫn cho dọn dẹp ngay để có bến đậu xe.

NDMB: Chúng tôi nhận thư của Em Trần Văn Bình, Trung học Đắc Lộ và rất nhiều thư khác than phiền về việc thầu giữ xe gắn máy lấy giá quá cao có nhiều khi bị mất đồ trong xe nữa.

Ô. Bửu Hiệp: Vấn đề này rất được chú ý và Đô Trưởng đã chỉ thị cho các Ty Cảnh Sát theo dõi để ngăn ngừa những vi phạm của nhà thầu giữ xe. Trong điều kiện sách cho đấu thầu, Tòa Đô Chánh cũng đã nêu điểm là việc nhà thầu nào lấy quá giá ba lần sẽ không được tham dự cuộc đấu thầu lần sau.

NDMB: Nhiều đồng bào than phiền rằng lúc đêm khuya hay sáng sớm nhiều loại xe như xe gắn máy, xích lô máy, xe lam đã làm ồn quá nhiều vì máy nổ lớn, xin cho biết Tòa Đô Chánh đã có biện pháp nào ngăn chặn việc này không?

Ô. Bửu Hiệp: Sự than phiền của đồng bào rất chính xác vì 2.500 xích lô máy trong đô thành quả đã xả khói và làm phiền đồng bào.

Trong những kỳ xét xe thi tài xế thường mang xe rất êm máy và có ống hãm thanh cũng như họ chạy bằng xăng không pha nhớt. Nhưng sau đó thì họ lại gỡ ống hãm thanh ra và đổ thêm nhớt vào xe để giữ cho máy được lâu. Những điểm này chúng tôi thường khuyến cáo anh em tài xế để bảo vệ sức khỏe của động bào.

NDMB: Ông Nguyễn Duy Bảo ở Lê Đại Hành Phú Thọ đề nghị sửa lề đường và cấm xử dụng lề đường do những người bán cà phê hủ tiếu, nước ngọt v.v.. choáng chỗ. Xin Ông cho biết ý kiến?

Ô. Bửu Hiệp: Điều này đúng có một người ngoại quốc đến đây đã khen Saigon là một thành phố tốt đẹp về đường sá nhưng họ đã khuyến cáo chúng ta về lề đường vì lề đường đã bị lạm chiếm. Việc này, Tòa Đô Chánh cũng rất quan tâm đến việc sửa chữa các lề đường.

Chúng tôi mong rằng với sự cố gắng của Tòa Đô Chánh đồng bào cũng giúp đỡ Tòa Đô Chánh là đừng nên choán lề đường.

Trong tương lai, Thủ Tướng đã ban hành một sắc lệnh là kiến thiết lại các lề đường, trong sắc lệnh này các lề đường được tuyên bố là có ích lợi công cộng.

Sau khi chúng tôi thành lập dự án chọn lựa khu sửa sang lề đường thì chúng tôi sẽ trình Hội đồng Đô Thành để xin được chấp thuận và khi đó những tổn phí ở lề đường sẽ được những nhà ở gần lề đường và chánh quyền Đô Thành san sẻ để làm thế nào cho lề đường được tốt đẹp.

NDMB: Ông Trịnh Văn Mẫn, Báo Quốc Huân Chương và Bắc Đẩu Bội Tinh ở 96 Hoàng Diệu Khánh Hội than phiền nạn kẹt xe ở khu Trịnh Minh Thế-Hoàng Diệu, ông Mẫn đề nghị cho xử dụng lại Cầu Mống. Xin ông phụ tá cho biết ý kiến?

Ô. Bửu Hiệp: Chúng tôi cũng đồng ý có nạn kẹt xe ở trên đường Trịnh Minh Thế và Hoàng Diệu. Vấn đề sửa chữa cầu Mống, chúng tôi đã ghi vào danh sách năm 1971, một ngân khoản là 30 triệu đồng. Cây cầu này là một loại cầu Eifel mà bây giờ những

đã sắt đã bị mục sét phải sửa chữa, nhưng ngân khoản này trong năm 71 không được Hội Đồng Đô Thành chấp thuận vì Hội Đồng cho rằng còn nhiều công tác thiết thực hơn cần phải làm. Chúng tôi đã dùng số tiền sửa cầu Mống để giải quyết nạn lụt ở Phú Lâm.

NDMB: Ông Phụ Tá cũng phụ trách luôn việc xét đơn cho đào đường đặt ống nước trong Đô thành. Chúng tôi nhận được một thư của một số khán thỉnh giả xin nhân tiện đặt câu hỏi như sau: Thời gian mà Tòa Đô Chánh cứu xét cho đào đường, đặt ống nước từ khi Saigon Thủy Cục chuyển hồ sơ qua Tòa Đô Chánh để được cấp phép là bao lâu?

O. Phú Hiệp: Vấn đề này hiện nay có ba cơ quan đang xin phép Tòa Đô Chánh để đào đường. Đó là Công ty Điện Lực Việt Nam, Tổng Nha Bưu Điện và Saigon Thủy Cục.

Công ty Điện Lực Việt Nam thường đào trên lề đường để đặt dây cáp, đem điện khí đến cho đồng bào. Tổng Nha Bưu Điện đào đường để đặt dây cáp điện thoại và cũng đào trên lề đường nhưng dù sao việc đào này cũng ít gây trở ngại. Riêng Saigon Thủy Cục thì khi đào đường, đào luôn cả mặt đường nên có phần khó khăn hơn. Bởi vậy chúng tôi có giao kết với Saigon Thủy Cục rằng chúng tôi bằng lòng để Saigon Thủy Cục đào đường với điều kiện là sau khi đào thì Saigon Thủy Cục sửa chữa đường cho được chu đáo.

Do đó, chúng tôi có cấp cho Saigon Thủy Cục 9 danh sách đào đường, mỗi danh sách như vậy là 10 con đường. Vậy trong số 90 con đường đó, Saigon Thủy Cục có quyền đào trong danh sách mà chúng tôi đã giao cho họ.

Mỗi lần đào xong và sửa chữa lại, Saigon Thủy Cục có thể đào đường trên những danh sách kế tiếp và chúng tôi sẽ duyệt ký ngay. Như vậy nếu việc sửa chữa đường của Saigon Thủy Cục được giải quyết nhanh chóng thì vấn đề đào đường bắt nước cho đồng bào không có gì trở ngại. Chúng tôi được biết bây giờ Saigon Thủy Cục đang liên lạc với một hãng thầu làm nhựa nóng với phương pháp mới, chúng tôi mong rằng Saigon Thủy Cục có thể thỏa mãn được tất cả những đơn xin bắt nước của dân chúng. Mỗi đây trong một buổi họp công tác Đô thành, Ông Đô Trưởng cũng đặc biệt quan tâm đến vấn đề đồng bào thiếu nước và Ông có chỉ thị cho Sở Công Chánh Đô Thành phối hợp với Saigon Thủy Cục nghiên cứu một biện pháp để có thể thỏa mãn những đơn xin nước của đồng bào.

CÁC TRUNG TÂM CẢI HUẤN
TẠI VNCH

Phát Hình Ngày 24.10.1971

Đại Tá NGUYỄN PHÚ SANH là Giám Đốc Nha Cải Huấn thuộc Bộ Nội Vụ.

NDMB: Thưa Đại Tá, toàn quốc hiện có bao nhiêu Trung tâm Cải huấn?

Đ.T. Nguyễn Phú Sanh: Toàn quốc hiện có 42 Trung tâm Cải Huấn, chia ra như sau:

- 37 TTCH địa phương (tỉnh và thị xã)
- 5 TTCH trực thuộc trung ương gồm: TTCH Saigon, TTCH Côn Sơn, TTCH Tân Hiệp, TTCH Thủ Đức và TTCH Thiếu nhi Dalat vừa được thiết lập.

Đứng đầu các TTCH thuộc tỉnh là Tỉnh Trưởng kiêm nhiệm chức vụ Quản Đốc TTCH.

NDMB: Có tất cả bao nhiêu bị can bị giam giữ trong các TTCH đó?

.../

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Hiện có tất cả 32.435 can phạm.

NDMB: Có phải rằng tại các TTCH có quá đông người bị giam giữ không?

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Cũng có một vài TTCH hơi đông, nhất là tại Quân Khu I. Tuy nhiên nếu tính tỷ lệ một can phạm có hai thước vuông để giam giữ thì không đông. Vì vậy nếu có những TTCH nào đông chúng tôi sẽ di chuyển đến những TTCH khác.

NDMB: Còn các trẻ em thì sao?

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Các trẻ em thì có ba thành phần:

- Các trẻ em quá nhỏ phải theo mẹ được chăm sóc ở bên ngoài và được nuôi dưỡng ở các ký nhi viện.

- Các trẻ em dưới 13 tuổi được cha mẹ hay người giám hộ bảo lãnh hoặc giao cho cơ quan an ninh địa phương theo dõi và ngăn ngừa.

- Còn các trẻ em trên 13 tuổi và dưới 17 tuổi được tập trung về Trung Tâm Giáo Huấn Thiếu Nhi phạm pháp ở Dalat.

NDMB: Có bao nhiêu người ngoại quốc bị giam giữ và đời sống của họ có gì khác với đời sống của những can phạm Việt không?

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Tổng số can phạm ngoại quốc rất ít, chỉ khoảng 50 đến 70 người. Ngoài các tội phạm như là hai Pháp kiều can tội treo cổ Việt Cộng ở trước Quốc Hội, một số khác thường bị những tội về buôn lậu. Đời sống của họ trong TTCH không khác với những can phạm Việt Nam.

NDMB: Tại các TTCH có một số can phạm cũng được học chữ. Việc này như thế nào?

.../

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Đúng thế. Các TTCH đều có tổ chức những lớp bình dân giáo dục. Hiện nay trên toàn quốc có khoảng 18.583 cán phạm được học tập về văn hóa đủ mọi trình độ.

Trong năm 1971, có 910 cán phạm đầu tiểu học, 30 người đầu trung học đệ nhất cấp, 3 người đầu tú tài gồm 1 người toàn phần, và hai người đầu phần I tại Saigon.

NDMB: Các TTCH có giúp cho các cán phạm học nghề nào không?

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Tại Nha Cải Huấn số 7 Đinh Tiên Hoàng, chúng tôi có một phòng triển lãm để trưng bày các sản phẩm hướng nghiệp. Hiện tại có khoảng 28.359 cán phạm học đủ mọi nghề.

Tại các TTCH trên toàn quốc, vấn đề hướng nghiệp chương trình chăn nuôi được thực hiện với một mục đích trang bị đầy đủ phương tiện hướng nghiệp và huấn nghệ cho cán phạm, giúp họ có thêm điều kiện dễ dàng tái thích nghi với cuộc sống bình thường bên ngoài, khi được trả tự do. Chăn nuôi do đó đã giúp cán nhân thấu triệt phương pháp chăm sóc gia súc, vừa cung cấp cho cán nhân đầy đủ khẩu phần thịt, đạt mức dinh dưỡng cần thiết cho mọi người, vừa trang bị cho gia nhân trâu bò cây ruộng làm vườn tăng gia lúa gạo, hoa màu phụ góp phần vào công cuộc sản xuất đã bị sút kém trong tình trạng chiến tranh hiện nay.

Về phương diện hướng nghiệp các TTCH đã tùy theo điều kiện và hoàn cảnh địa phương tổ chức thành những xưởng khác biệt nhau, như trại mộc, ở gần sông biển thì đóng tàu, đóng thuyền, trại mộc ở gần nơi thành thị thì đóng giường tủ, bàn ghế và các vật dụng cần thiết trong gia đình, trại mộc vùng nông nghiệp thì làm cày bừa và những phương tiện dùng cho việc chăn nuôi. Sự chọn ngành thường tùy theo năng khiếu của cán nhân, nhờ đó mọi người đã tiến bộ rất mau lẹ trong các ngành mà họ theo học.

Hiện nay nhiều người đã trở thành những tay thợ lành nghề hoặc ở ngành mộc hoặc ở ngành điện, ngành sửa máy xe hơi. Dù ở ngành nào mục đích chính yếu vẫn là trau dồi kiến thức

nghe nghiệp để sau này khi trở về đời sống gia đình có thể tự lực mưu sinh tránh khỏi sa ngã vào đường tội lỗi, đồng thời cũng là dịp kiếm thêm tiền thù lao gởi về giúp đỡ gia đình trong thời gian thụ hình tại các TTCH.

Đối với những can phạm có ít nhiều học vấn thì nghề đánh máy thích hợp với khả năng của họ hơn là lẽ dĩ nhiên TTCH không để họ thất vọng. Nghề đóng giày cũng được khá đông can nhận chọn lựa. Tinh thần cố gắng làm việc của họ thật đáng khen, tin chắc rằng mai đây họ sẽ tỏ ra xứng đáng ở địa vị những người công dân lương thiện và yêu nghề. Ở các Trung tâm có điều kiện như Tân Hiệp, Côn Sơn, nghề làm gạch ngói đã được phát triển, cung cấp dụng cụ phương tiện giúp cho can nhận theo đuổi học tập. Dù muốn dù không, thời gian làm việc tại các trại hướng nghiệp vừa ít trôi buộc, ít buồn khổ hơn. Vì chính nhờ có công việc luôn tay can nhận đã có dịp lãng quên nỗi niềm ray rức, dần vật do tội trạng tạo nên.

Dan lát vốn là nghề thủ công thông dụng tại Việt Nam, từ những chiếc rổ rá ở thôn quê đến những chiếc xắc tay ở thành thị, từ một chiếc thuyền nan di chuyển trên sông, đến bàn ghế kê ở trong nhà, tất cả đều uo tại khéo léo đôi bàn tay chế biến thành. Và lại Nhất Nghệ Tinh Nhất Thân Vinh nghề nào cũng quý, hơn thế nữa nhờ có nghề mà con người tránh khỏi những điều xấu, cố nhân đã dạy thật chẳng sai.

NDMB: Việc ăn uống thì ra sao?

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Hiện nay ngành cải huấn đã có một chủ trương cải thiện đúng mức về đời sống của can phạm. Can phạm thụ huấn tại các trung tâm ngoài cách đối xử rất là nhân đạo (không có sự đánh đập hành hạ, hà khắc) can phạm còn được học chữ học nghề, họ được sinh hoạt với tính cách tự quản, được trực tiếp mua sắm thức ăn. Giá biểu khẩu phần được ấn định mỗi năm cho kịp với thực trạng vật giá thay đổi.

Hiện nay khẩu phần tại các TTCH tại Nam phần mỗi khẩu phần can phạm là 34\$60, Trung nguyên Trung phần 37\$26, Cao nguyên 40\$18, Saigon 35\$ và tại Côn Sơn 40\$. Ngân khoản nuôi ăn này

được cấp thẳng cho các trung tâm bằng quỹ ứng trước. Tại nhiều trung tâm can phạm được quyền nuôi gia súc như heo gà vịt và trồng trọt rau cải do các can phạm quản trị để thêm món ăn cho các can phạm dùng.

Mỗi trung tâm lập một ban mua thực phẩm sống gồm có đại diện ban quản đốc và đại diện can nhân đi chợ hằng ngày. Vấn đề mua thực phẩm chính tay các đại diện can phạm mua lấy có sự chứng kiến của đại diện ban Quản Đốc tại trung tâm.

Mỗi tỉnh, Tòa Hành Chánh lập một ủy ban tiếp nhận thực phẩm sống như gạo rau cải hay củ do tỉnh trưởng hoặc đại diện làm chủ tịch khi nhà thầu mang đến. Với mục đích trên, việc mua thực phẩm cho can nhân không bị mất hay bị ăn chặn.

NDME: Có thể cả việc có một số nhà thầu cùng một số quản đốc trung tâm đã ăn chặn phần ăn của can phạm?

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Vấn đề nói rằng can phạm phải ăn uống khắc khổ, diêm nay chúng tôi thấy rằng dựa vào giá biểu ấn định cho khẩu phần mỗi can phạm không thể tăng thêm vì ngân sách có hạn. Nếu tính riêng rẽ từng người thì số tiền ăn chưa là bao nhiêu, nhưng nhờ sự mua ăn tập thể thành ra các món ăn vẫn được có đủ về chất lẫn lượng, hơn nữa nhờ sự kiểm soát gắt gao ngoài các ủy ban tiếp nhận các vị kiểm tra việc thi hành nguyên tắc và kịp thời cải thiện để bảo vệ đời sống tinh thần và vật chất cho can phạm.

Ngoài ra, tại các TTCH tỉnh, quản đốc là tỉnh trưởng, phụ tá quản đốc tuy trách nhiệm thay mặt tỉnh trưởng điều khiển trung tâm không đủ thẩm quyền, và các nguyên tắc quản trị hành chánh được ấn định rõ rệt, thành ra cá nhân không thể nào vượt qua những định luật có tính cách chế tài tại các trung tâm phương chi các món tiền nhập vào trung tâm dùng để nuôi ăn can phạm đã được quy định khẩu phần của họ và các chức quyền trung tâm chỉ có việc chi xuất đúng với thể lệ hành chánh đã được đặt ra.

Nha Cải Huấn có một toán kiểm tra thường xuyên đến các trung tâm để kiểm tra kiểm soát mọi vấn đề điều hành các trung tâm.

NDMB: Thưa Đại Tá, ở tù lâu cũng buồn. Các can phạm có được giải trí hay vận động gì không?

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Về phương diện giải trí, hoạt động thanh niên nhằm mục đích giảm bớt sự buồn chán và nâng cao tinh thần can phạm đồng thời tạo điều kiện sống khỏe, sống vui, các TTCH thường xuyên tổ chức thể dục tranh giải thể thao, trình diễn văn nghệ, ca vũ nhạc kịch, bóng bàn, bóng chuyền, bóng rổ, võ cầu, cờ tướng ...

Mỗi trung tâm đều có máy thu thanh, vô tuyến truyền hình, giúp cơ hội thắt chặt mối dây liên lạc giữa can phạm với xã hội bên ngoài.

NDMB: Có dư luận nói rằng có một số can phạm thiếu thốn thuốc men không được chăm sóc về phương diện y tế nên có người bị xẹp chân đi không được... Việc này như thế nào?

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Can phạm thụ hình tại TTCH được chăm sóc chu đáo khi đau ốm, các bệnh nhẹ được điều trị tại bệnh xá trung tâm thuốc men do Ty Y Tế cung cấp. Tại mỗi trung tâm có y tá do Ty này biệt phái. Ngoài ra còn có các y sĩ Việt Nam hoặc ngoại quốc đến trung tâm khám bệnh mỗi tuần đôi ba lần. Trường hợp có can phạm bệnh nặng được đưa đi điều trị tại các bệnh viện công tại địa phương.

Về tử suất hàng năm không đáng kể, có từ 0,03% đến 0,07%.

NDMB: Thưa Đại Tá, những can phạm này có được phép liên lạc thư từ với gia đình không, hoặc khi cha mẹ, vợ con họ qua đời, họ có được về thăm nhà không?

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Can phạm gửi và nhận thư bất kể số lượng. Án huệ này chỉ hạn chế đối với những phạm tử vi phạm kỷ luật. Tất cả thư tín đi và đến đều được ban quản trị kiểm duyệt trước.

Can phạm có thể xin phép được về gia đình để báo hiếu khi cha mẹ hấp hối hoặc nhắm mắt lìa đời.

.../

NDMB: Xin Đại Tá cho biết những can phạm này có được cha mẹ, vợ con đến thăm nuôi hay không?

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Trên toàn quốc TTCH nào cũng tổ chức cho thăm nuôi can phạm. Tùy theo số lượng can phạm, tùy theo nhân viên kiểm soát nhiều hay ít, tùy theo phòng thăm nuôi rộng hay hẹp mỗi trung tâm đều có thời khóa biểu ấn định ngày giờ thăm nuôi cho mỗi can phạm và thời khóa biểu này được thông báo cho can phạm cũng niêm yết cho thân nhân can phạm biết. Ấn huệ này bị hạn chế trong ba trường hợp:

- Can phạm vi phạm kỷ luật bị cấm thăm và nuôi hoặc chỉ được nuôi mà không được thăm viếng.

- Khi nào tình hình an ninh địa phương bị xáo trộn, trung tâm tạm ngưng tổ chức cho thăm nuôi hoặc chỉ cho tiếp tế mà thôi.

- Riêng về Côn Sơn, phải 2, 3 tháng mới có một kỳ thăm nuôi, nhờ Hải Quân giúp đỡ phương tiện di chuyển cho thân nhân can phạm.

NDMB: Thưa Đại Tá, trước khi phỏng vấn Đại Tá chúng tôi cũng đã có đi thăm một vài TTCH như ở Chí Hòa và Thủ Đức, chúng tôi đã thấy những cuộc thăm viếng rất tấp nập nhưng chúng tôi có một vài thắc mắc như sau:

- Làm thế nào để thân nhân họ biết được có người nhà bị giam tại đó, làm thế nào để thân nhân họ biết được những thủ tục thăm nuôi và mỗi lần thăm được bao lâu? Ngoài ra tại mỗi nơi đều kín cổng cao tường, nên chúng tôi nghe nói bà con tới thăm phải phát cho người này một gói thuốc, người kia một gói kẹo... chuyện này có không và họ được đem những gì và những gì bị cấm?

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Thân nhân can phạm có thể đến hỏi Nha Cải Huan để được biết can phạm của họ bị giam giữ nơi nào, nếu thân nhân có tin tức rằng người thân hiện thụ huấn tại một trung tâm thuộc thẩm quyền Nha Cải Huấn và cần được xác nhận.

.../

Muốn biết thủ tục thăm nuôi, thân nhân có thể đến hỏi tại mỗi TTCH địa phương mình đang cư ngụ.

- Nếu cán phạm thành án thì nơi cấp phép thăm nuôi là quản đốc TTCH, nếu là giam cứu thì thuộc tòa án thụ lý cấp phép.

- Lần thăm sẽ được cách bằng lần nuôi. Ngày thăm được gặp mặt, ngày nuôi được gửi vật thực. Thời gian thăm nuôi còn tùy thuộc tình trạng của mỗi trung tâm, nhưng khi được phép thăm, thời gian được an định đồng đều cho mỗi người.

- Vì an ninh trung tâm nên sự vào trung tâm phải qua một số công rào cần thiết. Hơn nữa đó là phạm vi riêng biệt dành cho cán phạm, và nhân viên trung tâm cư ngụ tại đó. Muốn vào thăm nuôi phải có qua cấp hay thuốc lá là tại các công đó là một việc không hề có cũng như không thể chấp nhận được hành động này.

Thân nhân khi thăm nuôi được phép đem các nhu yếu phẩm như thực phẩm. Những vật xét ra có phương hại đến an ninh trung tâm và cá nhân cán phạm thì bị cấm như các vật bén nhọn, lọ chai, á phiện.

NDMB: Chúng tôi thấy tại TTCH Chí Hòa có một số người đứng coi những đơn vô thăm bà con là đệ tử Đạo Cao Đài, Hòa Hảo v.v.. xin Đại Tá cho biết tại sao trung tâm lại nhờ những người đó để tiếp đón thân nhân?

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Vì thiếu nhân viên tại các trung tâm và thường là những cán phạm có hạnh kiểm tốt được trung tâm đưa ra làm những công tác trật tự, kiểm soát...

NDMB: Còn việc thăm viếng ở Côn Sơn thì sao?

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Việc thăm nuôi cán phạm được tổ chức từ cuối năm 1966. Từ đó đến nay đã có 19 chuyến cho thân nhân cán phạm được đến Côn Sơn bằng tàu Hải Quân mỗi chuyến độ chừng 300 người, tùy thuộc vào phương tiện chuyên chở do Hải Quân cung cấp.

.../

Việc thăm nuôi được ấn định một cách hết sức công bình và hợp lý, chỉ dành cho những thân nhân gần nhất với can phạm như vợ chồng, cha mẹ v.v.. và hồ sơ phải hợp lệ gồm có:

- 1 đơn xin
- 1 giấy khai sinh cha mẹ thăm con hay ngược lại.
- 1 giấy hôn thú, vợ thăm chồng.
- 1 giấy hạnh kiểm của người đi thăm.
- 2 ảnh 4x6 của người đi thăm.

Thân nhân đi thăm nuôi phải đài thọ một món tiền lệ phí nào giữa chuyến đi và về.

Riêng về can phạm được thăm nuôi phải là thành phần có hạnh kiểm tốt biết tôn trọng nội quy kỷ luật trung tâm.

Trường hợp cũng nhìn nhận cho những can phạm ngoan cố nhưng chỉ được một lần. Sự kiện hạn chế cho thăm nuôi đối với số can phạm ngoan cố này, không ngoài mục đích dùng tình cảm gia đình để lôi kéo can phạm quay về với đường ngay lẽ phải đồng thời cũng áp dụng sự tương thưởng và đặc ân cho những can phạm thực tâm hối cải tội lỗi của mình.

Hiện tại, chúng tôi đang tổ chức một chuyến thăm nuôi vào đầu tháng 11 này và đến nay đã có 250 đơn được chấp thuận. Vị nào muốn đi thăm nuôi trong chuyến này hãy tiếp xúc với chúng tôi tại Nha Cải Huấn số 7, Đình Tiên Hoàng Saigon.

NDMB: Nói tới Côn Sơn chúng tôi nghĩ tới các "chuồng cọp". Xin Đại Tá cho biết về việc này?

Đ.T. Nguyễn Phú Sanh: Danh từ "Chuồng cọp" là do một số can phạm xấu miệng gán cho, hầu để cao thành tích chống đối của họ. Sự thật là một khu kỷ luật, đã được xây cất từ năm 1895 dưới thời Pháp thuộc.

Không riêng gì ở Việt Nam mà ngay tại các quốc gia tân tiến TTCH nào cũng có một khu kỷ luật riêng biệt.

NDMB: Ở Phú Quốc giam giữ những ai?

.../

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Trại Phú Quốc là trại giam tù binh Cộng sản, những người bị bắt giữ tại đó là những chiến binh có mang vũ khí do Bộ Quốc Phòng quản trị.

NDMB: Xin Đại Tá trở lại với những "chuồng cọp" mà hồi này Đại Tá vừa nói?

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Nhận thấy rằng khu kỷ luật của TTCH Côn Sơn đã được xây cất gần 100 năm nay, cũ kỹ, lỗi thời, không còn đáp ứng theo tiêu chuẩn của một TTCH tân thời, nên trong thông cáo ngày 10.7.70 Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa đã quyết định:

1. Chấm dứt việc sử dụng khu kỷ luật này.

2. Cấp tốc cho sửa chữa lại các phòng giam kỷ luật để có thêm đầy đủ điều kiện vệ sinh và tiện nghi cho các phạm nhân, mặc dầu thuộc thành phần vô kỷ luật.

Thi hành chỉ thị của chánh phủ TTCH Côn Sơn đã chấm dứt việc sử dụng khu kỷ luật này.

Đối với những can phạm vô kỷ luật, ngoan cố TTCH Côn Sơn đã giam giữ họ riêng biệt ở một khu khác mà nơi đó cũng có đầy đủ tiện nghi tối thiểu như các phòng giam của những can phạm bình thường khác.

Đồng thời, những can phạm vô kỷ luật này luôn luôn được đối xử tử tế và sau khi họ biết hối cải, sẽ được trả về khu giam giữ can phạm bình thường.

NDMB: Những tín đồ các đạo giáo khi vào TTCH, có còn được hành đạo của họ nữa không?

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Những tín đồ của các đạo giáo khi vào TTCH chẳng những được tự do hành đạo mà còn được khuyến khích về lãnh vực tự do tín ngưỡng. Tại mỗi trung tâm đều có xây cất chùa, nhà thờ và nhà nguyện và phạm nhân đến đó để làm lễ, trong những ngày lễ, chủ nhật và ngoài giờ học tập. Nói chung các tín đồ của mỗi tôn giáo đều được sinh hoạt theo nề

nếp đạo giáo của họ. Ngoài ra ban quản đốc trung tâm còn mời các vị mục sư, linh mục, tu sĩ đến hành lễ và giảng đạo trong những dịp lễ lớn. Chúng tôi quan niệm công tác giáo vụ cũng giúp rất nhiều trong việc hướng phạm nhân đến điều ích thiện.

NDMB: Xin Đại Tá cho biết cuộc sống sinh lý của các can phạm như thế nào?

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Cuộc sống sinh lý can phạm chỉ đặt nặng tại các quốc gia tây phương. Đối với các dân tộc Á Đông là những dân tộc thiên về tinh thần không phải là một vấn đề quan trọng. Thêm vào đó những sinh hoạt của trung tâm như huấn nghệ, giải trí, và nhất là hoạt động tôn giáo đã giúp ích rất nhiều trong công tác hướng thiện làm quên đi những đòi hỏi vật chất. Ngoài ra trung tâm cũng thường xuyên áp dụng những biện pháp đề phòng như cấm chỉ việc xem các sách báo cùng hình ảnh cổ tánh cách khêu gợi về tình dục v.v..

NDMB: Người ta thường nói các can phạm bị các trưởng phòng, nhân viên bóc lột, hành hạ việc này như thế nào?

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Đối với can phạm, vì tính cách dân chủ, nên hiện nay các trung tâm cải huấn áp dụng cho mỗi phòng giam được quyền cử một can phạm đại diện cho họ, để liên lạc giữa can phạm và ban quản đốc về tất cả mọi vấn đề, mà họ thường gọi những đại diện này là trưởng phòng.

Nếu các trưởng phòng này vi phạm nội quy kỷ luật của TTCH, họ sẽ bị áp dụng những biện pháp chế tài như các can phạm khác (như mất chức, trưởng phòng, mất mọi đặc ân dành cho một trưởng phòng, như thăm nuôi rộng rãi, được đề nghị ân giảm ân xá v.v..) Nếu các hành vi đàn áp, bóc lột can phạm khác quá tang sẽ bị truy tố theo luật định.

Đối với nhân viên nếu có đơn khiếu nại của can phạm về những hành vi đàn áp bóc lột, hành hạ can nhân ban quản đốc sẽ cho mở cuộc điều tra nội bộ sơ khởi. Sau đó, trong trường hợp xét thấy có vi phạm như những điều can phạm khiếu nại thì sẽ bị áp dụng các biện pháp chế tài theo quy chế chung của công chức. Trưởng hợp quả tang phạm pháp, tùy theo tội trạng, sẽ bị truy tố theo luật lệ hiện hành.

Ngoài ra, ban quản đốc cũng có đặt ra những viên chức khác để tự kiểm soát lẫn nhau hầu ngăn chặn những tệ trạng của nhân viên, và luôn luôn được học tập để chấn chỉnh.

NDMB: Xin Đại Tá cho biết, những trường hợp nào bị xem là vi phạm kỷ luật của trung tâm?

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Các trường hợp vi phạm kỷ luật được chia ra là:

1. Vi phạm kỷ luật nhẹ:

Không thi hành nội quy trung tâm (không mang thẻ định bài, ăn cắp lẫn nhau, đánh lộn, gây gổ với đồng bạn, cờ bạc, rượu chè, hút sách, hoặc vắng mặt khi điếm danh, cáo bệnh để trốn tránh các công tác trong phòng giam, lén lút mang vào trung tâm những thứ bị cấm như: vật dụng bén nhọn, sách báo hoặc những tài liệu có tánh cách tuyên truyền chủ nghĩa Cộng Sản hoặc có tính cách đầu độc v.v..)

2. Vi phạm kỷ luật nặng:

Không tôn trọng nội quy trung tâm bằng cách: chống chào cờ, chống học tập, chống thi hành mọi sinh hoạt của trung tâm có những hành động hoạt lời nói gây xáo trộn trật tự tại trung tâm.

- Dự mưu, gây rối, bạo động, phá khám, vượt ngục, xúi dục đồng phạm chống đối v.v..

- Tham gia các tổ chức của Cộng sản trong nhà giam như: Chi bộ nhà lao v.v..

- Hành hung nhân viên thừa hành phận sự.

NDMB: Những người vi phạm kỷ luật của trung tâm sẽ bị trừng phạt như thế nào?

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Đối với những trường hợp vi phạm kỷ luật nhẹ:

.../

- phê bình kiểm thảo xây dựng trong tổ toàn can phạm...
- phê bình tự kiểm trước toàn trại
- cảnh cáo trước trung tâm
- đình chỉ thư tín có hạn định.
- hạn chế đình chỉ thăm nuôi có hạn định.
- hạn chế xuất nhập câu lạc bộ
- đình chỉ tham gia hoạt động thể thao, văn nghệ, giải trí v.v..

Đối với những trường hợp vi phạm kỷ luật nặng hay tái phạm: ban quản đốc không thể tự ý giam can phạm vào biệt phòng mà phải xin phép trước tỉnh trưởng kiểm quản đốc, hoặc biện lý với đề nghị có thời hạn biệt phòng. Thời gian phạt này không quá 90 ngày. Hình phạt này có thể được y sĩ khám nghiệm yêu cầu chấm dứt nếu xét thấy tiếp tục thi hành hình phạt sẽ phương hại đến sức khỏe của can phạm nhân, can phạm nhân bị giam biệt phòng cấm hút thuốc, đọc sách báo, viết thư và không được phép nhận tiếp tế thăm nuôi của gia đình, họ chỉ được phép đi dạo một mình ở sân chơi 1/2 giờ một ngày.

Đối với trường hợp vi phạm nghiêm trọng các trung tâm địa phương xin phép trung ương hoặc quản đốc cho di chuyển đến các TTCH trực thuộc như Côn Sơn, Saigon, Tân Hiệp, Thủ Đức, Thiếu Nhi Dalat để có nhiều điều kiện để cải tạo hơn.

- Gác lại các quyền ân giảm, ân xá.
- Đề nghị gia hạn an trí nếu là can phạm Cộng Sản.

NDMB: Chúng tôi nhận được thư của một số can phạm than phiền rằng họ đã bị bóc lột hoặc bị hành hạ vì không có tiền. Họ nói họ còn phải làm những việc khó nhọc còn những người có "pho đảng" thì lại được biệt đãi, có thể ra ngoài làm việc cho ông quản đốc v.v..

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Nói rằng, can phạm có nghề riêng giúp việc cho trung tâm trường ngoài trung tâm là một việc không thể có. Hơn nữa can phạm ra ngoài lái xe là một câu

chuyện khôi hài vì như đã biết can phạm là một người mất tự do trên phương diện pháp lý, làm sao có thể sử dụng quyền lái xe trên công lộ? Nói về can phạm có khả năng giúp trung tâm dạy học lại cho các can phạm khác phục dịch tại văn phòng, xưởng thợ, nhà bếp là hành động tự giúp lấy sinh hoạt cho chính họ thêm phần khả quan và để khuyến khích họ được đến bù lại bằng những đặt ân về thăm nuôi như thêm lần tiếp tế chẳng hạn.

NDMB: Có phải những can phạm chính trị là những nhân vật nổi tiếng ở ngoài được đối xử một cách đặt biệt hơn?

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Những can phạm khi vào trung tâm được đối xử đồng đều.

NDMB: Có trường hợp nào mà các trung tâm từ chối không cho các cơ quan từ thiện đến thăm và ủy lạo các can phạm không?

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Từ trước đến nay các hội từ thiện vẫn được phép và khuyến khích đến thăm viếng ủy lạo các can phạm.

Chính chúng tôi đã thường xuyên kêu gọi đến sự giúp đỡ của các cơ quan đạo giáo và các hội từ thiện.

NDMB: Chúng tôi cũng thường nghe nói Bộ Tư Pháp, Bộ Nội Vụ cũng thường ân giảm cho một số phạm nhân và nhất là trong những dịp lễ lớn, xin Đại Tá cho biết các tù nhân phải làm những gì để được chính phủ khoan hồng?

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Đối với can phạm nhân có hạnh kiểm tốt, biết tôn trọng nội quy của trung tâm, có công với trung tâm như giúp việc tại văn phòng xưởng thợ, nhà bếp. Quản đốc có thể dành cho những đặc ân thăm nuôi như cho thêm lần tiếp tế. Tùy theo trình độ giác ngộ của can phạm có thể được đề nghị ân giảm, ân thích trong các dịp lễ lớn.

.../

NDMB: Nhân ngày lễ tuyên thệ nhậm chức của Tổng Thống sắp tới 31.10 và ngày lễ Quốc Khánh 1.11 sắp tới, nghe nói có một số người sắp ân giảm và số này cũng khá lớn phải không?

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Đúng như vậy, hằng năm đến ngày lễ Quốc Khánh đều có một số lớn can phạm được Chánh phủ ân thích hoặc ân giảm. Trung bình, hằng năm, vào dịp lễ Quốc Khánh có khoảng trên dưới 2.000. Năm nay nhân dịp lễ tuyên thệ nhậm chức Tổng Thống và Phó Tổng Thống sắp tới, chúng tôi chưa có con số đích xác là bao nhiêu nhưng chúng tôi chắc rằng con số này có thể gia tăng gấp đôi.

Ngoài ra, chúng tôi có thể cho biết được con số ở TTCH Côn Sơn vì trong tuần này chúng tôi có một chuyến tàu ra Côn Sơn để đưa khoảng 450 can phạm ở Côn Sơn về đây để trả tự do cho họ vào ngày 29.10 này.

Trong số những can phạm này có 368 can phạm Cộng sản. Những can phạm này thuộc thành phần nhẹ dạ hay là bị ép buộc cho nên sau khi vào trung tâm chúng tôi đã thanh lọc và giáo hóa họ. Thời gian giáo hóa là một năm.

NDMB: Đây là câu hỏi chốt và cũng là thắc mắc cuối cùng của chúng tôi. Thông thường khi mãn tù, các đương sự được thả ra bao giờ cũng chậm mất mấy tháng. Có cách gì để cho thời gian này ít hơn không?

D.T. Nguyễn Phú Sanh: Khi can phạm được phóng thích, theo nguyên tắc phải được gửi trả về nguyên quán. Nhưng vì những can phạm này ở xa, chờ xin phương tiện, nên có sự chậm trễ ngoài ý muốn. Nhanh hay chậm đều tùy thuộc các cơ quan ban cấp phương tiện có ngay hay không.

THUẾ VÀ RÁC RẾN TẠI ĐÔ THÀNH

 Phát Hình Ngày 14.11.1971

Ông NGUYỄN HỮU CÔNG, Đốc Sự Hành Chánh Thượng Hạng, phụ tá Kinh Tế Tài Chánh Tòa Đô Chánh.

Ông Công năm nay 51 tuổi, sinh tại Vĩnh Long đã đảm nhận các chức vụ quận trưởng Châu Thành Tân An, từ năm 1956 đến 1959, quận trưởng Thủ Đức từ năm 1959 đến 1960, quận trưởng Quận III Đô Thành từ năm 1964 đến 1969. Hiện ông giữ chức vụ phụ tá Kinh Tế Tài Chánh của Tòa Đô Chánh.

NDMB: Thưa Ông Phụ Tá, mỗi khi có biến chuyển nhất là biến chuyển kinh tế, vật giá tự động gia tăng rất mạnh làm cho người dân rất khổ. Chúng tôi muốn có sự kiểm soát giá cả thật gắt gao, chặt chẽ. Vậy ông phụ tá có thể làm việc ấy không?

Ô. Nguyễn Hữu Công: Việc kiểm soát vật giá là trọng tâm công tác của các cơ quan phụ trách về kinh tế tại Đô Thành. Hiện nay, tại Đô Thành có hai hệ thống kiểm soát. Tại các Quận thị mỗi Bộ Chỉ Huy Cảnh Sát Quốc Gia đều có ít nhất là một toán Cảnh sát Kinh tế hoạt động thường xuyên theo dõi vật giá ngăn chặn đầu cơ tích trữ. Tại Tòa Đô Chánh có một đoàn kiểm soát

.../

viên kinh tế. Đoàn kiểm soát này cũng có nhiệm vụ kiểm soát vật giá tại Đô Thành. Mọi vi phạm đều được lập biên bản và truy tố ra tòa. Trung bình ủy ban vật giá đô thành xử khoảng 40 vụ trong tuần. Song song với việc kiểm soát vật giá thì tại trung ương tức là Bộ Kinh Tế cũng có một hệ thống kiểm soát rất chặt chẽ mà phạm vi kiểm soát này bao gồm toàn quốc.

NDMB: Mỗi khi có biến chuyển kinh tế hoặc chính trị thì lại có những người đầu đờ, làm cho vật giá leo thang bằng cách tạo một thị trường hiểm hoi. Ông phụ tá có biện pháp nào ngăn chặn sự tích trữ, đầu cơ đó không?

Ô. Nguyễn Hữu Công: Thường thường thì trong giới thương mại mỗi khi dự đoán có một biện pháp kinh tế tài chánh nào các giới thương gia có xu hướng đầu cơ tích trữ. Gặp dịp này, Tòa Đô Chánh phổ biến thông cáo để cảnh cáo, mặt khác chỉ thị cho các Bộ Chỉ Huy Cảnh Sát, các quận và các nhân viên kiểm soát kinh tế tăng gia hoạt động để chặn đứng nạn đầu cơ. Mọi việc vi phạm như vậy, đều được lập biên bản, đem ra xét xử tại tòa án hay Ủy ban vật giá Đô Thành. Mặc dầu chưa bài trừ hết, nhưng đã có nhiệm vụ vi phạm được đưa ra và đã có nhiều người bị trừng phạt nặng nề.

NDMB: Nếu ông Phụ Tá đi một vòng các thương xá hay chợ trời, ông sẽ thấy hàng lậu thuế rất nhiều. Các chị em bán hàng chợ trời đều than phiền là bị bắt lên bắt xuống. Vậy sao không trừ tận gốc mà lại bắt những người bán lẻ nghèo, yếu thế?

Ô. Nguyễn Hữu Công: Buôn bán hàng lậu thuế là vi phạm luật lệ kinh tế quốc gia, qua chiến dịch bài trừ hàng lậu thuế, Tòa Đô Chánh đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Hiện nay chiến dịch bài trừ đang bủa lưới để bắt cho được tận gốc. Chúng ta được biết là các cơ quan trung ương cũng có nhận chỉ thị gắt gao để lãnh mệnh hóa thương trường và ổn định kinh tế. Nhiều vụ buôn lậu đã được phát giác và bị trừng trị thích đáng.

NDMB: Tòa Đô Chánh bắt được rất nhiều nhưng không bị trừng trị, nhưng người bị trừng trị là vì không biết "tôn giáo". Phai vậy không?

.../

Ô. Nguyễn Hữu Công: Nhân viên kinh tế đầu ở cấp bậc nào nếu dung túng gian thương là có lỗi lầm lớn và chính phủ không bao giờ dung thứ. Trong phạm vi Tòa Đô Chánh, nếu có hành vi dung túng để thủ lợi chúng tôi có ngay biện pháp kỷ luật đối với nhân viên phạm lỗi và đương sự có thể bị truy tố ra tòa.

NDMB: Bây giờ chúng tôi xin bạn những tiệm cầm đồ bình dân, có luật nào quy định việc làm của các tiệm cầm đồ bình dân không?

Ô. Nguyễn Hữu Công: Quy chế tiệm cầm đồ bình dân do Dự Số 63 ngày 17.10.1955 ấn định và có nghị định thi hành của Thủ Tướng Chánh Phủ Số 614 cũng ngày 17.10.1955.

NDMB: Ví dụ tôi có một chiếc cà rá, muốn đi cầm, tiệm cầm đồ sẽ định giá cho chiếc cà rá hay tôi muốn đòi bao nhiêu cũng được?

Ô. Nguyễn Hữu Công: Có hai trường hợp: người cần tiền, mang đồ đi cầm để lấy tiền xài để thì những người này không cần đòi với giá cao. Có hạng người khác muốn cầm chờ được giá cao. Dù sao; khi đến tiệm, người chủ tiệm có thể định giá là $\frac{3}{4}$ trị giá của món hàng nếu là kim hoàn và $\frac{3}{5}$ nếu là những vật dụng khác. Thường thường những chủ tiệm muốn bao đảm số tiền cho vay nên định với giá phải chăng. Nếu khách hàng không đồng ý, họ thảo luận lại với chủ tiệm để đến một thỏa hiệp.

NDMB: Tiệm cầm đồ được hưởng bao nhiêu lãi và trong thời hạn bao lâu?

Ô. Nguyễn Hữu Công: Theo quy chế hiện hành, lãi suất là 3 phần mỗi tháng. Cầm trên nửa tháng tính một tháng. Cầm dưới nửa tháng tính nửa tháng. Tháng đầu, nếu tiền cầm không quá 2.500\$ tiền lãi được tính trọn 1 tháng đầu dưới 15 ngày. Tiền cầm trên 2.500\$ tiền lãi được tính từng nửa tháng. Thời hạn cầm đồ là 6 tháng đối với kim hoàn và 4 tháng đối với các vật dụng thường. Quá thời hạn này, tiệm cầm đồ được phép mang ra

.../

bán đầu giá, nhưng người cầm đồ cũng có thể xin gia hạn thời gian cầm đồ của mình bằng cách đến tiệm đóng tiền lãi và thay giấy.

NDMB: Đó là nguyên tắc. Nhưng nhiều khách thỉnh giá than phiền rằng những tiệm cầm đồ thường bắt chẹt họ bằng cách định giá quá thấp hoặc tính tiền lãi quá cao. Khi bị bóc lột như vậy, họ có thể thưa ở đâu, với ai?

Ô. Nguyễn Hữu Công: Việc này nếu có, các tiệm cầm đồ sẽ bị lập biên bản và sẽ chịu những biện pháp như họ phạt và hoặc đóng cửa tiệm hữu hạn hay vĩnh viễn. Khách hàng muốn thưa, đến Bộ Chỉ Huy Cảnh Sát Quốc Gia tại Quận. Trong năm 71 chúng tôi nhận được có một vụ khách hàng thưa một tiệm cầm đồ ở Chợ Lớn toan lấy mức lãi 4 phần thay vì 3 phần như luật định. Nội vụ đã được lập biên bản và được xét xử ở Ủy Ban Vật Giá Đô Thành trong phiên họp ngày 22.7.71 và đã phạt chủ tiệm 5.000\$. Chúng tôi đã chỉ thị cho các ban kiểm soát các Quận phải theo dõi gắt gao các tiệm cầm đồ.

NDMB: Đây là câu hỏi của Nghiệp Đoàn Tiệm Cầm Đồ Họ hỏi rằng họ đã nhiều lần yêu cầu chánh phủ cho họ được tăng tiền lãi mà sao đến bây giờ họ vẫn chưa được thỏa mãn?

Ô. Nguyễn Hữu Công: Khoảng năm 1970, Nghiệp Đoàn các Chủ Nhân Tiệm Cầm Đồ Bình Dân, có đạo đạt lên Tòa Đô Chánh một bản thỉnh nguyện xin được tăng mức lãi từ 3 phần lên 5 phần. Lý do là mức lãi 3 phần đã được áp dụng từ hơn 15 năm nay, không thay đổi, trong khi đó thì đồng bạc mỗi ngày giảm giá và chi phí mỗi ngày mỗi tăng. Tòa Đô Chánh cứu xét và chuyển đơn thỉnh nguyện ấy lên chánh phủ với hảo ý. Vấn đề đang được nghiên cứu và sẽ có một quyết định áp dụng chung cho toàn quốc.

NDMB: Chúng tôi xin bàn về tiền chố đánh trên các ban hàng. Ông nghĩ sao về việc nhiều ban hàng than phiền về việc chính phủ chỉ biết lấy tiền cho lấy thuế môn bài mà không biết lo cải tiến vệ sinh như là rác hoặc đường đi trong chợ sinh lây?

.../

Ô. Nguyễn Hữu Công: Nói rằng Tòa Đô Chánh chỉ biết thu tiền mà không cải tiến vệ sinh ở các chợ không đúng. Việc vệ sinh ở các chợ là mối lưu tâm đặc biệt của Tòa Đô Chánh. Bằng cố là Tòa Đô Chánh đã có phân nhiệm cho các cơ quan chuyên môn như Sở Vệ Sinh, Sở Cứu Hỏa lấy rác chợ mỗi khi chợ tan. Sở Thiết Kế Đô Thành hàng ngày đến chợ để xem xét, sửa chữa những chỗ hư hỏng.

Đây là công việc thường xuyên. Còn việc vệ sinh tổng quát thì Tòa Đô Chánh giao cho các Quận. Ngoài ra từ hơn một năm nay, Tòa Đô Chánh đã cho phép bầu lên ở mỗi chợ một ban quản trị chợ. Ban này đại diện cho tất cả các ban hàng để đạo đạt nên Tòa Đô Chánh những nguyện vọng của ban hàng.

NDMB: Tiền chợ mỗi ngày của mỗi ban hàng trong phải đóng là bao nhiêu?

Ô. Nguyễn Hữu Công: Ban hàng rong nghĩa là những người buôn bán trên các nẻo đường trong đô thành được chia làm 2 loại. Có nhiều ban hàng rong không có chỗ cố định, có nhiều ban hàng khác lại chiếm một chỗ cố định. Việc bán như vậy đều bị đánh thuế theo giá biểu hoa chi đã được áp dụng. Ví dụ, bán cam quýt là 5\$ mỗi thùng mỗi ngày, bưởi, thơm, măng cụt mỗi thùng mỗi ngày là 3\$, guốc, kim chỉ mỗi thước vuông là mỗi ngày 4\$. Xe bán mì, bán cháo, bán cà phê thì mỗi ngày 5\$ cho mỗi thước vuông.

NDMB: Ngoài ra các ban hàng còn có phải đóng tiền nào khác nữa không?

Ô. Nguyễn Hữu Công: Ban hàng rong không có chỗ cố định phải đóng thuế hoa chi, những ban hàng chiếm một chỗ cố định thì hàng ngày phải đóng thuế hoa chi mà còn phải đóng thuế choán lề đường để buôn bán. Thuế này Tòa Đô Chánh thu 60\$ mỗi thước vuông trong một tháng. Có trường hợp cần phải nêu lên là có nhiều cửa hàng có đóng môn bài, nếu cửa hàng này bày bán ra trước cửa hàng của mình đồng loại hàng bán trong tiệm họ chỉ đóng cho ngân sách trong Đô Thành thuế choán lề đường mà thôi mà khỏi đóng tiền hoa chi cho nhà thuế.

.../

NDMB: Còn việc là bạn hàng vừa đóng tiền chỗ thì lại bị Cảnh sát đến đuổi, có khi bị chửi về bót. Tại sao Tòa Đô Chánh lại lấy tiền chỗ ngay nơi mà Cảnh Sát không cho đặt bán?

Đ. Nguyễn Hữu Công: Trong Đô Thành không phải bất cứ lẽ đường nào cũng có thể buôn bán được. Từ nhiều năm nay vì tình trạng chiến tranh, đồng bào về thủ đô đông để buôn bán.

Lý ra việc choán lẽ đường như vậy bất hợp pháp phải được giải tán nhưng trong nhiều năm nay Tòa Đô Chánh đã thông cảm mà chần chể. Nhưng đứng về phương diện thuế vụ, để việc thu thuế được công bằng và tránh thất thu, các thu viên mỗi khi thấy bày bán đều có thu thuế. Trên mỗi biên lai thu thuế đều có ghi là biên lai này không có giá trị là một giấy phép choán lẽ. Do đó, đến khi nào Tòa Đô Chánh cần giải tỏa là cảnh sát có bổn phận làm nhiệm vụ của họ. Bạn hàng không có lý do gì khiếu nại và phải dời đi.

NDMB: Ông Phụ Tá nói rằng để tăng thu cho Tòa Đô Chánh thật sự là nhà thầu đã trả cho Tòa Đô Chánh những chỗ mà họ thầu rồi, vậy việc thầu thêm là để bỏ túi nhiều hơn chỗ.

Đ. Nguyễn Hữu Công: Không phải, đây là những thu viên của chúng tôi, của Tòa Đô Chánh thầu thuế choán lẽ đường.

NDMB: Ông Lê Văn Lợi ở số 88 đường Lê Thánh Tôn hỏi tại sao không đãi ngộ thương phế binh bằng cách cho họ thầu tiền chỗ thay vì cho các nhà thầu thầu?

Đ. Nguyễn Hữu Công: Việc này nằm trong chánh sách của quốc gia. Năm 1971 Tòa Đô Chánh cho:

- Hội đoàn phế binh khai thác một bến xe hơi và một số chỗ giữ xe đạp. Chúng tôi xin trình bày ra đây các nơi mà Tòa Đô Chánh đã giao cho các hội đoàn phế binh khai thác trong năm 1971.

- Hội Bảo Vệ Gia đình Tử Sĩ ba bến xe trước cư xá Tam Đa, lẽ đường Gia Long ngang hông tòa án, lẽ đường Phùng Khắc

.../

Khoan đổi diện Hội Việt Mỹ.

- Hội Quà Phụ Tử Sĩ khai thác một bến xe hơi và hai bến xe đạp. Bến xe hơi quanh chợ Saigon, bến xe hai bánh lề đường Lê Thánh Tôn.

- Hội Ái Hữu Thương Phế Binh được giữ ba bến xe trước rạp Victory Lê Ngọc đổi diện rạp Đại Nam và trước trường đua Phú Thọ.

- Hội Thương Phế Binh bốn chỗ giữ xe trước thảo cầm viên, trước rạp Casino Dakao, trước rạp Khải Hoàn, đổi diện số 16-20 đường Trần Quý Cáp.

Những nơi này Tòa Đô Chánh đã giao cho những Hội đoàn Thương Phế Binh khai thác từ đầu năm 1971. Bắt đầu từ năm 1972 chúng tôi cũng nhận được đơn của những Hội đoàn Thương Phế Binh xin khai thác một số chợ trong đô thành và một số chỗ giữ xe.

Chúng tôi đã chuyển đạt nguyện vọng của họ lên Hội Đồng Đô Thành và chờ quyết nghị của Hội Đồng Đô thành.

NDMB: Nói về vấn đề giữ xe, Ông Trần Văn Cảnh ở đường Thái Lập Thành thường đi xem hạt bông tối than phiền nhà thầu lấy tiền đậu bến xe quá cao và nhiều khách thỉnh giả khác gửi xe hai bánh cũng phải trả giá giữ xe quá mắc. Tòa Đô Chánh có biện pháp nào ngăn chặn việc này không?

O. Nguyễn Hữu Công: Giá biểu của bến xe hơi là 20\$ mỗi giờ, nếu đậu hơn nửa tiếng thì đóng thêm 10\$, đậu trên nửa giờ thì đóng thêm 20\$. Việc giữ xe hai bánh thì giá biểu là hai đồng cho mỗi chiếc xe đạp mỗi nửa ngày và 10\$ cho mỗi xe máy dầu. Việc đồng bào than phiền nhà thầu lấy tiền quá giá chúng tôi cũng có nghe và chúng tôi có nhiều biện pháp gắt gao đối với nhà thầu. Bằng cố là khi nhà thầu bị bắt thầu quá giá ấn định, lần thứ nhất bị phạt 10.000\$, lần thứ nhì bị phạt 20.000\$, lần thứ ba bị giải tán địa điểm, tịch thu ký quỹ và cho đấu thầu lại. Trong năm 71 đã có 20 nhà thầu bị phạt 10.000\$, 10 nhà thầu bị phạt 20.000\$ và năm nhà thầu bị tịch thu ký quỹ, giải tán địa điểm và cho đấu thầu lại. Năm nhà thầu này là những

nhà thầu chỗ giữ xe đường Lê Lợi từ tiệm Lien Seng đến nhà hàng Givral, chỗ giữ xe trước rạp hát Đại Quang đường Tống Đốc Phương Chợ Lớn, chỗ giữ xe trước Trường xá TAX đường Lê Lợi, chỗ giữ xe trước rạp hát Lê Thanh đường Phan Phụng Tiên và chỗ giữ xe đường Lê Lợi bên hông Bộ Công Chánh.

Muốn ngăn chặn việc lấy quá giá, chúng tôi đặt ở mỗi địa điểm giữ xe một tấm bảng nêu rõ giá biểu và chúng tôi thường ra thông cáo cho đồng bào biết. Chúng tôi cũng buộc người giữ xe hơi phải in ở trên vé thầu tiền là 20\$ mỗi giờ.

NDMB: Thưa Ông Phụ Tá, đây là câu hỏi cho những người chủ nhà ở đường có đặt chỗ thầu đậu xe bốn bánh. Những nhà này thường đậu xe những lâu nay có chuyện thầu tiền đậu xe hơi thì rất tốn kém, vậy họ có được miễn phải trả tiền không?

O. Nguyễn Hữu Công: Điều kiện sách quy định việc thành lập những bến đậu xe trong đô thành nói rằng đến ngày nay chỉ có tám bến thôi, những xe đậu trong phạm vi bến là phải trả tiền cho ngân sách đô thành qua trung gian nhà thầu. Không có điều nào miễn cho người đậu xe trước nhà của mình, dầu trên xe có tài xế ngồi cũng vậy.

NDMB: Bà Nguyễn Thị Phương ở số 221/19 đường Trần Quang Khải đại diện một số chủ nhà thầu giữ xe hai bánh kêu nại thường bị chủ мэng dọa tống tiền mỗi khi mất xe, mặc dù họ đã xin bồi thường những xe đó. Xe hai bánh phải bị đen, nhưng xe bốn bánh mất sao lại không đen?

O. Nguyễn Hữu Công: Việc мэng chửi đối với nhà thầu là do cá tính của mỗi người bị mất xe thường nóng nảy. Việc này do sự giải quyết của Cảnh sát và tòa án. Việc giữ xe hai bánh mỗi khi mất thì đều có thưởng. Còn giữ xe hơi thì chỗ đậu chỉ là bến mà thôi, chủ nhà thầu không phải giữ xe. Những ai đậu ở bến này đều phải trả tiền cho ngân sách Đô thành qua trung gian nhà thầu, chỗ nhà thầu không phải giữ xe. Việc lấy thuế choán công lộ để đậu xe thì các nước khác cũng có thầu, nhưng có điều ở các nước họ có đặt đồng hồ điện dọc theo công lộ.

.../

NDMB: Bây giờ chúng tôi xin đặt câu hỏi của những người mất xe, những người này nói rằng những chiếc xe bây giờ đã khác hẳn với giá ghi trên hóa đơn. Ví dụ một chiếc xe honda bây giờ cũng trên 200.000đ, nếu nhà thầu làm mất chỉ đền theo giá ghi trên hóa đơn thì họ thiệt thòi nhiều lắm. Vậy chuyện này giải quyết như thế nào?

Ô. Nguyễn Hữu Công: Việc này đã xảy ra nhiều lần, trong trường hợp nhà thầu và chủ xe không đồng ý với nhau về giá cả thì quyền quyết định tối hậu sẽ do nơi tòa án.

NDMB: Mỗi năm, mỗi nhà phải đóng bao nhiêu thuế thổ trạch, thuế nóc gia, thuế cống rãnh, thuế rác?

Ô. Nguyễn Hữu Công: Theo luật thuế vụ, thuế này gọi là gia ốc địa tô gồm phần nóc gia đánh theo trị giá của căn nhà, phần thứ hai đánh trên phần đất để xây cất căn nhà. Danh từ thông dụng gọi là thổ trạch thị trấn. Trong phần thổ trạch thị trấn còn có hai loại thuế phụ là thuế rác và thuế cống. Thuế rác và cống cũng đánh trên căn bản trị giá căn nhà, còn các nhà xây cất dọc theo đường nếu có bao lớn, mái hiên cũng phải đóng thuế bao lớn, mái hiên. Trường hợp căn nhà dùng để buôn bán ngoài thuế liên hệ tới thương vụ của mình, là môn bài, sản xuất, lợi tức v.v.. những cửa hàng có treo bảng hiệu phải đóng thêm thuế bảng hiệu.

NDMB: Còn thuế cống rãnh và thuế rác bao nhiêu mỗi năm?

Ô. Nguyễn Hữu Công: Thuế rác đánh trên giá trị của căn nhà, 6% của giá tiền thuế nhà trong 9 tháng, còn thuế cống rãnh là 3% của tiền thuế nhà trong 9 tháng.

NDMB: Tòa Đô Chánh lấy tiền cống rãnh, thuế rác nhưng nhiều người vẫn than phiền rằng cống vẫn nghẹt đường đi vẫn ngập lụt và đóng rác nào cũng to lớn, hôi hám. Vậy thuế cống rãnh và thuế rác Tòa Đô Chánh thu để làm gì?

.../

Ô. Nguyễn Hữu Công: Thuế cống và thuế rác, thật sự tỷ lệ thau không được là bao nhiêu, nếu lấy số tiền này để đặt ống thoát nước hoặc để hút rác thì không thấm gì hết. Đây là một công trình quy mô tốn kém. Công trình này được tiến hành tùy theo khả năng của ngân sách đô thành. Trong mấy năm gần đây, việc chỉnh trang thành phố đã tiến triển rất khả quan.

NDMB: Những nhà xây cất bất hợp pháp cũng phải đóng thuế, nếu họ đóng thuế rồi có thể xem như đã hợp thức hóa những căn nhà họ đã xây cất bất hợp pháp không?

Ô. Nguyễn Hữu Công: Mọi căn nhà xây cất bất hợp pháp đều phải đóng thuế. Nhưng việc đóng thuế không có nghĩa là hợp thức hóa căn nhà vì vấn đề xây cất bất hợp pháp có hai loại, hoặc là xây cất nhà không có phép hoặc xây cất nhà có phép nhưng không đúng phép thì các vi phạm thuộc thẩm quyền tòa án xét xử, chứ không phải đánh thuế là hợp thức hóa căn nhà.

NDMB: Tòa Đô Chánh lấy thuế cũng gặt gao nhưng cũng làm những chuyện có ích cho người dân. Nhưng có một chuyện chướng mắt nhất là hai cây cầu vòng ngang bùng binh Saigon. Hai cây cầu này không làm lợi cho ai cả mà lại còn là một điểm xấu cho đô thành. Vậy xin cho biết chuyện này do đâu mà ra và định giải quyết hai cây cầu này như thế nào?

Ô. Nguyễn Hữu Công: Việc xây cất hai cây cầu này đã thực hiện từ hơn hai năm nay. Việc thực hiện này có hồ sơ kỹ thuật và cứu xét chi tiêu. Rất tiếc là lúc đó chúng tôi chưa về Tòa Đô Chánh, chúng tôi không tham dự vào việc cứu xét việc chi tiêu của hai cây cầu này nên không thể trả lời được.

CÁC BỆNH VIỆN TẠI SAIGON

Phát Hình Ngày 21.11.1971

Bác sĩ TRƯƠNG MINH CÁC, Tổng Giám Đốc Y Tế, 43 tuổi, sanh tại Tây Ninh, tốt nghiệp Y Khoa Đại Học Bordeaux, Pháp.

Bác sĩ Các nguyên là Trưởng Ty Y Tế Bình Tuy, nguyên Giám Đốc Trung Tâm Huấn Luyện Y Tế Công và hiện nay ông là Tổng Giám Đốc Y Tế.

NDMB: Bác sĩ nghĩ sao về lời than phiền của một số khách thỉnh giả cho rằng có một vài y sĩ, y tá và lao công có những cách đối xử với bệnh nhân không được lịch sự, nhất là tại những phòng khám bệnh miễn phí?

B.S. Trương Minh Các: Nói chung bệnh viện ở Việt Nam thiếu hụt nhân viên cho nên có một vài trường hợp vì trong thời gian phục vụ, công việc làm của họ quá mệt nhọc, một vài người đã có những cử chỉ mà đối với bệnh nhân. Dù sao, cũng chỉ là phần nhỏ so với sự cố gắng của họ.

NDMB: Bác sĩ nói rằng chúng ta thiếu y sĩ, thiếu y tá và thiếu cả lao công. Tại sao chúng ta thiếu như vậy?

.../

B.S. Trương Minh Các: Những ngành trong xã hội có thể nói y tế là ngành cần phải làm việc nhiều nhất. Y tá có thể làm việc cả đêm, người y sĩ phải trực gác nửa đêm và không được ngủ yên giấc cũng như những lao công phải làm việc nặng nhọc, do bản nên số người ngành này rất ít. Ngoài ra còn những yếu tố xã hội khác như đồng lương không được dồi dào nên họ không thể dành hết thời giờ cho bệnh viện. Nhưng tình trạng thiếu hụt nhân viên không phải chỉ ở Việt Nam mà ngay tại những quốc gia tân tiến cũng thiếu hụt như vậy. Do đó, ngay tại Hoa Kỳ cũng dùng một số lớn y tá của Phi Luật Tân hay ở Đức cũng cần dùng những y tá của Đại Hàn.

NDMB: Một khán thính giả, Ông Huỳnh Văn Bé hỏi rằng tại sao khi cần tới bác sĩ hay y tá thì lại không thấy ai cả. Xin bác sĩ cho biết, trong ngày hay là ban đêm, bác sĩ và y tá có mặt tại đâu?

B.S. Trương Minh Các: Có lẽ vì những thân nhân của bệnh nhân vì quá nóng ruột nên đòi cho được bác sĩ quen nên có những bác sĩ tới vì họ không biết mặt nên họ cho rằng không phải là bác sĩ. Ở trong các bệnh viện đều có tổ chức trực 24/24 đều có y sĩ để khi cần thì họ tới. Do đó y sĩ và y tá luôn luôn có mặt ở bệnh viện và không có vấn đề mới mà không gặp.

NDMB: Thưa bác sĩ, câu hỏi này có thể khó trả lời và có thể không làm vừa lòng một vài đồng nghiệp của bác sĩ là chúng ta đã thiếu bác sĩ nhưng tại các nhà thương lại còn thiếu bác sĩ hơn. Chẳng hạn như có người hỏi rằng tại sao những bác sĩ thay vì làm việc tại nhà thương đủ thời giờ lại làm quá ít như về sớm, đến trễ vì họ có phòng mạch riêng?

B.S. Trương Minh Các: Y sĩ tại Việt Nam hiện tại rất ít, và người y sĩ cũng cần phải có những tiện nghi tối thiểu nên trong tình trạng hiện tại đồng lương ít mà chánh phủ cũng đã dễ dàng cho phép ngoài giờ làm việc họ có thể làm tư thêm. Nhưng nói rằng làm việc tại bệnh viện ít, không đúng. Nhiều bác sĩ làm việc đêm, hay không phải giờ của họ, họ cũng đến

.../

thì không ai biết. Chỉ những lúc thân nhân người bệnh tới mà có thể vì những bác sĩ bận ở chỗ khác thì đó thừa là không có bác sĩ chú thật ra số bác sĩ bỏ bê rất ít.

NDMB: Vấn đề gay cấn là tại những phòng miễn phí có thể là theo ý của vị bác sĩ cho rằng bệnh nhân đó không cần phải nằm nhà thương nhưng thân nhân hoặc người bệnh nhận đợi nằm. Trường hợp này giải quyết như thế nào?

B.S. Trương Minh Các: Vấn đề này cũng khó giải quyết. Chúng tôi nghĩ phải đặt trọng tâm vào lời khuyên của người y sĩ. Tôi thấy có nhiều bệnh nhân rất hài lòng sau khi nghe những lời giải thích của y sĩ hay y tá.

NDMB: Chúng ta thấy có thể giải quyết bằng cách ba người nằm hai giường hay hai người nằm một giường, ngoại trừ trường hợp bất đắc dĩ và những trường hợp như ở nhà bảo sanh Từ Dũ thì bắt buộc phải nhận họ. Và thừa bác sĩ, sự có mặt của thân nhân bên giường bệnh có cần thiết không?

B.S. Trương Minh Các: Đối với tình trạng thiếu thốn nhân viên tại các bệnh viện ở Việt Nam sự hiện diện của thân nhân bên người bệnh rất cần thiết nhưng không nên quá đông vì như thế gây trở ngại cho bệnh viện rất nhiều. Tuy nhiên, trong trường hợp đặc biệt như là hậu giải phẫu thì thân nhân cũng không được gan bên. Riêng những em nhỏ, chúng tôi thấy cũng cần người mẹ ở bên để các em khỏi sợ để giúp các em yên ổn. Nhưng như tôi đã nói, không nên quá đông chỉ cần một người cho một bệnh nhân mà thôi.

NDMB: Còn vấn đề thăm viếng thì họ được thăm viếng vào những giờ nào, thăm viếng trong bao lâu và có thể đem trẻ em về được không?

B.S. Trương Minh Các: Mỗi bệnh viện đều có giờ khắc để thân nhân vào thăm. Giờ này thường vào buổi trưa. Việc dắt trẻ em vào thăm rất bất tiện vì có nhiều bệnh có thể lây cho các em. Dù sao, không nên mang những em quá nhỏ.

.../

NDMB: Có bệnh nhân là Ông Nguyễn Văn Hai, tài xế của Bộ Xả Hội, ở 30/55 Nguyễn Bình Khiêm Saigon, nằm điều trị tại trại 9 ở bệnh viện Chợ Quán để cai ma túy. Ông này muốn xin bà Trưởng trại để về lãnh lương nhưng bà Trưởng trại không cho và ông ấy đã trốn về, khi trở vào, bệnh viện không cho ông ấy vào nữa. Vậy nhân buổi phỏng vấn hôm nay, xin bác sĩ cho ông ấy vô trở lại.

B.S. Trương Minh Các: Việc cai ma túy cần có những điều kiện mà bệnh nhân phải theo thì việc cai mới dễ dàng. Trong thời gian cai, bệnh nhân phải chịu sự kiểm soát kỹ càng. Bệnh nhân ra ngoài thì gây cho sự trị liệu khó khăn nên bệnh viện không cho ra. Tôi thấy ông Hai có thiện chí muốn cai thì bệnh viện có thể chấp thuận cho ông ấy trở lại.

NDMB: Còn những bệnh khác có thể xin ra ngoài, hoặc về nhà trong một vài giờ được không?

B.S. Trương Minh Các: Việc này còn tùy ở mỗi loại bệnh. Có những loại bệnh mà bệnh nhân không được rời khỏi giường hoặc rời bệnh viện, nhất là những bệnh hay lây. Điều này không thể đặt thành một luật lệ chung mà còn tùy ở loại bệnh.

NDMB: Có một nhà thương, đặc biệt là nhà thương Từ Dũ, chúng tôi thấy có nhiều bà đi sanh nhưng chắc vì chưa tới ngày sanh mà nhà thương không thể nhận họ được nên họ nằm ở ngày đêm thì vấn đề này, Bộ Y Tế có giải quyết được phần nào trường hợp này không?

B.S. Trương Minh Các: Hiện nay tình trạng này đã được cải tiến vì chúng tôi đã có thêm cơ sở ở bảo sanh viện Từ Dũ cho nên những người đi sanh không còn phải nằm chờ ở ngoài nữa.

NDMB: Tại các nhà thương, chúng tôi thấy cần có những người giúp đỡ bệnh nhân vì phần đông họ mới đến, bỡ ngỡ mà không được chỉ dẫn. Vậy ở xứ ta có thể có những người giúp đỡ như vậy không?

.../

B.S. Trương Minh Các: Ở Việt Nam rất cần những cán sự xã hội hay phụ tá xã hội để giúp vào công việc này. Chúng tôi rất đồng ý với ý kiến này nhưng số nhân viên xã hội hiện nay rất ít vì Bộ Xã Hội mới có trường huấn luyện xã hội cách đây không lâu. Chúng tôi hy vọng trong tương lai, trường này sẽ cung cấp thêm cho những bệnh viện. Ngoài ra, chúng tôi nhân dịp này thấy rằng nếu những hội tự có những người tình nguyện đến giúp để an ủi tinh thần các bệnh nhân thì rất hay.

NDMB: Thuốc men của các nhà thương có đầy đủ hay không, vì có nhiều người than phiền rằng tại sao có bác sĩ cho toa rồi bắt ra ngoài mua thuốc. Vậy có phải rằng ông bác sĩ cho toa đó có những phần hùn hay hoa hồng đối với những nhà thuốc không?

B.S. Trương Minh Các: Thuốc men luôn luôn đầy đủ. Riêng trường hợp cho toa, chúng tôi không tin là những bác sĩ đó có những liên hệ với những dược phòng bên ngoài. Các bác sĩ chỉ cho toa những loại thuốc cần thiết vì những loại thuốc mà Bộ Y Tế cung cấp thường là những thuốc để điều trị đa số dân chúng nên không có những loại thuốc đặc biệt. Do đó có thể có những toa thuốc dành cho những bệnh đặc biệt.

NDMB: Còn vấn đề máu, khi mà nhà thương tiếp máu cho họ thì họ nói rằng đáng lẽ cho không mà lại bắt họ mua máu và nhiều khi họ nghèo không thể trả nổi. Vậy thì có trường hợp nào nhà thương bắt họ phải trả tiền trước rồi mới sang máu sau không hay là người nào có tiền thì sống, còn không có tiền thì chết?

B.S. Trương Minh Các: Dư luận này không có căn cứ vì nguyên tắc truyền máu của bệnh nhân là phải có máu bồi hoàn mỗi khi truyền máu. Do đó mỗi khi truyền máu cho bệnh nhân thân nhân của bệnh nhân phải hoàn lại máu cho bệnh viện để bệnh viện có máu điều trị cho người khác chớ không có đặt vấn đề tiền bạc. Nhưng ở Việt Nam dân chúng có thành kiến cho rằng cho máu sẽ mất sức nhiều nên ít người chịu cho máu, kể cả những thân nhân của họ. Vì vậy chúng tôi kêu gọi những người dư thừa máu cho

.../

bệnh viện. Muốn làm việc này phải có một số chi phí dùng vào việc tổ chức việc lấy máu. Bởi vậy nếu thân nhân của bệnh nhân không thể bồi hoàn được máu cho bệnh viện thì bắt buộc bệnh viện chỉ xin lại tiền chi phí trong việc có máu mà thôi. Không hề có việc bắt những bệnh nhân nghèo phải trả tiền trước. Khi bệnh nhân vào bệnh viện thì không phân biệt giàu nghèo mà chỉ căn cứ vào tình trạng bệnh tật mà thôi.

NDMB: Có một nhân viên của Công ty Sicovina là ông Nguyễn Bá Hiền mắc bệnh phải khám nhiều lần ở khu ngoại chẩn của Trung Tâm Thực Tập Y Khoa Gia Định. Mỗi lần khám phải đóng 100\$, ông ấy xin là mỗi lần tái khám được miễn phí.

B.S. Trương Minh Các: Trung Tâm Thực Tập Y Khoa Gia Định là một bệnh viện có quy chế gần như tự trị nên khu ngoại chẩn này có được phép lấy một số tiền tượng trưng. Do đó, mỗi lần khám đều phải trả tiền và không thể miễn được. Hơn nữa, ông Hai là nhân viên của hãng tư. Hãng tư đều có quỹ để trả cho công nhân nên ông Hai khỏi cần thắc mắc.

NDMB: Chúng tôi xin trở lại vấn đề máu. Có nhiều bệnh nhân ngại nhận máu vì họ nghĩ rằng có thể máu của những người cho có thể có bệnh, vậy xin bác sĩ cho biết lúc lấy máu thì bệnh viện có thử máu đang hoàng không?

B.S. Trương Minh Các: Những người đến cho máu phải qua nhiều thử nghiệm lắm. Chúng tôi phải xem người cho máu có khỏe mạnh không và trong máu đó có vi trùng không rồi mới dùng máu này để sang cho người khác nên việc truyền máu không có nguy hiểm gì cả.

NDMB: Bà Lý Thị Nhàn ở xã Tân Thới Nhất than phiền là tại sao nhà bảo sanh của xã nói khi đến sanh thì khỏi mất tiền nhưng sau khi sanh thì cô để lại đôi bà ta tiền thuốc tới 1.600\$. Bà Nhàn hỏi rằng không biết thuốc của nhà bảo sanh xã do Bộ Y Tế cấp hay cô để phải bỏ tiền túi ra để mua?

B.S. Trương Minh Các: Trên nguyên tắc nhà bảo sanh xá đều miễn phí, thuốc men đều do Bộ Y Tế cấp, nhưng nhiều khi người sản phụ cũng thấy cần thuốc bổ thêm cô đỡ có thể giúp cho họ và có thể đi mua dùm cho họ mà thôi.

NDMB: Ông Phan Văn Quý ở Chi Y Tế Thủ Đức thắc mắc rằng ở Saigon, chợ Bến Thành và những nơi có người ngoại quốc lại để cho những người xấu số như mắc bệnh phong cùi hàng ngày ngồi la liệt trên các vỉa hè. Việc này đối với người Việt Nam thì không ai tiếc chi 5, 10\$ nhưng nếu cho tiền, họ cầm vào tay rồi lỡ lây bệnh cùi thì sao. Đối với người ngoại quốc thì đó là một sự khinh bỉ cho người Việt Nam thành ra Ông Quý đề nghị là làm thế nào nên tập trung những người cùi này vào một nơi để vệ mặt đô thành sạch sẽ đồng thời có thể điều trị cho họ.

B.S. Trương Minh Các: Không phải tất cả những người mắc bệnh cùi đều lây cho những người khác. Chúng tôi thấy rằng chỉ có những bệnh nào có thể lây thì mới giữ lại ở bệnh viện nhưng hiện nay chương trình quốc gia bài trừ bệnh cùi thực hiện thì cố giữ cho được những người đang ở trong tình trạng lây, còn những người không ở trong tình trạng lây thì họ có thể trở về xã hội để làm việc như thường và cứ định kỳ họ đến trung tâm hay nơi có bác sĩ chữa trị và bệnh này theo dõi và cho thuốc để bệnh họ không tiến triển không. Lý do mà họ phải đi xin ăn, một phần vì sợ cũng sợ bệnh này lây, còn nếu người biết rõ và chấp nhận họ để họ có công ăn việc làm như những người khác thì việc xin ăn bớt đi. Riêng ở thủ đô cũng đã có nhiều biện pháp như mời họ về những trung tâm của Bộ Y Tế.

NDMB: Qua các cuộc thăm viếng, chúng tôi thấy ở các bệnh viện mặt đầu cũng được quốc gia tài trợ một ngân khoản lớn nhưng vẫn không có đủ tiền nghị, không đủ tiền để trả cho các bác sĩ, y tá, lao công đầy đủ để họ làm việc một cách đắc lực. Xin bác sĩ cho biết ý kiến về vấn đề nên để cho các bệnh viện được tự trị để họ có đủ tiền mua dụng cụ, xây cất thêm...

B.S. Trương Minh Các: Bộ Y Tế cũng đã nghĩ tới vấn đề này từ lâu và hiện nay Bộ Y Tế đã trình một dự thảo luật để

.../

cho một số bệnh viện có đủ điều kiện được hưởng quy chế tự trị. Nhưng trong quy chế tự trị thì hiệu nôm na là thu vô bao nhiêu thì xài bấy nhiêu. Nhưng sự thật là các dịch vụ dành cho bệnh nhân không thế nào, có thể nói là đủ để bù đắp được những chi phí. Còn nếu nói làm lại ra càng khó hơn nữa. Nên vấn đề tự trị chỉ là việc để giúp giải quyết bớt chi phí của chính phủ và giúp cho bệnh viện có phương tiện có thể ấn định được phần nào lương bổng của nhân viên và những phương tiện khác chi tiêu dễ dàng hơn, để đáp ứng mau lẹ việc điều trị bệnh nhân. Nếu dự luật này được quốc hội chấp thuận thì một số bệnh viện lần lượt được hưởng quy chế tự trị thì bệnh nhân sẽ có nhiều phương tiện chữa trị hơn.

NDMB: Người ta nói rằng tại các nhà thương Việt Nam số người chết nhiều hơn là sống. Xin bác sĩ cho biết số tử suất như thế nào?

B.S. Trương Minh Các: Nói chung thì cũng tùy theo bệnh viện. Nhưng số tử suất trên toàn quốc trong năm 1969 và năm 70 rất khả quan tại các bệnh viện. Năm 1969 tử suất các bệnh viện trên toàn quốc là 2,26% đến năm 70 thì tử suất giảm còn lại 1,52%.

NDMB: Nói nôm na là trong năm 1969 cứ 100 người vô nhà thương thì có 2 người chết và năm 1970 thì cứ 100 người vô nhà thương thì có một người rưỡi chết.

B.S. Trương Minh Các: Đúng như vậy.

NDMB: Thưa bác sĩ, nếu người ta thấy những chuyện không hay, không đẹp của nhà thương và họ muốn thưa thì thưa ở đâu?

B.S. Trương Minh Các: Nếu có chuyện gì xảy ra ngay tại bệnh viện thì họ nên thưa nơi ban giám đốc để nơi này giải quyết. Nếu ban giám đốc không giải quyết họ có thể liên lạc cấp cao hơn là tại trung ương như ở Bộ Y Tế hoặc gửi thư cho chúng tôi với những tài liệu xác thực thì chúng tôi sẽ giải quyết.

NGHỀ LUẬT SƯ

Phát Hình Ngày 28.11.1971

Luật sư VÕ VĂN QUAN, 51 tuổi, sanh tại Saigon, làm nghề luật sư từ năm 1954. Ông là hội viên Hội Đồng Luật Sư từ hơn mười năm nay.

Luật sư Quan đã nổi tiếng trong các vụ án chính trị như vụ án Ngô Đình Cẩn, các vụ án đảo chánh, vụ án biến động miền Trung, vụ án Trần Ngọc Châu...

NDMB: Xin Luật sư cho biết, luật sư làm gì?

L.S. Võ Văn Quan: Một trong những nhiệm vụ chánh của luật sư là biện hộ cho thân chủ trước tòa. Luật sư còn một nhiệm vụ nữa là làm cố vấn pháp luật để tránh việc có những vụ kiện tụng. Nhiệm vụ thứ ba của luật sư là hòa giải, hòa giải giữa hai bên có những tranh chấp với nhau.

Nghề luật sư có một chỗ phức tạp, là luật sư cũng chỉ là một người dân, nhưng lại có tham dự vào việc xử hành những việc quan trọng của chánh quyền là ban hành công lý. Trong luật có định nghĩa người luật sư là phụ tá của công lý. Phụ tá

.../

không có nghĩa là tùy thuộc tòa án. Tòa án không thể sai khiến luật sư mà chỉ có nghĩa là giúp chánh án xét xử công minh. Bởi vậy điều khó hiểu trong nghề luật sư là vừa làm thế nào để bênh vực cho thân chủ mà vừa có thể không làm trái bổn phận của người phụ tá chân thành của công lý.

NDMB: Nghề luật sư có từ ngày nào và ai được xem là luật sư đầu tiên của lịch sử tòa án?

L.S. Võ Văn Quan: Vì tánh cách phức tạp của nghề luật sư nên người luật sư có thể có khi nào có đủ hai điều kiện là xã hội đó phải tiến tới một chế độ văn minh nào đó và xứ đó phải là xứ dân chủ. Vậy cho nên chỉ ở đời cổ La Mã tức khoảng 2.000 năm nay mới có luật sư mà không phải là đã có như hình thức bây giờ. Hồi đó có chế độ gọi là patrone, có thể gọi là chế độ chủ tể. Ông chủ tể là một người quý phái có thể lực, bênh vực những người gọi là client của mình. Không phải ông ta chỉ bênh vực trước tòa án mà thôi mà còn lo lắng cho người thuộc hạ cũng như lo lắng cho người nhà của mình vậy. Bởi vậy cho nên khi người thuộc hạ đi đưa ra tòa, ông chủ tể, biện hộ cho thuộc hạ của mình. Đối lại thì người thuộc hạ phải trung thành với ông chủ tể. Sau đó mới biến thể có những người gọi là Orator là những người không phải là quý phái, nhưng đó là những người bà con, họ hàng, bạn bè khi cần thì ra tòa giúp những người bà con của mình. Sau đó, người Orator trở thành gan như là chuyên nghiệp. Từ nghề Orator lo cho bạn bè, bà con cho tới người Orator chuyên nghiệp lo cho người ngoài chỉ có một bước mà thôi. Sau đó dưới đời Theodore I, mới lập thành một đoàn thể luật sư nhưng chỉ xem như đoàn thể tôn giáo hay nghề nghiệp mà thôi. Tới đời Justin mới lập một đoàn thể luật sư đoàn như bây giờ. Còn hỏi ai là người luật sư đầu tiên thì cũng khó vì nghề luật sư không phải chỉ có một người đứng ra làm. Nhưng tôi có thể nói tới một luật sư trứ danh nhất trong thời cổ La Mã là ông Cicéron, ông là một chánh khách lỗi lạc, một luật sư đại tài, những bài cãi của ông sau này đóng thành sách và dạy ở các lớp.

NDMB: Muốn hành nghề luật sư phải có những điều kiện nào?

.../

L.S. Võ Văn Quan: Muốn hành nghề luật sư phải có cử nhân luật, quốc tịch Việt Nam, ít nhất là 21 tuổi và không có hành một nghề nào kiêm nhiệm với nghề luật sư. Vì nghề luật sư là một nghề độc lập, có độc lập mới biện hộ cho thân chủ được.

NĐMB: Dân biểu và nghị sĩ cũng lãnh lương của dân trả, vậy họ có thể tiếp tục hành nghề luật sư không, nếu trước kia họ là luật sư?

L.S. Võ Văn Quan: Họ có thể tiếp tục vì trong nội quy có ghi rõ ràng là không những họ có thể tiếp tục nếu trước kia họ là luật sư mà người dân biểu và nghị sĩ còn có thể xin làm nghề luật sư nếu hội đủ điều kiện về văn bằng... Nhưng có sự giới hạn là điều 46 nội quy có nói rõ là luật sư được trao một ủy nhiệm dân cử không có quyền, trong suốt nhiệm kỳ của mình, tự mình hay nhờ đồng nghiệp thực hiện mọi hành vi chức vụ để bình vực quyền lợi của cộng phạm bị truy tố về những hành động làm tổn hại tín dụng, tiết kiệm công chúng hay an ninh quốc gia. Tóm lại luật sư dân biểu không có quyền biện hộ trong những vụ biểu thủ công quỹ hay chống lại với chánh quyền.

NĐMB: Giữa các luật sư có tôn ti, đẳng trật nào không, nếu có, thì làm sao có nhiều luật sư có thể biện hộ một cách đặc lực khi mà họ phải chống với một luật sư đàn anh hay là ông thủ lãnh của mình?

L.S. Võ Văn Quan: Phải phân biệt hai khía cạnh: khía cạnh giao thiệp và khía cạnh khi ra tòa biện hộ cho thân chủ. Trong việc giao thiệp hằng ngày trong kỹ luật nội bộ, tất nhiên là có người lớn, kẻ nhỏ phân biệt ở chỗ thâm niên hay là ít thâm niên. Người luật sư thâm niên phải những nhận độ lượng với đàn em. Đàn em phải kính trọng đàn anh. Thủ lãnh của Hội Đồng Luật Sư chỉ có thẩm quyền kỹ luật đối với người luật sư vi phạm nội quy. Khi ra trước tòa thì bình đẳng. Có thể nói nghề luật sư là nghề dân chủ nhất thế giới vì người mới tuyên thệ cũng mặc áo y hệt ông thủ lãnh. Khi ra trước tòa hai người

có thể ngang hàng để biện hộ. Và lại nghề luật sư còn có tánh thiên phú, có tài hùng biện, lanh trí. Những đức tánh này có thể có nơi người nhỏ tuổi, mới vào nghề mà người lớn không có.

NDMB: Lúc ra tòa, người ta thấy có hai ông luật sư cãi nhau, có khi gây gổ gần như muốn đánh lộn với nhau, nhưng sau đó hai ông lại bắt tay nhau vui vẻ, dẫn nhau đi ăn uống. Có phải hai ông này chỉ đóng kịch cho đáng đồng tiền bát gạo của thân chủ, hay nói một cách khác là hai ông ấy đã cui với nhau?

L.S. Võ Văn Quan: Chúng ta phải phân biệt hai khía cạnh, khía cạnh giao thiệp và khía cạnh nghề nghiệp. Khi biện hộ cho thân chủ của mình, ai cũng phải tranh luận một cách tận tâm, sau đó là đồng nghiệp. Còn mỗi lần biện hộ cho hai người chống với nhau thì luật sư cũng thù nghịch với nhau thì chúng tôi sẽ không có ai thân với ai được hết.

NDMB: Khi hai luật sư bênh vực hai lập trường khác nhau thì chắc chắn phải có một người có lý và một người không có lý. Ông bênh vực cho người sau, phải chăng ông ta đã thiếu thành thật trong lúc bênh vực cho thân chủ của ông ấy?

L.S. Võ Văn Quan: Không hoàn toàn đúng hẳn như vậy, vì tương quan giữa con người rất phức tạp, tế nhị, mà luật pháp lại càng phức tạp nữa. Vì luật chỉ đặt trong một khung cảnh nào đó chứ không thể tiên liệu tất cả những trường hợp có thể xảy ra được, nên hai người biện hộ cho hai lập trường khác nhau không thể nói là một trong hai người đó cố tình ngụy biện.

Ví dụ, trong luật, về lý do để ly dị, là ngược đãi thậm tử thường xuyên khiến cho cuộc chung sống không thể tiếp tục được. Nếu định nghĩa rõ rệt câu này để áp dụng cho từng trường hợp cũng khó. Thế nào là ngược đãi? Trong một gia đình trung lưu khác, gia đình thượng lưu khác. Trong một gia đình chủ thể thì việc cãi cọ, dùng tiếng nặng nề thì không phải là ngược đãi. Còn đối với một gia đình trí thức không cần phải chủ thể nói một tiếng nặng nề cũng là ngược đãi. Còn thế nào là thường xuyên? Sự kiện đó xảy ra bao nhiêu lần mới gọi là thường xuyên? Còn

thế nào là thậm tử, là nặng nề? Còn thí dụ về hình, bây giờ có rất nhiều những vụ gọi là phi báng.

Theo quý chế báo chí, phi báng một sự kiện thuộc vào đời công của một người, người bị đưa ra tòa có thể đưa bằng cố chứng minh. Còn nếu thuộc về đời tư thì việc đó dù có trùng cũng không được chứng minh. Vậy làm sao có thể phân biệt đời công với đời tư tỷ như đối với một công chức thì có thể được, chú đối với những minh tinh thì làm sao phân biệt đời công và đời tư của họ. Bởi vì những người ai mộ không những muốn biết họ diễn xuất thế nào mà cũng muốn biết họ thích mặc áo gì, ăn uống thế nào...

Chúng tôi xin đơn cử một thí dụ về cô đào hát Brigitte Bardot, có lần một tờ báo đã chụp hình cô khỏa thân ở trong hồ tắm đêm đàng. Cô ta thưa tờ báo này đã xâm phạm vào đời tư của cô. Nhưng tòa đã xử, đối với một người minh tinh như vậy thì tất cả những gì thuộc về người minh tinh cũng là đời công.

Vậy là sao có thể nói một bên cố tình nguy hiểm được. Ở tòa án đã có tòa sơ thẩm rồi lại có tòa Thượng thẩm. Sau đó vẫn có thể thượng tố lên Tối Cao Pháp Viện. Vậy ngay tòa án cũng có thể hiểu mỗi vụ ở những khía cạnh khác nhau nữa. Hơn nữa, án lệ luôn luôn uyển chuyển, có khi xử như thế này, có khi xoay chiều nữa.

NDMB: Nói như vậy, cũng có nhiều người chưa hiểu được. Họ nói như thế này, trong một nước có luật pháp rõ ràng, đầy đủ, có quan tòa công minh, thì người nào có tội tòa xử phạt. Người nào vô tội tòa tha bổng. Vậy cần gì phải có luật sư?

L.S. Võ Văn Quan: Câu hỏi này trong nhiều thời đại người ta đã thực hành. Trong những bộ lạc của người Nhật Nhi Mãn, tổ tiên của những người Đức bây giờ họ cắt lưỡi rồi họ nói: "Đồ răn lục, tao cắt lưỡi cho mày hết huyết sáo". Rồi trong cuộc cách mạng 1789, Pháp hủy bỏ luật sư đoán đe ai muốn kiện họ cũng được, không cần phải có điều kiện văn bằng hay hạnh kiểm. Dưới đời vua Napoléon I cũng dùng lối lẽ tương tự như những người Nhật Nhi Mãn, ông ta nói người luật sư là những kẻ cố sùy phiến loạn, những kẻ xúi dục làm tội ác. Nếu tôi có quyền, tôi cắt lưỡi những người đã dùng lưỡi đó để chống lại chánh quyền.

Nhưng muốn biết một nghề có cần thiết hay không phải xem trên thực tế nghề đó có thể tồn tại hay không. Nếu nghề đó không cần thiết dù đương sự muốn duy trì hay chính quyền muốn duy trì cũng không được. Từ hai ngàn năm nay, nghề luật sư vẫn tồn tại. Ngay sau cuộc Cách mạng 1789, người ta đã cho những người gọi là thầy cãi là biện hộ không có nề nếp không có truyền thống kỹ luật đoàn thể thành ra gây một sự hỗn loạn. Thủ chính vua Napoléon, người đòi cất luật sư đã tái lập lại đoàn thể luật sư và đã nói rằng tôi thấy cần, phải tái lập đoàn thể luật sư để công lý được sáng tỏ để những người có thể được bênh vực, vậy nghề luật sư cần thiết.

Tại sao lại cần thiết? Trong một xứ dân chủ chính quyền được tôn trọng những tự do cá nhân của người dân cũng phải được tôn trọng nữa. Chính quyền không có quyền đàn áp dân chúng nhưng dân chúng cũng không thể xâm phạm an ninh công cộng được. Như vậy là có hai bên, một bên là công tố viện, nhân danh trật tự công cộng quyền lợi chung để truy tố còn một bên có bị can. Bên đứng truy tố có cả một bộ máy hùng hậu của cảnh sát, khi ra tòa có đại diện là vị thẩm phán, một luật gia lão thành có kinh nghiệm tòa án bên kia chỉ có một đương sự hoàn toàn cô đơn nên người đó cần có một người kinh nghiệm về luật và tòa án. Người đó là luật sư kinh nghiệm đó có thể chống chọi với công tố viện và kinh nghiệm tòa án để biết rằng điểm nào nên trình bày, điểm nào không nên. Như vậy không có nghĩa là biện hộ, công tố viện luôn luôn tìm cách để buộc tội, nhưng trong lúc loạn lạc, công tố viện coi nặng về mặt hình phạt nên phải có người biện hộ. Tôi quan niệm nếu việc xử phạt cần thiết cho an ninh công cộng thì mình oan cho người vô tội cũng cần thiết cho an ninh công cộng vậy. Nghề luật sư cần thiết như vậy nên Hiến pháp đã quy định điều 7 khoản 1 có nói rằng: "Quốc gia tôn trọng và bảo vệ quyền an toàn cá nhân và quyền biện hộ". Khoản 6 điều 7 nói: Bị can có quyền được luật sư biện hộ dự kiến trong mọi giai đoạn thậm vấn kể cả trong cuộc điều tra sơ vấn.

NDMB: Luật sư nói rằng nghề luật sư cần thiết và nó tồn tại cho tới bây giờ, nhưng có cần thiết cho ai? Có phải cần thiết cho người giàu có tiền thì người đó tồn tại, bởi vì nhiều

người thấy rằng những người nghèo vì không có tiền thường không có luật sư giỏi thì họ bị những hình phạt quá nặng đối với tội nhẹ của họ, trong khi ấy những người giàu có luật sư hay cái họ cho họ rất đặc lực, lại được tha bổng hoặc bị phạt nhẹ và họ sống phây phây với tộc ác của họ. Vậy luật sư cần thiết cho ai ?

L.S. Võ Văn Quan: Cần thiết không những cho dân chúng mà còn cần thiết cho chính quyền nữa. Còn nói rằng bênh vực người giàu, không bênh vực người nghèo thì không phải là lúc nào cũng đúng. Thường thường người ta có quan niệm sai lầm cho rằng luật sư có thể bóp méo hoàn toàn sự thật hay bóp méo hoàn toàn kết quả của vụ kiện. Việc đó hơi khó, nếu không muốn nói là không thể xảy ra được. Trước hết, luật sư không có quyền để chuyển hướng cuộc điều tra. Ra tòa biện lý buộc tội. Sau khi luật sư trình bày lý lẽ rồi, quyết định là quyền của chánh án.

NDMB: Theo luật sư nói, khi một người ra tòa công tố viện buộc tội, Biện lý hoặc Chương lý, hoặc Ủy viên Chánh phủ điều tra. Luật sư nói rằng nghề luật sư cần thiết nhưng có nhiều người nói cần thiết là cần thiết theo cái kiểu duy trì những bất công xã hội là lựa những người bóc lột dân, hà hiếp dân có luật sư bào chữa cho họ thành họ cứ phây phây và tiếp tục bóc lột dân. Vậy có phải nghe luật sư đã duy trì những tệ đoan này không ?

L.S. Võ Văn Quan: Nên phân biệt hai trường hợp người có tội mà không bị truy tố đó không phải là do luật sư. Đó là những người chức trách có thẩm quyền không chịu truy tố. Trường hợp người đó được đưa ra tòa phải xem ngay tại chỗ, hồ sơ, trách nhiệm của ai. Trước khi đưa ra tòa đã có cuộc điều tra của Cảnh sát. Vì vậy phải xem ở hồ sơ mới biết là ai trách nhiệm. Có phải là trong cuộc điều tra đó có sự sợ hãi, cố tình đánh lạc hướng điều tra hay không? Có phải là Biện lý không chịu buộc tội một cách đúng đắn hay không hay là luật sư đã cố tình bóp méo sự thật? Còn nói luật sư duy trì bất công, đàn áp kẻ yếu thì như tôi đã trình bày, trong quá trình nghề nghiệp của chúng tôi là

.../

nghề binh vực kẻ yếu. Tiếng mà người Pháp thường nói là le défenseur de la veuve et des orphelins: người biện hộ cho những cô nhi, quả phụ. Trong đa số trường hợp luật sư binh vực cho kẻ yếu thế, chứ không phải là kẻ có tiền.

NĐMB: Nói như vậy, những ông luật sư biện hộ cho những hãng bảo hiểm, chẳng hạn như chúng tôi có nhận được một thư của một khách thỉnh giả có một người con bị xe đụng chết rồi hãng bảo hiểm chỉ đền có 35.000\$ nghĩa là thỏa thuận ở ngoài chứ không có ra tòa. Việc này cũng do luật sư của hãng bảo hiểm đó lo, như vậy thì ai yếu thế, ai mạnh thế?

L.S. Võ Văn Quan: Đó là sự thỏa thuận giữa đôi bên, không có gì bắt buộc gia đình của nạn nhân phải thảo thuận. Và lại, theo pháp lý, có những án lệ về những chuyện thương tích đều có ký tên trong hồ sơ bại nại, sau này đương sự vẫn có thể đòi thêm nếu chứng minh được rằng khi ký tên vào tờ bại nại, đương sự không biết được hậu quả ra sao.

NĐMB: Đối với người nghèo, tòa chỉ định một luật sư cải thí. Phân đồng luật sư cải thí là những người tập sự thành ra, làm sao cải nói với những luật sư đàn anh của họ?

L.S. Võ Văn Quan: Khi ra tòa họ đều ngang nhau. Nói rằng những vụ cải thí đều là luật sư tập sự không đúng. Trong những vụ đại hình, có những luật sư thiệt thòi và tâm tiếng được chỉ định. Hơn nữa, chúng tôi được chỉ định theo thứ tự. Sự khó khăn theo quan niệm của tôi lại là những vụ hộ. Những vụ này có tư pháp bảo trợ. Những vụ này luôn luôn là luật sư thiệt thòi.

NĐMB: Có nhiều người không dám đến luật sư vì họ sợ mất tiền. Họ nói, mỗi lần đến đều bắt phải trả tiền, dù được hay không. Ai đã định giá tiền mà luật sư đòi hỏi thân chủ?

L.S. Võ Văn Quan: Điều này theo điều 24 Luật ngày 8.1.1962 nói rõ: tiền công, luật sư sẽ được tự do quy định giữa

luật sư và thân chủ nhưng phải tính trước khi lãnh biện hộ để trang trải mọi hành vi tố tụng cho tới khi tòa tuyên án, và không được tùy thuộc kết quả vụ kiện. Thân chủ phải trả trước một phần tiền công và số phí mà luật sư sẽ phải xuất để làm công việc. Khi nhận tiền luật sư phải cấp biên lai ghi rõ danh tánh thân chủ, giới hạn vụ kiện, số tiền công đối với toàn vụ kiện và cấp bậc tài phán. Luật sư vi phạm điều này có thể bị đưa ra trước Hội đồng Kỷ luật.

Điều này có hai khía cạnh, khía cạnh thứ nhất là tiền thù lao tự do ấn định. Tự do ấn định không có nghĩa là luật sư muốn ấn định bao nhiêu thì định. Đây là một sự thỏa thuận giữa luật sư và thân chủ. Điều này cần vì nếu có đặt một giá biểu thù lao ai kiểm soát? Tất nhiên là chánh quyền. Nghề luật sư khi đã bị chánh quyền kiểm soát thì e sợ chánh quyền. E sợ chánh quyền thì mất tính cách độc lập. Mất tính cách độc lập thì không thể biện hộ cho thân chủ được.

Khía cạnh thứ hai mà nhiều người thắc mắc là tại sao nhờ luật sư biện hộ không được lại không trả tiền thì theo điều 24, luật sư không có quyền cam kết bảo đảm kết quả tranh tụng. Nếu người luật sư bảo đảm rằng nếu không biện hộ được thì sẽ trả tiền lại tức nhiên là tinh thần bắt vụ lợi vô tư không còn nữa.

Ngoài ra còn những vụ tai nạn, có người nghèo đến xin nhờ luật sư đòi bồi thường rồi chia. Điều 24 cam chuyện này nhưng ở bên Mỹ hay một vài xứ khác người ta chấp thuận việc này.

Điều 24 về khoản này hơi lỗi thời vì nếu người nghèo đến nhờ luật sư mà không kiện chia thì làm sao được. Tôi thấy nên sửa đổi điều khoản đó.

NDMB: Nói tới vụ chia thì người ta nói tới nhiều cách chia. Tỷ như chia cho người dốt mồi, chia cho người cảnh sát, chia cho quan tòa để quan tòa có thể xử thắng. Vậy luật sư có thấy có việc này không?

L.S. Võ Văn Quan: Có hay không chuyện này cũng khó nói. Vì theo quan điểm pháp lý chỉ khi nào, như trong việc hối lộ

chẳng hạn, tòa phạt về chung thẩm mới có thể quả quyết người ta có tội hay không. Còn tiếng đồn đãi rất nhiều.

Việc dùng người giết mổ để chia huê hồng đoàn thể chúng tôi cảm đoán và theo tôi nghĩ, đương sự không nên nhờ người dốt mổ. Ví như thể thân chủ sẽ phải trả nhiều hơn. Thân chủ có thể lựa chọn luật sư nơi danh biểu của luật sư ở tòa án.

Sau nữa, nói tới chuyện luật sư lo với thẩm phán thì đây là tội hối lộ. Người đưa tiền phạm tội đưa hối lộ, người trung gian phạm tội là đồng lõa còn ông thẩm phán phạm tội hối lộ.

Dụ 18 ngày 28.7.1954 điều 10 khoản 2 nói rõ trừ trường hợp cáo gian, người đưa hối lộ mà cáo giác với nhà chức trách hành chánh hay tư pháp thì không bị phạt, dầu việc hối lộ là do y chủ xướng cũng vậy. Tiền bạc là tài vật có thể giao trả lại cho y nếu y xin.

NDMB: Nếu muốn tố cáo một luật sư thì tố cáo tại đâu, ví dụ ông ta đã đòi nhiều tiền, khi phiên tòa xử lại không có ông ta. Còn nếu ông ta phạm tội khác như có một bà thừa ông ta dụ dỗ gái vị thành niên thì thưa tại đâu và có thể muốn ông luật sư này kiện ông kia không?

L.S. Võ Văn Quan: Nếu người luật sư thiếu sót bốn phần đối với thân chủ, thân chủ có quyền khiếu nại. Khiếu nại tại Chương Lý hay gửi thẳng cho Thủ Lãnh hoặc Hội Đồng Luật Sư.

Còn nếu luật sư phạm tội hình, luật sư cũng như những công dân khác, có thể thưa tại ông biện lý hay cảnh sát.

Trường hợp muốn nhờ một luật sư kiện một luật sư khác trường hợp này hơi khó khăn là vì chúng tôi ngại chống một đồng nghiệp. Nhưng thông thường là chúng tôi xin phép Hội Đồng Luật Sư. Thường thường, Hội Đồng Luật Sư cho phép. Trường hợp không có ai nhận kiện đồng nghiệp của mình, đương sự gửi thư tới ông Thủ Lãnh và ông Thủ Lãnh chỉ định một người biện hộ.

NDMB: Trong một vụ kiện có bên buộc tội, bên gỡ tội. Vậy hai bên có bình đẳng không?

.../

L.S. Võ Văn Quan: Theo tôi, không có sự bình đẳng và đó là một điều đáng tiếc.

Luật tổ chức của Tối Cao Pháp Viện nói trước Tối Cao Pháp Viện, luật sư và công tố viên bình đẳng. Trong tòa án tối cao của xứ, vị trí của công tố viên và luật sư có bình đẳng vì chỗ công tố viên buộc tội và chỗ luật sư biện hộ ngang hàng với nhau. Nhưng trong những tòa án khác thì ông biện lý đứng ở trên cao buộc tội, còn luật sư thì đứng dưới đất. Đây chỉ là hình thức cúng quan trọng. Tôi thấy về tổ chức tòa án, bên này là biện lý, bên này là lục sự. Có thể để lục sự ngồi ngang chỗ Thừa phát lại được, để luật sư đứng biện hộ.

Về nội dung sự bất bình đẳng càng rõ rệt vì trong cuộc sơ vấn của Cảnh sát ông biện lý có quyền gửi tờ chuyển giao nhờ Cảnh sát điều tra về điểm này điểm kia còn luật thì chỉ có quyền ngồi đó dự kiến hay ngồi đó nghe thôi. Có quyền xin điều tra viên đặt câu hỏi nhưng điều tra viên không đặt câu hỏi cũng được.

Ra trước tòa cũng có sự bất bình đẳng là sau khi ông chánh án hỏi bị can, hỏi nhân chứng rồi trao lại cho biện lý hỏi, biện lý có thể hỏi bao nhiêu câu hỏi cũng được, còn luật sư phải xin phép chánh án. Đó cũng là một sự thất thế vì chánh án có quyền chấp nhận hay không chấp nhận lời yêu cầu của luật sư.

Theo tôi, nên sửa đổi luật pháp tương tự những thủ tục áp dụng trước tòa án bên Mỹ và bên Anh, mới có sự bình đẳng giữa bên buộc tội và bên biện hộ thì quyền lợi của người dân mới được bảo đảm hơn.

NĐMB: Nam luật sư đã không bình đẳng với ông tòa rồi mà theo tôi nghĩ ông ấy còn không bình đẳng đối với những nữ luật sư, vì theo luật tổng động viên bây giờ thì nam luật sư rất ít còn lấy nữ luật sư rất nhiều. Có thể ông tòa thấy nữ luật sư ấy đẹp, ăn nói duyên dáng thì có thể ông ấy xiêu lòng không?

L.S. Võ Văn Quan: Câu hỏi này khá hóc búa. Tôi không có thẩm quyền trả lời câu này bởi tôi không bao giờ ngồi xử. Do đó tôi chưa thể trải nghiệm được xem rằng nếu tôi gặp một nữ luật sư duyên dáng thì dễ xiêu lòng hơn.

.../

NDMB: Còn về bí mật nghề nghiệp, luật sư là người được thân chủ cho biết mọi chi tiết thì liệu họ có sợ một ngày nào đó luật sư vui miệng mà tiết lộ những bí mật, làm cho họ xấu hổ không?

L.S. Võ Văn Quan: Điều này hoàn toàn không có. Vì về phương diện kỹ luật. Điều 62 nói quy có nói là luật sư phải hoàn toàn giữ bí mật nghề nghiệp. Còn về phương diện hình sự, điều 378 trong Hình luật nói nếu luật sư vi phạm bí mật nghề nghiệp có thể bị phạt tù.

Tôi thấy thân chủ khi nhờ luật sư, nên trình bày mọi sự kiện kể cả những điểm yếu của mình để luật sư có thể biện hộ dễ dàng.

NDMB: Thưa luật sư, đây là câu hỏi chốt, những vụ án chính trị, các luật sư có tránh né không?

L.S. Võ Văn Quan: Trong mỗi vụ án chính trị, luôn luôn có luật sư biện hộ thì đoàn thể chúng tôi không tránh né những vụ án chính trị mặc dầu những vụ án đó rất đặc biệt.

Cái đặc biệt khó khăn là những bị can bị đưa ra tòa không chối cãi hành động của họ như là phá hoại, chiếm công sản mà họ nhận danh một lý tưởng, lý tưởng chống đế quốc, chống độc tài để hành động. Người luật sư gặp khó khăn như thế này, một mặt chúng tôi đã tuyên thệ là chúng tôi không nói điều gì trái với pháp luật và trái với an ninh công cộng nhưng khi biện hộ cho người đó thì cần phải giải thích, biện minh lập trường của họ. Vấn đề là phải dung hòa giữa nhiệm vụ của mình và quyền lợi của thân chủ.

Khó khăn thứ nhì không phải là lúc nào luật sư cũng đồng ý với mình trong những vụ án chính trị. Những đồng ý hay không, không thành vấn đề vì việc mà luật sư bênh vực không phải là bênh vực lý tưởng đó, nếu mình không đồng ý mà là bênh vực cái quyền phát biểu ý kiến. Về điểm này Voltaire đã nói một câu rất xác đáng. Tôi có thể không đồng ý với ông nhưng tôi sẽ bênh vực tới hơi thở cuối cùng của tôi cái quyền của ông phát biểu ý kiến.

Khó khăn nữa là những người bị ra tòa luôn luôn là người đối lập với chánh quyền thì nhiều khi luật sư có thể sợ nguy hiểm cho mình. Vì luật sư phải biện minh, phải giải thích lập trường của người đối lập.

Một khi biện minh như vậy tức là người đối lập có lý do chánh đáng để hành động. Nghĩa là họ cho rằng chánh quyền phải có khuyết điểm nào nên họ mới phải sửa sai bằng cách lật đổ chánh quyền đó. Như vậy, có một luật gia đã nói: Défendre c'est quelquefois accuser celui qui accuse, khi biện hộ thì nhiều khi phải tố cáo những người đã truy tố. Tôi xin đơn cử một thí dụ trong lịch sử nước Pháp hồi cách mạng 1789 khi vua Louis XVI bị đưa ra quốc hội để xử thì luật sư biện hộ cho Louis XVI nhìn thấy những người ngồi xử có thiên kiến rõ rệt là sẽ xử tử nên ông ta đã nói một câu bất hủ: Tôi đến đây để tìm những vị tham phán nhưng tôi chỉ gặp những tên đạo phụ. Trong những vụ này hoặc là luật sư cho là nguy hiểm thì trách né không biện hộ. Khi thấy sợ thì đừng biện hộ, còn một khi đã lãnh biện hộ rồi thì phải biện hộ tận tâm cho thân chủ. Tóm tắt lại là nếu sợ thì đừng cãi, nếu cãi thì đừng sợ.

VẤN ĐỀ DINH DƯỠNG

Phát Hình Ngày 5.12.1971

Bác Sĩ NGUYỄN LÂN ĐÌNH, 40 tuổi, sanh tại Nam Định. Sau khi tốt nghiệp Y Khoa Đại Học Paris, ông học thêm về ngành chuyên môn dinh dưỡng ứng dụng hai năm. Về nước ông làm Trưởng Phòng thí nghiệm Khảo cứu Dinh dưỡng từ năm 1959, nhập ngũ từ năm 1967 đến năm 1971 trở về Bộ Y Tế phụ trách chương trình dinh dưỡng.

Bà NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN, 28 tuổi, sanh tại Hà Nội, học về Khoa Dinh Dưỡng tại Đại học Texas, hiện là chuyên viên dinh dưỡng của Cơ quan Công giáo Cứu trợ Hoa Kỳ.

Bà VŨ THỊ DUNG, 28 tuổi, sanh tại Nam Định, cử nhân Khoa Học, chuyên về dinh dưỡng tại Đại Học Texas và Đại Học Ohio, chuyên viên dinh dưỡng của Cơ quan Công giáo Cứu trợ Hoa Kỳ.

Được Sư BÙI KHIẾT, 34 tuổi, sanh tại Hà Nội, tốt nghiệp Đại Học Dược Khoa Saigon năm 1963, tốt nghiệp về Kế hoạch Y tế Quốc tế tại Manila năm 1969, hội viên Kế Hoạch Gia của Đại Học đường MIT Hoa Kỳ, chuyên viên Kế hoạch, Bộ Y Tế.

NDMB: Thưa Bác Sĩ Nguyễn Lân Đình, xin ông định nghĩa dinh dưỡng là gì và cho biết mục đích chính của dinh dưỡng?

.../

B.S. Nguyễn Lân Đình: Căn cứ vào ý niệm của môn học dinh dưỡng, dinh là xây dựng, dưỡng là bồi dưỡng cơ thể. Thật ra môn dinh dưỡng có thể áp dụng cho mọi sinh vật, từ con vi trùng đến cây cỏ. Riêng trong phạm vi của chúng tôi thì nói tới dinh dưỡng của con người. Vậy định nghĩa là: sự xử dụng thức ăn hàng ngày để có một sức khỏe tối đa.

NDMB: Tâm quan trọng của dinh dưỡng như thế nào?

B.S. Nguyễn Lân Đình: Môn dinh dưỡng có liên quan tới tất cả mọi ngành hoạt động của quốc gia. Vì đã nói tới dinh dưỡng, là liên quan tới y tế trong việc phòng ngừa bệnh tật cũng như giúp việc trị liệu. Rồi, dĩ nhiên là có liên quan tới cả ngành sản xuất thực phẩm, canh nông. Ngoài ra cũng có thể liên quan tới quốc phòng vì chúng ta có quân đội thì phải nuôi dưỡng quân đội...

NDMB: Thưa Dược sĩ Bùi Khiết, nếu nói rằng dinh dưỡng quan trọng, Việt Nam có chú ý tới vấn đề đó không và chúng ta có cơ quan nào chuyên lo về dinh dưỡng không?

D.S. Bùi Khiết: Như Bác sĩ Đình vừa trình bày dinh dưỡng có một tầm quan trọng rất lớn. Việt Nam chúng ta có những tổ chức về dinh dưỡng. Trước hết, chúng tôi nói tới hai tổ chức quốc tế tại Việt Nam và tổ chức của Chính phủ Việt Nam.

Sau thế chiến thứ hai, khi Liên Hiệp Quốc thành lập có một số tổ chức khác phụ thuộc vào cơ quan trên là tổ chức Y tế Quốc tế, tổ chức Lương Nông Quốc Tế và tổ chức cứu trợ Nhi Động (UNICEF). Tất cả những tổ chức này đều quan tâm tới vấn đề dinh dưỡng. Điểm chính của chương trình hoạt động của tổ chức này là chống sự thiếu dinh dưỡng và cách giúp các quốc gia hội viên thầu lượng thực phẩm và bồi dưỡng cho trẻ em.

Năm 1957, UNICEF quyết định viện trợ tài chánh cho VNCH bao trùm trên nhiều dự án thiết thực trong vấn đề dinh dưỡng, Việt Nam là một quốc gia đã nhận được nhiều viện trợ của tổ chức trên.

.../

Chương trình dinh dưỡng tại Việt Nam khởi đầu từ năm 1959, 1960. Trong những năm đó phái đoàn hỗn hợp Việt Mỹ, tổ chức một cuộc khảo sát quy mô về vấn đề dinh dưỡng trên toàn quốc. Sau đó một Phòng Thí Nghiệm Khảo Cứu Dinh Dưỡng được thành lập với mục đích là thử nghiệm máu và nước tiểu cho các bệnh viện công gởi tới để xác định những bệnh thiếu dinh dưỡng.

Năm 1961 Phòng Khảo Cứu Dinh Dưỡng tổ chức những lớp huấn luyện nhân viên phục vụ dinh dưỡng tại các bệnh viện. Năm 1964, với sự trợ giúp của tổ chức Y Tế Quốc tế và cơ quan UNICEF, một chương trình dinh dưỡng đã thực hiện với các công tác, huấn luyện về dinh dưỡng cho các nhân viên bệnh viện hầu cải tiến kiến thức chuyên môn về dinh dưỡng và giúp bệnh nhân có một khẩu phần thích ứng trong lúc trị liệu.

Gần đây, cơ quan Cứu trợ Công giáo Hoa Kỳ đài thọ cho Phòng Thí nghiệm Khảo cứu Dinh dưỡng về việc huấn luyện một số nhân viên dinh dưỡng cho các Bộ khác và tổ chức trên bốn Vùng Chiến thuật những lớp dinh dưỡng cho các bà mẹ.

Tóm lại, chương trình dinh dưỡng là một chương trình rất quan trọng cho nên Bộ Y Tế đã đặt chương trình dinh dưỡng là mục thứ 20 là mục nâng cao mức sống của người dân.

NDMB: Thưa Bà Liên, có người nói rằng có ăn là đủ sống. Những thức ăn vô có được thân thể dùng hết hay không. Tóm lại, ăn no có nghĩa là ăn đủ sống không?

Bà Nguyễn Thị Bích Liên: Nói có ăn là có sống đúng. Nhưng muốn ăn cho khỏe, sống vui, sống lâu thì tôi e rằng ăn no không, không đủ. Chúng ta phải lưu tâm đến việc chọn lựa thức ăn để làm sao những thức ăn đó đem lại đủ loại chất bổ, cũng như phải lưu tâm tới việc cất giữ những thức ăn hàng ngày.

NDMB: Thưa Bác sĩ Đình, bổ dưỡng và tiêu hóa có đi đôi với nhau không? Chúng ta có nên chọn những món ăn vừa bổ nhưng khó tiêu, hoặc không bổ nhưng dễ tiêu?

B.S. Nguyễn Lân Đình: Việc bổ dưỡng và tiêu hóa có khi đi chung với nhau mà có khi không. Ví dụ, thực phẩm vào ống

tiêu hóa không bao giờ được tận dụng 100%, bao giờ cũng mất đi một tỷ lệ đáng kể. Những kỹ thuật nấu nướng, biến chế thức ăn cũng có công dụng gia tăng phần hấp thụ thành ra các dưỡng chất có thể coi như kết quả của tiêu hóa thực phẩm. Trong thực phẩm nào cũng có năm loại dưỡng chất là các chất đường, chất đạm, chất béo, khoáng chất và sinh tố. Chúng ta phải căn cứ vào yếu tố này để biết xem thực phẩm nào bổ dưỡng và thực phẩm nào ít bổ dưỡng.

NDMB: Bây giờ chúng ta sang thành phần các món ăn, xin báo sĩ cho biết trong các loại ngũ cốc Việt Nam thường dùng như là cơm, nếp, bánh mì... loại nào ích lợi về dinh dưỡng và những thứ nào chúng ta nên ăn thường nhất?

B.S. Nguyễn Lan Đình: Chúng ta vẫn lấy gạo làm ngũ cốc căn bản. Ngũ cốc này đem lại chúng 2/3 năng lượng cần thiết mỗi ngày và có thể đem tới 1/3 đạm chất cần dùng. Nói về gạo nên nói tới gạo lứt, gạo lứt còn nguyên chất vỏ của bao ngoài hạt gạo. So với gạo trắng, gạo lứt bổ hơn, vì có nhiều sinh tố B.1. Thông thường nếu ăn gạo trắng, chúng ta phải chọn thứ thực phẩm nào có nhiều sinh tố B.1 để bù lại.

Ngoài ra chúng ta có thể ăn đậu hạt hay thịt heo để có đủ sinh tố B.1. Bánh mì, cũng có sinh tố B.1. Những ngũ cốc khác có bắp, chúng ta chỉ dùng bắp non mà thôi. Còn khoai thì có thể phụ giúp với ngũ cốc để cung cấp năng lượng nhưng khoai không thể bằng ngũ cốc được. Khoai không có sinh tố B.1 nhưng lại có sinh tố C. Trong các thứ hai, khoai lang vàng tốt nhất vì ngoài sinh tố C lại còn có hoàng tố khi vào trong người sẽ biến thành sinh tố A.

NDMB: Thưa Bà Liên, còn thịt, cá, trứng món nào bổ và món nào bổ hơn những món khác?

Bà Nguyễn Thị Bích Liên: Thịt, cá, trứng là những món ăn có nhiều chất đạm, giúp cho sự xây dựng cơ thể. Chúng ta có thể so sánh chất đạm như những vật liệu xây cất nhà cửa. Muốn xây một căn nhà phải có vật liệu. Muốn cho trẻ con lớn được phải có chất đạm. Sữa, trứng và các loại thịt cá đều quý ở chỗ có nhiều chất đạm.

.../

Sữa bột nhất vì có giá trị dinh dưỡng cao. Sữa cần nhiều cho mọi người, nhất là trẻ em, người đau yếu và những người đàn bà có thai. Trứng cũng là thức ăn có nhiều chất đạm, rẻ hơn thịt và chất đạm tốt ngang với sữa. Thịt khá đắt nhưng trong bữa ăn có chút thịt, giá trị sẽ bảo đảm hơn.

NDMB: Nếu ăn hai trứng mỗi ngày, có đủ chất đạm cho một người trong ngày không?

Bà Nguyễn Thị Bích Liên: Riêng về chất đạm mỗi ngày một người cần khoảng hai phần nhưng chúng ta có thể ăn nhiều loại chất đạm để thay thế lẫn nhau. Ví dụ, ăn trứng và ăn bột tức thêm một vài thực phẩm khác cũng có chất đạm thì hai quả trứng cũng đủ.

NDMB: Còn những thứ đậu và đậu khô thì như thế nào?

Bà Nguyễn Thị Bích Liên: Các thứ đậu cũng thuộc về loại thực phẩm có chất đạm. Chúng ta có thể ăn thay thịt cá, khi nào túi tiền eo hẹp. Tuy nhiên chất đạm trong đậu hơi khác chất đạm trong thịt trứng. Chất đạm là một chất gồm những đơn vị nhỏ gọi là acid amin. Những chất đạm của động vật như thịt, cá trứng thì gồm những acid amin cần thiết. Chỉ những chất đạm có đầy đủ acid amin mới có giá trị dinh dưỡng cao. Trong đậu hột cũng có chất đạm nhưng những chất đạm này khiếm khuyết, nghĩa là thiếu một vài acid amin cần thiết thành ra giá trị của nó kém chất đạm động vật. Tuy nhiên nếu ăn bổ túc một vài loại thực vật với nhau thì cũng đủ.

NDMB: Bà Dung, xin bà cho biết về những thứ rau, trái cây, rau củ, rau lá xanh...

Bà Vũ Thị Dung: Rau trái là thực phẩm "bảo vệ cơ thể". Những rau có lá màu xanh đậm có đặc điểm trội hơn những loại rau khác vì ở trong rau này có chất tiền sinh tố A. Khi vào trong cơ thể biến thành sinh tố A. Sinh tố A là một loại sinh

.../

tốt cho mắt, da, tóc. Sinh tố A còn gọi là sinh tố của sắc đẹp. Ngoài sinh tố A ra, các loại rau lá xanh còn cho chất sắt, vôi và sinh tố B. Các củ hay các trái màu vàng cam như bí đỏ hay khoai lang bí, cà rốt cũng cho sinh tố A. Vì trong những củ này có hoàng tố khi vào trong cơ thể cũng biến thành sinh tố A. Những trái cây có tép như cam, quýt, bưởi cho chúng ta nhiều sinh tố C. Chúng ta có thể ăn thịt để có sinh tố B nhưng hằng ngày phải có đầy đủ rau trái nữa.

NDMB: Em Nguyễn Văn Tâm, lớp 8 trường Trung Học Long Thành hỏi trái cây nào bổ nhất. Em lại hỏi thêm bí đỏ có bổ óc không?

Bà Vũ Thị Dung: Như tôi đã trình bày, các loại rau trái bảo vệ cơ thể. Muốn bảo vệ cơ thể, chúng ta hằng ngày ăn các loại rau. Tùy theo công dụng của từng loại rau nhưng đại cương thì các loại rau có màu xanh đậm và củ trái màu vàng cam tốt hơn những loại khác.

NDMB: Rau muống có bổ không?

Bà Vũ Thị Dung: Rau muống là loại rau có lá màu xanh đậm, cung cấp cho chúng ta nhiều tiền sinh tố A, chất sắt, và một ít sinh tố B.

NDMB: Giá sống có bổ bằng rau muống không?

B.S. Nguyễn Lân Đình: Giá sống là đậu xanh ngâm cho mọc mầm. Đậu xanh để khô có nhiều sinh tố B1, nhưng người ta nghiệm thấy rằng khi mọc thành giá, sinh tố B1 bớt đi nhưng lại nhiều sinh tố C. Khi làm giá thường tưới bằng nước vôi nên giá có thể đem lại vôi với sinh tố C.

NDMB: Còn những thức ăn từ dầu, mỡ, bơ như thế nào?

.../

B.S. Nguyễn Lân Đình: Dầu, mỡ, bơ là những chất béo. Chất béo dầu mỡ có thể nói là có 100% chất béo. Mỗi một gram chất béo có thể cung cấp 9 năng lượng. Người nào cần khẩu phần nhiều năng lượng như ở miền lạnh hay những lực sĩ cần những chất béo. Vậy chất béo giúp cho chúng ta một khẩu phần nhiều năng lượng. Nhưng chất béo thường ở trong bao tử lâu nên nếu ăn chất béo nhiều thì no lâu.

Ngoài ra, chất béo còn giúp cho chúng ta nấu nướng đạt tới một nhiệt độ cao hơn 100 độ dễ dàng. Nếu không dùng chất béo để nấu nướng thì chỉ có hấp với luộc thôi. Phải có chất béo mới có những món ngon như chiên, xào và nó mang theo hương vị và những sinh tố tan trong chất béo.

Bơ có nhiều nước hơn những chất béo kia, từ 15 đến 16% nước. Bơ cũng có nhiều sinh tố tan trong chất béo. Dù sao trong việc nấu nướng, nên dùng dầu hơn là mỡ, bơ, vì dầu chịu được nhiệt độ cao mà không hư. Những chất béo chịu một nhiệt độ cao.

NDMB: Những thức uống của người Việt Nam như nước lạnh nước nấu sôi, nước trà, cà phê, xin Bà Liên cho biết những thức uống này có bổ không?

Bà Nguyễn Thị Bích Liên: Nói chung, những thức uống nào làm những cây trái, vật liệu, thiên nhiên như nước mía, nước dừa, nhất là sữa đậu nành là những thức uống có một vài chất bổ đáng quý. So sánh với nước ngọt hay những nước đã chế biến vào chai thì nước bằng nguyên liệu thiên nhiên trội hơn. Nói chung thì những thức uống cung cấp nhiều nhất là nước. Chúng ta không thể thay thế nước bằng những đồ ăn đặc được.

NDMB: Thưa Bác sĩ Đình, còn rượu đế và rượu bia có bổ gì không?

B.S. Nguyễn Lân Đình: Về các chất uống mà có rượu, người ta căn cứ vào độ rượu để biết đó là rượu nhẹ hay rượu mạnh. Rượu bia có chừng 3,4 độ rượu tức là trong 100 phân khối có

.../

3,4 gờ rơm rượu nguyên chất. Mỗi gram rượu đem lại 7 năng lượng nhưng những năng lượng này là năng lượng rỗng nghĩa là không dùng để xây dựng cơ thể được. Rượu mạnh độ rượu lớn, ví dụ rượu đế có thể từ 30,40 độ rượu. Rượu Whisky chẳng hạn có thể có 45,50 độ, nhưng uống rượu thì không phải chỉ có mang năng lượng không thôi mà còn mang theo sự say sưa nữa.

NDMB: Thưa Bà Dung, làm sao giữ đồ ăn cho khỏi hư và còn giữ được chất bổ?

Bà Vũ Thị Dung: Nói đến việc giữ đồ ăn, chúng ta phải xét đến những yếu tố liên quan tới sự tồn trữ lâu dài của đồ ăn như độ ẩm, khoảng thời gian muốn giữ đồ ăn. Giữ đồ ăn cho khỏi hư thì dễ nhưng điều kiện còn đầy đủ chất bổ thì khó có thể đi đôi. Nếu muốn tích trữ đồ ăn lâu dài như cả tuần, cả tháng hay cả năm thì cách tốt nhất là ướp lạnh nhưng cách này không phổ thông đối với giới bình dân. Ngoài ra, chúng ta còn có thể ướp muối, phơi khô, sấy khô hoặc làm mắm. Còn muốn giữ từ bữa này sang bữa kia, chúng ta phải cất giữ đồ ăn ở một nơi thoáng khí khô ráo, mát mẻ không bị côn trùng ruồi muỗi, bụi bặm bay vào.

NDMB: Còn những đồ hộp nếu chúng ta thấy những nắp hộp đã nổi lên hay đã sứt thì có nên ăn hay không?

Bà Vũ Thị Dung: Khi ăn đồ hộp, chúng ta phải thận trọng. Nếu thấy những hộp quá cũ kỹ, rỉ sét, nắp hộp phồng lên hay có nước rỉ ra ngoài thì không nên ăn. Cách an toàn nhất để ăn đồ hộp là chúng ta phải luộc trong nước sôi từ 10 đến 15 phút.

NDMB: Xin Bà Liên cho biết cách nấu thức ăn thế nào cho vừa ngon mà còn giữ được chất bổ?

Bà Nguyễn Thị Bích Liên: Khi nói đến ngon thì chúng ta cần nghĩ đến nhiều yếu tố như là thói quen, tình trạng sức khỏe của người ăn và sự khéo léo trong việc trình bày. Còn nói về đồ ăn bổ thì nhiều nguyên tắc để nấu nướng.

.../

Chúng tôi xin ví dụ, có nhiều chất bổ tan trong nước, thành ra khi nấu nướng, không nên ngâm lâu quá. Khi rửa, khi luộc chúng ta xắt nhỏ quá cũng tan nhiều hơn. Khi nấu nướng chúng ta không nên bỏ những nước ấy đi. Ngoài ra, có một vài chất bổ dễ bị hủy bởi nhiệt. Chúng tôi nghĩ tới những chất sinh tố C rất dễ bị hủy bởi nhiệt. Một ví dụ khác, trong sữa có nhiều sinh tố D2 rất dễ bị hủy khi phơi ra ánh nắng. Nên khi làm sữa chua thì nên ủ bằng nước nóng hơn là phơi ra ánh nắng. Muốn nói về nguyên tắc giữ lại chất bổ khi nấu nướng, chúng ta lại phải biết về chất bổ đó.

NDMB: Người bệnh thường hay kiêng ăn thú này thú kia, rút cục họ không ăn gì cả. Xin bác sĩ chỉ cho biết những món ăn nào có thể nuôi dưỡng người bệnh?

B.S. Nguyễn Lân Đình: Trong môn dinh dưỡng có ngành tiết thực. Ngành này chỉ cho biết cách sử dụng những chất chứa đựng trong thực phẩm để phụ vào việc trị liệu. Mỗi loại, mỗi trường hợp lại có một cách tiết thực khác nhau. Người bị bệnh tiểu đường dĩ nhiên là phải hạn chế tinh bột và đường, trái lại bệnh gan thì lại gia tăng những chất đạm, lại giảm xuống hay chất béo. Do đó môn tiết thực trong ngành dinh dưỡng có khi lại ăn nhiều hơn về một thứ.

NDMB: Nhân tiện, xin bác sĩ cho biết vấn đề ăn chay theo vai tôn giáo?

B.S. Nguyễn Lân Đình: Chúng tôi chỉ biết rằng việc ăn chay dựa trên nguyên tắc không sát hại sinh vật và dựa trên một mục đích nữa là tránh những thứ làm cho cơ thể hồi hám... Trên quan điểm dinh dưỡng, làm thế nào có thể ăn đủ năm loại thực phẩm như chúng tôi đã nói thì có thể quân bình về dinh dưỡng. Tôi thấy những người ăn chay thường ăn cơm và rau nhưng ít chú ý tới những đậu hạt. Nói tới đậu hạt thì có nhiều loại đậu có thể tận dụng được lắm như là đậu nành chẳng hạn. Đậu nành có thể làm thành sữa đậu nành và làm những loại đậu hũ và chao, mĩ căn. Mĩ căn là đạm chất của bột mĩ. Những thứ này có thể hòa hợp với nhau, chúng ta có thể pha trộn nhiều thứ thực vật cũng có quân bình, bổ ngang với thịt cá.

.../

Ví dụ như xôi đậu xanh, xôi là nếp, có đậu hạt. Trong gạo nếp có 7 tới 8% đạm chất nhưng là thứ đạm chất hơi thiếu sót chất lysine. Đậu xanh đem lại đạm chất nhưng đạm chất này thiếu methyodine tức là acid amin khác. Nhưng nếu pha gạo nếp với đậu xanh, ví dụ một phần đậu với bốn phần nếp thì chúng ta có một hỗn hợp bổ dưỡng. Thêm một chút muối mè nữa thì vừa ngon vừa bổ.

NDMF: Nói đến muối mè, thì chúng tôi nghĩ đến phương pháp của một giáo sư Nhật Bản là Ông Ohsawa. Theo ông Trần Văn Thơm ở 41/3 Tân Thuận Đông Nhà Bè và một số người ký tên là lao động ở Bàn Cờ hỏi về phương pháp ăn gạo lứt, muối mè có phải làm cho người ta sống lâu, khỏe mạnh và có đủ âm dương để chống lại phóng xạ nguyên tử không?

B.S. Nguyễn Lân Đình: Tôi cũng có tò mò đọc vài cuốn sách của ông Ohsawa thì đó là dựa trên cách phân loại thực phẩm theo âm dương. Ví dụ: Những món gì nhiều nước có tính cách âm cái gì khô có tính cách dương. Gạo lứt: khô, đậu: khô, có tính cách dương trong khi rau có nhiều nước là âm. Về màu sắc, màu đỏ, dương, màu tím, âm nên những rau và trái cây nào có màu đỏ là dương còn những thứ xanh lại kể là âm. Về vị có: chua, cay, ngọt dịu kể là chất âm. Còn mặn và đắng là dương.

Phương pháp Ohsawa căn cứ vào tỷ lệ 5 âm trên một dương thì có quân bình. Ông Ohsawa có nhiều phương thức ăn lấm. Phương thức gạo lứt muối mè là phương thức số 7, trong khi đó còn tới 9 phương thức khác, mà những phương thức khác lại còn dễ theo hơn. Ngoài ra, người ta có thể biến cái âm dương bằng cách nấu nướng nữa, nhưng những cách nấu nướng này cũng không có gì khác với cách nấu nướng của người Nhật, Việt Nam...

Nhưng tôi ngạc nhiên là phương thức của Ông Ohsawa vẫn chê bai những gì do kỹ thuật hay kỹ nghệ, khoa học mang lại. Nhưng để cổ võ phương pháp của họ thì họ lại dùng những luận cứ khoa học thành ra tôi thấy phương pháp này hơi mâu thuẫn và nếu theo đúng phương pháp gạo lứt muối mè thì tôi sẽ không đủ dinh dưỡng.

.../

NDMB: Bác sĩ nói tới âm dương. Có nhiều người nói rằng muốn thêm dương thì nên ăn thịt cay, thịt dê. Vậy bác sĩ cho biết hai món thịt cay, thịt dê có thêm dương không?

B.S. Nguyễn Lân Đình: Thịt chó có chất đạm không hơn vì thịt khác. Còn thịt dê cũng là một món có nhiều đạm chất. Tôi không hiểu người ta có chơi chủ hay không nhưng ăn thịt dê vẫn có tiếng là ăn bổ dương. Còn thịt lợn có nhiều đạm chất lắm.

NDMB: Còn phở, xin bác sĩ cho biết phở có bổ không?

B.S. Nguyễn Lân Đình: Trong bản thành phần thực phẩm thì phở là trong những món bổ nhất. Tôi căn cứ vào tỷ lệ calori đo đạm chất mang lại thì nó mang lại tới 23,5% là rất quân bình. Thường thường cả một khẩu phần quân bình của một người trong một ngày thì đạm chất mang lại từ 10 đến 15% là đủ. Đeng này phở mang lại tới 23,5% tức là hơi bổ hơn trung bình còn những món khác như hủ tiếu cũng ngang với phở hay sủong... cũng bổ. Nhưng hiện tại những món này không được rẻ lắm.

NDMB: Còn món bún bò Huế thì có bổ bằng phở không?

B.S. Nguyễn Lân Đình: Về bún bò Huế cũng tương đương với bánh phở. Thịt bò cũng như thịt nạm hay thịt chín của phở thôi. Còn giò heo thì chân giò không bổ bằng thịt thăn. Nấu riêu nó ra rất chất keo. Chất này cũng là đạm chất nhưng đạm chất này chỉ có nhiều acid amin gọi là glycerin không bổ bằng thịt thăn.

NDMB: Như vậy phở tái bổ hơn phở chín?

B.S. Nguyễn Lân Đình: Phở tái có chất tươi của thịt thì có bổ dưỡng, nhưng thịt chín lại ngon, nên để dung hòa, tôi thường kêu tái chín.

NDMB: Còn món tiết canh bổ như thế nào?

B.S. Nguyễn Lân Đình: Tiết là máu đông của heo hay vịt. Đối với tôi, chất máu này có mang lại hồng huyết cầu. Tuy nhiên, chất sắt trong tiết canh không hấp thụ được hết.

Bà Nguyễn Thị Bích Liên: Tôi xin có ý kiến về tiết canh. Khi chúng ta nói tới dinh dưỡng, chúng ta chú ý tới các loại chất béo trong đồ ăn cũng như lượng. Tức là có nhiều loại chất béo, có lại hiện diện với lượng chất béo cao. Tuy nhiên, nhiều khi chúng ta cũng phải chú ý tới việc vệ sinh. Riêng về tiết canh, vệ phương diện dinh dưỡng thuộc nhóm hai tức là chúng nhiều chất đạm. Tất cả những thực phẩm có nhiều chất đạm thường kèm theo chất sắt hoặc sinh tố B. Nhưng chúng ta phải nói tới việc giữ đồ ăn. Những đồ ăn béo thường được vi trùng ưa thích và những đồ ăn ẩm cũng là nơi vi trùng sinh sôi nảy nở dễ hơn. Ngoài ra, những đồ ăn ở một độ ẩm vừa phải cũng là nơi vi trùng sinh sản dễ. Về tiết canh nếu không để trong tủ lạnh thì tiết canh có độ ẩm với vi trùng. Tiết canh lại ẩm ướt nên vi trùng cũng dễ sinh sản. Do đó, tiết canh thì bỏ nhưng chúng ta cần thận hơn về việc cất giữ trước khi ăn.

NĐMB: Người Việt Nam thường ăn nem sống, gỏi cá, mắm cáy, vậy những món này có thể làm cho người ăn bị trúng độc không?

B.S. Nguyễn Lân Đình: Nói về nem, nem là thịt heo sống. Thịt heo sống nếu chưa được thú y sĩ kiểm soát thì có thể gặp heo có thể là heo gạo rất nguy hiểm. Ăn thịt bò tái cũng vậy, có thể bị sản. Còn ăn gỏi cá, cá cũng có thể mang theo vi trùng.

VIỆC TRỢ GIÚP THIẾT HẠI DO CHIẾN CUỘC

Phát Hình Ngày 12.12.1971

Ông HUỖNH THANH HÙNG, 54 tuổi, sanh tại Bến Tre là Giám Sự Xã Hội thượng hạng của Bộ Xã Hội. Từ năm 1964, ông đã liên tiếp giữ các chức vụ tại Bộ Xã Hội như Thanh Tra Trưởng, Phụ tá Công tác, Phụ tá Xã hội, Phụ tá Đặc trách Cứu trợ Nạn nhân Chiến cuộc và Ty nạn Cộng sản.

Đại Tá HOÀNG NGỌC TIÊU, 43 tuổi, sanh tại Hà Nội, hiện là Cục Trưởng Cục Tâm Lý Chiến của Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị.

NDMB: Thưa Đại Tá Cục Trưởng Cục Tâm Lý Chiến, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa có trợ giúp cho những người bị thiệt hại do Quân Lực VNCH và quân lực đồng minh gây ra và đã đặt ra một kế hoạch gọi là Kế hoạch Tình Quân Dân. Xin Đại Tá cho biết kế hoạch Tình Quân Dân là gì?

Đại Tá Hoàng Ngọc Tiêu: Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị, Cục Tâm Lý Chiến chúng tôi rất hân hạnh được đề cập tới vấn đề mà chúng tôi đang phụ trách, đó là Kế hoạch Tình Quân Dân. Kế hoạch Tình Quân Dân có mục đích trợ giúp, an ủi đồng bào một phần nào trong trường hợp có những tổn thất do Quân lực VNCH và Đồng minh chẳng may gây ra.

.../

Khởi thủy, Chương trình Dân Vụ có từ năm 1963 gồm các công tác giúp dân như tặng phẩm và xây cất sửa chữa tiện nghi công cộng (cầu, đường, trường học, v.v..) đến năm 1966, Chương trình này được cải tiến thành Kế hoạch Tỉnh Quân Dân nhằm trợ cấp cho dân chúng bị thiệt hại như trường hợp hai bên giao tranh phi cơ pháo binh lăm lăm và khai quang bằng hóa chất.

NDMB: Nếu nói đến thiệt hại, có thiệt hại về nhân mạng và thiệt hại về nhà cửa, xin cho biết trong kế hoạch Tỉnh Quân Dân thì có trợ giúp cho những thiệt hại này không?

Đại Tá Hoàng Ngọc Tiêu: Kế hoạch Tỉnh Quân Dân trước đây có dự tru trợ cấp cả thể nhân lẫn tài sản. Trường hợp bị thiệt hại về nhân thể:

Nếu tử thương: từ sơ sanh đến 10 tuổi được trợ cấp 30.000\$. Từ 10 tuổi đến 20 tuổi được trợ cấp 40.000\$ và từ 20 tuổi trở lên được trợ cấp 60.000\$.

Nếu bị thương tích sẽ được tính theo mức độ tàn phế (tối đa là 30.000\$) nhưng hiện nay vẫn để trợ cấp thể nhân và thiệt hại nhà cửa đã do Bộ Xã Hội đảm nhiệm kể từ năm 1968 sau biến cố Tết Mậu Thân.

Kế hoạch Tỉnh Quân Dân hiện nay chỉ còn trách nhiệm trợ cấp về tài sản mà thôi và bao gồm các trường hợp sau đây:

Về chiến sự: cho các cơ sở tôn giáo và cơ sở chung, tài sản tư nhân có tính cách lợi ích công cộng như: trường học, bệnh viện, nhà bảo sanh v.v..

Về khai quang: tài sản tư nhân bị thiệt hại vì công tác khai quang bằng hóa chất để mở rộng tầm quan sát cho các đơn bót hoặc ui quang dọc theo trục lộ.

NDMB: Tại sao Bộ Quốc Phòng lại chuyển Kế hoạch Tỉnh Quân Dân qua Bộ Xã Hội?

Đại Tá Hoàng Ngọc Tiêu: Từ trước, Kế hoạch Tỉnh Quân Dân vẫn đảm nhiệm việc trợ cấp về thể nhân và thiệt hại nhà

.../

cửa của tự nhân do chiến sự gây nên. Nhưng kể từ Tết Mậu Thân những thiệt hại về nhân mạng và tài sản xảy ra quá nhiều, ngân sách dành cho Kế hoạch Tỉnh Quân Dân không dài thọ nổi mới chuyển sang Bộ Xã Hội.

Trong khi đó Ủy ban Cứu trợ Trung ương cũng có một loại trợ cấp tương tự nhưng giá biểu lại thấp hơn nên đã gây ra những suy bì trong dân chúng. Chúng tôi thi hành do Thông tư số 113 ngày 29.6.1968.

Kể từ năm 1968, sau biến cố Tết Mậu Thân, Kế hoạch Tỉnh Quân Dân chỉ còn trợ cấp cho tự nhân bị thiệt hại vì chiến sự trong trường hợp tài sản bị thiệt hại là một cơ sở có tính cách lợi ích công cộng như trường học, bệnh viện, nhà bảo sanh v.v.. mà thôi.

NDMB: Thưa ông Phụ tá, Bộ Xã Hội trợ cấp với giá biểu nào cho những thiệt hại về nhân mạng và nhà cửa?

Đ. Huỳnh Thanh Hưng: Trước hết, Bộ Xã Hội chỉ trợ cấp cho những trường hợp bị thiệt hại về nhà cửa, hay bị chết, bị thương do chiến sự gây nên chỗ không có trợ cấp về tài sản.

Các biểu xuất trợ cấp của Bộ Xã Hội được ấn định trong tinh thần cứu trợ xã hội, nhằm giúp đỡ phần nào các gia đình nạn nhân trong việc tái thiết nhà cửa, chôn cất người tử nạn, điều trị người bị thương.

Số tiền và phẩm vật cấp phát cho đồng bào nạn nhân có tánh cách trợ cấp chỗ không phải bồi thường nhân mạng hay tài sản.

Thể lệ cứu trợ nạn nhân chiến cuộc được Bộ Xã Hội thiết lập từ ngày 28.10.1966 và từ đó đến nay các biểu xuất trợ cấp bằng tiền, bằng vật liệu và phẩm vật đã được thay đổi nhiều lần như sau:

Thời gian từ 1966 đến trước ngày xảy ra biến cố Tết Mậu Thân, thời gian biến cố Tết Mậu Thân, và thời gian sau biến cố Tết Mậu Thân đến nay.

.../

NDMB: Xin ông Phụ Tá nói rõ về giá biểu trợ cấp trước Tết Mậu Thân?

Ô. Huỳnh Thanh Hưng: Trong thời gian trước biến cố Tết Mậu Thân, tức là từ ngày 28.10.1966 đến ngày 10.1.68, trong thời gian này áp dụng Thông tư số 83 ngày 28.10.1966 của Bộ Xá Hội, các nạn nhân chiến cuộc được trợ cấp: về nhà ở thì nhà lá, ngói, tôn vách ván bị hư hại từ 20 đến 50% được trợ cấp 1.000\$, nhà lá, ngói, tôn vách ván bị hư hại trên 50% được trợ cấp 2.000\$, nhà ngói, tường gạch bị hư hại trên 50% 3.000\$.

Về nhân mạng: những người bị tử thương dưới 15 tuổi được trợ cấp 1.000\$. Từ 15 tuổi trở lên được trợ cấp 2.000\$ còn trường hợp bị thương thì dưới 15 tuổi được trợ cấp 500\$, trên 15 tuổi được trợ cấp 1.000\$.

Ngoài ra những nạn nhân còn được hưởng 1 khoản trợ cấp bằng phẩm vật là mỗi người được lãnh 4 thước vải và 5 kí gạo nhưng một gia đình chỉ lãnh tối đa 30 kí và cũng có thể được 1 mền, 1 mùng cho một gia đình có từ 3 người trở xuống, 2 mền, 2 mùng cho một gia đình có từ 4 người sắp lên.

NDMB: Trong thời gian Tết Mậu Thân, được biết chánh phủ có một ngân khoản lớn lao để trợ giúp đồng bào bị thiệt hại, như vậy giá biểu trợ giúp của Bộ Xá Hội trong thời gian Tết Mậu Thân có cao hơn so với trước Tết Mậu Thân không?

Ô. Huỳnh Thanh Hưng: Sau khi xảy ra biến cố Tết Mậu Thân thì số nạn nhân chiến cuộc trên toàn quốc đã lên rất cao trên 1.500.000 người và số thiệt hại cũng trăm trọng vì lẽ đó nên việc cứu trợ đã được trao cho Ủy Ban Trung Ương Cứu Trợ Nhân Dân và Ủy Ban Trung Ương Cứu Trợ Nhân Dân đã ban hành một thông tư.

Số 252 ngày 1.4.68 của Ủy Ban Trung Ương Cứu Trợ Nhân Dân, các nạn nhân chiến cuộc được trợ cấp:

Về nhà ở có trợ cấp cấp thời như nhà hư hại từ 20 đến 50% được 1.500\$, nhà hư hại trên 50% được 3.000\$.

.../

Về trợ cấp tái thiết thì trợ cấp tái thiết cho những nhà hư hại đến mức độ không thể ở được là 10.000\$ + 10 tấm tôn, 10 bao xi măng cho nạn nhân ở Saigon và Gia Định, 5.000\$ + 10 tấm tôn, 10 bao xi măng cho nạn nhân ở các tỉnh khác và 10.000\$ + 20 tấm tôn, 10 bao xi măng cho nạn nhân ở Huế.

Về nhân mạng: nếu bị tử thương trên 15 tuổi được trợ 4.000\$, tử thương từ 15 tuổi trở xuống được 2.000\$, còn bị thương trên 15 tuổi được 2.000\$, bị thương từ 15 tuổi trở xuống được 1.000\$.

Ngoài ra các nạn nhân còn được trợ cấp phẩm vật: các nạn nhân được cấp 500gr gạo mỗi ngày và các trẻ em dưới 2 tuổi được cấp sữa.

NDMB: Sau biến cố Tết Mậu Thân thì giá biểu trợ cấp có thay đổi không?

O. Huỳnh Thanh Hưng: Sau biến cố Tết Mậu Thân Thông tư số 252 không được thi hành nữa, và để đáp ứng với nhu cầu, Bộ Xả Hội đã ban hành Nghị định số 266 ngày 13.9.1968.

Theo Nghị định này, các nạn nhân chiến cuộc được trợ cấp:

Về nhà ở, nhà hư hại từ 20 đến 50% được 3.000\$, nhà hư hại trên 50% được 5.000\$ và 2.500\$ tiền xi măng và 20 tấm tôn hay 8.500\$.

Về nhân mạng: Nếu người tử thương từ 18 tuổi trở lên được 4.000\$, tử thương dưới 18 tuổi được 2.000\$.

Người bị thương không phân biệt tuổi được 2.000\$.

Trợ cấp phẩm vật, mỗi nạn nhân có nhà hư hại từ 20 đến 50% được lãnh 7 kí 500 gạo và mỗi nạn nhân có nhà hư hại trên 50% được lãnh 15 kí gạo.

Ngoài ra, các nạn nhân có nhà hư hại từ 20 trở lên còn được lãnh: hai thước vải cho mỗi người, một chiếc mùng và một chiếc mền cho mỗi gia đình có từ hai đến bốn người hoặc hai chiếc mùng và hai chiếc mền cho mỗi gia đình có 5 người trở lên.

.../

NDMB: Ông Phụ Tá Bộ Xã Hội vừa cho biết giá biểu trợ cấp cho các tư nhân, bây giờ xin Đại Tá cho biết giá biểu trợ cấp do Bộ Quốc Phòng tài trợ cấp cho những cơ sở tôn giáo và những cơ sở tư nhân dùng cho lợi ích công cộng?

Đại Tá Hoàng Ngọc Tiêu: Giá biểu trong kế hoạch Tỉnh Quân Dân thay đổi theo thời gian. Nhưng điều tiên quyết là việc trợ cấp không áp dụng đối với dân chúng cũng như tài sản nằm trong vùng địch tạm kiểm soát.

Từ năm 1966 đến 1967, mức trợ cấp cho thiệt hại tài sản không hạn định nên đã có người được trợ cấp một số tiền khá lớn. Thí dụ: một nạn nhân tại Vĩnh Bình được trợ cấp 1.500.000, một nạn nhân ở Phước Tuy được trợ cấp 2.500.000 và một nạn nhân ở Phước Long được trợ cấp 3 triệu.

Tối năm 1967, mức trợ cấp đã được giới hạn tối đa là 500 ngàn.

Đến sau Tết Mậu Thân (1968) mức trợ cấp vẫn giữ nguyên nghĩa là không quá 500 ngàn nhưng đối tượng trợ cấp có thay đổi.

Cơ sở tôn giáo và cơ sở chung, tối đa 500 ngàn còn cơ sở tư nhân, tối đa 100 ngàn.

NDMB: Nếu muốn được hưởng trợ cấp của Kế Hoạch Tỉnh Quân Dân người bị thiệt hại phải làm những gì?

Đại Tá Hoàng Ngọc Tiêu: Chúng tôi đã nghiên cứu và gián dị tối đa thủ tục để xin trợ cấp. Thành phần hồ sơ gồm có: đơn xin, giấy chứng sở hữu chủ, chứng chỉ cư trú và giấy xác nhận tình trạng an ninh nơi xảy ra thiệt hại.

Về thủ tục, đơn được chuyển theo hệ thống hành chánh: Xã, Quận, Tỉnh (Tiểu Khu). Tại Tiểu Khu sẽ có một Ủy ban Giám Định đến tại chỗ để cứu xét và quyết định trợ cấp.

NDMB: Như vậy phải chăng ở cấp Tỉnh, tức là Tiểu Khu quyết định hết về mọi giá biểu trợ cấp hay sao?

.../

Đại Tá Hoàng Ngọc Tiêu: Tiểu Khu chỉ quyết định trợ cấp dưới 100 ngàn. Từ 100 ngàn trở lên, Tiểu Khu phải chuyển hồ sơ về Trung Ương để nơi đây quyết định.

NDMB: Người bị thiệt hại có một thời gian bao lâu để làm đơn?

Đại Tá Hoàng Ngọc Tiêu: Người bị thiệt hại có một thời gian là một tháng kể từ ngày xảy ra sự thiệt hại. Trường hợp chậm trễ đặc biệt có lý do xác đáng có thể được gia hạn tới hai tháng.

NDMB: Sau khi nộp đơn, người bị thiệt hại có phải chờ mòn mỏi như có nhiều thư than phiền rằng phải chờ hai năm, năm năm hay mười năm?

Đại Tá Hoàng Ngọc Tiêu: Sự than phiền này sai với sự thực vì khi nhận được đơn cứu xét thì ủy ban cứu xét, giám định làm việc ngay và thời gian là hai tháng thì phải giá định.

Sau khi giám định, phải cứu xét và quyết định trợ cấp trong vòng 30 ngày.

Sở Hành Chánh Tài Chánh địa phương, khi nhận được quyết định trợ cấp sẽ lập thủ tục thanh toán cho đương đơn trong vòng một tháng.

Tóm lại, một đơn xin nếu hợp lệ, thì chậm nhất trong vòng 6 tháng sẽ nhận được trợ cấp.

NDMB: Sở Hành Chánh Tài Chánh địa phương cấp bằng tiền mặt hay bằng chi phiếu?

Đại Tá Hoàng Ngọc Tiêu: Việc thanh toán trợ cấp cho các Sở Hành Chánh Tài Chánh địa phương trả bằng chi phiếu thẳng cho đương đơn để lãnh tiền tại Ty Ngân Khố sở tại.

NDMB: Thưa Đại Tá, có điều chúng tôi thắc mắc là tại sao có trường hợp cũng bị thiệt hại về tài sản giống nhau, mà

.../

có người được trợ cấp ít người được trợ cấp nhiều, hoặc người có người không? Như vậy có phải là có sự ăn chặn không?

Đại Tá Hoàng Ngọc Tiêu: Việc trợ cấp cho những sở hữu chủ bị thiệt hại cũng có những trường hợp là người nhiều, người ít và đôi khi có cả trường hợp người thì có, người không nữa. Trong trường hợp thứ nhất, chúng tôi xin lấy một ví dụ: Một vụ oanh tạc làm xảy ra tại khu vực, gây thiệt hại cho một thánh đường, một ngôi biệt thự, một trường tư thục và một nhà bảo sanh tư. Nhưng chỉ có những cơ sở sau đây được trợ cấp theo Kế Hoạch Tỉnh Quân Dân: Ngôi thánh đường, trường tư thục, nhà bảo sanh.

Vì những cơ sở trên là cơ sở tôn giáo hoặc là cơ sở tư nhưng có tính cách lợi ích công cộng. Còn ngôi biệt thự vì là tài sản tư (không thuộc loại cơ sở có tính cách lợi ích công cộng) nên thuộc thẩm quyền trợ cấp của Bộ Xã Hội theo giá biểu như Ông Phụ Tá Tổng Trưởng Bộ Xã Hội vừa trình bày.

Còn trường hợp người có, người không thì ví dụ như tai nạn xảy ra cùng một chỗ, nhưng một người làm hồ sơ đúng hạn và hợp lệ nên được trợ cấp. Còn một người vì lý do làm ăn xã đã nộp hồ sơ trễ hạn nên không thể trợ cấp được vì lý do Ủy Ban Giám Định không thể xác nhận được những vết tích thiệt hại đã gây ra cho hoa màu.

NDMB: Việc trợ cấp của Bộ Xã Hội cũng vậy, cũng có người ít, người nhiều. Xin Ông Phụ tá cho biết tại sao?

Ô. Huỳnh Thanh Hưng: Các hồ sơ Nạn Nhân Chiến Cuộc thuộc Kế Hoạch Tỉnh Quân Dân đã được chuyển qua Bộ Xã Hội gồm những trường hợp bị thiệt hại xảy ra trong thời gian từ 1966 đến 1968.

Và theo thông tư số 225 ngày 8.10.1968 thì Chánh Phủ đã quyết định là các hồ sơ thuộc các trường hợp thiệt hại xảy ra trong thời gian nào thì do thể lệ cứu trợ áp dụng trong thời gian đó chi phối. Thí dụ: Một trường hợp thiệt hại vì chiến cuộc xảy ra trong năm 1966 thì phải hưởng các khoản trợ cấp do Thông tư số 83-BXH ngày 28.10.66 của Bộ Xã Hội chứ không thể hưởng các khoản trợ cấp do Thông tư số 252-Ph.Th.T/UBTUCTND/VP

.../

ngày 1.4.68 của Ủy Ban Trung Ương Cứu Trợ Nhân Dân ấn định đối với nạn nhân chiến cuộc Tết Mậu Thân được, về lý do đó mà có trường hợp người ít, người được nhiều.

NDMB: Bộ Xã Hội trợ cấp dưới hình thức nào: Bằng tiền hay bằng đồ vật, có ai đứng ra để phát đồ không?

Ô. Huỳnh Thanh Hưng: Việc trợ cấp thì chúng tôi xin nói rằng, về thủ tục phát tiền trợ cấp hoặc vật liệu hay phẩm vật, thì các nạn nhân đã được ghi tên trong danh sách do chính quyền địa phương thiết lập, được lãnh tiền mặt, vật liệu và phẩm vật do một Ủy ban cấp phát trao tận tay và các người thụ hưởng phải ký tên trong danh sách này. Việc cấp phát đồ vật hay phẩm vật cũng vậy và do đó cán bộ cứu trợ hay cán bộ xã hội phụ trách.

NDMB: Tại nhiều xã có vài cán bộ toa rập với người bị thiệt hại để làm những hồ sơ thiệt hại nhiều hậu được cấp nhiều hoặc là toa rập với người không bị thiệt hại gì hết để làm hồ sơ ma. Cục Tâm Lý Chiến có biết việc này không?

Đại Tá Hoàng Ngọc Tiêu: Cũng có những vụ lạm dụng như vậy, điển hình như một vài nơi chính quyền cấp Xã đã toa rập với một vài đương đơn tạo hồ sơ ma, nhằm xin trợ cấp, nhưng nội vụ đã được phát giác và ngăn chặn kịp thời nhờ sự hữu hiệu của Ủy Ban Điều Tra và Giám Định tại chỗ.

Ngoài ra, vì ngân khoản eo hẹp, mức trợ cấp phải hạn chế (tối đa 500 ngàn cho cơ sở tôn giáo và cơ sở chung, 100 ngàn cho tư nhân) nên đã có một số sản chủ tìm cách phân chia tài sản bị thiệt hại làm nhiều cơ sở riêng biệt với mục đích muốn được hưởng nhiều trợ cấp. Nhưng sự việc này cũng đã được ngăn chặn kịp thời.

Còn theo tôi nghĩ, về phía chánh quyền thì thủ tục thanh toán được trả bằng chi phiếu ghi đích danh người thụ hưởng do các Sở Hành Chánh Tài Chánh địa phương thực hiện và trao cho nạn nhân đến lãnh tiền tại Ty Ngân Khố địa phương nên không thể xảy ra trường hợp phát ngân viên ăn chặn tiền trợ cấp.

.../

NDMB: Trong việc trợ giúp cho những nạn nhân chiến cuộc, chúng tôi có nhận được nhiều thư than phiền rằng có nhiều cán bộ Xã Ấp đã ăn chặn tiền trợ giúp và có lúc lại đòi tiền trả nước sau khi người bị thiệt hại đã nhận được tiền trợ giúp vậy Bộ Xã Hội có biết việc này không và có biện pháp nào ngăn chặn?

Ô. Huỳnh Thanh Hưng: Theo chủ trương của Bộ Xã Hội công cuộc cứu trợ nạn nhân chiến cuộc cần phải được mau lẹ, hữu hiệu và công bằng. Vì vậy, Bộ Xã Hội đã cố gắng giản dị hóa thủ tục để việc cứu trợ được mau chóng, nhưng mặt khác cũng đã ấn định những biện pháp cần thiết nhằm ngăn ngừa sự gian lận hay tham nhũng.

Theo chỉ thị của Bộ Xã Hội tại các tỉnh và quận, phải thiết lập một Ủy Ban Cứu Trợ Nạn Nhân Chiến Cuộc, thành phần gồm có Đại diện Chánh quyền địa phương, Đại diện Hội đồng Tỉnh, Đại diện các tôn giáo, các đoàn thể và các Ty chuyên môn để thực hiện công cuộc cứu trợ.

Các biểu suất cứu trợ cần được công khai hóa bằng cách in trên các bích chương dán tại các trụ sở Quận, Xã, hoặc được cơ quan Thông Tin phổ biến trên Đài phát thanh hoặc xe phóng thanh.

Việc cấp phát tiền, vật liệu hay phẩm vật do một Ủy ban cấp phát gồm có các đại diện Tỉnh Trưởng, Quận Trưởng, Xã Trưởng, Hội đồng Tỉnh, các thân hào nhân sĩ và Ty Xã Hội chứng kiến.

Tuy nhiên trên thực tế cũng đã xảy ra vài trường hợp tham nhũng, như ăn chặn tiền trợ cấp hoặc đòi tiền trả nước, hoặc vài trường hợp gian lận như gia tăng tỷ lệ thiệt hại nhà của để hưởng biểu suất trợ cấp cao, hoặc giả tăng số nhân khẩu trong gia đình để hưởng thêm phần trợ cấp. Các trường hợp này thường bị phát giác một phần do sự khám phá của chánh quyền, một phần do sự tố cáo của dân chúng, và sau khi đến điều tra có đủ bằng chứng, chánh quyền đã áp dụng các biện pháp thích nghi đối với cán bộ phạm lỗi và những biện pháp chế tài đối với những người man khai (như bắt bồi hoàn số tiền lĩnh trợ).

NDMB: Thưa Đại Tá, lúc này Đại Tá có nói đến việc bồi thường về khai quang. Vậy việc khai quang làm hư tài sản?

.../

Đại Tá Hoàng Ngọc Tiêu: Khai quang là đa số thí hư hoa màu, khai đốn điền, rừng cao su hoặc vườn trái cây.

NDMB: Kế hoạch Tỉnh Quân Dân có trợ cấp cho những thiệt hại như trâu bò, xe cộ, xe ủi đất, máy cày không?

Đại Tá Hoàng Ngọc Tiêu: Trong Kế hoạch Tỉnh Quân Dân về khai quang chỉ trợ cấp những thiệt hại về hoa màu mà thôi còn những tài sản "nơi" không đo chúng tôi phụ trách.

NDMB: Kết quả của Kế hoạch Tỉnh Quân Dân cho tới nay như thế nào?

Đại Tá Hoàng Ngọc Tiêu: Trong Kế hoạch Tỉnh Quân Dân, chúng tôi đã cứu xét một số lớn hồ sơ và đã trợ cấp một số ngân khoản.

Từ 1966 đến 1969 chúng tôi đã giải quyết cứu xét 70.000 hồ sơ, trợ cấp thành tiền là 2 tỷ 551 triệu.

Năm 1970, chúng tôi đã giải quyết cứu xét 9.000 hồ sơ, trợ cấp thành tiền 470 triệu.

Năm 1971, chúng tôi đã giải quyết cứu xét 4.000 hồ sơ trợ cấp thành tiền 200 triệu.

Tổng cộng trong Kế hoạch Tỉnh Quân Dân đến năm 1971, chúng tôi đã cứu xét trợ cấp 83.000 hồ sơ, trợ cấp 3 tỷ 221 triệu.

NDMB: Thưa Ông Phụ Tá, trong Kế hoạch Tỉnh Quân Dân, Bộ Xả Hội đã trợ cấp bao nhiêu tiền?

Ô. Huỳnh Thanh Hưng: Trong các năm 1969, 1970 và 1971, Bộ Xả Hội đã xử dụng một ngân khoản là 124 triệu (tính đến ngày 30.11.1971) để thanh toán các hồ sơ thuộc Kế hoạch Tỉnh Quân Dân.

Số ngân khoản này được phân chia cho các Quận khu như sau: Quận Khu I, 56 triệu, Quận Khu II 26 triệu, Quận Khu III 8 triệu, và Quận Khu IV 34 triệu.

.../

Ngân khoản này đã được sử dụng để trợ cấp cho 14.178 nhà bị hư hại trên 50%, 518 nhà bị hư hại dưới 50%, 698 người bị tử thương từ 15 tuổi trở lên, 316 người bị tử thương dưới 15 tuổi, 494 người bị thương.

NDMB: Đây là câu hỏi chốt, xin Đại tá Cục Trưởng Cục Tâm Lý Chiến cho biết về thuốc khai quang. Vì có một số người nói rằng thuốc khai quang đã làm hại sức khỏe của đồng bào và vừa rồi có bệnh đau mắt cấp tính cũng có người nói do thuốc khai quang gây ra, xin Đại tá cho biết có phải vậy không?

Đại Tá Hoàng Ngọc Tiêu: Việt Cộng vẫn thường xuyên tác bất cứ mọi việc làm nạc của Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, thậm chí đến việc phát thuốc miễn phí cho đồng bào, Việt Cộng cũng tuyên truyền rằng ta bỏ thuốc độc sát hại đồng bào. Còn về dịch đau mắt cấp tính vừa qua, một vài tỉnh không thể nói đó là do ảnh hưởng của thuốc khai quang. Việc này, trước đây đã được Bộ Y Tế giải thích rõ ràng. Riêng thuốc khai quang, ngoài tác dụng đối với loại thảo mộc không ảnh hưởng tai hại đối với sức khỏe con người cũng như gia súc. Bằng chứng là những nhân viên phụ trách chuyện chở thuốc, xịt thuốc đã phục vụ một thời gian ba, bốn năm nay mà vẫn không ảnh hưởng gì đến sức khỏe của họ.

HƯU BỔNG VÀ CẤP DƯỠNG

Phát Hình Ngày 19.12.1971

Đại Tá DINH XUÂN KẾ, 45 tuổi, sanh tại Hải Dương, Bắc Việt. Đại Tá Kế từng giữ những chức vụ, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 5, Sư Đoàn 2 Bộ Binh, Tư Lệnh Phó kiêm Tham Mưu Trưởng Sư Đoàn 7 Bộ Binh, Tham Mưu Trưởng Biệt Khu Thủ Đô. Đại Tá Kế đã tốt nghiệp Khóa I Cao Đẳng Quốc Phòng.

Từ tháng Tư năm 1970, Đại Tá Kế là Giám Đốc Nha hưu bổng và Cấp Dưỡng thuộc Bộ Cựu Chiến Binh.

NDMB: Bộ Cựu Chiến Binh trả hưu bổng và cấp dưỡng cho những giới nào?

Đại Tá Dinh Xuân Kế: Bộ Cựu Chiến Binh trả hưu bổng và cấp dưỡng cho những người sau: các cựu quân nhân không phân biệt hiện dịch hay trừ bị thuộc QLVNCH, thương phế binh, phế cán, thân nhân tử sĩ gồm tổ phụ, quả phụ, cô nhi và các giám hộ quốc gia nghĩa tử.

Ngoài ra, nơi đây, các binh sĩ Việt Nam tàn phế thuộc các lực lượng biệt kích Mỹ, như dân sự chiến đấu, Mike Forces, thám sát tĩnh, thêm vào đó còn các đoàn viên nguyên thuộc các lực lượng giáo phái như Cao Đài, Hòa Hảo và các lực lượng Tự Vệ Công Giáo.

.../

NDMB: Phế Cán còn là một trong những thành phần được Bộ Cựu Chiến Binh cấp hưu bổng. Phế Cán này là những ai ?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Sắc Lệnh số 183-SL ngày 27.10.1971 dùng danh từ phế cán để chỉ những cán bộ phát triển nông thôn bị tàn phế được hưởng toàn vẹn những quyền lợi danh cho một phế cán binh.

NDMB: Quân nhân có một thời gian phục vụ trong quân đội, khi giải ngũ được lãnh những hưu bổng hay là hưu liêm như thế nào ?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Theo Dự 29 ngày 30.4.1954 cựu quân nhân được hưởng hưu bổng và hưu liêm như sau: Về hưu bổng thâm niên dành cho những quân nhân có từ 25 năm công vụ trở lên, dân chính và quân chính. Tiếp tới là các hưu bổng tỷ lệ dành cho những quân nhân có từ 15 năm quân vụ trở lên và 33 tuổi sau khi các đơn xin hưu trí được chấp thuận. Quân nhân có từ 15 năm quân vụ thực sự trở lên nhưng chưa đủ 25 năm hoặc bị thái hồi hay cố tật có quy trách công vụ hoặc vi phạm kỷ luật hay vì thiếu năng lực chuyên nghiệp.

Về hưu bổng hỗn hợp dành cho các quân nhân có được hưởng cấp dưỡng phế binh và không đủ quyền hưởng các hưu bổng tỷ lệ.

Hưu bổng chuyển quyền dành cho vợ chánh thức có giá thú ít nhất là hai năm trước khi người chồng về hưu hay trước biến cố làm cho người chồng mệnh một.

Lương bại dịch dành cho những sĩ quan chưa đủ 15 năm quân vụ mà bị thái hồi hoặc bị cố tật không có cấp dưỡng hoặc vi phạm kỷ luật hay thiếu năng lực chuyên môn.

Các quân nhân không phải là sĩ quan đã phục vụ năm năm sau thời gian quân dịch bắt buộc bị thái hồi mà không đủ điều kiện để hưởng cấp dưỡng hoặc hưu bổng tỷ lệ.

Về việc hoàn trả hưu bổng toàn thể quân nhân hiện dịch đều phải đóng hưu liêm hàng tháng theo tỷ lệ là 6% trên lương bản. Khi giải ngũ, không đủ điều kiện để hưởng hưu bổng hay cấp dưỡng quân nhân được hoàn trả tổng số hưu liêm đã đóng góp trong thời gian tại ngũ.

NDMB: Chúng tôi được nhiều thư của thương phế binh hỏi rằng họ là thương phế binh loại Hai có được cấp dưỡng gì không?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Không. Quân nhân loại hai mới được đưa ra Hội Đồng Y Khoa chứ chưa được phân loại nên những quân nhân này không có cấp độ tàn phế và họ không được hưởng cấp dưỡng.

NDMB: Như vậy quân nhân loại hai có thể gọi là thương phế binh?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Đúng. Quân nhân loại hai không thuộc thành phần thương phế binh và họ không phải là đối tượng của Bộ Cựu Chiến Binh.

NDMB: Tổ phụ có phải có hạng tuổi nào không. Ví dụ như người cha phải 60 tuổi và người mẹ phải là 55 tuổi mới được cấp dưỡng tổ phụ?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Dự 22 ngày 15.10.52 ấn định hạn tuổi cho các tổ phụ phải quá 60 tuổi nếu là người cha và 55 tuổi nếu là người mẹ, hoặc vì tàn phế hay bệnh hoạn không thể chữa được. Luật 8.70 không giới hạn tuổi.

NDMB: Nghĩa là ví dụ người cha 35 tuổi mà có con 18 tuổi tử trận thì vẫn lãnh được tiền cấp dưỡng tổ phụ?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Đúng như vậy.

NDMB: Nếu không còn cha mẹ, ông bà nội hay ông bà ngoại, bà con chú bác có thể lãnh tiền cấp dưỡng tổ phụ được không?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Cấp dưỡng tổ phụ sẽ cấp cho ông nội hoặc bà nội trong trường hợp cha mẹ của đương sự đã qua

.../

đôi hoặc bất cứ ai chứng minh được rằng đã nuôi nấng và cấp dưỡng tử sĩ trong một thời gian dài và đã thay thế cha mẹ nuôi tử sĩ đến 16 tuổi.

NDMB: Đại Tá có đề cập cô nhi và quốc gia nghĩa tử. Hai danh từ đó có khác nhau về tình trạng của mỗi người không?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Quốc gia nghĩa tử được thừa nhận các con chính thức, các con chính thức hóa, con ngoại hôn được chính thức thừa nhận và các con nuôi hợp pháp của tử sĩ hay những chiến sĩ bị mất tích trong khi chiến đấu. Kể đến là những phế binh có cấp độ tàn phế từ 60% trở lên do thương tích chiến tranh gây nên. Cô nhi là những con được thừa nhận, những con chính thức hóa, những con ngoại hôn được thừa nhận và các con nuôi hợp pháp của các quân nhân đã chết vì một nguyên nhân quy trách công vụ.

NDMB: Con của cảnh sát viên hay là con của cán bộ xây dựng nông thôn hay những cán bộ khác có được coi là quốc gia nghĩa tử không?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Cảnh sát bộ mình vì tổ quốc, con của cảnh sát cũng được công nhận là quốc gia nghĩa tử. Con của các cán bộ Phát triển Nông Thôn thì cũng được hưởng quyền lợi như một quân nhân thuộc Quân lực VNCH.

NDMB: Một cựu quân nhân phải làm gì để lãnh được hưu bổng hay là cấp dưỡng?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Muốn được cấp dưỡng, những đối tượng chỉ cần nộp đầy đủ những văn kiện cho đơn vị gốc tự trị về hành chính hoặc là đơn vị quản trị quân số liên hệ để nơi đây thiết lập hồ sơ sao cho đầy đủ, hợp lệ và sau đó gửi về Bộ Cựu Chiến Binh. Một bản sao của phiếu gửi sẽ được gửi tới đối tượng để biết và theo dõi.

NDMB: Còn muốn được cấp dưỡng, các thương phế binh phải làm gì?

.../

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Cũng nộp cho đơn vị gốc như tôi đã trình bày. Ở đơn vị quản trị, chiếu theo báo cáo tổn thất và các tờ bệnh lý chuyển hồ sơ đến trung tâm miễn dịch hay các phòng miễn dịch địa phương để giám định y khoa và đưa ra hội đồng án định mức độ cấp độ tàn phế. Trung tâm miễn dịch tập trung và kiểm soát các hồ sơ để kiện toàn hồ sơ cấp dưỡng tàn phế, gửi về Bộ Cựu Chiến Binh.

NDMB: Giám hộ quốc gia nghĩa tử thì phải làm gì để được cấp dưỡng?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Hồ sơ cấp dưỡng quốc gia nghĩa tử do người giám hộ lập và gửi về Bộ Cựu Chiến Binh. Với loại hồ sơ này, giám hộ phải đến tòa án để xin lên án. Tuy nhiên nếu đương sự cần đến các đơn vị gốc liên hệ thì nơi này sẽ chỉ dẫn.

NDMB: Muốn lập một hồ sơ để xin cấp dưỡng thương phế binh hoặc là phế cấp thì hồ sơ đó có những giấy tờ gì?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Theo huấn thị Liên bộ Quốc Phòng Cựu Chiến Binh ngày 15.10.70, thành phần hồ sơ cấp dưỡng phế binh gồm có: Tờ khai cấp dưỡng mẫu QĐ.879, báo cáo tổn thất mẫu QĐ.831, chứng thư hành chính mẫu QĐ.855B, tờ bệnh lý mẫu QĐ.923, kèm bản của hội đồng miễn dịch mẫu QĐ.923A và 5 ảnh 4 x 6.

NDMB: Các thành phần hồ sơ của quả phụ, cô nhi và tổ phụ gồm những giấy tờ nào?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Thành phần hồ sơ cấp dưỡng quả gồm có tờ khai để xin hưởng cấp dưỡng 5 ảnh 4x6, chứng thư hành chính mẫu QĐ.855B, bản tướng mạo quân vụ.

Thành phần hồ sơ cấp dưỡng cô nhi có tờ khai để xin hưởng cấp dưỡng của người giám hộ và 5 ảnh 4x6, chứng thư hành chính mẫu QĐ.855B, bản tướng mạo quân vụ loại C và quyết định của hội đồng gia tộc và tờ khai tử hoặc tờ khước tử hay văn kiện truất quyền giám hộ của người mẹ.

Thành phần hồ sơ cấp dưỡng tổ phụ có tờ khai để xin hưởng cấp dưỡng và 5 ảnh 4x6 chứng thư hành chính mẫu QĐ.855B, bản tướng mạo quân vụ loại C.

Thành phần hồ sơ cấp dưỡng quốc gia nghĩa tử có tờ khai để xin hưởng cấp dưỡng và 5 ảnh 4x6 của người giám hộ, ấn quốc gia nghĩa tử, chứng thư hành chính mẫu QĐ.855B, bản tướng mạo quân vụ loại C.

NDMB: Bộ Cựu Chiến Binh có phòng nào để chỉ dẫn cho những người đến xin giấy tờ không?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Tại Bộ Cựu Chiến Binh có một phòng chỉ dẫn được thiết lập tại công ra vào của Bộ. Ai có gì cần hỏi hay liên lạc với phòng này, cơ quan này ngoài nhiệm vụ chỉ dẫn còn nhận hồ sơ và giúp đỡ, điền khai những mẫu ở trong thành phần hồ sơ cấp dưỡng.

Tuy nhiên, chúng tôi có ra một thông cáo ngày 2.9.71 để nhắc nhở không nên liên lạc với những đệ tam nhân ngồi ở vệ đường luôn luôn tìm cách viết đơn thuê với một giá quá mắc. Phòng chỉ dẫn phát không những ấn phẩm có sẵn và giúp đỡ những đối tượng trong mọi trường hợp.

NDMB: Tại các tỉnh có những phòng chỉ dẫn như ở Bộ không?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Tại các tỉnh chúng tôi có những ty Cựu Chiến Binh và đến nay chúng tôi có 11 ty trên toàn quốc.

NDMB: Thời gian nộp đơn đến thời gian lãnh được tiền là bao nhiêu lâu? Có người than phiền với chúng tôi rằng họ phải chờ đợi đến 2 năm mà vẫn chưa có.

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Với số nhân viên hạn định và phương tiện eo hẹp để thanh toán hồ sơ cũng tùy theo số hồ sơ nhận được trong tháng và sự hợp lệ của hồ sơ đó. Tuy nhiên, một hồ sơ có thể được giải quyết từ một tháng rưỡi đến hai tháng.

NDMB: Như vậy đối với những hồ sơ không hợp lệ, tại sao nhân viên lại nhận rồi 5, 6 tháng sau mới trả về cho đương sự và nói rằng hồ sơ không hợp lệ. Điều này đáng lẽ nhân viên phải kiểm soát trước mới phải?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Không phải tất cả hồ sơ đều nạp qua phòng chỉ dẫn của chúng tôi mà các hồ sơ chỉ đệ nạp qua phòng chỉ dẫn nếu các đối tượng ở quanh vùng Saigon hay lân cận. Còn những đối tượng ở xa thì thường thường muốn cho hồ sơ mau chóng, gửi bằng bưu điện đến chúng tôi. Trong trường hợp đó thì không thể nào làm hơn được.

NDMB: Có lý do nào để có thể chậm trễ cấp dưỡng khi mà hồ sơ đã nộp từ mấy năm rồi?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Thật ra, việc chậm trễ về hồ sơ cấp dưỡng cũng có nhiều nguyên nhân. Nếu nói tới việc quy trách, có thể nói rằng cơ quan thiết lập hồ sơ chuyên hành hồ sơ, thông báo hồ sơ ngay cả đối tượng nữa cũng đều có sơ suất. Chúng tôi xin đi vào chi tiết: Trước tiên là đối với những cơ quan thiết lập và chuyên hành hồ sơ thì theo tinh thần huan thi liên bộ Cựu Chiến Binh và Quốc Phòng ngày 15.10.70 nói các cơ quan đơn vị gốc mỗi khi đơn vị có quân nhân mệnh một thì ngoài hồ sơ mất tích, tử tuất còn phải tự động lập một hồ sơ cấp dưỡng như quả phụ cô nhi và kê quyền gửi về Bộ Cựu Chiến Binh trong một tuần lễ từ ngày thân nhân tử sĩ nạp đủ văn kiện đòi hỏi.

Về cơ quan thanh toán thì với số hồ sơ cấp dưỡng đến quá nhiều trong khi nhân viên hạn định thì tự nhiên là có sự ôi đọng hồ sơ. Lý do ngoài hồ sơ cấp dưỡng gia tăng lớn lao vì sau khi luật 8-70 ban hành thì quyền lợi cấp dưỡng gia tăng gấp bội.

Trước đây một số người không chú ý tới tiền cấp dưỡng nay đã vội vã xin cấp dưỡng.

Năm 1967 có 15.000 hồ sơ. Đến nay mới 11 tháng của năm 1971 chúng tôi đã nhận tới 146.000 hồ sơ.

.../

Về phần những người được cấp dưỡng đáng lẽ phải nộp hồ sơ tại đơn vị gốc thì họ muốn được nhanh chóng nên đã tự thiết lập hồ sơ và gửi Bộ Cựu Chiến Binh.

Ngoài ra các đối tượng mỗi khi thay đổi địa chỉ thì ít khi thông báo cho chúng tôi biết. Khi thanh toán xong số cấp dưỡng chúng tôi gửi về đối tượng lại không nhận được và có khi số bị thất lạc.

NDMA: Đại Tá có nói là thời gian nhận đơn đến thời gian thanh toán cấp dưỡng là 2 tháng phải không?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Thời gian để giải quyết hồ sơ thường thì từ 1 tháng rưỡi đến 2 tháng.

NDMB: Vậy có vấn đề tham nhũng hay là lo lót để cho hồ sơ được thanh toán nhanh chóng hay là chia xốt tiền cấp dưỡng không?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Bộ Cựu Chiến Binh luôn luôn hoan hỉ nhận những tố cáo các hành vi hối lộ với những bằng chứng cụ thể.

Cho tới nay chỉ thấy các đối tượng nêu lên vấn đề mà chưa có những đơn với những tố cáo với chúng có cụ thể. Tại Bộ Cựu Chiến Binh, các chỉ thị cần thiết cũng đã được đưa ra để ngăn chặn mọi hành vi tham nhũng.

Tháng 8 năm 1970 ở Bộ chúng tôi cũng đã bắt quả tang một nhân viên đã nhận tiền hối lộ là 500\$. Nhân viên đó đã bị câu lưu và sau đó đã bị sáu tháng tù ở.

NDMB: Tính đến nay Bộ Cựu Chiến Binh đã giải quyết được bao nhiêu hồ sơ?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Tính đến nay Bộ Cựu Chiến Binh đã cứu xét và cấp phát đến cuối tháng 11.71 là 349.483 hồ sơ. Nếu so sánh thì chúng tôi đã thanh toán bằng 60% hồ sơ làm trong 17 năm.

NDMB: Vậy còn bao nhiêu hồ sơ mà Bộ Cựu Chiến Binh chưa giải quyết được?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Cũng tính đến cuối tháng 11.71 chúng tôi có 27.610 hồ sơ đang thanh toán. Chúng tôi hy vọng sẽ thanh toán trong hai tháng sắp tới.

NDMB: Đây là một vài câu hỏi lịch tinh, những người được hưởng hưu bổng tỷ lệ có được hưởng phụ cấp vợ con không?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Hồ sơ về hưu bổng thâm niên cũng như hưu bổng tỷ lệ thì các đối tượng chỉ được hưởng phụ cấp về phần con chứ không được hưởng phụ cấp vợ.

NDMB: Còn những người chồng chết nhưng lúc đó con lại chưa sanh, vậy khi đứa con sinh ra có được lãnh tiền phụ cấp?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Có thể được, nếu quả phụ sanh con trong thời hạn là 300 ngày sau khi tử sĩ chết.

NDMB: Còn một trường hợp khác, nhiều người than phiền với chúng tôi là người chồng đã tử trận vào tháng 4 thì Bộ Cựu Chiến Binh chỉ cho lãnh từ tháng 10.

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Trường hợp này chúng tôi không gặp bởi lẽ chúng tôi đã thanh toán hồ sơ căn cứ ngày mà tử sĩ mất một, căn cứ trên chứng thư hành chính.

NDMB: Trong trường hợp hồ sơ phải mất một, hai năm mới tới Bộ thì họ có được truy lãnh hay không?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Có thể được truy lãnh, nhưng hai, ba năm thì không. Chúng tôi căn cứ theo hồ sơ gửi tới Bộ và căn cứ theo dấu của phòng công văn. Sau đó chúng tôi sẽ làm truy lãnh ngược lại một năm kể từ ngày nhận công văn.

NDMB: Con dấu của bưu điện về những thư gửi bảo đảm đến Bộ Cựu Chiến Binh có được tính không?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Chúng tôi vẫn có căn cứ vào đó để thanh toán hồ sơ.

NDMB: Có những trường hợp nào cựu quân nhân hoặc thương phế binh, qua phụ không được hưởng phụ cấp vợ con?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Đó là những trường hợp kiêm lãnh. Các phế binh, qua phụ tử sĩ nếu được thầu nhận vào trong các công sở thì không được kiêm lãnh về phụ cấp gia đình và vợ con.

NDMB: Đây là câu hỏi chốt của chúng tôi, xin Đại Tá cho biết về nhà của thương phế binh, Bộ Cựu Chiến Binh đã xây cất được bao nhiêu rồi?

Đại Tá Đinh Xuân Kế: Cho tới cuối tháng 11.71, tại 46 tỉnh trên toàn quốc đã thực hiện được 5.321 căn. Đô Thành Saigon, chung cư Phạm Thế Hiển 448 căn, tỉnh Gia Định (Tân Quý Đông, Phú Thọ và Thủ Đức 3.800 căn), cộng là 9.569 căn.

Như vậy công tác xây cất đã có 33 tỉnh đã hoàn tất 100% và 15 tỉnh đã hoàn tất từ 90% đến 93%.

HỘI CHA MẸ NUÔI QUỐC TẾ

Phát Hình Ngày 26.12.1971

Ông PHẠM VĂN TƯỚC, kế toán viên của Hội Cha Mẹ Nuôi Quốc Tế, làm việc với hội này trên 14 năm, kể từ ngày Hội được thành lập.

Bà ĐỖ THỊ NHƯ, cán sự xã hội đã làm việc với Hội Cha Mẹ Nuôi Quốc Tế trên 7 năm

Bà LÊ THỊ LỆ HỒNG, cán sự xã hội, đã làm việc với Hội Cha Mẹ Nuôi Quốc Tế từ trên 10 năm nay.

NDMB: Thưa Bà Đỗ Thị Như, Hội Cha Mẹ Nuôi Quốc Tế đến Việt Nam từ năm nào và với mục đích gì?

Bà Đỗ Thị Như: Hội Cha Mẹ Nuôi Quốc Tế đến Việt Nam từ năm 1957 theo thỏa ước của Hội ký với Bộ Xã Hội ngày 3.5.1957 và với mục đích tìm giúp những gia đình nghèo khó tại Việt Nam.

Trong mục đích tìm giúp những gia đình nghèo khó, Hội chú trọng tới vấn đề giáo dục con cái và giúp đỡ tài chính cho gia đình. Ngoài ra còn một mục đích nữa là tạo sự hiểu biết về Việt Nam cho những người ngoại quốc và ngược lại.

NDMB: Muốn được giúp đỡ, những gia đình Việt Nam phải có những điều kiện tiêu chuẩn nào?

.../

Bà Đỗ Thị Nhu: Khi có một gia đình tới xin giúp đỡ, chúng tôi sẽ hỏi han và ghi lại, sau đó chúng tôi sẽ có nhân viên đến tận nhà những gia đình này để thăm hỏi.

Chúng tôi để ý tới mức sống của những gia đình này. Khi chúng tôi thấy mức sống của họ thấp kém và là gia đình chịu khổ, chăm chỉ làm ăn thì chúng tôi sẽ giúp đỡ.

NDMB: Thưa bà, có một cảnh sát viên có người em đi lính và đã tử trận, để lại chín đứa con nhỏ và một mẹ già, ông ta hỏi gia đình này có thể xin Hội Cha Mẹ Nuôi Quốc Tế giúp đỡ được không?

Bà Đỗ Thị Nhu: Chúng tôi không thể trả lời ngay được, nhưng chúng tôi sẽ cho biết sau khi chúng tôi viếng thăm gia đình đó với sự nhận xét của cán sự xã hội để đi đến kết luận là có thể giúp đỡ được hay không. Thường một gia đình tử sĩ đã được hưởng quyền lợi của Bộ Cựu Chiến Binh rồi chúng tôi không được hưởng qua những gia đình tử sĩ.

NDMB: Có thể rằng sự giúp đỡ đối với gia đình đông con đó quá ít. Hội có giúp được không?

Bà Đỗ Thị Nhu: Trong trường hợp đặc biệt, chúng tôi có thể giúp thêm.

NDMB: Thưa bà, có trường hợp nào mà những gia đình muốn được giúp đỡ phải lo lót cán sự xã hội đến thăm nhà hoặc có sự tra vấn nào không?

Bà Đỗ Thị Nhu: Tôi tin rằng không có một nhân viên nào của Hội chúng tôi nhận những sự lo lót đó, vì mục đích của Hội chúng tôi là lo cho những gia đình nghèo mà việc lo lót xảy ra thì đó là những gia đình không phải là gia đình nghèo nữa rồi.

NDMB: Xin Bà Lê Thị Lệ Hồng cho biết, trẻ em chừng bao nhiêu tuổi sẽ được giúp đỡ?

Bà Lê Thị Lệ Hồng: Thường thường chúng tôi lựa những con nuôi trong lứa tuổi đi học tức 6 đến 12 tuổi, nhưng từ hơn một năm nay chúng tôi lựa theo tiêu chuẩn từ 3 tới 5 tuổi để chiều theo ý của những bà má nuôi của các em.

NDMB: Mỗi gia đình có thể xin hội giúp đỡ được bao nhiêu em?

Bà Lê Thị Lệ Hồng: Thường thường trong một gia đình chúng tôi chỉ chọn một em để làm mối giây liên lạc giữa các cha mẹ nuôi và gia đình được giúp đỡ. Sau một thời gian, chúng tôi nếu xét thấy gia đình đó cần được một phần tiền thứ hai để phát triển gia đình chúng tôi sẽ chọn một em khác. Hội chúng tôi chỉ giúp đỡ hai em trong một gia đình, nhưng hai em đó là trường hợp đặc biệt mà thôi.

NDMB: Danh từ nuôi có thể làm cho người hiểu lầm, xin bà nói rõ đứa con nuôi đó có liên hệ gì về phương diện luật pháp đối với gia đình nhận nuôi hay không?

Bà Lê Thị Lệ Hồng: Hội chúng tôi làm việc thuận tủy xã hội, nên về vấn đề luật pháp các em không có một giấy tờ gì chứng tỏ các em là con nuôi của một người ngoại quốc. Chúng tôi đặt ra danh từ con nuôi để thêm phần thân mật để người giúp và người nhận giúp vì vậy đứa con nuôi vẫn ở trong gia đình với cha mẹ các em cho đến khi họ tỏ ý muốn được đem ra ngoại quốc để học thêm thì chúng tôi cũng từ chối. Thành ra vấn đề mang trẻ em ra ngoại quốc thì Hội chúng tôi không có chủ trương đó.

NDMB: Thưa bà Nhu, những gia đình ngoại quốc giúp đỡ là những gia đình ở xứ nào?

Bà Đỗ Thị Nhu: Hiện giờ chúng tôi có một số gia đình ở Mỹ, Gia Na Đại, Úc, Pháp, Tây Đức và Hòa Lan nữa.

NDMB: Thưa Ông Phạm Văn Tước, xin ông cho biết mỗi gia đình ở ngoại quốc muốn nuôi một em ở Việt Nam, họ gởi mỗi tháng bao nhiêu tiền?

.../

Q. Phạm Văn Tước: Mỗi gia đình ngoại quốc muốn nuôi một trẻ Việt Nam đóng cho Hội một số tiền hằng tháng là 16 mỹ kim tức là 192 mỹ kim một năm cũng có thể gửi bằng tiền Gia Na Đại, tiền Úc hoặc Anh kim, phật lạng...

NDMB: Số tiền 16 mỹ kim mỗi tháng cho mỗi em đó được hội cấp bao nhiêu?

Q. Phạm Văn Tước: Mỗi em một năm được hưởng 118 mỹ kim tiền trợ cấp và 4 mỹ kim tiền đặc biệt thuốc men hay là trông lúc cấp cứu...

NDMB: Như vậy là mấy phần trăm tiền chi phí của Hội?

Q. Phạm Văn Tước: Tiền chi phí điều hành mua tặng phẩm và tiền mặt cho các em lên tới 77,2%. Tiền điều hành các ban giám đốc ở ngoại quốc là 6,6%, tiền quảng cáo và tiền giao tế thu hút các cha mẹ nuôi mới là 4,2% và tiền điều hành các trụ sở quốc tế tại Hoa Kỳ, Gia Na Đại, Úc lên tới 12%.

NDMB: Tính bằng tiền bạc Việt Nam mỗi em mỗi tháng được hội giúp bao nhiêu?

Q. Phạm Văn Tước: Hiện thời theo hối suất mới thì mỗi em được lãnh 3.300\$ và 600\$ tiền thay thế mua tặng phẩm cho các em ở xa như Dalat, Huế... riêng các em ở quanh vùng Saigon thì chúng tôi phát tặng phẩm như vải, mùng, mền, thuốc bổ...

NDMB: Như vậy là mỗi tháng, các gia đình đó phải tới trụ sở hội để lãnh tiền?

Q. Phạm Văn Tước: Phải, những người ở chung quanh Saigon thì tới hội để lãnh.

NDMB: Còn những người ở xa thì sao?

O. Phạm Văn Tước: Các gia đình ở xa thì chúng tôi gửi bưu phiếu qua các Ty Xã Hội các tỉnh.

NDMB: Trường hợp những gia đình nuôi muốn gửi thêm tiền hoặc thêm quà tặng thì hội có đưa đến tận tay các em không?

O. Phạm Văn Tước: Thường thường chúng tôi nhận tiền thêm cho các em trong trường hợp đặc biệt như lễ Giáng Sinh, Tết Nguyên Đán, Tết Trung Thu hay ngày sinh nhật của các em dưới hình thức những cái phiếu đặc biệt của Hội in ra chúng tôi sẽ phát cho các em bằng cách tính từ tiền Mỹ kim ra tiền Việt Nam.

NDMB: Thưa Bà Hồng, Hội có cách nào cho những gia đình ở ngoại quốc biết tiền đã đến tay những em được giúp đỡ không?

Bà Lê Thị Hồng: Các tặng phẩm thường thường là bằng tiền. Một khi tiền đến Hội chúng tôi thì chúng tôi trao tận tay đến các gia đình.

NDMB: Nhưng những gia đình ở ngoại quốc cũng muốn biết rằng những gia đình được giúp đỡ có xài đúng số tiền của họ giúp đỡ hay không hay là để cho người cha đi nhậu một bữa là hết

Bà Lê Thị Hồng: Chúng tôi có một số cán sự xã hội để theo dõi các gia đình được giúp đỡ, mỗi tháng khi đến hội chúng tôi lãnh tiền, chúng tôi sẽ hỏi thăm và mỗi năm chúng tôi có làm một báo cáo để tường trình việc xữ dụng tiền giúp đỡ tới những cha mẹ nuôi.

NDMB: Thưa Bà Nhu, Hội giúp đỡ những em đó để đi học nhưng có gì là chắc chắn rằng các em ấy được đi học hay không?

Bà Đỗ Thị Nhu: Để kiểm soát việc học của các em chúng tôi hàng tháng có kiểm soát xem tập vở của các em và những em học trường tư phải đem biên lai đóng tiền trường để chúng tôi ghi vào hồ sơ.

NDMB: Hội có tiền giúp đỡ việc học nghề không hay là cho họ những phương tiện nào để các em học đến khi thành tài và xin bà cho biết những em nào mà hội đã giúp đỡ từ 17 năm nay và đã có những chức vụ trong xã hội?

Bà Đỗ Thị Nhu: Ngoài việc giúp tiền chúng tôi thường chú trọng tới việc giáo dục các em trong gia đình nên các em nhỏ từ 5 tuổi, chúng tôi vẫn nhắc nhở cha mẹ cho đi học. Những em đã qua bậc tiểu học mà không đủ phương tiện học thêm, chúng tôi khuyến khích việc học nghề.

Trong số những em mà hội chúng tôi giúp đỡ từ 17 năm nay, có một số khá lớn đã vào các phân khoa đại học. Hiện có một em đã tốt nghiệp kỹ sư điện và đang tu nghiệp tại Úc, có những em học tại các trường luật, y khoa, nông lâm súc, dược. Một số em khác đã phục vụ trong quân lực VNCH với cấp bậc sĩ quan. Một số em trai đã thành những người thợ giỏi. Các em gái cũng đã có một số đã thành những người thợ may, thêu, đan, rất giỏi.

Ngoài ra, chúng tôi còn giúp thêm cho các gia đình bằng cách cho vay một số vốn. Số tiền cho vay này họ phải trả lại hàng tháng mỗi tháng tối đa là 1.000\$ và không có lãi.

NDMB: Chứng nào hội chấm dứt sự giúp đỡ?

Bà Lê Thị Hồng: Thường thường Hội chúng tôi giúp đỡ tới khi nào gia đình các em có thể tự túc được, tuy nhiên khi đứa con nuôi từ nhỏ tới 18 tuổi mà đứa con nuôi chưa khá thì chúng tôi phải chấm dứt. Chúng tôi sẽ xét lại nếu gia đình đó còn cần sự giúp đỡ của Hội thì chúng tôi chọn một em khác trong tuổi đi học.

NDMB: Thưa Bà Nhu, trong suốt 17 năm hoạt động của Hội. Hội đã giúp đỡ bao nhiêu gia đình Việt Nam và hiện giờ Hội đang giúp đỡ bao nhiêu người?

Bà Đỗ Thị Nhu: Từ khi Hội chúng tôi hoạt động tại Việt Nam tới bây giờ thì số gia đình được giúp đỡ là 12.545 gia đình.

Và hiện giờ chúng tôi đang giúp đỡ là 4.869 gia đình, trong số 2.961 gia đình ở Saigon. Số còn lại ở các tỉnh như Biên Hòa, Long Khánh, Mỹ Tho, Ban Mê Thuột, Bình Tuy, Bảo Lộc, Huế, Cần Thơ, Dalat, Nha Trang, Phan Rang và Phan Thiết.

NDMB: Thưa Bà Hồng, Hội có thể nhận thêm được bao nhiêu em nữa?

Bà Lê Thị Hồng: Sự thu nhận thêm những gia đình nghèo luôn luôn tùy thuộc ở số cha mẹ nuôi. Tại Việt Nam trong tương lai, chúng tôi có thể nhận đến 7.000 gia đình.

NDMB: Thưa bà Nhu, muốn được sự giúp đỡ của Hội phải làm những gì?

Bà Đỗ Thị Nhu: Muốn được sự giúp đỡ của Hội gia đình đó đến gặp chúng tôi tại văn phòng thường trực ở 127 Bà Huyện Thanh Quan Saigon. Khi đến, mang theo số gia đình, thẻ căn cước của cha mẹ và những giấy tờ cần thiết như giấy khai sanh, các con, giấy khai tử của người cha, người mẹ nếu có hay là giấy bệnh, sau đó chúng tôi sẽ đi thăm viếng những gia đình ấy sau.

NDMB: Xin bà cho biết địa chỉ của Hội tại các tỉnh?

Bà Đỗ Thị Nhu: Tại các tỉnh, Hội chúng tôi đặt văn phòng tại các Ty Xã Hội. Các gia đình có thể đến các Ty Xã Hội để nộp đơn xin giúp đỡ.

BẢO CHẾ THUỐC TÂY VÀ
HÀNH NGHỀ DƯỢC SĨ

Phát Hình Ngày 7.1.1972

Dược sĩ ĐẶNG VŨ BIÊN, Tiến sĩ Vật Lý Học, Chủ Tịch Hội
Đồng Quốc Gia Dược Sĩ Đoàn, Phụ Tá Khoa Trưởng Đại Học Dược
Khoa Saigon.

Dược sĩ HỒ THỊ TƯỜNG VÂN, Chủ Tịch Nghiệp Đoàn Dược Sĩ.

Dược sĩ LÂM XUÂN QUANG, Tổng Thư Ký Nghiệp Đoàn Dược Sĩ,
Tổng thư ký phân bộ 3 nhập cảng thuốc tây Phòng Thương Mại Saigon.

Dược sĩ THÁI KHẮC NGÔN, Chánh Sự Vụ Sở Dược Khoa, Bộ Y
Tế, đại diện Bộ Y Tế.

Cuộc phỏng vấn phát hình trở lại vào tối Thứ Sáu và
phát thanh vào tối Thứ Bảy thay vì Chủ Nhật như trước đây.

NDMB: Hiện nay có rất nhiều loại thuốc phẩm chất giống
nhau, công hiệu như nhau nhưng tên thương mại khác nhau tràn
ngập thị trường, nhất là các loại thuốc bổ thật sự ít cần thiết
vì chúng ta ăn uống điều hòa cũng có thể bổ. Nhưng trong khi
ấy có những thứ thuốc thực sự cần thiết cho những bệnh ngặt
nghèo lại rất hiếm. Có phải các nhà thuốc không chịu nhập cảng
vì khó bán hay không? Xin Bộ Y Tế cho biết những ưu tiên nào
để lựa chọn thuốc men?

D.S. Thái Khắc Ngôn: Việc lựa chọn hàng hóa là quyền của nhà nhập cảng và tùy thuộc vào mại lực trên thị trường. Tuy nhiên vì dược phẩm là nhu yếu phẩm cho nên Bộ Y Tế, cố gắng hoạch định việc lựa chọn cho hợp lý dựa trên các tài liệu thống kê do Bộ chúng tôi thiết lập. Để thực hiện việc lựa chọn này Bộ tôi với sự hợp tác của Hội đồng Tư vấn đề soạn thảo theo thứ tự ưu tiên 3 danh sách.

Danh sách A gồm các dược phẩm tối cần thiết cho việc trị liệu. Các dược phẩm trong danh sách này nếu khan hiếm trên thị trường sẽ gây nên những xáo trộn trầm trọng trong việc chữa trị và có thể nguy hại đến bệnh nhân.

Danh sách B.1 gồm các dược phẩm cần thiết cho việc chữa trị. Danh sách B.2 ít cần thiết cho trị liệu.

Ba danh sách trên đã được thiết lập và hoạch định kịp thời trong những năm qua, Ủy ban kiểm nhận Bộ Y Tế đã giới hạn đến tối đa việc cho nhập cùng các dược phẩm thuộc danh sách B.2 tức là ít cần thiết cho trị liệu.

NDMB: Có nhiều bác sĩ thay vì cho thuốc rẻ tiền vẫn công hiệu lại cho thứ thuốc quá mắc tiền và lại hiếm. Bây giờ nếu lại có những bác sĩ cho những toa thuốc bằng những công thức như chất này bao nhiêu, chất kia bao nhiêu để đến nhà thuốc bào chế cho bệnh nhân dùng thì rất rẻ. Vậy có phải rằng bác sĩ bây giờ không biết những công thức đó hay những dược sĩ không muốn bào chế để có thể bán những loại thuốc có sẵn để được lời hơn?

D.S. Hồ Thị Tường Vân: Việc cho thuốc mắc tiền hay rẻ tiền là tùy mỗi ông bác sĩ và tùy sự tín nhiệm vào môn thuốc đó. Theo tôi không phải bác sĩ dựa trên tiêu chuẩn đắt tiền hay rẻ tiền để biên toa.

Các dược phòng vẫn bào chế theo toa bác sĩ, nhưng chỉ có một số ít dược phòng mới mở không có đủ phương tiện để bào chế mà thôi. Và lại, các bác sĩ hiện nay cũng ít khi biên toa pha chế, chỉ còn một vài vị bác sĩ lâu lâu cho một cái toa như vậy.

NDMB: Các nhà thuốc, thay vì bán thứ thuốc rẻ tiền theo người mua thì họ lại đưa thuốc mắc tiền để có lời hơn. Xin bà Chủ tịch Nghiệp đoàn Dược sĩ cho biết ý kiến về việc này?

D.S. Hồ Thị Tường Vân: Thường thường, bệnh nhân muốn mua đúng loại thuốc mà họ muốn chỗ ít có trường hợp họ đòi một món mà mình đưa món khác mà họ bằng lòng. Bởi vậy vấn đề này nêu ra ít khi xảy ra.

NDMB: Thưa D.S. Lâm Xuân Quang, bà Tường Vân nói rằng có nhiều bác sĩ tin vào một loại thuốc công hiệu mới cho toa, chúng tôi lại thấy rằng việc này có thể do ảnh hưởng của các trình dược viên đã biểu các vị bác sĩ quá nhiều thuốc mầu. Việc này có không?

D.S. Lâm Xuân Quang: Vấn đề thuốc mầu có lẽ trong khi đồng bào đi khám bệnh đã gặp một vài trình dược viên của một viện bào chế vào đó thì khi thấy những người này tặng thuốc bác sĩ thì họ có cảm giác rằng cho qua nhiều, nhưng trên thực tế việc biểu 5 hay 10 chai chỉ là 5, 10 loại thuốc mầu mà thôi. Hơn nữa, vấn đề thuốc mầu rất bị hạn chế nên số thuốc biểu không thấm vào đâu cả.

NDMB: Việc cho 10% cho các bác sĩ, chắc có dụng ý là sợ những ông bác sĩ cạnh tranh với dược sĩ phải không?

D.S. Lâm Xuân Quang: Vấn đề cạnh tranh chúng tôi xin miễn nêu ra đây vì mặc dầu hai nghề đều có liên hệ nhưng mà hai ngành cũng khác nhau về nhiều khía cạnh. Còn 10% thì do luật đã cho phép chúng tôi áp dụng.

NDMB: Hiện giờ chúng ta có bao nhiêu nhà nhập cảng thuốc tây và nhập cảng bao nhiêu loại thuốc tây?

D.S. Thái Khắc Ngọc: Hiện nay có khoảng 70 nhà nhập cảng và số đặc chế có khoảng 5.384 số kiểm nhận, tuy nhiên số được làm lưu nành trên thị trường đặc chế nhập cảng vào khoảng 1.000.

NDMB: Chúng ta có bao nhiêu loại thuốc bào chế tại Việt Nam ?

D.S. Trần Khắc Ngôn: Hiện nay có khoảng 3.140 đặc chế nội hóa do 79 viện bào chế tại Việt Nam bào chế. Số trên 3.000 là do tài liệu chúng tôi có được còn trên thị trường thì chúng tôi biết được có khoảng 2.000 đặc chế nội hóa. Số này có thể cung ứng 60% nhu cầu tại nội địa.

NDMB: Bộ Y Tế kiểm soát và khuyến khích như thế nào để khuyến khích việc bào chế tại Việt Nam ?

D.S. Thái Khắc Ngôn: Chúng tôi luôn luôn nâng đỡ việc bào chế tại nội địa bằng cách cho ưu tiên nhập cảng các nguyên liệu. Trong trường hợp khan hiếm ngoại tệ thì chúng tôi đã cố can thiệp với Bộ Kinh Tế để cho được hưởng một vài đặc ân.

NDMB: Việt Nam bào chế bao nhiêu loại thuốc ?

D.S. Lâm Xuân Quang: Kỹ nghệ dược phẩm xứ ta được những được sĩ tìm tòi làm ra thuốc mới chỉ có một, hai vị vì phương tiện chúng ta không được đầy đủ. Trong lúc ở ngoại quốc có những chi khoản đòi hỏi thời gian lâu và khi bán ra thị trường thì họ có thể tính vào thời gian tìm tòi đó nữa còn Việt Nam thì việc này rất khó khăn.

NDMB: Nhưng ở Việt Nam đã làm được những thuốc nào ?

D.S. Lâm Xuân Quang: Ở Việt Nam chúng ta chỉ làm những loại thuốc thông thường như cảm, ho. Ngoài ra, một vài viện bào chế đã cố gắng để bào chế những loại trụ sinh.

NDMB: Hiện giờ các viện bào chế có được trang bị đầy đủ để kiểm soát những loại thuốc mà họ sản xuất không ?

D.S. Lâm Xuân Quang: Luật định một viện bào chế muốn hoạt động phải có phép và sẽ được hoạt động khi đã trang bị máy móc đầy đủ và những phương tiện kiểm soát nữa. Việc kiểm soát được phẩm trong viện bào chế có nhiều giai đoạn. Giai đoạn đầu tiên là kiểm soát nguyên liệu nhà bào chế nhập cảng giai đoạn kế tiếp là trong khi bào chế. Trước khi vào chai, đưa ra thị trường cũng phải kiểm soát nữa.

NDMB: Bộ Y Tế có kiểm soát những loại thuốc bào chế hay nhập cảng tại Việt Nam không. Chúng tôi muốn nói tới những loại thuốc có phản ứng mạnh như là những thuốc chích mà nếu không kiểm soát thì có thể hại cho bệnh nhân.

D.S. Thái Khắc Ngôn: Việc kiểm soát được phẩm do Phòng Kiểm Soát Dược Phẩm của Bộ chúng tôi đảm trách. Phòng thí nghiệm này được trang bị đầy đủ máy móc, kể cả một vài loại máy móc được kể là tối tân và do những dược sĩ đảm trách cùng các chuyên viên thí nghiệm. Những dược sĩ này phần lớn đã được tu nghiệp ở ngoài quốc và họ có đủ khả năng để làm việc thí nghiệm này.

Những loại thuốc trước khi được lưu hành trên thị trường đều phải qua giai đoạn thí nghiệm. Những dược phẩm không được kiểm nhận sẽ không được lưu hành trên thị trường. Dược phẩm nhập cảng cũng theo thể thức này.

NDMB: Tại sao chúng ta lại cứ dùng những thuốc xưa những thuốc hàng mấy chục năm nay rồi trong khi đó thì ở những nước Âu Mỹ mỗi ngày có thuốc mới?

D.S. Đặng Vũ Hiền: Ở Việt Nam hiện nay có trên 3.000 thứ thuốc nhập cảng đặc chế và gần 3.000 thứ thuốc nội hóa. Trong số đó cũng có nhiều thứ thuốc đã có từ lâu và còn tồn tại vì dân chúng và các bác sĩ coi rằng vẫn hiệu nghiệm. Thị trường được phẩm ở Việt Nam rất cởi mở nên bác sĩ và bệnh nhân có sự chọn lựa rất rộng rãi nên những thuốc cũ như vậy vẫn còn được dùng là do chính những thuốc đó còn hiệu nghiệm.

Xét chung nhịp độ thay thế thuốc mới rất nhanh. Mỗi năm có khoảng năm, sáu trăm thuốc mới được kiểm nhận và dần dần những thuốc cũ được thay thế.

NDMB: Tại sao người Việt Nam thường có thành kiến không thích dùng những thuốc bào chế tại Việt Nam, mặc dầu những thuốc đó có những quyền của những hãng ngoại quốc mà lại thích dùng những thuốc nhập cảng?

D.S. Lâm Xuân Quang: Thành kiến vừa nói, thật ra đã có từ lâu, không phải riêng về ngành của chúng tôi. Riêng về dược phẩm, dược phẩm nội hóa đã chiếm 60% trên thị trường đã chứng minh tỷ lệ dược phẩm nội hóa đã thỏa mãn dân chúng. Tuy nhiên, thành kiến vẫn còn. Có thể có những người bệnh đã xài thuốc Việt Nam trong một thời gian, rồi sau đó biết rằng thuốc này của Việt Nam thì họ lại cho rằng thuốc đó nhưng thật ra họ đã dùng trong một thời gian lâu rồi.

So sánh thuốc Việt Nam và thuốc ngoại quốc, chúng tôi công nhận thuốc ngoại quốc trình bày hấp dẫn hơn vì họ giàu hơn chúng ta.

NDMB: Thành kiến vừa nói, là do có người nói rằng thuốc làm tại Việt Nam thường thường được phẩm yếu kém nên ít công hiệu hơn. Ví dụ, cùng một thứ thuốc trước đây nhập cảng thì công hiệu nhưng khi Việt Nam làm thì ít công hiệu. Những người mua thuốc nói rằng người Việt Nam cái gì cũng bớt, bớt để có lời nhiều ...

D.S. Lâm Xuân Quang: Tôi xin xác định rằng thuốc bào chế tại Việt Nam có sự kiểm soát của viện bào chế và của Bộ Y Tế. Nói rằng thuốc không đúng liều thì tôi thấy rất khó vì chỉ khi nào phân chất mới biết được. Còn việc thuốc tốt hay không, tôi nghĩ rằng đó chỉ là cảm giác của người bệnh thôi, vì việc sử dụng thuốc phần lớn là do sự ấn định của bác sĩ.

NDMB: Được sĩ Quang nói về thuốc ngoại quốc trình bày đẹp, hấp dẫn. Vấn đề trình bày đã giữ một phần không ít trong giá thuốc. Ví dụ, có những thứ thuốc không cần trình bày trong những hộp nhựa quá đẹp thay vì ép vào những miếng giấy bạc thì thuốc ấy có thể rẻ hơn. Xin được sĩ cho biết, chúng ta có thể hạ giá thuốc bằng cách trình bày vừa phải mà thôi, được không?

.../

D.S. Đặng Vũ Biên: Việc trình bày thuốc có hai khía cạnh: đầu tiên là khía cạnh chuyên môn, có những thuốc bắt buộc phải cho vào những ống thủy tinh, có những thuốc lại không thể pha thành nước mà để ở thể bột hoặc viên. Khía cạnh chuyên môn đòi hỏi người chế thuốc phải có một sự trình bày cho phù hợp với thuốc. Khía cạnh này là khía cạnh tối thiểu không thể hạ giá xuống được. Phần khác của sự trình bày là đem ra thị trường. Sự trình bày này phải gây sự tin tưởng cho người dùng, do đó phần trình bày bên ngoài nhằm gây sự tin nhiệm đối với người mua.

Có thể trong phạm vi nào đó có thể giới hạn sự trình bày, nhưng sự giới hạn phải tùy thuộc ở phần trình bày nghệ thuật hay kỹ thuật. Phần trình bày kỹ thuật thì không có thể giảm được. Tuy nhiên, giá thuốc đều có được kiểm soát, nếu có ai lạm dụng sự trình bày nghệ thuật để lấy lời thì có thể bị được sĩ đoán mới đến khuyến cáo.

NĐMB: Chúng tôi nói về sự trình bày là như thế này: thật sự việc trình bày không đẹp nhưng vẫn có người mua. Chẳng hạn như những chai có bột, không trong những người ta vẫn mua. Chúng tôi muốn nói tới những thứ thuốc gói trong giấy bạc thì người mua có thể mua năm viên hay nhiều viên hơn tùy ý, thay vì họ mua cả ống 20 viên. Việc này cũng như khi chúng ta đi mua vỏ ruột xe hơi, chúng ta có thể mua từng cái chỗ đâu phải mua một lúc tới năm cái. Xin được sĩ coi xem chúng ta có thể làm được những việc này không?

D.S. Đặng Vũ Biên: Những thứ thuốc dùng từng viên một, hiện nay vẫn được bán dưới dạng viên trong giấy ép. Đối với những thuốc là xiro thì không có cách nào khác hơn là cho vào chai, có thể là chai nhỏ hay chai lớn. Những thuốc chích cần dùng một lần thì chai nhỏ hơn.

Đối với dược phẩm Việt Nam hiện tại đang luôn luôn bị đe dọa vì cạnh tranh, nếu vì hạ sự trình bày để sự tin nhiệm không còn nữa thì ngành dược phẩm Việt Nam sẽ không thể vượt lên được để cạnh tranh và xuất cảng.

NDMB: Thưa Dược sĩ Hồ Thị Tường Vân, tại sao lại có những loại thuốc cùng tên, cùng công dụng mà giá lại khác nhau, ví dụ như Aspirino Bayer, Aspirine Spécial, Aspirine làm tại Việt Nam cũng có giá khác nhau?

D.S. Hồ Thị Tường Vân: Sở dĩ có sự chênh lệch về giá cả đối với một thứ thuốc cùng loại là vì, theo chỗ chúng tôi biết, những nguyên liệu cùng bào chế thuốc đó cũng xê xích về giá cả. Tiếp đó là phương cách dùng để bào chế và cách trình bày nữa.

NDMB: Mỗi năm chúng ta cũng có gần 300 dược sĩ tốt nghiệp. Số đã tốt nghiệp rất đông, với số dược sĩ này, chúng ta đã phát minh được những thuốc nào mới mà trên thế giới chưa có.

D.S. Đặng Vũ Biên: Hiện nay ở Việt Nam, trong thời thế chiến thứ hai, Dược Sĩ Nguyễn Văn Dương đã dùng cây Thương Sơn (*Dichroa Fibrifugea*) để chế thuốc trị sốt rét, tên này ở Mỹ người ta đã phân chất và thấy rằng quả thực đó là một môn thuốc hữu hiệu gấp 50 lần thuốc Quinine.

Hiện nay thuốc đó không còn lưu hành ở Việt Nam vì cây Thương Sơn mọc trong rừng và không thể lấy được. Một thuốc khác của bác sĩ Hồ Đắc An đã dùng cây ở Việt Nam như là cây Sĩ Quân Tử (*Quisqualis India*) để chế thuốc trị sán lạp. Ở đây nay vì có những hàng nhập cảng tương đối tốt hơn nên thuốc đó không còn lưu hành. Ở Việt Nam hiện giờ còn hai thứ, là một thứ dùng cây Muồng (*Cassia Alata*) trị bệnh lác đó là thuốc Ala cũng của Dược Sĩ Nguyễn Văn Dương và thuốc dùng rễ Nhàu (*Morinda citrifolia*) là của Dược Sĩ Nguyễn Bá Tước trong khi trình bày luận án.

Về sự phát minh thuốc mới thì với phương tiện khiêm tốn của Việt Nam, bắt buộc phải đi theo con đường mới tức là phát minh trên những dược chất có ở Việt Nam mà ngoài quốc không có. Hiện giờ trong Đại học Dược Khoa cũng đã có những chương trình và những đề tài luận án tiến sĩ cũng dựa trên những dược phẩm Việt Nam. Chúng tôi phải thú nhận rằng những cố gắng ấy hết sức khó khăn vì số tiền mà chính phủ có thể bỏ ra trong việc nghiên cứu kể như là không có và hoàn toàn do sự cố gắng của giới kỹ nghệ, giới khảo cứu.

.../

MDMB: Giữa ngành Âu dược và Đông dược, liệu có thể có những thành kiến đến nỗi chúng ta không bao giờ tìm coi xem những thuốc ta có gì hay tế làm thuốc tây. Tôi muốn nói đến những chất như cao hổ cốt, sâm chẳng hạn...

D.S. Đặng Vũ Biền: Nói là có thành kiến ở bên Âu dược để không dùng Đông dược thì không đúng. Hiện nay cách chữa bệnh suyển là cách của Đông dược. Thành kiến thì không có, tuy nhiên vẫn có một cái hàng rào. Hàng rào đó là hàng rào đảm bảo giá trị. Khi một thuốc coi là chữa được bệnh thì cần phải coi xem thuốc đó thực sự có hiệu hay không.

Hiện nay quan niệm có khác xưa. Ngày xưa là chữa được thì hay mà không chữa được thì coi là số mạng. Bây giờ, một thứ thuốc phải được đảm bảo trước khi dùng, vừa chữa được bệnh mà không bị làm độc nữa. Do đó, những vị thuốc từ Đông dược sang Âu dược, tôi hỏi nhiều nghiên cứu.

MDMB: Chúng ta hiện giờ có một ngành kỹ nghệ bào chế thuốc, tước kể là tân tiến, xin được sĩ cho biết ở Việt Nam có nghĩ tới việc xuất cảng thuốc ra ngoài quốc không, nhất là những nước như Kampuchea và Lào?

D.S. Thái Khắc Ngôn: Việc dự trữ xuất cảng thuốc có liên quan nhiều về vấn đề kinh tế. Chúng tôi chỉ xin góp ý trên lãnh vực chuyên môn mà thôi. Hiện nay các dược phẩm sản xuất tại nội địa có thể cung ứng khoảng 60% nhu cầu trong nước. 40% dược phẩm còn lại tôi hỏi kỹ thuật bào chế khá tinh vi và những dược phẩm mới phát minh. Dược phẩm thông thường sản xuất tại nội địa thì khả năng của những máy móc trang bị tại những viện bào chế vẫn chưa được tận dụng tới mức tối đa.

Dược phẩm do những viện bào chế tự đảm nhiệm lấy và trên cương vị Bộ Y Tế do phòng kiểm soát dược phẩm đảm nhiệm đã được những chuyên viên quốc tế cho là phương tiện của phòng thí nghiệm, dược phẩm này tước coi là có khả năng.

Với khả năng trên, trong tương lai, tôi nghĩ ngành kỹ nghệ dược phẩm có thể đóng góp được với những nhu cầu của quốc gia, nhưng còn tùy thuộc vào mức cầu của các nước bạn

NDMB: Hồi suất mới của đồng mỹ kim từ 118 đến 275 lên tới 410 có làm trở ngại cho kỹ nghệ sản xuất thuốc Tây không?

D.S. Lâm Xuân Quang: Việc thay đổi hồi suất dĩ nhiên là có gây trở ngại cho giới sản xuất chúng tôi. Đứng riêng về mặt nguyên liệu thì số vốn cũng đã lên rất cao rồi, chưa kể đến phần chi phí về trình bày.

Về phương diện kỹ thuật cũng có trở ngại là những máy móc dự định trang bị thêm cũng chịu giá cao. Những máy cũ sẽ phải tu bổ và phụ tùng cũng mắc hơn, mặc dầu chánh phủ cũng đã giúp đỡ rất nhiều. Mặt khác, phần công nhân cũng đáng kể.

NDMB: Một số báo chí hỏi rằng vì sao quý ông lại thắc mắc về việc thuốc lên cao vì dù thuốc đó lên cao các người bán lẽ vẫn lời. Sao lại thắc mắc?

D.S. Hồ Thị Tường Vân: Chúng tôi cũng thắc mắc là không biết câu này là một câu thật tình hay châm biếm. Theo tôi thấy, với những biện pháp mới tăng giá thuốc thì ngành dược chúng tôi lo ngại. Lo ngại cho giới mua thuốc, vì với giá thuốc cao, dân chúng sẽ không mua thuốc nổi nữa. Như vậy, một toa thuốc của một người bị bệnh lao thì mai một, tôi e rằng người bệnh sẽ không mua nổi món nào trong toa đó nữa. Chúng tôi thấy viên ảnh đó nên rất khổ tâm và xót xa cho người bệnh.

Điểm này, mặc dầu chúng tôi thông cảm những khó khăn của chánh phủ về ngân sách nhưng cũng còn hy vọng chánh phủ tìm một phương cách nào để giúp đỡ dân chúng khỏi chịu sự tăng giá thuốc quá tột ngột.

NDMB: Có phải vì khổ tâm, vì xót xa mà giáo sư nhận danh chủ tịch Hội Đồng Quốc Gia Dược Sĩ Đoàn đã ra một thông cáo đình công 15 ngày để phản đối Bộ Kinh Tế tăng giá không?

D.S. Đặng Vũ Hiền: Không có việc đình công 15 ngày. Khi chúng tôi ra thông cáo là để giải quyết một vấn đề có trên thị trường. Hiện nay một số thuốc với giá cũ vẫn còn trên thị trường, cùng một lúc với những thuốc với giá mới. Nếu để cùng

một lúc những giá thuốc mới và cũ, sự xáo trộn khó lòng mà tránh được. Xưa nay bao giờ có sự xáo trộn, chúng tôi cũng đều tìm cách giải quyết. Sự xáo trộn lần này hơi nhiều nên cách giải quyết có mạnh hơn kỳ trước. Chúng tôi thấy rằng hiện giờ những loại thuốc nào còn giá cũ thì chúng tôi ngưng những loại thuốc mới chưa phân phối vội, cho đến khi nào thuốc cũ hết thì thuốc mới sẽ phân phối.

Vậy, biện pháp của được sĩ đoàn hoàn toàn là để ổn định giá cả, tuy nhiên biện pháp này dù có ích trong hiện tại thì chúng tôi cũng không thể kéo dài lại được vì những thuốc giá cũ đã gần hết rồi. Bởi vậy không có chuyện không phân phối thuốc mà chỉ có biện pháp không phân phối những thuốc nào còn có giá cũ mà thôi.

NDMB: Xin Được sĩ trả lời câu hỏi này của Ông Nguyễn Văn Hai, 159 Hồng Thập Tự Saigon: Được Sĩ Đoàn có biết vấn đề được sĩ cho mượn bằng không? Được sĩ đoàn không thể nói không có vì toàn dân đều biết vì không phải bất cứ một được sĩ nào cũng đều có tiền nên phải nhờ đến người xuất vốn. Và một nhà thuốc tây nếu không có được sĩ đích thân hành nghề mà đi cho mượn thì căn gì tốt nghiệp tại học được khoa, chỉ cần học một khóa bán thuốc là mở nhà thuốc tây được rồi.

D.S. Đặng Vũ Biên: Đối với được sĩ đoàn, vấn đề cho mượn bằng và vấn đề hành nghề đều là mối quan tâm của chúng tôi. Riêng tôi với vấn đề mượn bằng đã từ từ được giải quyết.

Lý do chính đáng là loại bỏ những người không chịu làm việc. Hiện nay số được phòng rất nhiều, tăng gia mạnh mẽ, tất cả những được phòng nào không có người được sĩ đích thân hành nghề thì được phòng đó sẽ mất tín nhiệm của khách hàng và bị loại.

Hiện giờ số được phòng tôi chủ cũng như được phòng ngưng hoạt động đã tăng dần lên trình độ bằng số được phòng mới mở. Có đó người được sĩ muốn hành nghề để sống thì phải đích thân hành nghề. Tôi nghĩ rằng vấn đề hiện nay của được sĩ đoàn là tìm kiếm thế nào để tìm những chỗ dùng những được sĩ tốt nghiệp chứ không còn phải việc mượn bằng nữa.

THƯ VIỆN QUỐC GIA

Phát Hình Ngày 14.1.1972

Ông PHAN VĂN HỮU sinh năm 1935 tại Tây Yên tỉnh Rạch Giá. Ông Hữu nguyên là giáo sư trung học Pétrus Ký Saigon và sau đó là phụ khảo Viện Đại Học Cần Thơ. Ông đã sang Hoa Kỳ học về ngành khoa học thư viện đầu năm 1969 và đã đỗ bằng Master of Library Science.

Ông Hữu đã thực tập tại các thư viện đại học ở Hoa Kỳ và cũng có dịp thăm viếng, quan sát thư viện các nước Đông Nam Á. Hiện Ông Phan Văn Hữu giữ chức vụ Giám Đốc Thư Viện Quốc Gia.

NDMB: Xin Ông Giám Đốc cho biết mục đích của Thư Viện Quốc Gia?

Ô. Phan Văn Hữu: Người ta thường nói, Thư Viện Quốc Gia là trí nhớ của dân tộc hay bộ não của Quốc Gia. Vì lẽ Thư Viện Quốc Gia có mục đích sưu tầm tất cả sách báo, tài liệu xuất bản trong nước liên quan đến các ngành hoạt động như chánh trị, quân sự, tài chánh, kinh tế, giáo dục v.v.. kể cả tài liệu mật do chánh phủ cung cấp và được đặt riêng biệt và những tài liệu mật này chỉ được tham khảo trong trường hợp có sự giới thiệu của các cơ quan hữu trách liên hệ.

Thư Viện Quốc Gia cũng sưu tập tất cả tài liệu ngoại quốc liên quan về Việt Nam.

Ngoài ra, Thư Viện Quốc Gia còn phải sưu tập tài liệu ngoại quốc liên quan đến các ngành khảo cứu để phục vụ độc giả trong việc nghiên cứu.

Do đó, người ta còn ví Thư Viện Quốc Gia là một đại học bình dân vì dân chúng nhờ tài liệu trong nước cũng như tài liệu ngoại quốc liên quan đến các ngành để thâm cứu, học hỏi mà không cần phải đi học ở đại học.

Mục đích Thư Viện Quốc Gia còn nhằm nâng đỡ những người không có phương tiện theo học đại học mà vẫn tiếp tục học được. Mục đích tối hậu của Thư Viện Quốc Gia là nâng cao dân trí và phát triển văn hóa bằng cách phổ biến các tài liệu văn hóa dân tộc và tài liệu văn hóa thế giới.

NDMB: Chúng tôi thấy Thư Viện Quốc Gia là một tòa nhà đồ sộ, xin ông cho biết tòa nhà ấy gồm những phần nào?

Ô. Phan Văn Hữu: Thư Viện Quốc Gia tọa lạc tại số 69 đường Gia Long gồm 14 tầng và một tầng hầm. Từ cổng vào, có một tầng trệt, phía tay phải lên phòng triển lãm, tay trái là phòng tham khảo. Tầng một có phòng đọc sách, phòng tạp chí và báo chí. Sau đó là tầng hai, đang đặt những phòng vi phim, phòng thư tịch, án hoa, phòng tham khảo luật pháp và phòng nghe nhạc v.v..

Dưới tầng hầm, chúng tôi đang đặt phòng kỹ thuật, đó là một phòng rất quan trọng cho việc điều hành của thư viện.

Ngoài ra, còn có những phòng nạp bản, phòng tiếp thu và phòng trao đổi ấn phẩm.

Trong tương lai thư viện cũng dự trù mở phòng đọc sách nhi đồng.

NDMB: Theo Linh Mục Thanh Lăng, chúng ta có những đồng rạc thân yêu là những đồng sách rải rác ở các nơi. Ông Giám Đốc có nghĩ tới việc dời tất cả những sách đó trong các thư viện khác về thư viện quốc gia hay không?

.../

Ô. Phan Văn Hữu: Thư Viện Quốc Gia là tổng hợp của Thư viện trước tọa lạc tại trường Pétrus Ký và Thư Viện Quốc Gia số 34 đường Gia Long. Tài liệu của hai thư viện này đã dời về Thư Viện Quốc Gia trước ngày khánh thành 23.11.1971.

NDMB: Những tổng rác đó, chúng tôi đã có dịp đến thăm và trong tuần này thì còn nhiều đống sách chưa có kệ thì báo giở sẽ có kệ để phân loại và sắp xếp cho đàng hoàng hơn?

Ô. Phan Văn Hữu: Phủ đang lo tổng bàn ghế và kệ hầu có thể mang số sách đó lên để có thể phục vụ độc giả và hiện thời chúng tôi đang chú tâm về vấn đề tổng kết và phân loại cho tất cả các sách.

NDMB: Còn những đĩa hát hay những băng nhạc nếu cất ở đó, chắc chắn sẽ bị long và bị ẩm, hư, vậy chúng ta đã có kệ sẵn chưa để giữ lại những thứ đó?

Ô. Phan Văn Hữu: Bây giờ thì chưa có, nhưng trong tương lai gần sẽ phải có để cất giữ những thứ đó.

NDMB: Nếu những sách báo để mà không có ai chăm sóc, trừ mối thì rất mau hư, vậy Thư Viện Quốc Gia có thuốc và nhân công để săn sóc sách không?

Ô. Phan Văn Hữu: Vấn đề lo trừ mối theo phương tiện mà Thư Viện đang có đã được dự trù. Theo tôi nghĩ, việc trừ mối không cũng chưa đủ vì sách báo đã có từ lâu đời, sách sắp mục ra thành ra phải có cách bảo trì khác, chẳng hạn như chứa ở trong phòng lạnh.

NDMB: Những sách và báo, thì có những bộ phận nào của Thư Viện để sửa chữa?

Ô. Phan Văn Hữu: Hiện Thư Viện đã có phòng đóng sách báo nhưng nhân viên không có, chỉ có một người phụ trách thôi. Do đó chỉ có thể sửa sơ những sách nào rách quá nhiều. Thật ra

thì tất cả sách đều phải đóng lại, Thủ đã gọi đến nhà thầu đóng sách. Tuy nhiên vì vấn đề ngân khoản nên sách báo cũng chưa được đóng hết.

NDMB: Còn những sách mà chúng tôi thấy bán ở ngoài đường? Người ta nói là do Thư Viện Quốc Gia đem ra, nếu những đồng ráo đó mỗi lần đi chuyển không ai chăm sóc lại lạc mất thì ưong cho kho tàng quốc gia...

Ô. Phan Văn Hữu: Việc này chúng tôi có nghe và báo chí có đề cập tới, vì Thư Viện có điều tra về vấn đề này. Sự thật thì tài liệu của Thư Viện đã có bị mất mát, nhưng việc nói rằng sách báo trong Thư Viện Quốc Gia đem ra bán một cách công khai ở vỉa hè không đúng vì các trường trung học của Pháp hằng năm đều có sa thải một số sách xét ra không cần cho chương trình học nữa và những số sách này đều có đóng dấu thư viện. Có lẽ vì vậy mà người ta lầm tưởng rằng sách báo của Thư Viện Quốc Gia đã bị đánh cắp đem ra bán.

NDMB: Với tình trạng khí hậu của nước nhà có thể làm hư hỏng sách mau hơn, ông Giám Đốc có nghĩ tới việc chụp vi phim lại tất cả những sách báo nhất là những sách báo quý giá của Thư Viện không?

Ô. Phan Văn Hữu: Đây là điều mà Phủ Đốc Trách Văn Hóa cũng như Thư Viện đang lo nghĩ, không có cách nào khác hơn để bảo trì những tài liệu quý, hiếm, bằng cách chụp vào vi phim.

NDMB: Ông Giám Đốc cho biết Thư Viện có bao nhiêu sách, những loại nào? Bao nhiêu sách quý, thuộc những ngôn ngữ nào và có những sách từ nết nào?

Ô. Phan Văn Hữu: Hiện nay số sách báo của Thư Viện Quốc Gia chia ra như sau:

- Thư Viện Gia Long có khoảng 80.000 quyển sách, báo có 499 loại, công báo và tạp chí 1890 loại. Ngoài ra còn có 100 quyển sách quý và sách danh riêng.

- Tạp chí gồm có: Nam Phong Tạp Chí, Phụ Nữ Tân Văn, Gia Định Báo và Bulletin des Miss du Vieux Hue, Viện Đông Báo Cổ, Bulletin du Service Géologique de l'Indochine.

Tại tổng thư viện số sách khoảng 18.000 quyển, tạp chí: 2.300 loại. Những loại chính gồm Đông Dương Tạp Chí, Nam Phong, Tao Đàn, Phong Hóa, Ngày Nay, Văn Hóa Tạp Chí, Trí Tân, Trung Bắc Chủ Nhật, Thanh Nghị, Vệ Nông Báo, Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Phổ Thông Bản Nguyệt San, Ami de la Jeunesse Studieuse, Amical Tonkinoise des Anciens Combattans, Annales Forcstières de l'Indochine.

Sách cũ nhất có từ 1650, gồm Histoire Populaire des Colonies, France et l'Angleterre en Asie, Indochine, Souvenirs De Voyage et de Campagne, Les Français au Tonkin 1783-1833.

Các sách báo, tạp chí của 2 thư viện trên gồm nhiều chất là Pháp Ngữ, Việt Ngữ, Tàu, Anh, Nhật, Đức và một số ít Latin.

Sách báo của Tổng Thư Viện phần lớn gồm sách báo mang từ Bắc vào, đặc biệt các loại tạp chí nêu trên.

NDMB: Thưa Ông Giær Đốc, nếu nói rằng từ ngoài Bắc đem vào chúng ta đã đem vào những loại sách nào? Nghe nói người Pháp cũng đem về Pháp một số lớn sách quý hơn?

O. Phan Văn Hữu: Lúng như vậy, khi Hiệp Định Genève vừa ký, tại Thư Viện Hà Nội trước đó, những người có trọng trách về bảo trữ sách quý, người Pháp đã cho tàu bán một số tài liệu quan trọng đem về Pháp. Số tài liệu còn lại; chúng ta, Chính phủ Việt Nam vội vã cho đem một số và còn lại một số lớn ở lại thư viện ngoài Bắc.

NDMB: Muốn cho thư viện có nhiều sách báo Thư Viện Quốc Gia có trao đổi với các thư viện trên thế giới không hoặc có mua sách tại ngoại quốc hay trong xứ không?

O. Phan Văn Hữu: Đây là chương trình mà Thư Viện Quốc Gia cần phải thực hiện. Hiện tại, ngoài vấn đề mua sách, Thư Viện Quốc Gia còn dùng cách trao đổi với các nước trên thế giới

để làm giàu tài nguyên Thư viện. Thư viện thiết lập chương trình trao đổi với các Thư Viện Quốc Gia ở Đông Nam Á, Á Châu, Âu Châu, Mỹ Châu và các Thư Viện Đại Học tại Hoa Kỳ.

Trong tương lai gần đây, Thư Viện Quốc Gia cũng sẽ thiết lập chương trình trao đổi tài liệu hay cho mượn tài liệu lẫn nhau với các Thư Viện trong nước (gọi là Interlibrary Loan Program). Theo chương trình này, tất cả Thư Viện trong nước đều có thể mượn tài liệu lẫn nhau để sử dụng.

NDMB: Chúng ta có nghĩ đến việc hiện giờ có một số sách quý ở trong tay các tư nhân hoặc các thư viện tư, vậy Thư Viện Quốc Gia có thể mua lại được không?

Ô. Phan Văn Hữu: Sách quý thì chắc chắn là các tư gia có giữ một số. Vấn đề mua thì tùy thuộc ngân khoản và cũng tùy ở nơi những vùng có sách quý có muốn bán hay không. Tôi nghĩ Thư Viện Quốc Gia kêu gọi sự hiểu biết của những nhà hảo tâm bằng cách tặng sách quý cho Thư viện để nơi đây có phương tiện bảo trì lâu dài, làm tài liệu cho mọi người có thể tham khảo.

NDMB: Việt Nam là một chiến trường lớn và lâu dài nhất thế giới vì vậy có nhiều quốc gia chú ý. Chúng tôi biết có một số quốc gia có người đến đây để tìm những sách quý, xưa của Việt Nam với bất cứ giá nào. Nếu chúng ta không tranh thủ với những Thư viện tư, chắc chúng ta sẽ mất những sách quý đó?

Ô. Phan Văn Hữu: Điều này rất đúng. Nếu nói rằng tranh thủ bằng tài chính thì chắc chắn là Thư Viện Quốc Gia không có phương tiện. Điểm này, chúng tôi kêu gọi sự ý thức của những vị có trong tư thế nên bảo trì mà giữ lại cho quốc gia hơn là đem bán cho người ngoại quốc.

NDMB: Chúng tôi thấy buồn là Thư Viện Quốc Gia lại có sách Pháp ngữ; và trong tương lai, sách Anh ngữ sẽ rất nhiều hơn sách Việt ngữ. Nếu chúng ta muốn có một số sách dồi dào thì phải có luật định nào buộc các tác giả mới xuất bản sách phải nộp bản cho Thư Viện Quốc Gia để Thư Viện Quốc Gia dùng làm tài liệu.

Ô. Phan Văn Hữu: Tài nguyên Thư Viện Quốc Gia dồi dào phần lớn là nhờ sự nạp bản. Nhưng thể lệ nạp bản tại Việt Nam chưa được qui định. Chúng tôi không hiểu tại sao còn có nhiều sách xuất bản mà không nạp bản? Thiết tưởng nên đặt ra luật lệ nạp bản và truy tố những người vi phạm. Nên đặt liên lạc mật thiết với Bộ Thông Tin để có biện pháp chế tài và điều lệ bắt các nhà xuất bản tuân hành. Ví dụ (tịch thu sách nào không nạp bản) và cần phải thiết lập một đạo luật về việc nạp bản vì không có vi phạm nào có thể đưa ra tòa nếu không có luật lệ qui định trước. Và sau cùng nhân viên của phòng nạp bản phải theo dõi, để Phủ Quốc Vụ Khanh có biện pháp đối phó hầu tránh sự khiếm khuyết tài nguyên của Quốc Gia mà Thư Viện có nhiệm vụ bảo trì.

NDMB: Thưa ông Giám Đốc, chúng tôi thấy Thư Viện Quốc Gia là một tòa nhà hết sức đồ sộ, nguy nga rất đẹp nhưng vào trong thì lại thấy Thư viện chưa được hoàn hảo như những thư viện quốc tế. Chẳng hạn như quá nhiều phòng hành chánh, choáng chỗ hoặc phòng vô quá lớn đã làm mất một phòng của Thư Viện. Trong đó lại chỉ có bàn ghế quá cũ, quá xấu. Như vậy thì chúng ta đã bỏ tiền quá nhiều cho một cái vỏ mà lại thiếu luôn cả những dụng cụ máy móc để trang bị đúng mức ở bên trong. Xin ông cho biết ý kiến về việc này?

Ô. Phan Văn Hữu: Thư Viện Quốc Gia mới được hoàn thành. Phủ cũng đã lưu tâm rất nhiều về vấn đề mua sắm bàn ghế. Hiện tại, bàn ghế là bàn ghế được dời từ những thư viện cũ đem về và nó cũ, không hợp thời trang nhưng bây giờ phải dùng tạm để chờ ngân khoản mua đồ mới thay thế.

Còn dụng cụ thì Phủ cũng dự trữ sẽ trang bị. Còn lối kiến trúc thì phải đo mẫu mực đã vẽ trước khi tôi về.

NDMB: Chúng tôi thấy thư viện còn thiếu một hệ thống điều hòa không khí chung cho tòa nhà để bảo trì sách vở. Nhưng chúng tôi còn thấy thiếu một cái nữa là một hệ thống chữa lửa. Vậy ông Giám Đốc có nghĩ tới việc trang bị một hệ thống chữa lửa không?

O. Phan Văn Hữu: Hiện nay Thư viện có một hệ thống chữa lửa bằng nước nhưng tôi nghĩ chắc phải có biện pháp nào hữu hiệu hơn bằng những bình gas trong tương lai gần đây vì nếu chữa lửa bằng nước e hư hết sách vở.

NDMB: Chúng tôi xin bước qua vấn đề đọc sách. Xin ông giám đốc giải thích cho khán giả được biết là những ai có thể đến Thư Viện Quốc Gia để đọc sách và phải làm những thủ tục nào?

O. Phan Văn Hữu: Đúng ra, Thư Viện mở cửa cho mọi người nhưng vì trong buổi đầu chỗ ngồi và bàn ghế chưa dồi dào cho nên chúng tôi phải tạm hạn chế số đọc giả. Nhưng người có thể vào Thư Viện Quốc Gia đọc sách phải được cấp thẻ, điều kiện cấp thẻ, chúng tôi chia ra làm nhiều hạng: Cho những sinh viên, những người có bằng Tú Tài II trở lên. Kế đó là kỹ giả, học giả và công chức, tư chức, quân nhân không có bằng cấp chúng tôi cũng cấp thẻ. Kế đó là những hiệp hội đoàn thể.

NDMB: Khi nói rằng Thư Viện Quốc Gia là thư viện của mọi người, vậy những người đến đọc sách là những người có Tú Tài II trở lên hay những công chức quân nhân, kỹ giả thì làm sao nói là Thư Viện Quốc Gia được?

O. Phan Văn Hữu: Hiện tại vì phương tiện chưa dồi dào nên sự giới hạn này chỉ là tạm thời. Tôi nghĩ những học sinh, thí tại các trường trung học đều có thư viện riêng rồi. Thật ra thì Thư Viện Quốc Gia là nơi để tham khảo những tài liệu nghiên cứu hơn là những học sinh vào học chương trình trung học.

NDMB: Chúng tôi muốn nói như thế này, thật sự thì những tư nhân rất cần tham khảo dầu họ không có bằng cấp nào, vì họ có thể tự tìm hiểu, có thể viết sách. Ông Giám Đốc đã nói Thư Viện Quốc Gia là một đại học bình dân dành cho mọi người, bây giờ chúng ta lại giới hạn thì tôi thấy mọi người cũng có đồng thuận. Thư Viện Quốc Gia là công trình chung của mọi người đóng góp, vậy nên để cho mọi người vô.

O. Phan Văn Hữu: Phủ cũng sẵn sàng thỏa mãn vấn đề này, nhưng hiện tại, như tôi đã trình bày, bước đầu, vì phương tiện chưa đủ nên mới có sự hạn chế tạm vậy.

NDMB: Xin ông cho biết về kỷ luật mà người đến đọc sách phải theo và những biện pháp chế tài đối với những người vi phạm kỷ luật?

O. Phan Văn Hữu: Mỗi lần cấp thẻ cho độc giả, chúng tôi đều có ghim một tấm nội quy. Bản nội quy này liên quan tới nhiều điểm tổ chức thư viện. Ví dụ việc đọc sách thì độc giả phải trình thẻ, vào trong, chúng tôi có ba phòng là phòng đọc sách, phòng tạp chí và báo chí, phòng tham khảo. Riêng phòng tham khảo, phòng tạp chí, báo chí độc giả có thể sử dụng những tài liệu trong đó. Riêng phòng đọc sách thì độc giả phải tham khảo thư mục. Khi tìm được sách, độc giả ghi vào giấy, nhân viên chúng tôi sẽ tìm cách đọc cho độc giả và chúng tôi giữ lại tấm thẻ. Trong những phòng này độc giả phải giữ trật tự công cộng.

NDMB: Những người vi phạm, có bị biện pháp chế tài nào?

O. Phan Văn Hữu: Còn trong trường hợp độc giả vi phạm thì chúng tôi có thể thu hồi thẻ, bồi thường bằng hiện vật hoặc bằng tiền những tài nguyên của thư viện bị hư. Ngoài ra đương sự còn có thể bị truy tố theo luật lệ hiện hành.

NDMB: Trong một thư viện, thường có một thỉnh đường để các giáo sư hay các học giả có những phát minh mới nói cho mọi người nghe. Xin ông Giám Đốc cho biết thư viện có dự trù thỉnh đường như vậy không và có phòng chiếu bóng hoặc chiếu ảnh cho những giáo sư có thể trình bày?

O. Phan Văn Hữu: Trong việc xây cất thư viện, Phủ cũng dự trù xây một thỉnh đường nhà chúng tôi hiện đang dùng làm phòng tạp chí và báo chí. Trong tương lai gần đây thì thế nào Thư Viện Quốc Gia cũng có một thỉnh đường.

NDMB: Có nhiều người than phiền rằng mỗi lần đến mượn sách hoặc tham khảo thì lại bị nhân viên ký kèo hoặc không chịu đi tìm sách tìm cho người đọc. Vậy ông Giám Đốc có thể làm thế nào để nhân viên có thể phục vụ một cách tốt đẹp hơn không?

Ô. Phan Văn Hữu: Tôi thấy tậ trạng này có, nhưng việc này thuộc quá khứ. Giở Thư Viện Quốc Gia tổ chức theo hệ thống mới, do đó việc phục vụ cũng mới. Tôi tin rằng chúng tôi sẽ điều chỉnh để tránh những việc không tốt đó.

NDMB: Chúng tôi cũng nghe có nhiều người nói rằng Thư viện là một nơi dưỡng lão cho các công chức về đó ngồi, đọc sách, đọc báo đó học hỏi thêm hoặc dịch sách báo chỗ không phải để phục vụ thư viện thực sự. Xin Ông Giám Đốc cho biết chúng ta có nghĩ đến một số nhân viên thực sự là chuyên viên về thư viện và hết lòng với nghề thư viện không?

Ô. Phan Văn Hữu: Tậ trạng này liên quan đến nhiều phương diện như trong quá khứ tôi không biết có đúng hẳn như vậy không, nhưng vì tình trạng nhân viên thư viện như thế này: Trong quá khứ, phần đông thư viện không có nhân viên cơ hữu. Nhân viên thư viện phần nhiều được biệt phái từ các nơi khác gồm những thư ký và tùy phái. Vấn đề phục vụ thư viện theo tiêu chuẩn mới mới người vào làm trong thư viện đều có trách vụ rõ ràng. Tôi tin vấn đề vào thư viện để dưỡng lão từ lâu không còn nữa.

NDMB: Chúng ta cũng có nên có một đại học dạy về khoa học thư viện không? Ông Giám Đốc đã đậu bằng Master về khoa học thư viện, chúng tôi đã đọc trong một chương trình của thư viện quốc gia sẽ có một trường đại học thư viện ngắn hạn chừng hai năm để đào tạo chuyên viên thư viện và dài hạn 5 năm có bằng cử nhân về khoa học thư viện.

Ô. Phan Văn Hữu: Việc đào tạo nhân viên là chương trình của Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa. Tôi tin tưởng chương trình này sẽ được thực hiện trong một tương lai gần đây.

NDMB: Các trẻ em của chúng ta, nhất là những học sinh nhỏ thường thường không có sách vở hoặc không có nơi đẹp để để đọc và để giải trí trong khi ấy ở ngoài đường lại bán những sách khiêu dâm. Xin Ông Giám Đốc cho biết có thể có một phòng đọc sách cho trẻ em?

Ô. Phan Văn Hữu: Theo tôi hiểu, vấn đề này Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa đã suy nghĩ rất nhiều và hiện tại cũng đã có phòng đọc sách nhi đồng đặt tại đường Pasteur và trong tương lai phòng này sẽ được dời về Thư Viện Quốc Gia và được trang bị mới mẻ hơn để giúp cho trẻ em có chỗ ngồi thoải mái. Phòng này, khi có phương tiện cũng sẽ được tổ chức một tuần lễ vài lần chẳng hạn có những nhân viên kể chuyện cổ tích cho những trẻ em đến nghe, tùy theo tuổi của các trẻ em đó. Ngoài ra các em cũng có thể mượn sách để đem về nhà.

NDMB: Trong tương lai, có nên phát triển ngành thư viện Việt Nam để mọi người dân đều được hưởng, chẳng hạn như tại mỗi tỉnh, mỗi quận, mỗi làng, mỗi xã, đều có một thư viện hoặc là nếu những nơi không có thư viện thì cũng có một thư viện lưu động, xin ông Giám Đốc phát họa chương trình phát triển như thế nào?

Ô. Phan Văn Hữu: Theo sự tiếp xúc với Ông Quốc Vụ Khanh thì tôi được biết Phủ Quốc Vụ Khanh cũng có nghĩ tới việc phát triển thư viện từ trung ương đến địa phương. Tức là ngoài Thư Viện Quốc Gia còn có những thư viện trong đô thành cũng như những thư viện tại tỉnh, quận, và trong làng mạc xa xôi. Ngoài ra, có chương trình thư viện lưu động nữa. Trong năm 1972, Phủ Quốc Vụ Khanh có dự trù 2 cái xe để chở sách ra ngoài ô dành cho những độc giả ở xa thành phố.

NDMB: Xin Ông Giám Đốc so sánh chiến tranh văn hóa và chiến tranh vũ khí?

Ô. Phan Văn Hữu: Chiến tranh bằng vũ khí theo tôi nghĩ, có tính cách nhất thời, chiến tranh văn hóa thì lâu dài và rất quan trọng. Một khi đường lối văn hóa được phát triển đúng mức thì nó sẽ tiếm nhiệm vào đầu óc người dân và trí óc của người dân thăng tiến, sẽ phục vụ quốc gia hữu hiệu hơn.

VIỆC BẢO VỆ THUẦN PHONG

MỸ TỤC.

Phát hành Ngày 21.1.1972

Linh Mục NGUYỄN HOÀNG YẾN, Dòng Chúa Cứu Thế, là Hội Trưởng Hội Bảo Vệ Luân Lý.

Thượng Tọa PHÍCH PHÁP SIÊU, Đại diện Pháp Chủ Tổng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam.

Cu Sĩ ĐOÀN TRUNG CÒN, Hội Trưởng Tịnh Độ Tông.

Ông NGUYỄN DUY QUYẾN, Chủ tịch Hội Khổng Học Việt Nam, chỉ đạo Ủy Viên Á Châu Thị Xã Đại Bắc.

Ông LÊ CHO, Tổng Thư Ký, đại diện Hội Đồng Tinh Thần đạo Baha'i.

Ông HỒ QUANG AN, kiểm soát viên Hội Bảo Vệ Luân Lý, Phụ Thẩm Tòa Thượng Thẩm Đại Hình Việt Nam.

NDMB: Xin Linh Mục Hoàng Yến cho biết mục đích của việc tổ chức Ủy Ban Bảo Vệ Thuần Phong Mỹ Tục ?

L.M. Hoàng Yến: Việc mà Ủy Ban làm ngày hôm nay không phải dành cho Hội Bảo Vệ Luận Lý mà chung cho tất cả mọi người. Ủy ban gồm đại diện của nhiều tôn giáo và cả đại diện của tiếng nói của người dân nữa. Chúng tôi nhờ vào sức mạnh thiêng liêng của các tôn giáo mà hoạt động, vì toàn dân là ở nơi các tôn giáo. Vì vậy các tôn giáo là hậu thuẫn của chính quyền vì có ảnh hưởng trong dân chúng. Vì nước nhà hiện nay đang có sự trụy lạc về thuần phong mỹ tục, nên chúng ta phải đóng góp phần nào vào công cuộc bảo vệ thuần phong mỹ tục. Nhưng hiện tại con cháu chúng ta đang khổ sở, chiến đấu để bảo vệ đất nước thì ở hậu tuyến người ta lại vui sướng ăn chơi mà lãng lý, chúng ta phải sống sao cho phù hợp với luân lý mới phải.

NDMB: Thưa Thượng Tọa Thích Pháp Siêu, với mục đích mà Linh Mục Hoàng Yến vừa nói, Thượng Tọa có nghĩ rằng chúng ta có thể cải thiện được xã hội không?

T.T. Thích Pháp Siêu: Chúng tôi cho rằng có thể cải thiện được để Việt Nam trở nên một nước hùng cường trong đạo lý. Theo lời Hòa Thượng Pháp Chủ Thích Minh Trực, Tổng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam. Trải qua một cuộc chiến tranh tàn khốc và dài trên 20 năm, dân tộc chúng ta đang lên vào một cơn thử thách. Ngoài sự tổn thất về nhân mạng và tài sản, Việt Nam còn gặp phải nạn cướp bóc, mai dâm là những tệ đoan là mất uy danh của nước. Nay nói riêng về nạn dâm ô ngày càng bời lợ thuần phong mỹ tục từ khắp khắp lập đến công khai. Đây là điều ô nhục lớn cho quốc gia dân tộc.

Ở vũ trường, phòng trà, các rạp chiếu bóng v.v.. chúng ta thấy biết bao cảnh khiêu dâm, sa đọa. Trên báo chí, tiểu thuyết cũng trình bày những vẻ khiêu dâm cực độ. Thường dân chúng ta cũng như nhà hữu trách đều có trách nhiệm là phải tìm giải pháp để ngăn chặn phong trào ô nhục này hầu đem lại cho quốc gia dân tộc nếp thuần phong mỹ tục như xưa.

Việc cải thiện gia đình là nhiệm vụ thiêng liêng của chúng ta, không thể bỏ qua được. Đây là lời kêu gọi của Phật giáo chúng tôi.

NDMB: Thưa Ông Nguyễn Duy Quyến Chủ tịch Hội Khổng Học Việt Nam, xin ông cho biết ý kiến trong việc cải thiện xã hội.

Ví dụ như vấn đề mại dâm; ông thấy là nên kiểm soát hay là cấm hẳn?

O. Nguyễn Duy Quyền: Quý ông hỏi tôi, là một người già 70 tuổi về vấn đề mại dâm tôi thấy khó nói quá. Nếu tôi đưa ra lập trường nghiêm khắc thì thanh nam, thanh nữ sẽ la lên rằng, "Khi xưa ai cấm duyên bà, mà nay bà lại cấm là duyên tôi". Từ 3.000 năm trước, tướng quốc nước Tề là Quản Trọng đã giải quyết. Với kinh nghiệm hiện nay, chánh phủ để tâm đến vấn đề ấy thì phương pháp sửa chữa của Tướng Quốc Quản Trọng là khuyến khích cho trai gái đến tuổi trưởng thành phải có vợ chồng. Chánh phủ khuyến khích bằng cách hoặc là thưởng cho con dê, hoặc heo để làm lễ cưới. Nhưng kinh nghiệm con trai bao giờ cũng ít hơn con gái, tất phải có một số con gái dư, Quản Trọng cũng cho phép mở những thanh lâu nhưng đánh thuế. Về phương diện quốc gia, cũng thêm được món tiền lớn để làm những công việc hữu ích khác. Tôi nghĩ nạn mại dâm ở nước nhà, nhất đản bài trừ một cách e hời khó. Nay ở Việt Nam nên áp dụng pháp của Quản Trọng.

NDMB: Thưa Thượng Tọa, Thượng Tọa có ý kiến nào về vấn đề mại dâm không?

T.T. Thích Pháp Siêu: Theo ý kiến cá nhân vấn đề mại dâm đã có trong dân chúng vì sự đòi hỏi xác thịt của tuổi thanh niên. Vậy chánh quyền cũng như quần chúng phải nghiên cứu sao cho hợp vệ sinh trong sự mại dâm cũng như tổ chức, chẳng những ích lợi mà người thanh niên mới điều hòa được cơ thể. Cũng như trong quân đội, nếu cơ thể không được điều hòa thì sự tranh đấu cũng có phần nào yếu kém. Vì vậy, theo khoa học mà nói thì việc mại dâm phải được phát triển chỗ không phải ngăn chặn bằng cách này, cách nọ. Vậy sự mại dâm là điều cần thiết, nhưng mại dâm phải ở trong chỗ hợp vệ sinh.

NDMB: Thưa Linh Mục, nếu hợp vệ sinh thì Linh Mục có đồng ý cho mại dâm không?

L.M. Hoàng Yến: Chúng ta hãy xét hai yếu tố là tại sao người ta làm nghề mại dâm, một là vì tiền bạc, hai là do nơi tự do quá trớn.

Con vật làm đủ việc cần thiết để truyền nòi giống còn con người luôn luôn quá trớn. Vậy chúng ta phải tìm phương cách nào để tìm một giải pháp trung dung. Ví dụ, nếu con người mà thua con vật sẽ mất nhân tính. Bởi vậy chúng ta cần phải nhờ đến tôn giáo để khuyên nhủ tín đồ hầu có thể sửa chữa được.

Vả lại, mại dâm là bán dâm. Bán thì có người mua. Nếu không ai mua thì ế hàng, vậy mà tại sao Luật 60/11 có đủ hình phạt cho người bán dâm và mua dâm. Nhưng chúng tôi chỉ thấy người phụ nữ là bị thiệt thòi, bị bắt, bị bóp rập còn người mua dâm ít khi bị bắt. Đó là lý do mà sự mại dâm bành trướng.

Tôi nghĩ các tôn giáo nên giáo dục tín đồ và răn giềng chồng cho những người chưa có chồng thì có lẽ nạn mại dâm cũng bớt được phần nào.

NDMB: Thưa Ông Nguyễn Duy Quyền, hỏi này ông nói rằng trai thiếu gái thừa, như vậy đàn ông có nhiều vợ, có phạm luân lý không?

O. Phạm Duy Quyền: Vấn đề này rất tế nhị. Việc đời có gì toàn hay và cũng không có gì toàn đở. Đa thê thì về phương diện xã hội, bao giờ số đàn ông cũng ít hơn đàn bà. Thời xưa không ngăn cấm đa thê nhưng đặt ra một nền luân lý để giải quyết vấn đề này thì mỗi người đàn ông ở Á Châu theo Nho giáo, Khổng giáo vẫn khuyên răn rằng theo lẽ thuận thì mỗi gia đình nên 1 vợ, 1 chồng. Nhưng vì lý do xã hội nên đặt ra người vợ cả rồi vợ hai, vợ ba...

Việc cư xử trong gia đình, người chồng phải khéo, công bằng và người vợ cả thương người vợ lẽ như chị em. Vấn đề đa thê là để giải quyết vấn đề xã hội.

NDMB: Thưa Thượng Tọa, hỏi này Ông Quyền có đem Phật giáo vào vấn đề đa thê, xin Thượng Tọa cho biết ý kiến về vấn đề này?

T.T. Thích Pháp Siêu: Phật Giáo lấy lòng tử bi làm căn bản. Trong xã hội trai thiếu gái thừa thì chúng ta nên giải quyết cho đời sống người phụ nữ được điều hòa nên có thể một

vợ cũng được, nếu đời sống vật chất khá giả thì có thể cần thêm vợ để giúp ích cho gia đình. Chúng tôi nói đây là nói những người chân chính của phái nam chứ không đặt ra lệ đa thê. Cho nên tùy theo khả năng của người trai để có thể một trai, hai vợ. Về đạo Phật chúng tôi cũng cảm việc thoải mái về dục lạc thành ra cũng có thể không cho đa thê. Nhưng hoàn xã hội nào cũng phải theo hoàn cảnh đó để sống hợp pháp, hợp thời.

NDMB: Thưa Linh Mục, Linh Mục có đồng ý không?

L.M. Hoàng Yến: Tôi thấy gia đình vì nhu cầu như giàu có mà không con nên cũng phải có vợ lẽ để có con thừa hưởng gia tài, do đó mới có vấn đề đa thê. Nhưng xét về tâm lý thì nếu nhất phu nhất phụ, chắc chắn đầm ấm hơn vì con của một cha một mẹ thương yêu nhau hơn.

Tôi thấy ngoài xã hội cũng vậy, những gia đình lục đục thiếu hạnh phúc đều do vấn đề đa thê mà ra. Tôi thấy vấn đề này nên nghiên cứu rõ rệt hơn.

NDMB: Thưa Ông Đoàn Trung Còn, Ông có cho rằng những thanh niên hippy phạm thuần phong mỹ tục không?

O. Đoàn Trung Còn: Việc thanh niên là một việc quan trọng đối với tương lai của đất nước. Ngày nay ở Đô thành có một số thanh niên lêu lổng hút sách, cờ bạc, đứng về phương diện tôn giáo chúng tôi thấy rất đau lòng. Khi thanh niên lêu lổng đang điếm thì tức là phạm vào luân lý, phạm vào thuần phong mỹ tục. Trong Phật Giáo có năm giới phải cử là sát sanh, tránh du đạo, tránh tà dâm, tránh vọng ngữ, ám tửu, mà thanh niên lêu lổng thì tất nhiên phạm 5 giới này. Bởi vậy khi có một đám thanh niên tụ họp nhau để làm bậy thì đó là phạm tội đối với tôn giáo và phạm cả vào pháp luật nữa.

NDMB: Nói tới thanh niên thì có cả vấn đề nhảy đầm, xin cho biết ý kiến là có nên nhảy đầm hay không?

.../

L.M. Hoàng Yến: Chúng ta phải phân biệt khiêu vũ với nhảy đầm. Vấn đề khiêu vũ thì nước nào cũng có nên nó không có nghĩa xấu. Còn nhảy đầm cũng chưa phải là xấu đâu, nhưng nhảy đầm có ý thức là nhờ vào tố mà khiêu đầm mà phạm tội với nhau thì là xấu. Hơn nữa, bây giờ lại có cả thoát y vũ thì việc này còn có tội nặng. Vậy nhảy đầm không hẳn là xấu, nó chỉ xấu khi chúng ta lợi dụng vào đó để phạm tội.

NDMB: Cái gì cũng có giới hạn. Xin Linh Mục giải thích cho biết như thế nào gọi là khiêu đầm và như thế nào là mỹ thuật?

L.M. Hoàng Yến: Khiêu là khiêu khích. Nghệ thuật cũng có cái tốt, cái xấu. Phim ảnh, sách báo, thời trang v.v., chỉ xấu khi mình có ý khiêu khích cho người phạm tội. Bây giờ, thời trang hay những cách ăn mặc lố đã thế như ở những làng người Thượng thì không có gì là xấu. Vậy xấu hay tốt tùy ở nơi mình có ý khiêu khích cho người ta phạm tội không.

NDMB: Thưa Ông Hồ Quang An, xin ông nói về phim ảnh khiêu đầm. Mình phải kiểm soát phim ảnh như thế nào và có những biện pháp nào để đề phòng những loại phim ảnh đó?

Ông Hồ Quang An: Nói về phim ảnh thì hơi tổng quát, tuy nhiên phim ảnh là một nghệ thuật giải trí. Phần lớn phim là những phim nhập cảng, chúng ta cũng nên nhận định rằng Đông và Tây có hai nền luân lý hơi khác biệt nên nếu không để ý thì những phim ảnh có thể gây những tai hại cho các thanh thiếu niên.

Do đó, tôi nhận xét rằng phim ảnh ngoại quốc mang đến cơ hội kiểm duyệt phim ảnh, và tự vì phim ảnh ta có thể chia ra là ba loại: Loại phim ai ai cũng xem được, loại phim phải cấm những trẻ em dưới 18 tuổi và những loại phim có tính cách tuyên truyền cho một chủ thuyết không phù hợp với xã hội thì những loại phim này VNCH chúng ta với một ủy ban hội đồng kiểm duyệt phim ảnh sẽ quyết định cho chiếu hay không cho chiếu những phim đó.

Ở Việt Nam, hội đồng kiểm duyệt phim ảnh vẫn còn, nhưng tôi nghĩ cũng nên uyển chuyển cho phù hợp với xã hội trên tinh thần nhận xét những loại phim nào hợp với dân tộc tính của chúng ta và loại hẳn những loại phim khiêu dâm và nhất là truyền bá những tư tưởng ngoài tư tưởng dân chủ của VNCH.

NDMB: Thưa Ông Lê Cho, Tổng Thư Ký Hội Đồng Tinh Thần Đạo Baha'i xin ông nói về giáo dục trong tôn giáo để bảo vệ thuần phong mỹ tục ?

O. Lê Cho: Quả thật đây là vấn đề chính yếu nhất mọi người cần phải tìm cho được lời giải đáp. Khi người ta chưa được giáo dục về thực chất, nguyên do và mục đích của thuần phong mỹ tục luân lý thì người ta không thể sống có luân lý mỹ tục thuần phong được. Cả đến việc chánh quyền bắt bớ hoặc tôn giáo khai trừ người ta cũng chẳng sợ nữa.

Thực ra con người, dù có đạo hay không có đạo, ai cũng cần được thỏa mãn những nhu cầu thân xác, trí óc và linh hồn. Những thỏa mãn các nhu cầu ấy ngoài luật thiên nhiên và luật nước hoặc bằng cách tước đoạt hoặc xâm phạm tới nhu cầu của người khác hoặc làm lơ trước sự thiếu thốn của người khác, như vậy tức là vô luân vô đạo.

Nói một cách cụ thể hơn là con người ở bất cứ nơi đâu và bất cứ thời nào cũng đều cần sống, cần nên không và cần vươn tới thế giới tâm linh diệu viên. Con người phải hợp tác với nhau để đạt tới mục đích đó. Bằng không con người sẽ trụy lạc và đau khổ như ta đang chứng kiến.

Sở dĩ con người ngày nay ít say mê luân lý trau dồi về thuần phong mỹ tục là vì luân lý và mỹ tục thuần phong đã bị lãng quên, không được nhắc nhở, không được giải thích đúng mức, nên nó đã bị đồng hóa với những công thức gò bó hẹp hòi và khô khan phi lý. Nhưng may nếu chúng ta hết sức cố gắng giải thích sâu rộng, nêu cao những hành động luân lý chúng ta mỹ tục thuần phong chỉ rõ gương những vĩ nhân đã được hạnh phúc và tự do đều sống theo luân lý ở mức cao độ, thì thế nào lại chẳng gây được ảnh hưởng tốt. Hơn nữa lịch sử nhân loại cũng đã từng chứng minh biết bao nhiêu thời kỳ sa đọa được chấn hưng nhờ sự hưng

thịnh của Tôn giáo. Nay các tôn giáo đã ngồi lại để cùng lo cho vấn đề trọng yếu này thích hợp chân thể nào cũng lôi kéo được nhiều người lo tu tính để tiến bộ. Ngoài ra, dân chúng phần đông đều có đạo, nếu họ thấy cấp lãnh đạo quốc gia và tôn giáo mà sống có phạm cách họ cũng bất chước chú. Dĩ nhiên muốn bảo đảm thành công, các lý thuyết nêu ở đây cần được chính phủ và các tôn giáo thể hiện liên tục bằng hành động cụ thể.

Tóm lại Giáo hội Baha'i quyết tâm hợp tác với Ủy ban và luôn luôn đề nghị tất cả quý Tôn giáo, các nhà lãnh đạo Giáo dục và toàn thể quý phụ huynh đồng loạt đặt nặng vấn đề giáo dục và kiểm soát mỗi người trong trách nhiệm để ai nấy cũng tự nhận biết những tai hại về các tệ đoan xã hội mà quý ngài đã nêu lên. Đồng thời mỗi tôn giáo cũng cần áp dụng nặng các giáo luật cho những tín đồ phạm lỗi, và chánh quyền cũng phải đem luật lệ liên quan thi hành một cách nghiêm chỉnh đối với những người phạm vào các tệ đoan kia.

Khi mà người nào cũng nhận biết giá trị nhân bản và phạm cách họ biết chấp nhận sống đúng theo luân lý hợp với thuần phong mỹ tục thì chính cá nhân gia đình họ hạnh phúc và xã hội được an lành.

NDMB: Ông Nguyễn Duy Quyền bắt mạch cho bệnh nhân Việt Nam, ông có thể cho liệu thuốc nào để chữa bệnh được không?

Ô. Nguyễn Duy Quyền: Xã hội Việt Nam ngày nay không ai chối cãi được là phong hóa suy đồi. Bởi vậy Ủy ban chúng tôi gồm đại diện các tôn giáo được thành lập. Sau khi nghe quý vị trong các tôn giáo kể bệnh thì tôi cũng xin đưa ra hai toa thuốc, một là toa thuốc pháp luật, thuộc thẩm quyền chính phủ mà ngay nay Phó Tổng Thống Trần Văn Hương có trách nhiệm.

Toa thuốc thứ có bốn vị hữu hiệu mà tiền nhân đã áp dụng. Toa thuốc này có bốn vị là Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ. Đáng lẽ tôi phải phân tách hiệu năng của bốn vị thuốc ấy, nhưng thời giờ không cho phép.

Để kết luận, tôi ước mong chánh phủ cũng như quốc dân đặc biệt lưu tâm đến vấn đề phục hưng thuần phong mỹ tục, đem lại nền luân lý cổ truyền. Được như vậy nước ta sẽ phú cường, trái lại, như thánh nhân đã nói, hễ mất luân lý là nhà tan, nước mất. Tôi xin dứt lời và hô to: Việt Nam Cộng Hòa Muôn Năm.

VIỆN PASTEUR VIỆT NAM

Phát hình Ngày 4.2.1972

Bác Sĩ NGUYỄN VĂN ÁI, Viện Trưởng Viện Pasteur Việt Nam, là giáo sư Viện Đại Học Saigon, Tổng Thư Ký Hội Đồng Quốc Gia Khảo Cứu Khoa Học, Chủ Tịch Hội Y Học Việt Nam và chuyên viên cố vấn tổ chức Y Tế Quốc Tế.

NDMB: Xin Bác Sĩ nói qua về lịch sử Viện Pasteur Đông dương. Viện Pasteur Đông dương do ai sáng lập, thành lập lúc nào và tại đâu?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Chúng ta phải nói là có một hệ thống những Viện Pasteur ở Đông Dương. Trước kia, hệ thống đó gồm năm Viện Pasteur. Một ở Saigon là trung ương, một ở Nha Trang, một ở Dalat, một ở Hà Nội và một ở Phnom Penh, Cộng Hòa Khmer.

Viện Pasteur Saigon được sáng lập đầu tiên ở Đông Dương. Tôi không nhớ rõ ngày sáng lập nhưng cách đây cũng trên 70 năm rồi mà vị sáng lập Viện Pasteur là Bác sĩ Calmette và người mà sau này đã khám phá ra thuốc chủng BCG để ngừa lao.

.../

NDMB: Còn Viện Pasteur Việt Nam ?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Trong hệ thống năm Viện Pasteur của Đông Dương ngay trước, Viện Pasteur Hà Nội bây giờ không còn thuộc hệ thống Viện Pasteur nữa và được đổi tên là Viện Quốc Gia Vi Trùng Học ở ngoài đó. Riêng Viện Pasteur ở Phnom Penh thì vẫn còn thuộc trong hệ thống Viện Pasteur của Pháp và ở đó vẫn còn một vị giám đốc là người Pháp. Ba Viện Pasteur hiện ở miền Nam Việt Nam thì từ năm 1959 đã chuyển giao cho Chính Phủ Việt Nam, hiện nay là cơ sở của quốc gia Việt Nam.

Ba cơ sở này hiện giờ được gọi chung là Viện Pasteur Việt Nam và do một Viện trưởng điều khiển dưới sự trông coi của một Hội Đồng Quản Trị mà ông Tổng Trưởng Y Tế là chủ tịch.

NDMB: Viện Pasteur Việt Nam gồm những chi nhánh nào ?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Viện Pasteur Việt Nam có ba chi nhánh, một ở Saigon, một ở Nha Trang và một ở Dalat.

NDMB: Xin Bác sĩ nói về những lãnh vực hoạt động của Viện Pasteur Việt Nam ?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Viện Pasteur Việt Nam có bốn lãnh vực hoạt động. Trước tiên là những hoạt động về thí nghiệm, thứ nhì là những hoạt động về chẩn y viện, thứ ba là những hoạt động về sản xuất huyết thanh và cuối cùng là giáo dục.

NDMB: Nói đến Viện Pasteur, người ta nghĩ đến việc thí nghiệm. Xin bác sĩ nói qua về việc thí nghiệm và cho biết thí nghiệm trong những lãnh vực nào ?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Về thí nghiệm ở Viện Pasteur cũng có nhiều lãnh vực. Trước hết là khu vực thí nghiệm có liên quan tới y khoa. Ví dụ như những phòng thí nghiệm vi trùng học, ký sinh trùng học, huyết học, cực vi trùng học, sinh hoa học.

.../

Ngoài ra chúng tôi còn có những phòng thí nghiệm giúp những vị y sĩ công, tư để chẩn đoán bệnh của bệnh nhân. Chúng tôi còn có những phòng thí nghiệm liên quan tới y tế công nhiều hơn, ví dụ phòng thí nghiệm dịch học, vệ sinh thực phẩm, nước, phòng phân tích dược phẩm v.v..

Cuối cùng có những phòng thí nghiệm chuyên biệt nặng về việc nghiên cứu.

NDMB: Nói qua về nước, Viện Pasteur cũng thường phân chất nước của các hồ tắm công cộng, xin bác sĩ cho biết nước tại những hồ tắm công cộng có được sạch sẽ không?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Có một số hồ tắm công cộng vẫn giữ những mẫu nước hay họ cho phép nhân viên của Viện Pasteur tới lấy mẫu nước đều hòa để phân chất, nhưng có một vài nơi nhân viên Viện Pasteur than phiền là họ đã bị làm khó dễ. Lý do là vì họ sợ kết quả thử nghiệm cho thấy nước trong hồ không được khả quan thành ra nhiều khi nhân viên cũng không muốn đi lấy nữa. Vài trường hợp những người trong hồ tắm đã đẩy nhân viên của chúng tôi xuống hồ.

NDMB: Nếu Viện Pasteur tìm thấy rằng nước tại hồ tắm đó có thể gây bệnh cho người tắm thì Bộ Y Tế hoặc tỉnh liên hệ có ra lệnh đóng cửa hồ tắm đó không?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Viện Pasteur chỉ làm công việc phân tích một cách chuyên môn. Kết quả sẽ được gửi đến những cơ quan hành chính và những cơ quan hành chính có thể đóng cửa hồ tắm đó.

NDMB: Nước của Saigon Thủy Cục có thể uống được không?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Nước của Saigon Thủy Cục rất tốt. Nước này đã được khử trùng và đôi khi có lẽ vì họ khử trùng nhiều quá nên nước có nhiều khi có mùi hơi nồng. Bởi vậy khi uống nên để dành vài bữa cho bớt mùi nồng thì hay hơn.

.../

NDME: Về vấn đề vệ sinh thực phẩm, có lúc người ta đồn rằng những chai nước ngọt của hãng này hãng nọ có chất dơ, vậy Bộ Kinh Tế có gửi đến Viện Pasteur phân chất không? Có những biện pháp nào để ngăn ngừa khi Viện Pasteur thấy nước đó không được tốt cho người dùng không?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Viện Pasteur chỉ hoạt động về phương diện chuyên môn, còn phương diện pháp lý thì do Bộ Kinh Tế và Y Tế. Đối với những đồ uống vừa nói thì nếu Viện Pasteur kiểm soát thấy không đúng tiêu chuẩn thì sẽ báo cho cơ quan khác biết.

NDME: Viện Pasteur phân chất thực phẩm, chúng tôi có nhận được thư hỏi về bột ngọt. Vậy bột ngọt có hại như thế nào?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Có thể nói bột ngọt không có tính chất về dinh dưỡng nhưng lại cho chất ngọt đậm đà nên nhiều người ưa thích. Nếu dùng nhiều thì có độc, hiện nay có một vài loại bột ngọt ở bên Nhật bị cấm vì nếu dùng nhiều có thể hại cho cơ thể.

NDME: Một khán thính giả hỏi về thuốc tây và thuốc ta: Một người uống vô một thang thuốc rồi thôi không khỏi lại đi uống thuốc tây, vậy hai thứ thuốc đó có kỵ nhau và làm hại cho người uống không?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Vấn đề này không hoàn toàn đúng vào lãnh vực hoạt động của Viện Pasteur, nhưng tôi cũng xin có ý kiến. Uống hai thứ thuốc không có sự công phạt miễn là tùy theo thứ thuốc mình uống trước.

Đông Y có hai loại: Loại thuốc sắc từ thảo mộc loại này có ít được tính nên nếu uống rồi sau đó lại uống thuốc tây không có hại. Loại thứ hai là loại đặc chế thành những viên hay bột thì tôi hơi e ngại rằng khi làm những đặc chế thì chất thuốc không toàn vẹn của thực vật mà có khi lại có cả những dược phá

.../

của tây y nữa. Trường hợp này là được độ cao rồi mai uống thêm thuốc tây thì được độ lại càng cao thì tôi e ngại có thể có công phạt.

NDMB: Trong một phòng thí nghiệm của Viện Pasteur Bắc Sĩ có cho khảo cứu về nuôi tằm. Xin Bắc sĩ cho biết hiện giờ Bắc sĩ đã tìm được những loại tằm nào chịu đựng nổi khí hậu của Việt Nam?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Đây là một nghiên cứu hơi đặc biệt Phòng Côn Trùng Học Đại Cường. Phòng này học nhiều thứ côn trùng lắm. Riêng việc nuôi tằm, tôi nghĩ có thể có ích lợi về mai sau cho nông nghiệp nước nhà nên chúng tôi có nghiên cứu từ vài năm nay. Hiện giờ chúng tôi đã có kết quả khá quan.

Hiện giờ trong phòng đã có nuôi những giống tằm gốc, nghĩa là loại tằm có thể cho kén, tơ gai là những loại tằm ở Pháp, Ý, Thái Lan, Đài Loan, Nhật Bản... những tằm gốc này có thể cho kén có tơ từ 2.500 thước đến 3.000 thước. Tằm gốc này, dĩ nhiên không thể cho nông gia sử dụng được vì nó là những thứ tằm khó nuôi.

Phòng này cũng nghiên cứu cải tiến những giống tằm địa phương, của Việt Nam có kén nhỏ cho từ 120 đến 200 thước tơ là cùng. Việc cải tiến thì có thể cho từ 300 đến 400 thước tơ.

Điều mà tôi cho là hay nhất là trong phòng thí nghiệm mình đã mở ra được những giống lai. Chúng tôi đã tìm thấy có ba loại lai khá quan lắm. Tôi nghĩ mai sau có thể dùng được, nếu chánh phủ mở mang về tằm tang. Loại tằm lai này có thể đứng về phương diện thương mại quốc tế, tơ màu trắng giá trị hơn kén cho tơ màu trắng và có từ 1.200 thước đến 1.600 thước.

NDMB: Nếu nông dân muốn nuôi tằm, đến Viện Pasteur mua trứng được không?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Miện giờ có thể nuôi trứng được nhưng cũng chưa khuyếch trương lắm. Muốn làm quy mô, chánh phủ phải giúp Viện hơn nữa. Hiện chúng tôi chỉ có một thí điểm nhỏ hơn một mẫu để trồng dâu mà thôi. Nhân thế chúng tôi cũng nói

.../

là chúng tôi có giống đầu lớn hơn, là lớn hơn. Giống đầu của chúng tôi có thể cho những lá bằng bàn tay.

NDMB: Về thí nghiệm, khảo cứu những ký sinh trùng thí viện Pasteur có Bác sĩ Lê Văn Hòa, một nhà khoa học danh tiếng đã được quốc tế đã để ý đến hàng năm Ông đã tìm ra nhiều ký sinh trùng và trong đó có 1 ký sinh trùng đặt tên BS Nguyễn-Văn Ái luôn. Xin Bác sĩ cho biết những loại ký sinh trùng đó là những ký sinh trùng nào và tìm ở đâu ra?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Đây cũng là một đặc điểm của Phòng Nghiên cứu Ký sinh trùng tại Việt Nam. Từ năm 1959, tôi cũng đã nhận với B.S Nguyễn Văn Hòa rằng VN là nơi giao điểm của nhiều giống người thì rất có thể cũng là giao điểm của nhiều động vật và như vậy, có thể có những ký sinh trùng mà ký sinh trùng cho biết về động vật. Hiện giờ ở Mỹ và Nga người ta rất chú ý đến ký sinh trùng ở loài khí ra. Khí, theo thuyết tiến hóa, là một loại động vật gần người nhất.

Bác sĩ Hòa từ năm 1962 đến nay cứ liên tục học về các loại động vật, nhờ vậy ông có thể kiếm được những ký sinh trùng mới. Ông có mô tả những con ký sinh trùng đó và có đăng báo. Gần đây, chúng tôi có thấy nhiều nước khác cũng đã đăng lại những tài liệu đó. Ở Mỹ và ở Nga tôi đều có thay đăng cả. Đây cũng là một an ủi cho chúng tôi.

NDMB: Chúng tôi tọc mạch muốn biết về ký sinh trùng đặc tên là ký sinh trùng Nguyễn Văn Ái là ký sinh trùng tìm từ đâu ra và nó ăn hại về cái gì?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Tôi rất cảm động khi nghe Bác sĩ Nguyễn Văn Hòa đặt tên tôi vào ký sinh trùng đó. Ký sinh trùng đó là con cératon, Ông ấy đặt là cératon Nguyễn Văn Ái, theo tiếng Latin chữ i là của, nghĩa là của Nguyễn Văn Ái. Con này cũng hơi đặc biệt vì nó cho người ta biết một số ký sinh trùng. Đây là một loại ký sinh trùng của khí. Từ xưa đến giờ người ta biết con Ascaris là một con ký sinh trùng của khí.

.../

NDMB: Gọi ký sinh trùng là những loại nào đây thì phải không?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Đúng, đúng, lài. Ký sinh trùng là những sinh vật sống bám vào những sinh vật khác. Nhưng những ký sinh trùng thuộc loại động vật mới gọi là ký sinh trùng còn không là vi trùng, ký sinh vật là vi những con không phải thuộc loại động vật. Còn những ký sinh trùng hình thức giố, g. loại ascaris nhưng lại qua một vật trung gian khác. Trước khi ở trong con đũa rồi nó mới vào làm ký sinh cho con khỉ. Người ta nhận thấy rằng có một liên quan gì đó... Ông Hòa đã tìm thấy như vậy và cat có thể mai sao người phải đặt một cái gia đình ký sinh trùng khác. Và cái gia đình trùng đó chắc phải đặt tên Ông Lê Văn Hòa.

NDMB: Tôi thấy trên bảng trong phòng thí nghiệm của Bác sĩ Lê Văn Hòa thì một hai năm ông ấy tìm thấy một, hai loại ký sinh trùng...

B.S. Nguyễn Văn Ái: Vâng, thì cứ một hai tuần ông ấy lại xin tôi ký giấy để cho ông ấy mua súc vật này, vật khác để ông ấy mổ và coi những ký sinh trùng.

NDMB: Thưa Bác sĩ, lãnh vực thứ hai của Viện Pasteur Việt Nam là chẩn y về một số bệnh đặc biệt. Vậy những bệnh đó là những bệnh gì?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Viện Pasteur Việt Nam có một số chẩn y viện để tiếp đón những bệnh nhân, có những bệnh đặc biệt, ví dụ như bệnh dại ...

NDMB: Người ta gọi Viện Pasteur và nhà thương thuốc chó phải không?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Vâng... Bất cứ ai bị chó cắn thì cứ tới đây là có một phòng chích ngừa. Ngoài ra chúng tôi cũng có những chẩn y viện chữa bệnh cùi. Chúng tôi vẫn nghiên cứu

.../

về bệnh cùi từ lâu rồi, cùi vẫn còn là những bí hiểm như hiện nay vì trùng bệnh cùi chưa thấy được trong những môi trường nhân tạo nên chưa có thể chữa trị phòng ngừa nên còn một số bệnh nhân tới đó để chữa trị.

Chúng tôi có phòng chữa bệnh ngoài da ở phòng nhiệt đới. Viện Pasteur ở Saigon có một phòng vi nấm học để thí nghiệm và tìm ra loại nấm nào. Chúng tôi cũng còn có những nơi chế thuốc chủng ngừa. Chúng tôi cũng có phòng chích ngừa bệnh sốt vàng. Còn những bệnh khác thì ít.

NDMB: Xin Bác sĩ nói thêm về chó đại cắn. Người ta cũng cắn được vậy, có khi lại còn nguy hiểm hơn nữa...Thì khi bị cắn, nạn nhân phải làm gì?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Nếu trong gia đình có một người bị chó đại cắn rồi bị dại, rồi trong khi đó một người khác bị bệnh nhân đó cắn thì chắc chắn không bị dại đâu. Người chỉ có mắc bệnh thôi chỗ không có truyền bệnh cho người khác như chó. Vì vi trùng bệnh dại chỉ truyền được qua nước miếng của loài chó, đôi khi mèo nữa, còn chuột thì rất ít. Đôi khi cũng có ở loài dơi nhưng đó là những loài dơi hút máu, vampire. Dơi ở Việt Nam không đáng sợ. Nếu không may bị chó cắn thì chữa ngay.

NDMB: Như vậy cắn yêu hay cắn ghen thì không sợ?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Vâng,

NDMB: Còn khi một con chó dại hoặc một thú vật lạ cắn mình thì mình phải làm gì?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Người mình nuôi chó một cách hỗn loạn. Có lẽ mình nên hạn chế sinh sản loại chó vì loại chó sinh sản rất nhiều. Nếu một con chó bị dại, nó có thể truyền bệnh cho những con khác. Nhà chức trách nên bắt những con chó chạy rong và giết đi khi không có chủ đến nhận.

.../

Trường hợp bị chó cắn, chúng ta nên để ý con chó trong hai tuần lễ, nếu thấy nó vẫn khỏe mạnh thì thôi. Còn khi nó bị dại rồi mới cắn mình, thông thường con chó ấy không sống quá được 15 hôm. Trường hợp bị cắn mà không biết con chó ấy ở đâu thì tốt hơn là đến chích ngừa.

NDMB: Bác sĩ có nói về việc thí nghiệm côn trùng, có nhiều người choràng bệnh sốt rét rừng do gió độc hay do nước độc của vùng đó, vậy thật sự nguyên do bệnh sốt rét rừng là ở đâu ra?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Nguyên do bệnh sốt rét rừng là do một loại ký sinh trùng sống trong các loại muỗi, khi bị những loại muỗi này đốt thì mắc bệnh chớ nhất định không phải là vì gió hay vì nước. Tuy nhiên, ở những nơi rừng rú thường có nước thì có nhiều muỗi, thì muỗi có thể truyền bệnh cho người ta uống nước đó.

NDMB: Bệnh sốt rét rừng không chích ngừa được, mà chỉ uống thuốc ngừa phải không?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Hiện nay chúng ta chưa có thuốc chủng ngừa mà chỉ có thuốc uống ngừa thôi.

NDMB: Lãnh vực thứ ba của Viện Pasteur là sản xuất thuốc ngừa xin Bác sĩ cho biết những loại thuốc ngừa nào Viện Pasteur đang sản xuất?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Ở Saigon, chúng tôi có những thuốc chủng đậu mùa, thuốc BCG phòng ngừa bệnh lao và bệnh dịch hạch. Ở Dalat chúng tôi sản xuất những thuốc phòng ngừa bệnh dịch tả, thương hàn...

Gần đây tôi thấy các bác sĩ đã quay trở lại dùng những thuốc chủng các loại vi trùng thông thường nhiều hơn trước. Lý do là thuốc trụ sinh chúng ta dùng bữa bãi nên vi trùng đường ruột đã quen nên phải dùng những loại thuốc mạnh mà thuốc này thì bác cho nên phương pháp chữa có diện tước dùng lại.

.../

Ở Nha Trang chúng tôi sản xuất thuốc ngừa phong đòn gánh, dịch hạch.

NDMB: Cách trồng trái bây giờ không phải lấy ngòi bút rạch như trước đây mà lấy kim chích. Có lẽ thuốc bây giờ mạnh hơn hay sao mà người ta bị cương nhiều hơn?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Viện Pasteur có một phòng sản xuất thuốc trồng trái kiểu mới, đó là thuốc đông khô. Gọi là làm khô ở cho lạnh. Thuốc này tiện lợi ở chỗ giữ được lâu và khi chuyên chở thì không sợ thối hỏng. Thuốc này có mạnh hơn thuốc cũ. Hiện giờ cách chủng có khác hồi xưa. Cách chủng bây giờ là chích. Dù sao, cách chủng bây giờ có thể bị cương mà không sao.

NDMB: Ông bà mình hồi xưa cho rằng trồng trái phải cương lớn mới tốt nên bắt con cháu ăn xôi, ăn nếp để cương thật nhiều thành ra có thẹo lớn. Vậy việc làm cho cương như vậy có cần thiết không?

B.S. Nguyễn Văn Ái: Sự đó không phải là do ăn nếp đâu, có lẽ vì tạng chung của người Á Châu và Phi Châu thường có những vết sẹo cứng lại và to. Tuy nhiên bây giờ chúng ta có thể dùng khoa giải phẫu thẩm mỹ để chữa những vết thẹo được.

NDMB: Còn vấn đề ngừa lao, chúng tôi thấy việc này rất cần thiết. Xin bác sĩ cho lời khuyên đối với những người ngừa lao, vì ở Việt Nam bệnh này còn nhiều.

B.S. Nguyễn Văn Ái: Vấn đề này, các vị có trách nhiệm trong chương trình bài lao đã nói nhiều rồi, tôi chỉ xin nhắc lại ý kiến của những vị đó mà thôi. Ở Việt Nam hay ở những nước chậm tiến khác, bệnh lao là một bệnh trầm trọng vì kéo dài, nếu chữa trị thì không đủ thuốc. Một nguy hiểm nữa là bệnh lao có thể lan tràn và gây bệnh cho trẻ em. Bởi vậy việc tốt hơn là phòng ngừa. Việc phòng ngừa này nhằm bảo vệ cho thế hệ mai sau.

Còn hiện tại, trong hoàn cảnh thiếu thốn, chúng ta không có nhiều hy vọng để có thể chữa chạy được hết tất cả những người bị lao ở Việt Nam. Bởi vậy, nếu có thể phòng ngừa được thì hay hơn.

NDME: Lãnh vực chót của Viện Pasteur Việt Nam là giáo huấn. Vậy Viện Pasteur có thể thành một hậu đại học cho các bác sĩ Việt Nam thay vì phải gởi đi ngoại quốc tới Viện Pasteur học hỏi thêm sau khi ra trường? Phần đông bác sĩ cangoại quốc không thấy về mà phần đầu tư để đào tạo bác sĩ rất tốn kém rồi sau đó các vị bác sĩ này lại sang là ở những lãnh vực khác như là chánh trị, làm công chức thay vì làm làm y sĩ.

B.S. Nguyễn Văn Ái: Trong những lãnh vực thường xuyên của Viện Pasteur có cả giáo dục. Về phương diện giáo dục thì từ trước tới nay, Viện Pasteur hoạt động nhiều là vì chuyên viên trong Viện Pasteur được phép đi giảng dạy ở những viện đại học. Tôi nghĩ Viện Pasteur Việt Nam, theo với tình trạng hiện tại của nước nhà, có thể góp phần hơn nữa về phần huấn luyện, nếu có khả năng thêm về tài chánh và cơ sở thì có lẽ các môn chuyên khoa của Viện Pasteur có thể giúp và ở việc hậu đại học. Điều này chúng tôi đang nghiên cứu để sau này có thể hoạt động được. Điều này cũng rất thích hợp cho tinh thần đại học là gì những trường đại học không phải chỉ giảng dạy mà còn nghiên cứu nữa. Bây giờ Viện Pasteur chỉ nghiên cứu mà không giảng dạy thì cũng hơi phí, nhất là ở Việt Nam có thiếu cơ sở. Ví dụ bây giờ chúng ta muốn mở một trường thuốc mới thì làm sao chúng ta có thể có những phòng thí nghiệm đầy đủ. Tôi thấy kinh nghiệm ở Kuala Lumpur họ đang mở trường thuốc mới và họ giao nhiệm vụ tổ chức cho một viện ở bên đó tương tự như Viện Pasteur Việt Nam.

Đây là một lời giải đáp cho những nước chậm tiến, còn những nước giàu thì họ có thể xây hẳn một cơ sở hoàn toàn mới. Chuyện này, tôi nghĩ tùy theo khả năng của mình.

BÓI QUÊ ĐẦU NĂM

Phát Hình Ngày 11.2.1972

Chiêm tinh gia HUỖNH LIÊN 58 tuổi, sanh tại Quảng Ngãi, hành nghề từ 41 năm, văn phòng đặt tại 632 Phan Thanh Giản Saigon.

Giáo Sư MINH NGUYỆT 63 tuổi, sanh tại Cần Thơ, đã hành nghề từ 42 năm, văn phòng đặt tại 257 Đề Thám Saigon.

Giáo Sư KHÁNH SƠN năm nay 64 tuổi, sanh tại Lạng Sơn, Cao Bằng, đã hành nghề từ 40 năm, văn phòng đặt tại 184 Yên Đỗ Saigon.

NDMB: Thưa Giáo Sư Huỳnh Liên, xin ông cho biết năm 1972, chúng ta có hòa bình hay không?

G.S. Huỳnh Liên: Đã từ lâu rồi, mỗi một dịp Tết đến, tôi đều có một bài tiên tri trên các báo và tôi lúc nào cũng nói rằng đến năm 1972 có những diễn biến và có sự vui mừng trên đất nước mình để đón nhận hòa bình. Không phải là hòa bình thật sự nhưng ít ra cũng đem đến cho dân tộc những vui mừng nhưng hòa bình thật sự sẽ đến vào năm 1979, 1980, 1981.

.../

Dựa theo tử vi, bói dịch và sách truyền, thì sách truyền xưa đã có câu: Long vĩ xà đầu khởi chiến tranh, Can qua tứ xứ khởi đao binh. Mã đề dương cước anh hùng tận, thán đầu niên lại kiến thái bình. Trong năm 1972, 1973 đất nước có sang sủa, nhưng chỉ là mới ngưng bắn thôi chứ chưa có hòa bình thật sự.

NDMB: Giáo sư Minh Nguyệt có đồng ý với giáo sư Huỳnh Liên về năm 1973 sẽ có hòa bình không?

G.S. Minh Nguyệt: Theo lời chiêm tinh gia Huỳnh Liên thì năm 1973 mới chỉ ngưng chiến chứ chưa có hòa bình thật sự. Tôi đồng ý. Nếu hòa bình thật sự phải là năm 1973.

NDMB: Còn Giáo sư Khánh Sơn?

G.S. Khánh Sơn: Theo tôi năm 72 vẫn còn ở trong thời kỳ trả giá thành ra đôi bên vẫn còn cù cưa, nhưng có lộ dạng một chút tin mừng.

NDMB: Chiêm tinh Huỳnh Liên có nói tới hòa bình thật sự và hòa bình thôi, như là năm 1973 chúng ta sẽ có hòa bình và 1979, 1980, 1981 sẽ có hòa bình thật sự hay thái bình theo câu sách nói, thì giữa hòa bình và thái bình như thế nào?

G.S. Huỳnh Liên: Năm 1972, vào mùa thu có những điển biến đem lại cho dân tộc vui thôi chứ chưa thấy hẳn hòa bình. Năm 1973 cũng chưa hẳn là hòa bình thật sự. Vậy năm 72 và 73 chỉ là ngưng chiến mà thôi. Thái bình phải là năm 79, 80.

NDMB: Giáo sư Khánh Sơn nghĩ sao về thái bình trong năm 1979 và hòa bình trong năm 1973?

G.S. Khánh Sơn: Chữ thái bình rộng nghĩa lắm. Ngay tại Việt Nam, có thể nói rằng 50 năm nay chưa có thái bình mà vẫn có hòa bình. Còn hòa bình và thái bình thì có thể kể rằng từ

.../

Đề Thám đến Thái Nguyên rồi lộn xộn đến ngày nay đâu có thái bình. Còn hòa bình đi với thái bình có nghĩa khác nhau xa quá.

NDMB: Thưa Giáo sư Minh Nguyệt, nói đến hòa bình thì nhiều người trong chúng tôi cũng lo âu là không biết hòa bình đó có đem lợi ích cho miền Nam Việt Nam không? Chúng ta có bị một sự đô hộ nào khác không?

G.S. Minh Nguyệt: Theo tiên tri chúng ta sẽ hòa bình và độc lập. Và trong khi hòa bình chánh quyền là của dân chứ không có độc tài, đảng trị.

NDMB: Đến bao giờ chúng ta có thể nghĩ đến sự thống nhất cho hai miền Nam Bắc để thành một nước Việt Nam tự do?

G.S. Minh Nguyệt: Đến năm 1975 đất nước mới có thể thống nhất mà chắc chắn là khi hòa bình rồi trong khoảng 4 hay 5 năm là thống nhất đất nước.

NDMB: Giáo sư Khánh Sơn có đồng ý rằng chúng ta sẽ có hòa bình trong danh dự và có lợi cho miền Nam không?

G.S. Khánh Sơn: Nếu đã đi tới hòa bình thì nhất định miền Nam phải có lợi chứ không thể nào có lợi về phía bên kia.

NDMB: Ông Huỳnh Liên có nghĩ như vậy không?

G.S. Huỳnh Liên: Tôi cũng nghĩ như vậy. Nhưng việc thống nhất nước tôi e rằng nếu nói vào năm 74, 75 thì hơi sớm. Có thể nói rằng vào năm đó sẽ có sự vui mừng trong việc thống nhất. Chúng tôi hằng cầu mong như thế, nhưng ý dân là khác, nhưng số mệnh của trời đặt để cho nước Việt Nam đi đến thống nhất, việc này có hơi lâu chứ không phải dễ dàng.

.../

NDMB: Nói về vấn đề kinh tế ai cũng lo âu làm thế nào để ai cũng được sống trong thịnh vượng, vui vẻ, mỗi người đều có thể đủ ăn đủ mặc. Thưa giáo sư Khánh Sơn, Giáo sư tiên đoán về tình hình kinh tế nước nhà trong năm 1972?

G.S. Khánh Sơn: Kinh tế nước nhà năm 1972 có vẻ khả quan hơn năm 71. Theo tính tử vi của cụ Trần Đoàn và phép tính lịch thì năm nay nước ta có hứa lộc, có thiên mã vào mùa đông tức là đồng bào ta sẽ làm ăn phát đạt, không đến nỗi như năm ngoài nữa.

NDMB: Chiêm tinh gia Huỳnh Liên có đồng ý như vậy không?

G.S. Huỳnh Liên: Chúng tôi cũng đồng ý như vậy và cầu nguyện như vậy vì nền kinh tế hiện nay bấp bênh và tình thế khó khăn. Theo tôi, năm Canh Tý 1976 là năm sẽ đề đàng.

NDMB: Xin Giáo sư Minh Nguyệt cho biết ý kiến?

G.S. Minh Nguyệt: Nền kinh tế nước nhà 1972 vững, đời sống dân chúng tương đối khá hơn năm 1971, từ giữa năm đến cuối năm.

NDMB: Xin chiêm tinh gia Huỳnh Liên tổng kết tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục... trong năm 1972 cho VNCH.

G.S. Huỳnh Liên: Năm 1972 có nhiều diễn biến bất ngờ. Tình thế về kinh tế, chính trị cũng như quân sự năm tới sẽ còn có đánh nhau một vài trận long trời lở đất rồi mới đến chỗ cõi mở.

Đầu năm, từ mùa xuân tới mùa hạ có những diễn biến bất ngờ qua mùa thu đến mùa đông thì vui vẻ. Cuối năm nay, năm Tân Hợi, có những diễn biến làm cho người dân lo sợ nhưng đó là dấu hiệu như một cái đèn sắp tắt lờ sáng một chút. Năm 1972 từ mùa thu tình hình kinh tế, chính trị văn hóa khá hơn.

.../

Tôi cũng quả quyết rằng nước Pháp sẽ trở lại Việt Nam bằng hai vấn đề là kinh tế và văn hóa chứ không phải bằng chính trị và quân sự. Quý vị cứ chờ đón trong vài ba năm nữa, nền kinh tế của chúng ta sẽ có Pháp vào đây thương mại và văn hóa của Pháp cũng còn ở lại đây.

NDMB: Giáo sư Minh Nguyệt có đồng ý với lời tiên đoán của chiêm tinh gia Huỳnh Liên không?

G.S. Minh Nguyệt: Nói về quân sự thì năm nay có sôi nổi và VNCH sẽ chiến thắng. Đến mùa hè thì êm xuống và dân chúng vui vẻ.

NDMB: Còn Giáo sư Khánh Sơn?

G.S. Khánh Sơn: Tôi không có ý kiến về vấn đề này?

NDMB: Chúng tôi xin bước qua phần quốc tế. Trung Cộng từ lâu là nguyên do mọi chuyện rắc rối tại miền Đông Nam Á này và có thể trên thế giới nữa. Xin giáo sư Khánh Sơn tiên đoán về tình hình Trung Cộng?

G.S. Khánh Sơn: Chúng tôi thấy trong năm nay tình hình Trung Cộng còn lộn xộn lắm. Sau cuộc viếng thăm của TT Nixon sẽ có nhiều thay đổi về ngoại giao, thương mại. Còn riêng Trung Cộng, lấy điện tướng của Mao Trạch Đông mà đoán, năm nay ông ta chắc không bơi qua sông Dương Tử nữa đâu, mà sợ rằng năm nay ông ta sẽ bơi tới sông "của tử".

NDMB: Xin Giáo sư Huỳnh Liên cho biết về Trung Cộng?

G.S. Huỳnh Liên: Tôi thấy Trung Cộng với một số dân đồng nên Nixon sợ đi qua Trung Cộng chắc Nixon cũng nghĩ rằng có một cái lợi gì mới sang.

Tại sao năm năm nay Nixon không cho Đài Loan ở trong LHQ mà lại để Trung Cộng vô, hẳn cũng có lý do.

Nhưng tôi xin trình bày rằng người ta vẫn nói thiên cơ bất khả lậu tôi hàng ngày cũng cố gắng nhưng về quốc ngoại tôi ít để ý hơn về quốc nội. Dù sao tôi cũng xin trả lời sơ qua.

Năm tới Trung Cộng cũng được vui vẻ hơn và chuyến đi của Nixon, nếu biết sẽ đem lại thành công cho nước Mỹ. Bằng không năm tới Nixon sẽ gặp những chuyện không hay cũng do nơi Trung Cộng.

NDMB: Nói về Trung Cộng thì chúng ta cũng nên nói tới Đông Dương, các nước Lào, Căm Bốt... xin Giáo sư Minh Nguyệt cho biết về tình hình Đông Dương?

G.S. Minh Nguyệt: Tôi xin nói về việc tiên tri cho nước Trung Cộng. Trung Cộng năm nay trong cấp lãnh đạo của họ thế nào cũng có người chết. Chánh sách về ngoại giao của Trung Cộng có thay đổi và có lợi cho Đông Dương, Âu Châu. Nói về nước Mỹ thì năm tới có lộn xộn về màu da. Nước Pháp thì không có gì thay đổi. Còn nước Nga có thay đổi về ngoại giao. Một tiếm nữa là thế giới sẽ không có chiến tranh thứ ba. Còn Đông Dương năm nay có tin mừng, chiến tranh sẽ tàn lụi lần lần kể từ mùa thu năm tới.

NDMB: Theo Giáo sư Khánh Sơn, TT Nixon năm nay sẽ thắng cử không?

G.S. Khánh Sơn: Chúng tôi rất tiếc không biết được ngày sanh tháng đẻ của ông Nixon nhưng cứ theo điện tượng thì năm nay ông có lìa cát nở, mặt lại có hào quang tức là phần nhiều người nào mặt có hào quang thì buôn bán phát tài, đánh bạc tặc, thì cứ dựa thì chúng tôi có ý niệm rằng TT Nixon có thể có tới 70 phần trăm thắng cử.

NDMB: Người ta thường nói vận mệnh của một quốc gia thường dính liền với vận mệnh của nhà lãnh đạo quốc gia đó, giờ chúng tôi xin đặt vài câu hỏi về vận mệnh của một vị lãnh đạo miền Nam Việt Nam. Xin Chiêm tinh gia Huỳnh Liên đoán vận mạng của TT Nguyễn Văn Thiệu trong năm 1972 như thế nào?

G.S. Huỳnh Liên: Theo tôi nhận xét về hình tướng cũng như ngày sinh tháng đẻ của TT Nguyễn Văn Thiệu, nếu nói rằng làm TT thì không phải ai cũng có thể làm TT được và cũng không phải ai cũng có thể làm vua được.

Tờ Tin Diển đã từng đăng số mệnh của TT Nguyễn Văn Thiệu, TT Nguyễn Văn Thiệu, tước bốn cái Tý: tháng Tý, ngày Tý, giờ Tý. Nhìn qua sắc diện của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, chúng tôi nhận thấy rằng Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu là một người thông minh, thông minh ngầm. Khôn ngoan, khôn ngoan ngầm là một con người chịu đựng, rất chịu đựng. Đứng trước một nghịch cảnh nào, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu vẫn bình tĩnh.

Người như vậy mới có thể làm ra những việc lớn lao và được như vậy, ông nhờ một phần ở tài ba và một phần ở đức độ, ngôi mộ tam đại, tứ đại, nhờ đức phụ mẫu mới nảy sinh ra được ngày Tý, tháng Tý, năm Tý, giờ Tý. Năm 1972, năm Nhâm Tý mạng tang đồ mộc. Còn Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu là Giáp Tý, mạng Kim thì luận luôn theo sách vở nói rằng mọi người đản ông nào tới năm Nhâm Tý mà mạng mình tuổi Tý, thì có hơi xấu. Vì thế chúng tôi nhận thấy rằng có một bốn phận phải nói lên Tổng Thống làm sao tạo phúc đức cho nhiều.

NDMB: Xin Giáo sư Minh Nguyệt cho biết ý kiến về số mạng của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu?

G.S. Minh Nguyệt: Tôi cũng đồng ý với giáo sư Huỳnh Liên.

NDMB: Còn giáo sư Khánh Sơn?

G.S. Khánh Sơn: Theo tôi thì Tổng Thống có bốn chữ Tý là tứ đắc năm nay là năm tuổi của Tổng Thống nhưng tứ đắc bao nhiêu hung tinh sẽ đổi thành quý tinh hết. Tuy nhiên năm tuổi thì Tổng Thống thế nào cũng có chuyện buồn trong mùa thu, mùa hạ nhưng vận mệnh của Tổng Thống thì vẫn vững.

NDMB: Thưa Giáo sư Khánh Sơn, còn Phu nhân Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu như thế nào?

.../

G.S. Khánh Sơn: Trước kia nói về phu nhân Tổng Thống, tôi có mấy câu kệ đó xin dâng lên Tổng Thống để dân chúng có thể gửi vào Ngài:

Tu đức tu nhân đức ở đời
 Tự dung khách quý đến tìm chơi
 Ngồi cao càng phải tu tâm đức
 Được phúc mà sao sạch họa rồi.

Còn riêng về Tổng Thống phu nhân thì chúng tôi cũng chỉ thấy hình tướng chứ không biết được ngày sanh tháng đẻ. Nhưng theo diện tướng của phu nhân Tổng Thống thì diện tướng vượng phu ích tử. Nhờ thế mà chồng con được công thành danh toại, gia đình, Tổng Thống được vui vẻ.

NDMB: Giáo sư Minh Nguyệt thấy phu nhân Tổng Thống như thế nào?

G.S. Minh Nguyệt: Tôi cũng đồng ý như Giáo sư Khánh Sơn.

NDMB: Chiêm tinh gia Huỳnh Liên?

G.S. Huỳnh Liên: Tôi thì cũng chỉ thấy hình của Phu nhân Tổng Thống và tôi cũng rất mừng cho Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu có một bà vợ cốt cách phong lưu. Và tướng của Phu nhân Tổng Thống có tướng vượng phu ích tử. Bởi vậy cho nên sự nghiệp của Tổng Thống ngày nay thành công, một phần cũng nhờ nơi tướng của phu nhân Tổng Thống.

NDMB: Thưa Chiêm tinh gia Huỳnh Liên, còn Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm, xin ông đoán về vận mạng của Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm trong năm 1972?

G.S. Huỳnh Liên: Nhìn qua khuôn mặt của Thủ Tướng, tôi thấy Thủ Tướng có một khuôn mặt trâm ngâm, một tâm hồn bao hoa phong nhã. Nhưng tiếc rằng nhìn qua cái tướng chỉ biết đại cương, còn biết được chi tiết thì ít nhất cũng phải biết ngày sanh tháng đẻ. Tôi nhận thấy sắc diện của Thủ Tướng, năm 1972 Thủ Tướng có một cái gì thấy đổi.

.../

NDMB: Giáo sư Minh Nguyệt cho biết ý kiến?

G.S. Minh Nguyệt: Tôi không có ý kiến.

NDMB: Còn Giáo sư Khánh Sơn?

G.S. Khánh Sơn: Tôi nhận thấy Thủ Tướng có tướng rất đẹp gọi là nhân tướng hay quý tướng, tướng của Thủ Tướng trung niên hơi vát vát, lao đao lặn đạn nhưng hậu vận thì tốt lắm.

NDMB: Nói về kinh tế thì chúng ta cũng phải xem người điều khiển kinh tế như thế nào, xin giáo sư Khánh Sơn nói về vận mạng của Tổng Trưởng Phạm Kim Ngọc.

G.S. Khánh Sơn: Xem tướng của ông trong sách gọi là tướng con thần lặn. Thần lặn mà nếu kêu lên có nhiều người buồn lắm mà cũng có nhiều người vui thích phải đợi nghe con thần lặn kêu lên mới thấy vui tai. Ông thông minh, làm việc rất nhiều. Nơi trăn lúc nào cũng có nếp nhăn, thượng đỉnh lúc nào cũng suy nghĩ mà ông ở trong tịa vị như là nòng dậu dưới quyền năm, bảy mẹ chồng thành ra nhiều lúc chắc ông cũng khổ tâm lắm.

NDMB: Thưa Giáo sư Huỳnh Liên, một khán thỉnh giả tên là Nguyễn Hữu Xuân ở 115/5 Cư xá Trương Minh Giảng gửi thư cho biết ngày sanh của chồng sanh năm Tân Dậu và vợ sanh năm Tân Mùi, xin cho biết tài lộc công danh và con cái trong năm 1972, xin giáo sư Huỳnh Liên đặc biệt đoán dùm.

G.S. Huỳnh Liên: Theo sách nói rằng sanh ngày 27.8 năm Tân Dậu là ông chồng mạng mộc còn bà vợ sanh năm Tân Mùi, hai tuổi này có thể nói rằng cuộc đời của ông này phải qua vạn đồng vì hai tuổi này vượt qua tới năm bà này 44 tuổi trở lên thì hai tuổi này khá lắm. Bà Tân Mùi này là một bà vợ thông minh, một bà vợ gọi là vượng phu ích tử nhưng trên đường đời

.../

tuổi Tân Dậu thường trải qua những tháng trầm. Năm tới này sẽ chịu hơn năm cũ. Vì vậy tôi báo cho ông bà hay rằng năm tới, tháng 2, tháng 5, tháng 8 và tháng 11 hãy cẩn thận một chút. Nhất là ngày Mồng Một Tết này bà có ti đầu thì đi còn ông thì ngày Mồng Một Tết không nên xuất hành vì ngày ấy hơi khắc với tuổi ông.

NDMB: Nói về đầu năm xuất hành hay không hoặc nếu thấy con này con kia có hôn hay không, xin Giáo sư Minh Nguyệt nói tổng quát về đầu năm chúng ta phải làm gì, phải kiêng cử những gì để cả năm vui vẻ, con cái được mạnh giỏi.

G.S. Minh Nguyệt: Mỗi năm Xuân đến đồng bào ta quan niệm phải lựa ngày xuất hành. Năm nay ngày 4 và 7 là hai ngày xuất hành, khai trương cho một dân tộc nói chung, còn nói riêng thì tùy theo hoàn cảnh mỗi người tìm đến một nhà chiêm tinh để xem riêng.

Mỗi năm có một hiện tượng cũng như từ xưa đến nay, cứ đến 12 giờ 1 phút bước qua năm mới thì ở một làng người ta thường thức để nghe xem con gì kêu. Ví dụ năm đó gặp con gà gáy thì năm đó vui vẻ, con chuột kêu thì năm đó có lúa.

Còn nói việc bói tuồng hát thì người ta thường ở nhà đi thẳng tới rạp hát để bói. Nếu gặp người để tang trong tuồng hát thì gia đình có người chết. Nếu gặp ông vua thành hành thì năm đó vui vẻ, làm ăn khá...

NDMB: Xin Chiêm tinh gia Huỳnh Liên cho biết về những hiện tượng đầu năm mà chúng ta có thể đoán cho năm 1972?

G.S. Huỳnh Liên: Hiện tượng đầu năm trong lúc này khó nói quá. Hồi xưa, ông bà chúng ta thường căn cứ vào những hiện tượng đầu năm để đoán chuyện này chuyện kia, nhưng mà năm nay là năm rộn rịp trong châu thành ồn ào quá nên muốn nói rằng hiện tượng cho năm tới thì chưa thể biết được. Bởi vậy phải chờ khi nào đất nước thanh bình thì những hiện tượng đó mới chân thành.

.../

NDMB: Xin Giáo sư Minh Nguyệt cho biết ý kiến?

G.S. Minh Nguyệt: Năm Nhâm Tý có nhiều hiện tượng tốt đẹp chung cho dân tộc. Năm nay không gặp thiên tai, bão tố nữa. Năm nay có nhiều hiện tượng tốt, tôi thấy như vậy.

NDMB: Xin Giáo sư Khánh Sơn cho biết những hiện tượng đầu năm?

G.S. Khánh Sơn: Theo ý tôi, những hiện tượng mà chúng tôi đã thấy ví dụ trảo Ngô Đình Diệm thì có mặt trời quay, trảo Thủ Tướng Nguyễn Khánh thì có sao chổi, xa hơn nữa là thời Khôn Tử thì có kỳ lân xuống thế nên thái bình, dân chúng làm ăn vui vẻ. Nhưng năm nay chúng tôi chưa thấy hiện tượng gì, mà đợi có kỳ lân chỉ chắc có kỳ lân... Chợ Lớn...

NDMB: Thưa Giáo Sư Khánh Sơn, chúng tôi có biết ông có biệt tài về ngâm thơ xin ông ngâm một bài thơ để mừng Tết cho khán thính giả của Người Dân Muốn Biết thưởng thức.

G.S. Khánh Sơn: Chúng tôi xin hiến quý khán thính giả một bài "Xuân Hy Vọng".

Xuân đi Xuân lại đã bao lần
 Máy chục năm rồi lại thấy Xuân
 Cánh cửa hòa bình như hé mở
 Cuộc cờ chinh chiến sắp tan dần
 Mong ngày hội ngộ tỉnh Nam-Bắc
 Bỏ lúc phân tranh cạnh Sở-Tần
 Hy vọng biết bao người ngóng đợi
 Reo mừng tiếng pháo đón mùa Xuân...

PHÒNG VẤN BÁC SĨ HOÀNG MỘNG LƯƠNG

VỀ KHOA CHÂM CỨU

Phát Hình Ngày 25.2.1972

Bác Sĩ HOÀNG MỘNG LƯƠNG, 73 tuổi, sinh tại Huế. Bác sĩ Lương là một lão Y Sĩ Tây Y đã phục vụ tại các bệnh viện Trung phần trên 30 năm, nguyên là Giám Đốc Bệnh viện Trung ương Huế, Chuyên khoa đông y châm cứu trị liệu, đã đăng các bài khảo cứu về đông y trong các tập san Tây y ở bên Pháp, đã thuyết trình về đông y tại giảng đường Thú Y Khoa, giảng đường bệnh viện Từ Dũ, thỉnh giảng trường Quốc Gia Âm Nhạc dưới sự bảo trợ của Asia Foundation và tại Pháp Văn Đồng Minh Hội.

Bác sĩ Lương là cố vấn cho hội Việt Nam Đông Y Sĩ toàn quốc.

NDMB: Xin Bác sĩ định nghĩa danh từ châm cứu, xuất xứ của châm cứu và châm cứu có tự bao giờ, do ai phát minh?

B.S. Hoàng Mộng Lương: Châm là để kim vô da thịt, không có thuốc, để chữa bệnh. Cứu là lấy lửa đốt một điểm vào đó trên da thịt để chữa bệnh.

.../

Trong chữ Hán, chữ châm có chữ kim và chữ thập, nghĩa là có 10 loại kim. Chữ cứu có chữ cứu và chữ hỏa có nghĩa là dùng phép cứu để chữa những bệnh lâu năm. Chữ hỏa trong chữ cứu có nghĩa là nóng chứ không phải là lửa. Thời thượng cổ, dùng kim bằng đá, sau đó dùng kim bằng gang rồi dùng kim bằng xương. Sau này khi tìm ra được kim khí, người ta dùng kim bằng sắt.

Cách đây 600 năm, người Nhật Bản chế ra kim vàng và kim bạc. Trở lại, trong Đông Y có hai phương pháp trị bệnh bằng thủ thuật, mà thủ thuật có châm cứu đúng đầu. Khoa đông y phát hiện tại Trung Quốc được gần 5.000 năm rồi và người phát minh là Hoàng Đế.

Tôi xin giới thiệu những cuốn sách về khoa châm cứu. Đó là cuốn Nội Kinh của người Tàu do một Đông Y Sĩ Việt Nam dịch ra từ năm 1953. Một quyển Nội Kinh nữa do người Pháp dịch ra từ năm 1957. Một quyển khác do ông Đông Y Sĩ Nguyễn Đông Di dịch sắp xuất bản.

Còn một cuốn khác xuất xứ từ Kinh Dịch, mẹ đẻ của văn hóa nước Tàu. Trong Kinh Dịch có Nho, Y, Lý, Bốc.

NDMB: Trước khi trở về khoa châm cứu, chúng tôi xin hỏi một câu tổng quát về Đông Y và Tây Y. Xin Bác sĩ cho biết Đông Y và Tây Y khác nhau ở chỗ nào?

B.S. Hoàng Mộng Lương: Đông Y chủ trương khí hóa, lập trường khí hóa ở trên âm dương và ngũ hành. Lập trường Tây Y và vật hóa, nghĩa là cái gì thấy rồi làm thí nghiệm rồi mới kết luận. Họ dựa theo những khoa lý học, hóa học, lý hóa học, còn đông y chỉ dựa trên khí hóa mà thôi.

Chủ trương của Đông y là âm dương và ngũ hành. Quan niệm của người Tàu ở vũ trụ cái gì cũng do âm dương cả. Âm dương sinh ra con người và trong vũ trụ trời là dương, đất là âm. Giống đực là dương, và giống cái là âm. Họ chủ trương rằng con người có khí dương và khí âm. Hai khí này không chống nhau mà bù trừ lẫn nhau. Khi hai khí này không hỗ trợ nhau nữa thì sinh bệnh.

Còn lục phủ ngũ tạng thì tý là âm, vị là dương. Đại trường là dương, phế là âm... âm dương luôn luôn đi với nhau và hỗ trợ lẫn nhau. Trong âm có 5 hành kim, mộc, thủy, hỏa, thổ mà trong dương cũng có 5 hành hỗ trợ lẫn nhau. Khi nó không hỗ trợ mà nghịch nhau thì sinh bệnh.

Nhưng ở trong con người không có cái gì hoàn toàn là âm, không có gì hoàn toàn là dương cả. Con người ta cũng vậy, ví dụ tôi là dương nhưng trong cái dương cũng có cái âm nữa. Cho nên nói về âm dương thì không tuyệt đối. Tánh khí người ta cũng vậy người có dương nhưng có khi có nhiều âm thì họ có tính khí đàn bà.

Trong con người có đường vận khí lớn là 12 kinh. Có đường vận khí nhỏ nữa. Con người ta sống nhờ âm dương phát hiện ở ngoài da là đường lớn và đường nhỏ là đốc mạch và nhâm mạch.

Người ta có nhiều kinh. Kinh ít huyết nhất là 9 huyết. Kinh nhiều huyết nhất có 76 huyết mà trên con người có 14 kinh. Theo sách thì có 365 huyết, sự thật đến bây giờ người ta đã tìm ra tới 500 huyết. Mỗi một thời kỳ người ta tìm ra được huyết mới.

NDMB: Như vậy rồi làm sao bác sĩ biết lựa huyết nào để châm cứu?

B.S. Hoàng Mộng Lương: Trước khi lựa điểm thì phải biết về y lý và bệnh lý, lại biết khám bệnh theo Đông Y và phải biết bệnh đó thuộc về tam tạng hay phối để mà lựa huyết. Nhưng theo sự chẩn đoán của người Tàu, ví dụ đau phổi thì phải hiểu bệnh nay vì lạnh hay vì nóng mà sinh ra. Bệnh ở ngoài hay ở trong, mau lành hay lâu lành. Vậy trước khi châm cứu phải biết rõ hàn hay nhiệt, hư hay thực rồi quan sát người bệnh, xong mới kết luận và chữa trị.

Trường hợp khí ở phổi đầy quá, phải cho nó qua bên dạ trường. Bởi vậy mới tìm huyết ở bên dạ trường mà chích. Ví dụ trên sông Mekong và sông Saigon có một con sông nhỏ chạy ngang. Khi nào sông Mekong đầy quá thì dẫn nước trên đường ngang cho nước qua sông Saigon. Đó là một cách chữa. Khi dạ trường đầy phải cho ra ngoài, nghĩa là cho đi đại tiện.

Còn cách khác là khi phổi đầy quá thì phải tìm huyết phổi để làm cho tan đi. Thành ra một bệnh có ba cách chữa châm cứu. Cách thứ nhất gọi là cách chữa theo hệ thống vợ chồng. Cách thứ hai là cách chữa theo hệ thống mẹ con. Ví dụ phổi hư thì phải tìm huyết ở nơi tử mà chích. Khi phổi đầy thì chích cho con nó là bằng quang. Điều này không sai với Tây Y. Vì Tây Y khi bị sưng phổi bác sĩ cho thuốc đi tiểu. Đông Y không cho uống thuốc đi tiểu thì chích ở bằng quang cũng vậy. Đông Tây gặp nhau ở chỗ đó.

Cách thứ ba là hệ thống khách chủ. Ví dụ người bệnh đau phổi thì người Đông Y phải biết phổi một bên đau thì phải chích cho một huyết đối diện. Một bên đau là chủ và bên kia là khách. Vậy khi đau bên tay mặt thì tháo bên tay trái hoặc ngược lại.

Nhưng làm thế nào để biết bên nào đau. Chúng tôi phối hợp giữa Tây Y với Đông Y bằng cách cho bệnh nhân đi chụp phổi, đi thử máu còn những ông Đông Y giỏi về mạch pháp thì khỏi chụp các ông ấy cũng biết được.

Tóm lại lối chữa bệnh của Đông Y là khi nào cũng khi hóa cả.

NDMB: Xin Bác sĩ cho thấy những kiểu kim mà Bác sĩ đang dùng.

B.S. Hoàng Mộng Lương: Chúng tôi hiện dùng ba loại kim là kim Tàu, kim Tây và kim Nhật Bản. Sở dĩ chúng tôi dùng ba loại kim là dành cho những người cảm giác nhiều hay cảm giác ít. Có người dùng kim nhỏ không thấm thì phải dùng kim lớn.

Đời xưa thì người ta dùng kim có khác; gọi là cứu châm. Kim đời xưa bây giờ ít dùng.

NDMB: Chúng tôi thấy những kim rất nhỏ như sợi tóc. Thưa Bác sĩ, tại sao có những kim màu vàng, màu trắng?

B.S. Hoàng Mộng Lương: Kim màu vàng là ở bên Nhật Bản cho ra cách đây 600 năm rồi. Họ nói màu vàng chích vô có tính

cách bổ. Khi cần bổ thì dùng kim vàng cho huyết bổ. Khi ta thì dùng huyết tả. Chúng tôi có hai loại kim vàng và kim bạc. Nhưng kim của chúng tôi sau khi chùi rửa cho sạch rồi bỏ vào ống và sử dụng. Hiện giờ người ta cũng cho điện trên đầu kim. Điện có hai thứ là điện âm và điện dương. Điện này người Pháp mới chế ra từ năm 1925. Bây giờ ở Nhật Bản cũng dùng điện nhiều lắm.

NDMB: Vậy phải châm vô sâu chừng bao nhiêu?

B.S. Hoàng Mộng Lương: Đâm trên da thừ từ 2 ly đến 8 ly. Hai ly tức là châm để bổ, còn 8 ly tức là châm để bớt đau, để tả khí.

Có hai hạng thầy thuốc dùng kim. Một hạng dùng kim sắt, bổ tả gì cũng dùng lối kim đó. Còn có hạng dùng nhiều kim như kim vàng kim bạc. Kim vàng dùng trong trường hợp bổ. Khi tả dùng kim bạc. Còn người dùng một loại kim tả, bổ khác nhau. Tả châm sâu. Bổ thì châm ít.

NDMB: Khi châm có đau không?

B.S. Hoàng Mộng Lương: Phần nhiều châm không đau vì khi châm thường đập ở chỗ đau cho khí tụ lại. Như có một số ít người, như người đàn bà Pháp chịu đau dữ lắm; vì chưa châm mà đã kêu đau rồi.

NDMB: Xin Bác sĩ cho xem vài cách châm cứu của Bác sĩ.

B.S. Hoàng Mộng Lương: Vâng, tôi có một người bệnh luôn luôn bị đau đầu nên hôm nay tôi có mời cô ta tới để châm cứu cho quý vị coi. Trước khi châm cứu, tôi đã khám bệnh rất kỹ lưỡng...

Trong sách Tàu, thường xen văn chương vào trong khoa học. Cách mà để cây kim họ có những câu thơ như:

Bạch hổ diệu đầu
Thanh long bài vĩ
Kim phụng tâm nguyên
Đơn quy phá nguyệt...

Cách này vừa vui vừa dễ nhớ. Những kim châm cứu không nên để lâu mà chỉ nên để từ 3 tới 6 phút thì lấy ra.

NDMB: Thưa Bác sĩ, cạo gió và lễ để nặn máu có phải là châm cứu không?

B.S. Hoàng Mộng Lương: Trong phép chữa bệnh của Đông y có hai cách là cho thuốc và thủ thuật, trong đó đúng đầu là châm cứu. Dĩ nhiên trong thủ thuật cạo gió là một cách châm cứu của giới bình dân. Phần nhiều đồng bào lao động không có tiền và thời giờ đi châm cứu họ có thể cạo gió.

Tôi nhớ khi ở Huế có một Ông Thủ Dãn chuyên mổ, lễ cho con nít hay lắm. Lúc bấy giờ thành phố Huế thiết quân luật, nên không ai đi đâu được, dân trong thành nội Huế vẫn nhờ tới Ông Thủ Dãn và Ông ta đã giúp cho đồng bào rất nhiều bằng phương pháp lễ.

NDMB: Thưa Bác sĩ, châm cứu đâu phải là một khoa để có thể hết mọi bệnh, chắc cũng có những bệnh mà châm cứu không thể chữa được.

B.S. Hoàng Mộng Lương: Dùng vậy châm cứu chỉ trị được những bệnh đau ở về phần khí. Có những bệnh ban đầu mới phát thì ở phần khí, nếu những ngày đầu đó mà châm cứu ngay thì mau lành nhưng để sau thì bệnh đó đã biến chứng mà không còn thuộc phần khí nữa.

Trong khi chữa bệnh, chúng tôi cũng dùng tới những phương pháp của Tây Y. Ví dụ, chúng tôi gặp một người sút môi thì chúng tôi có thể nhờ đưa người ấy đi nhà thương để vá môi lại chỗ không thể dùng châm cứu mà làm cho lành được. Tóm lại những người bệnh nào đáng giải phẫu thì cho giải phẫu. Bệnh nào đáng cho trụ sanh chúng tôi cho trụ sanh. Nhưng chữa cùng với khoa châm cứu, thường chúng tôi cho trụ sanh ít hơn. Chẳng hạn như nếu làm thuốc tây thuần túy chúng tôi có thể cho tới bốn ngày trụ sanh nhưng làm châm cứu thì chúng tôi chỉ có hai ngày mà thôi. Như vậy, dù chữa cho đồng y nhưng vẫn không ngoài tinh thần Tây Y.

NDMB: Xin bác sĩ cho biết nguyện vọng của bác sĩ ?

B.S. Hoàng Mộng Lương: Nguyện vọng của tôi đã nuôi trong tâm khảm từ lâu rồi là ước ao rằng Việt Nam phải có một nền Việt Y. Nền Việt Y này sẽ dùng những cái hay, cái sở trường của Đông Y và sở trường của Tây Y.

Tôi ước ao Đông Y Sĩ Việt Nam nên tìm hiểu tây y, nhất là Đông Y Sĩ nên tìm học để cấp cứu những trường hợp ra máu nhiều như gãy một người gãy tay, gãy chân thì Đông Y Sĩ có thể giúp bệnh nhân được.

Tôi cũng ao ước những kinh nghiệm chung sẽ giúp có thể tạo lập được một nền Việt Y để ước chúng ta trong 50 năm nữa hoặc 100 năm nữa có một nền y học có ích lợi cho quốc gia và ích lợi cho thế giới.

TRƯỜNG LUẬT SAIGON

Phát Hình Ngày 3.3.1972

Giáo Sư TANG KIM DÔNG, 42 tuổi sanh tại Long Xuyên. Tiến sĩ Công Pháp, Cao Học Kinh Tế Chánh Trị, Cao Học Phát Triển Xã Hội Đại Học Ba Lê, nguyên Tổng Trưởng Văn Hóa Giáo Dục của chánh phủ đầu tiên đệ nhị Cộng Hòa, nguyên Khoa Trưởng Đại Học Luật Khoa và Khoa Học Xã Hội của Đại Học Cần Thơ, hiện là hội viên Hội Đồng Kinh Tế Xã Hội và giáo sư Công Pháp tại Đại Học Luật Khoa Saigon.

NDMB: Thưa giáo sư, tại sao ta nên biết luật, và biết luật có lợi cho quốc gia không?

G.S. Tang Kim Đông: Luật pháp là một vấn đề quan trọng vì luật pháp chi phối sự sinh hoạt pháp lý của con người trong một xã hội có tổ chức. Mọi công dân không những nên biết luật mà còn cần biết luật pháp. Luật pháp trước hết giúp cho người công dân hiểu được quyền lợi của mình và bổn phận của mình.

Do đó người ta quan niệm rằng không ai có thể nói rằng mình không biết luật để yêu cầu không có trách nhiệm về sự phạm pháp. Biết luật là cần thiết cho bản thân cũng như cho cộng đồng. Sự hiểu biết luật pháp của người dân cũng giúp vào trong công cuộc cải thiện xã hội và cải tạo những sơ xuất trong một quốc gia.

.../

Nếu trong quốc gia có nhiều công dân biết luật pháp sẽ giúp nhà cầm quyền dễ thông đạt tư tưởng tới người dân. Chúng tôi thiết tưởng biết luật pháp là điều cần thiết.

NDMB: Chương trình và tinh thần học luật có phù hợp với thực tế không, nhất là phù hợp với tình trạng hiện nay của nước nhà không?

G.S. Tăng Kim Đông: Chương trình học luật được chia ra làm hai phần: ban cử nhân và ban cao học. Ban cử nhân gồm nhiều môn tổng quát và chia ra bốn năm học, có ba ngành riêng biệt, ngành dân luật, công pháp và kinh tế. Trong hai năm đầu học chung chương trình đến năm thứ 3 sinh viên chọn dân luật công luật hoặc kinh tế.

Ban cao học đi theo ba ngành đã chọn trước. Mỗi năm học một chứng chỉ và nếu đỗ thì học một chứng chỉ thứ hai gọi tắt là cao học 1 và cao học 2. Sau đó, sinh viên sẽ sưu tầm và sáng tác để trình luận án và sau khi được chấp nhận thì sinh viên đó được nhìn nhận là tiến sĩ của môn học của mình.

Đó là chương trình tổng quát. Còn tinh thần học, trước hết tìm hiểu luật pháp hiện tại, tức là luật pháp được áp dụng trên lãnh thổ quốc gia và so chiếu luật pháp quốc gia với luật các quốc gia khác. Đi xa hơn, tinh thần học luật là tìm hiểu chân lý của luật pháp để đi đến công lý lẽ phải, sự công bằng xã hội. Do đó, vấn đề học luật không phải ở trong phạm vi chật hẹp là để hiểu biết luật thực tại mà thôi, mà điều mong ước của các luật gia là làm thế nào hướng dẫn đại chúng đi đến sự công bằng xã hội. Vì luật pháp là sản phẩm của con người. Ở đây luật pháp là sản phẩm của những nhà lập pháp, do đó phải thích ứng với xã hội.

NDMB: Giáo sư có đề nghị gì để chương trình và tinh thần học luật được phù hợp với thực trạng hiện giờ không?

G.S. Tăng Kim Đông: Với tình trạng hiện tại, luật pháp cũng rất thích hợp với đời sống. Tuy nhiên có người cho rằng luật pháp không được hoàn toàn với đời sống bởi lẽ có người am

tường luật pháp, biến đổi luật pháp để tránh né bốn phận của mình và do đó nhiều khi người biết luật lại ít tôn trọng luật pháp. Nhưng những trường hợp đó là trường hợp đặc biệt do nơi ý muốn của cá nhân đó chớ không phải luật pháp không thiết thực hay không sát với đời sống. Trái lại trong khung cảnh luật pháp người ta đặt con người dưới nghĩa vụ đối với cộng đồng và nghĩa vụ đó giảm bớt quyền lợi riêng tư của mình để phục vụ cộng đồng.

NDMB: Hòa bình gần như là lối dạng thực trạng chiến tranh sẽ không còn nữa, ta cũng phải nghĩ tới việc xây dựng đất nước. Ta cần phải có những gì để hợp với thực trạng tương lai của đất nước ?

G.S. Tăng Kim Đông: Việc hòa bình lối dạng là điều ai cũng mong ước, hòa bình sớm đến với đất nước ngày nào bốn phận công dân trong công cuộc kiến quốc càng nhiều chừng ấy. Và luật pháp cũng phải đóng góp một vai trò quan trọng.

Khi hòa bình trở lại vấn đề chính là vấn đề cải tạo xã hội. Do đó chúng tôi cũng mong rằng quý vị lập pháp sẽ đưa ra những đạo luật thích hợp với ngày nay vì đa số những luật pháp hiện được áp dụng là những luật đã quá cũ và không còn thích ứng nữa. Khi hòa bình trở lại, việc đặt lại những luật pháp mới, tôi tưởng là hết sức quan trọng. Tôi tin rằng những bộ luật trong tương lai sẽ giúp đỡ rất nhiều cho nền hành chính quốc gia và đặt nặng tinh thần dân tộc mà hiện giờ vì chiến tranh, vì xáo trộn mắt người bạn đến.

NDMB: Giáo sư có thể cho một vài ví dụ những bộ luật có nhiều sơ hở hoặc không thích hợp ?

G.S. Tăng Kim Đông: Chúng ta đang áp dụng những bộ luật của thời Pháp thuộc để lại và những bộ luật của chúng ta dưới thời Pháp thuộc có nhiều sơ hở lắm. Sự việc này quý vị luật gia đều biết. Chúng tôi hy vọng những luật đó sẽ được nghiên cứu lại. Hiện tại chúng tôi biết đã có những dự thảo về những bộ luật này đầy đủ rồi, chỉ còn đợi Quốc hội xét lại và chấp nhận.

Những bộ luật đó sẽ thích ứng với tình thế đất nước.

NDMB: Thưa giáo sư, đó là những câu hỏi tổng quát về luật. Bây giờ chúng tôi xin đi vào chi tiết, nhất là về trường Luật Saigon. Chúng tôi nhận thấy số sinh viên học luật càng ngày càng đông đảo hơn, có phải là người Việt Nam thích hiểu biết về luật không?

G.S. Tăng Kim Đông: Đúng vậy, số sinh viên ngày nay của trường Luật Saigon mỗi năm tăng gia rất nhiều. Sự tăng gia đó có nhiều lý do. Lý do đầu tiên là số sinh viên thi đậu Tú Tài II mỗi ngày mỗi nhiều, số sinh viên vào đại học tăng gia. Lý do thứ hai là trong khi các phân khoa khác có tổ chức thi tuyển vào năm thứ nhất đại học, hai trường Văn Khoa và Luật Khoa không tổ chức thi tuyển với mục đích thu hút nhiều sinh viên để mọi người đều có chỗ học. Lý do nữa là có người lớn tuổi, công chức, quân nhân cần biết thêm về luật pháp cũng chịu khó đến trường luật. Ngoài ra có một vài vị học giả nhận xét luật pháp cũng như là một ngành của triết học, một triết học sát với đời sống. Tôi nói triết học, vì ở đây luật pháp là một sản phẩm của con người nên có nhiều người lớn tuổi muốn bổ túc thêm sự hiểu biết của mình nên nghiên cứu thêm về luật pháp.

Đó là những lý do mà trường luật thụ nhận rất đông sinh viên. Nhiều đến nỗi trường luật không có đủ phương tiện để đáp ứng nhu cầu của sinh viên.

NDMB: Đúng vậy, vì chúng tôi có dịp đi viếng thăm trường luật thì chúng tôi thấy số sinh viên quá đông đảo đến nỗi đa số phải ngồi học ở ngoài trời. Cực khổ nhất là những buổi trưa nắng và chúng tôi không biết đến mùa mưa sẽ như thế nào. Giáo sư có ý kiến gì để cho sinh viên có chỗ để học hành không?

G.S. Tăng Kim Đông: Trường Luật trước kia là một trường mẫu giáo hồi thời Pháp thuộc, sau đó được giao hoàn cho chính phủ ta và được đặt cơ sở cho trường luật. Sau này cơ sở trở thành quá nhỏ đối với sinh viên ngày một gia tăng. Trong hiện tại trường Luật không thể đáp ứng nổi nhu cầu. Trong những buổi sáng sớm và cả ngày, sinh viên ở mọi chỗ trong trường. Giảng đường quá chật hẹp, cho nên vấn đề này đối với quý vị giáo sư

trong hội đồng khoa là một thắc mắc trọng hệ. Sự việc này ngoài khả năng trường Luật. Trường Luật đã yêu cầu Bộ Giáo Dục để xin giúp đỡ. Bộ Giáo Dục cũng đã thiết tâm giúp đỡ rất nhiều. Gần đây Bộ Giáo Dục cũng đã hứa sẽ cố gắng cho mượn rạp Thống Nhất và cho mượn Trung Tâm Sinh Hoạt Thanh Niên và sau này, nếu có thể, cũng cho mượn phòng thể dục lớn ở sân vận động Phan Đình Phùng. Nếu được thêm những cơ sở đó thì có thể tạm biến thành những giảng đường rộng lớn để có thể thu nhận được tất cả những anh chị em sinh viên.

Nhưng vấn đề quan hệ là dù cho có giảng đường rộng rãi cũng thiếu giáo sư. Bởi lẽ một vị giáo sư giảng dạy cho hàng ngàn người nghe, có thể lên tới 4, 5 ngàn người thì đó là thuyết trình chứ không thể giải đáp thắc mắc của sinh viên được.

Đây là một vấn đề có tầm quan trọng vượt hẳn ra ngoài thẩm quyền của Hội đồng Khoa.

NDMB: Tại sao chúng ta không thể lập thành nhiều ban hơn. Hiện giờ trường luật có ban A và ban B, vậy sao không chia thêm ban C, ban D thì giảng đường cũng có thể chứa được một phần nào?

G.S. Tăng Kim Đông: Ý kiến này rất xác thực, nhưng vấn đề khó khăn là vấn đề thiếu giáo sư. Có thể chia ra làm nhiều ban nhưng không có người đảm nhận, thành ra vấn đề cũng trở lại là giáo sư ít, sinh viên đông nên không giải quyết được. Không riêng gì trường Đại học Luật khoa mà chung cho cả các phân khoa khác cũng thiếu giáo sư. Bây giờ giáo sư đại học thiếu rất nhiều. Một ngày nào chúng ta có đủ giáo sư thì chúng tôi tin rằng chúng ta có thể giải quyết được tất cả những vấn đề liên hệ. Bởi vì giáo sư nhiều, sẽ phân phối mỗi người đảm nhiệm một môn, trong một môn sẽ chia ra làm nhiều vị đảm trách thì số sinh viên sẽ giảm xuống bởi sự phân chia đó.

Việc thiếu giáo sư có nhiều lý do. Trước hết là công việc của những luật gia cũng đã nhiều, sau nữa là ngành giáo huấn của chúng ta hiện tại cũng chưa được đãi ngộ xứng đáng. Đãi ngộ đây không có nghĩa là ý nghĩa tinh thần nữa. Ở những quốc gia tân tiến khác, người ta rất đãi ngộ quý vị giáo sư, nhất

là quý vị giáo sư ở bậc đại học. Ở nước ta nhân lực thiếu cho nên ảnh hưởng mạnh đến ngành giáo huấn.

NDMB: Nói về sách giáo khoa các giáo sư hiện giờ viết bài và in bài để bán cho sinh viên. Như vậy giáo sư, mỗi môn đều có một lợi tức. Theo giáo sư, những giáo sư đại học có nên xuất bản những bài học để bán không?

G.S. Tăng Kim Đông: Sách giáo khoa là một vấn đề cần thiết cho sinh viên. Do đó tôi thấy nên khuyến khích quý vị giáo sư xuất bản những sáng tác của mình. Nhưng vấn đề này, có người cho rằng có nhiều vị giáo sư có nhiều lợi tức trong việc phân phối giảng văn hàng năm cho sinh viên. Thật ra, lợi tức đó chưa đủ đãi ngộ những vị chịu khó sáng tác như vậy vì thật ra, mỗi người chỉ đảm nhiệm có một hay vài môn học là nhiều. Mỗi môn học như vậy chỉ ra có một bộ sách. Muốn ra một bộ sách như vậy, công trình rất nhiều, công lao rất lớn nhưng quyển sách đem ra để phân phối lại với giá không cao lắm thành ra lợi tức hàng năm của những vị giáo sư không bao nhiêu. Tôi tưởng tối đa mỗi môn nhiều lắm là 500.000\$ mỗi năm. Người ngoài không hiểu, cho rằng việc bán sách đó đem đến những lợi tức to cho quý vị giảng dạy, tôi thấy việc đó không hoàn toàn đúng. Nếu có, thì có cho những người không phải là giáo sư lấy những sách đó đem in lại hay quay lại rồi bán cho sinh viên không có sự đồng ý của tác giả.

Gần đây cũng có những người ra những bài giảng nói rằng sẽ có những vị hướng dẫn cho để khuyến khích sinh viên mua những bài giảng đó để học cũng là việc không đúng vì không có giáo sư nào đứng ra dạy hàm thụ như vậy cả.

Nhưng may mắn là những vị giáo sư đưa những giảng văn của mình không có mục đích là bán giảng văn mà với mục đích giúp tài liệu cho sinh viên học tập mà thôi.

NDMB: Có lẽ là do micro hư, có lúc người ta nói rằng, giáo sư có ý làm cho micro hư để bán bài, có lúc người ta nói giáo sư cấm sinh viên đem máy ghi âm vô lớp để cho giáo sư để bán bài hơn là để sinh viên có thể thâu mà đem về nhà học lại? Xin Giáo sư cho biết ý kiến về vấn đề này?

G.S. Tăng Kim Đông: Nói micro hư, micro hư thường lắm, việc này ngoài ý muốn của giáo sư chứ không phải giáo sư muốn cho micro hư để bán sách giáo khoa. Nói tới vấn đề giáo sư cấm sinh viên thâu thanh đem về nghe thì việc này ngoài sự hiểu biết của chúng tôi. Chúng tôi không hiểu có cấm hay không mà chúng tôi cũng không để ý sinh viên thâu thanh hay không.

Quan niệm sai lầm vừa nói rất tai hại. Tai hại nhất là về phương diện tinh thần đối với các bậc giáo sư vì không phải trong thành phần giáo giới mà chúng tôi ca tụng quý vị giáo sư, mà chúng tôi thấy rằng trong hoàn cảnh đất nước hiện tại, những người chịu hy sinh đứng ra đảm nhiệm vai trò giảng dạy để ý đến thế hệ mai sau thì chúng ta phải đại ngộ tương xứng hơn nữa về phương diện tinh thần. Còn nói một cách hàm hồ thì chỉ là những nguồn dư luận vô căn cứ cho nên nếu quan niệm quý vị giáo sư có tâm lý như vậy thì đáng thương cho quý vị giáo sư. Vì quý vị đó đáng được kính trọng nhiều hơn, quý vị đó không khi nào chú ý tới những lợi tức thấp hèn. Còn việc dạy đó là một thiên chức tối cao mà chúng ta nên hành diện vì trong tình trạng đất nước như vậy, lương bổng như vậy, với sự đại ngộ như vậy mà vẫn tiếp tục làm việc rất hăng say, thành ra chúng tôi thừa rằng hầu hết những vị giáo sư đại học ngày nay là những người đang đóng góp tích cực cho tương lai đất nước vì giáo dục là động cơ phát triển xã hội mà ngày nào giáo dục đình trệ thì nguy hại vô cùng cho thế hệ mai sau.

NDMB: Nói như vậy thì chúng ta không nên tin những tin đồn về việc cần phải thông cảm Trần Hưng Đạo với giáo sư để được thi đậu phải không?

G.S. Tăng Kim Đông: Vấn đề đó tôi tin rằng ở Đại Học bây giờ chưa có bởi vì tôi có cái hạnh được giúp cho Bộ Giáo Dục tôi thấy rằng nền đại học của mình rất liêm khiết và trong sạch. Tôi tin rằng không bao giờ có việc đưa tiền để thi đậu và người giáo sư không khi nào bán rẻ lương tâm của mình như vậy. Nhất là những vị đó biết rõ hơn ai hết về vai trò của mình đối với tương lai của đất nước. Cũng có thể có những việc sơ hở nào đó, nhân dịp này, chúng tôi kêu gọi những ai có những bằng chứng xác thực nên đưa sự việc đó ra để lãnh mạnh hóa học đường và loại bỏ những phần tử bất xứng trong thành phần đại

học còn nếu nói hàm hồ thì rất dễ. Muốn nói gì phải có bằng cớ, minh thị đưa ra trước luật pháp và cơ quan có bốn phần truy tố đến cùng để lãnh mệnh hóa xá hội.

NDMB: Nói về vấn đề thiếu giáo sư, theo giáo sư chúng ta có thấy nên có những phương tiện nào hoặc cách nào kéo những giáo sư hiện ở Việt Nam đến trường luật để dạy hoặc kéo những giáo sư hiện giờ đã tốt nghiệp và đã dạy ở ngoại quốc về Việt Nam dạy?

G.S. Tăng Kim Đông: Vấn đề mời giáo sư ở ngoại quốc về Bộ Giáo Dục đã có chương trình từ lâu, nhưng sự về hay không còn tùy ý riêng của mỗi cá nhân. Có lẽ có nhiều yếu tố trong đó có những nhu cầu hết sức tâm thưng, ví dụ như bây giờ mời giáo sư ở ngoại quốc về mà Bộ Giáo Dục vẫn chưa có phương tiện để cấp chỉ một căn nhà tối thiểu để ở, phương tiện đi chuyên hoặc phương tiện làm việc. Nói một cách khác, là lương bổng chưa đủ để một giáo sư có thể đặc biệt nghiên cứu môn của mình để làm tròn nhiệm vụ. Do đó, dù với thiện chí của Bộ nhưng ngân sách không cho phép ngày nay giáo sư ở ngoại quốc chưa về đủ. Còn ở Việt Nam thì cũng có nhiều vị có thiện chí nhưng có lẽ đời sống bây giờ khó khăn, cần phải làm việc để có lợi tức mà ở Đại học không đem lợi tức khả quan để giúp các vị chuyên tâm dạy học.

Đây không phải là lỗi của ai mà là tình trạng chung của đất nước. Không riêng gì Bộ Giáo Dục thiếu ngân sách mà các Bộ khác cũng vậy. Và hơn ai hết, người công chức, quân nhân ngày nay là những người chịu đựng hơn ai hết trong tình trạng hiện tại. Chúng tôi mong ước khi chiến tranh chấm dứt, mọi việc sẽ bình thường hóa, chúng đó cái gì cũng sẽ từ từ sửa đổi.

NDMB: Chúng tôi thấy trường Luật cũng có cố gắng xây cất trường sở. Nhưng chúng tôi thấy mới cất có một chút thôi rồi bỏ dở. Như vậy sự xây cất đó không những không ích lợi bao nhiêu mà còn chiếm chỗ của sinh viên để học nữa. Xin giáo sư cho biết lý do tại sao cất như vậy rồi bỏ dở và trường Luật Saigon có kế hoạch xây cất lớn lao nào không?

G.S. Tăng Kim Đông: Trường Luật đã có dự định xây cất lại trường sở từ lâu. Bộ Giáo Dục cũng cung ứng tài nguyên xây cất. Nhưng theo nguyên tắc xây cất mỗi năm dự trù một ngân sách xây cất. Nếu số tiền đó không được sử dụng trọn vẹn thì số tiền đó trở về ngân sách quốc gia và năm sau phải xin lại. Cứ như vậy thành thử đến ngày nay không sử dụng được trọn vẹn số tiền là vì khi cấp ra một số tiền thì mời nhà thầu lại, nhà thầu xây cất nửa chừng vật giá lên, nhà thầu bỏ dở công việc.

Do đó nhận đây tôi nêu ra một việc là sự tự trị của đại học, nếu có thể, trong tình trạng hiện tại, Quốc hội cho phép các đại học được tự trị về tài chánh và có thể nữa cho phép thu một chút đỉnh học phí. Học phí này không cao nhưng có thể linh động miễn phí cho những sinh viên mà tình trạng kinh tế yếu kém. Với sự đóng góp của sinh viên, nhà trường sẽ phát triển dễ dàng hơn. Được vậy, nhiều vấn đề được giải quyết, phòng đọc sách sẽ dồi dào hơn...

NDMB: Nói về phòng đọc sách, chúng tôi nghĩ tới Thư viện của trường Luật. Chúng tôi thấy thư viện đó quá nhỏ, quá nghèo nàn không có bao nhiêu sách vở và những án lệ của các tòa án Việt Nam lại rất ít. Giáo sư có thấy chúng ta cải cách bằng cách nào để cho thư viện được dồi dào những tài liệu đó để sinh viên có thể tham khảo và học hỏi?

G.S. Tăng Kim Đông: Đúng vậy, trường Luật ở Saigon có một thư viện hết sức nhỏ bé. Chẳng những nhỏ bé về diện tích mà còn nhỏ bé về sách vở nữa. Nói cách khác là thiếu sách. Những sách có lại là những sách quá cũ mà luật pháp phải đi theo đà tiến bộ của xã hội. Nói cách khác là phải có những sách mới và phải cập nhật hóa hoài hoài. Có cập nhật hóa như vậy thì mới thích hợp được với sự tiến bộ. Chung quy cũng bởi vấn đề thiếu tiền. Thành ra đại học, nhất là trường Luật được tự trị về tài chánh thì ý kiến vừa trình bày có thể giúp cho trường bổ túc được ngân sách của trường để có thêm nhiều sách mở rộng thư viện. Trong hiện tại không những thiếu sách mà còn thiếu chỗ ngồi. Không những thiếu án lệ để đọc, để tham khảo mà còn thiếu luôn cả các phương tiện để làm việc nữa.

Vấn đề vừa nêu ra không phải chỉ riêng ở trường Luật mà các đại học khác cũng vậy. Học ở đại học mà không tham khảo sách là một thiếu sót lớn lao. Nếu sinh viên chỉ nghe giáo sư giảng thì học ở đại học còn dễ hơn học ở trung học nữa. Học ở đại học là cần ở sự đọc sách, nghiên cứu nữa.

Chúng tôi mong ước ngoài giờ học sinh viên phải có thi giờ thực tập đối thoại với các giáo sư hướng dẫn trong công cuộc học vấn. Còn học trong hiện tại có tính các hơi tạm thời.

NDMB: Giáo sư nói về thực tập chúng tôi xin hỏi ngay về thực tập: vậy hiện giờ không còn thực tập nữa phải không?

G.S. Tăng Kim Đông: Phải bây giờ không còn thực tập nữa. Lúc trước có thực tập nhưng vì thiếu giáo sư, thiếu nhân viên hành chánh, thiếu giảng đường nên không thể thực tập được. Đó là một điều đáng tiếc vì nếu không thực tập thì không khác gì học y khoa mà không vô đường đường. Nếu không thực tập thì chỉ học được những điều tổng quát mà thôi. Chẳng những thế ngay cả tổ chức thi cử cũng vậy, vấn đề thi cử bây giờ trong khi thi vấn đáp đã phải hỏi bằng bút vấn thì việc này cũng ngoài ý muốn của ban giảng huấn và là sự đau lòng cho các vị giáo sư.

NDMB: Thưa Giáo sư đây là câu hỏi chót, các sinh viên tốt nghiệp trường Luật, phần lớn, theo giáo sư, thì họ thường làm nghề gì?

G.S. Tăng Kim Đông: Vấn đề này hơi rộng rãi, vì luật khác với những ngành chuyên môn khác. Các ngành chuyên môn khác, khi mà một sinh viên đã chọn y khoa ra làm bác sĩ y khoa, học được thì làm được sĩ, học kiến trúc làm kiến trúc sư. Học luật có tính cách rộng rãi thành thử học luật có tính cách đa dạng. Người học luật có thể phục vụ bất cứ ngành nào trong xã hội. Người ta nói đùa là người học luật là người không chuyên môn một ngành nào hết nhưng lại có khả năng làm mọi việc có ý muốn nói người học luật có thể thích ứng trong hành chánh trong tư pháp, trong công kỹ nghệ cũng có thể thích ứng đối với các công ty tư. Vì khi học ở trường luật không phải chỉ đào tạo những chuyên viên làm một ngành mà thôi nên nó bao quát. Chúng ta thấy có những người học luật khi ra khỏi trường thì làm đủ nghề, nghề nào thích hợp là họ làm tùy theo sự cung cầu. Do đó ở đâu người ta cũng có thể thâu nhận những người học luật và ở đâu người học luật cũng có thể cố gắng góp sức vào công cuộc phát triển xứ sở.

ỦY BAN QUỐC GIA VIỆT NAM
 VẬN ĐỘNG GIẢI NOBEL HÒA BÌNH

 Phát Hình Ngày 10.3.1972

Những nhân vật tham dự cuộc phỏng vấn này là:

Nghị Sĩ HOÀNG THẾ PHIẾT, ủy viên niên trưởng của Ủy Ban Quốc Gia Việt Nam Vận Động giải Nobel Hòa Bình.

Bác Sĩ HOÀNG VĂN ĐỨC, phó chủ tịch Ủy Ban Quốc Gia Việt Nam Vận Động giải Nobel Hòa Bình.

Luật Sư LÊ SĨ GIAI, Tổng Thư Ký của Ủy Ban.

NDMB: Mới đây quý vị cùng một số nhân sĩ thành lập một ủy ban vận động giải Nobel hòa bình cho Văn Hào Trần Minh Tiết là một công việc khiến nhiều giới trong nước chú ý. Nhưng nhiều người chưa biết Ông Trần Minh Tiết là ai. Xin luật sư cho biết Văn Hào Trần Minh Tiết là ai và đã có những thành tích gì?

L.S. Lê Sĩ Giai: Tiến Sĩ Trần Minh Tiết không phải như nhiều người hay lầm với Ông Chủ Tịch Tối Cao Pháp Viện Trần Minh Tiết. Tiến Sĩ Trần Minh Tiết hiện nay ở Pháp và là một nhân vật danh tiếng ở Âu Châu. Ông là hội viên của Hội Khoa

.../

Học Hải Ngoại Pháp, một người Á Châu đầu tiên và duy nhất thay thế phó Vương Ấn Lord Heley năm 1969 tại Hàn Lâm Viện này. Ông là hội viên của Hàn Lâm Viện Quốc Tế Đông Phương Học ở Ba Tây, ông được tặng thưởng huy chương vàng của tối cao Hàn Lâm Viện Lutèce ở Paris về quyển sách Á Châu Và Nền Hòa Bình Thế Giới.

NDMB: Văn hào Trần Minh Tiết sinh tại đâu và năm nào?

L.S. Lê Sĩ Giai: Tiến Sĩ Trần Minh Tiết sinh năm 1918 tại Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Trung Việt.

NDMB: Hiện nay ông ta sống tại Pháp với nghề gì?

L.S. Lê Sĩ Giai: Ông hiện đang sống ở Pháp với nghề viết văn.

NDMB: Xin Luật Sư nói một cách vắn tắt tư tưởng của Văn hào Trần Minh Tiết qua quyển sách Á Châu Và Nền Hòa Bình Thế Giới mà Ủy Ban sẽ đưa ra tranh giải Hòa Bình Nobel năm 1972?

L.S. Lê Sĩ Giai: Tư tưởng của Văn hào Trần Minh Tiết tóm tắt trong 3 điểm: Âm mưu đế quốc của tư bản trên thế giới, giải pháp hòa bình ở Việt Nam và giải pháp hòa bình của Đông Nam Á và Á Châu trên trường quốc tế.

NDMB: Văn hào Trần Minh Tiết đã nhận định âm mưu đế quốc của tư bản của Cộng Sản như thế nào?

L.S. Lê Sĩ Giai: Văn hào Trần Minh Tiết phân tích một cách rất chi tiết với những bằng chứng cụ thể trong quyển Á Châu và Nền Hòa Bình Thế Giới, bằng chứng cụ thể về những bóc lột của đế quốc tư bản và đồng thời những sự bóc lột của đế quốc Cộng sản. Hai đế quốc đó đi đầu cùng va chạm nhau và những nước yếu chưa có thế quân bình lực lượng thì tư bản Cộng sản xô nhau tới gây chiến tranh.

Theo Văn Hào Trần Minh Tiết, Cộng sản xây dựng một thế giới đại đồng không biên giới, hủy diệt gia đình. Tổ quốc và tôn giáo đã bị loại bỏ vì không còn hợp thời nữa. Những xô xát gần đây của Nga Sô và Trung Cộng ở biên giới Tây Bá Lợi Á, ở Đông Hồi cho thấy rằng chủ nghĩa Cộng sản Quốc Tế tiến tới thế giới đại đồng không còn nữa và những cường quốc Cộng sản tiêu biểu cho lý thuyết Cộng sản Mác Lê nay cũng không còn nữa và họ trở về chủ nghĩa quốc gia của họ và họ là những người tranh đấu hơn ai hết để bảo vệ quyền lợi quốc gia của họ.

NDMB: Văn hào Trần Minh Tiết đã đưa ra một giải pháp nào để đem lại hòa bình cho Việt Nam?

L.S. Lê Sĩ Giai: Văn hào Trần Minh Tiết nhận định rằng chiến tranh Việt Nam kéo dài khá lâu. Đó là một cuộc chiến tranh quốc tế điều khiển bởi các cường quốc Hoa Kỳ, Trung Cộng và Nga Sô. Trung Cộng không có hy vọng nuốt nổi miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ cũng không có hy vọng chiến thắng hoàn toàn. Các cường quốc đến đây phải ngừng lại để tìm giải pháp hòa bình.

Cộng sản Việt Nam ở miền Bắc là phương tiện cho Nga Sô và Trung Cộng. Trên phương diện lý thuyết, họ thấy lý thuyết Cộng sản không còn đứng vững nữa. Chủ nghĩa tam vô: vô gia đình, vô tổ quốc, vô tôn giáo đều bị loại bỏ không hợp thời.

Trên thực tế, việc xâm lăng của Cộng sản Bắc Việt vào miền Nam không còn chối được nữa, chiêu bài diệt quân đội Mỹ để giải phóng miền Nam không còn nữa vì quân đội Mỹ đã rút và sẽ rút hết khỏi miền Nam.

Vậy nếu Cộng sản Bắc Việt xua quân vào miền Nam gây cuộc chiến tranh sẽ chỉ là cuộc chiến tranh diệt chủng một cuộc tàn sát giữa thanh niên miền Bắc và thanh niên miền Nam mà thôi. Vậy chiến tranh phải chấm dứt, hòa bình phải tới. Giải pháp hòa bình của Tiến sĩ Trần Minh Tiết đặt ra không phải là giải pháp hòa bình riêng cho miền Nam vì chúng ta không thể quan niệm được rằng chúng ta kêu gọi miền Nam hòa bình, ru ngủ miền Nam trong khi miền Bắc cứ dùng súng đạn chuẩn bị cuộc chiến tranh.

Nếu hòa bình giải quyết riêng cho miền Nam không khác gì chúng ta bỏ tay lại để cho quân thù giết chúng ta.

Giải pháp hòa bình của Tiến Sĩ Trần Minh Tiết là giải pháp cho toàn thể hai miền Nam Bắc và đòi hỏi các nhà lãnh đạo hai miền phải giải quyết trên tinh thần quốc gia dân tộc.

Tổ chức hai miền hiện nay còn khác nhau, chúng ta không thể một sớm một chiều thống nhất hai miền ngay được. Chúng ta đòi hỏi các nhà lãnh đạo phải thận trọng và phải đem tư tưởng quốc gia dân tộc ra để lãnh đạo dân chúng. Nhà lãnh đạo miền Bắc phi tư bỏ chủ nghĩa Mác Lê, gạt bỏ giai cấp đấu tranh để xây dựng miền Bắc. Trong khi họ tới làm cuộc cách mạng năm 1945, họ phải làm cách mạng đỏ máu giết nhiều người. Sau hơn mười năm cai trị rồi họ không thể nào tiếp tục giai cấp đấu tranh nữa. Cái đó đã lỗi thời. Họ phải gạt bỏ ảnh hưởng của Nga Tàu trên miền Bắc.

Trái lại những nhà lãnh đạo miền Nam không thể nào lãnh đạo miền Nam mà để lệ thuộc một cách quá đáng. Nếu chúng ta để miền Nam vào một ách đô hộ mới của tư bản, đó là mục tiêu để cho Cộng sản lại tái diễn cuộc chiến tranh xâm lược.

Theo Tiến sĩ Trần Minh Tiết, các nhà lãnh đạo hai miền phải có ý thức và tư tưởng quốc gia để giải quyết vấn đề Việt Nam. Còn nếu tổ chức hai miền khác biệt nhau quá, nếu cho rằng tổ chức Cộng sản là tổ chức thuận lợi cho việc phát triển kinh tế thì không ai cấm các cường quốc Cộng sản Nga-Tàu giúp Bắc Việt phát triển mức sống dân chúng lên cao để để cao tổ chức của họ.

Tại miền Nam Việt Nam, chúng ta theo tổ chức dân chủ tự do, nếu các nước dân chủ tự do trên thế giới cho rằng đây là tổ chức thuận lợi cho việc phát triển kinh tế để xây dựng thì không ai cấm các cường quốc giúp đỡ miền Nam Việt Nam để phát triển kinh tế. Giữa hai miền sẽ có cuộc thi đua kinh tế để xây dựng và làm sao cho dân chúng được no ấm. Hai bên phải tẩy rửa những tư tưởng lệch lạc giai cấp đấu tranh ở miền Bắc và miền Nam Việt Nam phải loại bỏ những sự tham nhũng. Các nhà lãnh đạo hai miền phải có ý thức loại bỏ những sự chi phối của các cường quốc đối với mình để dân chúng sống được no ấm rồi thế hệ mới, trẻ với tinh thần quốc gia dân tộc họ sẽ có thời gian sẽ chọn lựa chế độ qua cuộc trưng cầu dân ý.

Đó là giải pháp hòa bình của Tiến Sĩ Trần Minh Tiết đối với vấn đề Việt Nam.

NDMB: Còn giải pháp hòa bình cho khu vực Đông Nam Á và Á Châu của Tiến Sĩ Trần Minh Tiết như thế nào?

L.S. Lê Sĩ Giai: Tiếp theo giải pháp hòa bình cho Việt Nam Tiến sĩ Trần Minh Tiết cũng đưa ra một giải pháp hòa bình cho Liên Bang Đông Nam Á, và cho Á Châu. Thực ra nước Việt Nam thoát ra khỏi ách đô hộ của các cường quốc ở hai miền cũng là một nước nhỏ bé không thể đứng vững được, để bị xô đẩy hoặc là các cường quốc rời khỏi Việt Nam sang Thái-Lan, Miến Điện và va chạm ở nơi đó, hòa bình cũng không thể có được. Vì vậy các nước nhược tiểu ở trung khu vực Đông Nam Á phải làm sao kết hợp với nhau được, có một đường lối chính trị chung để loại bỏ những ảnh hưởng của các cường quốc, lúc đó mới hy vọng có một nền hòa bình rộng rãi ở Đông Nam Á.

Chủ trương Liên Bang Đông Nam Á phải như chủ trương người ta đề ra như bây giờ để trung lập hóa vùng Đông Nam Á. Bởi vì chủ trương trung lập hóa vùng Đông Nam Á do các cường quốc đề ra không khác nào một cuộc đi săn bọ vẩy để dành riêng cho họ mua nguyên liệu, bán hàng hóa. Đó là một hình thức bóc lột gián tiếp, chúng ta không chấp nhận, chủ trương Liên Bang Đông Nam Á của Tiến sĩ Tiết là một chủ trương tích cực đòi hỏi các nước phải có ý thức về vấn đề bóc lột của các cường quốc dù ở bên phía Cộng sản hay bên phía Tư Bản. Phải mượn thời cơ mà xây dựng, cũng cố lực lượng của mình. Như thế mới mong có một nền hòa bình công chính ở khu vực Đông Nam Á.

Tiếp theo đó, Tiến sĩ Trần Minh Tiết đã nêu lên giải pháp Á Châu trên trường quốc tế. Trước hiểm họa chiến tranh nguyên tử hủy diệt nhân loại, Tiến sĩ Tiết kêu gọi các quốc gia giải tỏa những cạnh tranh bất chính đàn áp các quốc gia yếu kém và đòi hỏi những sự cộng tác ngay thẳng, thành thật.

Ý niệm công lý và nhân đạo làm cứu cánh cho nhân loại trước sự đe dọa tàn phá khủng khiếp của chiến tranh nguyên tử.

NDMB: Thưa Bác sĩ Hoàng Văn Đức, Ông Tiết đã đề nghị những biện pháp thế nào để đem đến một nền hòa bình công chính cho Á Châu và cho thế giới?

B.S. Hoàng Văn Đức: Tư tưởng của Tiến sĩ Trần Minh Tiết, bắt đầu một cách cụ thể từ năm 1954 khi ông viết tại Saigon cuốn sách nhan đề, "Tìm Hiểu Người Nhật Bản để biết rõ những nhược điểm của ta. Trong đó có đoạn, ông nói rằng đã đến lúc Á Châu chúng ta phải trở dậy đóng một vai trò trọng yếu trong lịch sử văn minh nhân loại. Nhật cũng như Trung Hoa như quốc gia chúng ta, thấy thấy chúng ta không thể không nghe tiếng còi báo động của giang sơn một khối. Liên Minh Đông Nam Á dung hòa thế lực trong một khối liên hiệp Á Châu giữa bốn đồ năm châu. Đây chính là căn bản thiết yếu để đưa đẩy tương lai nhân loại đến thế quân bình may mắn hơn xưa.

Rồi có thể tóm tắt lý thuyết của Tiến Sĩ Trần Minh Tiết để giải quyết vấn đề hòa bình cho Việt Nam, cho Đông Nam Á, cho Á Châu và từ hòa bình Á Châu cho cả thế giới trong một phương thức như sau: Không có hòa bình khi nào trên thế giới không có sự quân bình giữa các lực lượng giữa các quốc gia. Hiện giờ toàn thế thế giới đang bị các siêu cường chi phối, đứng đầu là Mỹ, Nga và gần đây là Trung Cộng. Ý tưởng của Tiến Sĩ Tiết là phải làm sao tất cả các dân tộc nhược tiểu hiệp sức lại, đảo lộn cái thế mặt quân bình hiện tại. Nghĩa là chính những dân tộc nhược tiểu phải tự mình đem lại thế quân bình không có, chưa có, chưa bao giờ có. Bởi vậy cho nên nguyên tắc tập hợp các dân tộc nhược tiểu lại để đem lại thế quân bình mới cho thế giới, ngõ hầu đem lại hòa bình cho chính những dân tộc nhược tiểu đó rồi từ nền hòa bình của các dân tộc nhược tiểu, bắt buộc các cường quốc phải thay đổi chiến lược chiến tranh của họ sang chiến lược hòa bình.

Tiến Sĩ Trần Minh Tiết đề nghị một cách cụ thể trước nhất là cho Việt Nam, cho vùng Đông Nam Á vì một tư tưởng chỉ có giá trị, chúng tôi nghĩ, nếu tư tưởng đó giúp chúng ta giải quyết chính vấn đề của chúng ta thì trước nhất Tiến sĩ Tiết đề nghị với Việt Nam.

Với tất cả quốc gia trong vùng Đông Nam Á một thế liên kết chính trị mà ông gọi là thế liên bang cho các quốc gia Đông Nam Á ngõ hầu phá sự kềm kẹp của các cường quốc đối với các quốc gia Đông Nam Á chúng ta từ trước đến nay. Và đồng thời với sự tập hợp của các quốc gia Đông Nam Á, ông muốn tượng ra một thế quân bình trong tương lai của Á Châu nằm trong năm

thực thể chánh trị lớn: (1) Trung Hoa, (2) Ấn Độ, (3) Liên Bang các quốc gia Đông Nam Á (4) liên bang các quốc gia Tây Nam Á, bao gồm các quốc gia Ả Rập và cả Do Thái và (5) Tây Bá Lợi Á. Một nước Tây Bá Lợi Á được tách rời khỏi Nga Xô và tách rời khỏi Trung Hoa để trở thành một quốc gia độc lập, một nơi cư ngụ cho tất cả nhân tài của thế giới tiến độ khai thác tiềm năng vô cùng phong phú của Tây Bá Lợi Á để phục vụ hòa bình.

Song hành với năm tổ chức chánh trị cho Á Châu trong tương lai, Tiến sĩ Trần Minh Tiết cũng thấy rằng phải mở một cuộc vận động qui mô tại diễn đàn của Liên Hiệp Quốc để phá bỏ sự bất bình đẳng giữa các siêu cường và các tiểu nước quốc ngay trong Liên Hiệp Quốc.

Ông đề nghị một cách cụ thể là Liên Hiệp Quốc phải tận quyền và phải thành lập cho mỗi lục địa độc vận phòng của Liên Hiệp Quốc, như ở Á Châu, Phi Châu, Âu Châu, Mỹ Châu và Úc Châu. Ông cho rằng một chính sách chính trị muốn được củng cố phải có phương tiện cho nên ông cũng nghĩ tới những nơi tại kiến trúc về kinh tế cho các vùng trong Đông Nam Á, Tây Nam Á bằng cách đề nghị mở các con kênh nối liền các đại dương như con kênh đào nối Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương và eo biển Eré, một hệ thống sông đào nối liền sông Mekong và Thái Bình Dương đi ngang qua ngã Savannakhet và Mekong. Ở Tây Nam Á cũng có một hệ thống sông đào như vậy để nối liền các quốc gia Ả Rập. Ông cũng nghĩ nếu chúng ta chưa có mẫu số chung để làm việc thì chúng ta khó mà thực hiện được giải pháp chánh trị mà chúng ta mong muốn cho nên ông cũng nghĩ phải có những hình thức hoạt động văn hóa ngõ hầu tạo một không khí tinh thần mới. Không khí tinh thần liên bang cho các quốc gia trong vùng Đông Nam Á, Tây Nam Á và cho Á Châu.

Đặc biệt là cho vùng Đông Nam Á ông có nghĩ tới một viện bác học cho các quốc gia Đông Nam Á một hệ thống đại học chung.

NDMB: Chúng tôi thấy trên bản đồ này có vị trí như là trung tâm điểm của Đông Nam Á, xin bác sĩ giải thích cho biết tại sao bác sĩ để Đông Nam Á là trung tâm điểm của thế giới?

B.S. Hoàng Văn Đức: Sự thực, đây có thể nói là sáng kiến của nhóm nghiên cứu anh em chúng tôi, trong đó có Tiến Sĩ

Trần Minh Tiết. Cho đến giờ tất cả các nạn nhân của thế giới bao giờ cũng được tập trung ở Hợp Chúng Quốc, hoặc ở bên Âu Châu thì riêng về địa đồ thế giới như vậy cũng đã thấy thế giới không thể quân bình. Chúng ta phải chấp rất nhiều lục địa để giải tập vấn đề ưu điểm cho Âu Châu hay là ưu điểm cho Mỹ Châu. Bây giờ thì chúng ta thấy rằng Á Châu mới thực là trung tâm tiếm của thế giới. Á Châu từ trước đến giờ vẫn là địa bàn hoạt động của các cường quốc tây phương. Bây giờ vấn đề của chúng ta là phải phá bỏ sự kìm kẹp của các cường quốc tây phương. Phá bỏ bằng cách là chúng ta quan niệm lại sự quân bình trên thế giới 1 cách khác, trước hết là trên quan điểm địa dư và chính trị.

Nếu lấy trọng tâm ở Á Châu là vùng các quốc gia Đông Nam Á thì chúng ta thấy rằng trên bình diện địa dư không thời, thế giới trong tương lai có một thế quân bình. Và chúng ta thay thêm rằng phần lớn các quốc gia trong vùng Đông Nam Á đều được bao quanh bởi các đại dương. Chúng ta có một thế di động mà các lục địa cũ không có được. Những tài nguyên của chúng ta có thể khai thác biến chế thành những sản phẩm kỹ nghệ và từ đó chúng ta có thể kiếm thị trường lớn trên thế giới, chúng ta đóng góp được trong nền kinh tế trong tương lai thế giới.

NDMB: Chúng tôi không hiểu rằng cái giải pháp hòa bình của Văn hào Trần Minh Tiết có thể thực hiện ngay bây giờ hay một thời gian nào trong tương lai. Tuy nhiên quý vị đã đem một giải pháp lý tưởng ra, và đã thành lập một ủy ban quốc gia Việt Nam để vận động giải Nobel hòa bình cho Tiến sĩ Trần Minh Tiết. Xin Luật Sư Lê Sĩ Giai cho biết thành phần của ủy ban như thế nào?

L.S. Lê Sĩ Giai: Chúng tôi xin trình bày về thành phần của Ủy Ban Quốc Gia Việt Nam Vận Động Giải Nobel Hòa Bình như sau:

Chủ tịch: bác sĩ Đặng Văn Sung, nghị sĩ, nguyên chủ tịch Ủy Ban Ngoại Giao và thông tin Thượng Nghị Viện, trước nhóm Độc Lập Thượng Nghị Viện,
, chủ tịch Hội Việt Nam Liên Hiệp Nghị Sĩ Quốc Tế. Chủ nhiệm; chủ bút Nhật Báo Chính Luận.

.../

Phó chủ tịch: Bác sĩ Hoàng Văn Đức, sáng lập và giám đốc chánh trị lập San Đông Nam Á, chủ tịch ủy ban quốc gia Việt Nam vận động hòa bình thống nhất Việt Nam và thành lập Liên Bang Các Quốc Gia Đông Nam Á.

Tổng thư ký: Luật sư Lê Sĩ Giai, Luật sư Tòa thượng thẩm Saigon, tổng thư ký Ủy Ban Quốc Gia Việt Nam vận động Hòa Bình, Thống nhất Việt Nam và thành lập liên bang các quốc gia Đông Nam Á.

Các Ủy viên: Giáo sư Mai Lân Đặng Trần Ân, họa sĩ điêu khắc gia, phụ tá chủ tịch Phật Giáo Thế Giới Phụng Sự Xã Hội, Ủy viên của Ủy Ban Quốc Gia Việt Nam vận động hòa bình và thống nhất Việt Nam và thành lập Liên Bang các Quốc Gia Đông Nam Á.

Bác Sĩ Nguyễn Ngọc Bảy, Dân biểu.

Giáo sư Nguyễn Văn Canh, tiến sĩ Công Pháp, giáo sư chánh trị học Đại Học Vạn Hạnh và trưởng Cao Đẳng Quốc Phòng cựu phụ tá tổng trưởng Chiêu hồi.

Giáo sư Trần Minh Châm, cố vấn chánh trị Bộ Ngoại Giao.

Bà Giáo sư Đặng Kim Chi, Hiệu trưởng trường Trung Học Thương Nguyệt Ánh Saigon.

Giáo sư Lê Bình Duyên, Dân biểu, phó trưởng khối Dân tộc Xã hội Hạ viện. Đại diện các Dân biểu khuyến hướng Ấn Quang.

Kỹ sư Nguyễn Văn Đạt, kỹ sư hầm mỏ, Tổng Giám Đốc Thương Cảng Saigon.

Giáo sư Nguyễn Quỳnh Giao, ký giả.

Tu sĩ Nguyễn Duy Hình, ký giả.

Giáo sư Nguyễn Xuân Kỳ, giáo sư sinh ngữ, phó Tổng Thư Ký Ủy Ban Quốc Gia Việt Nam Vận Động Hòa Bình, Thống Nhất Việt Nam và Thành Lập Liên Bang các Quốc Gia Đông Nam Á.

Bác sĩ Lê Văn Khải, cựu tổng giám đốc Y Tế và các bệnh viện, cựu ủy viên y tế Phật Giáo Thế Giới Phụng Sự Xã Hội.

Luật sư Trịnh Đình Khải, luật sư Tòa Thượng Thẩm Saigon, tiến sĩ kinh tế học, giáo sư đại học Luật Khoa Saigon.

Đại Đức Thích Tuệ Không tức thi sĩ Phạm Thiên Thư.

Học giả Nguyễn Hiến Lê, giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc.
Dân biểu Trần Lộc.

Linh Mục Lê Văn Lý, viện trưởng Đại Học Dalat.

Nữ sĩ Trần Thị Huệ Mai, giải thưởng thơ toàn quốc.

Giáo sư Vũ Tài Mạnh, giáo sư kinh tế đại học Vạn Hạnh
Saigon.

Nhà sĩ Huỳnh Kim Nền, cựu hội viên hội đồng Dân quân,
hội viên hội đồng Tôn Giáo, tổng thư ký hội đồng Cao Cấp Hội
Bác Ái Công Giáo Vinh Sơn.

Bư cô Thích Nữ Tịnh Nguyên, hiệu trưởng trường trung
học Mê Linh Saigon.

Giáo sư Lê Trung Nhiêu, khoa trưởng đại học Văn Khoa
Saigon.

Kỹ sư Trần Ngọc Cảnh, nghị sĩ, kỹ sư cầu cống, cựu Tổng
Trưởng. Bác sĩ Trần Nguyễn Phiêu, tổng trưởng Xã hội, Nghị sĩ
Hoàng Thế Phiệt, Hiệp sĩ Tòa Thánh Vatican, sáng lập cố vấn
Hội Hồng Thập Tự Việt Nam, chủ tịch hội đồng cố vấn Tổng Hội
Phụ Huynh Học Sinh và Sinh Viên Việt Nam, tổng thư ký Ủy Ban
Cảnh Nông Thương Nghị Viện, ân nhân và cố vấn các làng Hòa Bình
ở Châu cho Cô Nhi Việt Nam. Nạn Nhân Chiến Cuộc và Quốc Gia
Nghĩa Tử.

Linh mục Hoàng Sĩ Quý, Dòng tên, tiến sĩ triết Học Ấn
Độ, Giáo sư Văn Khoa Saigon, chủ tịch Phong Trào Hưng Giáo Văn
Đông.

Giáo sư Lê Sáng, chuyên môn Việt Võ Đạo Vovinam.

Được sư Nguyễn Phước Hữu Tập, chánh văn phòng Bộ Xã Hội.

Nữ sĩ Mộng Tuyết, nhà thơ và tiểu thuyết gia.

Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ, giải thưởng văn chương Pierre
Le Comte de Nouilly 1961.

Bác sĩ Phạm Kế Toại, dân biểu Quốc Hội.

Ông Phạm Nam Trường, Kỹ sư Công Chánh và Bách Khoa,
nghị sĩ, cựu chủ tịch Ủy Ban Giao Thông Công Chánh Thương Nghị
Viện.

Ủy ban này gồm đủ các khuynh hướng chính trị trong chính quyền, thân chính quyền, đối lập với chính quyền và đủ các khuynh hướng tôn giáo, nhân sĩ và nhiều vị khiêm tốn không đề tên như là quý vị/ ^{su}huynh dòng La Sơn đã biểu lộ sự đại đoàn kết quốc gia để vận động cho giải hòa bình chúng tôi vừa nêu.

NĐMB: Thưa Bác sĩ Hoàng Văn Đức, những hoạt động nào đã đưa đến việc thành lập Ủy ban quốc gia Việt Nam vận động giải Nobel hòa bình cho Tiến sĩ Trần Minh Tiết?

B.S. Hoàng Văn Đức: Trước hết chúng tôi xin trình quý vị bức thư, mà chúng tôi gọi là bức thư lịch sử ngày 5.5.1969 của ban biên tập Tập San Đông Nam Á chúng tôi gửi các quý vị Quốc Trưởng và Thủ Tướng Chính Phủ các quốc gia Đông Nam Á. Đại ý của bức thư này chúng tôi đã cho đăng trong báo Văn Đe số 53 trong một cuộc phỏng vấn của báo này về vấn đề tham luận về các quốc gia Đông Nam Á. Chúng tôi xin thâu tóm ý chính của bức thư mà chúng tôi đã gửi lên quý vị Quốc Trưởng và Thủ Tướng Chính Phủ các quốc gia Đông Nam Á ngày 5.5.1969.

Nhiều chánh khách, chánh trị gia và ngay cả đến các chánh phủ của chúng ta, chờ đến giờ, vẫn thường nghĩ rằng tương lai của đất nước chúng ta bị lệ thuộc trong hiện tại và về sau này vào thế tương quan lực lượng giữa hai khối Đông và Tây. Do đó chính sách mà chúng ta phải theo chỉ có thể là: hoặc đứng về phe Cộng sản, hoặc về phe người Hoa Kỳ, mà không thể nào đứng giữa hai phe đó được, thặng hoặc nếu có một nước nào trong các quốc gia chúng ta mà đứng ở giữa hai phe, thì sự trung lập của họ chỉ có trên pháp lý nhưng không bao giờ có trên thực tế.

Chiến tranh ly loạn đã diễn ra khắp mọi nơi trong vùng Đông Nam Á Châu, kinh tế của chúng ta yếu kém và tương lai của chúng ta thấy bất trắc. Xem quả biết cây, chúng tôi có thể mạnh dạn nói lên rằng chính sách được tốt lành, bởi vì chính sách đó đã không biết vươn thoát lên trên thời cuộc để tạo ra những điều kiện thuận lợi cho sự ổn định và phát triển của chúng ta.

Chúng tôi tin rằng bất cứ một xã hội nào yếu hèn, sa đọa, tự mãn cũng đều sẽ bị lịch sử đảo thái, cũng như chúng tôi tin rằng những mâu thuẫn dù trầm trọng nhất, và những áp

lực chánh trị, quân sự, kinh tế hay tư tưởng ngoại lai dù mạnh mẽ nhất, sớm muộn cũng sẽ bị tan rã nếu có một đối lực nào đủ mạnh để chống lại chúng. Cho nên chúng tôi kính cần đạo đạt lên quý vị kiến nghị này để mạn phép đề nghị cùng quý vị hội họp cùng với nhau, với tư cách là chánh phủ trong hội nghị thượng đỉnh các quốc gia Đông Nam Á, ngõ hầu nghiên cứu và thành lập một Liên Bang các quốc gia Đông Nam Á khả dĩ đảm bảo cho sự an ninh của chúng ta và thúc đẩy sự thăng tiến xã hội của các quốc gia chúng ta.

"Quá nhiều người đã đau khổ, và khoảng cách giữa sự tiến bộ của các nước văn minh và sự ngưng đọng thoái hoá của các nước chậm tiến vẫn không ngừng tăng lên mãi, chỉ có một khối Liên Bang các nước Đông Nam Á, xuất hiện như một trung tâm chánh trị mới tại Á Châu và trên thế giới mới có khả năng cho phép các quốc gia chúng ta chia sẻ cùng với nhân loại các trách nhiệm về hòa bình, phù hợp với sứ mạng hòa bình của tổ chức Liên Hiệp Quốc theo tinh thần các điều 1 và 52 của Hiến Chương Liên Hiệp Quốc.

"Liên Bang Đông Nam Á sẽ là căn bản lịch sử và xã hội cho sự phát triển cộng đồng của chúng ta, và sẽ là đối lực cần thiết viện dẫn ở trên và do đó sẽ khiến cho chúng ta hùng mạnh. Nay là cơ hội để tập hợp các lực tịa, các quốc gia chúng ta không thể cứ yên vị trong thế yếu kém, và chia rẽ mà không tiếp tục chịu áp lực của các cường quốc, để quốc cộng sản và tư bản. Chúng ta cần gây niềm tin vững mạnh cho thế hệ trẻ vào sự đổi mới trong thanh bình cùng với tinh thần ái quốc đúng mức để giúp cho các quốc gia chúng ta tiến bước cạnh tân.

"Chúng tôi hy vọng rằng quý vị sẽ vui lòng thể hiện hành động lịch sử đúng cảm này khả dĩ đưa đất nước chúng ta lên hàng những thực thể chánh trị lớn trên thế giới nhờ điển tiến cách mạng mà hành động của quý vị sẽ khởi mào chủ xướng. Cứu nước trong giai đoạn nguy biến này, quý vị sẽ được dân tộc đã lựa chọn quý vị làm người lãnh đạo tôn sùng. Chúng tôi đặt hết niềm tin vào đức Hiền Minh của quý vị và trang trọng xin quý vị ghi nhận lòng biết ơn và lời chào thành kính của chúng tôi.

NDMB: Thưa bác sĩ, thơ này gửi vào năm nào?

.../

B. S. Hoàng Văn Đức: Chúng tôi gửi ngày 5.5.1969.

NDME: Các vị quốc trưởng và thủ tướng các quốc gia đó có hồi âm không?

B. S. Hoàng Văn Đức: Có một số hồi âm: e Thủ Tướng Abdul Rahman của Mã Lai Á, hai thư của Cựu hoàng Norodom Sihanouk, thư của U thant và đặc biệt là tòa Đại Sứ Nhật Bản và tòa Đại sứ Ấn Độ, mặc dù Ấn Độ là một nước không phải trong khối những quốc gia Đông Nam Á có tiếp xúc với chúng tôi để tìm hiểu vấn đề một cách rõ ràng hơn. Nghĩa là trên bình diện quốc tế, chúng tôi đã nhận được một số hồi âm, với tính cách là khuyến khích và hiện giờ thì chúng ta đã thấy rằng trên thế giới, chính Mã Lai đang chủ trương một sự tập hợp các quốc gia Đông Nam Á trên cái thế trung lập, riêng về việc này thì chúng tôi không đồng ý với chủ trương của Mã Lai Á.

NDMB: Thưa Nghị sĩ Hoàng Thế Phiệt, tuần tới nghị sĩ sẽ đi thăm viếng các quốc gia Âu Châu, xin nghị sĩ cho biết mục đích của cuộc viếng thăm này có phải là để vận động giải Nobel hòa bình cho Tiến sĩ Trần Minh Tiết không?

N. S. Hoàng Thế Phiệt: Nhân cuộc công xuất tại các quốc gia Âu Châu, đặc biệt tại các quốc gia Tây Âu, chúng tôi sẽ cố gắng tìm cơ hội thuận tiện để vận động cho ứng viên của Việt Nam Cộng Hòa chúng ta do sự ủy thác của Ủy Ban Quốc Gia Vận Động Giải Nobel Hòa Bình năm 1972 trong phiên họp cuối tuần qua, Ủy Ban hội đầu năm (ngày 24.1.1972) đã tiến cử Tiến sĩ Trần Minh Tiết với toàn bộ tư tưởng của ông kiên tâm theo đuổi từ hơn 20 năm nay đã được phổ biến trong tác phẩm: Á Châu Và Nền Hòa Bình Thế Giới.

Chúng tôi sẽ nỗ lực vận động để ứng cử viên Việt Nam Cộng Hòa chúng ta có thêm ưu thế thắng giải đem danh dự và vinh quang về cho tổ quốc và dân tộc. Chúng tôi cầu mong Tiến sĩ Tiết sẽ thắng giải để thế hệ đều được biết một giải pháp hòa bình sáng giá nhất trong các giải pháp hòa bình mà chúng tôi được biết từ trước đến nay.

Từ sự thắng giải và phổ biến chiến lược hòa bình của Tiến sĩ Trần Minh Tiết, các nhà lãnh đạo trên thế giới có trách nhiệm với lịch sử sẽ phải lưu tâm đến và tìm cách ứng dụng trên thực tế để mưu cầu một kỷ nguyên lịch sử hòa bình công chính cho Việt Nam Á Châu và cả nhân loại.

Ra đi nặng một lời thề
Quyết đem thắng lợi trở về với ta.

NDMB: Nghị sĩ quyết đem thắng lợi, nhưng sự thực Nghị sĩ có hy vọng đem thắng lợi đó về không?

N.S. Hoàng Thế Phiệt: Tất nhiên là hy vọng, là có hy vọng.

Theo chỗ chúng tôi được biết đây là lần đầu tiên một ứng viên thuộc dân tộc nhược tiểu còn được gọi là kém mở mang được chánh thức đề cử. Từ trước đến giờ giải thưởng Nobel Hòa Bình thường được coi như chỉ dành riêng cho các cường quốc.

Hy vọng được giải tùy thuộc tinh thần độc lập và vô tư của các vị chám giải của Ủy Ban Nobel Hòa Bình thuộc Quốc Hội Na-Uy. Nếu các vị đó có tinh thần công chính và hòa bình đích thực và không bị chi phối bởi ảnh hưởng của các cường quốc, thì chúng ta có thể có hy vọng.

Nhưng thực ra mục tiêu chánh yếu của chúng tôi có thể nói là không nhằm hẳn vào việc tranh giải và đoạt giải, mà nhằm nhiều hơn vào việc phổ biến tư tưởng công lý và hòa bình vào tất cả nhân dân các quốc gia trên thế giới không phân biệt thuộc khối Cộng sản hay khối Dân chủ.

Mục tiêu chánh yếu này một phần đã đạt được vì theo những tin tức giờ chót chúng tôi được biết, thì bên phía các quốc gia Tây Nam Á, chính Quốc Vương Hussein nước Jordanie đã nhân danh Quốc trưởng Jordanie đề cử Tiến sĩ Trần Minh Tiết của Việt Nam Cộng Hòa dự giải Nobel Hòa Bình năm 1972.

Như vậy có nghĩa là lập trường liên bang hóa các quốc gia nhược tiểu từng vùng địa dư chánh trị đã được các nhà lãnh đạo các quốc gia đó chấp nhận và tán thành. Và bên Ai Cập Tổng Thống Sadat đã bày tỏ khuyển hướng hiếu hòa với Do Thái khi từ chối nhận viện trợ quân sự của Nga Xô. Như vậy lại cũng có nghĩa là tư tưởng và chủ trương chánh trị của Ủy Ban Quốc Gia Việt Nam Vận động Hòa bình và Thống nhất Việt Nam và thành lập các quốc gia Đông Nam Á thể hiện qua tác phẩm Á Châu và Nền Hòa Bình Thế giới của Trần Minh Tiết, Cổ vấn hải ngoại của Ủy ban đã có ứng dụng trên chính trường quốc tế một các cụ thể, nhất là đối với các nước nhược tiểu.

THẢO CẨM VIÊN SAIGON

Phát Hình Ngày 17.3.1972

Bác sĩ VŨ NGỌC TÂN, Giám Đốc Thảo Cẩm Viên Saigon 54 tuổi, sanh tại Hà Nội, tốt nghiệp trường Thú Y Alfort (Pháp), Đồng Lý Văn Phòng Bộ Thương Mại và Kỹ nghệ từ năm 1949 đến năm 1951, Đồng Lý Văn Phòng Bộ Canh Nông từ năm 1968 đến năm 1969, Giám Đốc Thú Y và Mực Súc, Giám Đốc sáng lập trường Quốc Gia Nông Lâm Mực và Giám Đốc Thảo Cẩm Viên từ trên 10 năm nay.

NĐMB: Thưa Bác sĩ, thảo cẩm viên được thành lập từ bao giờ và do ai thành lập?

B.S. Vũ Ngọc Tân: Thảo cẩm viên được lập rất lâu, năm 1865 trên thửa đất hiện giờ vẫn còn tọa lạc nhưng với diện tích nhỏ hơn, khoảng từ 11 đến 12 mẫu tây. Đến thời kỳ chiến tranh, thảo cẩm viên là chỗ mà quân Nhật đồn trú, sau này thời kỳ Pháp cũng vừa dùng làm thảo cẩm viên nhưng cũng vừa dùng để làm kho đạn.

Tới năm 1965 Chính phủ Việt Nam mới có kế hoạch trùng tu lại thảo cẩm viên và từ đó đến giờ vẫn tiến điều.

NĐMB: Ai thành lập thảo cẩm viên vào năm 1865?

B.S. Vũ Ngọc Tân: Một chuyên gia về thảo mộc là ông Pierre. Các giới thạo về thảo mộc đều biết ông. Ông Pierre là một nhà thảo mộc học trứ danh.

NDMB: Nếu so sánh giữa thảo cầm viên Saigon và một vài thảo cầm viên quốc tế thì thảo cầm viên Saigon có hạng nào không?

B.S. Vũ Ngọc Tân: Vấn đề xếp hạng rất khó vì mỗi thảo cầm viên đều có đặc tính riêng. Nhưng thảo cầm viên chúng ta cũng có một số đặc sắc. Trước hết, đây là một khu tàng phong phú nhất của Đông Nam Á về thảo mộc, thứ nhì là nó gần đô thị nhất và thứ ba là tiền vào cửa rẻ nhất. Cuối cùng nó là một thảo cầm viên được du khách chiếu cố tới nhiều nhất.

NDMB: Mỗi tháng trung bình có bao nhiêu người vào xem?

B.S. Vũ Ngọc Tân: Nếu ước lượng mỗi tháng khó có ý nghĩa, nhưng hàng năm có lối hơn một triệu rưỡi người. Trong tháng đầu Xuân Âm lịch đã có một phần ba trong số một triệu rưỡi người, còn mấy tháng mưa ít người vào hơn.

NDMB: Tại sao người ta lại vào thăm nhiều trong dịp Tết?

B.S. Vũ Ngọc Tân: Đó cũng là điều làm tôi ngạc nhiên, nhưng xét kỹ vì một phần lớn giới bình dân thường ở nhà cửa chật hẹp nên thích nghỉ với đời sống mới mà đi nhiều vào đầu năm. Đi để gặp gỡ nhau đồng đức và thứ hai là có lẽ đi để hái lộc, hái lộc là bứt một vài cái lá để lấy hên trong năm.

NDMB: Chắc ngày Xuân, người ta mặc đồ mới rồi đi coi người ta nhiều hơn là đi coi thú vật phải không?

B.S. Vũ Ngọc Tân: Đúng như vậy, chẳng những ngày lễ mà trong những ngày thứ Bảy, Chủ nhật cũng vậy, có lẽ người ta coi người nhiều hơn là coi thú.

NDMB: Nếu quan sát, Bác sĩ có thấy tâm lý của người xem như thế nào. Đàn ông, đàn bà, trẻ con thích coi những loại thú vật nào? Chẳng hạn như đàn bà có thích coi sư tử không?

B.S. Vũ Ngọc Tân: Thật ra một nhà tâm lý học hay xã hội học có rất nhiều chuyện để nói về tâm lý du khách. Tôi không có tư cách đi sâu vào vấn đề, nhưng chúng tôi có để ý tới một vài sự kiện như là có những ông già bà cả thích những nơi tĩnh mịch, còn con nít thích những thú hoạt động. Thành phần chọc thú thì phần lớn là lứa tuổi từ thiếu niên lên đến thanh niên hơi có mặc cảm yếu kém, hay chọc những thú dữ bị nhốt để xả những gì uất ức trong lòng mình trên con thú đó.

NDMB: Việc chọc phá hay cho ăn bậy có làm hại cho thú vật không?

B.S. Vũ Ngọc Tân: Hại rất nhiều, theo thống kê mà chúng tôi làm thú bị đau nhiều nhất là vào chủ nhật hay thứ hai vì bị chọc phá, cho ăn không đúng cách. Một trong những biện pháp nhỏ mà chúng tôi khuyến cáo phòng động vật là sáng thứ hai nên cho ăn ít hay đừng cho ăn thì hơn vì những thú đó đã ăn bậy nhiều quá, nên cho bộ máy tiêu hóa của chúng phải được nghỉ.

Việc chọc phá cũng gây cho chúng một tình trạng căng thẳng, đi đến kích xúc.

NDMB: Thưa Bác sĩ, trong những sở thú ngoại quốc thì gần chúng tôi có những máy bán đồ ăn riêng cho từng loại thú vật ở Việt Nam, chỗ voi người ta có bán mía nhưng chỗ khác không thấy bán. Chúng tôi nhận xét rằng những người đi xem cho thú ăn chewing gum, đậu phụng và có khi ăn đá ăn sạn nữa thì bác sĩ có thấy nên để chỗ bán đồ ăn cho thú không?

B.S. Vũ Ngọc Tân: Nếu làm được rất tốt. Riêng tại hồ cá vàng chúng tôi cũng có cho bán bắp rang, lúa rang nhưng nếu có máy tự động càng hay. Nhân dịp đây tôi cũng xin nói tới những máy tự động, chúng tôi mới khánh thành vào dịp đầu xuân vừa qua.

Nhưng dân chúng thường sợ máy tự động vì không biết sử dụng nên chúng tôi lại phải cho người hướng dẫn. Nhưng có lẽ sau một thời gian thì du khách cũng sẽ quen.

NDMB: thưa bác sĩ, sở thú có bao nhiêu thú vật và nếu chia loại mỗi loại có bao nhiêu?

B.S. Vũ Ngọc Tân: Người ta còn gọi sở thú và vườn bách thú. Chúng tôi có khoảng 100 đến 110 giống thú. Chúng chia ra loại có vú, chim, loài bò sát và cá. Loại có vú có từ 38 đến 40 con, loại chim có 170 đến 180 con, loài bò sát có 6 loại, cá có khoảng 12 giống. Con số này không chính xác lắm vì ngay lúc này đây có thể có những con chim đang nở hoặc có một vài con chôn, con sóc chết...

NDMB: Làm thế nào để sở thú có những thú vật đó, có ai cho hoặc mua ở đâu?

B.S. Vũ Ngọc Tân: Nói chung những thú này thu góp từ thú ngoại quốc, thú nội địa, thú trao đổi và thú mua. Những thú tặng, thú mua ở nội địa dễ dàng hơn. Hiện giờ sự trao đổi với ngoại quốc hay ngoại quốc tặng tương đối hạn chế vì có những phiền phức, nhất là những phiền phức về thuế vụ.

NDMB: Bác sĩ có thể nêu danh một vài vị đã tặng những thú vật đặc biệt cho sở thú không?

B.S. Vũ Ngọc Tân: Trung bình mỗi năm có từ 30 đến 50 vị mà chúng tôi kêu là ân nhân của sở thú tặng cho chúng tôi những con thú, nhiều khi rất quý giá ngoại quốc có, như là Đại Tướng Chao Young Shin của Đại Hàn, Thống Tướng Paul Harkins tặng con cọp. Riêng phía Việt Nam chúng tôi có những ân nhân mà nhiều người biết tới như ông Quận Trưởng Nhà Bè tặng con trăn, ông Đại úy Nguyễn Thanh Hương tặng con rùa, Trung tá Nguyễn Văn Đức, Tỉnh Trưởng Kiến Phong tặng một con gấu, Thiếu Tướng Đoàn Văn Quang tặng hai con cọp, Thiếu Tướng Lâm Quang Thơ tặng một con công, một cặp sấu, Đại Tướng Trần Thiện Khiêm tặng một con nai, Cựu Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ tặng ba con nai và cừu.

Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm tặng một con vật Thái Lan, Phó Thủ Tướng Nguyễn Lưu Viên tặng một con lười, ông Tổng Giám Đốc Thuế Vụ Huỳnh Xuân Thơ tặng một cặp công, cựu Trung Tướng Mai Hữu Xuân tặng một con gấu, ông Tổng Trưởng Công Chánh Bùi Hữu Tuân tặng một con mang, bà góa phụ cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí tặng một con voi, vừa rồi thì Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu cũng tặng cho số thú ba con chồn. Đó là chúng tôi chưa thể kể hết những vị ân nhân được.

NDMB: Xin Bác sĩ cho khán thính giả thấy một vài thú vật đặc biệt mà số thú có?

B.S. Vũ Ngọc Tân: Đối với chuyên viên thì thú nào cũng đặc biệt cả, thường thì giới trẻ ưa những thú hoạt động, những học giả thích những thú hiếm. Ví dụ, chúng tôi có con chim hiếm, muốn đặt tên cho đúng thì phải đặt là con "Phượng Hoàng An Khí".

NDMB: Như vậy Bác sĩ phải nuôi nó bằng khí?

B.S. Vũ Ngọc Tân: Mới đầu chúng tôi cũng phải nuôi phần nào bằng phí, nhưng lần lần cho gì nó cũng ăn miễn là thịt, khi là gà, chuột, thỏ hay thịt bò.

NDMB: Bác sĩ có đặc biệt lưu ý và muốn duy trì lại một giống chó Việt Nam, đặc biệt gọi là chó Phú Quốc. Xin Bác sĩ cho khán thính giả thấy loại chó đó đặc biệt ở chỗ nào?

B.S. Vũ Ngọc Tân: Loại chó này đặc biệt là từ thế kỷ trước, các nhà thú học trú danh đã mô tả một cách rất là tỷ mỉ và đã nêu những đặc tính bản năng của nó. Nó không lớn lắm, nó rất dễ thương và rất can trường, khi nó đánh nhau với con chó khác hoặc là nó chết hoặc là con chó khác chết thì mới thôi. Người ta đặc biệt chú ý tới cái sống ở lưng, có từ 2 tới 4 xoáy. Sau khi quan sát nó, chúng tôi lại thấy nó còn đặc điểm là vết chận của chó Phú Quốc có 2 ngón giữa dính vào nhau trong khi những chó thường thì rời nhau. Tôi nghĩ có thể lấy đây là mục tiêu để tuyển lựa.

Ngoài ra chó Phú Quốc rất dễ ăn, nó ăn gì cũng được. Nó ít bệnh, ít bọ chét. Nó đa hiệu, bơi lội giỏi, giữ nhà, săn bắn hay. Nó bắt cả chuột và nhiều khi nó làm cả những công tác vệ sinh làng xóm luôn.

NDMB: Như vậy loại chó này rất đáng nuôi và đáng để xuất cảng, xin Bác sĩ cho biết hiện nay ở đâu có bán loại chó này và ở Việt Nam có được bao nhiêu?

B.S. Vũ Ngọc Tân: Phần lớn những chó thường không còn rất nòi nữa. Hơn nữa cũng không thể biết nó có rất nòi hay không vì không thể căn cứ trên hình dáng bề ngoài được. Chúng tôi đã cho con chó Phú Quốc này có nhiều con rồi, nhưng vẫn chưa thể nào có được một con chó có hình dáng như chúng tôi mong muốn cho nên chúng tôi còn phải kiên nhẫn nhiều. Tôi mong có nhiều người hưởng ứng để giúp chúng tôi tạo lại một giống chó Phú Quốc rất nòi, chúng đó mới có thể nói tới chuyện xuất cảng hay bán ra.

NDMB: Loại chó này có màu đen phải không? Tôi sợ có màu đen như vậy khi ra đường thì mất luôn.

B.S. Vũ Ngọc Tân: Vâng, thường thường thì công chúng thích màu đen. Nhưng màu không mấy quan trọng điều quan trọng là nó có màu nào, nó giữ màu đó luôn. Điều khác là lưới nó không được có đốm.

NDMB: Bác sĩ nuôi thú vật ở sở thú bằng những gì? Hàng tháng tốn kém chừng bao nhiêu và tìm thịt, rau cỏ ở đâu?

B.S. Vũ Ngọc Tân: Nguồn gốc chính và quan trọng nhất là nhà thầu. Nhà thầu cung cấp với giá tương đối rẻ nhưng cũng không đủ nuôi thú nên chúng tôi phải linh động xin chó nọ chó kia. Ví dụ như ở Lò Heo Chánh Hưng có những thịt bị giữ lại, chúng tôi đem về nấu kỹ cho thú ăn. Còn việc tốn kém thì tốn kém lắm. Một con cạp phải ăn từ 5 tới 7 kí lô một ngày, con voi ăn tới 300 kí lô có một ngày, chưa kể những thú ăn khác.

Còn cho ăn gì nếu nói thú ăn thịt cho ăn thịt, thú ăn cỏ cho ăn cỏ và thú ăn hạt cho ăn hạt thì không đúng. Chúng tôi phải có một công thức tùy ở sự nghiên cứu và linh nghiệm cho ăn và theo dõi.

NDMB: Nếu thú vật, như là thú dữ như voi, cọp, đau bệnh thì chữa trị cách nào?

B.S. Vũ Ngọc Tân: Chúng tôi cố gắng làm cho nó không bị đau, chúng tôi áp dụng thú y phòng ngừa. Những con thú được quan sát thường xuyên để nhận định. Chúng tôi cũng có một phòng thí nghiệm nhỏ để thử phân, thử máu, thử nước tiểu định kỳ. Nhưng rủi có con thú bị đau thì chúng tôi phải cầm cột.

Có 2 thú cầm cột thú nhất là cầm cột bằng cơ năng nghĩa là đánh võ với nó để ép nó vào chuồng, việc này sẽ gây ra trường hợp kích xúc cho thú vật. Cho nên bây giờ chúng tôi có một dụng cụ cầm cột, gọi là cầm cột bằng thuốc.

Chúng tôi có một cái súng bắn hơi, có một bình hơi nhỏ đút vào trong súng, nạp cò, nạp đạn và đút một ống chích có thuốc vào trong rồi nhắm con thú mà bắn. Kim chích sẽ cắm vào thịt con thú và đẩy thuốc vô tử tử.

NDMB: Có tin đồn rằng ở trong sở thú hồi Đệ Nhất Cộng Hòa có một cái hầm để nhốt tù chánh trị tên là hầm P.42. Cựu Quốc Trưởng Phan Khắc Sửu cũng nói rằng ông đã bị nhốt trong đó và ban đêm nghe thú kêu, vậy có phải cái hầm đó nằm trong Sở Thú không? Nghe nói rằng chánh phủ hồi năm 1964 đã ra lệnh phá hủy cái hầm đó?

B.S. Vũ Ngọc Tân: Thực ra là có một cái nhà nhốt tù nhân chánh trị gọi là P.42. Chúng tôi không biết việc này nhưng sau Cách Mạng chúng tôi tìm cái hầm đó, nhưng hầm thì không thấy mà lại còn có những cái còn ghê gớm hơn cái hầm nữa là có một cái nhà nhốt, chúng tôi muốn nói là cái chuồng nhốt thì đúng hơn, vì cái chuồng đó có chừng 10 ngăn mà mỗi ngăn cao chừng hai thước, dài chừng một thước rưỡi, rộng chừng 9 tấc. Ở đó chỉ

có rất ít không khí và hoàn toàn không có ánh sáng, âm thanh khó lọt vào được vì thế người ta có cảm tưởng là hầm. Tại sao có thể nghe tiếng sư tử gầm vì nhà nhốt này có hai lớp tường, căn âm thanh. Phần lớn những âm thanh khác không nghe thấy mà chỉ nghe thấy những tiếng rùng rợn như cộp gầm chẳng hạn.

NDMB: Vào năm 1964 đã bị phá rồi ?

B.S. Vũ Ngọc Tân: Chúng tôi đã phá chứ không phải chính phủ cho lệnh phá. Chúng tôi thấy rằng nó không có ích lợi gì cho chúng tôi. Khi chính phủ trả lại khu đó cho sở thú chúng tôi phá đi và dùng vật liệu đó để làm việc khá ích lợi hơn.

DỰ ÁN CẢI TIẾN TRUNG TIỂU HỌC

Phát Hình Ngày 24.3.1972

Ông NGUYỄN VĂN LIÊM, Phụ Tá Đặc biệt Tổng Trưởng Giáo Dục, đặc trách Trung Tiểu Học và Bình Dân Giáo Dục, nguyên giáo sư trung học Petrus Ký, hiệu trưởng trung học Trịnh Hoài Đức, Bình Dương, hiệu trưởng trung học Petrus Ký, chánh thanh tra, trưởng ban soạn đề thi, chuyên viên Phủ Tổng Thống. Và hiện nay là phụ tá đặc biệt Tổng Trưởng Giáo Dục, đặc trách Trung Tiểu Học và Bình Dân Giáo Dục.

NDMB: Bộ Giáo Dục tuyên bố từ niên khóa 1972-1973 bỏ thi Tú Tài I và thiết lập lại kỳ thi Trung Học Đệ Nhất Cấp trong chương trình cải tiến của Trung Tiểu Học. Bộ Giáo Dục làm như vậy với mục đích gì?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Trong thông điệp đọc trước Lương Viện Quốc Hội Tổng Thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu có nói chánh sách giáo dục của chúng ta phải là một nền giáo dục đại chúng và thực dụng.

Cuối năm 1969, Tổng Thống ký một sắc lệnh ấn định một hệ thống giáo dục trung tiểu học liên tục 12 năm. Như vậy nếu chúng ta không có cải tiến gì hết, thì dường lối chánh sách đề ra không được thực hiện đúng mức. Do đó chúng tôi nghĩ cần

phải có sự cải tiến ở bậc trung tiểu học. Và trước hết là chương trình trung tiểu học, lẽ lối thi cử cũng như cơ cấu tổ chức, điều hành thế nào để có thể thực hiện được chính sách đại chúng và thực dụng.

NDMB: Đó là hướng chính của chương trình cải tiến này phải không?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Phải. Hễ nói tới tính cách đại chúng, chúng tôi thấy như thế này: Trước kia nền giáo dục của chúng ta chỉ ưu đãi một số người nào đó mà thôi. Bây giờ nền giáo dục của chúng ta phải phục vụ cho đại đa số. Nói một cách khác, đa số thanh thiếu niên của chúng ta phải có cơ hội được học hỏi để những thành phần đông đảo đó sau này có thể phục vụ hữu hiệu cho quốc gia.

Từ trước đến nay chúng ta thấy chương trình của mình có tính cách từ chương, thiên về lý thuyết cách biệt với thực tế cho nên trong chiều hướng cải tiến sắp tới, chúng tôi phải làm thế nào để những kiến thức học sinh thu lượm được ở trường không quá cách biệt với đời sống.

Về tính cách liên tục của chương trình trong hệ thống 12 năm, từ trước tới giờ, chúng ta có sự ngăn cách giữa các cấp học. Theo sắc lệnh củ chúng ta có tiểu học, trung học. Hiện giờ chúng ta cũng giữ những tiểu học, trung học riêng biệt.

NDMB: Thưa ông Phụ Tá, có nhiều trường hợp và lớp luyện thi mà giáo dục tất chương trình, nhảy lớp để thi lên lớp 6, thi Trung Học Đệ Nhất Cấp, thi Tú Tài I. Trong chương trình mới, Bộ Giáo Dục có trữ liệu việc kiểm định của học vấn của học sinh không?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Phải phân biệt hai vấn đề: Thứ nhất là những lớp luyện thi Tú Tài I và Tú Tài II và việc bố túc cho các em học sinh để thi tuyển vào lớp 6. Hiện giờ ở trường trung học của mình không đủ phòng ốc và giáo sư để tất cả các học sinh lớp năm lên lớp sáu do đó mới có kỳ thi tuyển,

cho nên một số có học thêm. Khi đã học lẽ ra phải học đều và chúng ta phải có những biện pháp kiểm soát chỗ không phải đợi đến lớp 11 và 12 rồi mới thi. Vì vậy cho nên trong chương trình cải tiến chúng tôi nghĩ rằng hội đồng chương trình cũng phải theo đường lối làm thế nào để các em muốn học lớp trên phải có những kiến thức căn bản lớp dưới chỗ không phải học tất, ngang ở lớp cuối cùng để dự thi.

NDMB: Bộ Giáo Dục tuyên bố cải tổ lối thi cử bằng lối thi trắc nghiệm. Nhiều người cho rằng thi theo lối trắc nghiệm không đòi hỏi học sinh làm câu viết thành bài và học sinh có thể không học mà vẫn đậu bằng cách nhăm mắt, chăm đại có thể may rủi chấm trúng.

Thưa ông Phụ tá, thi theo lối trắc nghiệm là thi theo Pháp hay Mỹ? Học sinh có kém về mặt viết văn không? Và có yếu tố may rủi không?

O. Nguyễn Thanh Liêm: Thi theo lối trắc nghiệm, trắc nghiệm của chúng ta là trắc nghiệm khách quan thành ra loại được nhiều yếu tố may rủi. Học sinh khi đi thi chỉ cần gạch chéo trên những câu hỏi có câu trả lời sẵn, vì chỗ này mà nhiều người cho rằng học sinh không làm câu cho nên việc làm văn sẽ khiếm khuyết.

Thật sự, trong kỳ thi trắc nghiệm của chúng ta không phải là áp dụng cho tất cả các môn mà có một số môn chúng ta phải giữ lại tính cách viết thành câu như bài luận viết văn, triết chẳng hạn. Ra đề thi lối cũ để may rủi hơn là lối thi trắc nghiệm khách quan.

Tôi lấy ví dụ: Đề thi theo lối cũ chỉ hỏi 2, 3 cho đến 5 câu hỏi trong một môn học, học sinh có thể lựa chọn học tủ có thể trúng được. Trong lối trắc nghiệm không hỏi ít câu, mà hỏi nhiều câu hỏi rải rác khắp chương trình.

NDMB: Thưa Ông Phụ Tá, sau đây chúng tôi xin nêu những thắc mắc do việc bãi bỏ kỳ thi Tú Tài I gây ra: Bãi thi Tú Tài I, quyền lợi của học sinh về phương diện quân dịch có bị thiệt thòi không?

Nói rõ hơn, Em Lê Văn Chiến, học sinh trường Trung Học Sadeo hỏi: Học sinh đúng 18 tuổi đang học lớp 11 có được hoãn dịch để lên lớp 12 học thi Tú Tài II năm 1973 không?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Trong câu hỏi này có hai phần là phần riêng cho trường hợp em Chiến, tôi xin trả lời là năm nay vẫn duy trì kỳ thi Tú Tài I và kỳ thi Tú Tài II như cũ. Năm 1973 khi bắt đầu bỏ thi Tú Tài I thì lúc đó kỳ thi Tú Tài II vẫn còn duy trì thành ra những em nào năm nay dự thi Tú Tài I năm tới mấy em mới được thi Tú Tài II. Thứ hai là khi các em đủ điểm trung bình toàn niên để lên lớp 12 thì các em được đương nhiên hoãn dịch để tiếp tục học.

NDMB: Vì năm 1972 vẫn còn thi Tú Tài I, Bà Võ Thị Danh 477 Hai Bà Trưng thắc mắc: Nếu con gái bà thi rớt Tú Tài I năm 1972 có được lên lớp 12 để thi Tú Tài II năm 1973 không?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Không. Vì năm nay chúng ta chưa thay đổi về thi cử nên nếu không có Tú Tài I năm nay không thể dự thi Tú Tài II năm 1973 được.

NDMB: Vì câu hỏi và trả lời có phần quan trọng nên chúng tôi xin đặt câu hỏi khác về trường hợp tương tự. Bà Lâm Ngọc Anh 52/26 Cư Xá Lữ Gia hỏi Nam học sinh đúng 19 tuổi thi rớt Tú Tài I năm 1972 có thể lên lớp 12 để thi Tú Tài II năm 1973 không?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Chúng tôi đã nói trong hai câu hỏi trước là nếu không có Tú Tài I năm nay thì năm 1973 không thể dự thi Tú Tài II.

NDMB: Chúng tôi xin hỏi thêm cho rõ: Năm 1973 học sinh dự thi Tú Tài II phải có những điều kiện gì?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Những điều kiện mà hiện nay đang có trong đó điều kiện quan trọng nhất là phải có Tú Tài I. Từ năm 1974 trở đi, khi có thay đổi ở kỳ thi Tú Tài II thì lúc đó điều kiện dự thi mới thay đổi.

NDMB: Học sinh thi rớt Tú Tài II năm 1973 đi quân dịch có được học khóa sĩ quan trừ bị Thủ Đức không?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Năm 1973 muốn dự thi Tú Tài II là phải có Tú Tài I như vậy rớt Tú Tài mà đã có Tú Tài I thì những học sinh đó được đi khóa sĩ quan trừ bị.

NDMB: Bỏ thi Tú Tài I, học sinh lớp 11 lên lớp 12 rất nhiều. Tám, chín mươi phần trăm thay vì 40 phần trăm học sinh đậu Tú Tài I như trước. Bộ Giáo Dục làm thế nào để giải quyết vấn đề trường ốc và giáo sư?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Đây là vấn đề quan trọng, nhưng có thể giải quyết được. Tôi lấy ví dụ hàng năm chúng ta có 100.000 thí sinh Tú Tài I thường đậu vào khoảng 40 phần trăm lên lớp 12, 60 phần trăm đa số vẫn còn lại lớp 11 mà trường sở vẫn có đủ để chứa học sinh đó, vì vậy mà vấn đề trường ốc nếu phát triển thêm từ nay đến năm 1973 thì không phải là vấn đề đáng lo ngại.

Về phương diện giáo sư thì vì có niên khóa 1972-1973 việc đào tạo giáo sư cũng không phải là điều khó khăn nữa.

NDMB: Muốn vào ngạch, một công chức công nhật phải có Tú Tài I, nay không còn Tú Tài I nữa, công chức đó phải bị thiệt thòi và vất vả vừa đi làm vừa đi học thêm mỗi năm nửa mới thi được Tú Tài II.

Bỏ thi Tú Tài I, về phương diện công vụ, Bộ sẽ giải quyết cách nào đối với những người đứng tuổi muốn có văn bằng để tiến thân?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Trường hợp những người lớn tuổi đi học thêm sử dụng văn bằng Tú Tài I thì bên công vụ cho biết rằng con số đó rất ít. Khi chúng ta có kỳ thi Tú Tài I, nhưng người đó có thể tiếp tục để lấy Tú Tài II và sử dụng trong công vụ có lợi nhiều hơn. Còn ở dưới nữa chúng ta cũng có thiết lập kỳ thi Trung Học Đệ Nhứt cấp tráng niên. Kỳ thi cũng có thể giúp công chức về phương diện văn bằng để tiến thân trong nghề nghiệp.

NDMB: Một số Cảnh sát thuộc Bộ Chỉ Huy Cảnh Sát Quốc Gia Bình Dương xin hỏi Bộ Giáo Dục về việc cứu xét việc ăn thưởng thêm điểm trong các kỳ thi văn hóa trong ngành cảnh sát quốc gia cũng như quân đội được hưởng từ lâu nay.

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Chúng tôi cũng có nhận được thỉnh nguyện đó và chúng tôi sẽ nghiên cứu lại vấn đề này.

NDMB: Em Lê Văn Quá thắc mắc về việc thi thể dục trước mỗi khóa thi Tú Tài, tại sao Bộ không có chương trình thể dục học đường để giúp học sinh. Nếu để khuyến khích học sinh tập thể dục tại sao chỉ lấy điểm trên 10? Thí sinh đã cố sức thi thể dục đủ là quá đở, thì thí sinh ấy phải được khuyến khích phải không?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Hiện thời ở các trường công có chương trình hoạt động học đường, những em nào có theo dõi chương trình đó thì các em có thể được cấp chứng chỉ và số điểm này các em sẽ được hưởng trong những kỳ thi, chỉ những trường nào không đủ phương tiện để tổ chức thi các em muốn có điểm thêm mới đi thi thể dục. Trong kỳ thi này thì số điểm trên 10 mới được kể để thêm vào điểm thi.

NDMB: Em Võ Thị Hồng Hương lớp 10B3 Trung Học Khiết Tâm Biên Hòa đề nghị cho học Công Dân Giáo Dục về Thiệu Nhi Phạm Pháp từ lớp 6 thay vì dời tới lớp 10?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Đây cũng là một ý kiến mà chúng tôi nghĩ rằng đây là phần chuyên môn của hội đồng chương trình sẽ nghiên cứu sửa đổi trong chương trình của chúng ta. Riêng môn công dân thì ông Tổng Trưởng Giáo Dục có chú ý tới rất nhiều. Ông Tổng Trưởng thường nói là ở cấp tiểu học phải chú trọng nhiều về môn công dân, cốt yếu là tạo cho các con em có những thói quen tốt sẽ tạo cho các em có một nếp sống lành mạnh. Ví dụ như biết tôn trọng lá quốc kỳ, biết giữ sạch sẽ.

.../

NDMB: Thưa Ông Phụ Tá chúng tôi xin bước qua vấn đề bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp năm 1973 có cần thiết để lên lớp 10 không? nói một cách khác, nếu vì lý do nào đó ngoài ý muốn của học sinh, thi rớt hoặc không thi được Trung Học Đệ I Cấp năm 1973, nhưng có số điểm trung bình của lớp 9 trong năm cao học sinh đó có thể lên lớp 10 không?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Bằng THPTIC mà Bộ Giáo Dục sẽ thiết lập không giống hết như bằng THPTIC đã có mà đây chỉ là một kỳ thi ở cuối lớp 9.

Hiện thời trong hệ thống 12 năm có bậc tiểu học với học kỳ là năm năm, sau đó tới bậc trung học với học kỳ là 7 năm nhưng trong bậc trung học lại chia làm hai giai đoạn. Giai đoạn của THPTIC từ lớp 6 đến lớp 9, trong giai đoạn này các học sinh học như nhau chỗ không phân biệt các ban ABC nhưng đến học kỳ cuối cùng là từ lớp 10 đến lớp 12 thì các em phải lựa chọn những ban chuyên môn. Do đó cuối mỗi niên học kỳ có một kỳ thi để đo lường sức học của học sinh mặt khác giúp các em có thể định hướng được ngành chuyên môn sẽ theo.

Thật ra kỳ thi đó không có tính cách quyết định Ban của các em nhưng giúp cho các em. Lớp 6 và 7 là những lớp có tính cách dự hướng, lớp 8 và lớp 9 là những lớp định hướng. Do đó chúng ta không nên quan niệm kỳ thi cuối lớp 9 như là kỳ thi THPTIC để chặn bước tiến của học sinh mà cốt yếu là hướng dẫn cho các em lựa chọn ngành học mà thôi.

NDMB: Tại một số quốc gia trên thế giới và gần chúng ta hơn tại Á Châu việc cấp phát văn bằng tốt nghiệp được giao cho các trường. Ở Việt Nam, Bộ Giáo Dục có thể cho các trường được phép cấp phát văn bằng và chứng chỉ tốt nghiệp như vậy không?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Đúng như vậy, một số lớn các quốc gia ở Á Châu mỗi trường tự cấp phát chứng chỉ cho học sinh của họ sau khi tốt nghiệp chứ không tổ chức kỳ thi trên toàn quốc do trung ương đảm trách như ở Việt Nam. Trong tương lai chúng ta cũng có thể nghĩ tới việc giao trách nhiệm đó lại cho các trường nhưng phải có một số điều kiện nào đó, chẳng hạn như ở các nước khác ở Đại Học có một kỳ thi tuyển để vào đại học chứ

chứ không phải chỉ căn cứ trên chứng chỉ tốt nghiệp bậc trung học rồi cho vào. Lúc nào chúng ta có điều kiện thì chúng ta có thể giao quyền cấp phát chứng chỉ lại cho mỗi trường.

NDMB: Một khán thính giả cũng là một giáo sư đại học có một chương trình cách mạng có thể tạo cho học đường bầu sinh khí phấn khởi và thoát được những mâu thuẫn bất công hiện nay, vị ấy sẵn sàng dâng hiến cho đất nước. Ông phụ tá nghĩ sao?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Ông Tổng Trưởng rất cởi mở và luôn luôn sẵn sàng đón nhận những ý kiến xây dựng thành ra nếu có quý vị giáo sư có những ý kiến xây dựng muốn góp sức để cho nền giáo dục tốt đẹp hơn thì tôi tin rằng ông Tổng Trưởng sẵn sàng đón nhận ý kiến đó.

NDMB: Thưa ông Phụ Tá, Em Đào Bình Minh đề nghị với Bộ Giáo Dục là Bộ nên có một chương trình phát hình và phát thanh hằng tuần nhằm phổ biến các thông cáo, chương trình học tập, thi cử, cũng như các quyết định của Bộ. Để cho chương trình hấp dẫn hơn, có thể phụ diễn phần văn nghệ được đảm trách bởi chính các sinh viên học sinh của các phân khoa đại học và các trường trung học công, tư tại Đô Thành.

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Điều đó, chúng tôi cũng đã nghĩ đến và cũng cho nghiên cứu để xúc tiến cho giờ ở trên truyền hình dành cho giáo dục có phần thông tin, giải đáp thắc mắc hầu có cơ hội cho các trường có các sinh hoạt văn nghệ có dịp trình bày. Ông Tổng Trưởng Giáo Dục cũng đã nghĩ tới và đã chỉ thị cho các Nha liên hệ nghiên cứu để tổ chức chương trình này.

CHÍNH ĐẢNG TẠI VIỆT NAM

Phát Hình Ngày 31.3.1972

Giáo Sư NGUYỄN NGỌC HUY, Tổng Thư Ký Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến, 48 tuổi, quê tại Biên Hòa, tiến sĩ Chính trị học Đại học Luật khoa và Khoa học Kinh Tế Ba Lê 1963, Đồng Lý Văn Phòng Phủ Phó Thủ Tướng Đặc Trách Bình Định năm 1964, Khoa trưởng Đại học Luật Khoa và Khoa Học Xã Hội Cần Thơ 1968, nhân viên Phái đoàn VNCH tại hội đàm Ba Lê. Hiện nay ông là giáo sư tại Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, giáo sư Chánh Trị học tại một số các đại học Việt Nam.

NDMB: Thưa Giáo Sư, nhiều người cho rằng đảng phái chính trị là một xa xỉ phẩm trong tình hình chiến tranh hiện nay. Người khác cho chính đảng là "xôi thịt". Theo giáo sư, đảng phái chính trị có cần ích cho quốc gia không?

G.S. Nguyễn Ngọc Huy: Việc chính đảng có ích hay có hại cho quốc gia là một vấn đề đã được đem ra tranh luận từ ngàn xưa. Thời quân chủ, một số nhà nho cho rằng, bầy tôi phải tuyệt đối trung thành với vua cho nên họ nhiệt liệt chỉ trích việc thành lập phe phái để tranh đấu cho lập trường chính trị riêng.

.../

Có nhà nho lại cho rằng sự thành lập phe phái là không thể tránh được như Au Dương Tu là một danh nho đời nhà Tống nói rằng việc thành lập phe phái để hoạt động chính trị là việc không tránh được nhưng phải phân biệt đảng tiểu nhân và đảng quân tử.

Thành lập phe phái để hoạt động cho quyền lợi là đảng tiểu nhân, hoạt động cho chính nghĩa là đảng quân tử. Dĩ nhiên, Au Dương Tu tán thành đảng quân tử.

Thời dân chủ cũng có những lập trường khác nhau như trường phái của Rousseau cho rằng trong chế độ dân chủ, người dân phải đứng đơn độc mỗi thấy quyền lợi chung ở đâu chỗ thành lập phe phái thì vì quyền lợi phe phái mà quên lãng quyền lợi chung đi. Trong khi đó thì một số lý thuyết gia như Montesquieu như Benjamin Constant và Alexis de Tocqueville lại cho rằng trong một nước dân chủ, nếu không có tổ hợp trung gian, người dân rất khó chống lại sự lạm quyền của nhà nước, bởi vì bộ máy nhà nước rất mạnh mẽ, là năng trong khi cá nhân đơn độc rất nhỏ bé nên phải có những tổ hợp trung gian làm trái độn giữa người dân, chính quyền mỗi tránh được sự lạm quyền và bảo vệ sự tự do của người công dân. Chính đảng là một trong những tổ hợp trung gian được nói đến. Đó là cuộc tranh luận về lý thuyết đến bây giờ cũng chưa chấm dứt.

Thực tế mà nói, từ xưa tới giờ trong đời sống chính trị không thể nào không có phe phái, nhất là trong giai đoạn hiện tại. Nền văn minh hiện nay đang tiến tới trình độ gọi là văn minh đại chúng.

Trước đây, văn minh là văn minh tu tử nên số phận quốc gia tùy thuộc một thiểu số lãnh đạo trong nước. Hiện giờ văn minh đại chúng bắt buộc phải huy động toàn dân để tranh đấu với các nước khác mỗi hy vọng thắng lợi được. Muốn huy động toàn dân không thể trông vào bộ máy chính quyền, phải có sự trợ lực của bộ máy chính đảng mới thành công.

Trong đời sống chính trị tại các quốc gia hiện nay, dù theo dân chủ hay độc tài, quốc gia cũng phải có chính đảng mạnh mới thành công như Đức quốc xã, Ý phát xít, các nước Cộng sản hiện tại, nhờ bộ máy chính đảng mạnh mẽ làm độc tài nổi cơn những nước như Mỹ, Pháp, Anh cũng nhờ chính đảng mạnh nên mới thành công trong việc tranh đấu cho dân chủ, thì Việt Nam chúng

ta có thể nói rằng làm độc tài cũng không xong mà làm dân chủ cũng chưa thành công chỉ vì chính đảng quá yếu chưa đóng nổi vai tòng của mình.

NDMB: Chắc vì thấy có sự cần ích của chính đảng nên có rất nhiều người đứng ra lập đảng và vì thế cho nên Việt Nam có hàng trăm đảng phải không?

G.S. Nguyễn Ngọc Huy: Thực sự Việt Nam có nhiều chính đảng nhưng nói "hàng trăm" thì thái quá. Những người nói có hàng trăm đảng là đã hỏi Bộ Nội Vụ, mà Bộ Nội Vụ thì làm việc như thế này: khi có một vấn kiện, ví dụ một tờ truyền đơn chẳng hạn, mang tên của một tổ chức, Bộ Nội Vụ ghi tổ chức đó như là một chính đảng mới được thành lập. Trong thực tế có thể chỉ có một cá nhân, một tổ chức, một cơ quan nào đó mà thôi nhận thấy có một biến cố chính trị xảy ra, muốn sách động quần chúng hay muốn đưa lập trường của mình ra, họ tạo ra một cái tên và viết truyền đơn để phô bày lập trường. Họ không phải là một chính đảng.

Cho tới nay, chúng ta có 23 chính đảng đã được hợp thức hóa, hai chính đảng có phái lai và chưa hợp thức hóa và bốn chính đảng không đủ điều kiện hợp thức hóa nên kể như là bị giải tán. Nếu kể thêm một vài chính đảng mà vì lý do này hay lý do khác mà không chịu hoạt động công khai chung qui có khoảng 30 chính đảng chứ không phải hàng trăm như người ta đã nói. Nhưng 30 đảng cũng là nhiều chứ không phải là ít.

NDMB: Giáo sư nói 30 đảng là nhiều vậy giáo sư có thể giải thích tại sao chúng ta có nhiều đảng như vậy?

G.S. Nguyễn Ngọc Huy: Sự thực có rất nhiều nguyên nhân đưa đến chế độ đa đảng. Thứ nhất là chế độ cảnh sát của nhà cầm quyền. Trong một quốc gia, nhà cầm quyền không cho phép người dân hoạt động chính trị công khai, người dân chỉ có cách là lập đảng bí mật. Lập đảng bí mật không thể phổ biến cơ quan lãnh đạo, lập trường của đảng và như thế không thể phổ biến, phát triển đồng đều khắp nơi thành ra đảng bí mật phải thành lập thiệt nhiều.

Và trong tổ chức mà nhà cầm quyền không cho dân làm chánh trị, người cầm quyền thường tìm cách đàn áp các chánh đảng nên các chánh đảng không dám liên lạc với nhau, sợ bị bại lộ.

Lý do thứ nhì là trong nước có nhiều biến cố chánh trị quan trọng, bắt buộc dân chúng phải chọn nhiều giải pháp khác nhau. Như bên Âu Châu vào thế kỷ thứ 17, 18, có xu hướng bạo hoàng. Anh là nước ít có biến cố chánh trị. Từ trước tới sau chỉ có một dòng vua cai trị, những người bạo hoàng hợp lại thành phe với nhau mà thôi. Tại Pháp có nhiều biến cố chánh trị hơn, ví dụ cách mạng năm 1789 dòng vua chánh thống bị lật đổ và một vị tướng là Napoléon cướp chánh quyền lập triều đại mới. Sau đó Napoléon bị truất phế, chánh quyền thuộc về dòng vua cũ nhưng chỉ trong một thời gian dòng vua đó lại bị lật đổ: bên Pháp vào thế kỷ thứ 19 có tới ba khuynh hướng bạo hoàng chỗ không phải một như bên Anh.

Hiện tại Việt Nam cũng có nhiều biến cố chánh trị quan trọng thành ra có nhiều chánh đảng mà lại còn bị phân hóa ra nữa. Như năm 1945 khi Cộng sản cướp chánh quyền, họ dùng chánh sách độc tài, tàn sát tất cả những người không thuộc đảng của họ, trong khi đó Pháp lại mang binh, tính chinh phục lại Việt Nam. Các chánh đảng lúc đó đứng trước ba trường hợp: 1. cộng tác với Cộng sản để chống Pháp đánh lại độc lập. 2. cộng tác với Pháp để chống Cộng và 3. chống cả Pháp lẫn Cộng sản vì cho rằng theo Pháp mất chính nghĩa theo Cộng sản cũng mất chánh nghĩa.

Tới năm 1955, khi Ông Ngô Đình Diệm về nước cầm quyền, áp dụng chánh sách độc tài, chánh đảng lại đứng trước hai trường hợp: 1. Vì nhu cầu chống Cộng phải triệt để ủng hộ Ông Diệm, 2. cho rằng chánh sách của Ông Diệm tạo môi trường thuận lợi cho sự hoạt động của Cộng sản, nên phải chống chế độ Diệm để có điều kiện hoạt động, thành ra do đó lại phân hóa lần thứ nhì.

Lý do thứ ba làm cho trong nước có nhiều đảng là thể thức đầu phiếu. Bên nước Anh theo thể thức đầu phiếu đơn danh đa số một vòng thăm: trong thể thức đó, trong một đơn vị tuyển cử chỉ có một người đắc cử mà thôi. Nếu những người theo một xu hướng chánh trị phân ra làm nhiều phe phái đưa nhiều ứng cử

viên ra tranh cử nhất định thua xu hướng chống đối lại họ. Bởi vậy các chính khách có khuynh hướng kết hợp lại với nhau và các chính đảng giữ kỷ luật nội bộ không cho phân hóa, ví dụ như nước Mỹ. Ngược lại họ theo thể thức đầu phiếu đại diện tỷ lệ. Theo thể thức này mỗi đơn vị có nhiều người đắc cử và các ứng cử viên phải lập liên danh để tranh cử với nhau. Sau khi kiểm phiếu, người ta phân phối các ghế cho các liên danh cách nào để cách nào cho mỗi chính đảng có một số ghế cân phân với số phiếu bầu hoạch được. Làm như vậy, một đảng nhỏ cũng có hy vọng có được vài ghế trong quốc hội cho nên họ không chịu kết hợp với nhau, và một chính đảng lớn khi có xung đột với nhau thì các chính khách cũng sẵn sàng tách ra để lập một đảng mới. Có thể nói rằng thể thức đầu phiếu cũng ảnh hưởng đến các chính đảng nữa.

Riêng tại Việt Nam, lối bầu cử Hạ Nghị Viện không giúp vào việc kết hợp các đảng vì bầu cử Hạ Viện lấy tỉnh làm đơn vị mà trong mỗi tỉnh cũng có thể có nhiều người đắc cử. Do đó việc kết hợp chính đảng rất khó khăn.

NDMB: Thưa giáo sư, đã biết nguyên nhân của sự phân hóa trong các đảng chính trị, giáo sư có thể cho biết một hy vọng nào để có thể kết hợp các chính đảng tại Việt Nam?

G.S. Nguyễn Ngọc Huy: Hiện ở nước ta có nhiều chính đảng và sự kết hợp khó khăn, nhưng cũng có nhiều hy vọng để chúng ta đi đến kết hợp. Thứ nhất là cuộc bầu cử thượng viện. Bầu cử thượng nghị viện phải theo lối liên danh. Ứng cử viên hợp lại từng 10 người để tranh cử với nhau và cuộc bầu cử diễn ra trên toàn quốc, không chính đảng nào đủ sức một mình lập một liên danh mà có hy vọng thắng cử. Bởi vậy cho nên các chính đảng phải kết hợp lại.

Tôi tưởng rằng trong tình trạng bình thường cuộc bầu cử Hạ Viện là một yếu tố giúp các chính đảng ngồi chung lại với nhau.

Ngoài ra, còn vấn đề chống cộng. Các chính đảng đều ý thức rằng nếu có nhiều chính đảng rời rạc sẽ khó thắng cộng sản, vì vậy hiện chúng ta thấy có sự cố gắng để kết hợp. Ví dụ

phía Công giáo Ông Nguyễn Văn Huyền chủ tịch Thượng viện hiện giờ cũng cố gắng để kết hợp lực lượng Đại đoàn Kết và Nhân Xã để làm Mặt Trận Quốc Dân Đông Tiên. Dân xã cũng tìm cách thống nhất lại. Việt quốc cũng cố gắng để thống nhất.

Ngoài ra còn một số chính đảng như Công Nông Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiên, Đại Việt, Cách Mạng cũng đang có những cuộc tiếp xúc để đi chung với nhau tôi tin tưởng rằng sự thúc đẩy của tình thế sẽ làm cho các chính đảng Việt Nam kết hợp lại với nhau.

NDMB: Thưa Giáo sư, việc kết hợp thành lưỡng đảng như là Hiến pháp mong muốn có lợi hay không và chúng ta có thể kết hợp thành lưỡng đảng được không và làm thế nào để kết hợp được.

G.S. Nguyễn Ngọc Huy: Quan niệm chung của nhiều người tại Việt Nam là cho rằng lưỡng đảng là điều rất tốt và ai cũng muốn, ngay cả những nhà lập hiến hồi 1967 cũng đã nói rằng: Quốc gia khuyến khích việc tiến tới chế độ lưỡng đảng. Quan niệm này cũng có phần hợp lý bởi vì người ta nhận thấy rằng độc đảng thì độc tài mà đa đảng thì hỗn loạn. Kết luận tự nhiên là lưỡng đảng thì tốt đẹp nhất. Nhưng sự thật không giản dị như vậy. Lưỡng đảng chỉ tốt đẹp cho một số điều kiện nào đó mà thôi. Thứ nhất là phương diện chính thể, chúng ta thấy rằng lưỡng đảng chỉ tốt đẹp với chế độ nghị viện. Chế độ Nghị viện là chế độ trong đó người dân bầu ra Quốc hội và thủ tướng nắm quyền hành pháp là người hoàn toàn tùy thuộc nơi Quốc hội. Quốc hội tán thành, thủ tướng còn làm, Quốc hội không tán thành, từ chức.

Nếu trong nước theo chế độ nghị viện có hai đảng đương nhiên một đảng sẽ nắm đa số tuyệt đối trong quốc hội và thủ tướng sẽ là lãnh tụ của đảng đa số đó. Dĩ nhiên khi thủ tướng là lãnh tụ của đảng đa số trong quốc hội, quốc hội phải tán thành việc làm của thủ tướng. Dự luật nào cũng được biểu quyết, ngân sách được chấp thuận thành ra thủ tướng có đủ quyền hạn để làm việc suốt nhiệm kỳ quốc hội và thực hiện nổi chương trình của đảng vì vậy trong chế độ nghị viện, lưỡng đảng rất quý.

.../

Nếu chúng ta theo chế độ tổng thống thì ngược lại, lưỡng đảng chưa chắc đã là hay. Nếu tổng thống đứng trong một đảng, đa số quốc hội đứng trong một đảng khác thì hai bên chống chọi với nhau không thể nào làm việc được, vì bao nhiêu dự luật tổng thống đưa ra, quốc hội bác hết thì tổng thống không làm được gì hết. Mỹ theo chế độ Tổng Thống mà có lưỡng đảng mà tránh được nạn đó vì hai đảng ở bên Mỹ là hai đảng không có kỷ luật nội bộ. Chúng ta thấy rằng một chính sách nào cũng có một số đảng viên của Dân Chủ và của đảng Cộng Hòa tán thành trong khi đó một số đảng viên của Dân Chủ và Cộng Hòa phản đối thành ra đảng bên Mỹ là đảng không kỷ luật nên như là đa đảng.

Nếu chế độ Tổng Thống có hai đảng đối chọi nhau mà Tổng Thống thuộc một đảng quốc hội thuộc một đảng khác sẽ không làm việc được, có thể nói rằng lưỡng đảng chưa chắc đã là hay trong chế độ Tổng Thống.

Mặt khác, chế độ lưỡng đảng chỉ tốt đẹp khi trong nước có sự hoạt động điều hòa không có xung đột quá mạnh bạo giữa những đảng đối chọi với nhau. Trong trường hợp đó, sự thay đổi đảng nắm chính quyền không đưa tới sự xáo trộn quá lớn cho quốc gia, chỗ trong những nước chậm tiến, sự xung đột chính trị quá mạnh bạo mỗi khi có thay đổi chính quyền làm xáo trộn tất cả mọi cơ cấu thì chưa chắc gì lưỡng đảng là cái tốt.

Mặt khác nữa, việc tiến tới lưỡng đảng không phải dễ dàng như một số người tưởng. Có người cho rằng chính quyền lập một đảng còn bao nhiêu người không thuộc chính quyền cứ lập một đảng khác thì có lưỡng đảng. Sự thật, chính quyền rất dễ lập đảng vì lãnh tụ thì đương nhiên Tổng Thống hay Thủ Tướng đương nhiên là nhà lãnh đạo đảng chính quyền, đảng chính quyền nhiều phương tiện nên đảng viên dù có bất hòa cũng được dàn xếp dễ dàng. Trong khi đó, phía đối lập khó kết hợp thành một đảng duy nhất vì người ta có thể chống chính quyền với lý do khác nhau mà những lý do đó có khi lại chống chọi lẫn nhau. Ví dụ ở nước ta chống Cộng: có những người chống Cộng triệt để, chống chính quyền vì cho rằng chính quyền quá mềm yếu trong việc chống Cộng, ví dụ khi chính phủ VNCH gửi phái đoàn sang dự hội đàm Ba Lê một số người cho rằng vi hiến, phản đối việc đó. Ngược lại có một số người cho rằng phải có hòa bình tức khắc, chỉ trích chính quyền đã quá cứng rắn không chịu nhượng bộ Cộng sản, để có hòa bình. Hai nhóm chống đối đủ đội như vậy làm thế nào để có thể ngồi chung mà lập thành một đảng duy nhất cho được.

Còn về lãnh tụ, có thể nói rằng không nhà lãnh tụ nào chịu nhượng bộ người khác vì sợ rằng bầu người khác làm lãnh tụ của mình rồi họ phản bội lập trường của mình nên rất khó mà thành lập được một đảng đối lập duy nhất.

Nói như vậy không có nghĩa là không có những biện pháp kỹ thuật để tiến tới lưỡng đảng. Hồi 1966-1967 một số dân biểu lập hiến có tiếp xúc với chúng tôi và chúng tôi có đề nghị một biện pháp kỹ thuật để đi tới lưỡng đảng nhưng rất tiếc là không được chấp thuận. Biện pháp đó như thế này: Chúng tôi đề nghị rằng trong cuộc bầu cử Tổng Thống liên danh có phiếu nhiều nhất đương nhiên đắc cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống, còn liên danh về nhì được xem là liên danh đối lập chánh thức của chánh quyền.

Ứng cử viên Tổng Thống đương nhiên là nghị sĩ trong Thượng Nghị Viện và là người lãnh đạo đối lập ở trong Thượng Viện. Ứng cử viên Phó Tổng Thống đương nhiên là dân biểu trong Hạ Nghị Viện và lãnh đạo đối lập trong Hạ Viện.

Hai vị đó được xem là lãnh tụ đối lập chánh thức và được hưởng một số đặc quyền để thi hành nhiệm vụ đối lập với chánh quyền. Nếu không chấp nhận họ là lãnh tụ sẽ không có phương tiện để hoạt động cho nên bắt buộc một số chánh đảng phải hợp tác với họ để làm đối lập qua nhiều cuộc tuyển cử như vậy, chúng ta có thể hy vọng rằng mình có thể đi tới lưỡng đảng được.

NDMB: Thưa Giáo sư, có người nói rằng chánh quyền phải đứng ngoài sự tranh chấp đảng phái nên không nên có một đảng chánh quyền. Nhưng theo giáo sư, đảng chánh quyền có cần thiết hay không và phải làm sao cho có một đảng chánh quyền hữu ích?

G.S. Nguyễn Ngọc Huy: Trước đây chúng tôi đã trình bày là trong thế giới hiện tại, xã hội tiến tới nền văn minh đại chúng rồi thì không thể nào không có chính đảng. Cho nên lập đảng chánh quyền phải đặt trên một chánh đảng. Nếu chúng ta xem qua đời sống chánh trị của VNCH trong mấy năm sau này, chúng ta có thể nói rằng sở dĩ cơ chế của Hiến Pháp 1967 không điều hòa được là vì chúng ta thiếu một đảng chánh quyền. Do đó,

các cơ quan công quyền không có sự phối trí và không có sự hợp tác với nhau cũng như giữa chánh phủ và dân chúng không có sự cộng tác chặt chẽ.

Chúng ta thấy như một số nghị sĩ đưa ra một dự luật Hạ Viện nhiều khi không thảo luận, không biểu quyết. Ngược lại, Hạ Viện nhiều khi biểu quyết xong một dự luật rồi đưa lên Thượng viện, Thượng viện lại xếp không thảo luận và biểu quyết. Đó là thiếu sự cộng tác giữa Thượng Viện với Hạ Viện.

Bây giờ giữa Hành Pháp với Lập pháp cũng không cộng tác. Tổng Trưởng là những người tranh đấu đơn độc, nghị sĩ và dân biểu phần lớn cũng vậy. Không có lý do gì mà một dân biểu hay một nghị sĩ bênh vực lập trường của một ông Tổng Trưởng tại quốc hội. Có nhiều khi ông dân biểu hay Nghị sĩ thấy lập trường của một bộ rất hay nhưng nếu bênh vực lại e ngại rằng mang tiếng là "giả nô", là người lãnh tiền của Hành pháp. Giả tỷ như bây giờ chúng ta có một đảng chánh quyền, Tổng Thống, Thủ Tướng, các vị Tổng Bộ Trưởng, nghị sĩ, dân biểu là đảng viên của đảng chánh quyền và tất cả mọi đảng viên đều có trách nhiệm bênh vực lập trường của đảng. Các dân biểu của đảng phải bênh vực những dự luật của đảng trước hạ viện.

Biểu quyết xong rồi nghị sĩ của đảng cũng tận lực bênh vực lập trường của đảng và sau đó hành pháp thi hành những chương trình của đảng đưa ra thì mọi việc sẽ êm xuôi, tốt đẹp và dân chúng thấy rằng bộ máy chánh quyền sẽ em ái, không có những sự xung đột giữa lập pháp, hành pháp.

Ngoài ra, lại còn vấn đề tương quan giữa chánh phủ và quần chúng. Hiện giờ quần chúng và chính phủ được xem như là hai lực lượng đối chọi với nhau là vì không có mối giây liên lạc giữa hai bên. Nếu có đảng chánh quyền, chánh quyền đó một bên là những người thân chánh quyền và một số người trong dân chúng cũng có thể là một cái gạch nối giữa chánh quyền với dân chúng. Có thể nói rằng sự hiện diện của một đảng chánh quyền hết sức cần thiết cho quốc gia. Tuy vậy, cách thức lập đảng chánh quyền cũng ảnh hưởng rất lớn, nếu lập đảng chánh quyền không đúng cách thức có hại hơn là có lợi. Như thời Đế Nhất Cộng Hòa người ta lập đảng chánh quyền bằng cách dùng quyền

lợi để mua chuộc đảng viên, dùng thế lực chèn ép người ngoài đảng cho nên người ta không có thiện cảm với đảng chánh quyền và những đảng khác bị chèn ép quá mà chống đối mạnh liệt hóa ra đưa đến sự gây đổ cả chế độ.

Trong hiện tại muốn đi tới một kết quả tốt đẹp việc thành lập đảng chánh quyền phải theo nguyên tắc quy tập mọi người theo nguyên tắc tình nguyện và chung quanh một chương trình kiến thiết quốc gia. Mọi đảng viên đều phải được đóng góp ý kiến. Được như vậy, chúng ta có một đảng chánh quyền rộng rãi gồm nhiều người và phải có thái độ cởi mở, không chèn ép đảng khác thì chúng ta có thể đi tới một đảng cầm quyền bá chủ. Đảng đó sẽ nắm quyền rất lâu dài nhưng những đảng đối lập cũng được tự do phát triển và có thể những đảng đối lập nếu không nắm được chánh quyền ở trung ương thì cũng được chèn vào chánh quyền địa phương. Như vậy, chúng ta có thể dung hòa nhu cầu phát triển quốc gia với nền dân chủ tự do.

Giương mà chúng ta có thể noi theo đó là nước Nhật. Nước Nhật sau thế chiến thứ nhì đã theo chế độ dân chủ nhưng hơn 20 năm qua, chánh quyền Nhật luôn ở trong đảng tự do là đảng cầm quyền bá chủ. Ở trung ương đảng Tự Do có đa số ghế trong quốc hội cho nên tất cả các Thủ Tướng cho tới bây giờ đều là lãnh tụ của đảng Tự Do. Nhờ sự cầm quyền liên tục trong hơn 20 năm mà đảng Tự Do đã kiến thiết được nước Nhật, biến nước Nhật thành một đại cường quốc về kinh tế. Nhưng đảng Tự Do Nhật là đảng rộng rãi không chèn ép đối lập để đối lập tự do phát triển nên đảng Xã Hội là đảng đối lập mạnh nhất có một số dân biểu trong quốc hội, đồng thời đảng Xã Hội của Nhật lại còn nắm được quyền ở một số địa phương. Nếu xét các thị xã lớn là 5 thị xã lớn của Nhật là Tokyo, Osaka, Nagoya, Yokohama, và Kyoto. Trong 5 thị xã lớn đó thì chỉ có thị xã Nagoya là còn thuộc đảng Tự Do còn bốn Đô Trưởng, thị trưởng kia đều là người của đảng Xã Hội.

Trong tương lai chúng tôi hết sức mong ước Việt Nam chúng ta có một đảng chánh quyền bá chủ nhưng cởi mở.

NDME: Đảng chánh quyền cũng cần thiết và đảng đối lập cũng cần thiết. Nhưng nhiều người muốn lập đảng có thực lực lại thấy khó khăn, gặp nhiều trở ngại. Xin giáo sư trình bày những khó khăn và trở ngại khi lập một đảng chánh trị?

G.S. Nguyễn Ngọc Huy: Có thể có ba trở lực: thứ nhất là trở lực về tâm lý. Ở Việt Nam trước đây nhà cầm quyền không cho phép dân chúng làm chính trị cho nên những người hoạt động chính trị phải thành lập đảng bí mật để tranh đấu. Đảng thì bị nhà cầm quyền dò xét để đàn áp cho nên làm chính trị ngày xưa rất nguy hiểm nên người dân có tâm lý sợ gia nhập chính đảng. Trong thời kỳ Đệ Nhất Cộng Hòa, đảng chính quyền được thành lập theo nguyên tắc chèn ép và mua chuộc nên có những người vào đảng rồi thì lại lợi dụng thế của đảng để uy hiếp dân chúng khiến dân chúng oán ghét. Ngoài ra lối làm việc thời đó đã làm xáo trộn trong các cơ quan công quyền như nên hành chính chẳng hạn.

Có khi một thư ký nhỏ có chân trong đảng đã lặn lội cả những cấp trên của mình nên khiến có sự căm hận đối với đảng, tạo một tâm lý chung là người Việt Nam hoặc sợ đảng, hoặc khinh đảng, hoặc ghét đảng.

Trở lực thứ nhì là trở lực về phương diện pháp lý. Trước đây người ta căm không cho đảng hoạt động, bây giờ chúng ta được hoạt động tự do hơn nhưng khuôn khổ pháp lý bây giờ cũng chưa hoàn toàn tốt cho chính đảng.

Hiện giờ chúng ta có Luật 009/69 ngày 19.6.1969 chi phối sự thành lập của chính đảng. Theo luật đó, muốn thành lập đảng tương đối cũng không khó khăn gì lắm. Sáng lập viên phải lập hồ sơ cho biết lý lịch của mình cho biết tên đảng, lập trường của đảng, điều lệ nội quy, đảng cương, khi Bộ Nội Vụ nhận được hồ sơ đó sẽ cấp cho một phái lai. Khi có phái lai, đảng được phép hoạt động, nhưng trong vòng 18 tháng chính đảng phải có hoặc 10 tỉnh bộ, mỗi tỉnh bộ có 500 đảng viên hoặc 5 tỉnh bộ, mỗi tỉnh có ít nhất 500 đảng viên trong số đó lại có 10 dân biểu hay nghị sĩ. Những người làm luật này nghĩ rằng đưa ra điều kiện này để hạn chế bớt số đảng vì họ cho rằng có quá nhiều chính đảng nhưng trong thực tế không hạn chế được bao nhiêu. Vì bây giờ chúng ta có 23 chính đảng hợp thức hóa mà chỉ có 4 chính đảng không đủ điều kiện mà thôi.

Vì vậy có thể nói rằng áp dụng luật một cách rộng rãi thì chúng ta không thể nào hạn chế được chính đảng như những nhà lập pháp mong mỏi.

Ngược lại nếu nhà cầm quyền làm khó, không có đảng nào hợp thức hóa được. Ví dụ nói rằng muốn được hợp thức hóa chính đảng phải có một số tỉnh bộ. Trong tỉnh bộ đó phải có ít nhất là 500 đảng viên, chính đảng phải chứng minh rằng trong tỉnh bộ mình có 500 đảng viên. Muốn chứng minh thì phải làm danh sách ghi tên, họ, địa chỉ, nghề nghiệp, trú quán của đảng viên. Bây giờ tôi giả sử như nhà cầm quyền muốn làm khó trường ty cảnh sát địa phương lấy có kiểm soát xem danh sách đó có thật hay không, rồi mới số đảng viên đến hỏi. Không cần hỏi nhiều chỉ cần hỏi một cách nghiêm khắc là có phải anh đã gia nhập đảng đó hay không thì với tinh thần dân chúng hiện tại ở tỉnh hẻo lánh cũng đủ cho họ rút đơn ra khỏi danh sách và đảng không bao giờ tìm đủ 500 người chịu đứng tên để có thể hợp thức hóa.

Thành thật mà nói nhà cầm quyền nước ta hiện giờ cởi mở, không áp dụng như vậy cho nên mới có được 23 chính đảng nhưng trường hợp này lại chứng minh rằng dụng ý của nhà cầm quyền muốn cho số đảng không quá cao đã không thành công. Cho nên có thể nói rằng luật chính đảng của chúng ta không hữu hiệu chút nào hết. Nếu muốn giúp cho chính đảng thành lập để đảng vững chắc thì có lẽ nên theo lối giải pháp của Đại Hàn.

Trong Hiến pháp Đại Hàn, Điều 64 nói rằng Tổng Thống phải được một chính đảng giới thiệu. Điều 36 nói, muốn ứng cử vào quốc hội thì cũng phải có sự giới thiệu của một chính đảng. Điều 38 nói rằng một dân biểu đắc cử vào quốc hội rồi mà rời bỏ đảng mình thì đương nhiên mất chức vụ dân biểu. Điều kiện này bắt buộc các chính đảng phải kết hợp lại với nhau trong chính đảng và một người đã vào đảng thì phải trung thành với đảng. Có lẽ là như vậy thì may ra khuôn khổ pháp lý mới hữu hiệu và có ích cho đảng.

Trở lực thứ ba về sự thành lập chính đảng hiện giờ là trở lực thực tế. Có hai vấn đề thực tế làm cho các chính đảng khó phát triển nhanh chóng, trước là vấn đề tài chính. Một đảng vững chắc thì phải làm sao cho các đảng viên có một lập trường chính trị chung. Muốn vậy, phải có nhiều cán bộ hoàn toàn làm việc cho đảng phải tài trợ cho họ để điều hành bộ máy của đảng.

Ở các nước tiên tiến có hai loại đảng với hai loại gây quỹ cho đảng. Loại thứ nhất tạm gọi là đảng nhà giàu là đảng

được sự ủng hộ của một số danh nhân tài phiệt. Những người này cần có một khuôn khổ pháp lý và một chánh sách kinh tế thích hợp với sự phát triển của xí nghiệp họ, nên họ dám bỏ tiền ra cho một chánh đảng có lập trường gần với chủ trương của họ.

Đối đầu là đảng của người nghèo, đảng của quần chúng. Những loại đảng như đảng Xã Hội, đảng Lao Động, bên Âu Châu là đảng của quần chúng. Loại đảng này nhờ số đông đảng viên đóng góp nên cũng đủ tiền hoạt động.

Tại Việt Nam chúng ta hiện giờ thì những vị nhà giàu không cần phải giúp cho đảng, chỉ cần được sự ủng hộ của một vài người đương ở trong chánh quyền là có thể làm ăn dễ dàng. Còn muốn có sự đóng góp của nhiều người phải có một cơ sở tối thiểu mới được cho nên lúc đầu các chánh đảng quần chúng rất khó hoạt động vì cái vòng lẩn quẩn như thế này: Đảng có ít người nên không có tiền nhiều. Không có tiền nhiều nên không có đủ cán bộ nên không thể tổ chức bộ máy đảng có hiệu quả và phát triển nhanh chóng thành ra vấn đề không thể phá vỡ được mà phải chờ thời gian rất lâu mới tổ chức được hàng ngũ.

Ba trở ngại trên hạn chế rất nhiều sự hoạt động chánh đảng tại Việt Nam. Ngoài ra còn Luật Tổng Động Viên. Theo luật pháp chúng ta hiện giờ, quân nhân tại ngũ không được phép hoạt động chánh đảng mà chúng ta có trên một triệu quân nhân tại ngũ tức là trên một triệu người không được phép hoạt động chánh đảng. Ngoài những người đang tại ngũ còn những người có thể bị gọi nhập ngũ những người đó nếu hoạt động chánh lại sợ bị lôi cuốn vào trong quân đội với lý do hoạt động chánh đảng mà không được hoãn dịch, miễn dịch nữa thành ra có thể nói luật tổng động viên hiện giờ là một trở lực lớn làm cho chánh đảng rất khó phát triển nhanh chóng. Khi hòa bình trở lại, không còn Luật Tổng Động Viên chánh đảng sẽ bành trướng nhanh chóng hơn.

NDMB: Thưa Giáo sư, có lẽ trong một thời gian sắp tới sẽ có một giải pháp thương nghị cho chiến cuộc Việt Nam, lúc đó sẽ có một cuộc đấu tranh chánh trị, các chánh đảng Quốc Gia có thể đóng vai trò gì trong cuộc đấu tranh chánh trị đó không?

G.S. Nguyễn Ngọc Huy: Các chính đảng quốc gia theo ý chúng tôi, sẽ đóng một vai tưởng rất quan trọng trong cuộc đấu tranh chính trị với Cộng sản. Hiện giờ người ta đánh giá các chính đảng qua hoạt động của chính đảng tại quốc hội.

Trong thực tế, chúng ta thấy rằng trong quốc hội hiện giờ số đảng viên của chính đảng không đông vì phần lớn chính đảng nghèo không có phương tiện tài chánh để tranh cử, đồng thời có những cá nhân cô lập nhưng uy tín cao cho nên khi tranh cử, có thể họ có nhiều phiếu hơn ứng cử viên của chính đảng. Đấu tranh chính trị cần có sự lẫn lộn vào quân chúng, tranh thủ quần chúng với Cộng sản. Cán bộ của chính đảng có thể đóng một vai tưởng quan trọng trong cuộc tranh đấu đó. Và tôi tin tưởng rằng các chính đảng của quốc gia, đảng nào cũng ý thức sự cần thiết tranh đấu chính trị với Cộng sản cho nên chúng tôi tin tưởng rằng cán bộ của đảng nào cũng được rèn luyện để thi hành nhiệm vụ đó cho nên có thể nói nếu có một giải pháp thương nghị thì các chính đảng quốc gia sẽ đóng một vai tưởng trọng hệ trong việc tranh đấu chính trị với Cộng sản.

NDMB: Liệu chúng ta có thể thắng được trong cuộc đấu tranh chính trị đó không, vì kinh nghiệm cho chúng ta thấy hồi 1945 phe quốc gia đã bị Cộng sản tiêu diệt năm nay hoặc trong năm tới, liệu chúng ta có thể đấu tranh chính trị một cách thành công không?

G.S. Nguyễn Ngọc Huy: Tình hình bây giờ khác với hồi năm 1946. Năm 1945, Cộng sản nhờ mấy năm trước đó cộng tác với Pháp, với các nước đồng minh để chống Nhật nên được giúp đỡ nhiều phương tiện, mạnh hơn các đảng quốc gia và nhờ đó họ cướp được chính quyền. Cướp được chính quyền rồi, họ dựa vào thế chính quyền và hơn nữa, họ dựa vào danh nghĩa chống Pháp đánh độc lập nên họ được dân chúng hưởng ứng nhiều. Dân chúng lúc đó chưa biết Cộng sản là gì và các đảng quốc gia chưa đề Cộng sản là một chính đảng tàn bạo đến như thế.

Vì lẽ đó mà phe quốc gia hồi 1945 đã không thắng lợi được trong cuộc tranh đấu với Cộng sản. Nay hoàn cảnh thì hoàn toàn khác.

.../

Thứ nhất là dân chúng đã ý thức Cộng sản là gì, người quốc gia cũng ý thức được Cộng sản là thế nào và đồng thời chúng ta có một chánh quyền quốc gia không chấp nhận Cộng sản. Chánh quyền quốc gia đương nhiên sẽ là cộng tác, yểm trợ các chánh đảng quốc gia chống Cộng. Tôi tin tưởng rằng nếu có một giải pháp thương nghị để tranh đấu chánh trị với Cộng sản, chánh đảng sẽ thành công trong vấn đề tranh đấu với Cộng sản và cũng chính vì Cộng sản thấy rằng nếu có hòa bình họ không thể thắng nổi cuộc tranh đấu chánh trị cho nên tới bây giờ họ vẫn từ khước những đề nghị phải chăng mà phía chúng ta đã đưa ra tại bàn hội đàm Ba Lê.

NDMB: Giáo sư là nhân viên của phái đoàn hội đàm Ba Lê giáo sư cũng biết rõ đối phương họ muốn gì, xin giáo sư cho biết Cộng sản muốn gì và liệu sớm có hòa bình hay không?

G.S. Nguyễn Ngọc Huy: Có thể nói chung là Cộng sản đòi làm sao để họ có thể thắng lợi cuối cùng trong cuộc tranh đấu chánh trị tại miền Nam Việt Nam. Vì thế, họ đòi hai điều mà chúng ta không thể chấp nhận được. Thứ nhất họ đòi phải được vào ngôi trong chánh phủ VNCH trước khi có bầu cử. Thứ nhì là bầu cử quốc hội lập hiến để làm một hiến pháp khác chỗ họ không chấp nhận chế độ hiện tại của chúng ta. Vì trong chế độ hiện tại của chúng ta nhà cầm quyền hành pháp là Tổng Thống do dân chúng cử ra và quốc hội không có cách nào bắt ép Tổng Thống là theo ý muốn của quốc hội được.

Trong cuộc tranh cử, chắc chắn nhân dân Việt Nam sẽ bầu cho một người quốc gia là Tổng Thống và trong trường hợp đó, Tổng Thống sẽ không bạo giả cho Cộng sản tham gia chánh phủ mà Cộng sản không vào chánh phủ được, không thể phát triển mạnh để nắm được chánh quyền tại miền Nam Việt Nam. Bởi đó cho nên Cộng sản không chấp nhận chế độ Tổng Thống. Họ muốn đổi chế độ Tổng Thống ra chế độ nghị viện trong đó quyền hành trong tay Thủ Tướng và Thủ Tướng tùy thuộc quốc hội.

Nếu chúng ta theo chế độ nghị viện, Cộng sản chỉ cần một thiểu số dân biểu trong quốc hội là có thể thao túng chánh

phủ. Thủ Tướng tùy thuộc một số phiếu trong quốc hội và Cộng sản là một đoàn thể có kỷ luật, chắc chắn là đảng viên của họ sẽ biểu quyết theo chiều hướng mà họ đã quyết định. Cho nên sau một thời gian hoạt động thì chính khách nào cũng nhận thấy rằng muốn ngồi vững ghế Thủ Tướng phải có sự cộng tác của đảng Cộng sản mới xong thì cái xu hướng của các chính khách là chấp nhận sự có mặt của Cộng sản trong Chính phủ. Cộng sản vào trong chính phủ được rồi họ sẽ lợi dụng thế của chính phủ để tổ chức, bành trướng thế lực rồi có chính sách, và kiếm cách nắm trọn quyền về của họ.

Bởi vậy họ đòi hỏi điều: Một là phải lập chính phủ liên hiệp cho họ có chỗ trong chính phủ trước cuộc bầu cử và thứ nhì là bầu cử cuộc hội lập hiến để hiến pháp thiết lập chế độ nghị viện tại đây. Điều này chúng ta không thể chấp nhận được. Dù sao vấn đề hòa hay chiến không phải hoàn toàn do Cộng sản Bắc Việt mà còn do nơi các đại cường quốc nữa. Hiện giờ người Mỹ đang thương thuyết với Nga, Trung Cộng và chúng tôi tin tưởng rằng sự dàn xếp giữa ba đại cường quốc có thể đưa tới một giải pháp hòa bình. Trong trường hợp đó, Cộng sản Bắc Việt bắt buộc phải nghe lời dàn xếp phải chấm dứt chiến tranh tại Việt Nam.

Trong trường hợp ba nước không dàn xếp được với nhau điều tối thiểu mà các nước có thể làm được là bớt cung cấp vũ khí cho các phe liên hệ tại đây. Nếu Bắc Việt không còn nhiều vũ khí nữa thì họ không thể nào đánh miền Nam nổi nữa và chiến tranh sẽ tàn lụi lần lần. Vì thế cho nên, tôi rất hy vọng rằng, năm nay sau những cuộc tranh đấu lớn của Cộng sản để cố gắng tìm một thế mạnh trong bàn hội nghị, cuối cùng chúng ta sẽ có hòa bình hoặc hòa bình bằng giải pháp thương nghị, trong đó chúng ta sẽ giữ được chế độ miền Nam và sự tự do của dân miền Nam hoặc giả chiến cuộc tàn lụi lần lần, chúng ta cũng sẽ có thể nắm được an ninh và hòa bình cho chúng ta tại miền Nam Việt Nam.

NDMB: Thưa giáo sư, theo ý kiến giáo sư tại cuộc công du của Tổng Thống Hoa Kỳ Nixon đi Trung Cộng vừa qua và cuộc công du của ông sắp đi qua Nga Xô liên Việt Nam Cộng Hòa có phải là vật hy sinh cho Cộng sản không?

.../

G.S. Nguyễn Ngọc Huy: Người Mỹ từ lâu đã có những cuộc tiếp xúc trực tiếp với Cộng sản Bắc Việt để thương thuyết về vấn đề chấm dứt chiến tranh. Nếu người Mỹ muốn nhượng bộ cho Cộng sản Bắc Việt họ có thể nhượng bộ trực tiếp chứ không việc từ phải qua Bắc Kinh hay Mạc Tư Khoa để nhờ Trung Cộng hay Nga Xô nói người Mỹ nhượng bộ Bắc Việt. Thành ra chúng tôi tin tưởng rằng người Mỹ có đến Mạc Tư Khoa hay Bắc Kinh là cũng chỉ để thương thuyết với đại cường quốc, Cộng sản ép buộc Cộng Sản Bắc Việt phải có thái độ nhân nhượng để có thể chấm dứt chiến tranh bằng đường lối thương nghị.

TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM

Phát Hình Ngày 7.4.1972

Cuộc phỏng vấn này thực hiện với sự tham dự của bốn sinh viên sĩ quan của Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.

SVSQ NGUYỄN VĂN BẢO, 23 tuổi, sanh tại Gia Định, SVSQ PHAN VĂN PHÁT, 23 tuổi, sanh tại Huế và SVSQ BUI PHẠM THÀNH, 24 tuổi, sanh tại Hà Nội, hiện đang học năm thứ tư tại Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. SVSQ NGUYỄN THÀNH VĂN, 23 tuổi, sanh tại Gò Công, hiện đang học năm thứ ba tại trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.

NDMB: Xin Anh Bảo cho biết lý do nào đã thúc đẩy anh gia nhập gia đình quân đội và chọn trường Võ Bị Quốc Gia?

SVSQ. Nguyễn Văn Bảo: Có ba động cơ thúc đẩy tôi gia nhập hàng ngũ quân đội và chọn trường Võ Bị Quốc Gia.

Động cơ thứ nhất là vào lứa tuổi của chúng tôi, chúng tôi thích một cuộc sống hào hùng. Một cuộc sống mà trường này đã cho chúng tôi một câu rất thích hợp với lứa tuổi chúng tôi. Đó là: Chúng tôi không tìm an lạc dễ dàng mà chỉ khát khao gió mưa cùng nguy hiểm. Động cơ thứ hai là lứa tuổi thanh niên chúng tôi sinh ra trong thời loạn, dù ít hay nhiều thì cũng

.../

phải giúp ích gì cho đất nước, và chúng tôi đã chọn binh nghiệp. Động cơ thứ ba là chúng tôi được biết trường Võ Bị Quốc Gia là một nơi đầy đủ phương tiện đào tạo các sĩ quan hiện dịch cho mai sau, đầy đủ cả về phương diện văn hóa lẫn quân sự. Cũng như trong quá trình đào tạo sĩ quan, trường này đã đào tạo những đàn anh lối lạc.

Với ba động cơ đó, chúng tôi đã gia nhập Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Khi vào đây, dĩ nhiên chúng tôi đã va chạm một vài khó khăn mà ai cũng có thể trải qua được. Không có điều gì là không thể làm được đối với SVSQ đó là điều tâm niệm thứ 8 trong Mười Điều Tâm Niệm của chúng tôi.

NDMB: Hiện nay trường Võ Bị Quốc Gia có bao nhiêu SVSQ?

SVSQ. Phan Văn Phát: Hiện nay trường Võ Bị chúng tôi đang có bốn khóa thụ huấn, quân số tổng cộng 917 người được phân phối cho 10 đại đội và hiện nay trên địa phương phát triển nhà trường sẽ có khoảng 1.000 SVSQ được thụ huấn.

NDMB: Anh Thành, nghe nói các anh tự chỉ huy. Tự chỉ huy có mục đích gì và được tổ chức như thế nào?

SVSQ. Bùi Phạm Thành: Trung đoàn SVSQ chúng tôi có hệ thống chỉ huy do khóa năm thứ tư đảm nhiệm từ cấp trung đoàn đến tiểu đội. Hệ thống tự chỉ huy này mới chính là cơ cấu điều hành guồng máy SVSQ chúng tôi. Ngoài hệ thống tự chỉ huy, còn có hệ thống tuần sự cấp phó cho khóa năm thứ tư cũng như hệ thống tuần sự cho mỗi khóa đàn em, từ khóa năm thứ nhất đến năm thứ ba. Mục đích của các hệ thống này là giúp chúng tôi có kinh nghiệm hữu ích trong việc tập sự chỉ huy khóa đàn em cũng như các bạn đồng khóa, một trong ba lãnh vực then chốt quân sự - văn hóa và lãnh đạo chỉ huy nằm trong đường lối huấn luyện bốn năm của trường.

NDMB: Anh Bảo cho biết hệ thống danh dự là gì, có mục đích gì, tổ chức và thi hành như thế nào?

SVSQ. Nguyễn Văn Bảo: Hệ thống danh dự tổ chức song hành với hệ thống tự chỉ huy và có mục đích duy trì và phát triển tinh thần danh dự, cầu tiến của SVSQ.

Chúng tôi quan niệm rằng, danh dự là kim chỉ nam suy tưởng của SVSQ. Về tổ chức, chúng tôi có Hội Đồng Danh Dự tổ chức từ cấp bộ trung đoàn đến đại đội. Ở cấp trung đoàn chúng tôi có một Chủ tịch là một SVSQ năm thứ tư. Hai Phụ thẩm đại diện cho hai tiểu đoàn cũng là SVSQ năm thứ tư. Tám SVSQ Ủy viên đại diện cho tám đại đội cũng trong năm thứ tư và tám SVSQ Ủy viên dự khuyết do năm thứ ba phụ trách. Tất cả sinh viên trong Hội Đồng Danh Dự này đều do đồng bạn trong khóa bầu lên và hoàn toàn tự quyết trong mọi trách nhiệm.

Chúng tôi có thể đơn cử một vài hình ảnh của hệ thống danh dự như là khi chúng tôi tổ chức những hội quân, những câu lạc bộ của SVSQ, chúng tôi không cần người đứng bán, không cần người kiểm soát. Tất cả SVSQ chúng tôi tự động mua hàng, ký và nhận hàng.

Cũng có thể lấy ví dụ khác như trong trường hợp SVSQ vi phạm kỷ luật, phải tự giác và xét xử trước hội đồng danh dự. Những lần xét xử như vậy hoàn toàn do các SVSQ trong hội đồng danh dự phân xét và các sĩ quan cán bộ không có quyền hạn gì đối với hội đồng này.

NDMB: Anh Văn cho biết trường Võ Bị có phương pháp nào để uốn nắn một thường dân thành một SVSQ, nói đúng hơn là một quân nhân, nhất là trong 8 tuần lễ đầu?

SVSQ. Nguyễn Thanh Văn: Tất cả các tân khóa sinh khi bước vào ngưỡng cửa Trường Võ Bị Quốc Gia, đều phải trải qua một thời kỳ thử thách đầy cam go trong 56 ngày. Thời kỳ này được gọi là 8 tuần sơ khởi nhằm ba mục đích: Thứ nhất là giúp cho tân khóa sinh từ bỏ một số thói quen của nếp sống dân chính. Thứ hai là trau dồi thêm ý chí, thể xác cũng như tinh thần để hậu có thể thích ứng với đời sống quân ngũ. Thứ ba là khai tâm về cá nhân chiến đấu và tiểu đội tác chiến.

Đối với tân khóa sinh trong tám tuần sơ khởi thi học bảy ngày một tuần, không xuất trại ngày chủ nhật và không được phép tiếp thân nhân. Khi bước chân vào ngưỡng cửa của trường, với những khó khăn thử thách đó, mặc nhiên người tân khóa sinh chấp nhận để lướt thủng, hầu xứng đáng là một SVSQ hiện dịch.

NDMB: Anh Bảo, tại sao Bộ Quốc Phòng ấn định thời gian học tại trường Võ Bị Quốc Gia là 4 năm?

SVSQ. Nguyễn Văn Bảo: Kể từ cuối năm 1966, chương trình huấn luyện SVSQ tại trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam được nâng lên bốn năm nhằm ba mục đích: thứ nhất là đào tạo cho các sĩ quan tốt nghiệp các đức tính cần thiết của một nhà lãnh đạo, thứ hai là tạo một kiến thức căn bản quân sự vững chắc, và thứ ba là tạo cho sĩ quan tốt nghiệp một trình độ văn hóa cao đẳng, đại học bậc chuyên nghiệp. Đến nay đã có ba khóa theo chương trình văn hóa bốn năm, đó là các khóa 22B, 23 và 24.

NDMB: Xin anh nói những nét đại cương của chương trình văn hóa đó?

SVSQ. Nguyễn Văn Bảo: Đại cương trong một năm, chúng tôi học cả hai lục cá nguyệt, mỗi lục cá nguyệt kéo dài 19 tuần lễ. Khái quát chương trình văn hóa trong hai năm đầu có các môn khoa học căn bản, như toán, lý hóa, kỹ thuật căn bản để làm nền tảng cho các môn học về kỹ thuật chuyên môn ở những năm sau.

Trong hai năm sau, chương trình nặng về phần chuyên nghiệp như thiết kế nông thôn, đường sá cầu cống, điện tử, điện khí và những môn khác như hành chính công quyền lãnh đạo chỉ huy...

NDMB: Anh Thành, các anh tự chỉ huy lấy nhau theo hệ thống tự chỉ huy, các anh tự xử lý nhau theo hệ thống danh dự chúng tôi lại nghe nói các anh tự học. Xin anh cho biết tự học là như thế nào?

SVSQ. Bùi Phạm Thành: Đối với một chương trình học nhiều như vậy thì chúng tôi phải có giờ tự học nữa.

Trường chúng tôi là một đại học, nhưng là đại học nhà binh, chúng tôi là sinh viên nhưng là SVSQ do đó chúng tôi không được phép học tài tử tự do như các bạn sinh viên dân sự. Việc tự học của chúng tôi có tính cách bắt buộc ghi trong thời khóa biểu hẳn hoi. Nhà trường quan niệm rằng, cứ mỗi giờ học tại lớp, SVSQ phải tối thiểu là một giờ rưỡi tự học để chuẩn bị bài vở cũng như nghiên cứu tài liệu. Dĩ nhiên điều này hoàn toàn trái hẳn với quan niệm giảng huấn ở các trường đại học dân chính ở Việt Nam.

Nếu các sinh viên dân chính chỉ học tập hay nghiên cứu bài vở sau khi đã được giáo sư giảng dạy về bài đó, trái lại ở đây chúng tôi phải tự tích cực vào công việc giảng huấn bằng cách nghiên cứu trước bài vở ở trại. Đến lớp cũng không phải chỉ có giáo sư giảng bài, chúng tôi nghe mà ngược lại chúng tôi phải luôn luôn ở thế chủ động trong lớp học. Nói cách khác, chúng tôi lên thuyết trình về bài học, các đồng bạn thắc mắc nêu câu hỏi, chúng tôi trả lời. Giáo sư đóng vai trò hướng dẫn viên đã thông các thắc mắc chưa giải quyết được hoặc trình bày lại những gì chúng tôi chưa thấu triệt.

Dĩ nhiên có thể tiến hành tốt đẹp quan niệm giảng huấn này, chúng tôi đã được trang bị những điều cần thiết. Thứ nhất là sĩ số SVSQ tại mỗi lớp học chỉ từ 17 đến tối đa 20 người chọn lựa trong cùng một trình độ về mỗi môn học và cứ sau mỗi giai đoạn 6 tuần lại được phân toán lần nữa. Với sĩ số SVSQ chúng tôi quá ít cho mỗi lớp học như vậy, công việc hướng dẫn của giáo sư sẽ thêm dễ dàng cũng như chính chúng tôi dễ thấu nhận kiến thức hơn. Thứ hai là về mỗi bài học chúng tôi đều được phát trước một phiếu nghiên cứu ghi rõ các sách cần thiết phải tham khảo đồng thời cũng nêu lên những chủ điểm của bài học.

Ngoài ra trong phiếu phát trước đó còn đưa ra một số bài tập hoặc câu hỏi mà chúng tôi phải giải quyết trước khi đến lớp. Sau bài học tại lớp là các phần thực tập tại các phòng thí nghiệm.

NDMB: Thư viện của trường có bao nhiêu sách, thuộc những loại nào và những ngôn ngữ nào?

.../

SVSQ. Nguyễn Văn Bảo: Thư viện Trường Võ Bị thành lập từ năm 1970 là một tòa nhà ba tầng, kinh phí xây cất lên đến 300 triệu đồng và đủ sức chứa 80.000 cuốn sách cũng như 400 chỗ ngồi. Hiện tại, thư viện có 40.000 cuốn sách thuộc ba ngôn ngữ chính: Anh, Pháp, Việt, gồm các sách lưu hành, sách tham khảo, bình thư và tạp chí. Không kể các loại tạp chí, mỗi năm thư viện có khoảng 1.000 sách Việt ngữ và 5.000 sách ngoại ngữ. Ngoài ra thư viện còn được trang bị bốn máy microfilm và một số máy tính điện tử.

NDMB: Chúng tôi có nghe nói phòng thí nghiệm của Trường Võ Bị Quốc Gia được trang bị rất tối tân, xin anh cho biết phòng thí nghiệm đó được trang bị như thế nào.

SVSQ. Nguyễn Văn Bảo: Trong cuộc hội thảo Liên Viện tại Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam ngày 27.2.72. Giáo sư Khoa Trường Đại học Saigon đã chánh thức yêu cầu TVBQG giúp đỡ các sinh viên đại học Khoa học Saigon bằng cách cho phép họ sử dụng phần nào các tiện nghi giáo dục của nhà thí nghiệm nặng của TVBQGVN trong cả mùa văn hóa lẫn quân sự. Đề nghị này đã được Trung Tướng Chỉ Huy Trường TVBQGVN hứa thỏa mãn.

Nhà thí nghiệm nặng tại TVBQGVN hoàn tất từ cuối năm 1970 với ngân khoản xây cất và trang bị lên đến 300 triệu đồng Việt Nam chiếm diện tích hơn 3.500 thước vuông đã được giáo sư Khoa trưởng Đại học Khoa học Saigon mô tả là "đầy đủ" trang bị khoa học tối tân nhất Á Châu. Nhà Thí Nghiệm nặng này gồm có chín phòng thí nghiệm. Điện khí - Sức chịu vật liệu - Nhiệt, động lực học - Lưu chất - Bê tông - Thố cơ nhựa đường - công suất xe hơi - cấu tạo động cơ và Vũ khí thuộc các khoa cơ khí, kỹ thuật điện, công chánh và kỹ thuật quân sự.

Ngoài nhà thí nghiệm nặng, TVBQGVN còn có các phòng thí nghiệm hóa học, vật lý, điện tử và thỉnh thị sinh ngữ bên cạnh 50 phòng học kang trang cho tổng số SVSQ chưa tới 1.000 người.

NDMB: Xin Anh Thành cho biết, SVSQ đã chọn những quân chủng như là Lục Quân, Hải Quân, Không Quân chắc chắn chương trình văn hóa của mỗi quân chủng cũng không thể giống nhau được. Xin anh cho biết chương trình văn hóa của mỗi quân chủng như thế nào?

SVSQ. Bùi Phạm Thành: Thưa, có khác, trong hai năm đầu, tất cả SVSQ thụ huấn một chương trình văn hóa đồng nhất gồm các môn giải tích, sinh ngữ, Việt Văn, Vật Lý, cổ thể, chánh trị, sử, nói tóm lại phần căn bản về toán, khoa học, kỹ thuật và một ít khái niệm về khoa học nhân văn. Trong hai năm cuối, VSSQ mỗi quân chủng sẽ theo học chương trình văn hóa đặc biệt gồm các môn đồng nhất cho cả ba quân chủng như lưu chất, điện, máy đầy, quân sự, quân trị, hành chánh công quyền, lãnh đạo và các môn chuyên môn thích hợp như Lục quân thi học kiến tạo, quân cụ, thiết kế nông thôn, đường bộ và phi trường, Anh ngữ Lục Quân -- Hải Quân học Làng Hải, Kiến trúc chiến hạm - Hải pháo - cơ khí và Anh ngữ Hải Quân - Không quân học kiến trúc phi cơ - khí tượng - Không hành, Cơ học Phi hành và Anh Ngữ Không quân.

NDMB: Anh Văn, sau mỗi năm học văn hóa, các SVSQ có được thi lên lớp không?

SVSQ. Nguyễn Thành Văn: Chúng tôi không có một kỳ thi lên lớp được tổ chức sát hạch sau mỗi năm. Theo phương pháp giảng huấn tại TVBQGVM, chúng tôi chịu sự khảo hạch trong suốt năm: Khảo hạch sau mỗi bài học, khảo hạch sau mỗi nhóm đề tài đã học, và cuối cùng là khảo hạch sau mỗi lục cá nguyệt.

Việc tuyển chọn SVSQ cho lên lớp mỗi năm sẽ căn cứ vào ba tiêu chuẩn sau đây: Khả năng lãnh đạo chỉ huy -- quân sự -- văn hóa. Muốn được lên lớp sau mỗi niên học một SVSQ về điểm khả năng Lãnh đạo Chỉ huy, Quân sự và Văn hóa đạt được số điểm trung bình ấn định chung cho cả ba lãnh vực kể trên là 2.5/4.0 tương đương 12.5/20.

NDMB: Trường Võ Bị Quốc Gia quyết định thế nào đối với những SVSQ không đủ điểm để lên lớp?

SVSQ. Nguyễn Thành Văn: Đối với những SVSQ không hội đủ điều kiện lên lớp, một Hội đồng gồm giáo sư văn hóa, huấn luyện viên quân sự và sĩ quan cán bộ sẽ họp để trình lên vị Chỉ Huy Trưởng quyết định một trong ba biện pháp sau:

1. Đặc cách cho lên lớp nếu xét thấy SVSQ có thể đạt được kết quả của lớp trên trong năm tới.

2. Cho học lại năm cũ của khóa kế tiếp nếu thấy SVSQ đủ khả năng theo học. Biện pháp này chỉ áp dụng cho các năm thứ hai, thứ ba và thứ tư và SVSQ chỉ được học lại một lần trong thời gian thụ huấn tại trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.

3. Nếu xét thấy SVSQ kém khả năng về mọi phương diện, Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam đề nghị Bộ Tổng Tham Mưu cho đi phục vụ tại đơn vị.

NDMB: Anh Bảo, sau bốn năm học tại TVBQG, SVSQ sẽ được bằng cấp gì và bằng cấp đó có được Bộ Giáo Dục thừa nhận không?

SVSQ. Nguyễn Văn Bảo: Như đã được quy định ngay từ lúc mới bắt đầu chương trình văn hóa bốn năm, văn bằng tốt nghiệp TVBQGVN được xem tương đương với văn bằng do các trường cao đẳng chuyên nghiệp cấp. Tuy nhiên vì sự tương đương này khó có thể hiểu một cách rõ ràng nên nhà trường đã nhiều lần thảo luận với Bộ Giáo Dục để xác nhận, cấp phát văn bằng SVSQ tốt nghiệp.

Trong cuộc thảo luận mới nhất vào ngày 27.2 tại TVBQG giữa các sĩ quan cao cấp của nhà trường cùng như quý vị Giáo sư Khoa Trường, Viện trưởng các Viện Đại Học ở Việt Nam cùng Ông Thứ Trưởng và Tổng Trưởng Giáo Dục để nhằm xác nhận việc thành hình văn bằng của trường Võ Bị thì chúng tôi ghi nhận được một vài sự kiện như sau:

Trước đây trường chúng tôi đề nghị văn bằng Cử Nhân Khoa Học Kỹ Thuật nhưng ông Tổng Trưởng Giáo Dục đã đề nghị nên sửa đổi là văn bằng Cử Nhân Khoa Học Ứng Dụng vì văn bằng này Viện Đại học Huế đã thành lập rồi và so sánh hai chương trình văn hóa giữa hai trường có nhiều điểm tương đương.

Sau đó, Ông Thứ Trưởng đã xác nhận rằng trong tinh thần tự trị đại học, Bộ Giáo Dục không cấp phát văn bằng đại học mà các Viện Đại Học cấp phát. Hiện nay trường chúng tôi chưa chính thức cấp phát văn bằng cử nhân cho SVSQ tốt nghiệp, nhưng giá trị của nó và ngay từ khi có chương trình văn hóa bốn năm đã được xác nhận là tương đương với chương trình cao đẳng bậc chuyên nghiệp.

Chính Viện Trưởng Viện Đại Học Huế xác nhận rằng nếu so sánh hai chương trình của hai trường thì hai chương trình này tương đương với nhau về số giờ nhưng về phương diện thực tập cho sinh viên TVBQG hơn hẳn.

NDMB: Anh Phát, từ này tới giờ chúng ta nói về chương trình văn hóa rất nhiều. Nói đến trường Võ Bị thì phải nói đến chương trình quân sự. Xin anh phân họa sơ qua chương trình quân sự chung cho ba quân chủng tại Trường Võ Bị.

SVSQ. Phan Văn Phát: Mỗi năm, chương trình quân sự bắt đầu vào khoảng trung tuần tháng 12 và chấm dứt vào khoảng trung tuần tháng ba năm tới. Như thế, chương trình quân sự kéo dài ba tháng mỗi năm, và vấn đề thụ huấn quân sự, mỗi khóa theo học một chương trình khác nhau. Như năm thứ I, SVSQ được học về cá nhân chiến đấu, các loại vũ khí cá nhân và cộng đồng hạng nhẹ. SVSQ còn được học về chiến thuật tiểu đội.

Năm thứ hai, SVSQ học về trung đội, năm thứ ba học về đại đội và năm thứ ba này SVSQ được lựa chọn quân; binh chủng tùy theo khả năng và chí hướng của mình. Trong năm thứ tư SVSQ sẽ được thực tập chỉ huy tại các đơn vị và đồng thời huấn luyện tận khóa sinh.

Trong mùa văn hóa, SVSQ không những chỉ ôn lại những phần quan trọng đã được giảng dạy trong mùa quân sự mà chúng tôi còn học trước một số phần lý thuyết cho mùa quân sự năm tới và các bài học quân sự mới thuận lý thuyết không có thực tập. Ngoài ra mỗi tuần lễ chúng tôi còn có 4 giờ thể thao điền kinh - 2 giờ vũ thuật - 1 giờ sinh hoạt chính huấn - 2 giờ sinh hoạt nội bộ cấp đại đội và một số thời giờ bất thường khác. Tính trung bình cứ mỗi tuần lễ trong mùa văn hóa, chúng tôi có cả thảy 22 giờ văn hóa và khoảng 15 giờ cho những môn học không nằm trong chương trình văn hóa.

NDMB: Chương trình quân sự riêng cho mỗi quân chủng được tổ chức như thế nào?

SVSQ. Phan Văn Phát: Chương trình liên quân chủng áp dụng cho mỗi khóa thì kể từ năm 1971, nhà trường bắt đầu áp

dụng chương trình liên quân chung và khóa 25 là khóa được áp dụng chương trình này. Chương trình nhằm mục đích đào tạo cho cả ba quân chủng Hải, Lục, Không quân. Cuối năm thứ hai SVSQ được trải nghiệm tâm lý, theo kết quả kỳ sát hạch này và tùy sự tình nguyện của mình sẽ có 1/8 SVSQ theo học Hải quân, 1/8 SVSQ theo học Không quân.

Đến mùa quân sự, trong khi SVSQ Lục quân thụ huấn Nhảy dù tại Trung Tâm Huấn Luyện Nhảy Dù Hoàng Hoa Thám, SVSQ học Hải quân và Không quân được thụ huấn tại các Trung Tâm Huấn Luyện Hải và Không quân ở Nha Trang.

Hết mùa quân sự, các SVSQ này lại trở về trường và học chung mùa văn hóa với các SVSQ Lục quân.

Trong năm tới, các SVSQ Lục quân lại còn được học thêm ba tuần lễ về Biệt Động Quân và Viễn Thám...

NDMB: Anh Vân cho biết một ngày của SVSQ như thế nào?

SVSQ. Nguyễn Thanh Vân: nếp sống của một SVSQ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam là một nếp sống năng động. Chúng tôi có thể chia ra làm hai mùa: Mùa văn hóa và mùa quân sự. Trong mùa văn hóa, chúng tôi thức giấc vào lúc 5 giờ 45. Sau đó chúng tôi có 40 phút tập thể dục và chạy sáng. Chúng tôi được tự do đến 7 giờ, 7 giờ chúng tôi tập hợp đi dùng cơm trưa. Sau đó chúng tôi tập hợp để đi học văn hóa. Lớp học văn hóa của trường bắt đầu từ lúc 7 giờ 30. Mỗi giờ học, chúng tôi học 1 tiếng 5 phút, nghỉ 5 phút. Đến 12 giờ 5 phút chúng tôi đi chuyển về doanh trại và chuẩn bị dùng cơm trưa. Sau khi dùng cơm trưa tại phân quan chúng tôi được tự do đến 1 giờ 30 phút, đi chuyển đến lớp học văn hóa, nếu những lớp buổi sáng học chưa đủ giờ. Đối với những lớp đã học đủ giờ buổi sáng, chúng tôi học thể chất và vũ thuật. Trong thời gian đó, chúng tôi có giờ tự học cho đến 6 giờ chiều và chúng tôi đi chuyển để dùng cơm chiều.

Dùng cơm chiều xong, chúng tôi được tự do đến 8 giờ. Từ 8 giờ tối, chúng tôi bắt đầu cho chương trình tự học đến 10 giờ 30. Sau đó chúng tôi có 30 phút tự do để viết thư hoặc làm những

.../

việc có tính cách cá nhân. Chúng tôi bắt buộc phải ngủ vào lúc 11 giờ. Riêng đối với mùa quân sự, chúng tôi thức giấc sớm hơn là 5 giờ 30 phút, sau đó chúng tôi tập về thể chất và quân sự nhiều hơn. Đối với những lớp học bài thi chúng tôi đi chuyên học bài từ sáng tới tối.

NDMB: Xin Anh Thành cho biết mỗi năm SVSQ Trường Võ Bị được mấy ngày phép?

SVSQ. Bùi Phạm Thành: Trong bốn năm của Trường Võ Bị Quốc Gia thì cứ mỗi năm sau khi học xong mùa văn hóa và mùa quân sự thì SVSQ được 15 ngày phép thường niên để về thăm gia đình. Ngoài ra, cứ mỗi chủ nhật, ngày lễ, các SVSQ lại được phép xuất trại trong phạm vi Thị xã Dalat.

NDMB: Anh Phát cho biết lương bổng của SVSQ như thế nào?

SVSQ. Phan Văn Phát: Trong thời gian bốn năm thụ huấn tại trường được hưởng chế độ lương bổng đặc biệt, hai năm đầu lương trung sĩ, hai năm sau lương chuẩn úy. Mỗi khóa, chúng tôi được mang cấp bậc thiếu úy hiện dịch thực thụ bậc ba và sau 12 tháng phục vụ đương nhiên thăng cấp trung úy hiện dịch thực thụ bậc bốn.

NDMB: Khi một SVSQ ra trường được mang cấp bậc thiếu úy vậy quyền lợi của một thiếu úy tốt nghiệp TVBQG thế nào?

SVSQ. Phan Văn Phát: Khi tốt nghiệp, chúng tôi được mang cấp bậc thiếu úy thực thụ bậc ba với chỉ số lương 430, sau 12 tháng phục vụ, chúng tôi được đương nhiên thăng cấp trung úy bậc 4 với chỉ số lương 490 và chúng tôi cũng được cấp phát văn bằng tốt nghiệp trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam có giá trị tương đương với văn bằng Cử nhân khoa học ứng dụng.

NDMB: Anh Văn cho biết bao giờ tổ chức thi khóa tới vào TVBQGVN và những ai muốn theo học TVBQGVN phải có điều kiện gì?

SVSQ. Nguyễn Thanh Văn: Khóa mới đang chuẩn bị tuyển thâu là Khóa 29 nhập Trường vào cuối năm 1972 và mãn khóa cuối năm 1976. Các điều kiện dự thi nhập học cũng tương tự như các khóa trước nghĩa là:

- Thanh niên có quốc tịch Việt Nam.
- Tuổi từ 17 đến 22 (sinh từ 1950 đến 1955) ứng viên đồng bào thiểu số được tăng thêm một tuổi, 23 thay vì 22.
- Không cần án.
- Có đủ sức khỏe và chiều cao tối thiểu 1m58.
- Độc thân và cam đoan không kết hôn trong suốt khóa học.
- Có văn bằng Tú Tài II (hay văn bằng ngoại quốc tương đương).
- Những ứng viên thuộc thành phần con em tử sĩ hoặc tương phe binh, quân nhân tại ngũ, thiếu sinh quân, Việt kiều hải ngoại, thanh niên sắc tộc thiểu số được miễn thi nếu hội đủ điều kiện văn bằng. Ngoài ra, các học sinh chuẩn bị thi Tú Tài II (A, B, C, D và Kỹ thuật) cũng được dự thi nhưng khi trúng tuyển phải xuất trình chứng chỉ Tú Tài II.

NDMB: Nếu đủ những điều kiện như vậy ứng viên phải nộp đơn ở đâu và sẽ thi tại những trung tâm nào?

SVSQ. Nguyễn Thanh Văn: Ứng viên muốn gia nhập TVBQGVN sẽ gửi báo đảm tất cả hồ sơ gồm đơn, về TVBQGVN, Phòng Tuyển Thâu KBC. 4.027. Một cuộc thi sẽ được tổ chức cho toàn thể trên lãnh thổ Việt Nam ở năm địa điểm: Saigon, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang và Cần Thơ.

PHÁI ĐOÀN VIỆT NAM GIAO DỊCH
 ỦY HỘI QUỐC TẾ KIỂM SOÁT ĐÌNH CHIẾN

 Phát hành Ngày 14.4.1972

Ông LÊ VĂN KÝ, Trưởng Phái Đoàn Việt Nam giao dịch với Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến, 58 tuổi, sanh tại Hà Nội, có văn ngoại giao tại Anh Quốc, Nhật Bản, xử lý thương vụ Tòa Đại Sứ Việt Nam tại Thổ Nhĩ Kỳ.

NDMB: Thưa ông Trưởng Phái đoàn, UHQT Kiểm Soát Đình Chiến thành lập từ bao giờ, với mục đích gì?

Ô. Lê Văn Kỳ: Hiệp Định Genève đã được ký hồi tháng 7 năm 1954 tức là cách đây 18 năm. Trong những điều khoản mà Hiệp Định Genève quy định có vấn đề đình chiến. Ủy Hội Quốc Tế này có nhiệm vụ kiểm soát việc đình chiến ở Việt Nam và tìm mọi cách để tái lập hòa bình ở Việt Nam. Công tác kiểm soát đình chiến của họ là giúp cho quân đội Việt Nam lúc bấy giờ đương mắc kẹt ở ngoài Bắc được trở về miền Nam.

Ngoài ra Ủy Hội còn có nhiệm vụ, là giúp cho dân hai miền được tự do chọn lựa nơi họ muốn sống. UHQT cũng có nhiệm vụ kiểm soát những vụ xâm nhập vũ khí ở Việt Nam, và theo những điều khoản của hiệp định Genève 1954 thì từ khi hiệp định ra đời trở đi thì Bắc và Nam đều không có quyền cho khí giới xâm nhập vào vùng của mình nữa.

.../

NDMB: UHQT kiểm soát đình chiến là một tổ chức chung cho ba nước Việt Nam, Campuchia, Lào hay mỗi nước có một UHQT kiểm soát đình chiến riêng?

Ô. Lê Văn Kỳ: Ở Đông Dương có ba quốc gia là Việt Nam, Lào và Campuchia. Tại mỗi nơi, theo Hiệp Định Genève 1954 đều có đặt ra một Ủy Hội Quốc Tế riêng. UHQT ở Việt Nam khác với UHQT ở Lào và khác với UHQT ở Campuchia, nhưng ba Ủy Hội này vẫn thường xuyên liên lạc với nhau.

NDMB: Các quốc gia nào tham gia trong UHQT kiểm soát đình chiến?

Ô. Lê Văn Kỳ: Trong UHQT kiểm soát đình chiến tại Việt Nam có ba quốc gia, tham gia là Ấn Độ, Ba Lan và Gia Na Đại, sự lựa chọn này có một ý nghĩa đặc biệt vì ai cũng biết Ba Lan là một nước Cộng sản, Gia Na Đại là một nước từng ở trong khối tự do và Ấn Độ là một nước trung lập. Ba phái đoàn này được Chính phủ Việt Nam coi như một phái đoàn ngoại giao và họ được hưởng những quyền đặc miễn mà chính phủ Việt Nam đã dành cho các sứ quán ngoại quốc ở Việt Nam.

NDMB: Ủy Hội Quốc Tế Đình Chiến tại Việt Nam có bao nhiêu nhân viên của mỗi quốc gia?

Ô. Lê Văn Kỳ: Lúc mới đầu, tức từ 1954 đến 1965 nhân viên trong UHQT khoảng 500 người. Trong số này nhân viên của phái đoàn Ấn Độ nhiều hơn cả. Nhân viên ít hơn cả là Ba Lan nhưng hiện nay UHQT tổng cộng có chỉ hơn 100 người, trong đó phái đoàn Ấn Độ có ngót 10 người, phái đoàn Gia Na Đại ngót 40 người và phái đoàn Ba Lan có khoảng 30 người.

NDMB: Để nuôi số người UHQT kiểm soát đình chiến Việt Nam Cộng Hòa có trả một số tiền nào không?

.../

Ô. Lê Văn Kỳ: Đây là một vấn đề mà có lẽ nhiều người thắc mắc. Tôi xin thưa là VNCH không đài thọ một phí-khoản nào của UHQT. Những chi tiêu của UHQT đều do UHQT đài thọ lấy.

Chính phủ Việt Nam chỉ giúp cho họ những phương tiện về ăn ở, di chuyển và giúp cho họ đá hợp thức hóa những vụ chi tiêu có tính cách hành chánh mà thôi.

Riêng mục này thực ra, UHQT có hai ngân sách; Một ngân sách là ngân sách chung. Ngân sách này do bốn nước là Anh, Nga, Pháp và Trung Cộng đài thọ cho Ủy Hội. Ngân sách này chi vào việc ăn ở và di chuyển của họ. Theo chúng tôi biết thì ngân sách này có khoảng từ 20 triệu đến 30 triệu mỗi tháng.

Ngân sách thứ hai là ngân sách địa phương. Ngân sách này do Bắc Việt và Pháp đài thọ chi phí của ngân sách này có khoản 3 đến 4 triệu một tháng và dùng vào việc thuê nhà, trả tiền điện, nước, người làm.

NDMB: Nghe nói chắc vì Bắc Việt và Pháp không trả tiền nên UHQT nay đã mắc nợ rất nhiều với Saigon Thủy Cục, Công Ty Điện Lực Việt Nam, Bưu Điện, Nhà hàng Continental về các phí khoản đèn, nước, điện thoại, nhà ở phải không?

Ô. Lê Văn Kỳ: Đúng như vậy. Hiện giờ tình trạng tài chánh của UHQT rất bi đát. Chỉ có một số quốc gia hội viên đã tham dự vào việc đình chiến 1954 không chịu đóng góp, trong số đó có Trung Cộng và Bắc Việt, vì vậy Ủy Hội Quốc Tế bị lúng túng về tiền nong.

Hiện giờ UHQT nợ nhà máy đèn và nhà máy nước trên 30 triệu. Ngoài ra còn nhà hàng Continental là nơi mà một số nhân viên của UHQT tạm trú cũng chưa đòi được số nợ của UHQT.

UHQT còn nợ tiền điện, tiền thuê máy bay đi từ Saigon ra Hà Nội và từ Hà Nội vào Saigon.

NDMB: Bây giờ làm thế nào để nhà đèn, nhà hàng Continental có thể đòi lại số tiền đó?

Ô. Lê Văn Kỳ: Cho đến nay thì vẫn có một số chủ nợ có đến đòi UHQT và có nhờ chúng tôi can thiệp. Chúng tôi cũng đã đòi được một số nhỏ.

Thường thường UHQT khát rằng họ cũng túng quá. Họ không có ý quyết nợ, nhưng để thư thả, khi nào họ nhận được những tiền đóng góp của các nước hội viên họ sẽ thanh toán.

Như vấn đề điện nước thì cách đây hơn một tháng UHQT có trao cho chúng tôi một ngân phiếu 4 triệu đồng để tạm trả nhà máy đèn và nhà máy nước vì hai cơ quan này đã dọa là nếu UHQT không sớm thanh toán thì họ sẽ cắt điện, cắt nước.

NDMB: Thưa ông, tại hai miền Nam Bắc, UHQT kiểm soát định chiến có đặt trụ sở tại đâu và tại các tỉnh có chi nhánh nào không?

Ô. Lê Văn Kỳ: Trong UHQT có một Nha Tổng Thư Ký để điều khiển cơ quan này. Chủ Tịch Nha Tổng Thư Ký là Đại sứ Ấn Độ. Dưới quyền ông Tổng thư ký có ba ông Phó Tổng Thư Ký để giúp Nha Tổng Thư Ký: một người là Ấn Độ phụ trách việc chi tiêu, một người khác là Ba Lan phụ trách vấn đề tù binh và di cư và ông thứ ba là Gia Nã Đại phụ trách vấn đề các vụ vi phạm của hai bên.

Cạnh Nha Tổng Thư Ký có ba phái đoàn là Ba Lan, Gia Nã Đại và Ấn Độ. Thành phần của ba phái đoàn này tương tự như nhau và mỗi phái đoàn đều do một đại sứ cầm đầu. Để giúp UHQT, họ có đặt ở ngoài Bắc sáu tổ và ở trong Nam sáu tổ. Tổ ở ngoài Bắc là Hà Nội, Hải Phòng, Lào Kay, Đồng Đăng, Vinh và Đồng Hới. Ở trong Nam thì có sáu tổ đặt ở Saigon, Vũng Tàu, Nha Trang, Lộc Ninh, Đà Nẵng và Qui Nhơn.

Trụ sở của UHQT ở Hà Nội, còn ở trong Nam họ chỉ đặt một văn phòng mà thôi. Nhưng đến năm 1958 có lẽ vì đời sống ở ngoài Bắc quá khát khe, chật chẻ cho nên UHQT có xin với Chính phủ Việt Nam cho họ đặt trụ sở ở trong Nam và Chính phủ đã chấp thuận vì vậy từ 1958 đến nay, trụ sở chính là trong Nam còn ở Hà Nội họ chỉ đặt một văn phòng mà mỗi phái đoàn cứ từ ba đến bốn đại diện tạm trú. Về sự liên lạc thì mỗi tuần họ có một

chuyến máy bay Saigon - Hà Nội vào ngày thứ ba và thứ tư có chuyến bay Hà Nội - Saigon để chuyên chở các nhân viên UHQT đi chuyển và đồng thời mang những tài liệu cần thiết cho họ.

NDMB: Thưa Ông, các tổ ở Lào Kay, Đồng Hới, Vinh bây giờ còn không?

O. Lê Văn Kỳ: Những tổ ấy có nhiệm vụ kiểm soát tại chỗ những vụ chuyên chở vũ khí từ ngoài vào trong nước. Năm 1965 Bắc Việt yêu cầu UHQT giải tán các tổ ấy đi vì họ nói rằng không bảo đảm an ninh, cho UHQT. Vì vậy mà UHQT bắt buộc phải giải tán. Sáu tổ ở trong Nam đến năm 1968, UHQT mới giải tán lý do là vì vấn đề tài chánh.

NDMB: Trước kia có một phái bộ Bắc Việt tại UHQT kiểm soát định chiến đặt tại đường Chi Lăng Gia Định, bây giờ sao không còn phái bộ đó nữa?

O. Lê Văn Kỳ: Khi UHQT được thành lập tại Việt Nam hồi tháng 8.1954 ở Hà Nội có một Ủy ban Liên lạc với UHQT còn ở trong Nam chỉ có một phái đoàn giao dịch với UHQT mà thôi. Hồi đó người Pháp vẫn còn một văn phòng là văn phòng Cao Ủy ở Hà Nội cho nên Bắc Việt yêu cầu với người Pháp cho Bắc Việt mở một văn phòng liên lạc ở trong Nam với nhiệm vụ là để liên lạc thường xuyên với UHQT ở trong Nam. Lời thỉnh cầu này đã được phái đoàn Pháp chấp nhận và cho họ đặt trụ sở tại Gia Định. Đó là hồi 1955.

Đến năm 1956, quân đội viễn chinh Pháp rút hết và trao lại chủ quyền cho Việt Nam, khi tiếp thu như vậy, Chánh phủ Việt Nam tuyên bố Chánh phủ Việt Nam không ký Hiệp định Genève 1954 nên không bị ràng buộc vào những điều khoản của Hiệp định.

Riêng đối với UHQT Chánh phủ Việt Nam nhận thấy rằng đó là một cơ quan làm việc cho hòa bình và đường lối của Chánh phủ Việt Nam là tìm mọi cách để vẫn hồi hòa bình cho Việt Nam nên Việt Nam Cộng Hòa sẵn sàng cộng tác với UHQT, nhưng không chấp nhận những lời cam kết của phái đoàn Pháp đã hứa với UHQT.

Vì vậy Chính phủ Việt Nam đã yêu cầu Ủy Ban Bắc Việt ở Gia Định thu xếp để về Bắc. Trước lời yêu cầu của Chính phủ Việt Nam, Ủy ban này cũng sửa soạn để rút lui về Bắc, nhưng họ cố kéo dài nên thay vì ở Gia Định, họ đã trú ngụ ở khách sạn Majestic và Gallieni. Dân chúng bây giờ đã tỏ ra rất bất mãn trước thái độ ngoan cố của Bắc Việt đã nổi dậy và đã có hai cuộc biểu tình đốt phá hai khách sạn này vào giữa năm 1956.

Sau vụ bạo động này Ủy ban Bắc Việt ở trong Nam đã vội vàng lên máy bay ra Hà Nội. Từ đó không còn một đại diện nào của Bắc Việt ở trong Nam nữa.

NDMB: Thưa ông, VNCH có một phái đoàn cạnh UHQT Kiểm soát Đình chiến, mà ông là Trưởng Phái đoàn. Xin cho biết nhiệm vụ của phái đoàn Việt Nam cạnh UHQT là gì?

Ô. Lê Văn Kỳ: Phái đoàn Việt Nam Giao dịch với UHQT có ba nhiệm vụ chính: thứ nhất là giúp cho UHQT những phương tiện cần thiết để họ làm tròn nhiệm vụ của họ, thứ hai là tố cáo với UHQT những vụ vi phạm của Bắc Việt và nhiệm vụ, thứ ba là luôn luôn bênh vực lập trường hòa bình của Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa và tìm mọi cách để phơi bày trước dư luận quốc tế là cuộc chiến tranh hiện tại ở Việt Nam là cuộc chiến tranh xâm lăng của Bắc Việt và VNCH có bốn phận là làm mọi cách để bảo vệ đất nước và bảo vệ hòa bình.

Ngoài ra chúng tôi cũng giúp UHQT tìm những nhà ở, nơi ăn hay giúp họ tuyển dụng nhân viên giúp việc.

NDMB: VNCH và Bắc Việt thường hay tố cáo với UHQT về các vi phạm. UHQT làm gì sau khi nhận được những lời tố cáo đó?

Ô. Lê Văn Kỳ: Theo chúng tôi biết, mỗi khi có những vụ vi phạm về Hiệp định Genève, phái đoàn Việt Nam có gửi kháng thư của UHQT, nêu rõ những trường hợp vi phạm này đưa ra những bằng cứ rõ ràng. Khi nhận được những kháng thư này, UHQT cho họp ba phái đoàn lại để thảo luận xem những sự kiện nêu lên có đúng không. Nếu đúng, một mặt họ cho mở những cuộc điều tra,

một mặt gửi bản sao kháng thư của Việt Nam ra ngoài Bắc để yêu cầu ngoài Bắc cho yếu tố để trả lời. Nhưng thường thường những cuộc điều tra không có kết quả vì thành phần trong UHQT hơi phức tạp, ý kiến không đồng đều nên luôn luôn những vụ vi phạm mà chúng tôi đã phản kháng tới UHQT thì thường thường phải xếp lại chứ không có kết quả.

NDMB: Xếp lại là do những quốc gia nào trong phái đoàn hay là vì họ không đồng ý kiến với nhau?

Ô. Lê Văn Kỳ: Vâng, vì trong phái đoàn có ba quốc gia là Ấn Độ, Ba Lan và Gia Na Đại. Ba Lan là một nước Cộng Sản, Gia Na Đại thuộc về khối tự do, ý kiến của Ba Lan và Gia Na Đại tất nhiên không bao giờ phù hợp với nhau. Vậy chỉ còn Ấn Độ, khi Ấn Độ đã về phía nào thì phía ấy thắng. Ví dụ như Ấn Độ theo quan điểm của Gia Na Đại Việt Nam Cộng Hòa thắng, và sự tố cáo của VNCH có kết quả. Ngược lại, tất nhiên lời phản kháng của Bắc Việt có kết quả.

NDMB: Có trường hợp nào VNCH chúng ta kể như được thắng không?

Ô. Lê Văn Kỳ: Từ lúc thành lập UHQT đến năm 1962 có thể nói là UHQT cũng có làm được việc có ích cho mình một đôi chút.

Bằng cứ là sau nhiều vụ vi phạm của Bắc Việt phái đoàn Việt Nam có gửi rất nhiều kháng thư với rất nhiều bằng chứng cụ thể cho UHQT và sau khi xem xét những bằng chứng đó, ngày 2.6 1962, UHQT có gửi một phúc trình lên hai vị đồng Chủ Tịch Hội Nghị Genève. Trong phúc trình này UHQT có xác nhận rằng Bắc Việt đã vi phạm rõ rệt Hiệp định Genève vì Bắc Việt đã cho người và khí giới xâm nhập miền Nam với một mục đích là đánh đổ chính quyền miền Nam.

Điều thứ hai phúc trình cũng xác nhận là cái gọi là MTGPMN là công cụ của đảng Lao Động, Đông Dương, không hơn, không kém.

Đó là một thắng lợi của Chính phủ VNCH, nhưng tiếc thay từ 1962 trở lại đây UHQT không làm được việc gì gọi là có kết quả cụ thể.

NDMB: Ông có nói Ấn Độ và Gia Na Đại đã xác nhận có sự xâm nhập của Bắc Việt và do Đảng Lao Động điều khiển thì đó là một thắng lợi của VNCH nhưng sự thắng lợi đó là thắng lợi tâm lý nhiều hơn, còn các đồng chủ tịch của Hội Nghị Genève có biện pháp chế tài nào không?

Ô. Lê Văn Ky: Ông nói rất đúng. Thắng lợi này có ý nghĩa về tâm lý mà thôi, trên thực tế không có gì thay đổi vì UHQT không có một chút quyền hành nào cả. Công việc của Ủy Hội có thể làm được là gửi những phúc trình lên hai vị đồng chủ tịch cùng gửi những lời khuyến cáo cho Quốc gia vi phạm mà thôi. Ngoài ra UHQT không có một biện pháp chế tài nào hết. Quốc gia vi phạm khi nhận được lời khuyến cáo của UHQT có sửa chữa hay không là chuyện khác. Đó là điểm chính chúng tôi UHQT là bất lực.

NDMB: Nếu UHQT kiểm soát đình chiến bất lực không có biện pháp chế tài nào đối với quốc gia vi phạm, tại sao chúng ta còn duy trì UHQT làm gì?

Ô. Lê Văn Ky: Đây là một câu mà nhiều người đã hỏi chúng tôi. UHQT là một cơ quan do quốc tế chỉ định để tới Việt Nam làm việc và mục đích cao cả của UHQT là kiểm soát đình chiến và tái lập hòa bình ở Việt Nam. VNCH luôn luôn tuyên bố là chủ trương hòa bình, VNCH không có ý định xâm lăng các nước láng giềng, VNCH không có tham vọng về lãnh thổ nhưng VNCH có một tham vọng duy nhất là duy trì hòa bình tại miền Nam, và nhận thấy UHQT cũng theo đuổi một mục đích chung nên Chính phủ VNCH đã hợp tác với UHQT từ lúc khởi xướng cho tới bây giờ. Dầu rằng nhận thấy UHQT bất lực nhưng VNCH nghĩ rằng mình vẫn có lợi để cộng tác với UHQT và duy trì sự hiện diện của họ ở đây. Vì nếu ta yêu cầu UHQT giải tán dư luận quốc tế có thể cho rằng ta đã tự ý xé bỏ Hiệp định Genève 1954 và người ta có thể nghĩ hơn nữa là có lẽ VNCH đang định gây hấn với các nước láng giềng chẳng. Vì vậy Chính phủ VNCH vẫn duy trì UHQT ở đây.

NDMB: Thưa ông vị trưởng phái đoàn Việt Nam cạnh UHQT kiểm soát đình chiến đầu tiên là ông Hoàng Thụy Năm đã chết một cách thê thảm, đau đớn. Xin ông cho biết lý do vì sao ông Hoàng Thụy Năm bị ám hại như vậy?

O. Lê Văn Ky: Đây là một trang sử bi đát của phái đoàn Việt Nam chúng tôi. Hồi ấy cố Đại Tá Hoàng Thụy Năm là Trưởng phái đoàn Việt Nam, theo chỗ chúng tôi biết Đại Tá Hoàng Thụy Năm có một cái trại ở Suối Lồ Ô và thường thường cứ cuối tuần thì Đại Tá Hoàng Thụy Năm đến đây để nghỉ ngơi và trông nom trong trại.

Ngày 1.10.1961, Đại Tá Năm cùng với hai con nhỏ đi xe hơi do tài xế lái đi Suối Lồ Ô. Khi gần đến trại có chừng hai chục tên mặt quan áo đen xô ra, bắt giữ xe và sau đó họ bịt mắt Đại Tá Năm, chúng trèo lên xe bắt tài xế trở ra đường cái, theo phía Biên Hòa. Đi chừng năm cây số, bọn chúng rẽ bên tay trái. Xe đi hết đường, chúng bắt xe ngừng lại và chúng cho phép người tài xế cùng với 2 đứa con của Đại Tá Hoàng Thụy Năm trở về để báo tin cho gia đình còn bọn chúng mang Đại Tá Năm đi mất.

Ngay khi được hung tinnày, Phái đoàn Việt Nam yêu cầu UHQT lập tức mở cuộc điều tra, nhưng UHQT đã tìm mọi cách kéo dài cuộc điều tra. Công việc rông rã từ ngày 1.10 đến 15.10 xác Đại Tá Năm được thay ở chân cầu Bình Lợi. Lúc vớt lên, người ta thấy thân thể Đại Tá Hoàng Thụy Năm đã bị rất nhiều thương tích và ở mồm Đại Tá Hoàng Thụy Năm bọn chúng đã dùng một cái dây cable bằng thép to bằng 2 đầu ngón tay cái, quấn và mồm ông. Hiện mẫu giấy thép ấy chúng tôi còn giữ để làm tang vật.

Trở lại việc điều tra của UHQT, chúng tôi có thúc dục UHQT rất nhiều lần và có đưa cho họ đủ bằng cớ kể cả người tài xế đã lái xe cho Đại Tá Hoàng Thụy Năm, đưa cho họ để muốn điều tra gì điều tra, nhưng rốt cuộc là cuộc điều tra này không đi đến đâu và vụ này bị chìm xuống luôn.

NDMB: Thưa ông, đây là chi tiết nhỏ, vì sao mà ông Hoàng Thụy Năm và ông Nguyễn Văn An trước kia là Trưởng phái đoàn thứ nhất và thứ nhì của Phái đoàn cạnh UHQT lúc đó Tổng Thống Ngô Đình Diệm lại gán cấp bậc Đại Tá cho hai vị ấy?

Ô. Lê Văn Kỳ: Hai vị trưởng phái đoàn đầu tiên của chúng tôi đều mang cấp bậc sĩ quan. Theo chúng tôi nghĩ thì có thể là có hai giả thuyết. Giả thuyết thứ nhất là để cho tương xứng với Ủy Ban Liên Lạc của Bắc Việt vì trưởng Ủy Ban Liên Lạc của họ là một Đại Tá. Giả thuyết thứ hai là phái đoàn cạnh UHQT có nhiệm vụ giúp UHQT mở những cuộc điều tra trong vùng có thể nói là đang có chiến tranh và cần phải liên lạc với Bộ Quốc Phòng. Nếu vị trưởng phái đoàn mang cấp bậc Tá thì sự giao dịch có lẽ sẽ dễ dàng hơn một người dân sự.

NDMB: Ấn Độ đã công nhận Bắc Việt vai trò của Ấn Độ trong UHQT kiểm soát đình chiến, như vậy mặt hẳn vô tư thì VNCH đã có thái độ nào đối với phái đoàn Ấn Độ trong UHQT?

Ô. Lê Văn Kỳ: Việc này có hai khía cạnh; thứ nhất là việc bang giao giữa chính phủ VNCH và Chính phủ Ấn Độ, việc thứ hai là việc giao dịch giữa Chính phủ VNCH và Chính phủ Ấn Độ trong UHQT.

Về việc giao dịch giữa chính phủ VNCH và chính phủ Ấn Độ, từ trước cho tới giờ không có gì thay đổi. Bằng chứng là Việt Nam hiện có một tòa tổng lãnh sự ở New Delhi và tòa tổng lãnh sự này vẫn hoạt động như thường lệ. Ngược lại ở Saigon Ấn Độ, có đặt một tòa tổng lãnh sự và có mấy ngàn Ấn Kiều, hiện giờ họ đều hoạt động như thường lệ, không có gì gọi là bị áp chế.

Về việc giao dịch giữa VNCH và phái đoàn Ấn Độ có thay đổi. Ai cũng biết rằng ngày 7 tháng Giêng, chính phủ Ấn Độ tuyên bố nâng tòa tổng lãnh sự của họ ở Hà Nội lên hàng Đại sứ quán, trong khi ấy họ vẫn duy trì bang giao Việt Nam trên cấp bậc tổng lãnh sự mà thôi.

Ngày hôm sau, tức ngày tám tháng Giêng, VNCH có phản ứng tức khắc và Bộ Ngoại Giao đã ra một thông cáo cấm không cho đại sứ Ấn Độ là ông Ray qua Việt Nam để cầm đầu phái đoàn trong UHQT. Đồng thời Ngoại Trưởng Trần Văn Lãm họp báo tuyên bố kể từ giờ phút này chính phủ VNCH không chấp nhận sự hiện diện của phái đoàn Ấn Độ trong UHQT.

.../

Chúng tôi xin nhấn mạnh, là không chấp nhận sự hiện diện của phái đoàn Ấn Độ mà thôi còn đối với phái đoàn Ba Lan, Gia Na Đại, chúng tôi vẫn thừa nhận như thường. Đồng thời Ngoại Trưởng cũng tuyên bố là từ giờ VNCH sẽ không gia hạn chiếu khán lưu trú tại Việt Nam cho các nhân viên trong phái đoàn Ấn Độ nữa, nếu giấy lưu trú của họ đã hết hạn. Đến ngày 17.1 Chánh phủ VNCH gửi kháng thư cho hai vị đồng chủ tịch Hội Nghị Genève là Anh và Nga cũng nhắc lại quan điểm của Chánh phủ là không thừa nhận vai trò của Ấn Độ trong UHQT nữa và sẽ yêu cầu những nhân viên Ấn Độ trong phái đoàn về nước sau khi hạn lưu trú của họ hết hạn.

Ngày 17 tháng Ba, Chánh phủ VNCH đã cho công bố văn thư ấy. Riêng đối với việc lưu trú của Ấn Độ sau những lời tuyên bố của VNCH phái đoàn VNCH của chúng tôi yêu cầu nhân viên của cả ba phái đoàn tức là Ấn Độ, Ba Lan, Gia Na Đại đưa chúng tôi tất cả những thẻ thông hành của họ và chúng tôi cũng đã đưa trình những thẻ thông hành lên Bộ Ngoại Giao để cấp lại chiếu khán cho họ. Và kể từ ngày 1.4, tất cả nhân viên trong UHQT mỗi người đều được cấp một chiếu khán có giá trị trong sáu tháng và cho đến giờ phút này, tất cả nhân viên trong UHQT đã vui vẻ trao cho chúng tôi những thẻ thông hành để điều chỉnh lại và không có sự phản đối nào của các nhân viên trong UHQT cả.

NDMB: Đến tháng mười này, sáu tháng chiếu khán trên các thông hành của phái đoàn Ấn Độ sẽ hết hạn. VNCH có ý định nào để gia hạn những chiếu khán đó không nếu không, thì xem như chấm dứt vai trò của UHQT kiểm soát đình chiến tại Việt Nam phải không?

O. Lê Văn Kỳ: Theo lời tuyên bố của Ngoại Trưởng Trần Văn Lắm, phải coi thời hạn sáu tháng này là thời hạn quyết định, nghĩa là hết sáu tháng tất cả những nhân viên của phái đoàn Ấn Độ phải về nước đến ngày 1.10 năm nay có thể coi như phái đoàn Ấn Độ không còn ở trong UHQT nữa. Đó là dựa theo những lời tuyên bố của Ngoại Trưởng Trần Văn Lắm. Nếu từ giờ đến đó có những biến chuyển quan trọng mà chánh phủ Việt Nam xét lại có thể xét lại lập trường đối với Ấn Độ. Đó lại là một việc khác.

NDME: Thưa ông, ngày 29.3 vừa rồi, Bắc Việt đã công khai xâm lăng miền Nam bằng cách vượt tuyến, tại sao phái đoàn Việt Nam cạnh UHQT kiểm soát đình chiến lại không có kháng thư nào và UHQT kiểm soát đình chiến cũng chẳng làm gì cả?

O. Lê Văn Kỳ: Như chúng tôi đã trình bày phái đoàn Việt Nam giao dịch với UHQT có nhiệm vụ là tố cáo với UHQT những vụ vi phạm của Bắc Việt ví dụ như những vụ ám sát, phá hoại, bắn Rocket... Riêng vụ Bắc Việt mang quân tràn qua Bến Hải xâm nhập miền Nam thì thật sự đó là một vụ vi phạm Hiệp định Genève 1954 và có lẽ phái đoàn Việt Nam cũng nên gửi một kháng thư cho UHQT thì hơn. Nhưng xét lại cho kỹ Bắc Việt cho hơn 50 ngàn quân vượt Bến Hải xâm nhập miền Nam không những là một vụ vi phạm Hiệp định Genève là một vụ chứng tỏ Bắc Việt muốn xé Hiệp định Genève thì đúng hơn.

Vụ này có một tầm quan trọng đặc biệt mà chúng ta không thể nào ví với những vụ ám sát một vài cá nhân hay vụ bắn Rocket vào một vài đô, tỉnh, thị chẳng hạn.

Vì vậy, thay vì phái đoàn VNCH gửi kháng thư cho UHQT Bộ Ngoại Giao nhận thấy rằng Bộ Ngoại Giao phải can thiệp trực tiếp với hai vị đồng chủ tịch Hội nghị Genève chứ không phải can thiệp với UHQT, vì UHQT luôn luôn tỏ ra bất lực. Bây giờ có yêu cầu họ can thiệp cũng không đi đến đâu và việc mà chánh phủ VNCH đã làm cũng đã được chính ngoại trưởng Ấn Độ đã giải thích hôm thứ Hai vừa qua khi ông Ngoại trưởng Ấn Độ Singh thuyết trình trước Quốc hội. Theo các báo, Ngoại trưởng Ấn Độ tuyên bố rằng tình trạng chiến tranh ở Việt Nam cho nên đã có những sự kiện khiến cho UHQT phải bó tay không làm được gì hết.

Ngoại Trưởng Singh cũng đã công khai nhận rằng từ 18 năm nay, UHQT đã không làm tròn được nhiệm vụ của họ ở Việt Nam, như vậy thì việc vừa rồi, phái đoàn Việt Nam không yêu cầu UHQT can thiệp đã được Ngoại Trưởng Singh giải thích.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN QUỐC GIA

Phát Hình Ngày 21.4.1972

Đại Tá Hải Quân NGUYỄN VĂN ANH, Phụ tá Tổng Trưởng Kế Hoạch và Phát Triển Quốc Gia, 40 tuổi sinh tại Cần Thơ, giữ chức vụ Phụ Tá Tổng Trưởng Kế Hoạch và Phát Triển Quốc Gia từ 1.8.1971.

NDMB: Thưa Đại Tá, một trong những trách nhiệm của Bộ Kế Hoạch và Phát Triển Quốc Gia là đặt kế hoạch sử dụng các tài sản thặng dư do quân lực đồng minh chuyển giao. Xin Đại tá cho biết các tài sản thặng dư này là những tài sản nào?

Đ.T. Nguyễn Văn Anh: Đây là trách nhiệm nhất thời mà chánh phủ giao cho Bộ chúng tôi. Tài sản thặng dư trong tiến trình rút quân của quân đội đồng minh hiện nay gồm có hạ tầng cơ sở là những doanh trại, nhà cửa, đường sá, cầu cống, phi trường, hải cảng.

Loại thứ hai là những máy móc đủ loại và loại thứ ba là những vật liệu phế thải như sắt, nhôm đồng...

NDMB: Bộ sẽ sử dụng các hạ tầng cơ sở của quân lực đồng minh để lại như doanh trại, nhà cửa căn cứ, phi trường, đường sá, hải cảng như thế nào?

Đ.T. Nguyễn Văn Ảnh: Cách đây không lâu, một tờ báo ở Hương Cảng đã đăng tải một bài bình luận nói về kế hoạch biến kiếm thành chủ của Bộ Kế Hoạch. Trong kế hoạch này chúng tôi dự định sử dụng tất cả những tài sản thặng dư do Mỹ và đồng minh chuyển giao lại vào trong công cuộc phát triển xứ sở.

Về các doanh trại, nhà cửa thì hiện giờ Quân Lực VNCH có một số nhu cầu rất lớn, chúng tôi dành ưu tiên cho Quân lực những nhà cửa doanh trại nào mà quân lực thấy thích hợp để sử dụng trong giai đoạn tạm thời này.

Một số lớn nhà cửa khác, chúng tôi sẽ thỏa mãn cho nhu cầu của những Bộ, Phủ ở trong chính phủ là những nơi mà hiện nay vì ngân sách quốc gia eo hẹp không thể nào xây cất thêm. Sau đó nếu những nhà cửa này còn dư lại và được xây cất ở những nơi không thích hợp thì chúng tôi cho tháo dỡ để xây cất ở nơi khác hoặc chuyển hoàn lại quân lực đồng minh để họ bán đấu giá.

Về những hạ tầng cơ sở khác như phi trường, hiện giờ quân lực đồng minh có ở Việt Nam rất nhiều. Nhu cầu sắp tới của chúng ta không thể nào sử dụng hết những phi trường này. Do đó chúng tôi dự định đóng cửa một số lớn phi trường mà chúng ta không đủ tiền bảo trì. Phần khác, những phi trường còn lại giao cho Không quân Việt Nam và Bộ Công Chánh quản trị.

Về những hải cảng, chúng tôi cũng làm như những phi trường. Hải cảng nào Hải quân Việt Nam hoạt động thì chúng tôi chuyển giao cho Hải quân. Những hải cảng nào Hải quân Việt Nam không cần nữa, chúng tôi giao cho Bộ Giao Thông Bưu Điện hoặc Bộ Công Chánh quản trị.

NDMB: Thưa Đại Tá, có một số công ty ngoại quốc đánh nhau mua lại của quân lực Hoa Kỳ một số lớn dụng cụ thặng dư. VNCH có nghĩ đến việc chặn đứng việc mua bán này không để dành quyền mua lại cho quốc gia sử dụng?

Đ.T. Nguyễn Văn Ảnh: Năm 1968, VNCH do Ngoại Trưởng Trần Chánh Thành đại diện ký với Tòa Đại sứ Mỹ ở Saigon một thỏa ước, trong đó nước Việt Nam có quyền tiên mại những dụng

cụ thặng dư của Mỹ ở Việt Nam. Tối nay, chánh phủ rất chú ý tới vấn đề sử dụng quyền tiên mãi này. Hiện nay những dụng cụ người Mỹ cho là thặng dư gồm những vật dụng dùng để tái trang bị cho những đơn vị VNCH, chủ nhĩ là ở những Bộ, Phủ còn thiếu vật dụng trang bị có thể chứng minh được nhu cầu với Bộ chúng tôi, chúng tôi cần thiệp với Chánh phủ Mỹ để trang bị đầy đủ cho những cơ quan đó.

Số vật liệu còn lại cho tới nay người Mỹ đã đem ra bán đấu giá phần lớn ở những bãi phế thải, một phần nhỏ đã có nhiều trường hợp chở ra ngoại quốc bán ở Tân Gia Ba. Tối nay, chúng tôi đã đệ trình lên chánh phủ một dự án mua tất cả những vật liệu thặng dư, máy móc, từ trước đến nay do người Mỹ đem ra bán đấu giá ở Đà Nẵng để đem về với mục đích tái trang bị, sửa chữa rồi chuyển nhượng lại cho những cơ quan chánh phủ hay tư nhân Việt Nam. Mục đích của chúng tôi là giữ những tài sản này tối đa ở trong nước Việt Nam để dùng vào trong công cuộc phát triển xứ sở sau này.

NDMB: Hiện nay số sắt vụn của quân lực Hoa Kỳ như là một mỏ sắt khổng lồ. Nếu để ngoại quốc mua lại hết, VNCH không còn gì nữa mà lại phải nhập cảng. Bộ có kế hoạch sử dụng sắt vụn ấy không?

Đ.T. Nguyễn Văn Anh: Hiện giờ chánh phủ rất lưu tâm tới vấn đề giữ số sắt vụn hoặc là nhôm, đồng vụn để thỏa mãn nhu cầu quốc nội và cũng khởi sự lập những nhà máy luyện sắt, luyện thép ở Việt Nam vấn đề tạo mãi sắt đồng, thau vụn, chánh phủ giao cho Bộ Kinh Tế đảm nhiệm. Trong một ngày gần đây, Bộ Kinh Tế sẽ có một chương trình thực tiễn để sử dụng những vật liệu phế thải này.

NDMB: Một số nhà kinh doanh than phiền chánh phủ cạnh tranh với một xí nghiệp tư bằng cách lập những xí nghiệp công, chánh phủ thật sự có muốn cạnh tranh hay muốn bán lại cho tư nhân không?

Đ.T. Nguyễn Văn Anh: Hiện chánh phủ còn kiểm soát một số công ty quốc doanh và công ty hợp doanh. Đường lối kinh tế

của chánh phủ sau này là một đường lối cởi mở làm thế nào cho người dân hữu sản hóa tối đa và được hưởng những lợi ích của công việc phát triển quốc gia.

Vì mục đích đó, Chánh phủ đã giao phó cho Bộ những kế hoạch gọi là kế hoạch giải tư các xí nghiệp quốc doanh. Trong kế hoạch này chúng tôi ước ao sẽ có một thể thức thích hợp để bán lại cho những tư nhân Việt Nam những cổ phần của những xí nghiệp quốc doanh này hợp doanh hiện đang mang lại lợi nhuận nhất. Sau đó chúng tôi lần lượt cải tiến những cơ sở quốc doanh khác và tiếp tục chương trình giải tư cho đến khi chánh phủ bán hết cho tư nhân.

Chánh phủ không bao giờ muốn cạnh tranh với tư nhân. Trái lại chánh phủ luôn luôn đứng vai trò hướng dẫn để cho người dân tham gia vào công việc phát triển xứ sở càng nhiều càng tốt. Ở nơi nào tư nhân có thể mở vốn ra kinh doanh thì chánh phủ sẽ không đứng ra làm những nghiệp vụ mà cho rằng có thể cạnh tranh với tư nhân.

NDMB: Thưa Đại Tá, có thể tay trái làm mà tay mặt không biết. Đại Tá nói rằng chánh phủ không cạnh tranh mà sẽ bán những công ty công cho tư nhân nhưng chúng tôi vẫn nghe nói rằng chánh phủ vẫn có chương trình lập thêm nhiều công ty mới nữa?

D.T. Nguyễn Văn Anh: Hiện giờ, chánh phủ có nhiều chương trình lập rất nhiều công ty quốc doanh mới. Sở dĩ chánh phủ làm công việc này vì số vốn đầu tư lớn lao mà cho tới nay không có tư nhân nào đứng ra đảm nhiệm được. Giai đoạn này là giai đoạn khởi thủy chương trình phát triển quốc gia, chánh phủ phải dùng tất cả nỗ lực của mình để chuyên chú vào những nghiệp vụ có thể làm nền móng cho việc phát triển quốc gia sau này.

Do đó chánh phủ đứng ra đảm nhiệm trong việc quản trị những công ty có công ích cho quốc gia như công ty điện, công ty cung cấp nước uống, công ty chuyên chở công cộng. Sau đó chánh phủ cũng chú tâm tạo lập những công ty khác có lợi ích cho công cuộc phát triển ví dụ như công ty phân bón.

Hiện giờ chương trình đầu tư vào công ty phân bón này cần tới một số vốn trên 65 triệu mỹ kim mà không có tư nhân Việt Nam nào có thể làm được. Do đó, cho tới khi nào chưa có tư nhân Việt Nam có thể làm việc này, chánh phủ vẫn phải tiếp tục. Hiện cũng có chương trình công ty lọc dầu Việt Nam mà với số vốn đầu tư lên tới trên 120 triệu mỹ kim cũng không có tư nhân nào Việt Nam có được số vốn này nên chánh phủ vẫn phải tiếp tục chương trình công ty lọc dầu nhưng cũng theo đường lối chung của chánh phủ. Sau khi đã thành hình và hoạt động nữa hiệu, chánh phủ cũng sẽ giải tư.

NDMB: Nhiều người cho rằng các xí nghiệp của chánh phủ đều lỗ lã vì quản trị rườm rà yếu kém hoặc tham nhũng. Việc ấy có đúng không?

Đ.T. Nguyễn Văn Ánh: Tất cả những công ty quốc doanh dưới sự kiểm soát của Bộ chúng tôi, năm 1971, đã đưa lại cho ngân sách quốc gia trên ba tỷ bạc Việt Nam tiền lời. Tôi không dám nói rằng tất cả những công ty này đều có lời. Trong số 25 công ty hiện do chúng tôi quản trị, có một vài công ty không mang lại một số tiền lời nào cả. Ví dụ Công ty Nước Suối Vĩnh Hảo, Công ty Kỹ nghệ An Hòa, Nông Sơn, số dĩ như vậy vì hai công ty này không thể nào hoạt động được trong tình trạng an ninh hiện hữu. Dầu sao, chúng tôi sẽ cố gắng để hoặc là tái thiết những công ty này lại, hoặc biến cải, chuyển hướng những công ty này để làm thế nào trong năm 1972 những công ty này có thể tái hoạt động và mang lợi lại cho quốc gia.

Đối với việc tham nhũng và việc quản trị rườm rà, mục tiêu của chúng tôi là hướng nỗ lực vào việc cải tiến sự quản trị những công ty quốc doanh là làm thế nào cho giản dị tới đa để những thủ tục hiện đang áp dụng được sửa chữa hầu công ty có thể có lời càng nhiều càng tốt. Còn tình trạng tham nhũng thì viết và nói đến bao giờ rồi, nếu có thì chúng tôi trong đường lối chung của chánh phủ là tận diệt trong phạm vi thẩm quyền của chúng tôi.

NDMB: Bộ Kế Hoạch và Phát Triển đang soạn thảo kế hoạch bốn năm, trong đó Bộ chú ý tới điểm nào nhiều nhất?

D.T. Nguyễn Văn Ảnh: Tất cả các nước ở trong tình trạng chậm tiến đều muốn thoát ra khỏi tình trạng này. Hiện giờ Việt Nam cũng trong tình trạng đó. Đây là một cơ hội rất tốt cho chúng ta để thoát khỏi. Muốn thoát khỏi tình trạng chậm tiến, chúng ta cần phải có những hoạt động phối hợp trong nhiều lãnh vực quốc gia. Vì vậy chính phủ đã giao phó cho Bộ chúng tôi trách nhiệm soạn thảo kế hoạch phát triển kinh tế bốn năm.

Trong kế hoạch này, cũng như những kế hoạch phát triển kinh tế ở những nước chậm tiến khác, chúng tôi chú ý đến những mục tiêu sau: 1. nâng cao lợi tức của mỗi người dân, 2. làm thế nào cho giai đoạn sắp tới, cung cấp một số công ăn việc làm cho những quân nhân có thể được giải ngũ trong một vài năm sắp tới, cho những thanh thiếu niên đang tiến lên trong thị trường nhân công và do một số lớn những đồng bào hiện nay đang làm việc với quân đội đồng minh mà trong một vài ngày sắp tới có thể là những người khiếm dụng trong nước, 3. tạo một tình trạng ổn định về kinh tế để hướng dẫn Việt Nam sang giai đoạn phát triển quốc gia. Tình trạng này gồm những biện pháp như là biện pháp tài chánh kinh tế mùa thu và chúng ta sẽ còn tiếp tục có những biện pháp khác làm thế nào cho Việt Nam hoàn toàn ổn định về phương diện kinh tế để làm nền móng cho việc phát triển sau này.

Ngoài ra Việt Nam hiện giờ đang ở trong tình trạng bất quân bình về phương diện cán cân chi phí. Chúng ta tiêu thụ nhiều quá trong khi đó thì vấn đề sản xuất yếu kém. Mục đích của kế hoạch cũng là đưa vấn đề sản xuất lên để cán cân chi phí thăng bằng.

Mức độ đầu tư trong nước hiện nay yếu kém. Mục tiêu của kế hoạch cũng là đưa mức đầu tư trong nước lên càng cao càng tốt. Ở Việt Nam cũng như nhiều nước chậm tiến khác có một sự bất quân bình về lợi tức giữa những vùng và những giới trong một nước. Mục tiêu của kế hoạch cũng làm thế nào để giảm thiểu những bất quân bình đó.

NDMB: Thưa Đại Tá, sau bốn năm thực hiện được kế hoạch bốn năm của Bộ, VNCH đại cương sẽ như thế nào?

D.T. Nguyễn Văn Ảnh: Nếu kế hoạch được thực thi đúng mức, tới năm 1975 sẽ đưa tổng sản lượng quốc gia từ con số 901

tỷ bạc Việt Nam lên tới mức 1.135 tỷ và lợi tức đầu người sẽ được đưa từ 120 mỹ kim lên đến 135 mỹ kim. Về con số xuất cảng chúng tôi ước mong sẽ đưa nghiệp vụ xuất cảng từ 12 triệu mỹ kim lên đến 200 triệu mỹ kim, nghĩa là nâng cao tỷ lệ xuất cảng trên nhập cảng từ 1 phần trăm lên đến 20 phần trăm.

Ngoài ra chúng tôi còn cố gắng tạo những cơ sở để thích hợp cho Việt Nam, đặt Việt Nam trên con đường kinh tế tự túc.

NDMB: Kế hoạch bốn năm mà Bộ soạn thảo, Bộ đã soạn thảo trong hoàn cảnh VNCH còn tình trạng chiến tranh hay đã có hòa bình?

Đ.T. Nguyễn Văn Anh: Một trong những đức tính của người kế hoạch là tính thận trọng. Chúng ta thảo một kế hoạch để chúng ta đi đến một tình trạng nào tốt đẹp hơn, chúng ta không thi hành một kế hoạch để đi đến một tình trạng đen tối. Do đó một trong những giá thuyết chúng tôi đưa ra trong lúc soạn thảo kế hoạch là Việt Nam sẽ sống trong tình trạng hòa bình kể từ năm 1974 trở đi. Chúng tôi căn cứ vào những diễn biến, chánh trị và quân sự trong những ngày gần đây và nhất là chúng tôi căn cứ trên những lời tuyên bố cách đây không lâu của vị Nguyên Thủ Quốc Gia.

NDMB: Bộ đã soạn thảo kế hoạch bốn năm, trong kế hoạch đó, Bộ có nghĩ đến những dự án mà mình phải xin ngoại quốc viện trợ không? Hoặc Bộ sẽ kêu gọi dân chúng tiết kiệm để thực thi kế hoạch bốn năm đó. Nếu chúng ta tiết kiệm, chúng ta có còn phải xin viện trợ nữa không?

Đ.T. Nguyễn Văn Anh: Kế hoạch phát triển quốc gia lấy căn bản trong một số những dự án, tổng hợp lại thành một dự án phát triển. Muốn thi hành những dự án này, chúng ta cần ba yếu tố: 1. Tư bản, 2. Nhân lực, 3. Vật lực. Trong yếu tố tư bản, chúng tôi nghĩ đến những loại tư bản trong nước và tư bản ngoại quốc. Tư bản trong nước, tới nay chúng ta chỉ có thể đầu tư tới 65 tỷ bạc Việt Nam. Số này rất kém so với tỷ lệ đầu tư trong các nước đang phát triển khác. Với chánh sách tín dụng mà chánh phủ đang thi hành, chúng tôi thấy rằng trong một tương

lại rất gần chúng ta có thể động viên một số lớn tiết kiệm của dân chúng mà Chính phủ luôn luôn khuyến khích.

Số tiết kiệm này cũng ở trong một tình trạng rất khiêm nhượng, chưa thích hợp với tình trạng một nước đang phát triển. Chúng tôi ước mong nhân dân Việt Nam ý thức nhiều hơn, bớt tiêu thụ để tiết kiệm dùng tiền này vào trong việc đầu tư. Đối với những số ngoại tệ chúng ta cần để mua máy móc thì hiện giờ Việt Nam rất yếu kém. Muốn có số tiền này thì chúng ta phải cầu viện. Muốn cầu viện thì chúng ta phải tuân theo một số điều kiện của họ đặt ra và chúng ta phải làm thế nào để dung hòa những điều kiện này với mục tiêu quốc gia.

NDMB: Mọi sự viện trợ đều có điều kiện và theo kế hoạch của người cho hơn là kế hoạch của người xin vay, nếu cho không đáp ứng kế hoạch của mình vạch ra, Bộ làm thế nào?

D.T. Nguyễn Văn Ảnh: Tất cả những sự cho vay hay cho không đều có những điều kiện đi kèm. Như tôi vừa trình bày, chúng ta phải làm thế nào để dung hòa những điều kiện của những nước cho vay với những mục tiêu quốc gia của chúng ta. Cho tới ngày hôm nay thì chúng tôi không gặp trở ngại nào lớn trong vấn đề dung hòa này cả.

Ai cũng biết sự thịnh vượng của các nước trên thế giới không thể nào vững được nếu bên cạnh những nước thịnh vượng này lại có những nước quá nghèo nên thế giới đã ý thức được cái hiểm họa của tình trạng một thế giới có hai giới người một là quá giàu và một là quá nghèo.

Liên Hiệp Quốc cũng như các tổ chức quốc tế hiện nay đã ý thức được mối hiểm nguy này nên họ cố gắng viện trợ cho những nước chậm tiến để phát triển. Hiện giờ những nước tiên bộ đã có những nỗ lực đáng kể trong vấn đề giúp đỡ các nước chậm tiến để tự túc phát triển. Họ đặt mục tiêu là cho tới năm 1975, số tiền viện trợ của các nước tiên bộ phải lên tới bằng 1% của tổng sản lượng quốc gia của các nước này. Với con số lớn lao này thì các nước chậm tiến có cơ hội để tiến trên con đường phát triển quốc gia.

NDMB: Trong chương trình phát triển quốc gia, có vấn đề liên hệ như vấn đề nhân lực Bộ có phối hợp với các Bộ khác như là Bộ Giáo Dục để đào tạo các chuyên viên, giáo sư, kỹ sư, Bộ Lao Động để sử dụng các nguồn nhân lực sau này?

Đ.T. Nguyễn Văn Ánh: Một trong những đặc biệt của kế hoạch phát triển lý tưởng là kế hoạch phải đầy đủ và thực tiễn. Muốn thực tiễn thì phải bao gồm nhiều khu vực hoạt động trong một quốc gia. Về phương diện phát triển nhân lực thì hiện nay Chính phủ đã giao phó nhiệm vụ này cho Bộ Lao Động và chúng tôi cũng được biết Bộ Lao Động cũng đã có những nỗ lực đáng kể trong chương trình phát triển nhân lực. Cách đây không lâu Thủ Tướng đã ký một sắc lệnh thành lập một Ủy Ban Quốc Gia Nhân Lực. Ủy Ban này có nhiệm vụ điều hòa thị trường nhân lực trong xứ, huấn luyện nhân sự và làm thế nào để phân phối những tài nguyên nhân lực để thích hợp với việc phát triển quốc gia.

Riêng về kế hoạch phát triển kinh tế quốc gia do Bộ Kế Hoạch soạn thảo có một sự phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ với nhau và giữa các Bộ với Bộ Kế Hoạch. Ngoài ra, còn có sự phối hợp hàng dọc từ trên thượng tầng chỉ đạo quốc gia cho đến những hoạt động nhỏ nhất trong từng địa phương.

Để sự phối hợp này thêm chặt chẽ, Thủ Tướng đã ký sắc lệnh thành lập Ủy ban Điều hòa, Phối hợp Kế hoạch Quốc gia bốn năm. Ủy ban này thường xuyên họp tại Bộ Kế Hoạch do Tổng Trưởng Kế Hoạch làm chủ tịch. Chúng tôi ước ao rằng với sự phối hợp công tác rất mật thiết giữa Bộ Kế Hoạch và những Bộ Phủ khác của chính phủ thì kế hoạch quốc gia sẽ là một kế hoạch đầy đủ thâu gồm tất cả những hoạt động có liên hệ tới nền kinh tế quốc gia và kế hoạch này sẽ là một kế hoạch thực tiễn để có thể đem ra thi hành một cách tốt đẹp.

NDMB: Có một vấn đề đang sôi nổi hiện giờ là Quý Tiết Kiệm Quân Đội. Quý này thật sự có một phần liên hệ tới vấn đề phát triển quốc gia vì quý ấy đang đầu tư vào một số công ty. Bộ Kế Hoạch nghĩ gì về Quý Tiết Kiệm?

Đ.T. Nguyễn Văn Ánh: Những người nghĩ ra vấn đề thành lập Quý Tiết Kiệm có nhiệt tâm, thứ nhất là muốn khuyến khích

việc tiết kiệm, thứ nhì là muốn tìm cách đãi ngộ những chiến sĩ là những người có công nhất ở Việt Nam. Nhưng khi những cơ quan này đã thâu được một số tiền lớn do nơi sự tiết kiệm của các chiến sĩ thì đem đầu tư vào một vài công ty. Chúng tôi thiết tưởng chúng ta có thể làm cho số tiền tiết kiệm sanh lời bằng cách khác hơn là đầu tư vào trong những lãnh vực tư. Vì chánh phủ không muốn đứng ra kinh doanh.

Chúng tôi ước ao trong những ngày sắp tới đây, với sự thành lập của những công khổ phiếu đặc biệt, quân công, mục tiêu của những người đứng tạo lập Quỹ Tiết Kiệm Quân đội sẽ thành đạt bằng cách khuyến khích sự tiết kiệm và bằng cách có phương thức để đãi ngộ chiến sĩ.

Hiện giờ, trong tất cả những công ty mà Quỹ Tiết Kiệm Quân Đội thành lập, có một vài công ty đã được chánh phủ quyết định giao cho Bộ chúng tôi trực tiếp quản trị. Chúng tôi đã có một kế hoạch để bắt tay vào việc và làm thế nào để biến cải những xí nghiệp này thành trước hết những xí nghiệp quốc doanh để sau này bán lại cho tư nhân.

NDMB: Thừa Đại tá, trong một quốc gia tân tiến, người ta thường đặt kế hoạch qua những máy điện toán, ở Việt Nam chúng ta có trang bị những máy điện toán đó không?

D.T. Nguyễn Văn Ảnh: Căn bản chúng tôi là mô thức đại tự theo loại nhập xuất, hiện nay tại Việt Nam không có máy điện toán nào có thể giúp chúng ta giải thích những phương trình do mô thức này đặt ra, vì vậy chúng tôi đã yêu cầu Việt Nam được sự thỏa hiệp của Viện phân tích Quốc Phòng của Mỹ có đại diện ở Việt Nam mỗi lần điện thoại về Ngũ Giác Đài những tin tức liên quan đến những phương trình, do nơi mô thức đại tự của chúng tôi nêu ra để rồi nhờ những máy điện toán của Ngũ Giác Đài giải thích rồi thông báo lại những kết quả cho chúng tôi.

ĐẠI HỌC TẠI VIỆT NAM

Phát Hình Ngày 28.4.1972

Ông ĐỖ BÁ KHÊ, Thủ Trưởng Giáo Dục kiêm Phó Viện Trưởng Đại học Saigon năm nay 50 tuổi, sinh tại Mỹ Tho, Cử Nhân Khoa Học, M.A, Ph.D. (Giáo Dục Đại Học), Hoa Kỳ.

NDMB: Các phân khoa đều có thi tuyển, ngoại trừ Luật Khoa, Văn Khoa và Khoa Học. Sinh viên Luật Khoa, Văn Khoa và Khoa Học không phải học kém khả năng để học các ngành khác nhưng vì các trường khác không có chỗ. Bộ Giáo Dục có kế hoạch phát triển các phân khoa đại học để thu nhận sinh viên hơn không? Tại sao đại học Thủ Đức xây cất rộng lớn như vậy lại bỏ không?

Thủ Trưởng Giáo Dục: Vấn đề sinh viên vô học đại học mà không phải qua một cuộc thi tuyển đã có từ trước, từ Pháp thuộc. Vì khi xưa người ta quan niệm rằng mỗi khi sinh viên có bằng Tú Tài II, đương nhiên vào học các phân khoa đại học. Về sau, vì thiếu phương tiện, một số phân khoa đã bày ra thi tuyển để chọn sinh viên vào học. Còn lại, Luật Khoa, Văn Khoa và Khoa Học không thi tuyển. Sĩ số sinh viên của Viện Đại Học Saigon niên khóa này đã có hơn 50.000 sinh viên mà ba phân khoa đông sinh viên nhất là Luật Khoa, Văn Khoa và Khoa Học.

Ban giảng huấn của Viện Đại Học Saigon và Tòa Viện Trưởng cũng lưu tâm tới vấn đề này nhưng vì tình trạng đặc biệt của Việt Nam chiến tranh kéo dài quá lâu và do Luật Tổng Động Viên nên không có xứ nào trên thế giới như Việt Nam mà mỗi học sinh có bằng Tú Tài II xong đều muốn vô đại học để được hoãn dịch.

Vấn đề sĩ số cao như ở trường Luật năm nay đặt ra nhiều khó khăn cho Ban Giảng Huấn và Tòa Viện Trưởng. Chúng tôi đang nghiên cứu vấn đề này và giải pháp cấp bách nhất có thể áp dụng với khu Đại Học Thủ Đức đã có cơ sở tốt thì năm nay chúng tôi sẽ đem một số sinh viên Khoa Học lên học tại Thủ Đức. Sĩ số trong năm nay có 400 người, và học một ban mới của Khoa Học là ban Sinh Lý, Sinh Hóa.

Sau khi tốt nghiệp ban này, sinh viên có bằng Sinh Lý Sinh Hóa có thể ghi tên để thi tuyển vào trường Y Khoa, Nha Khoa khi các sinh viên có chứng chỉ Lý Hóa Nhiên hoặc những chứng chỉ phụ khác của trường Khoa Học.

Riêng về phần phát triển đại học để cung cấp thêm chỗ ngồi cho sinh viên tại Thủ Đức, trong hai tuần qua, chúng tôi cho bắt đầu xây cất Trung tâm Quốc Gia Nông Nghiệp cạnh trường Đại Học Sư Phạm. Tương lai, chúng tôi hy vọng sẽ cất một số trường Kỹ thuật gần trường Nông Nghiệp để sau này khu Thủ Đức sẽ biến thành một Viện Đại Học Bách Khoa đa năng để cung cấp các cán sự và các nhân tài để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của xứ sở.

NDMB: Nói về vấn đề giáo sư, thì nói rằng giáo sư thiếu, tại sao không mời những giáo sư Việt Nam hiện ở ngoại quốc và những giáo sư ngoại quốc đến Việt Nam thay phiên dạy trong một vài niên khóa?

Thủ Trưởng Giáo Dục: Hiện nay vẫn có một số Giáo sư ngoại quốc dạy tại các trường Y Khoa, Nha Khoa, Văn Khoa, Khoa Học và Đại Học Sư Phạm. Nhưng vấn đề mời những giáo sư ngoại quốc đến Việt Nam dạy rất tốn kém, vì vậy những giáo sư ay đến Việt Nam dạy là với chương trình ngoại viện của các quốc gia

bạn mà thôi. Chúng tôi đang nghĩ tới việc mời một số giáo sư ngoại quốc đến để phát triển ngành cao học và chúng tôi cũng có nghĩ tới vấn đề song sinh hóa Viện Đại Học Việt Nam với một Viện Đại Học danh tiếng ngoại quốc để sau này có thể trao đổi giáo sư và sinh viên hoặc các tài liệu khảo cứu.

Còn về vấn đề mời các giáo sư Việt Nam về dạy thì đây có lẽ nên nghĩ tới một nhân tài của chúng ta thật nhiều nhưng vì lương bổng chánh phủ trả thấp kém hơn là lương bổng của những nhân tài ấy đang hưởng tại ngoại quốc.

Dẫu sao năm nay chúng tôi cũng sẽ cố gắng mời một số giáo sư ở Pháp, Mỹ về dạy trong một thời gian ngắn. Đó cũng là cách cho những vị ấy về thăm xứ sở để thấy được sự tiến triển của quốc gia mấy lúc sau này.

Hơn nữa chánh phủ cũng có một dự án để thu hút nhân tài về và dự án này đang được nghiên cứu tại Bộ Kế Hoạch.

NDMB: Nói như vậy, các giáo sư hiện ở Việt Nam sẽ phản đối vì họ đã yêu nước mà trở về, hy sinh để dạy và lương rất kém mà lại mời những người khác về và được hưởng quá nhiều quyền lợi?

Thủ Trưởng Giáo Dục: Dưới thời Đế Nhất Cộng Hòa chánh phủ mời một số chuyên viên ở ngoại quốc về và số chuyên viên đó đã được ưu đãi và được tuyển vào trong ngành tham vụ chuyên môn nghĩa là lương cao hơn các chuyên viên đào tạo trong xứ. Nhờ vậy mới thu hút được một số nhân tài của mình về để phục vụ quốc gia.

Trong lúc Bộ Kế Hoạch hiện nay có dự án để mời giáo sư ở ngoại quốc về, Bộ Kế Hoạch có dự trù một số ân huệ cho các giáo sư ấy. Tuy nhiên chúng tôi cũng nghĩ đến vấn đề nâng cao đời sống của giáo chức đại học cho nên các viện đại học quốc gia có đề nghị lên Bộ Giáo Dục và Bộ đã trình lên Thủ Tướng một dự án cấp cho các giáo sư đại học hai phụ cấp là phụ cấp giảng huấn và phụ cấp nghiên cứu. Chúng tôi hy vọng với hai phụ cấp này có thể giảm thiểu phần nào đời sống khó khăn cho các giáo sư đại học.

NDMB: Chắc vì đời sống khó khăn như vậy mà có một số giáo sư đã dạy 5, 6 đại học một lượt mà người ta gọi là giáo sư taxi. Như vậy giáo sư ấy làm sao có đủ thời giờ để sưu tầm nghiên cứu mà giảng dạy?

Thứ Trưởng Giáo Dục: Tôi đồng ý là nếu một giáo sư dạy nhiều nơi qua thì không thể nào chú trọng đến trường của mình được. Chúng tôi gọi những giáo sư tại một trường là giáo sư cơ hữu. Còn giáo sư đi dạy những trường khác, ăn lương giờ là giáo sư thỉnh giảng.

Vấn đề này, tại các xứ kém mở mang khác cũng có loại giáo sư gọi là giáo sư taxi. Ở đây người ta cũng gọi là giáo sư va ly hay giáo sư bay vì những vị này thường dùng phương tiện hàng không để đi dạy nhiều nơi. Nhưng nếu chỉ đi dạy không thì không quan trọng lắm. Quan trọng hơn là có một số giáo sư đi lại đi lãnh những chức vụ quan trọng ở những đại học tử. Việc này sẽ không thể nào làm tròn nhiệm vụ giáo sư cơ hữu đó.

NDMB: Bộ Giáo Dục buộc các giáo sư trung học phải có bằng sư phạm trong khi ấy giáo sư đại học lại không qua một lớp sư phạm nào. Liệu các giáo sư đại học này có đủ khả năng giảng dạy không?

Thứ Trưởng Giáo Dục: Về việc này theo thường lệ thì phải có bằng cấp tiến sĩ mới dạy được ở đại học và m ối khi theo truyền thống, khi có bằng cấp Tiến sĩ thì người ta nghĩ rằng có thể dạy lại cho sinh viên. Nhưng đây là một lỗi lầm vì những vị có bằng cấp trong ngành của mình nhưng không học phương pháp sư phạm, e rằng sinh viên không hấp thụ được những điều mình giảng dạy cho nên tại các xứ tiên tiến, tại các trường chuyên môn người ta có mời các giáo sư chuyên về giáo dục đến dạy mục đích là để các giáo sư chuyên khoa hiểu biết một vài căn bản về tâm lý để dạy sinh viên có kết quả tốt hơn.

Về việc này, chúng ta khiếm khuyết nhân tài và nhân lực nên chỉ vấn đề đào tạo giáo sư cho các bậc đại học cũng không, chúng tôi chưa thể nghĩ đến việc tu nghiệp cho giáo chức đại

học được. Dầu sao, ở Đại học Sư Phạm Saigon, chúng tôi đang có lớp huấn luyện cho sinh viên bậc cao học và trong vài năm nữa sẽ đi tới cấp bằng Tiến sĩ về giáo dục. Chúng tôi mong rằng số Tiến sĩ chuyên về giáo dục sau này có thể giúp chúng tôi trong việc tu nghiệp cho giáo sư Đại Học.

NDMB: Thưa Ông Thứ Trưởng, giáo sư có bằng cấp tốt nghiệp các trường Đại Học Anh, Mỹ, Pháp... có kỳ thi và tranh chấp lẫn nhau không?

Thứ Trưởng Giáo Dục: Vấn đề này báo chí đã nêu ra nhiều trong cuộc tranh chấp tại Trung Tâm Kỹ Thuật Quốc Gia Phú Thọ mấy tháng vừa qua. Tôi xin thưa rằng hiện nay ngay tại Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ đã có nhiều nhân tài học ở nhiều xứ như Gia Nã Đại, Tân Tây Lan, Úc Đại Lợi, Hoa Kỳ, Tây Đức đã về dạy và hiện nay, giám đốc Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ là một người học theo Pháp, còn giám đốc Trường Hóa Học là người có bằng Tiến Sĩ của Úc Đại Lợi, giám đốc Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ sẽ có một người phụ tá học ở Nhật về thi vấn đề nghi kỵ hay tranh chấp giữa các cấp bằng loại này loại kia tôi nghĩ không quan trọng lắm.

NDMB: Các Đại Học Anh, Mỹ có hệ thống lục các nguyệt buộc sinh viên phải học liên tục, trong khi ấy đại học Việt Nam theo lối Pháp, chỉ thi vào mỗi cuối niên khóa. Bộ Giáo Dục có ý định duy trì đường lối hiện tại hay theo lối Mỹ?

Thứ Trưởng Giáo Dục: Về phần đại học, Hiến Pháp đã nói rằng Đại học được tự trị, cho nên về học vụ hoàn toàn các viện đại học tự trị. Vấn đề thi cử, Bộ Giáo Dục không xen vào. Nhưng chúng tôi nhận thấy để sinh viên học cả năm rồi mới thi không đúng với phương pháp sư phạm. Phương pháp sư phạm là không phải kiểm soát học trình của sinh viên ở mấy ngày chót của niên khóa mà chính là phải kiểm soát sự tiến triển của sinh viên cả trong năm học cho nên hệ thống lục cá nguyệt áp dụng tại Hoa Kỳ hiện nay đã được áp dụng tại các nước khác và ngay ở Pháp bây giờ cũng chia những chứng chỉ lớn thành những chứng chỉ và người ta tổ chức thi trong niên khóa chứ không phải ở cuối niên khóa mà thôi.

.../

Hiện nay có nhiều đại học Việt Nam áp dụng hệ thống lục cá nguyệt này. Như ở Viện Đại Học Cần Thơ, Huế và các đại học tư như Đại Học Dalat, Đại Học Vạn Hạnh còn riêng tại Saigon, trường Đại Học Sư Phạm đã áp dụng theo hệ thống lục cá nguyệt Đại Học Saigon cũng đã áp dụng hệ thống tín chỉ hoặc là hệ thống học phân tức là tính theo số giờ học trong năm chứ không phải tính theo kết quả cuối năm mà thôi.

NDMB: Thưa Ông Thứ Trưởng, ông Thứ Trưởng nói rằng Đại Học được tự trị và Bộ Giáo Dục không can thiệp vào việc của đại học. Nhưng hiện nay, ông vừa là Thứ Trưởng giáo dục kiêm Phó Viện Trưởng Viện Đại Học Saigon, như vậy sự cải tiến sửa đổi có thể dễ dàng hơn không?

Thứ Trưởng Giáo Dục: Vấn đề này, cũng may là tôi được kiêm nhiệm chức Phó Viện Trưởng Viện Đại Học Saigon cho nên tôi có một số kinh nghiệm về đại học. Về vấn đề tự trị, thì Hiến pháp có nói một câu mà người ta có thể giải thích nhiều cách khác nhau đó là: Nền giáo dục đại học Việt Nam phải được tự trị. Sự thật thì từ trước tới giờ Bộ Giáo Dục kiểm soát các viện đại học về phương diện hành chánh và tài chánh. Dầu sao thì với hiện tình, các giáo sư đại học cũng là công chức và ngân sách quốc gia phải đài thọ 100% cho chi phí cho các đại học công. Nhưng còn về phần học vụ tôi nói chắc rằng các Viện Đại Học Quốc Gia được hoàn toàn tự trị. Ví dụ như một phân khoa nào muốn mở một chứng chỉ hay một ngành mới Khoa Trưởng đề nghị lên Ông Viện Trưởng. Ông Viện Trưởng đề nghị lên Ông Tổng Trưởng. Ông Tổng Trưởng Giáo Dục ký nghị định để thi hành những gì mà các phân khoa đề nghị. Còn việc thi cử thì các phân khoa hoàn toàn tự trị.

Chúng tôi mong sớm có một luật về Tự Trị Đại Học vì với tình thế hiện nay, như ông Tổng Trưởng Giáo Dục đã thuyết trình tại Thượng Viện, là sinh viên có thể hiếu tự trị theo sinh viên, giáo sư hiếu tự trị theo giáo sư, các Viện Trưởng hiếu theo các Viện Trưởng còn Bộ Giáo Dục thì có thể hiếu theo nghĩa rộng là nền giáo dục đại học phải "hoàn toàn tự trị".

.../

Như vậy, Viện Đại Học đặt dưới quyền kiểm soát của ai hay là sau này phải bày ra một Hội Đồng Quản Trị cho mỗi Viện Đại Học để Hội Đồng quản trị kiểm soát các chi phí điều hành hoặc học vụ. Chúng tôi chẳng những mong các Viện Đại Học được tự trị mà còn mong các trường kỹ thuật được tự trị vì tôi vừa viếng các trường kỹ thuật như trường Nguyễn Trường Tộ, Việt Đức tại các nơi ấy có quý gọi là quý sản xuất. Nghĩa là họ có thể lãnh công việc của các hãng tư hay của chánh phủ rồi để học sinh làm, bán lại lấy tiền làm quỹ luân chuyển để học tập và sản xuất.

Nếu sau này các Viện Đại Học tự trị về tài chánh, các Viện Đại Học có thể ký khế ước với các hãng tư hoặc với chánh quyền để thi hành những dự án quan trọng mà Viện Đại Học có khả năng thực hiện.

NDMB: Đại học tự trị về học vụ và có thể tự trị về tài chánh để các đại học có thể tự túc được, vậy nếu mỗi sinh viên có đóng góp thì các đại học có phát triển được không? Và sau này có thể tăng học phí để có thêm giáo sư, trường ốc hoặc dụng cụ, phòng thí nghiệm v.v..

Thủ Trưởng Giáo Dục: Tài chánh là vấn đề then chốt để phát triển các đại học. Đại học ở các nước khác bắt đóng học phí rất cao, ngay cả Nhật học phí cũng rất cao. Các Viện Đại Học nhờ có thu học phí nên có đủ tài chánh mời các giáo sư giỏi để mua dụng cụ, thành lập phòng thí nghiệm. Riêng tại Việt Nam vì đã áp dụng một giá biểu cố từ lâu nên hiện nay tính trung bình mỗi sinh viên của Viện Đại Học Quốc Gia chỉ đóng lời 800 hay 900\$ nghĩa là vào khoảng hai mỹ kim mà thôi, thì trong lúc đó các Viện đại học tư có nơi thu đến 6.000\$ một tháng. Chúng tôi có đề cập vấn đề tăng học phí sinh viên với các ông khoa trưởng nhưng các khoa trưởng giải thích rằng trong tình thế hiện tại, đa số sinh viên nằm trong thành phần nghèo, nếu tăng học phí quá cao thì e rằng sẽ có phản đối. Nhưng tôi nghĩ từ trước đến nay chúng ta quan niệm rằng các trường Trung học đào tạo học sinh để cho học sinh bước lên đại học. Tôi thay quan niệm này có phần không đúng vì là không có xứ nào trên thế giới mà tất cả học sinh trung học đều phải lên đại học. Tùy theo

.../

năng khiếu mỗi cá nhân vì vậy nên có một hiện trạng là sinh viên ghi tên Văn Khoa, Luật Khoa rất đông. Nhưng sau đó chỉ có một thiểu số đậu cử nhân mà thôi.

Tôi nghĩ nếu đại học phát triển, chúng ta phải đặt lại giá biểu học phí và cũng nhận dịp đó, các viện phải được tự trị tài chánh để giữ các học phí và để bù đắp thêm vào sự trợ cấp của ngân sách quốc gia mà điều hành đại học.

NDMB: Để giúp tài chánh cho đại học hoặc để đại học có thể đóng góp phần nào với quốc gia như ở các Đại học bên Hoa Kỳ là chánh phủ, hoặc những hãng lớn có kế ước cho những đại học nghiên cứu. Ví dụ chánh phủ có thể giao cho trường Nông Lâm Súc nghiên cứu một thứ lúa mới... Liệu các đại học Việt Nam có thể đàm nhận được những kế ước đó không?

Thú Trưởng Giáo Dục: Việc này chúng tôi được biết các giáo sư và sinh viên của Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ và Trung Tâm Quốc Gia Nông Nghiệp có đề cập đến là yêu cầu chính quyền cho phép các Trung Tâm ấy nhận lãnh các kế ước với tư nhân hoặc của chánh quyền để thực hiện các dự án mà các trung tâm ấy có thể thực hiện được. Những vấn đề này lại vấp phải các thể lệ về hành chánh và tài chánh của ta là vì không có tự trị về tài chánh nên không nhận lãnh được. Vì vậy tôi cũng trở lại ý kiến là hy vọng sẽ có một đạo luật về tự trị tài chánh cho các Viện đại học công lập để có cơ phát triển.

NDMB: Đại học đã được chuyển ngữ từ thời đệ nhất Cộng Hòa, việc dùng Việt ngữ để giảng dạy có làm giảm trình độ của sinh viên không? Có nên dịch sách ngoại quốc sang Việt ngữ?

Thú Trưởng Giáo Dục: Chuyển ngữ là một vấn đề rất quan trọng. Một trong cuộc nghiên cứu của UNESCO năm 1967 về các đại học của các nước trong miền Đông Nam Á có đề cập tới vấn đề này vì vấn đề ngôn ngữ ảnh hưởng rất lớn tới sự mở mang kiến thức của học sinh và sinh viên. Dầu sao, trong một quốc gia độc lập, chúng ta phải dùng quốc ngữ để làm chuyển ngữ trong các trường học. Vấn đề khó khăn là sinh viên ở cấp đại

học khác hẳn với học sinh trung học và tiểu học là ngoài các bài giảng của giáo sư, họ còn phải đọc sách, khảo cứu nhiều mà hiện nay sách báo của ta không có bao nhiêu. Vì vậy các sinh viên cần phải nắm vững một ngoại ngữ để có thể tự học thêm.

Vấn đề này, chúng tôi nghĩ tới việc dịch sách. Từ lâu Bộ Giáo Dục có Ban Văn Thư, hiện nay chúng tôi có Sở Học Liệu. Sở Học Liệu xuất bản một số sách Việt ngữ nhưng không đủ vì phương tiện eo hẹp và cũng vì thiếu tác giả đưa sách cho Sở Văn Thư. Nếu xét về vấn đề dịch thuật thì có nhiều nhà chuyên môn nghĩ rằng có lẽ nên dạy thêm ngoại ngữ nếu ngôn ngữ của ta không phải là một ngôn ngữ quốc tế tốt hơn là dịch sách vì chương trình dịch sách rất tốn kém mà mất nhiều thì giờ. Hiện nay trên các đại học lớn trên thế giới chỉ dùng một sách giáo khoa trong vòng 3, 4 năm rồi dùng sách mới cho nên hiện giờ tại một vài phân khoa, có mở một lớp ngoại ngữ bắt buộc tất cả các sinh viên.

NDME: Thưa Ông Thứ Trưởng, theo chỗ chúng tôi biết, các trường cao đẳng kỹ thuật và nông ngư nghiệp không được xếp như đại học, việc này có hợp lý không?

Thứ Trưởng Giáo Dục: Vấn đề này là di sản của ta hưởng lại từ trước của Pháp. Vì trước đây các trường cao đẳng nằm ngoài các đại học. Đại học chỉ gồm những phân khoa cổ điển có truyền thống từ thời văn minh Hy Lạp và La Mã là các phân khoa Luật, Văn Khoa và Khoa học còn các trường cao đẳng lại không được xếp ngang hàng đại học. Việc này thì nhân dịp đại diện Tổng Thống VNCH đến đặt viên đá đầu tiên cho Trung Tâm Quốc Gia Nông Nghiệp tại Thủ Đức, Thủ Tướng chánh phủ có nói rằng sẽ đặt lại các trường Cao Đẳng Kỹ Thuật và Nông Ngư Nghiệp lên hàng đại học.

Sự sắp xếp như vậy rất hợp lý vì tính 2, 30 năm về trước, mỗi khi Bộ nào có nhu cầu về chuyên viên thì mở một trường chuyên môn để tuyển dụng và dạy các chuyên viên ấy để phục vụ cho Bộ liên hệ như Bộ Canh Nông coi trường Canh Nông, Bộ Công Chánh coi trường Công Chánh.

Từ năm 1956 các trường cao đẳng ấy mới thuộc về hệ thống của Bộ Giáo Dục. Từ trước đến nay, quy chế các trường cao đẳng

không thay đổi. Hiện nay Bộ Giáo Dục có dự án cải tổ và đặt các trường cao đẳng ngang hàng với các đại học. Một lý do khác nữa để đặt các trường cao đẳng lên hàng đại học là vì lúc trước các trường cao đẳng có một ban giảng huấn không được hùng hậu chỉ gồm các vị có bằng kỹ sư mà thôi, sau mấy năm gởi đi tu nghiệp các nước.

Đại học khác thì hiện nay đã có Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ và Trung Tâm Quốc Gia Nông Nghiệp đã có một số giáo sư có bằng tiến sĩ rồi không lý gì không đặt các trường đó ngang hàng với đại học quốc gia.

NDMB: Bộ Giáo Dục có kế hoạch mở nhiều đại học cộng đồng, xin cho biết đại học cộng đồng là gì?

Thứ Trưởng Giáo Dục: Năm 1970, vào khoảng tháng 2 và tháng 3 một phái đoàn Việt Nam dự hội nghị quốc tế về đại học cộng đồng tại Hawaii. Phái đoàn ấy gồm bốn vị, trưởng phái đoàn là G.S. Lê Thanh Minh Châu, Viện Trưởng Đại Học Huế. Phái đoàn gồm Ông Trần Văn Tấn, phó Viện Trưởng Viện Đại Học Saigon, Nguyễn Văn Thọ, khoa trưởng Đại Học Nha Khoa Saigon và Ông Phó Viện trưởng của Viện Đại Học Đà Lạt.

Sau khi tham dự hội nghị, phái đoàn Việt Nam thấy sự hữu ích của các viện đại học cộng đồng nên đi quan sát một số Đại Học Cộng Đồng tại các nước ven biển Thái Bình Dương là Phi Luật Tân, Nhật Bản, Đài Loan và Đại Hàn. Trong phúc trình của phái đoàn, quý vị ấy khuyến cáo Chính phủ Việt Nam nên thành lập một hệ thống đại học cộng đồng để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội Việt Nam.

Đại học cộng đồng tổ chức theo một mô thức mới để đáp ứng nhu cầu kinh tế và xã hội của thế kỷ thứ 20 này, và đại học cộng đồng đầu tiên được thành lập tại Anh và Mỹ quốc. Ở Nhật Bản thì Đại học cộng đồng đầu tiên được thành lập năm 1955 đến nay Nhật Bản có gần 500 viện đại học cộng đồng. Chúng tôi thấy đại học cộng đồng đi sát với thực tế và nhu cầu xã hội nên Bộ Giáo Dục có ý định thành lập một hệ thống Đại Học Cộng Đồng.

NDMB: Đại Học Cộng Đồng đi sát với thực tế, xin ông Thứ Trưởng cho biết đi sát như thế nào?

.../

Thủ Trưởng Giáo Dục: Đứng về phương diện địa phương hiện nay chúng ta chỉ có ba viện đại học quốc gia là Saigon, Cần Thơ và Huế. Viện Đại Học Saigon là một viện đại học lâu đời nhất và sĩ số cao nhất. Chúng tôi tiếp xúc với một số phụ huynh học sinh các tỉnh, các vị ấy than phiền là tại sao không mở đại học ở các tỉnh để con em họ có thể theo học được. Đứng về mặt xã hội, giáo dục phải đi gần tới dân chúng địa phương.

Về phương diện kinh tế, trong lúc yêu cầu Bộ Giáo Dục thành lập các đại học cộng đồng tại các tỉnh, các ủy ban vận động cũng thấu rõ triết lý thực tế của đại học cộng đồng nên nói rằng đại học cộng đồng sẽ đào tạo các chuyên viên để các chuyên viên ngay sau khi thành tài sẽ giúp đỡ địa phương để phát triển các cộng đồng ấy vì họ thấy sự liên hệ giữa giáo dục, xã hội và kinh tế. Kinh tế có dồi dào, mới hỗ trợ được đại học, và đại học có gần dân chúng thì mới phục vụ dân chúng một cách đắc lực.

NDMB: Như vậy, theo ông Thủ Trưởng, đại học cộng đồng có những triết lý về xã hội và kinh tế, vậy học trình có khác với đại học thường không?

Thủ Trưởng Giáo Dục: Chương trình học khác với đại học hiện hữu là một đại học cộng đồng nhắm vào việc đào tạo các chuyên viên trung cấp. Theo tiêu chuẩn quốc tế, một chuyên viên cao cấp muốn làm việc có hiệu quả phải được sự hỗ trợ của từ ba đến năm chuyên viên trung cấp. Như vậy, nếu tính theo kế hoạch phát triển quốc gia, thời hậu chiến, người ta nói rằng nhu cầu về chuyên viên Việt Nam trong năm năm đầu là mỗi năm, (giáo dục phải đào tạo hơn) 900 người chuyên viên cao cấp. Và như vậy, phải sản xuất từ 3.000 đến 5.000 chuyên viên trung cấp. Các đại học cộng đồng sẽ đào tạo những chuyên viên trung cấp ấy để bổ khuyết vào sự khiếm khuyết chuyên viên trung cấp.

Nói như vậy, chúng tôi không phải bỏ qua những sinh viên có năng khiếu, có thể đi xa hơn. Nghĩa là trong mọi đại học cộng đồng, chúng tôi có hai phân khoa chính. Một bên là phân khoa chuyên nghiệp, một bên là phân khoa căn bản. Sinh viên nào có học lực khá thì sẽ đi theo phân khoa đại học căn bản.

.../

Sau hai năm ở đại học cộng đồng sinh viên ấy sẽ chuyển lên đại học lớn hơn để tiếp tục lấy cử nhân hay kỹ sư hoặc tiến sĩ.

NDMB: Hiện nay VNCH có bao nhiêu đại học cộng đồng?

Thủ Trưởng Giáo Dục: Năm vừa rồi, Tổng Thống ký hai sắc lệnh thành lập hai đại học cộng đồng đầu tiên cho Việt Nam đó là Viện Đại Học Cộng Đồng Tiền Giang Duyên Hải tại Nha Trang và Viện Đại Học Cộng Đồng Tiền Giang tại Mỹ Tho. Tên Duyên Hải và Tiền Giang đã chỉ rõ triết lý và nghiệp vụ của viện đại học cộng đồng.

Viện Đại Học Duyên Hải vì gần bờ biển và đặt nặng vấn đề đào tạo các chuyên viên về hải học và ngư học. Viện Đại Học Tiền Giang sẽ phục vụ cộng đồng gồm các tỉnh Tiền Giang. Chúng tôi cũng đã đệ trình lên Thủ Tướng và Tổng Thống đề cử hai Viện Trưởng cho hai viện đại học cộng đồng và Phủ Tổng Thống, chiếu Hiến Pháp đã yêu cầu Thượng Viện chấp thuận việc đề cử hai viện trưởng ấy. Chúng tôi mong rằng Thượng Viện sẽ chấp thuận việc đề cử hai vị Viện Trưởng để hai vị có thể chuẩn bị kịp thời mở hai Viện Đại Học Tiền Giang và Duyên Hải cho kịp niên khóa tới.

CHỢ BẾN THÀNH MỚI

Phát Hình Ngày 5.5.1972

Kỹ Sư ĐU HIEP sinh năm 1926 tại Huế, Phụ Tá Đô Trưởng Saigon, phụ trách điều khiển các cơ sở công chánh, thiết kế, vệ sinh, cứu hỏa, mục súc, y tế, công xưởng và trồng tía Đô thành từ năm 1970.

Kiến trúc sư HUYỀN KIM MĂNG, người được giải nhất về đồ án xây cất chợ Bến Thành mới, sinh năm 1920 tại Vĩnh Trinh, Long Xuyên. Kiến trúc sư Huỳnh Kim Măng là Phó Khoa Trưởng Đại học Kiến trúc Saigon từ năm 1971.

NDMB: Tòa Đô Chánh dự định xây cất một chợ Bến Thành Mới và đã mở một cuộc thi. Xin Ông Phụ tá cho biết cuộc thi tuyển chọn được tổ chức như thế nào?

K.S. Bửu Hiệp: Vào khoảng tháng sáu năm 1970, theo chỉ thị mới của Đại tá Đô Trưởng Saigon, Tòa Đô Chính thành lập một Ủy ban nghiên cứu việc xây cất chợ Mới Bến Thành. Ủy ban đó đã làm việc suốt 3 tháng, tìm hiểu tất cả các dữ kiện để thiết lập một đề tài để đem ra tuyển chọn một đồ án xây cất chợ Saigon.

.../

Từ khi chúng tôi đưa đề tài ra để tuyển chọn và chúng tôi có nhận được đồ án của tám kiến trúc sư tên tuổi.

Một Ủy ban chấm thi gồm nhiều vị như kiến trúc sư Tạ Văn Thân, Khoa Trưởng Đại Học Kiến Trúc Saigon, Kiến Trúc Sư Vũ Tông, đoàn trưởng kiến trúc sư đoàn và nhiều vị kỹ sư khác họp lại để tuyển chọn những dự án xuất sắc.

Và đây chúng tôi xin trình bày năm đồ án đã được chấm và được sắp theo thứ tự:

Đồ án thứ nhất là đồ án của Kiến Trúc Sư Nguyễn Hữu Sơn được chấm giải khuyến khích số ba. Đồ án này có một đường hầm có thể chứa khoảng 150 chiếc xe. Đồ án này, như một tòa nhà có một cái tháp cao và trên tháp có một tiệm ăn.

Đồ án thứ hai trúng giải khuyến khích thứ hai là đồ án của Kiến trúc sư Đào Trọng Khương. Các đồ án này chỉ còn thiếu những bình đồ và những thiết đồ để có thể nói rõ chi tiết hơn.

Đồ án thứ ba là đồ án của Kiến trúc sư Nguyễn Kỳ. Đồ án này cũng là bề ngoài của chợ Bến Thành trong tương lai.

Đồ án thứ tư của Kiến trúc sư Nguyễn Huy và Trần Phong Lưu được chấm giải ba. Và đồ án được chấm giải nhất là đồ án của Kiến trúc sư Huỳnh Kim Mãng. Đồ án này gồm được ba điểm là hợp với thể lệ xây cất, chiều cao và hợp với lộ giới. Ngoài ra còn đáp ứng với kỹ thuật và về phương diện kỹ thuật thì đây là một đồ án tuyệt tác, có đường nét tân kỳ đồng thời cũng còn những nét Á Đông.

Tôi xin nhường lời cho Kiến Trúc Sư Huỳnh Kim Mãng để nói về đồ án này.

NDMB: Kiến trúc sư quan niệm chợ Bến Thành mới như thế nào?

K.S. Huỳnh Kim Mãng: Công việc trước tiên của chúng tôi là phải giải quyết thật sát với chương trình, đề tài của cuộc thi. Người ta đòi hỏi chợ Saigon sau khi tái thiết gồm hai phần không phải một phần như chợ hiện hữu. Phần thứ nhất là một ngôi chợ bán thực phẩm như chợ hiện tại và một phần nữa là một thương

xá nhiều tầng. Đó là công việc của những kiến trúc sư dự thi. Công việc này có thể nói là mọi người đều giống nhau. Còn điểm khác của mỗi đồ án là quan niệm kiến trúc.

Khi dự thi chúng tôi cho rằng đây là đề tài thích thú. Quan niệm của chúng tôi là làm thế nào để có một kiến trúc đặc biệt để có thể tiêu biểu cho kiến trúc ngôi chợ trong tương lai và khi nhìn kiến trúc đó, người ta có thể nói đây là chợ Saigon và ngược lại khi nói tới ngôi chợ Saigon mới, người ta cũng nhắc tới thủ đô Saigon.

Ngoài ra, chúng tôi cũng có ý là dù kiến trúc này có theo những kỹ thuật xây cất tân kỳ nó vẫn giữ được nét dân tộc tính.

NDMB: Ông nói tới nét dân tộc tính, vậy xin ông chỉ cho thấy nét dân tộc tính ở chỗ nào vì có một báo ở Saigon chỉ trích rằng chợ Saigon do ông vẽ không có những nét đó.

K.T.S. Huỳnh Kim Mông: Đã có một vài tờ báo nêu lên câu hỏi là đồ án ấy. Nhưng ý chúng tôi là đồ án này chỉ có một phần nào dân tộc tính.

Trước khi nói tới một kiến trúc có dân tộc tính hay là không việc đầu tiên là phải định nghĩa thế nào là một kiến trúc có dân tộc tính. Lịch sử Việt Nam có một di sản về kiến trúc và kiến trúc cổ truyền của Việt Nam đặc biệt ở chỗ là sườn bằng cây, cột gỗ, mái ngói và cong. Nếu quan niệm kiến trúc dân tộc tính như vậy tôi công nhận rằng kiến trúc của tôi không có dân tộc tính theo chiều hướng đó.

Nếu nói kiến trúc như vậy, chúng ta gần đây có thấy một kiến trúc của tòa đại sứ Trung Hoa Dân Quốc ở đường Hai Bà Trưng, tôi tự hỏi dân tộc tính của mình ở đâu. Hơn nữa, kỹ thuật xây cất bây giờ rất tân tiến như những vật liệu sắt, thép, nhựa, gạch men v.v... Nên những vật liệu này có thể nói là đã làm mất đi những nét địa phương. Bởi vậy kiến trúc của mình bây giờ không thể bỏ những vật liệu tân tiến mà có thể dùng một hai hình trang trí của kiến trúc Việt Nam như chữ Phước Lộc Thọ chẳng hạn.

.../

Những chi tiết đó chỉ gọi lên phần nào đường lối kiến trúc Việt Nam thôi. Nhưng tôi nghĩ một kiến trúc gọi là dân tộc tính là khi nào người ta nhìn công trình kiến trúc đó mà có thể nói đây là một kiến trúc do người kiến trúc sư Việt Nam sáng tác và đáp ứng đúng nhu cầu hiện tại của người Việt Nam.

NDMB: Thưa Kiến Trúc sư, theo đồ án chúng tôi thấy chợ ở dưới nhỏ mà ở trên lớn, ông có ý định gì khi vẽ như vậy?

K.T.S. Huỳnh Kim Mãng: Chính đó là một cái đặc biệt của đồ án chúng tôi. Trước hết là về nhu cầu khi thiết lập một chợ mới, tự nhiên là nhu cầu cần nhiều chỗ để tiện việc buôn bán. Vậy cứ mỗi lần lên một tầng lầu, chúng tôi lại cho nhô ra khỏi tầng dưới là bốn thước, như vậy thì diện tích phía trên rộng hơn. Ngoài ra về khí hậu, xứ ta nóng, nóng thành ra kiến trúc ở trên nhô ra như vậy sẽ cho bóng mát nhiều.

NDMB: Thưa ông Phụ Tá Bưu Hiệp, khi nhìn đồ án này, tôi có ý nghĩ rằng việc này có đúng theo luật xây cất của Tòa Đô Chánh không. Ở trên nhô ra, nếu trong một dãy phố hay một đường hẻm mà cứ mỗi tầng người ta lại làm nhô ra thì sẽ che cái đường hẻm mất.

K.S. Bưu Hiệp: Ủy ban chấm thi đã chấp nhận đồ án này đúng với thể lệ xây cất vấn đề nhô ra, không nhô quá kích thước với thể hệ cho phép.

NDMB: Như vậy các nhà tư có thể làm như thế?

K.S. Bưu Hiệp: Các nhà tư thì cũng tùy theo con đường mà họ có thể làm nhô ra một thước 20 và những lan can có thể nhô ra được.

NDMB: Thưa Ông Kiến Trúc Sư, chợ Saigon mới có bao nhiêu tầng lầu và mỗi tầng này định làm những gì?

.../

K.T.S. Huỳnh Kim Mãng: Tất cả đồ án này đều phải trả lời cho cuộc thi là ngôi chợ trong tương lai phải có đường hầm một tầng trệt và ba tầng lầu. Đồ án của chúng tôi theo tầng hầm dự định chứa khoảng 180 xe hơi và 300 xe gắn máy. Ngoài ra còn có chỗ lập phòng ướp lạnh, phòng vệ sinh, công cộng ở dưới hầm. Tầng trệt sẽ duy trì gần nguyên vẹn tình trạng của chợ hiện hữu. Lầu một sẽ để những gian hàng mua bán những dụng cụ làm bếp. Lầu hai dành cho những gian hàng vải, mỹ phẩm, y phục. Lầu ba có những gian hàng và sạp hàng bách hóa. Còn phần trên cùng được dự định chia là hai phần, một phần để tổ chức những trò để giải trí cho trẻ em và một phần cho những nhà hàng quán ăn.

Chợ có một cái tháp. Trong tháp có nhiều tầng có thể dùng làm văn phòng trên đỉnh tháp có một nhà hàng ăn có thể chia được hai trăm thực khách.

NDMB: Lối cắt lầu như vậy có thích hợp với khách hàng Việt Nam không? Vì chúng tôi thấy đi chợ người nào cũng mang nặng làm sao đi lên đi xuống?

K.T.S. Huỳnh Kim Mãng: Đặt ra câu hỏi đó là vì tại Saigon đã có cái câu nói không có ai dùng hay có một vài thương xá có gian hàng trên lầu không thâu hoạch được kết quả tốt. Riêng câu nói Saigon thì rất tiếc là nó có thiếu phần nào nghiên cứu. Riêng về những thương xá lầu thì theo thói quen của người Việt Nam thường mua bán ở tầng trệt. Nhưng dù sao chính mình cũng bị chi phối bởi luật tiến bộ là một trung tâm đô thị to lớn, dù muốn dù không cũng phải mua bán ở tầng lầu, ví dụ như cách đây mấy chục năm Saigon đâu có những cao ốc hàng chục tầng lầu. Đó là luật tiến bộ mà mình phải đi tới. Những thương xá lầu không thâu hoạch được kết quả tốt, theo tôi nghĩ cũng có nhiều lý do. Lý do thứ nhất là tầng lầu thương xá có ít gian hàng, thứ hai là có nhiều loại có ở tầng trệt nên họ không lên lầu. Bởi vậy thương xá chợ Saigon trong tương lai sẽ để nhiều sạp trên lầu và mỗi lầu chia ra làm một loại hàng đặt biệt.

Việc đi chuyển về chiều cao chúng tôi cũng phải giải quyết bằng cách có nhiều cầu thang rộng rãi để lên lầu mau chóng với tám thang máy lớn và có những máy kéo để lên hàng nữa. Ngoài ra còn có những cầu thang tự động nữa.

.../

NDMB: Thưa Ông Kiến Trúc Sư, xây cất lớn lao như vậy cũng phải nghĩ tới vấn đề phòng hỏa, an ninh hoặc rác rến, lối thoát an toàn chẳng hạn thì ông giải quyết những vấn đề đó như thế nào?

K.T.S. Huỳnh Kim Mãng: Một kiến trúc lớn như vậy tự nhiên có nhiều vấn đề phức tạp phải giải quyết. Trong lúc cứu xét vấn đề kỹ thuật của dự án thì Tòa Đô Chánh có một Ủy Ban chuyên môn do ông Phụ tá chuyên môn làm chủ tịch để xem xét dự án. Trong vấn đề kỹ thuật mà chúng tôi đã giải quyết trong thời gian năm tháng nay với sự hợp tác với những chuyên viên gồm kỹ thuật và những chuyên viên của sở liên hệ thuộc Tòa Đô Chánh và mọi việc đã xong rồi. Ví dụ như đất ở chợ Saigon khi đào xuống chúng một thước là có nước, đường hầm của chúng tôi phải đào sâu bốn thước thì dĩ nhiên phải giải quyết vấn đề này. Rồi lại phải giải quyết vấn đề đổ rác bằng những ống rác tại mỗi đường hầm. Việc phòng hỏa mỗi tầng đều có hộp báo động với nước, tự động chẳng hạn. Ngoài ra cũng phải có những lối thoát an toàn nữa. Về phương diện này có đủ lối thoát cho 40.000 người có thể thoát cùng một lúc ra khỏi chợ mau chóng.

NDMB: Xây cất chợ Saigon sẽ tốn kém bao nhiêu và thời gian xây cất sẽ là bao lâu?

K.S. Bửu Hiệp: Ngân khoản dùng để xây cất chợ Saigon khoảng 2 tỷ đến 2 tỷ rưỡi. Thời gian xây cất định là 3 năm, chúng tôi sẽ hoàn tất những đồ án kỹ thuật và nếu không có gì trở ngại thì chúng tôi sẽ đưa ra đấu thầu và đầu năm 1973 và sẽ hoàn tất vào năm 1976.

NDMB: Như vậy là nhà thầu sẽ xây cất chứ không phải Tòa Đô Chánh?

K.S. Bửu Hiệp: Vì ngân khoản này là một ngân khoản quan trọng nên Tòa Đô Chánh không đủ khả năng đứng ra xây cất, bởi vậy chúng tôi sẽ kêu gọi đến các giới đầu tư.

.../

NDMB: Thưa Ông Phụ Tá, trong lúc xây cất thì những bàn hàng sẽ được dời đi đâu để buôn bán?

K.S. Bửu Hiệp: Chúng tôi có ý kiến là sẽ thiết lập những cái chợ tạm. Hiện nay chúng tôi đã lựa chọn một số địa điểm ở chung quanh chợ Saigon. Địa điểm thứ nhất là đường Phan Bội Châu, địa điểm thứ hai là đường Phan Châu Trinh, địa điểm thứ ba là đường Thủ Khoa Huân, địa điểm thứ tư là công trường Hòa Bình và địa điểm thứ năm là đường Hàm Nghi.

Với 5 địa điểm đó, diện tích vừa đủ để dời chợ Saigon ra để xây cất chợ mới. Tuy nhiên chúng tôi có nhận được một vài ý kiến của các nơi thì có người đề nghị lấy một nửa đường Hàm Nghi từ công trường Diên Hồng đến chợ chó ở đường Công Lý và nếu thiếu thì lấy luôn đường Lê Lai. Như vậy cũng đủ. Việc thiết lập những chợ tạm thì chúng tôi cũng dự trù công ty đầu tư sẽ hoàn tất những chợ tạm cho đồng bào.

NDMB: Thưa Ông Phụ Tá, bàn hàng cũ sẽ trở lại với chợ Saigon mới với những điều kiện nào, lấy kinh nghiệm của chợ Cầu Muối vừa bị cháy chia sập, chúng tôi thấy những trường hợp sau: Bàn hàng có sập chia ra làm hai, sang lại cho một người khác, người sang lại phân nửa sập có được chia sập sau này không. Bàn hàng có sập lán ra cho sập mình lớn hơn, bàn hàng ấy có thể dời sập lớn tại Saigon mới không. Bàn hàng có sập thiệt thớt, nhưng đã thuê sập tại một chỗ trống và được bán lâu năm rồi có được sập mới không. Trong chợ, bàn hàng không có sập nhưng bán trên lối đi từ mấy chục năm nay liệu có được sập mới không. Xung quanh, ngoài chợ bàn hàng có chỗ bán cũng đã lâu năm có được sập mới không và các xe, gánh bán đồ ăn có được chỗ bán ở trong chợ mới không?

K.S. Bửu Hiệp: Tôi xin thưa như thế này: Để xây cất lại chợ Saigon Tòa Đô Chánh thiết lập ngoài Ủy ban xây cất chợ Saigon do Đại Tá Đô Trưởng là chủ tịch và quý vị Nghị viên Hội Đồng Đô Thành cũng như các cơ quan chuyên môn làm hội viên. Dưới Ủy ban đó có ba tiểu ban là tiểu ban chuyên môn phụ trách lập đồ án, điều kiện sách để đấu thầu, tiểu ban tài chánh tổ chức đấu thầu,

.../

và lựa chọn công ty đầu tư đồng thời nghiên cứu các cách khai thác chợ trong tương lai và tiêu bản pháp chế và thương mại. Tiêu bản này sẽ giải quyết việc vừa nêu ra.

Trước hết là những người đang buôn bán tại chợ Saigon hiện nay có giấy tờ hợp lệ sẽ được ưu tiên trở về chợ mới. Những trường hợp khác là những trường hợp bất thường sẽ do tiêu bản pháp chế và khiếu nại sẽ giải quyết từng trường hợp một cho bạn hàng.

NDMB: Lấy kinh nghiệm của nhiều chợ khác, chúng tôi nghĩ Ủy ban pháp chế khiếu nại đó sẽ là việc nhiều hơn vì có trường hợp có những người lạ của chợ đó lại được chia sạp ưu tiên hoặc có những trường hợp tham nhũng như là được chia sạp ở chỗ tốt còn những người không chịu bỏ tiền có thể bị chia ở những sạp trong góc.

K.S. Bửu Hiệp: Câu hỏi này có phần đúng vì những trường hợp đó đã có phần nào đã xảy ra ở chợ Cầu Muối và ủy ban của Tòa Đô Chánh sau một thời gian giải quyết, đến nay đã được thỏa mãn tốt đẹp, thì chợ Saigon, trong tương lai nếu có xảy ra thì tiêu bản pháp chế cũng sẽ làm việc gắt gao và sẽ cố gắng giải quyết thế nào để những bạn hàng thỏa mãn.

NDMB: Thưa Ông Phụ Tá, những người được chia sạp sẽ phải trả tiền bao nhiêu và những người không có giấy tờ hợp lệ, muốn có sạp thì phải trả tiền bao nhiêu?

K.S. Bửu Hiệp: Những người có sạp hiện nay trong chợ Saigon và có giấy tờ hợp lệ thì theo như các công cuộc thảo luận của ủy ban, họ đương nhiên được quyền ưu tiên trở về các địa điểm cũ của họ. Họ sẽ đóng một số tiền. Số tiền đó đến nay cũng chưa tính được vì số tiền đó là trị giá của chỗ xây cất.

NDMB: Nghe nói là có 1.500 sạp cũ phải không?

.../

K.S. Bửu Hiệp: Hiện nay ở tầng trệt chợ Saigon, chúng tôi kiểm kê thấy có 1.500 sạp.

NDMB: Còn bao nhiêu sạp nữa dành cho những bạn hàng khác

K.S. Bửu Hiệp: Ở tầng thứ nhất và tầng thứ hai, tầng thứ ba, chúng tôi có khoảng 2.000 sạp nữa. Như vậy, chúng tôi thiết tưởng sau khi chợ Saigon xây cất thì số sạp có thể dư để cho các bạn hàng với điều kiện là họ phải trả tiền.

TÌNH TRẠNG THIẾT QUÂN LUẬT

Phát Hình Ngày 19.5.1972

Ông PHẠM KIM QUY, Thẩm lý Tòa Thượng Thẩm Saigon, phụ tá Tư lệnh Cảnh sát Quốc gia, Đặc trách Khỏi Tư Pháp.

Ông NGUYỄN VƯỢNG THỌ, Thẩm Phán cao cấp, Tổng Thư Ký Bộ Tư Pháp kiêm nhiệm Giám Đốc Trung tâm Nghiên cứu Luật pháp.

Đại Tá NGÔ MẠNH DUYÊN, Giám Đốc Nha Quân Pháp.

Đại Tá HUỲNH NGỌC DIỆP, Đồng Lý Văn Phòng Bộ Nội Vụ.

NDMB: Thưa ông Tổng Thư Ký Bộ Tư Pháp, Luật số 10/68 ban hành tình trạng chiến tranh trên toàn lãnh thổ VNCH. Trong tình trạng chiến tranh có tình trạng thiết quân luật, tại sao còn ban hành tình trạng thiết quân luật?

O. Nguyễn Vượng Thọ: Câu hỏi này rất xác đáng. Vấn đề đó là thắc mắc chung của đa số dân chúng cho nên đến dự buổi nói chuyện trong chương trình "Người Dân Muốn Biết" ngày hôm nay tôi đã có ý định sẽ phân tích rõ rệt hai tình trạng: Tình trạng chiến tranh và tình trạng thiết quân luật.

.../

Tình trạng thiết quân luật có thể định nghĩa như là một chế độ pháp lý, được đặc biệt áp dụng trong những cơn khủng hoảng trầm trọng và nhằm cho phép vượt qua những khó khăn do một cuộc chiến tranh với ngoại quốc, hoặc do một cuộc nổi loạn có vũ trang gây ra, bằng cách giảm bớt những tự do công cộng và gia tăng quyền cảnh sát.

Còn tình trạng chiến tranh là một tình trạng tổng quát của một xứ đang đánh giặc, mà khi có giặc, thì đời sống quốc gia phải chịu ích nhiều ảnh hưởng trên mọi địa hạt, từ trật tự công cộng an ninh quốc gia cho tới lãnh vực kinh tế, tài chánh.

Anh hưởng của tình trạng giặc giã có thể xảy ra trên mọi địa hạt nhưng không biết chắc chắn cố nào sẽ xảy ra ở đâu, và trên địa hạt nào, do đó để ứng phó với tình trạng chiến tranh pháp lý.

Về mặt pháp lý, tình trạng chiến tranh đòi hỏi sự hạn chế một số quyền công dân một cách tổng quát, ví dụ như cấm đình công, bãi thị, biểu tình, xuất ngoại và đặt ra một số biện pháp ngăn ngừa một cách nghiêm nhặt trong thời bình các tội phạm có thể vì chiến tranh mà có và ảnh hưởng tới sự thắng bại ở chiến trường. Ví dụ đầu cơ tích trữ nhu yếu phẩm tuyên truyền phản chiến, làm suy yếu tinh thần chiến sĩ v.v..

Nhưng tình trạng chiến tranh là một tình trạng tổng quát chưa đến phải áp dụng biện pháp mạnh hơn. Một khi các biện cố xảy ra rõ rệt hơn, và trầm trọng hơn, có thể đưa tới sự tổn vong của đất nước, thì phải đặt nước nhà trong tình trạng thiết quân luật.

Đặc điểm của tình trạng thiết quân luật là sự chuyển giao quyền hành của nhà chức trách dân sự cho nhà cầm quyền quân sự, để duy trì trật tự an ninh công cộng, để tài sản và sinh mạng của nhân dân được bảo vệ kịp thời.

Như vậy, tình trạng thiết quân luật khác biệt với tình trạng chiến tranh vì một lãnh thổ có thể bị đặt dưới tình trạng thiết quân luật ngay cả trong thời bình, chẳng hạn trong trường hợp có nội loạn ở vùng nào trong nước. Ngược lại, trong thời chiến một lãnh thổ không bắt buộc phải bị đặt dưới tình trạng thiết quân luật.

Trở lại trường hợp của Việt Nam hiện nay, từ năm 1965, toàn thổ lãnh thổ Việt Nam đã bị đặt dưới tình trạng chiến tranh, dựa số 1 ngày 24.6.1965. Cuộc xâm lăng công khai của Cộng sản Bắc Việt mới đây khiến cho Tổng Thống đã nhận định là "Tổ quốc lâm nguy". Vì vậy những biện pháp được áp dụng trong tình trạng chiến tranh không đủ ứng phó với tình trạng hiện thời. Cho nên ngày 10.5 vừa qua Tổng Thống ban bố tình trạng Thiết Quân Luật để áp dụng những biện pháp nghiêm nhất hơn.

Điểm khác biệt rõ rệt nhất giữa hai tình trạng chiến tranh và Thiết quân luật là sự ban bố tình trạng chiến tranh không có hiệu lực đương nhiên chuyển giao quyền hành của nhà chức trách dân sự để duy trì trật tự an ninh công cộng cho nhà cầm quyền quân sự. Trên thực tế, nhà chức trách quân sự không muốn đánh lấy những quyền hành đó mà chỉ đòi hỏi nhà chức trách dân sự hợp tác để cùng duy trì trật tự an ninh công cộng.

NDMB: Thưa Đại Tá Đồng Lý Văn Phòng Bộ Nội Vụ, như Ông Tổng Thư Ký Bộ Tư Pháp vừa nói, một trong các hậu quả quan trọng của tình trạng thiết quân luật là việc chuyển giao quyền hành dân sự cho giới chức quân sự. Theo ông Đồng lý, những giới chức quân sự nào sẽ tiếp nhận các quyền hành này?

D.T. Huỳnh Ngọc Diệp: Trước khi tình trạng Thiết quân luật được ban hành, việc duy trì an ninh trật tự công cộng được giao lại cho các giới chức dân sự đảm trách như: Đô Trưởng tại Saigon, tỉnh, thị trưởng tại các tỉnh, thị xã.

Sau khi tình trạng thiết quân luật được ban hành, nhiệm vụ duy trì an ninh trật tự công cộng được chuyển giao cho các giới chức quân sự tương đương.

Ví dụ như: ở Đô thành Saigon và Gia Định, giới chức chịu trách nhiệm sẽ là tổng trấn - ở các tỉnh là tiểu khu trưởng, thị xã là các đặc khu trưởng. Xin nói rõ là các đặc khu trưởng này không bao gồm các đặc khu trưởng tại phân khu thủ đô còn từng quyền tổng trấn.

Ngoài ra, trên các tiểu khu trưởng còn có các vị tư lệnh Quân khu.

Vậy trong các giới chức quân sự tiếp nhận quyền hành do dân sự chuyển giao, phải kể thêm các vị tư lệnh Quân khu.

Tuy nhiên việc chuyển giao quyền hành dân sự sang các giới chức quân sự không có tính cách tuyệt đối nghĩa là không phải tất cả những quyền hành dân sự đều được chuyển giao qua bên quân sự. Theo Sắc lệnh 278 của Tổng Thống VNCH, các nhà chức trách dân sự vẫn tiếp tục hành sự những quyền hành nào mà nhà chức trách quân sự không đảm nhận.

Trên thực tế thì các giới chức dân sự vẫn phải tiếp tục công tác và phối hợp với các nhà chức trách quân sự để đảm bảo và duy trì an ninh quốc gia, trật tự công cộng.

NDMB: Từ trước đến nay có những giới chức dân sự mà ông Đồng Lý vừa kể cũng vừa là giới chức quân sự, ví dụ như các tỉnh trưởng cũng là tiểu khu trưởng. Vậy có chỗ gì khác trước không?

D.T. Huỳnh Ngọc Diệp: Nếu lúc trước, có sự kiêm nhiệm như vừa nói đó, chỉ là trường hợp đặc biệt vì nhu cầu tình thế địa phương. Nay với tình trạng thiết quân luật, việc chuyển quyền từ dân sự qua quân sự có tính cách bắt buộc và tổng quát áp dụng cho toàn quốc. Thứ đến là có sự nới rộng quyền cảnh sát cho các giới chức quân sự hữu trách, chẳng hạn như quyền ra lệnh cho xét tư gia bất luận ngày đêm, ấn định hay gia tăng giờ giới nghiêm, ấn định các khu vực hạn chế hay bất khả xâm phạm, cấm mọi cuộc tụ họp có phương hại đến an ninh trật tự công cộng.

NDMB: Việc chuyển giao quyền hành dân sự cho những giới chức quân sự, là hậu quả của tình trạng thiết quân luật. Ngoài ra có còn có hậu quả nào khác của tình trạng thiết quân luật?

O. Nguyễn Văn Thọ: Một hậu quả khác của tình trạng thiết quân luật là sự nới rộng quyền cảnh sát. Sự nới rộng này nhằm vào sự hạn chế một số quyền công dân căn bản. Chẳng hạn, nhà chức trách quân sự có thể xét các tư gia bất luận ngày đêm,

chỉ định cho nơi cư trú những phần tử bất hảo, cấm tàng trữ và sử dụng vũ khí, cấm mọi cuộc đình công, bãi thị, cấm mọi cuộc biểu tình tụ họp có phương hại trật tự an ninh công cộng, kiểm soát hạn chế sự lưu thông và di chuyển theo nhu cầu an ninh, cấm lưu hành tàng trữ những ấn loát phẩm, truyền đơn có hại đến an ninh quốc gia.v.v..

Một hậu quả khác nữa là sự nới rộng thẩm quyền của Tòa án quân sự.

NDMB: Thưa Đại Tá Tổng Giám Đốc Nha Quân Pháp, tình trạng thiết quân luật nới rộng quyền hành của tòa án quân sự. Sự nới rộng đó ra sao?

D.T. Ngô Mạnh Duyên: Theo điều 2-kép Luật số 10/68 mọi vi phạm đến trật tự an ninh quốc gia đều thuộc thẩm quyền tòa án quân sự mặt trận xét xử theo thủ tục khẩn cấp.

Danh từ trật tự an ninh quốc gia là lối hành văn rút gọn của danh từ trật tự an ninh công cộng và an ninh quốc gia đã từ được nhà luật pháp sử dụng tại Sắc luật số 18/64. Do đó, các tòa án quân sự mặt trận được quyền xét xử các vi phạm đến trật tự an ninh công cộng và an ninh quốc gia.

Quan niệm về trật tự và an ninh công cộng được thay đổi tùy theo hoàn cảnh hiện tại với việc Tổng Thống công bố Tổ quốc lâm nguy và ban bố tình trạng thiết quân luật, danh từ trật tự an ninh công cộng phải được hiểu với một nghĩa rộng rãi cốt bảo đảm sự an toàn cho tánh mạng và tài sản của đồng bào trên toàn lãnh thổ VNCH.

Tổng Thống vừa ký Sắc lệnh số 278/TT/SL ngày 18.3.1972. Chiếu điều 6 của Sắc lệnh này tòa án quân sự mặt trận có quyền xét xử theo thủ tục khẩn cấp mọi trọng tội hay khinh tội, do thường dân hay quân nhân phạm đến phương hại an ninh quốc gia, trật tự công cộng như những hành vi có hại đến công cuộc quốc phòng, hay đến nỗ lực chiến tranh.

Trong tình trạng thiết quân luật, thẩm quyền tòa án quân sự mặt trận phải được nới rộng để có thể trừng trị nhanh chóng và áp dụng hình phạt tối đa không ngoài mục đích ngăn

chặn tức thời các vi phạm hầu duy trì trật tự, an ninh công cộng để bảo đảm sinh mạng và tài sản của nhân dân và uy quyền quốc gia.

Thường thường trong những giai đoạn quốc gia gặp nguy biến, một số phần tử xấu xa của xã hội lợi dụng để gây rối loạn, khai thác các sự khó khăn của dân chúng về các mặt như giao thông kinh tế, tài chính an ninh để cướp bóc, tự tăng giá hàng, đầu cơ tích trữ, từ chối bán các thực phẩm nhu yếu phẩm để thủ lợi.

Ngoài ra một số nhân viên chánh quyền, nhân viên công lực quân nhân đáng lẽ phải tích cực phục vụ nhân dân, cũng đã lợi dụng các khó khăn của dân chúng để những lạm hà hiếp dân chúng. Do đó, các phần tử này cũng phải được nghiêm trị tức khắc để dân chúng có thể tin tưởng vào chánh quyền và quân đội.

Vì những lý do trên luật pháp của quốc gia trong tình trạng chiến tranh và thiết quân luật đã dự liệu các tội phạm thuộc thẩm quyền tòa án quân sự mặt trận cùng hình phạt tối đa như các tội phạm xâm phạm đến tài sản và sinh mạng nhân dân: cướp, cố sát, bắt cóc, phá hoại, còn đồ, dùng võ lực tấn công kháng cự, hoặc cản trở nhân viên công lực khi hành sự, lạm dụng tư cách quân nhân hoặc nhân viên công sở để xâm phạm đến tánh mạng, tài sản của dân chúng v.v..

Tuy nhiên, ngoài các tội xâm phạm an ninh quốc gia thuộc đặc quyền xét xử của tòa án quân sự mặt trận theo tinh thần điều I Sắc lệnh số 278 vừa kể, không phải tất cả các tội phạm liên quan đến trật tự công cộng đều do tòa án quân sự mặt trận xét xử. Chỉ những tội phạm nào xét ra có ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự công cộng mới do tòa án quân sự mặt trận xét xử. Các tòa án dân sự hữu quyền hiện nay vẫn tiếp tục xét xử các vụ phạm pháp mà tòa án quân sự mặt trận không nhận thẩm quyền.

NDMB: Đại tá nói rằng, trước tòa án quân sự mặt trận các bị can được xét xử theo thủ tục khẩn cấp, vậy thủ tục khẩn cấp ấy là những thủ tục nào?

D.T. Ngô Mạnh Duyệt: Thủ tục khẩn cấp là một thủ tục đưa thẳng bị can ra trước tòa để xét xử trong một thời hạn ngắn nhất.

Theo thông lệ các bị can trước tòa án dân sự được thẩm vấn xét xử ở tòa sơ thẩm rồi tòa thượng thẩm. Nhưng thiết tưởng các vụ vi phạm trong tình trạng thiết quân luật như cướp bóc bằng chứng đã quá rõ ràng việc điều tra bổ túc và xét xử nhiều lần đòi hỏi ít nhất một thời gian từ 4 đến 5 tháng khiến sự trừng trị kẻ phạm tội ác bị chậm chạp.

Trong tình trạng thiết quân luật như tôi đã trình bày các kẻ gây rối phải được trừng trị ngay để làm gương hậu duy trì trật tự quốc gia. Do đó thủ tục khẩn cấp phải được áp dụng.

NDMB: Thưa Đại Tá, thủ tục khẩn cấp được áp dụng như vậy, vậy quyền lợi của bị can được đảm bảo ra sao?

D.T. Ngô Mạnh Duyên: Tuy tòa án quân sự mặt trận xét xử theo thủ tục khẩn cấp, nhưng luật 6/70 tổ chức các tòa án này đã dự liệu đầy đủ các sự bảo đảm cho bị can, ví dụ như: thành phần xử án gồm toàn thẩm phán chuyên nghiệp bị can luôn luôn có luật sư biện hộ trước tòa bị can có quyền thượng tố lên tối cao pháp viện nếu không bằng lòng với bản án.

NDMB: Thưa Ông Phụ Tá Đặc Trách khối Tư Pháp của Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia trong tình trạng thiết quân luật quyền hạn của Cảnh Sát Quốc Gia có được nới rộng hay không, nếu nới rộng đến mức nào có như thế nào?

O. Phạm Kim Quy: Như Ông Tổng Thư Ký Bộ Tư Pháp vừa nói tình trạng thiết quân luật đưa tới một hậu quả là nới rộng quyền Cảnh Sát.

Cảnh Sát Quốc Gia là một cơ quan được giao phó nhiệm vụ thực thi quyền Cảnh sát đó thì đương nhiên quyền hạn của Cảnh Sát Quốc Gia được nới rộng chẳng hạn như xét tư gia bất luận ngày đêm, kiểm soát chặt chẽ các ấn loát phẩm, tài liệu truyền đơn có hại đến an ninh quốc gia kiểm soát gắt gao hơn việc tàng trữ và sử dụng vũ khí vô hiệu hóa tức khắc các phần tử bất hảo để kịp thời chặn đứng các hành vi phạm pháp.

Những biện pháp này không nhằm gây phiền phức cho dân chúng mà cốt để ngăn ngừa các sự rối loạn có hại đến an ninh trật tự công cộng hơn lúc nào hết, cần phải bảo vệ triệt để vì sự tồn vong của đất nước. Đồng thời bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân để chống những phần tử bất hảo lợi dụng thời cơ.

NDMB: Thưa Ông Phụ Tá, nếu nói rộng quyền hạn của Cảnh Sát, quyền tự do cá nhân có bị vi phạm không?

Ô. Phạm Kim Quy: Tôi xin trả lời ngay là nói vi phạm không đúng nhưng thật ra chỉ là hạn chế phần nào tự do của cá nhân để bảo vệ quyền lợi của cộng đồng.

Ví dụ không thể quan niệm rằng vì tôn trọng quyền tư gia mà cơ quan công quyền đành phải bỏ tay trước viên tượng một căn nhà chứa chấp vũ khí, chất nổ cán bộ Cộng sản có thể khiến cho cả khu phố gồm hàng trăm hàng ngàn nóc gia bị phá hủy một cách tự do và hàng trăm hàng ngàn sinh mạng phải bị hy sinh.

Tượng tượng như vậy thì phải làm sao? Tôi nghĩ rằng theo lương tri của mọi người thì chúng ta không còn do dự gì mà không vào xét tư gia để bắt những phần tử có hại và niêm phong căn nhà đó lại.

Trong sắc lệnh Tổng Thống ban hành ngày 18/5, tôi nhớ điều 5 có nói có lẽ Tư Lệnh Quân Khu, Tổng Trấn, Tiểu Khu Trưởng và Đặc Khu Trưởng sẽ áp dụng biện pháp niêm phong những nơi chứa chấp vũ khí bất hợp pháp hay những phần tử có hại cho an ninh công cộng cho đến khi có quyết định của cơ quan tư pháp.

NDMB: Như vậy ta phải hiểu như thế nào về quyền xét tư gia bất luận ngày đêm?

Ô. Phạm Kim Quy: Xét tư gia bất luận ngày đêm, không có nghĩa là xét tư gia một cách bừa bãi, bất cứ lúc nào và ai cũng có quyền xét.

Có hai điều kiện, một là phải có nhu cầu, hai là phải do một giới chức thẩm quyền.

Trước hết phải kể nhu cầu tư pháp mà tôi xin gọt ra khỏi cuộc nói chuyện hôm nay vì phải theo thủ tục thông thường.

Nhu cầu mà tôi cần nhấn mạnh ở đây là nhu cầu an ninh và trật tự công cộng, nhu cầu cần phải hành động cấp bách và kịp thời. Ví dụ như để vô hiệu hóa những hành vi phá hoại hay bắt cóc phần tử nguy hiểm.

NDMB: Còn giới chức thẩm quyền là giới chức nào?

Ô. Phạm Kim Quy: Trước hết phải kể các biện lý, dự thẩm hành xử quyền tư pháp theo thủ tục thông thường.

Điêng trong tình trạng thiết quân luật phải kể các giới chức quan sự thụ quyền do nơi tình trạng thiết quân luật như: Đô Thành Saigon và Gia Định, có Tổng Trấn ở các tỉnh, các tiểu khu trưởng, thị xã thị cơ đặc khu trưởng.

NDMB: Làm sao để biết chắc được rằng những người đến xét nhà mình là những người có quyền xét nhà? Vậy họ phải có điều kiện nào hay giấy tờ nào? Tôi nghĩ người dân sống trong một khu phố, nếu có liên gia trưởng đi theo trong khi xét nhà thì họ yên lòng hơn, và trách được những sự làm tiền lấy đồ của dân chúng hoặc những lớp người giả dạng cảnh sát đi xét nhà người ta hoặc ăn cướp.

Ô. Phạm Kim Quy: Sự lo xa này rất hữu lý, đây là giai đoạn thi hành và ngay Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát cũng đã tiêu liệu vấn đề này: Trước hết phải có một mệnh lệnh hợp pháp. Sau đó phải có sự hiện diện của một sĩ quan Cảnh Sát Tư Pháp.

Mệnh lệnh hợp pháp là một mệnh lệnh viết do các giới hữu thẩm quyền mà tôi vừa kể.

Nhân viên đến khám xét phải xuất trình cho gia chủ xem cùng một lúc với thẻ hành sự nếu gia chủ yêu cầu.

Về sự hiện diện của sĩ quan hình cảnh, Bộ Tư Lệnh chỉ thị rõ rệt là các sĩ quan này phải mặc sắc phục khi hành sự để cho dân chúng nhận thấy rõ và yên tâm.

NDMB: Còn ông liên gia trưởng?

O. Phạm Kim Quy: Liên gia trưởng không phải là giới chức có quyền xét nhà của người ta.

NDMB: Nhưng sự có mặt của ông ta sẽ làm cho dân chúng khỏi lo.

O. Phạm Kim Quy: Phải, sự có mặt của ông liên gia trưởng cho dân chúng biết rằng cơ quan công quyền tới để xét nhà chỗ không phải là có người nào giả dạng đến xét nhà.

NDMB: Thưa Đại Tá Đồng Lý Bộ Nội Vụ, trong tình trạng thiết quân luật có vấn đề hạn chế lưu thông, xin giải thích hạn chế lưu thông như thế nào?

D.T. Huỳnh Ngọc Diệp: Để bảo vệ sinh mạng và tài sản của đồng bào cũng như an ninh quốc gia trong tình trạng thiết quân luật, tùy trường hợp các vị tổng trấn, tiểu khu trưởng, đặc khu trưởng có thể hạn chế sự lưu thông.

Sự hạn chế này có thể thực hiện bằng cách ấn định giới nghiêm ví dụ cấp lưu thông từ 22 giờ đến 06 giờ sáng như hiện đang áp dụng tại Saigon và Gia Định.

Sự hạn chế có thể được ấn định đối với một khu vực nào đó. Ví dụ như quân sự, hoặc việc lưu thông trên sông rạch, bờ biển các đảo.

Dân chúng chỉ được lưu thông trong một giới hạn nào đó và trong một khoảng thời gian nào đó mà thôi. Trường hợp này chánh quyền địa phương sẽ có thông cáo đầy đủ phổ biến cho dân chúng.

.../

NDMB: Vậy người dân có thể di chuyển từ tỉnh này qua tỉnh kia để thăm bà con hay buôn bán được không?

D.T. Huỳnh Ngọc Diệp: Tùy theo trường hợp, nếu tình hình an ninh cho phép, các giới chức có thẩm quyền vẫn có thể cho dân chúng di chuyển dễ dàng.

NDMB: Trong các biện pháp áp dụng trong tình trạng thiết quân luật có việc cấm tàng trữ lưu hành những ấn loát phạm, tài liệu truyền đơn có hại đến an ninh quốc gia. Xin cho biết những ấn loát phạm nói trên là những loại nào?

D.T. Huỳnh Ngọc Diệp: Tất cả tài liệu in do máy in do máy quay ronéo, in xu xoa hay bằng bất cứ một phương tiện ấn loát nào khác mà nội dung xét ra có phương hại đến an ninh quốc gia.

Ngoài ra, các tài liệu, truyền đơn viết tay hoặc đánh máy, phóng ảnh nếu có tác dụng như vừa nói cũng đều bị cấm chỉ.

Việc cấm chỉ được áp dụng đối với việc tàng trữ và lưu hành. Việc lưu hành một tài liệu có thể là một việc trưng bày bày bán, chuyển giao, gửi tài liệu từ nơi này đến nơi khác, mang, xách, chuyển vận tài liệu ấy bằng mọi cách, mọi phương tiện thủy bộ, hàng không.

Việc tàng trữ là việc nắm giữ hay cất giữ hay chôn dấu tài liệu.

NDMB: Giả tỷ như một tờ báo bị tịch thu vì có một bài báo được kể như có hại đến an ninh công cộng thì những người mua hoặc bán tờ báo đó có lỗi không?

D.T. Huỳnh Ngọc Diệp: Một tờ báo khi có lệnh tịch thu, được kể như là một ấn loát phạm hoặc là có hại cho an ninh quốc gia hoặc có vi phạm đến thuần phong mỹ tục thì những tờ báo đó đều được chánh quyền địa phương tịch thu và truy tố.

NDMB: Thưa Đại Tá, Đồng Lý Văn Phòng Bộ Nội Vụ, sau khi Tổng Thống VNCH ban hành thiết quân luật trên toàn quốc, Thủ Tướng có ra thông cáo ngày 11.5.72 cho áp dụng tức thời chín biện pháp, trong đó có biện pháp trưng dụng xe nhân và tài sản để thỏa mãn nhu cầu cấp cách dân sự cũng như quân sự của quốc gia, xin Đại tá Đồng Lý Văn Phòng Bộ Nội Vụ cho biết những giới chức nào có thẩm quyền trưng dụng?

O.T. Huỳnh Ngọc Diệp: Thực ra biện pháp trưng dụng dân sự cũng như quân sự đã được quy định từ lâu bởi Sắc. luật số 20/64. Trước khi tình trạng thiết quân luật được ban hành, ông Tổng Trưởng Quốc Phòng có quyền trưng dụng về quân sự và Thủ Tướng Chánh Phủ có thêm quyền trưng dụng về dân sự. Một vài vị Tổng Trưởng được ủy quyền trưng dụng nhiên liệu, xe cộ, nhà cửa, đất đai để thỏa mãn nhu cầu công ích.

Trong tình trạng thiết quân luật cũng như tình hình đối nội cũng như đối ngoại khẩn trương, dĩ nhiên quân đội và các cơ quan hành chánh địa phương có những nhu cầu khẩn cấp mà có thể thúc tiếp tế hoặc mua bán thông thường không thể cung ứng kịp thời.

Do đó, chánh phủ mới ủy quyền cho các cấp chỉ huy quân sự và hành chánh địa phương thêm quyền trưng dụng nói trên, không ngoài mục đích thỏa mãn khẩn cấp nhu cầu của quân đội trong khi có chiến tranh.

Về trưng dụng quân sự, Tổng Trưởng Quốc Phòng đã ủy quyền cho tư lệnh quân khu, tư lệnh biệt khu thủ đô, các tiểu khu trưởng (hiện nay cũng là tỉnh trưởng).

Về trưng dụng dân sự, Thủ Tướng Chánh phủ ủy quyền cho tổng, bộ trưởng, đô trưởng, tỉnh trưởng, thị trưởng.

NDMB: Vừa rồi, các chúng tôi đồn đãi trách nhiệm về việc chánh phủ sẽ phong tỏa các trường mục của tư nhân và quốc hữu hóa các xí nghiệp và ngân hàng. Xin Đại Tá Đồng Lý cho biết nguồn tin trên có xác thực không, và đường lối của chánh sách trưng dụng sẽ áp dụng không?

Đ.T. Huỳnh Ngọc Diệp: Về trưng dụng quân sự, các cấp chỉ huy quân sự tại các địa phương sẽ chỉ trưng dụng các tài nguyên kể sau: về lương thực như gạo, củi, dụng cụ nhà bếp và lương thực, và cơm có thể nuôi súc vật. Về phương tiện vận chuyển các giới chức quân sự có thể trưng dụng xe cộ, tàu bè, phi cơ những người chuyên về việc dẫn đường hay đưa tin, người cầm cương, tài xế, phi công. Như vậy ta thấy rõ là các tài nguyên trên chỉ nhằm thỏa mãn khẩn cấp nhu cầu tiếp tế lương thực và vận chuyển của quân đội trong trường hợp quân đội không thể tự cung cấp theo lương lối tiếp tế thông thường. Còn về trưng dụng dân sự, tổng, bộ trưởng, đô trưởng, tỉnh trưởng, thị trưởng được quyền ủy quyền trưng dụng thể nhân và tài sản.

Về thể nhân trưng dụng các chuyên viên như kỹ sư, bác sĩ, nha sĩ, dược sĩ, toán học hoặc một phần nhân viên, thợ thuyền của các xí nghiệp công hay tư, để đảm bảo nhu cầu khẩn cấp của quốc gia.

Vấn đề trưng dụng thể nhân hoàn toàn không có liên hệ với chính sách động viên nhân lực.

Về tài sản thì có thể trưng dụng các động sản, các bằng cấp phát minh, các quyền sử dụng bất động sản (cửa nhà, đất đai) các xí nghiệp kỹ nghệ hay canh nông các súc vật.

Điều đáng lưu ý là Luật 20/64 không cho phép trưng dụng hiện kim của tư nhân ký thác tại ngân hàng.

Mặt khác các việc trưng dụng quân sự cũng như dân sự phải được áp dụng đúng theo luật lệ hiện hành, tức là chỉ được thi hành sau khi đã điều đình mà không có kết quả mà có bồi thường thỏa đáng.

Tóm lại, việc trưng dụng chỉ được áp dụng trong những trường hợp khẩn cấp có bồi thường thỏa đáng vì nhất là không có vấn đề trưng dụng các trường mục của tư nhân ký thác tại ngân hàng cũng như không có việc quốc hữu hóa các xí nghiệp hay ngân hàng. Riêng vấn đề này, Thủ Thủ Tướng cũng đã ra thông cáo ngày 12.5.1972 giải thích rõ ràng.

NDMB: Thưa Đại Tá, có vấn đề gọi là trưng dụng thể nhân, nghĩa là có thể bắt dân chúng làm xấu phải không?

D.T.Huỳnh Ngọc Diệp: Danh từ làm xấu không đúng hẳn nhưng xét ra công tác đó có thể giúp ích và duy trì bảo đảm trật tự an ninh công cộng thì nhà chức trách hữu quyền có thể trưng dụng mọi người để thi hành công tác đó.

NDMB: Và sẽ bồi thường cho họ?

D.T.Huỳnh Ngọc Diệp: Dĩ nhiên là những người đó sẽ được bồi thường thỏa đáng theo luật định.

CÔNG CUỘC CỨ TRỢ ĐỒNG BÀO LÍNH CƯ
VÀ NẠN NHÂN CHIẾN CUỘC

Phát Hình Ngày 26.5.1972

Trung Tướng CAO HẢO HỒN, Trung Tâm Trưởng Trung Tâm Điều Hợp Bình Định và Phát Triển Trung Ương, Tổng Thư Ký Hội Đồng Trung Ương Tiếp Tế và Cứu Trợ Đồng Bào Lính Cư và Nạn Nhân Chiến Cuộc.

Bác sĩ TRẦN NGUỒN PHIÊU, Tổng Trưởng Xã Hội, hội viên Hội Đồng Trung Ương Tiếp Tế và Cứu Trợ Đồng Bào Lính Cư và Nạn Nhân Chiến Cuộc.

Chuẩn Tướng NGUYỄN CHẤN, Cục Trưởng Cục Công Binh kiêm Chỉ Huy Trưởng Binh Chung Công Binh, đại diện Hội Đồng Trung Ương tại Quân Khu I.

NDMB: Thưa Trung Tướng Tổng Thư Ký, trước kia chánh phủ có một Ủy ban gọi là Ủy Ban Cứu Trợ Trung ương do Bác sĩ Quốc Vụ Khanh Phan Quang Đán làm chủ tịch. Nay chánh phủ thành lập một hội đồng gọi là Hội Đồng Trung Ương Tiếp Tế và Cứu Trợ Đồng Bào Lính Cư và Nạn Nhân Chiến Cuộc. Hội đồng này do chính Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm làm chủ tịch. Xin Trung Tướng cho biết lý do sự thay đổi đó?

.../

Trung Tướng Cao Hào Lân: Sau khi Việt cộng tấn công đồng loạt vào Quảng Trị, Kontum và Bình Long, số nạn nhân đã gia tăng ồ ạt và quá nhiều nên bộ tham mưu của Báo sĩ Quốc Vụ Khanh Phan Quang Dân không đếm được nữa. Do đó, Thủ Tướng Chính Phủ định thẩm điều khiến việc cứu trợ và tiếp tế với sự tham gia của toàn thể nhân viên chính phủ. Chúng tôi xin nói rõ là trong này có hai phần là phần cứu trợ nạn nhân chiến cuộc và phần tiếp tế cho những tỉnh đang gặp khó khăn như là tại các tỉnh Bình Long, Kontum.

NDMB: Thưa Ông Tổng Trưởng Xã Hội, từ ngày 29.3.1972 Bắc Việt xâm lăng, đến nay số đồng bào lánh cư và nạn nhân chiến cuộc lên tới bao nhiêu trên toàn quốc?

B.S. Trần Ngọc Phiêu: Tính đến ngày 25.5.1972, tổng số đồng bào nạn nhân chiến cuộc kiều cư ở trong các trại là 550.558 người, chia ra Quân khu I có khoảng 331.000, Quân khu II 122.000 người, Quân khu III 74.000 người và Quân khu IV 22.000 người tất cả ở trong 267 trại.

NDMB: Thưa Ông Tổng Trưởng, Hội đồng trợ cấp cố định một tiêu chuẩn cho mỗi nạn nhân là bao nhiêu không?

B.S. Trần Ngọc Phiêu: Trước kia, trong Ủy Ban Cứu Trợ trung ương, chúng tôi trợ cấp theo biểu chuẩn của chương trình của Bộ Xã Hội từ trước đến giờ cho nạn nhân chiến cuộc, nghĩa là mỗi nạn nhân chiến cuộc được 500 gram gạo, 200 gram muối và ba hộp sữa mỗi tuần cho trẻ em dưới 2 tuổi. Mới đây Hội đồng đã tính lại. Gạo sẽ phát 500 gram cho mỗi người lớn và trẻ em dưới 12 tuổi sẽ phát 200 gram thôi. Như vậy tính tiền gạo không cũng khoảng 40\$ cho 500 gram gạo, nếu tính cố định mỗi ngày, mỗi người chỉ hưởng 50\$ thì với con số trên 500.000 người mỗi ngày tối thiểu nuôi ăn không cũng mất 25 triệu đồng.

NDMB: Thưa Ông Tổng Trưởng, khi Cộng sản Bắc Việt xâm lăng VNCH, chính phủ đã bị bất ngờ trong vấn đề cứu trợ hay cũng đã có dự trù một ngân khoản cho vấn đề này?

B.3. Trần Ngọc Phiêu: Hằng năm, chúng tôi vẫn dự trù. Chúng tôi cũng biết rằng năm 1972 này là một năm hết sức gay go đối với đất nước chúng ta cho nên chúng tôi dự trù một ngân khoản đáp ứng được từ 300.000 đến 900.000 người trong một thời gian từ 2 đến 3 tháng thôi. Nhưng khi nào con số này vượt qua và thời gian có thể kéo dài, lúc đó phải cần tới một nguồn tài trợ khác. Mới đây có những thuế phụ thu để có thể đáp ứng với tình thế mới.

NDMB: Thưa Chuẩn Tướng Nguyễn Chấn, mỗi Quân khu có một Ủy ban đại diện cho trung ương tại quân khu, tại sao chánh phủ lại cử chuẩn tướng làm trưởng phái đoàn của hội đồng trung ương tại Quân khu I để có tin đồn rằng Ông bị cách chức khỏi ngành Công binh?

C.T. Nguyễn Chấn: Thủ Tướng Chánh Phủ trong kỳ viếng Quân khu I ngày 7.5 thăm một số trại tị nạn tại vùng Đà Nẵng, nhận định rằng vấn đề cứu trợ tại địa phương có nhiều khó khăn, đặc biệt là có một số lớn đồng bào khi đã vào trại tạm cư rồi có thể từ 5 tới 7 ngày chưa có gạo ăn. Nhận xét chung là vấn đề tổ chức chưa hoàn hảo và gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, Thủ Tướng quyết định cần có ngay một phái đoàn trung ương ra địa phương để giúp trông vấn đề cứu trợ cho hoàn hảo hơn. Trong mục tiêu đó, Thủ tướng chỉ định tôi và một phái đoàn gồm đại diện Bộ Xã Hội, đại diện Bộ Nội Vụ, đại diện Bộ Y-tế, đại diện Bộ Tư Lệnh Cảnh sát Quốc gia và đại diện Hội đồng Bình Định Trung ương phát triển ra tại nơi để nghiên cứu và giúp đỡ.

NDMB: Khi ra tới Đà Nẵng, phái đoàn nhận định tình hình như thế nào?

C.T. Nguyễn Chấn: Phái đoàn nhận định rằng nhân số lánh cư tại Đà Nẵng đã lên tới một con số rất lớn. Nếu trong toàn quốc chúng ta có trên 500.000 dân lánh cư, tại Đà Nẵng đã có trên 300.000 người. Sự kiện một số lớn đồng bào di cư từ các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên đã khiến cho thị xã Đà Nẵng phải lánh một số đồng bào lánh cư quá lớn. Đặc biệt là vào ngày 3

và 4,5, số dân lính cư lên có thể từ 10.000 đến 20.000 mỗi ngày và gây nên một sự hỗn độn mà địa phương cũng không thể được chuyển đó nên việc tiếp nhận không được chủ đạo.

NDMB: Tôi nơi, phải soạn đặt một chương trình công tác như thế nào?

Chuẩn Tướng Nguyễn Chấn: Sau khi đi thăm một số trại và tiếp xúc với chính quyền địa phương, đặc biệt là Ủy ban Cứu trợ Quân khu I và Ủy ban Cứu trợ thị xã Đà Nẵng, phải soạn đặt ngay một chương trình công tác chín điểm như sau:

1. Tổ chức và kiểm kê số nạn nhân chiến cuộc theo chỉ danh và theo chỉ danh và theo tuổi tác, đặc biệt là theo địa phương.
2. Đôn đốc, tiếp tế thực phẩm đến tay đồng bào.
3. Chấn chỉnh việc điều hành công tác cứu trợ bằng cách sử dụng công chức của tỉnh Quảng Trị lính cư vào Đà Nẵng và huy động họ tham gia công tác.
4. Góp nhặt đồng bào sống rải rác trong thành phố Đà Nẵng để khỏi gây nên một tình trạng hỗn độn.
5. Đẩy mạnh việc y tế phòng ngừa và thực hiện một bệnh viện tạm thời để chữa trị cho đồng bào bị nạn.
6. Thanh lọc và phân loại dân tị nạn để ngăn ngừa, bắt giữ những đào binh, những phần tử bất hảo, Việt cộng rải vùng.
7. Kiểm kê khả năng chứa thêm những trại ở vùng ngoại ô Đà Nẵng để có thể giải tỏa những trại nhỏ trong thị xã.
8. Đẩy mạnh công tác thông tin, quảng bá tin tức, đặc biệt là công tác tin tức liên quan tới công cuộc cứu trợ.
9. Thực thi công tác lính cư đồng bào khỏi thị xã Đà Nẵng.

NDMB: Thưa Chuẩn tướng, đồng bào ở Bình Long, lính cư về Bình Dương và Gia Định, đồng bào ở Kontum lính cư về Pleiku và miền duyên hải, nhưng đồng bào Quảng Trị và Thừa Thiên dồn về Đà Nẵng. Riêng tại Đà Nẵng có hơn 300.000 người, ảnh hưởng của số người đông đảo ấy tại Đà Nẵng rất nặng nề, xin Chuẩn Tướng cho biết có định di dân ra khỏi Đà Nẵng không?

Chuẩn Tướng Nguyễn Chấn: Nhân số của thị xã Đà Nẵng có khoảng trên 400.000 người và ngay trong một thời gian ngắn trại tiếp nhận thêm khoảng 300.000 người nữa. Đó là một gánh nặng rất lớn cho thị xã Đà Nẵng về nhiều phương diện. Vì vậy mà những đồng bào lính cư tới Đà Nẵng đã chiếm ngụ hầu hết các trường học, các cơ sở tôn giáo từ thiện và rất nhiều cơ sở của đồng minh để lại tại ngoại ô Đà Nẵng. Tuy nhiên để khai thác tối đa những tiện nghi đó, chúng tôi cũng chưa có thể sắp xếp cho đầy đủ.

Tại những quận chính trong thị xã Đà Nẵng, như tại Quận 1; dân lính cư có 67.500 người. Quận 2 có 22.133 người. Quận 3 có 69.000 người. Tổng cộng là 159.000 người và ở vùng ngoại ô khoảng 50.000 người nữa. Công tác mà chúng tôi dự trù trước hết phải giải tỏa tại những nơi thị tứ ở Đà Nẵng số đồng bào lính cư tạm thời ở những trường học, những trung tâm nhỏ thiếu tiện nghi và thiếu vệ sinh gây nhiều phiền hà cho đồng bào địa phương. Trong công tác này chúng tôi dự trù ưu tiên 1 sẽ giải tỏa 70.000 người tại Quận 1 và ưu tiên 2 là 40.000 người tại các quận 2 và 3. Song song với công tác này, chúng tôi còn dự trù một chương trình khác là di tản số đồng bào tại vùng Đà Nẵng và ngoại ô đi một vùng khác.

NDMB: Thưa Trung Tướng Tổng Thư Ký, có nhiều bài báo nói rằng chánh phủ di tản dân vào những củ lao như là Củ Lao Ré để cho dân chúng an trí hơn là để cho họ sanh sống. Việc này như thế nào?

Trung Tướng Cao Hào Hớn: Để đáp ứng sự an toàn cho dân chúng, không tập trung quá đông đảo như ở Đà Nẵng, chúng tôi có đến những đảo như đảo Củ Lao Ré, Củ Lao Chàm và các tỉnh khác như Phú Yên, Cam Ranh, các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận để đặt những trại khác, đưa dân tạm lánh cư về những địa điểm này hầu giải tỏa bớt cho thị xã Đà Nẵng trong mục đích nếu như có một cuộc pháo kích thì số tổn thất dân chúng sẽ bớt rất nhiều. Chúng tôi không quan niệm rằng đưa những người lính cư đi "an trí" vì họ không có tội phạm nào cả.

.../

NDMB: Thưa Trung Tướng, một trại thì chắc chắn không đủ chỗ ở, do đó phải cần dùng nhiều chỗ khác, vậy Trung Tướng đã giải quyết vấn đề ở cho các nạn nhân như thế nào?

Trung Tướng Cao Hảo Hớn: Trước khi đưa dân chúng đi lánh cư ở những địa điểm mới, chúng tôi tiếp xúc với Đô Trưởng, Tỉnh Trưởng, Thị Trưởng tìm những vị trí thích hợp, thường thường là những trường học, những trại của quân đội Mỹ chuyển giao cho Việt Nam những trung tâm của quân đội Việt Nam không xử dụng hoặc các chùa, nhà thờ. Nơi đó có đầy đủ tiện nghi như nước uống, nhà vệ sinh, ánh sáng. Nơi nào chưa có đủ, ông Tỉnh Trưởng, Thị Trưởng, Đô Trưởng và Hội đồng tại tỉnh cấp bách cho thực hiện ngay với ngân khoản do trung ương cấp.

Sau khi hoàn tất tối thiểu tiện nghi này chúng tôi mới dùng phương tiện phi cơ, tàu thủy, đường bộ để đưa đồng bào. Tuy nhiên trong những ngày đầu tại Đà Nẵng cũng như tại nơi khác như Bình Dương, số dân kéo về quá đông, những trung tâm chưa được chuẩn bị chu đáo nên còn những sơ suất về vệ sinh, nước uống. Đến nay tình trạng này đã sửa đổi khá quan. Mọi nơi đều có đủ nước uống và các tiện nghi khác.

NDMB: Thưa Trung Tướng, mấy nơi dành cho đồng bào tạm cư như trường học, cơ sở tư, người ta thường thấy đồng bào vì thiếu củi nấu cơm nên đã lấy bàn ghế của học trò hoặc lấy cửa, lấy cột để làm củi. Việc này rất thiệt hại cho những nơi đó. Vậy Hội đồng có ý định thay thế việc nấu củi bằng một phương tiện khác không hoặc sau này có dự trù bồi thường cho các nơi đó không?

Trung Tướng Cao Hảo Hớn: Theo kinh nghiệm của những năm trước, sau khi đưa đồng bào về các trung tâm lánh cư, đồng bào thiếu củi nên chẻ cửa sổ, bàn ghế học trò ra dùng. Năm nay Hội đồng Trung Ương quyết định mua củi cấp cho đồng bào. Tuy nhiên sau mấy ngày vừa qua, Hội đồng đã nhận thấy đó là một phương pháp không được tiện lém nên đã quyết định mua một số lò dầu hôi để cấp phát cho đồng bào, cứ mỗi 3 gia đình có một lò để nấu chung. Như vậy Ủy Ban Trung Ương đã tạm thời giải quyết

được việc đồng bào chế bần ghế ra mà nấu cơm. Sau khi đồng bào lính cư tử giả nơi lính cư về quê trong chương trình hồi cư hay đến một nơi khác định cư những cơ sở, việc sử dụng phải được sửa chữa lại trước khi trả lại cho sở hữu chủ.

NDMB: Thưa Ông Tổng Trưởng Xã Hội, có vấn đề nan giải là vấn đề sữa cho các em và các người bệnh. Các ủy ban cứu trợ dùng sữa đặc có đường hay sữa bột do các cơ quan cứu trợ phát cho đồng bào. Có một số đồng bào không dùng mà đem ra ngoài bán làm cho những ủy ban cứu trợ mang tiếng là tham nhũng và các cơ quan từ thiện quốc tế cũng buồn phiền. Vấn đề này hội đồng trung ương giải quyết như thế nào?

B.S. Trần Nguyên Phiêu: Nếu cứu trợ trẻ em bằng sữa hộp thì rất tốn kém, trong khi đó Việt Nam được hưởng nhiều chương trình viện trợ sữa bột qua chương trình viện trợ nhi đồng quốc tế và các tòa đại sứ cũng như chương trình sữa và thực phẩm phụng sự hòa bình. Nếu đem phát cho đồng bào, vì đồng bào không biết cách sử dụng như đồng bào nói là không thích, nên hội đồng đã quyết định khuyến khích trưng mảy thí điểm phát sữa như tại Bình Dương và một vài nơi ở Đà Nẵng. Từ nay về sau, việc phát sữa hộp chỉ phát trong những giai đoạn đầu. Sau đó mỗi trại sẽ tổ chức những địa điểm phát sữa có nhân viên pha sữa phân phối đồng bào. Đó là cách chính phủ định giải quyết để có thể tiện tận phần nào trong chương trình sữa cứu trợ nạn nhân chiến cuộc.

NDMB: Hội đồng Trung ương phối hợp với các đoàn thể, hiệp hội như thế nào?

B.S. Trần Nguyên Phiêu: Trong những chương trình cứu trợ hay chương trình xã hội chúng tôi lúc nào cũng chủ trương làm thế nào kiếm được sự cứu trợ của những người ngoài chính phủ. Cho nên từ trước tới giờ trước khi xảy ra cuộc tấn công của Cộng sản kỳ này, cũng như các lần trước thì chúng tôi luôn luôn làm việc với hai hội đồng: Hội đồng các tổ chức từ thiện ngoại quốc trong năm nay, cũng có một hội đồng của các tổ chức xã hội Việt Nam. Chúng tôi phối hợp với hai hội đồng đó để có thể biết khả năng về người, về của hay vật liệu có để có thể phối hợp với chính phủ.

Riêng về vấn đề phối hợp chúng tôi cũng xin thêm là chúng tôi còn phối hợp với các nước bạn. Vì vậy kỳ này chúng tôi có thể đáp ứng được phần nào vấn đề sửa là do những viện trợ ở ngoài. Chương trình y tế cũng vậy, trong những ngày tới sẽ có những viện trợ đặc lực của Anh, Úc, Gia Nã Đại cũng sẽ giúp khoảng 500.000 tấn cá mòi cũng như 500.000 tấn sửa.

NDMB: Thưa Trung Tướng Tổng Thơ Ký, vừa rồi ông Thượng nghị sĩ đảng Dân Chủ Hoa Kỳ là ông Aspin tố cáo chánh phủ VNCH bỏ rơi một số đồng bào nạn nhân chiến, số đó theo ông Aspin nói là trên 200.000 người. Sự thật như thế nào?

Trung Tướng Cao Hạo Hôn: Theo đường lối chánh phủ, chỉ có những người tạm lánh cư ở trong trại được kiểm kê mới được hưởng trợ cấp còn những người ở ngoài trại, có nghĩa là có những người ở với thân quyến hoặc các đoàn thể tôn giáo chánh trị thì không được trợ cấp.

Thật tình mà nói thì không thể biết được rõ số người ở ngoài trại là bao nhiêu và cũng không thể biết được ở khu phố hay ở nhà mấy người và những người nào thật sự cần thiết việc cứu trợ. Chúng tôi cũng đã thiết lập một số nhà vệ sinh để mọi người có thể vào ở trong các trại. Đồng thời cũng để tránh những thắc mắc của những năm trước, khi chánh phủ cho cứu trợ những người ngoài trại. Chúng ta không biết chắc những người ở ngoài trại là bao nhiêu. Con số thống kê của chánh quyền cho biết là 41.000 những con số khác bản chánh thức cho là 100.000 thì mới đây ông Hartfield lại cho là 200.000. Do đó, chúng ta thấy rằng con số luôn thay đổi như vậy không cho phép chúng ta cứu trợ một cách hửu hiệu. Chúng tôi chỉ xin rằng những người nào muốn được cứu trợ hãy vào trại. Trại có đủ chỗ cho mọi người.

NDMB: Thưa Chuẩn Tướng đại diện phái đoàn tại trung ương Quân khu I, một vài tờ báo nói rằng đã có những trường hợp dịch tả tại một vài nơi, việc ấy có không, và các trại mà Chuẩn Tướng lo có chích ngừa cho đồng bào không?

.../

Chuẩn Tướng Nguyễn Chấn: Vấn đề chích ngừa những bệnh thời khí là một lưu tâm đặc biệt của chúng tôi ngay khi tới Đà Nẵng. Trong chương trình chích ngừa, hiện giờ y tế Quân Khu I đang ra một chương trình đặc biệt để chích ngừa dịch tả và dịch hạch. Chương trình ấy đang xúc tiến cho tới bây giờ chưa có trường hợp nào nói là bị bệnh dịch tả chết.

Hiện thời chỉ có một trường hợp khó khăn là đồng bào ở những nhà dù nóng bức, thành ra một số trẻ em thường bị lên sỏi. Hiện chỉ có một số ít bị bệnh sỏi mà thôi.

NDMB: Thưa Ông Tổng Trưởng, khi tình hình yên ổn đồng bào có thể hồi cư không, và kế hoạch hồi cư được hoạch định như thế nào?

B. B. Trần Nguyễn Phiêu: Cũng như trong kỳ Tết Mậu Thân, sau khi đồng bào lánh cư một thời gian ngắn, khi an ninh địa phương vẫn hồi đồng bào nếu có nhà cửa bị hư hỏng chánh phủ trợ giúp qua chương trình nạn nhân chiến cuộc, giúp họ để có thể tái thiết một phần nào nhà cửa. Còn nếu nơi nào đồng bào không thể trở về vì nơi đó hư quá nhiều mà báo định cư ở một nơi khác, nếu định cư ngay trong tỉnh, cũng nằm trong chương trình định cư hồi cư của Bộ Xã Hội.

Riêng kỳ này nếu có người nào thích là một cuộc đời sống mới thì có thể qua chương trình khẩn hoang lập ấp của Phủ Quốc Vụ Khanh Phan Quang Đán. Đó là chương trình chánh phủ có từ xưa. Nhưng bây giờ phải chờ tình hình lắng dịu mới ước tính lại ngân khoản và nếu sự tàn phá quá quá lớn lạc thì có lẽ với thời giá bây giờ, biểu suất trợ cấp cũng sẽ được xét lại.

CÔNG KỸ THƯƠNG GIA YẾM TRỢ TIỀN
TUYỂN VÀ CỨU TRỢ NẠN NHÂN CHIẾN CUỘC

Phát Hình Ngày 2.6.1972

Ông TRẦN ĐỨC ƯỚC, Tổng Thư Ký Phòng Thương Mại và Công Kỹ Nghệ Saigon, Chủ Tịch Ủy Ban Công Kỹ Thương Gia Yếm Trợ Tiền Tuyển và cứu trợ nạn nhân chiến cuộc.

Bà TRẦN THỊ MƯỜI, Phó Hội Trưởng Phòng Thương Mại và Công Kỹ Nghệ Saigon, Ủy Viên Tài Chánh Ủy Ban Công Kỹ Nghệ Thương Gia Yếm Trợ Tiền Tuyển và Cứu Trợ Nạn Nhân Chiến Cuộc.

NDMB: Thưa Ông Tổng Thư Ký, sáng kiến lạc quyền để yếm trợ tiền tuyển và cứu trợ nạn nhân chiến cuộc do đâu mà có?

Ô. Trần Đức Ước: Ngay sau khi chiến trận bùng nổ ở Trị Thiên, Bình Long và ở Quân Khu II, Phòng Thương Mại và Công Kỹ Nghệ Saigon và Tổng Đoàn Công Kỹ Nghệ Việt Nam hội ý và thỏa thuận tổ chức một ủy ban gồm toàn thể các giới doanh nhân ở thủ đô để yếm trợ các chiến sĩ ngoài mặt trận, đồng thời để cứu trợ những nạn nhân chiến cuộc hiện đang ở những vùng chiến.

NDMB: Tại sao quý vị có sáng kiến đó?

.../

O. Trần Đức Ước: Giới doanh nhân ở thủ đô nghĩ rằng mình được yên ổn để kinh doanh là nhờ công lao của các chiến sĩ ở ngoài tiền tuyến nên đã có ý kiến thành lập một ủy ban yểm trợ các chiến sĩ ngoài tiền tuyến và để cứu trợ nạn nhân chiến cuộc.

NĐMB: Ông Tổng Thư Ký và quý vị đại diện của ủy ban đã lên đài truyền hình kêu gọi và đã đặt một mục tiêu đóng góp. Quý vị tổ chức như thế nào và đặt mục tiêu là bao nhiêu?

O. Trần Đức Ước: Ngay sau khi hai đoàn thể vừa nói thỏa thuận triệu tập một phiên nhóm gồm toàn thể hiệp hội hiện kinh doanh ở hậu cứ và trong một phiên nhóm tổ chức tại Phòng Thương mại và Công Kỹ Nghệ Saigon ngày 19.4, chúng tôi mời Ông Tổng Trưởng Kinh Tế tham dự để thảo luận, thành lập ủy ban và đặt mục tiêu trong vấn đề lạc quyền.

Trong phiên nhóm đó, các đoàn thể đã đồng ý bầu lên một ủy ban đại diện cho toàn thể giới doanh nhân mệnh danh là Ủy Ban Công Kỹ Thương Gia Yểm Trợ Tiền Tuyến và Cứu Trợ Nạn Nhân Chiến Cuộc.

Ông Tổng Trưởng Kinh Tế, chấp thuận làm chủ tịch danh dự cho Ủy ban. Phiên nhóm đó cũng đã thảo luận và đưa ra một mức tối thiểu hiện đang hành nghề xuất nhập cảng là 20.000\$, các đại công ty có vốn 15 triệu là 40.000\$, công ty có vốn 50 triệu là 100.000\$ và công ty có vốn 100 triệu là 200.000\$.

Ngoài ra, Tổng đoàn Công Kỹ Nghệ Việt Nam trong một phiên nhóm cũng đã quyết định để cho các nhà kỹ nghệ có hai mức đóng góp tối thiểu là 300.000\$ và 100.000\$ và cho những nhà công nghệ là 10.000\$ và 5.000\$.

Căn cứ trên mức đóng góp đó, chúng tôi dự tính thu được 100 triệu đồng.

NĐMB: Thưa Ông Tổng Thư Ký, theo nhiều người, mức tối thiểu đó quá ít so với số vốn quá lớn và số lời quá nhiều của quý vị doanh nhân, trong khi các công chức, quân nhân có lương ít nhưng cũng đã đóng góp 1/30 tháng lương của họ tức là một ngày lương. Xin ông cho biết ý kiến về vấn đề này?

O. Trần Đức Uớc: Hội nghị đã đưa ra một con số có tính cách đề hướng dẫn các công kỹ thương gia, theo đó mà đóng góp mà thôi. Chúng tôi cũng đồng ý với những ý kiến cho rằng mức ấn định đó ít. Nhưng chúng tôi cũng kêu gọi các thương gia hãy cố gắng đóng góp theo khả năng của mình và mức tối thiểu đó để mà hướng dẫn mà thôi.

Tuy nhiên, trong cuộc lạc quyền vừa qua, nhiều công kỹ thương gia đã sốt sắng đóng góp theo với lợi tức của mình chứ không theo với mức tối thiểu mà Ủy ban đã đưa ra. Chúng tôi xin đơn cử một vài ví dụ, như Dược Phòng OPV, nếu theo mức tối thiểu thì chỉ có hai môn bài để đóng góp là 20.000\$ và 40.000\$ nhưng khi Ủy ban đến tiếp xúc, Bà Nguyễn Cao Thăng có liên lạc với chúng tôi bà nghĩ ý đóng góp một triệu đồng thay vì 60.000\$.

Ngoài ra, có một vài sự lệch lạc trong khi đóng góp mà báo chí cũng có đề cập tới, như trường hợp của Dược sư (Nghị Sĩ) La Thành Nghệ đóng góp cho Trung tâm Dược cuộc của ông 40.000\$ hiệu thuốc La Thành 100.000\$. Tuy nhiên ông cũng còn cho biết đã đóng góp qua vài tổ chức khác như Hồng Thập Tự và qua hệ thống của tổ chức ngân hàng.

Tuy nhiên, trong cuộc lạc quyền vừa đã có nhiều vị rất sốt sắng, như trường hợp của nhà Sanyo ông Huỳnh Văn Bi đã đóng một triệu đồng và còn khuyến khích chúng tôi trong việc lạc quyền này cũng như Bác sĩ Dược Khoa Trương Văn Vĩnh, ngoài việc đóng góp quá mức ấn định ông còn kêu gọi các bạn bè đóng góp nữa.

Trong việc đóng góp này, có thể nói toàn thể giới công thương gia đã tham gia. Dĩ nhiên là cũng còn một thiếu số rất ít không đóng góp mà thôi. Trái lại còn có một số nhân viên bên các xí nghiệp cũng như là bên công chức đã hy sinh một ngày lương của mình.

NĐMB: Cuộc lạc quyền này chắc chắn không có tính cách bắt buộc nhưng quý vị có một dụng ý nào không khi đặt ông Tổng Trưởng Kinh Tế làm chủ tịch danh dự cho Ủy ban. Việc này có hàm ý để cho ông thấy người nào đóng góp ích hoặc không có đóng góp để sau này không cho giấy phép nhập cảng chẳng hạn?

O. Trần Đức Ước: Tổ chức về cứu trợ do những đoàn thể tư nhân tại thủ đô đứng ra tổ chức thì những tổ chức đó dĩ nhiên là thuộc hệ thống, phần nào về ông Tổng Trưởng Kinh Tế. Chúng tôi mời ông Tổng Trưởng Kinh Tế làm chủ tịch danh dự cũng như những lần trước, khi chúng tôi tổ chức Ủy ban cứu lụt miền Trung, ông Tổng Trưởng Kinh Tế cũng làm chủ tịch của chúng tôi.

Việc Ông Tổng Trưởng Kinh Tế làm chủ tịch danh dự không có ý làm áp lực hay sẽ có những biện pháp chế tài đối với những công kỹ thương gia vì việc lạc quyền là việc tự ý, tự nguyện. Bằng cố là sau khi chúng tôi đã ngưng nhận tiền thì, cũng còn một số rất ít các công thương gia không đóng góp, nhưng chắc chắn là sẽ không có một biện pháp nào chế tài đối với những người đó.

Chúng tôi đã ra tiền tuyến thăm các chiến sĩ thấy họ sống rất cực khổ ở ngoài mặt trận. Tại các trại tiếp cư ở Đà Nẵng, chúng tôi đã thấy tận mắt những khổ cực của đồng bào bị nạn. Công thương gia thấy việc phải làm thì đóng góp. Nếu những vị đó không đóng góp, chính những người ấy nên suy nghĩ hơn là để Bộ Kinh Tế có biện pháp chế tài, mà tôi tin chắc việc này không có.

NDMB: Thưa Ông Trương Văn Quý, Chủ tịch Tổng Đoàn Công Kỹ Nghệ Việt Nam, quý tổng đoàn hưởng ứng cuộc lạc quyền như thế nào?

O. Trương Văn Quý: Giới công kỹ thương gia chúng tôi, hết sức hưởng ứng việc lạc quyền kỳ này, tới giờ phút này, về hiện kim, chúng tôi góp được lỏi 20 triệu đồng và hiện vật, chúng tôi thâu được trên 9 triệu đồng để ủy lạc anh em chiến sĩ và cứu trợ đồng bào trong lúc khó khăn này.

NDMB: Thưa Bà Trần Thị Mười, Phó Hội Trưởng Phòng Thương Mại và Công Kỹ Nghệ Saigon, bà là ủy viên tại chánh của ủy ban xin bà cho biết các thương gia, công kỹ nghệ gia đã tự động đến Phòng Thương Mại để đóng góp hay là bà phải đi kiếm từng người để thâu?

Bà Trần Thị Mười: Đại hội ngày 19.4 bầu ra một ban tài chánh. Ban tài chánh đó có ba vị là Bà Dược sư (Dân biểu) Nguyễn Thị Hai, Bà Hội Đồng Phan Kim Phụng và chúng tôi. Ngay sau khi được sự tín nhiệm của đại hội ngày 24.4, chúng tôi bắt đầu nhận tiền tại văn phòng Phòng Thương Mãi và Công Kỹ Nghệ Saigon. Con số công kỹ thương gia đóng góp lên tới 3.000 người.

Công tác chia ra như sau: Một phần cũng có một số công kỹ thương gia đã tự động đến văn phòng để đóng tiền, còn một phần thì chúng tôi phân công đó Tổng đoàn Công Kỹ Nghệ thầu bên công kỹ nghệ. Mỗi ngày Tổng đoàn Công kỹ nghệ đem số tiền đó nộp cho chúng tôi. Ngoài ra chúng tôi có những thầu ngân viên của Phòng Thương Mãi và Công Kỹ Nghệ đi đến tận những văn phòng hay những xí nghiệp của công ty thương gia để nhận tiền.

Trong những ngày đầu, số tiền thầu không được bao nhiêu, chúng tôi e ngại sau thời gian ba tuần mà Ủy ban ấn định sẽ không thầu đủ tiền mà Ủy ban dự trù cho nên có một số quý vị trong Ủy ban có thành lập những tiểu ban nhỏ để đến tận nơi thầu tiền.

NĐMB: Thưa Ông Tổng Thư Ký, Bà Phó Hội Trưởng vừa nói lúc đầu cũng khó thầu đủ số tiền, vì vậy có nguồn dư luận nói rằng quý vị không sốt sáng lắm, thành ra tuần đầu không có bao nhiêu, tuần thứ hai cũng không có bao nhiêu. Rồi bị chỉ trích nhiều quá rồi tuần thứ ba mới có nhiều. Vậy ông cho biết diễn tiến lạc quyền như thế nào và ông đã gặp những khó khăn nào?

Ô. Trần Đức Ước: Trong tuần lễ đầu tiên từ ngày 24.4 trở đi vấn đề tổ chức thầu tiền chưa được hoàn hảo, hơn nữa các công kỹ nghệ thương gia thấy nói rằng thời hạn là ba tuần lễ, nhiều vị có ý chần chừ cho nên tuần đầu không được sốt sáng. Nhưng mục tiêu chúng tôi đưa ra là 100 triệu trong ba tuần lễ. Trong ba tuần lễ, chúng tôi đã mất ba ngày chủ nhật và ba ngày thứ bảy rồi thành ra tuần đầu vì chưa tổ chức hoàn hảo nên từ ngày 24 đến 2.5 chúng tôi mới thầu được 24 triệu. Sau ngày đó chúng tôi hội lại và thành lập những tiểu ban đến tận văn phòng các công kỹ thương gia.

Một số đông các công kỹ thương gia làm sẵn ngân phiếu vì chờ chúng tôi cho thâu ngân viên lại cho nên tuần thứ hai tức tới ngày 9.5 chúng tôi đã có 72 triệu và tới ngày 12.5 chúng tôi đạt tới mục tiêu là 103 triệu, quá hẳn số chúng tôi ấn định. Những ngày sau chót, tức từ ngày 13 đến 17.5 chúng tôi có 133 triệu. Tuy nhiên ngày 17, khi chúng tôi đã khóa sổ để phục trình công việc làm của chúng tôi với ủy ban cũng còn một số đông công kỹ thương gia chưa kịp đóng góp, yêu cầu chúng tôi tiếp tục nhận những ngân phiếu mà họ gửi tới, trong đó có Hiệp hội Các Nhà Sản Xuất Xi Măng ở Đài Loan mà vì thủ tục phải gửi tiền qua đây và họ đã hứa cho 50.000 mỹ kim tức 21 triệu đồng. Ủy ban thỏa thuận là cũng sẽ vẫn tiếp nhận số tiền đó một vài ba ngày sau khi khóa sổ và chúng tôi tin rằng con số sau khi kết thúc chúng tôi sẽ có khoảng trên 160 triệu đồng.

Cũng như Bà Trần Thị Mươi vừa nói vấn đề khó khăn là những thâu ngân viên hay những nhận viên ủy ban đi tới tận văn phòng các vị công kỹ thương để thâu tiền thì chuyện gặp ông giám đốc cũng là một chuyện khó khăn.

NĐMB: Thưa ông Tổng Thư Ký, những nơi khác như là Phòng Thương Mại Pháp, Phòng Thương Mại Mỹ hay là Hiệp Hội Các Thương Gia Nhật kiều, Hiệp hội Ngân hàng có đóng góp không, nếu có thì họ đóng góp bao nhiêu?

Ô. Trần Đức Ước: Trong số tiền 133 triệu tới ngày 17.5 hay 160 triệu sau khi kết thúc, công kỹ thương gia đóng qua hệ thống thương mại có gần 50 triệu, qua bên Tổng Đoàn Công Kỹ Nghệ khoảng 26 triệu và các đoàn thể bạn. Các thương gia Pháp kiều rất sốt sắn và trong một thời gian mười ngày đầu tiên đã đóng góp 18 triệu. Tuy nhiên trong số 18 triệu đó cũng có một số nằm trong hệ thống Tổng Đoàn hoặc những hiệp hội ngân hàng.

Ngoài ra còn những tổ chức Hiệp hội các Ngân hàng do Ông Nguyễn Thành Lập làm chủ tịch đã góp 1.600.000\$. Hiệp hội các nhà bảo hiểm góp khoảng năm triệu. Các nhà thợ thạc hàng hải, vận tải đường bộ qua hệ thống của bên Giao Thông Bưu Điện

do ông Đồng Lý chuyển lời chúng tôi khoảng năm triệu đồng. Các nhà đại diện Nhật kiều ở đây, trong buổi tiếp xúc đầu tiên do Ông Nguyễn Thành Nam phụ trách, cho biết là họ có thể thầu khoảng 20 triệu nhưng tới phút chót họ chỉ gửi hơn ba triệu.

Trong thời gian vừa qua, một vài báo có đề cập tới vấn đề đó, chúng tôi cũng thiết nghĩ rằng cuộc lạc quyền là do tử tâm và không có bất cứ cách bắt buộc, ai muốn đóng bao nhiêu thì đóng, mặc dầu những tương gia Nhật Bản ở đây đã được hưởng lợi rất nhiều.

NDMB: Số tiền lạc quyền đã sử dụng chưa, nếu đã sử dụng thì sử dụng vào những công tác nào?

Ô. Trần Đức Ước: Sau khi ủy ban thành lập, chúng tôi có lên đài truyền hình để kêu gọi các công kỹ thương gia đóng góp và tiếp tay với ủy ban. Chúng tôi có hứa là với số tiền chúng tôi thu được, chúng tôi sẽ thành lập với các phái đoàn đi ra tận vùng giới tuyến để mua quà tặng các chiến sĩ và cứu trợ các nạn nhân chiến cuộc. Song song với vấn đề thu tiền, ngày 12.5 vừa qua, chúng tôi cũng đã thảo luận cùng ông Quốc Vụ Khanh Phan Quang Dân, ông Tổng Trưởng Kinh Tế và Trung Tướng Trần Văn Trung, Tổng Cục Trưởng Chiến Tranh Chính trị. Trung Tướng Trần Văn Trung và Ông Tổng Trưởng Kinh Tế đã hướng dẫn chúng tôi ra Quân Khu I để thăm viếng các chiến sĩ đang chiến đấu ở vùng hỏa tuyến. Trong cuộc thăm viếng ngoài Huế vừa rồi, chúng tôi đã được tiếp xúc với Trung Tướng Ngô Quang Trưởng, chúng tôi đã đi thăm Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn I do Tướng Phú đang trấn giữ ở Gia Lộc và chúng tôi đã thăm Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến được Trung Tướng Lê Nguyên Khang và được Chuẩn tướng Lân tiếp đón.

Trong dịp này chúng tôi đã nhờ Trung Tướng Tư Lệnh Quân Khu I trao đến các chiến sĩ trực thuộc Quân đoàn Thiết Giáp, Pháo Binh, Công Binh hai triệu đồng và hai triệu đồng để tăng cường quỹ thi đua lập chiến công ở Vùng I. Đồng thời chúng tôi cũng đã trao tặng Sư Đoàn 5 Bộ Binh, Sư Đoàn 21 Bộ Binh Sư Đoàn 25 Bộ Binh và Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến, mỗi Sư Đoàn ba triệu đồng (hai triệu đồng dành cho binh sĩ và một triệu đồng để giúp cho gia đình sĩ sĩ).

Ngoài ra chúng tôi cũng trao cho Sư Đoàn I Không Quân hai triệu đồng, Liên Đoàn I Biệt Động Quân một triệu đồng. Trên đường về, ghé Đà Nẵng chúng tôi có ghé thăm một Đại Đội Chiêu Hồi và chúng tôi trao quà tặng cho Đại Đội này 200.000 đồng thời một triệu đồng cũng đã được giao cho Tiểu Khu Quảng Trị và hai triệu đồng giao cho Tiểu Khu Thừa Thiên. Tổng số tiền mà Ủy ban đã trực tiếp giao cho Quân Khu I là 22 triệu 200.000\$.

Sau cuộc viếng thăm Quân Khu I chúng tôi lại viếng thăm Sư Đoàn Dù 3 tại Hoàng Hoa Thám, cũng như các Sư Đoàn khác, chúng tôi có nhờ Trung Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn để trao lại anh em binh sĩ Sư Đoàn Dù hai triệu đồng cho các chiến sĩ và một triệu đồng cho các gia đình tử sĩ của Sư Đoàn. Rồi chúng tôi đi thăm Quân Khu III đến Lai Khê và đến Chơn Thành thăm một trung đoàn đang chiến đấu ngoài mặt trận. Ở Quân Khu III chúng tôi đã trao tặng 12.200.000\$. Chúng tôi cũng đã trao cho Trung Tướng Tư Lệnh Quân Khu III bốn triệu đồng để hai triệu cho các đơn vị, như Thiết Giáp, Công Binh và Pháo Binh trực thuộc Quân Đoàn và hai triệu tặng cường ủy thi đua lập chiến công. Chúng tôi cũng đã trao Sư Đoàn 5 Bộ Binh, Sư Đoàn 21 Bộ Binh, Sư Đoàn 25 Bộ Binh, Sư Đoàn 18 Bộ Binh mỗi Sư Đoàn ba triệu đồng, được sử dụng như những Sư Đoàn khác. Trong cuộc viếng thăm ở Quân Khu III chúng tôi cũng trao tặng Biên Phòng BĐQ một triệu đồng, Sư Đoàn 3 Không quân hai triệu đồng, Liên Đoàn 3 BĐQ một triệu đồng, Liên đoàn 81 Biệt Kích Dù một triệu đồng và Trung Đoàn 15 Sư Đoàn 9 là một triệu đồng. Tổng số tiền ở Quân Khu III chúng tôi đã sử dụng 22 triệu đồng. Trên đường về chúng tôi cũng đã gửi tặng bệnh xá Sư Đoàn 21 Bộ binh có khoảng 200 thương binh, mỗi người 1.000\$ tức là 200.000\$.

Trong thời gian đó chúng tôi cũng tổ chức một phái đoàn đến nhờ Đại Tá Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia trao tặng các anh em Cảnh Sát năm triệu đồng.

Trong ngày vừa qua tại Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị, chúng tôi tiếp xúc với Bộ Tư Lệnh Hải Quân và trao cho Hải Quân hai triệu đồng, Sư Đoàn 5 Không quân hai triệu đồng và Liên đoàn 5 Biệt Động Quân một triệu đồng.

.../

Chúng tôi sẽ còn lần lượt đi thăm Quận Khu II và Quận Khu IV. Số tiền dành lại đi thăm viếng chiến sĩ Quận Khu II là 18 triệu đồng và Quận Khu IV là 10 triệu đồng. Ủy ban cũng đồng ý là trích ra một số tiền để tổ chức những phái đoàn đi thăm viếng các thương binh ở các bệnh viện.

Tổng số tiền chúng tôi sử dụng dành cho các chiến sĩ là 95 triệu.

NDMB: Số tiền còn lại, Ông Tổng Thư Ký định dùng làm gì?

O. Trần Đức Ước: Số tiền còn lại khoảng 50 triệu đồng. Trong số tiền đó, có gần 10 triệu là hiện vật thì Ông Trưởng Văn Quý ở Tổng Đoàn Công Kỹ nghệ đã phụ trách và để thành lập lại phái đoàn đi thăm các trại tiếp cư ở Bình Dương Long Thành Trại Santa Maria và phối hợp với bên Hội Phụ Nữ Phụng Sự Xã Hội để đi thăm các thương binh, số tiền còn lại khoảng 4,50 triệu đồng chúng tôi cũng định là dành lại để lo cho nạn nhân chiến cuộc. Trong một phiên nhóm tuần vừa qua, với sự hiện diện của Ông Quốc Vụ Khanh Phan Quang Đán và Ông Tổng Trưởng Kinh tế đã thỏa thuận dùng số tiền đó để cứu trợ nạn nhân.

Số nạn nhân chiến cuộc quá lớn lao. Mỗi ngày phải tiêu 25 triệu về vấn đề ăn thực. Hiện giờ chúng tôi có khoảng 50 triệu để đóng góp thì không đáng bao nhiêu cho nên chúng tôi sẽ sử dụng số tiền đó một cách hữu hiệu hơn là những vấn đề gì mà Chính phủ không lo được thì chúng tôi sẵn sàng yểm trợ. Như hôm thứ bảy vừa rồi chúng tôi đã gửi 1.500.000 đồng để Ông Tổng Trưởng Y-tế có phương tiện tổ chức những trạm phát thuốc, phát sữa, tại những trại tiếp cư ở Đà Nẵng, đồng thời chúng tôi cũng gửi thêm 500.000\$ nữa để yểm trợ cho những anh em sinh viên, thanh niên để họ có phương tiện phục vụ đồng bào.

Hôm thứ bảy mới đây chúng tôi được hân hạnh tháp tùng phái đoàn Thủ Tướng đi thăm những trại tiếp cư ở Đà Nẵng. Sau khi trở về, Ủy ban thảo luận và chúng tôi cũng sẽ đề nghị với Bộ Y-tế cũng như Bộ Xã Hội và Ông Quốc Vụ Khanh, Trung Tướng Tổng Thư ký Ủy Ban yểm trợ Trung Ương để đưa những ý định của chúng tôi ra là chúng tôi có một số tiền như vậy và sẵn sàng để sử dụng trong những vấn đề tiếp cứu cũng như để yểm trợ cho những công tác nào cấp thời.

NDMB: Thưa Ông Tổng Thư Ký, chiến cuộc này có thể kéo dài một vài tháng nữa, Ủy ban có dự định tổ chức một cuộc lạc quyền mới nữa không?

O. Trần Đức Ước: Sau khi anh em chúng tôi đi thăm các anh chiến sĩ ngoài mặt trận và những đồng bào ty nạn một số lớn đã có ý kiến là phải tiếp tục công việc này. Nhưng hiện nay, sau cuộc lạc quyền chúng tôi cũng phải phức tạp thành ra cũng như công việc chúng tôi đã làm cách đây hai năm về vấn đề cứu trợ nạn lụt miền Trung, chúng tôi thấy mỗi khi có biến cố nào chúng tôi sẵn sàng đóng góp và để nói lên tâm lòng của chúng tôi chứ không có tham vọng gì khác cả. Chúng tôi chỉ muốn nói lên là giới doanh nhân không ích kỷ và lúc nào cũng muốn đóng góp vào những công việc chung. Nếu chiến cuộc kéo dài vì tình hình đòi hỏi có lẽ lúc ấy chúng tôi lại hội họp anh em để hỏi ý kiến về vấn đề đó.

NDMB: Thưa Bà Trần Thị Mười, xin bà nói về cảm tưởng của bà sau khi đã đi thăm các chiến sĩ ở tiền tuyến về?

Bà Trần Thị Mười: Tôi đã có dịp tháp tùng theo phái đoàn đi thăm vùng hòa tuyến; chẳng hạn như vừa rồi chúng tôi viếng thăm Quân Khu I và Quân Khu III. Đặc biệt trong cuộc thăm viếng ở Quân Khu III, chúng tôi được hướng dẫn đến thăm trung đoàn 31 Bộ Binh ở Bàu Bùn. Tôi đã chứng kiến sự sinh sống hết sức khó cực của anh em chiến sĩ. Tôi thấy rằng anh em chiến sĩ là những người đã hy sinh cả đời sống của mình, xương máu của mình để bảo vệ Tổ quốc mà vấn đề ăn uống không được chu đáo, phải dầm mưa dãi nắng ở những nơi không có một bóng cây nên chúng tôi hết sức cảm động.

Bởi vậy chúng tôi có ý nghĩ rằng những người ở hậu tuyến không phân biệt trong giới nào phải làm thế nào để nói lên lòng tri ân của mình đối với các anh chiến sĩ ở ngoài tiền tuyến đã hy sinh, một sự hy sinh rất lớn. Cho nên chúng tôi nhân dịp này kêu gọi tất cả những người ở hậu phương nên nghĩ đến sự yểm trợ chiến sĩ. Bởi vì chúng tôi nghĩ rằng chúng ta phải làm thế nào để anh em chiến sĩ thấy rằng những người ở hậu phương không ích kỷ và không nghĩ tới quyền lợi riêng của mình mà còn nghĩ đến những anh em chiến sĩ và làm sao để nâng cao tinh thần chiến đấu của anh em chiến sĩ hầu bảo vệ miền Nam này khỏi lọt vào tay Cộng sản. Bởi vậy chúng tôi cũng được biết Tổng Thống nói rằng, nếu Quốc Gia còn thì còn tất cả, mà Quốc Gia mất thì chúng ta mất tất cả.

PHÒNG VẤN CHIẾN SĨ TẠI CÁC
CHIẾN TRƯỞNG TRỊ THIÊN, AN LỘC VÀ ĐẤT ĐỎ

Phát Hình Ngày 9.6.1972

Thượng sĩ ĐẶNG NGỌC SONG, 37 tuổi sinh tại Liêu Cao Thượng, Quận Hương Trà, Thừa Thiên nhập ngũ từ 19 năm, có vợ 8 con, thuộc Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 54 Bộ Binh.

Trung sĩ TRẦN TỬ HOÀNG, 19 tuổi sinh tại Quận Chợ Lách, Vĩnh Long nhập ngũ được 8 tháng, độc thân thuộc Lữ Đoàn 2, Sư Đoàn Dù.

Trung sĩ TRẦN THANH SANG, 26 tuổi người làng Thanh Lư, Quận Hương Trà, Thừa Thiên đã nhập ngũ được 7 năm, độc thân thuộc Tiểu Đoàn 1, Trung đoàn 8, Sư Đoàn 5 Bộ Binh.

Hạ sĩ I NGUYỄN BÌNH PHÚ, 24 tuổi, người tỉnh Bình Dương đã nhập ngũ được 6 năm, độc thân thuộc Tiểu đoàn 30, Liên Đoàn 5 Biệt Động Quân.

Thượng sĩ NGUYỄN YÊN, người quận Vạn Ninh, Khánh Hòa, đã nhập ngũ được 13 năm, có vợ 5 con thuộc Tiểu đoàn 7 Thủy Quân Lục Chiến.

NDMB: Thượng sĩ Song, trước khi địch quân vượt tuyến xâm lăng VNCH, đơn vị anh đang làm gì?

Thượng sĩ Đặng Ngọc Song: Trước khi những đơn vị Công quân vượt vĩ tuyến 17, đơn vị chúng tôi đang mở cuộc hành quân do Thiếu Tướng Trữ như Đoàn I tổ chức ở phía Tây Nam Huế, vùng Bastogne.

NDMB: Khi anh đóng ở Bastogne, anh có biết sự quan hệ của Bastogne đối với Huế như thế nào không?

Thượng sĩ Song: Bastogne đối với Huế là một phòng tuyến cố thủ vòng đai để bảo vệ cố đô Huế.

NDMB: Anh ở Bastogne từ ngày nào đến ngày nào?

Thượng sĩ Song: Đơn vị Tiểu Đoàn 2, trung đoàn 54 chúng tôi đóng tại căn cứ Bastogne từ ngày 1.4 đến ngày 29.4.

NDMB: Dịch bắt đầu bao vây và tấn công vào ngày nào?

Thượng sĩ Song: Trước đó khi hành quân ở bên ngoài, địch còn ở xa vì Sư đoàn I Bộ Binh truy kích và đánh địch trước khi chúng vào vùng Trị Thiên. Sư Đoàn I Bộ Binh dồn địch vào thế kẹt và tiêu diệt địch rất nhiều. Sau đó chúng tôi được lệnh trở về căn cứ Bastogne đến ngày 8.4.72 địch bắt đầu bao vây và đe dọa căn cứ Bastogne.

NDMB: Khi chúng tấn công mạnh, đơn vị anh chống trả hay rút lui?

Thượng sĩ Song: Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 54 chúng tôi ở tại căn cứ Bastogne từ ngày 1.4 đến 29.4 là ngày mà địch quân bao vây và siết chặt vòng đai. Đến ngày 15.4, địch đánh vào căn cứ.

Trước đó, ngày 14.4.72 địch có ý định đánh tiểu đoàn chúng tôi và lúc đó Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng đã biết rõ. Ngày hôm đó phi cơ yểm trợ căn cứ Bastogne 9 phi tuần và dồn địch

vào thế kẹt, nên lúc 18 giờ chiều 14.4 địch đã trá hàng để tấn công vào buổi chiều, khi trời xẩm tối.

Lúc đó anh em chúng tôi suy nghĩ rất nhiều, định bắn ngay vào địch nhưng nếu bắn vào người đã rã hàng là vô nhân đạo. Nhưng chúng tôi đã phát giác kịp thời kẻ ra trá hàng đã cầm một khẩu B40 nạp đạn sẵn đồng thời chúng còn một khẩu AK. Sau lưng tên địch trá hàng đó, còn một trung đội khác mai phục sẵn hai bên hàng rào để chờ anh em chúng tôi ra tiếp nhận tên hàng binh, rồi địch sẽ ồ ạt tấn công vào như thế anh em chúng tôi đã phản ứng kịp thời và việc địch trá hàng đã bị thất bại.

Ngày 15.4 địch tấn công vào căn cứ Bastogne và đêm đó tiểu đoàn chúng tôi xin phi cơ thả trái sáng rất nhiều nên địch không làm gì được, đến 5 giờ 20 địch pháo kích vào căn cứ loại đạn 75ly, 82ly và B.40, B.41 tăng cường với hy vọng bắn thủng phòng tuyến để xung phong vào nhưng chúng đã thất bại nặng nề.

Trong đó anh em binh sĩ của tiểu đoàn 2 trung đoàn 45, Sư Đoàn I Bộ Binh đã rất gan dạ chờ cho địch tiến sát vào để dùng lựu đạn tiêu diệt địch rất nhiều. Nhất là trung đội của tôi, trung đội xung kích đã giết rất nhiều địch lấy luôn toàn bộ chỉ huy đại đội của địch.

NDMB: Anh có thấy xe tăng của địch không?

Thượng sĩ Song: Xe tăng của địch cũng như đại pháo của họ không thể nào vào mặt trận Tây Nam Huế được vì Thiếu Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn I Bộ Binh đã biết trước địch và đã tung ra cuộc hành quân tiêu diệt địch, đồng thời phi pháo và phi cơ B.52 đã cản trở không cho địch đưa xe tăng vào vùng Tây Nam Huế.

NDMB: Khi ở Bastogne, các anh ăn một ngày mấy bữa?

Thượng sĩ Song: Mặc dầu chúng tôi còn lương thực rất nhiều nhưng anh em chúng tôi tiết kiệm để đề phòng sương mù thời tiết xấu không tiếp tế được nên chỉ ăn ngày hai bữa bằng gạo sấy và đồ hộp.

.../

NDMB: Các anh thương nấu cơm vào giờ nào để địch khỏi thấy mà pháo kích?

Thượng sĩ Song: Chúng tôi nấu vào sáng sớm, lúc trời sương mù và nấu một lần để ăn hai bữa.

NDMB: Tại sao các anh rút khỏi Bastogne?

Thượng sĩ Song: Sau khi Tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 29 của Sư đoàn 324B Cộng sản Bắc Việt thất bại trong trận Bastogne, chúng tôi cho một Tiểu đoàn khác đến bao vây. Địch chết rất nhiều. Anh em chúng tôi vì lòng nhân đạo, đã không xin phi cơ và pháo binh trong hai đêm để địch vào lấy bớt xác đi vì chúng chết nhiều quá. Anh em chúng tôi cũng xin Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng cho chôn bớt xác của chúng khi đó chúng pháo kích vào, nã đạn cay, 82 ly, B.40, B.41 chúng tôi chịu không nổi sự hồi thối, hơn nữa vì con suối gần đó đã bị những xác địch chết nhiều quá không thể uống được. Chúng tôi chỉ uống nước trời mưa thì địch quân biết chúng tôi sẽ hứng nước mưa và chúng pháo kích vào. Sau này thì thời tiết rất xấu và nóng, binh sĩ rất khó thở cho nên Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng của chúng tôi đã xin thượng cấp cho đi chuyển chiến thuật vì giữ căn cứ Bastogne chỉ khiến cho binh sĩ mắc bệnh truyền nhiễm. Hơn nữa căn cứ Bastogne là một thung lũng, xung quanh toàn đồi núi chỉ làm bia cho địch pháo kích mà thôi. Ở đó không có lợi. Do đó chúng tôi đã đi chuyển chiến thuật. Ra ngoài, chúng tôi còn đánh địch dễ dàng hơn là ở trong căn cứ Bastogne.

NDMB: Một tờ báo ngoại quốc là tờ Time nói rằng một ký giả ngoại quốc đã thấy một anh binh sĩ của mặt trận Trị-Thiên, không biết của đơn vị nào đang rút xăng ở trong xe và bài báo đó ám chỉ rằng binh sĩ của ta bán ra một lít xăng là 40\$ và địch mua mỗi lít xăng là 80\$ để sử dụng cho xe tăng của họ. Vậy theo anh, việc này như thế nào?

Thượng sĩ Song: Báo nói như vậy là sai hoàn toàn. Vì nếu kiếm được một vài lít xăng để bán ra năm ba chục đồng thì chưa

chắc họ đã bán. Anh tài : ế thường chỉ lãnh một số xăng theo số lộ trình di chuyển. Số xăng này vừa đủ tiêu thụ thôi. Nếu một anh tài xế có kiếm được một vài lít xăng chẳng nữa là họ có thể dùng để vá một vài cái vỏ xe, trả công cho ông thợ vá vỏ xe hơi mà thôi. Vì anh tài xế không có tiền mà mỗi lần nổ lốp như vậy, đưa đến cơ phận sửa chữa chờ rất lâu nên họ đã phải vá cấp tốc để kịp di chuyển, điều này tôi nghĩ rằng người tài xế có bán một vài lít xăng để ông thợ máy làm việc cũng không có hại gì. Hơn nữa địch quân cũng không thể mua một vài lít xăng để làm gì được. Và lại tôi không thấy xe tăng địch vì vùng hoạt động của chúng tôi xe tăng địch không vào được. Nhưng có một vài người bạn ở ngoài chiến trường Đông Hà và An Lộc nói rằng xe tăng của địch chạy bằng dầu cặn mà thôi. Như vậy là ký giả ngoại quốc đó nói quá sai.

NDMB: Ở đơn vị, anh có nghe radio

Thượng sĩ Song: Cấp Tiểu Đoàn chúng tôi luôn luôn đi hành quân nên ít có thì giờ nghe. Chúng tôi đi luôn luôn mang một chiếc ba lô trên lưng, sợ mang thêm một radio sợ lủng thủng, mà đi hành quân nghe không được.

NDMB: Anh có gia đình và 8 đứa con. Anh có lo sợ cho gia đình anh trong lúc chiến đấu không?

Thượng sĩ Song: Riêng cá nhân, không có gì lo sợ. Nói chung, tất cả binh sĩ Sư Đoàn I vẫn an tâm chiến đấu vì Sư đoàn có lo liệu cho gia đình binh sĩ có một căn trại rất lớn tại Trại Mạc Đình Chi tức Mang Cá Nhỏ và có một số trại gia binh ở tại Sơn Trà. Trường hợp tình hình bất khả kháng tại cố đô Huế Sư đoàn dự trù di chuyển gia đình vào trong đó có đầy đủ tiện nghi về xã hội, cứu thương và tiếp tế. Do đó anh em chúng tôi chiến đấu ở ngoài mặt trận rất vững tâm.

Hơn nữa, binh sĩ thuộc sư đoàn từ xưa đến nay vẫn có một truyền thống thích đánh giặc. Tuy có nghĩ đến gia đình đôi chút, nhưng điều đó không nặng lắm vì ở hậu phương thượng cấp đã lo liệu vấn đề gia đình cho anh em chúng tôi rồi.

NDMB: Anh có mong ước gì không cho riêng anh và cho quốc gia?

Thượng sĩ Song: Tôi mong ước một ngày nào có hòa bình để hậu phương được yên ổn làm ăn, không sợ sự đe dọa của Cộng sản. Đối với quốc gia, để quốc gia được giàu mạnh, tài nguyên của quốc gia khỏi bị tổn kém.

NDMB: Trung sĩ Trần Tử Hoàng, anh đi lính từ bao giờ?

Trung sĩ Hoàng: Tôi đi lính hồi cuối tháng 9.1971.

NDMB: Trước khi đi lính, anh làm nghề gì?

Trung sĩ Hoàng: Trước khi đi lính tôi là học sinh.

NDMB: Anh tình nguyện vô Nhảy Dù, anh được huấn luyện ở đâu?

Trung sĩ Hoàng: Tôi được huấn luyện tại trại Vương Mộng Hồng.

NDMB: Anh vừa hành quân ở đâu?

Trung sĩ Hoàng: ở Thừa Thiên, Quảng Trị.

NDMB: Khi ở Thừa Thiên, Quảng Trị, anh đánh ở đâu?

Trung sĩ Hoàng: Những ngày đầu tháng tôi ở Hương Trà, Phong Điền. Đầu tháng sau ra Hải Lăng là lúc địch pháo kích và tôi ở đây từ đó đến nay.

NDMB: Anh từ Trị Thiên về đây được mấy bữa rồi?

.../

Trung sĩ Hoàng: Dạ, chiều hôm qua.

NDMB: Xin anh kể cho nghe một chuyện cảm động hay dũng cảm của những đồng đội của anh.

Trung sĩ Hoàng: Tôi còn nhớ chiều ngày 4 tây, lúc 4 giờ 30, đại đội tôi được lệnh tiến chiếm một ngọn đồi. Trung đội chúng tôi có Chuẩn Úy Sơn chỉ huy. Đồi dốc nên không thể bắn được nên chúng tôi phải bò từ dưới lên trên bằng những ẩn lộ. Địch ở trên tung lựu đạn xuống, chúng tôi vừa tránh né và tiến lên. Cuối cùng xạ thủ đại liên và anh ta tung hai quả lựu đạn vào hố đầu Việt cộng. Địch liền đáp lễ lại 8 quả. Lúc đó có ba kinh binh bị thương nhẹ. Chúng tôi nóng lên và xung phong, dùng lựu đạn để thanh toán những hố Việt cộng. Cuối cùng còn hai tên địch bỏ chạy, chúng tôi bắn chết một và bắt sống một tên.

NDMB: Trong trận đó các anh em hạ bao nhiêu địch quân và tịch thu bao nhiêu súng?

Trung sĩ Hoàng: Trong trận này địch bỏ lại 32 xác, trong số có một trung úy của Việt cộng. Về súng, chúng tôi tịch thu được hai cây thượng liên, 6 cây AK, hai trung liên, một khẩu 61 ly và một cây B.40, một cây B.41.

NDMB: Anh là lính mới, chắc mới ra Trị Thiên phải không?

Trung sĩ Hoàng: Dạ, phải.

NDMB: Vậy khi lâm trận anh có sợ không?

Trung sĩ Hoàng: Lúc đầu sợ, nhưng rồi cũng quen đi.

NDMB: Chúng tôi xin phỏng vấn Trung sĩ Trần Thanh Sang. Anh Sang, trước khi tới An Lộc, anh ở đâu?

.../

Trung sĩ Sang: Trước khi tới An Lộc, tôi đang hành quân ở Dầu Tiếng.

NDMB: Từ Dầu Tiếng anh vào An Lộc bằng cách nào?

Trung sĩ Sang: Ngày 11.4, chúng tôi được trực thăng vận.

NDMB: Xin anh kể về trận An Lộc mà anh đã tham dự.

Trung sĩ Sang: Ngày 11.4 chúng tôi đổ bộ bằng trực thăng vào An Lộc đến đêm 12 rạng ngày 13, địch dùng chiến thuật tiến pháo hậu xung. Sau khi dứt trọng pháo địch có chiến xa và bộ binh tấn công chúng tôi. Khoảng 6 giờ sáng, chiến xa của họ vào tỉnh lỵ, chúng tôi chiến đấu mạnh liệt. Chiến xa của địch phải vượt qua một bãi mìn của chúng tôi và họ đã bị cản trở.

Đến chín giờ sáng, chúng tôi theo lệnh cấp trên dồn về những cao ốc để bắn các chiến xa tiến vào tỉnh lỵ. Địch tràn vào bốn phía, chúng tôi dùng M72 và tiêu diệt ngay tại trong thành phố được 12 chiếc chiến xa, riêng trung đội tôi được ba chiếc với sức công phá của M72. Những tài xế của chiến xa T.54 đều bị chết bởi sức ép của M72.

NDMB: Anh có thấy những tài xế của xe tăng địch không?

Trung sĩ Sang: Những tài xế của địch thường bị xiềng chân vào chân ga của chiến xa T.54.

NDMB: Anh bắn xe tăng như thế nào?

Trung sĩ Sang: Ngay hôm 13.4 chúng tôi đã bắn nhưng không có hiệu quả mấy vì chưa tìm ra bình nhiên liệu của xe T.54 ở chỗ nào. Sau chúng tôi biết được bình nhiên liệu ở ngay sau đít xe nên chúng tôi bắn cháy dễ dàng.

NDMB: Lúc đầu gặp xe tăng địch anh có thấy sợ không?

Trung sĩ Sang: Lúc đầu, khi thấy xe tăng địch ở xa cũng sợ. Nhưng sau chúng vướng mìn tự động của chúng tôi lúc đó chúng tôi sẵn trốn và quát M.72 luôn.

NDMB: Cách mấy thước ?

Trung sĩ Sang: Khoảng 20 thước. Theo tôi nghĩ thì tại thiết giáp của địch này đã bị đánh lừa. Những đơn vị bạn của chúng tôi bắt được thì chúng nói rằng chúng chỉ có nhiệm vụ vào để giữ An Lộc thôi nên chúng nó cứ thân nhiên vào thành ra mình rất dễ dàng tác xạ vào những xe đó.

NDMB: Ở An Lộc anh ở dưới hầm hay ở trên đất ?

Trung sĩ Sang: Chúng tôi, cấp Trung đội, nằm trên cao ốc và các bờ tuyến ngoài, các Bộ chỉ huy của Chuẩn Tướng Hưng 300 thước.

NDMB: Như vậy làm sao anh có thể chịu nổi sự pháo kích của địch có ngày lên tới cả ngàn quả ?

Trung sĩ Sang: Thưa nó pháo thì cứ việc pháo, nếu trúng thì chết chứ đâu có sao ?

NDMB: Anh thấy dân chúng ra sao ?

Trung sĩ Sang: Dân chúng ở đây rất can đảm. Họ có tinh thần chống Cộng cao. Họ đã tiếp tế và chỉ điểm nơi có Việt cộng cho chúng tôi. Đơn vị chúng tôi đã tấn công một căn nhà cách thành phố khoảng 800 thước và chúng tôi đã thanh toán Việt cộng ở đó bằng lựu đạn.

NDMB: Anh đã bị thương ở An Lộc. Xin cho biết anh bị thương trường hợp nào và anh được tái thương lúc nào ?

.../

Trung sĩ Sang: Hôm 18.4, tôi bị thương khi đang chiến đấu ở cao ốc. Hơi của B.40 và miếng sắt ghim vào lưng và tay. Đến ngày 30, tôi được đưa về Lai Khê.

NDMB: Như vậy nghĩa là anh chờ đến 12 ngày?

Trung sĩ Sang: Vâng.

NDMB: Lúc anh nằm bệnh viện, có ai tới thăm anh không?

Trung sĩ Sang: Khi tôi nằm bệnh viện đồng bào đến thăm và ủy lạo rất nhiều. Tôi thành thật cảm ơn những người đó vì rằng đây không phải là quê hương của tôi.

NDMB: Chúng tôi xin phỏng vấn Hạ sĩ I Nguyễn Bình Phú. Khi anh dự trận ở Đông Hà, lúc đó là ngày nào và anh có biết địch sẽ tấn công đơn vị anh không?

Hạ sĩ I Phú: Tôi tới Đông Hà ngày 7.4. Đơn vị tôi đóng tại đồi 46 rồi qua Đồi 48. Lúc 6 giờ sáng địch xuất hiện và anh em chúng tôi đã nhảy xuống hầm hố, bố trí sẵn sàng. Lúc đầu địch xung phong vào, liên lưu đạn, bắn B.40 và chúng tôi bắn M.79, M.16 và đại liên ra. Chúng tôi hạ 15 địch. Sau đó chúng nằm phứt chiến xa địch xuất hiện. Anh em chúng tôi bắn M.72 cháy một chiếc, còn một chiếc bỏ chạy. Anh em chúng tôi tiến lên lục soát, tịch thu năm B.40, hai trung liên nôi, bảy AK và bỏ lên thiết giáp lục soát, lấy được một cây 82 ly, một cây 61 và một đại liên phòng không của địch.

NDMB: Có phải chiếc xe tăng triển lãm ở Huế là xe tăng các anh đã bắt được ở Đông Hà?

Hạ sĩ I Phú: Dạ phải.

NDMB: Khi đụng độ với xe tăng địch lần đầu tiên, anh có sợ không?

.../

Hạ sĩ I Phú: Lần đầu tiên đụng độ, chúng tôi cũng có thấy hơi ngạc nhiên nhưng sẵn sàng chiến đấu. Chúng tôi đã bắn hạ xe tăng địch cách chúng tôi chừng 50 thước, địch bỏ chạy, khiến chúng tôi lên tinh thần nhiều hơn.

NDMB: Anh bị thương ở má trái, việc xảy ra như thế nào?

Hạ sĩ I Phú: Tôi bị thương trong trận ở Đất Đỏ. Trước khi địch xung phong, chúng đã pháo kích và tôi bị thương.

NDMB: Anh tới Đất Đỏ được mấy ngày?

Hạ sĩ I Phú: Được 10 ngày.

NDMB: Trận Đất Đỏ như thế nào, xin anh kể cho nghe. Trường hợp nào đồng đội của anh chiến đấu anh dũng?

Hạ sĩ I Phú: Từ Đông Hà về được chừng 8, 9 ngày chúng tôi có lệnh ra Phước Tuy, rồi ra Đất Đỏ. Anh em chúng tôi lên để giải vây cho đồng bào. Lúc chúng tôi tới, tụi nó ở trên cây, quạt B.40 và trung liên nổi xuống, liền đó chúng tôi bố trí, bắn M.79 lên. Địch rút tòn ten, anh em chúng tôi xung phong và chiếm mục tiêu.

NDMB: Khi anh nằm ở nhà thương, có ai đến thăm anh không?

Hạ sĩ I Phú: Có, có nữ sinh Gia Long vô giúp vui, ca nhạc cho anh em chúng tôi.

NDMB: Khi ở đơn vị, có ai đến thăm các anh không?

Hạ sĩ I Phú: Khi ở đơn vị lúc dưỡng quân thì có những ban nhạc đến ca hát, giúp vui.

.../

NDMB: Chúng tôi xin phỏng vấn Thượng sĩ Nguyễn Yên. Trước khi anh ra Quảng Trị, anh đã tham dự chiến trường Hạ Lào phải không?

Thượng sĩ Yên: Trước khi ra Quảng Trị, tôi đã dự mặt trận ở Lào.

NDMB: Giữa mặt trận Hạ Lào và Quảng Trị có gì khác biệt?

Thượng sĩ Yên: Có, địa thế ở Lào núi non hiểm trở. Hơn thế nữa, đó là một chiến trường mà địch đã có sẵn, chúng tôi phải tiến chiếm những vị trí mà địch đã cố thủ từ lâu.

NDMB: Lúc anh ở Quảng Trị, đơn vị anh được lệnh rút lui, anh có lay lăm lạ không?

Thượng sĩ Yên: Chúng tôi không thấy lạ vì việc đó có những lý do chiến thuật do thượng cấp định đoạt.

NDMB: Khi rút lui, các anh rút có trật tự không?

Thượng sĩ Yên: Khi rút, chúng tôi đã di chuyển với đội hình và hoàn toàn có trật tự.

NDMB: Rồi các anh rút tới đâu?

Thượng sĩ Yên: Chúng tôi ra tới khoảng giữa Quảng Trị và Đông Hà và bố trí ở đó, sau đó chúng tôi được lệnh trở về an ngữ phía Quận Phong Điền.

NDMB: Chúng tôi được biết anh mới vừa đổ bộ vào phía Đông Bắc Quảng Trị, xin anh kể cuộc hành quân đó như thế nào?

Thượng sĩ Yên: Đơn vị tôi được đổ bộ bằng tàu thủy. Trước khi đổ bộ, chúng tôi được nghỉ một hôm trên boong tàu. Sáng hôm sau chúng tôi đổ bộ xuống phía Bắc Cửa Việt. Lúc đó quân chúng tôi được lệnh tiến chiếm Đông Bắc. Di chuyển được hơn 500 thước, chúng tôi dừng địch. Chúng tôi bố trí hàng ngang chờ lệnh. Chúng tôi đã xin phi pháo và hải pháo nữa để yem trợ chúng tôi. Nửa giờ sau, chúng tôi đã thanh toán xong mục tiêu, tịch thu 2 thượng liên, một trung liên Đông Đức, hai B.40, bảy AK, ba carbin và thu nhiều đạn dược.

NDMB: Anh gặp dân chúng ở đông bắc Quảng Trị. Họ xin về hay các anh ép họ về?

Thượng sĩ Yên: Dân chúng đã xin về Huế. Chúng tôi có một đơn vị tiếp cứu và đưa họ về Huế.

NDMB: Họ có đủ ăn không?

Thượng sĩ Yên: Họ bị thiếu ăn, chúng tôi đã phải chia khẩu phần ăn của chúng tôi cho họ.

NDMB: Đơn vị anh có bắt được nhiều xe tăng không?

Thượng sĩ Yên: Tiểu đoàn chúng tôi hôm trước có bắn được bảy chiếc thiết giáp.

NDMB: Có trường hợp nào bắn xe tăng một cách hay ho không, chúng tôi nghe nói có một ông trung sĩ trong đơn vị anh đã bắn xe tăng một cách hi hữu, việc đó như thế nào?

Thượng sĩ Yên: Hôm đó tôi chỉ định ông đó làm tiểu đội trưởng giữ đầu cầu. Ông ấy rất gan dạ, dùng M72 và bắn hạ những xe tăng địch. Ông ta đã đứng ngay trên cầu mà hạ xe tăng địch trong khi ông ta không hề bị thương gì cả.

NDMB: Vậy ông ấy có được thưởng gì không?

Thượng sĩ Yên: Ông ta đã được đề nghị thưởng Quân Công Bội Tinh.

NDMB: Anh có 5 con, vậy trong lúc chiến đấu anh có lo lắng cho vợ con không?

Thượng sĩ Yên: Tôi không lo vì các cấp chỉ huy của chúng tôi đã lo cả nên chúng tôi rất vững lòng trong khi chiến đấu.

NDMB: Anh bắt sống được tù binh địch không?

Thượng sĩ Yên: Có, chúng tôi có bắt được bốn người.

NDMB: Anh có nói chuyện với họ không?

Thượng sĩ Yên: Chúng tôi có tiếp xúc với họ, họ cho biết rằng họ được lệnh vào để giữ đất, nhưng khi lâm trận thì họ thấy mình bán quá nên có một số đầu hàng.

NDMB: Anh có nghe địch la lối về việc bị bán quá không?

Thượng sĩ Yên: Có. Lúc đang lâm trận, tôi có nghe thấy cấp chỉ huy của họ hô xung phong, nhưng đồng bọn của họ chửi thề um xùm nên tôi biết rằng tinh thần của họ rất kém.

NDMB: Anh bị thương một lần phải không? Ở mặt trận nào?

Thượng sĩ Yên: Phải, tôi bị thương ở tay và giò trong mặt trận Hạ Lào.

NDMB: Anh có ý nghĩ gì về những đồng bào mình ở hậu phương?

Thượng sĩ Yên: Tôi là người ở tiền tuyến, tôi rất mang ơn những người ở hậu phương đã ủy lạo, thăm viếng và tặng quà chúng tôi.

NDMB: Anh Phú anh có bắt được tù binh địch không?

Hạ Sĩ I Phú: Chúng tôi bắt được tù binh địch và chúng tôi van đỏi xử với họ đang hoang và cho thuốc hút tử tọ.

DI TẢN CỔ VẬT QUỐC GIA TỬ
HUẾ VÀO SAIGON

Phát Hình Ngày 16.6.1972

Ông NGUYỄN BÁ LANG, kiến trúc sư, sinh năm 1923 tại Hưng Yên, Giám-Đốc Viện Khảo Cổ từ đầu năm 1971, Ông đã viết khảo cứu về văn hóa, khảo cổ trong những báo Văn Hóa Nguyệt San, Khảo Cổ Tập San, Museum, Đông Phương, Vạn Hạnh, các bài biên khảo về kiến trúc trong Xây Dựng Mới, Oriental Domani. Ông là tác giả cuốn Kiến Trúc Phật Giáo Việt Nam (Vạn Hạnh, 1972).

Ông ƯNG TƯỜNG sinh năm 1916 tại Thừa Thiên, là quản thủ Viện Bảo Tàng Huế từ năm 1964. Ông cũng kiêm nhiệm chức quản thủ chi nhánh Bảo Tồn Cổ Tích Huế từ năm 1970.

NDMB: Thưa Ông Giám đốc Viện Khảo Cổ việc di tản cổ vật quốc gia từ Huế vào Saigon có mục đích gì?

O. Nguyễn Bá Lăng: Việc di tản những cổ vật từ Viện Bảo Tàng Huế vào Saigon là thi hành quyết định của chánh phủ để phòng ngừa những chuyện do chiến tranh gây ra có thể làm hư những cổ vật đó.

.../

NDMB: Biện pháp di tản những cổ vật đã từng có nhiều lần chưa?

Ô. Nguyễn Bá Lăng: Đây là một biện pháp áp dụng cho bất cứ xứ nào có chiến tranh. Biện pháp này trước đây cũng đã được thực hiện một lần. Đó là vào năm 1961, chiến cuộc mới lan tới xứ Lào, Chính phủ Việt Nam cũng đã có biện pháp phòng hộ, di tản những cổ vật đó lên Dalat. Sau đã đưa trả lại về Huế.

NDMB: Biện pháp này thực sự có cần thiết không?

Ô. Nguyễn Bá Lăng: Rất cần thiết. Vì kinh nghiệm cho thấy rằng hồi Tết Mậu Thân những cổ vật Huế đã bị bom đạn làm hư nát một số và làm thất lạc một số. Vậy việc di tản này là một biện pháp phòng hộ cần thiết.

NDMB: Thưa Ông Quản Thủ Viện Bảo Tàng Huế, Huế không còn có chỗ nào để cất giữ những cổ vật đó sao mà phải đem vào Saigon?

Ô. Ung Tường: Viện Bảo Tàng Huế không có một cái hầm kho nào để cất giữ cả, hơn nữa Viện Bảo Tàng Huế, nhà trưng bày nguyên là một cung điện của nhà vua. Chung quanh toàn là cửa kính nên rất trống trải và chỉ có hai ba người gác đàn để trông coi là thôi. Ngoài ra ở Huế không có chỗ nào cất giữ cho bảo đảm.

NDMB: Tình hình Huế hiện thời đâu có bắt buộc phải di tản những cổ vật đó?

Ô. Ung Tường: Việc di tản cổ vật là chỉ hành quyết định của Hội đồng Chính phủ. Theo ý kiến của chúng tôi, việc di tản đó là đúng vì tình hình ở Huế, đồng bào cổ đô Huế cũng di tản gia đình và cổ vật của họ đi nên việc di tản cổ vật vào Saigon. Có những người ở trong nước và những ký giả ngoại quốc còn cho đó là một việc làm chậm trễ nữa.

.../

NDMB: Nếu chánh phủ cho lệnh di tản những cổ vật đó chắc chắn sẽ có ảnh hưởng tai hại đến tâm lý của đồng bào Huế vì họ cho rằng ta di tản như vậy là ta bỏ Huế. Ý kiến của ông như thế nào?

Ô. Ứng Tượng: Chúng tôi đã giải thích cho một số bà con ở cố đô Huế biết rằng đây là một biện pháp phòng hồ của chánh phủ thời, nhằm tránh tai họa đổ bể như hồi Tết Mậu Thân. Và chẳng, việc di tản đây chỉ là một số cổ vật quý giá ở Viện Bảo Tàng chứ không phải di tản hết cả Viện Bảo Tàng.

NDMB: Thưa Ông Giám Đốc Viện Khảo Cổ, nếu mang những cổ vật từ Huế vào Saigon rồi, sau này tình thế yên lặng trở lại, các cổ vật đó đã mang ra trả lại Huế không?

Ô. Nguyễn Bá Lăng: Đó là điều tất nhiên. Cũng như trước đây những cổ vật Huế đã được di tản lên Dalat và sau đó lại có đem trả lại Viện Bảo Tàng Huế đầy đủ.

NDMB: Thưa Ông Giám Đốc, những cổ vật đó di tản được bao nhiêu và thuộc những loại nào?

Ô. Nguyễn Bá Lăng: Những cổ vật đó đem đóng vào những thùng và tính tất cả có 216 thùng, trong đó có 5 thùng hồ sơ, tài liệu. Những cổ vật ở đây phần lớn là những đồ đồ để mư bố như là những đồ bằng sứ, bành sành, những tranh gương rồi tới quần áo, phạm phục và có một số những đồ kim khí, đồ đá và đồ gỗ, những đồ có cần xà cừ.

NDMB: Số 216 thùng đó chở bằng máy bay hay tàu thủy?

Ô. Nguyễn Bá Lăng: 216 thùng này vì tánh cách khẩn cấp nên đã được di chuyển bằng máy bay.

NDMB: Thưa Ông Quản Thủ Viện Bảo Tàng Huế, xin ông cho biết giá trị của các cổ vật đó?

O. Ứng Tương: Tất cả những cổ vật này đều có giá trị về lịch sử cũng như về nghệ thuật. Về lịch sử có những đồ của các vua chúa như các cổ kiện chẳng hạn và những tranh, gương vẽ 20 thặng cảnh đất Thần Kinh. Ngoài ra còn có các bài ngự thi, ngự bút của các nhà vua. Còn về phương diện nghệ thuật thì có những đồ gốm, đồ gốm như là đồ Đại La là những đồ ở Hà Nội khi xưa với đồ Bát Tràng, Bắc Minh. Còn đặc biệt nhất là những đồ sứ ở Huế.

Những đồ sứ đó do các Vua Minh Mạng, Thiệu Trị đặt ra với niên hiệu. Những đồ sứ này rất đẹp và rất quý, hiện giờ rất có giá trị trên thị trường.

NDMB: Việc gìn giữ các đồ vật đó cũng là một chuyện khó khăn, và không nhiều lúc gói gém để chuyên chở vào Nam có được cẩn thận không?

O. Ứng Tương: Lẽ tất nhiên là phải được giữ gìn cẩn thận. Những gì dễ hư hỏng thì được bọc trong bọc nylon có nệm rơm như là áo đại triều. Những đồ quý đều có bọc vải, đệm bông gòn nữa. Khi gói đi, đều có áp tại viên từ Viện Bảo Tàng Huế đến Phú Bài và từ Tân Sơn Nhất về Viện Khảo Cổ.

NDMB: Những cổ vật đó mang vào Saigon, hiện giờ cất ở đâu và có thể đem ra trưng bày cho dân chúng coi được không?

O. Nguyễn Bá Lăng: Những cổ vật ở Huế đem vào, hiện giờ có để ở một nơi bảo đảm chắc chắn, có canh gác cẩn thận. Những cổ vật này, chúng tôi đang nghiên cứu xem có mang trưng bày được không. Vì vấn đề trưng bày đòi hỏi một chỗ phòng ốc rộng rãi và những tủ kệ, phải có những nhân viên hướng dẫn, cuộc triển lãm mới có ích cho quần chúng.

NDMB: Xin ông Quản Thủ Viện Bảo Tàng Huế cho biết về lịch sử của Viện Bảo Tàng Huế. Viện Bảo Tàng Huế gọi là Viện Bảo Tàng Khải Định, phải không?

.../

Ô. Ứng Tương: Tòa nhà chính của Viện Bảo Tàng Huế nguyên là một cung điện của Triều Thiệu Trị, xây cất năm 1845, sát sông Ngự Hà, cách vị trí cũ chúng một cây số. Đến 1919 người ta đưa về chỗ vị trí cũ vì vị trí mới để lập thành viện thư viện.

Sau đó có Hội Bảo Cổ Thôn Kinh dưới sự bảo trợ của Vua Khải Định và Khâm Sứ Pierre Pasquier thành lập ra Viện Bảo Tàng Khải Định. Đến thời Cộng Hòa, đổi là Viện Bảo Tàng Huế. Viện bảo tàng này xây cất theo kiểu kiến trúc cổ nghĩa là xây cất cao trên một nền tảng bằng đá. Mái nhà lợp ngói âm dương có tráng men vàng và xanh. Hiện giờ chỉ còn cung điện này là một cung điện duy nhất ở tại cố đô Huế, điều khác rất có mỹ thuật của Á Đông.

NDMB: Xin quý vị cho biết những cổ vật Huế?

Ô. Nguyễn Bá Lăng: Viện bảo tàng Huế gồm có nhiều cổ vật khác nhau. Trước hết là có những đồ gốm. Đồ gốm này phần lớn là những sản phẩm thủ công nghệ của Việt Nam. Đặc biệt là những đồ gốm Bát Tràng như là bình, bình hoa, bình vôi. Cũng có cả những đồ sứ, đồ sứ Đông Thanh tức là những đồ sứ sản xuất tại Thanh Hóa có một nước men xanh như ngọc thạch và những đồ gốm đồ pha lê theo những đồ Đông Thanh của nhà Tống Trung Hoa mà những đồ đồ nổi tiếng trên thế giới là những sản phẩm tinh vi và mỹ thuật. Ở Viện Bảo Tàng Huế còn có những đồ sứ Trung Hoa, một phần lớn là những đồ Vua dùng trong triều đình và được che tạo vào dưới thời nhà Thanh. Đặc biệt nữa là triều đình Huế xưa có đặt làm ở Trung Hoa những chén, đĩa và những đồ Vua dùng để che tạo riêng cho triều đình Huế. Tuy chế tạo ở Trung Hoa nhưng kiểu cách và những hình vẽ bên trong có nét Việt Nam, vì các Vua nhà Nguyễn đã đặt làm theo với óc thẩm mỹ của mình.

Ở Viện Bảo Tàng Huế cũng có một loại đồ sứ của tây phương đã đem tặng cho những vua nhà Nguyễn, trong đó có những cái bình, những đồ sứ do hãng Sevres của Pháp.

Về kim khí trong cung điện Huế giờ đây còn những đồ đúc bằng đồng rất đáng chú ý như những vạc đồng, những chuông mà ai cũng biết. Một số những đồ này đã được bảo vệ và trưng

.../

bày tại Viện Bảo Tàng Huế. Ngoài ra về loại tranh giống đó là một loại tranh khá đặc biệt dùng để trang hoàng trong các cung điện xưa của triều đình Huế. Những loại tranh này có tính cách lịch sử vì nó có giới thiệu những thắng cảnh của đất Thần Kinh và có những bài thơ của các nhà Vua.

Về đồ gỗ ở Viện Bảo Tàng Huế có một sưu tập nhiều đồ rất giá trị tiêu biểu những nét đặc biệt của Huế, chẳng hạn như một số tủ và khám thờ, tủ sơn mài rất mỹ thuật có trang trí trong cung điện, tủ sách của vua Thiệu Trị.

Ngoài ra, những đồ của dân gian cũng có những cái bàn kiểu cách và những nét chạm trổ tinh vi, những kỹ nghệ để viết mà ngày nay không còn nữa. Những đồ gỗ được để ở Viện Bảo Tàng Huế chứng tỏ rằng nghệ thuật thủ công nghệ ở Huế có một nét đặc thù và tinh vi.

Nói về đồ gỗ, chúng ta không thể không nói đến đồ cặn tức là đồ có chạm và cặn trai ốc, ở Viện Bảo Tàng Huế còn lại được rất nhiều những đồ cặn trai mỹ thuật như là những cái rương, tráp, khay, quả bầu, bình phong. Nhưng khi nói tới Viện Bảo Tàng Huế ta cũng không thể bỏ qua những phẩm phục của triều đình như là những áo đại triều, gọi là áo Long Côn, những chiến bào và những áo của các quan văn võ gồm mũ, hia, đai, hốt.

Ở Viện Bảo Tàng Huế còn có những cổ vật cho ta biết cách sinh hoạt của triều đình Huế ngày xưa hay đúng hơn là nếp sinh hoạt trong đại nội. Chẳng hạn như vấn đề chuyển chỗ, các vua đi chuyển trong đại nội như thế nào, ngày nay, Viện Bảo Tàng Huế còn giữ lại được những cái kiệu, cái cang. Hồi xưa những thứ này là phương tiện đi chuyển của giới quý phái, thượng lưu và ngày nay những thứ này trở thành những cổ vật rất hiếm.

Nói về sự giải trí của giới thượng lưu xưa đây là một bằng chứng là cái đấu hồ. Chúng tôi xin nhường lời lại cho ông Quản Thủ Viện Bảo Tàng Huế giới thiệu cách chơi đấu hồ.

O. Ứng Tương: Đấu hồ là một trò giải trí của các vua chúa và những nhà đại gia ở Huế. Đấu hồ, từ nghĩa là gieo, hồ là cái bầu. Đánh đấu hồ nghĩa là gieo thẻ vào bầu.

Thẻ đầu hồ, chữ Hán gọi là khí nghĩa là tên bắn, môn chơi gồm một chiếc bầu rỗng ruột, cổ hẹp đặt trên một cái đế. Giữa đế có một chiếc trống nhỏ. Mỗi bộ thẻ gồm 12 cái. Thẻ chuốt bằng gỗ dọc sửa cho khỏi gãy, dài khoảng 68 phân, một đầu dẹp, một đầu tròn. Ngoài ra còn một tấm gỗ dài khoảng 42 phân, rộng 25 phân, dày khoảng 4 phân 4.

Người chơi, tay trái cầm nắm thẻ, đứng cách xa đầu hồ chừng hai bề dài của thẻ. Tấm gỗ để cân phân giữa người chơi và đầu hồ. Lúc chơi, dùng tay phải rút từng thẻ một. Cầm đầu dẹp ném xuống tấm gỗ. Thẻ bị nhúng và rơi đầu tròn đụng tấm gỗ, dội lên và đầu dẹp rơi về phía đầu hồ. Nếu đánh hay thì rơi vào trong hòng đầu hồ. Thẻ lệ chơi đầu hồ có một điểm rất lạ và ngộ nghĩnh là người đánh dở thì bị phạt rượu. Người bị phạt phải quỳ xuống để nhận rượu cho đến khi say khướt thì thôi. Đó là thẻ lệ chơi đầu hồ.

QUAN HỆ GIỮA NGA SỞ VÀ BẮC VIỆT

 Phát hành Ngày 23.6.1972

Ông NGUYỄN KIM GIANG, 28 tuổi, sinh tại Hà Nội. Ông du học tại Nga từ năm 1963 đến năm 1968, tốt nghiệp Kỹ Sư cơ khí ô tô, các loại máy móc và cầu cống tại Đại Học "Ô Tô Cầu Cống Kiev". Ông làm việc tại Nga từ năm 1968 với chức vụ Kỹ Sư trưởng Thiết Kế Đồ Án và máy móc mới tại Bộ Giao Thông, Công Chánh Cộng Hòa Ukraine.

Ông Giang về đến Saigon năm 1972.

NDMB: Thưa Kỹ sư, muốn được Chính phủ Bắc Việt tuyển chọn du học Nga, một sinh viên phải hội đủ những điều kiện nào?

K.S. Nguyễn Kim Giang: Muốn được du học tại Nga, sinh viên phải thuộc vào một trong ba thành phần sau:

- Thứ nhất là con em của những nhân vật của nhà cầm quyền Bắc Việt, ví dụ như con của Lê Duẩn, Trường Chinh.

- Thứ hai là con em hay bản thân của những thành phần trung thành đối với chế độ Bắc Việt, ví dụ như đảng viên Cộng Sản hay con em các cấp bí thư chi bộ.

- Thứ ba, một số ít, thuộc thành phần học sinh xuất sắc về các môn học.

Nhưng lúc này thành phần cũng là một vấn đề căn bản, tức là những học sinh xuất sắc đó phải là đoàn viên thanh niên lao động hay những thành phần ưu tú khác.

NDMB: Kỹ sư lúc đó thuộc vào thành phần nào ?

K.S. Nguyễn Kim Giang: Lúc đó tôi thuộc thành phần thứ ba. Tôi thi vào Đại học Giao Thông Vận Tải Hà Nội đứng hàng thứ nhì trong số hơn 500 người thi tuyển.

NDMB: Chính phủ Bắc Việt có gửi sinh viên đi du học Trung Cộng không ?

K.S. Nguyễn Kim Giang: Trước năm 1965 Bắc Việt gửi nhiều sinh viên Việt Nam sang học ở Trung Cộng. Từ năm 1965, 1966, sau cuộc cách mạng văn hóa của Trung Cộng, số lượng sinh viên Bắc Việt du học ở Trung Cộng giảm rất nhiều.

NDMB: Cùng học với kỹ sư tại Nga, có nữ sinh viên Bắc Việt không, và có ai lấy chồng Nga không ?

K.S. Nguyễn Kim Giang: Số nữ sinh viên Bắc Việt học ở Nga sau này có nhiều nhưng những nữ sinh viên du học ở Nga cũng được lựa chọn đặc biệt. Phần lớn là con em của những nhân vật cao cấp hay những thành phần cốt cán cho nên về phương diện sắc đẹp hay học văn cũng không được cao. Hình dung cũng như cách ăn mặc của họ cũng không có gì đẹp để lắm. Chúng tôi có một câu chuyện vui là có nam sinh viên Việt Nam học ở Nga đi với mấy cô sinh viên Việt Nam có người Nga hỏi, anh ta nhận anh ta là người Việt Nam còn mấy cô bạn đó là mấy cô người Lào.

Còn về chuyện có cô nào lấy chồng Nga không, năm 1964 có con gái ông Lê Văn Hiến, nguyên là đại sứ của Bắc Việt tại Lào đã lấy chồng Nga khi ở Nga một thời gian, bà ta cùng với chồng bà về Bắc Việt nhưng sau anh chồng lại về Nga. Bà ta có hai đứa con ở lại Hà Nội.

NDMB: Sinh viên Bắc Việt ở Nga sinh hoạt như thế nào? Họ sống chung với nhau và có được quyền sống tự do riêng biệt không?

K.S. Nguyễn Kim Giang: Mặc dù sống ở nước ngoài, sinh viên Việt Nam cũng bị một qui chế chung của nhà nước Bắc Việt tức là dưới sự kiểm soát của một chi bộ Cộng sản. Cho nên sinh viên Việt Nam ở Nga tuy có tự do hơn ở Bắc Việt nhưng vẫn bị kiểm soát. Khi sinh viên ở chung phòng, luôn luôn có một hai người cùng Việt Nam, một đảng viên Cộng sản theo dõi hành động. Hằng tuần họ phải học tập đường lối chánh trị của Bắc Việt hoặc để tổ cáo lẫn nhau, kiểm điểm, theo dõi lẫn nhau. Bởi vậy về tinh thần, sinh viên Việt Nam ở Nga bị kiểm soát chặt chẽ của chi bộ Cộng Sản từ mỗi trường tức là chi bộ Cộng Sản của sinh viên Việt Nam, lên thành phố là những đảng ủy và lên đến Moscow tức là Tòa Đại Sứ Bắc Việt tại Nga.

NDMB: Tại Moscow có hai tòa đại sứ một của Bắc Việt và một của Mặt Trận Giải Phóng và có hai loại sinh viên là sinh viên Bắc Việt và sinh viên của Mặt Trận Giải Phóng. Vậy thực chất của hai loại ấy như thế nào?

K.S. Nguyễn Kim Giang: Về thực chất của hai loại sinh viên hay hai tòa đại sứ thật ra thì là một tòa đại sứ của Mặt Trận Giải Phóng là do sự cố gắng vận động của Bắc Việt. Đến năm 1965, Nga công nhận có một tòa gọi là Tòa Đại Diện Thường Trục của Mặt Trận Giải Phóng và lúc đó do Đặng Quang Minh làm trưởng ban và Tòa Đại Sứ của Bắc Việt có từ 1965 do Nguyễn Văn Kính làm Đại Sứ, sau này đổi Ông Nguyễn Thọ Chân và gần đây là Võ Thúc Đồng.

Hai tòa đại sứ này nói là tổ chức riêng biệt nhưng chỉ là một. Tòa đại sứ của Mặt Trận Giải Phóng được trả chi phí do một ngân khoản của Nga, chúng tôi thường nói ông Đặng Quang Minh lĩnh lương của chánh quyền Nga, số lương bổng của Ông Đặng Quang Minh tương đối cao hơn lương của Đại Sứ Bắc Việt Nguyễn Thọ Chân. Vì số lương bổng của Ông Minh cao hơn nên lại phải nộp lại cho Tòa Đại Sứ Bắc Việt. Thực chất của tòa đại sứ MTGP chỉ có tính cách tuyên truyền đối ngoại mà thôi, vì là hoàn toàn phụ thuộc vào tòa đại sứ Bắc Việt.

Về sinh viên, nhóm sinh viên gọi là Mặt Trận Giải Phóng bắt đầu xuất hiện tại Nga từ tháng 10 năm 1965 tức là lúc có tòa đại diện của Mặt Trận Giải Phóng. Họ nói rằng số sinh viên này là những người của lực lượng miền Nam, nhưng ra có rất ít người từ miền Nam trở ra.

Đến năm 1971, 1972 số sinh viên thuộc Mặt Trận Giải Phóng lên đến hàng ngàn nhưng đó hầu hết là sinh viên từ Hà Nội qua Nga. Khi qua Nga như vậy, họ đã được bố trí về lý lịch ngay tại là từ miền Nam. Lúc đó Bắc Việt cũng có giải thích rằng số sinh viên miền Nam nếu cho đi Nga ngay thì họ không đủ "trình độ giác ngộ chính trị" theo Bắc Việt nên nếu họ đi Nga sẽ không phù hợp với chính sách của Bắc Việt. Bởi vậy họ đã lựa chọn sinh viên đi với danh nghĩa là Mặt Trận Giải Phóng cũng vẫn là sinh viên của Bắc Việt.

Người miền Nam sau này bị giảm xuống rất nhiều. Cứ trong số 10 sinh viên học ở Nga gồm cả hai đoàn sinh viên Bắc Việt và sinh viên của Mặt Trận Giải Phóng tại Nga có một người miền Nam.

Sinh hoạt của những sinh viên trong đoàn Mặt Trận Giải Phóng này cũng hoàn toàn phụ thuộc vào Tòa Đại sứ Bắc Việt ở Moscow chứ không phải Tòa đại sứ của Mặt Trận Giải Phóng. Về sinh hoạt, họ cũng có những tình trạng tổ cáo lẫn nhau hoặc theo dõi lẫn nhau. Hiện tượng tương đối phổ biến là hiện tượng học bổng của sinh viên. Học bổng của sinh viên thuộc đoàn Mặt Trận Giải Phóng được Nga cấp cho mỗi tháng 90 rúp trong khi sinh viên thuộc đoàn Bắc Việt lĩnh có 60 rúp. Số tiền sai biệt 30 rúp này bị Tòa Đại sứ Bắc Việt thâu lại gọi là "ủy ủng hộ miền Nam". Bởi vậy có một sự đấu tranh rất mạnh trong nhóm sinh viên thuộc đoàn Mặt Trận Giải Phóng. Họ nói rằng, nếu công nhận có hai tòa đại sứ thì những sinh viên này phải được trao trả lại cho tòa đại sứ của Mặt trận Giải phóng quản lý nhưng lúc đó Bắc Việt đã giải thích rằng vấn đề này "hoàn toàn phụ thuộc vào đoàn sinh viên Bắc Việt và các anh." Bởi vậy vấn đề "sinh viên trong đoàn của Mặt Trận Giải Phóng" chỉ có trên danh nghĩa mà thôi.

NDMB: Thưa Ký sự, ai cũng biết giữa Nga Xô và Trung Cộng có sự mâu thuẫn và tranh chấp. Theo Ký sự thì sự mâu thuẫn và cuộc tranh chấp đó bắt đầu từ đâu?

K.S. Nguyễn Kim Giang: Tôi là một kỹ sư chuyên về thiết kế cho nên về chính trị, tôi không biết nhiều. Nhưng vì gần 10 năm sống ở Nga, chúng tôi cũng có nắm được một số vấn đề. Vấn đề tranh chấp của Nga và Trung Cộng đã thể hiện rõ vào giữa năm 1958 là lúc mà Khrushchev đặt vấn đề chống lại việc sùng bái Staline. Vấn đề này đã đưa ra vì lúc đó hoàn cảnh kinh tế của Nga và Nga phải có những biện pháp kinh tế nào mới để phù hợp với nền kinh tế của Nga đang chọn tiến lúc đó để đuổi kịp với nền kinh tế Âu Châu. Sau đó thì nặng về việc tranh luận về chủ nghĩa Cộng sản theo quan điểm của Marx và của Lenin. Lúc đó việc tranh chấp của Trung Cộng và Nga nặng về lý luận, về ý thức hệ rồi biến thành sự tranh chấp giữa hai nhà nước Nga Xô và Trung Cộng.

Dần dần trở thành sự mâu thuẫn nặng giữa hai dân tộc Nga và Trung Cộng. Việc này thể hiện rõ vào năm 1967, người Nga có nói rằng sắp sửa có chiến tranh giữa Nga và Trung Cộng xảy ra khi vấn đề biên giới đặt ra. Việc này lại rõ rệt hơn là vào khoảng đầu năm 1969, cuộc tranh chấp về biên giới giữa Trung Cộng và Nga xảy ra. Cụ thể hơn là có một số người Nga ở Moscow đã thể hiện rõ tinh thần chống Trung Cộng là có một số sinh viên Việt Nam hay người Á Đông đi đường không cần thận, có khi bị thanh niên Nga đánh vì họ cho là người Trung Cộng. Tòa Đại sứ Bắc Việt ở Moscow có một nhân viên, lúc đó là năm 1970, đã bị thanh niên Nga đánh vì họ lầm là người Trung Cộng.

NDMB: Giữa Nga và Bắc Việt quan hệ như thế nào?

K.S. Nguyễn Kim Giang: Giữa Nga và Bắc Việt vào giai đoạn đầu từ năm 1954 đến năm 1961 có một quan hệ tương đối khăng khít vì Nga và Bắc Việt không có nhiều mâu thuẫn và đường lối của Nga lúc đó cũng không có ý phát động một cuộc chiến tranh nào. Hơn nữa, Bắc Việt lúc đó cũng đang theo Nga. Điển hình là trong một chuyến đi thăm của Khrushchev sang Mỹ năm 1958 báo Nhân Dân lúc đó có một cái hình "anh thợ mỏ Khrushchev đang cầm búa đập tan tảng băng chiến tranh lạnh". Từ năm 1954 đến 1961, Bắc Việt tương đối theo Nga vì quan hệ giữa Nga và Bắc Việt là vấn đề phát triển kinh tế.

NDMB: Theo kỷ sự nói như vậy, đã có sự mâu thuẫn giữa Nga Xô và Bắc Việt phải không?

K.S. Nguyễn Kim Giang: Chúng tôi là sinh viên Bắc Việt du học ở Nga vào năm 1963 là giai đoạn gay go giữa Bắc Việt và Nga. Chúng tôi là những sinh viên sống ở Nga nên vấn đề mâu thuẫn giữa Nga và Bắc Việt, chúng tôi biết rõ càng qua các chỉ thị đưa xuống cho các sinh viên Việt Nam học tập. Trong giai đoạn 1963, 1964 là lúc những sinh viên Bắc Việt du học tại Nga công khai công kích lại đường lối của Nga theo quan điểm của Trung Cộng.

Ví dụ như có hiện tượng là sinh viên học trong lớp đập bàn và cãi lại với những ông thầy rất già. Theo tinh thần Việt Nam tôn sư trọng đạo việc này rất vô lễ nhưng Bắc Việt lại khuyến khích và họ cho rằng như vậy là theo đúng lập trường. Giai đoạn mâu thuẫn rõ rệt là từ năm 1964 trở đi. Tôi còn nhớ lúc đó, Lê Duẩn sang Moscow thảo luận về việc mở rộng chiến tranh ở miền Nam Nga lúc đó có chủ trương không muốn mở rộng chiến tranh miền Nam và lúc đó Nga đang vận động để đình chỉ thử vũ khí nguyên tử trên không và dưới đất và chủ trương chung sống hòa bình do Khrushchev đưa ra.

Sau này Lê Duẩn khi tiếp xúc với sinh viên Việt Nam học ở Nga nói rằng trong các cuộc tiếp xúc đó Lê Duẩn đã tranh luận rất nhiều với Khrushchev và có nói thẳng rằng nếu Nga không viện trợ quân sự cho Bắc Việt để mở rộng chiến tranh ở miền Nam thì Bắc Việt vẫn tiếp tục mở rộng chiến tranh. Lúc đó, khi sinh viên Việt Nam hỏi về hành động của Lê Duẩn khi xuống phi trường đã ôm Khrushchev Lê Duẩn trả lời một câu là: "Tôi ôm Khrushchev theo phương diện ngoại giao, nhưng tôi không hít cái chủ nghĩa xét lại của ông ta". Như vậy Bắc Việt lúc đó đã công nhận ý thức hệ Trung Cộng.

Vào năm 1964, lúc đó chúng tôi ở thành phố Kiev, nhận được lệnh của Sĩ quan Bắc Việt do Ông Nguyễn Văn Kính đưa xuống là tất cả những sinh viên Việt Nam học ở đâu, ngành nào, quân sự cũng như dân sự phải có nhiệm vụ lấy được thật nhiều tài liệu quân sự của Nga cung cấp cho Bắc Việt. Sinh viên Việt Nam đặt ra vấn đề là, chúng tôi là sinh viên chỉ có nhiệm vụ học thôi, sao lại bắt chúng tôi làm nhiệm vụ của gián điệp như vậy, thì Sĩ quan Bắc Việt giải thích rằng đó là mệnh lệnh của Trung Ương Đảng.

Diễn hình hơn nửa là vào khoảng tháng 7 năm 1964, Bắc Việt rút toàn bộ sinh viên quân sự học tại Nga về Bắc Việt và rút gần 80% sinh viên các ngành học tại Nga về dự cuộc chỉnh huấn, học tập Nghị quyết Thứ 9 của Bắc Việt tức là Nghị quyết chống chủ nghĩa xét lại.

Việc Bắc Việt rút sinh viên về như vậy đã thể hiện tinh thần Bắc Việt chống đối lại Nga một cách kịch liệt về phương diện ý thức hệ. Sau đó, từ niên học 1964-1965, sinh viên Việt Nam còn lại rất ít đã được chỉ thị đặc biệt là sinh viên học tại Nga chỉ được học chuyên môn về kỹ thuật, còn những môn học về xã hội học, triết học sinh viên không được học nữa vì họ muốn chống lại tư tưởng xét lại của Nga.

Trong giai đoạn đó sinh viên Việt Nam luôn luôn phải theo chỉ thị của sứ quán Bắc Việt. Lúc đó chúng tôi phải học tập các tài liệu của Trung Cộng, cụ thể như là những sách của Trung Cộng xuất bản để công kích Nga, những tài liệu về chiến tranh thế giới, chủ nghĩa Mao Trạch Đông v.v....

Bởi vậy vào giai đoạn của những năm 1961, 62, 63, 64, 65, 66 Bắc Việt hoàn toàn theo đường lối của Trung Cộng về ý thức hệ. Đứng về phương diện ý thức hệ, mâu thuẫn giữa Bắc Việt và Nga đã lên rất cao. Việc này Nga cũng có phản ứng là họ đã ủng hộ sinh viên Việt Nam chống đối lại Bắc Việt, cụ thể là nhóm sinh viên quân sự cao cấp như Đại Tá Phạm Minh Quốc lúc đó đưa ra đường lối phản đối việc mở rộng chiến tranh ở miền Nam. Nga ủng hộ nhóm này.

Sau này, chúng tôi được biết Nga có viện trợ kỹ thuật cho Bắc Việt, nhưng Nga cũng có những đòn chống lại Bắc Việt như những toán chuyên viên già có nhiều kinh nghiệm nhưng sau này họ đưa những chuyên viên trẻ sang, trình độ kỹ thuật có kém hơn, nhưng lớp trẻ có cái hăng say tuyên truyền tư tưởng của Nga trong mọi giới Bắc Việt. Nhưng Bắc Việt đã chặn trước và coi như là quân thù nhóm chuyên viên này và cũng đã có nhiều hành động phản đối mạnh mẽ đối với Nga. Như vậy, giai đoạn này là giai đoạn mâu thuẫn giữa Nga và Bắc Việt về tư tưởng rất mạnh.

NDMB: Vậy trong dân chúng Nga, họ đã có thái độ như thế nào đối với cuộc chiến mà Bắc Việt gây ra tại miền Nam?

K.S. Nguyễn Kim Giang: Trong thời gian đi học và làm việc ở Nga, tôi có dịp tiếp xúc với nhiều thành phần của người Nga như thợ máy, công nhân, trí thức và cả những nhân vật ở cấp bậc cao. Nói chung, người Nga cho rằng việc phát động chiến tranh của Bắc Việt đưa ra là một cuộc chiến tranh vô nghĩa lý, kéo dài không có kết quả gì cả. Lúc mà Bắc Việt đưa ra khẩu hiệu đánh 5 năm, đánh 10 năm, đánh 100 năm gì đó, tôi tiếp xúc với một giáo sư Nga có cấp bậc lớn mà tôi không tiện nói tên, ông ta có nói rằng: Tôi không hiểu các anh, nhất là Hà Nội đưa ra chủ trương đó làm gì. Đánh nhau hàng bao nhiêu năm, tàn phá như vậy mà còn đưa những khẩu hiệu đó thì có ích gì. Thà như chúng tôi, nói thế chiến thứ hai, nếu người cha người chú chết đi thì người con của họ sẽ được sống yên vui. Đảng này Bắc Việt chủ trương phát động một cuộc chiến tranh mạnh mẽ, lâu dài, không hiểu sẽ đi đến đâu, có khi lại kéo theo những cuộc đụng độ giữa chúng tôi với Hoa Kỳ.

NDMB: Bây giờ chúng tôi xin bàn về các cuộc thăm viếng của Thủ tướng Nga hoặc ông Chủ tịch Hồ Việt Tối Cao ở Hà Nội. Hồi tháng 2 năm 1966, Thủ tướng Nga Kosygin viếng Hà Nội. Lúc đó ở bên Nga, Kỳ sư có biết lý do và hậu quả của cuộc thăm viếng đó không?

K.S. Nguyễn Kim Giang: Hồi tháng 2.1966, Kosygin qua Hà Nội là do yêu cầu thiết yếu của Hà Nội. Vì khoảng 1964 khi Hoa Kỳ bắt đầu oanh kích miền Bắc. Bây giờ là lúc đã có mâu thuẫn giữa Nga và Bắc Việt, việc viện trợ quân sự của Nga cho Bắc Việt rất hạn chế. Trước sự oanh kích dữ dội của Hoa Kỳ Bắc Việt biết Trung Cộng cũng không thể thỏa mãn nhu cầu của mình được. Cho nên Bắc Việt lôi kéo Nga vào cuộc chiến. Chúng tôi được biết việc Kosygin qua đúng vào lúc mà Hoa Kỳ đang oanh kích thì Nga có thể vì tự ái hoặc uy tín của họ mà họ sẽ có thái độ mới để phát động cuộc chiến tranh tại miền Nam.

Tòa Đại sứ Bắc Việt tại Moscow cũng phỏng đoán rằng khi Kosygin qua Hà Nội mà lúc đó Hoa Kỳ vẫn tiếp tục oanh kích đó là một thành công rất lớn của Hà Nội. Quả nhiên sau này, từ tháng 2.1966, sau khi Kosygin qua Hà Nội về Nga Kosygin đã thay đổi hẳn thái độ tức là viện trợ quân sự của Nga cho Bắc Việt tăng lên rất lớn.

Khi đó ở Nga, tôi thấy rằng nhu cầu vô hạn tải quân sự tức là về xe hơi thì từ khi Kosygin về, tất cả các đơn đặt hàng của một số nhà máy, một số Bộ đã bị Kosygin cắt để chuyển giao những hàng đó cho Bắc Việt. Đồng thời lúc này Nga gửi phi cơ chiến đấu cùng với chuyên viên về hỏa tiễn sang Hà Nội. Vì vậy sau này Bắc Việt có nhận định rằng chuyển đi thăm của Kosygin do Hà Nội thúc dục cũng đã đạt được thành công cho Bắc Việt là Nga đã gia tăng viện trợ quân sự cho Bắc Việt.

NDMB: Hồi tháng 10.1971, Chủ tịch Sô viết Tối Cao Podgorny viếng thăm Hà Nội, Ký sự ghi sao về chuyến đi đó?

K.S. Nguyễn Kim Giang: Trước việc Bắc Kinh mời Nixon qua thăm Trung Cộng, Bắc Việt rất chối với. Lúc đó Nga đưa việc viếng thăm của Podgorny với mục đích là lôi kéo các lãnh tụ Bắc Việt về phía mình. Theo dư luận của sinh viên học tại Nga, lúc đó giả thuyết giải quyết chiến tranh Việt Nam của Chu Ân Lai đưa ra là miền Nam này chia ra làm ba khu vực theo kiểu Tây Berlin, tức là một khu vực kiểm soát của Bắc Việt, Việt Cộng, khu vực kiểm soát của VNCH và một khu vực nữa mà họ gọi là vùng kiểm soát quốc tế do Trung Cộng nắm.

Giải thích vấn đề này, Bắc Việt nói rằng việc đó do Trung Cộng đưa ra và Trung Cộng cho rằng nếu có hai vùng thân Cộng thì vùng thứ ba cũng sẽ dần dần bị xâm nhập nốt. Bởi vậy, đứng trước lập luận của Trung Cộng, Nga phải có thái độ thế nào. Không lẽ Nga đã mất bao nhiêu tiền bạc, vũ khí tại miền Nam Việt Nam cũng như tại Bắc Việt mà lại để Trung Cộng ăn không, nên Podgorny đã vội vàng qua Hà Nội.

NDMB: Thưa Ký sự, trước khi Tổng Thống Nixon qua Nga có một cuộc viếng thăm đột ngột và bí mật của một chuyên viên của Trung Ương Đảng Cộng sản Nga về vấn đề đối ngoại và cũng đi với Nikolai Furgubov, Thủ trưởng Ngoại giao Nga, xin ký sự cho biết ý kiến về cuộc thăm viếng đột ngột và bí mật đó?

K.S. Nguyễn Kim Giang: Cuộc viếng thăm này bí mật phù hợp với việc Kissinger qua Mạc tại Khoa hội Liên với Brezhnev.

Tất nhiên là Nga khi tiếp Kissinger cũng phải nói thế nào với Hà Nội. Bởi vậy chuyến đi này nhằm giải thích hoặc ép buộc Hà Nội trong việc giải quyết chiến cuộc và việc này xảy ra vào dịp Tổng Thống Nixon oanh tạc Hà Nội tức là Nga muốn giải thích một phần nào về việc đón tiếp Tổng Thống Nixon cho chính quyền Hà Nội biết.

NDMB: Trong tuần qua, Ông Chủ Tịch Hồ Việt Tỏi Cao Podgorny lại sang Hà Nội, Kỳ sư có biết lý do không?

K.S. Nguyễn Kim Giang: Đáng tiếc là lúc này tôi đã về Saigon và không nắm vững vấn đề ông Podgorny sang Hà Nội với sứ mạng gì. Nhưng theo tôi nghĩ, có lẽ là sau khi Nga đã thỏa thuận với Tổng Thống Nixon về những vấn đề gì đó, việc này thể hiện rõ là Nga không phá hàng rào mìn của Hoa Kỳ ở Bắc Việt, chắc là Podgorny sang Hà Nội với mục đích là ép buộc Hà Nội trong việc xuống thang chiến tranh.

NDMB: Trung Cộng và Bắc Việt quan hệ như thế nào?

K.S. Nguyễn Kim Giang: Bắc Việt vẫn thường nói rằng bang giao giữa họ và Trung Cộng rất khăng khít, mặc dù sau cuộc cách mạng văn hóa đã có một sự không tán thành lắm. Nhưng thực chất là Bắc Việt vẫn gần Trung Cộng hơn. Tôi còn nhớ là có một số sinh viên học tại Nga không ưa Trung Cộng, Số quân Bắc Việt lại có chỉ thị cấm sinh viên không được biểu tình, mít tinh của sinh viên Nga tổ chức chống Trung Cộng. Như vậy chứng tỏ Bắc Việt vẫn gần Trung Cộng hơn Nga. Như Lê Duẩn đã nói, họ đối với Nga chỉ vì nhu cầu khẩn thiết hiện nay cho quân sự, còn đối với Trung Cộng vẫn gần hơn. Nhưng đi sâu vào bản chất Cộng sản Bắc Việt, theo tôi nghĩ, đã có một tham vọng rất lớn. Tức là họ muốn trở thành hàng thứ ba trong khối Cộng Sản, sau Nga và Trung Cộng. Họ xâm lược miền Nam, sau đó Lào, Kampuchea, Thái Lan hoặc một vài nơi khác trong vùng Đông Nam Á là một tham vọng riêng của khối Cộng sản Bắc Việt. Bởi vậy, Bắc Việt nói không thể xếp hàng ngang các lãnh tụ của Bắc Việt như Lê Duẩn, Trường Chinh với các lãnh tụ khác của khối Cộng sản Đông

Ấu, ví dụ như Ceausescu của Lô-Mã-Ni hoặc là Gierek của Ba Lan. Những người Cộng Sản của Bắc Việt phải có hàng cao hơn những người đó. Như vậy chúng tôi thán vọng của những người Cộng Sản Bắc Việt rất cao, họ muốn thành lập một khối Cộng Sản thứ ba trong khối Cộng sản quốc tế.

NDMB: Vì Hoa Kỳ đã phong tỏa các hải cảng Bắc Việt, nếu tiếp tế bằng đường thủy không được, liệu Nga Xô có thể dùng xe lửa qua đất của Trung Cộng để tiếp tế cho Bắc Việt không?

K.S. Nguyễn Kim Giang: Theo tôi nghĩ, hiện nay mâu thuẫn giữa Nga và Trung Cộng rất lớn nên việc di chuyển vũ khí của Nga qua đất Trung Cộng rất khó khăn mà Nga cũng không muốn để lộ những vũ khí của mình cho Trung Cộng biết. Tôi nghĩ rằng Nga khó lòng chuyển vũ khí bằng đường bộ qua Trung Cộng cho Bắc Việt. Còn đường thủy thì đang bị phong tỏa, bởi vậy tôi nghĩ rằng Bắc Việt đang chối với về vấn đề tiếp viện quân sự của Nga.

NDMB: Kỹ sư có thể cho biết tại sao Bắc Việt có xe tăng tại An Lộc không?

K.S. Nguyễn Kim Giang: Tôi mới về nên không biết thành phố An Lộc ở đâu; nhưng khi chúng tôi ở Nga có được nghe nói tới việc xe tăng về vùng phía nam biên giới Căm Bốt.

Chúng tôi đã tiếp xúc với một số lính thiết giáp của Bắc Việt học ở Nga. Họ nói rằng họ đi về chiến trường C tại miền Nam Việt Nam không qua nga Bắc Việt. Chúng tôi nghĩ rằng họ đi bằng đường biển, qua Căm Bốt rồi vào miền Nam. Theo tôi nếu xe tăng chạy theo đường mòn Hồ Chí Minh qua một quá trình dài mấy ngàn cây số như vậy, khi đến miền Nam những xe tăng đó sẽ không thể sử dụng được vì hư hỏng. Cho nên Bắc Việt đã đưa xe tăng vào vùng cực nam biên giới Căm Bốt qua đường biển.

NDMB: Thưa Kỹ sư, tại sao nhiều lần Anh quốc mời Nga là đồng chủ tịch Hội Nghị Genève tái nhóm hội nghị để giải quyết vấn đề Đông Dương, Nga một mực từ chối?

K.3. Nguyễn Văn Giang: Chúng tôi có tục tiếp xúc với nhiều người Nga họ cũng giải thích rất rõ ràng mặc dầu là không chính thức, họ nói rằng, nếu đặt họ ở cương vị đồng chủ tịch Hội Nghị Genève mở lại Hội Nghị Genève Nga phải có một trách nhiệm nào mà lúc này, nhiều khi Nga không thể thuyết phục nổi Bắc Việt, theo kinh nghiệm mà Nga ghi nhận được như Hội Nghị Genève về Lào 1962. Lúc đó Nga cũng phối hợp làm nhưng sau này Bắc Việt vẫn tiếp tục đưa quan sang Lào thì Nga có thuyết phục Bắc Việt cũng không nổi. Bây giờ nếu họp lại Hội Nghị Genève chưa chắc gì Nga đã thuyết phục nổi Bắc Việt. Đó là về phương diện trách nhiệm.

Thứ hai là hiện nay mâu thuẫn giữa Nga Hoa rất gay gắt thì người Nga thường nói rằng Bắc Việt và Trung Cộng là những người hay dùng những diễn đàn của hội nghị quốc tế để công kích một nước nào đó, nếu họp hội nghị Genève lại thì Trung Cộng và Bắc Việt luôn luôn sẵn sàng để công kích Nga, khi đó Nga sẽ lâm vào một thế rất kẹt.

Một số người Nga thường nói như thế này, không hiểu Bắc Việt khi họp hội nghị Ba Lê vấn đề Việt Nam, Bắc Việt có thái độ như thế nào, chứ đáng lẽ đứng trên phương diện thảo luận thì phải có một sự lùi bước nhân nhượng giữa hai phía nhưng Bắc Việt lại dùng hội đàm Ba Lê để công kích, tuyên truyền. Họ cũng thường nói rằng đặc điểm công kích tuyên truyền trên các hội nghị quốc tế thì phải dành quyền ưu tiên thứ nhất cho Trung Cộng và thứ hai là Cộng Sản Bắc Việt.

Bởi vậy đối với hội nghị Genève, thứ nhất là Nga muốn tránh trách nhiệm, thứ hai là Nga cũng ngại thế kẹt của họ trong khi họp tại hội nghị Genève trước việc công kích Nga, chắc chắn là sẽ có, của Trung Cộng và Bắc Việt.

CÁC KỲ THI TỬ TÀI VÀ NHỮNG
TỔ CHỨC LỰA BỊP BÀN ĐỀ THI

Phát Hình Ngày 30.6.1972

Ông NGUYỄN THANH LIÊM, Phụ Tá Đặc Biệt Tổng Trưởng Giáo
Dục, đặc trách Trung Tiểu Học và Bình Dân Giáo Dục.

NDMB: Thưa Ông Phụ Tá, năm nay tại các nơi có xảy ra
chiến cuộc như Huế, Đà Nẵng sẽ có những kỳ thi Tú Tài I và
Tú Tài II như thường lệ không?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Từ khi xảy ra chiến cuộc, chúng
tôi đã dự trù tổ chức những kỳ thi đặc biệt ở những nơi nào
bị ảnh hưởng chiến cuộc. Gần đây có lời yêu cầu của chánh
quyền địa phương báo đăm về vấn đề an ninh cũng như có sự yêu
cầu của phụ huynh học sinh nên Bộ Giáo Dục quyết định cho mở
những khóa thi thường lệ ở tại Huế, Đà Nẵng, Qui Nhơn, Nha
Trang chỗ không phải chỉ dành riêng cho khóa đặc biệt mà thôi.
Nghĩa là khóa thi Tú Tài thường lệ vẫn tổ chức ở những nơi
mà trước đây Bộ Giáo Dục đã có ấn định trong lịch trình thi cử.

NDMB: Thí sinh ở trong những vùng chiến cuộc có được
nâng đỡ đặc biệt không?

.../

O. Nguyễn Thanh Liêm: Theo lời yêu cầu của đa số phụ huynh học sinh cũng như theo quyết định của Tổng Trưởng Giáo Dục, những thí sinh ở những nơi bị ảnh hưởng của chiến cuộc sẽ được nâng đỡ trong kỳ tại Tú Tài I cũng như Tú Tài II thường lệ này.

NDMB: Ví dụ một thí sinh không thể nào thi những khóa thường lệ sắp tới mà muốn thi khóa đặc biệt vì lý do là họ phải đi tản, phải lo cho gia đình không thể học thi hay là trường học tại những nơi đó đóng cửa, Bộ Giáo Dục có tổ chức những kỳ thi đặc biệt cho những nạn nhân chiến cuộc không?

O. Nguyễn Thanh Liêm: Ngoài những khóa thi thường lệ Bộ Giáo Dục cũng đã quyết định mở một khóa thi đặc biệt Tú Tài II và Tú Tài I ở những nơi bị ảnh hưởng chiến cuộc, những nơi mà thí sinh không kịp nộp hồ sơ thi hoặc không học hết chương trình vì ảnh hưởng của chiến cuộc.

NDMB: Có những thí sinh thi thử thời vận, họ cũng là nạn nhân chiến cuộc, họ có thi khóa 1 thường lệ, rồi họ có thể thi khóa đặc biệt không?

O. Nguyễn Thanh Liêm: Những thí sinh dự thi khóa 1 thường lệ thi phải xem như là những người có học hay đã chuẩn bị đầy đủ. Nếu đã dự thi khóa một thường lệ Tú Tài II, họ có thể thi khóa 2 thường lệ Tú Tài II mà thôi.

NDMB: Nói lại cho rõ là, những thí sinh nào nếu không dự thi Tú Tài II khóa 1 thì có thể thi khóa 2 Tú Tài II. Còn những thí sinh thi khóa 2 Tú Tài II không được, có thể thi khóa đặc biệt dành cho những nạn nhân chiến cuộc mà thôi.

O. Nguyễn Thanh Liêm: Phải.

NDMB: Nhưng có cách nào kiểm soát nạn nhân chiến cuộc đó không, vì có thể có những chứng chỉ cư trú giả. Ví dụ như thí sinh đó không phải là người ở Quảng Trị nhưng vẫn có chứng chỉ cư trú ở Quảng Trị.

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Hiện giờ chúng tôi đề dãi cho thí sinh nộp hồ sơ, nghĩa là họ có thể làm một tờ cam kết họ là người thuộc vùng chiến nạn. Nhưng sau này Bộ Giáo Dục sẽ có một ủy ban kiểm soát lại vấn đề này. Trước hết, chúng tôi yêu cầu hiệu trưởng cùng giáo sư các trường công lập ở tại xác nhận xem học sinh đó có phải là học sinh trường mình hay không. Về các trường tư thục cũng vậy.

Nếu họ gian lận và không phải là học sinh của vùng chiến nạn, chúng tôi hủy bỏ kết quả kỳ thi đối với thí sinh đó.

NDMB: Nghĩa là thí sinh không phải xin chứng chỉ cư trú mà chính Bộ Giáo Dục lo cho họ?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Bây giờ, trong lúc nộp hồ sơ, thí sinh chưa kịp xác nhận được họ có thể làm tờ cam kết. Nhưng sau đó, đương sự phải xin trưởng của mình để ông hiệu trưởng và hội đồng giáo sư xác nhận lại là học sinh đó có học tại trường nơi có bị chiến nạn.

NDMB: Ví dụ, tôi là học sinh của một trường ở Quảng Trị, tôi chạy vô Saigon rồi tôi muốn xin chứng chỉ của trường trung học Quảng Trị. Nhưng tôi không biết ông hiệu trưởng ở đâu thì làm sao?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Đã có những thông cáo cho biết những trường của Quảng Trị hiện đang ở Đà Nẵng. Còn ở An Lộc, nhà trường, một số giáo chức và cả một số học sinh nữa đang ở tại Bình Dương.

NDMB: Bây giờ chúng tôi hỏi đùm cho các quân nhân, một quân nhân như một quân nhân Nhảy Dù hay Không Quân, nộp đơn xin thi tại Saigon nhưng vì nhu cầu chiến cuộc họ phải ra Huế. Ngày thi tại Huế, người lính Nhảy Dù hay người lính Không Quân đó có thể tự động đến trung tâm thi ở Huế để thi được không?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Được, nếu quân nhân đó có sự vụ lệnh công tác hay hành quân ở vùng đó. Anh ta có thể đến Hội đồng thi gần nhất để xin thi, mặc dầu không kịp xin giấy báo danh hay giấy tờ chứng minh anh đó có nộp hồ sơ đi nữa, anh ta vẫn có thể làm giấy cam kết với Hội đồng giám thị để dự thi. Sau đó chúng tôi sẽ kiểm soát lại trường hợp ấy, xem có đúng không.

NDMB: Đây là một vấn đề khác, là một quân nhân ở Nha Trang anh ta biết ở đâu kỳ thi này có nâng đỡ để đăng và anh ta nộp đơn xin thi ở Huế. Trường hợp đó có được không?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Theo nguyên tắc, những quân nhân chỉ được dự thi ở những hội đồng gần nơi mà họ phục vụ nhất cả thôi.

NDMB: Nghĩa là ai ở Saigon thì thi ở Saigon, ai ở Nha Trang thì thi ở Nha Trang?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Phải, trừ trường hợp hành quân.

NDMB: Thưa Ông Phụ Tá, mọi năm người ta cũng có nói tới vấn đề soạn đề thi và những đề thi đã bị tiết lộ. Vậy ông cho biết việc làm của những vị soạn đề thi như thế nào và đề thi được giữ bí mật như thế nào?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Thường năm, giáo sư dạy ở các lớp thi đề nghị những đề thi gửi về Nha Khảo Thí. Tại Nha Khảo Thí có một ban thanh tra gọi là thanh tra soạn đề thi. Mỗi thanh tra chịu trách nhiệm một môn. Ví dụ môn quốc văn có một vị thanh tra môn quốc văn, môn Triết có một vị lo về môn Triết v.v.. Sau khi thu thập những đề thi đề nghị vị thanh tra sẽ lựa chọn. Chọn xong, chính vị thanh tra đó phải làm tất cả các công việc từ việc đánh máy đến việc quay ronéo, cắt đề thi ra, đem, bỏ vào trong những phong bì nhỏ, dán lại và bỏ vào phong bì lớn cho một trung tâm. Trước ngày thi, những đề thi được để trong những rương sắt có khóa và có niêm cầu thật để giao cho quý vị chủ tịch hội đồng, chở đến các nơi có hội đồng thi.

Thành ra, khởi sự từ lúc đề thi được đề nghị về tới Nha Khảo Thí vào trong phòng mật tức là nơi các vị thanh tra làm việc từ đó, chỉ có vị thanh tra là biết công việc của mình làm mà thôi. Lao công hay tùy phái cũng không được vào trong phòng đó.

Lúc mà chúng tôi còn làm ở đó, ngay cả việc quét phòng của mình hay sửa chữa những cây đinh đều tự mình phải làm.

NDMB: Vậy thanh tra lựa đề thi về Toán có ngồi gần Thanh tra lựa đề thi về Luận văn không?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Không, vì mỗi ông có phòng riêng, có máy roneo riêng. Mỗi người chịu trách nhiệm hoàn toàn về môn của mình.

NDMB: Có trường hợp là những đề thi đã cho quá trình độ của học sinh hoặc ngoài chương trình, chẳng hạn như năm ngoái, có trường hợp một câu hỏi toán ngoài chương trình, hoặc là câu đó trong chương trình đã bỏ rồi mà vẫn hỏi, Thanh tra đó có biết là ông ấy đã cho đề thi qua trình độ của học sinh không?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Những vị Thanh tra làm trong ban soạn đề thi từ trước đến giờ đều được lựa chọn trong số những giáo sư đã dạy lâu năm trong các trường trung học, nhất là những vị đó khi tốt nghiệp ở các trường sư phạm đã đầu rất cao thành ra kinh nghiệm dạy cũng như chương trình có thể kể như là họ đã lãnh hội được và trình độ của học sinh họ đã biết rõ. Ngoài ra, đề thi vẫn là đề thi do chính những giáo sư dạy lớp đề nghị lên. Bởi vậy nói rằng các thanh tra cho đề quá khó hay vượt ra ngoài chương trình không đúng.

Hồi năm rồi có một câu hỏi toán ở kỳ thi Tú Tài II ban C là thế này: Trong chương trình cập nhật hóa phổ biến lần thứ nhất và lần thứ hai không đến được những trường quá xa xôi, do đó hai chương trình này đã không giống hẳn nhau. Những trường sau này nhận được chương trình sau mà không kịp dạy cho đúng chương trình. Tuy nhiên trong trường hợp như vậy, chúng tôi có

những quyết định quyền lợi thí sinh không thiết thời. Chẳng hạn như biết rằng trong vùng Huế chưa dạy một phần trong chương trình mà bây giờ có một câu hỏi trong đó thì lúc làm thang điểm để chấm, chúng tôi sẽ bớt câu hỏi đó để tăng điểm cho những câu hỏi kia.

NDMB: Thưa ông Phụ Tá, trường có dạy cho học sinh về kỹ luật trường thi không, có thể các em đó phạm lỗi mà không biết. Vậy xin ông giải thích cho biết các thí sinh phải tôn trọng những gì, phải làm những gì, và phải tránh những gì để khỏi phạm kỹ luật trường thi.

O. Nguyễn Thanh Liêm: Trong phiếu báo danh mà thí sinh đã nhận cũng có ghi những điều khoản để thí sinh biết mà làm theo. Đại khái, chúng tôi không đòi hỏi gì nhiều, mà chỉ yêu cầu thí sinh không được mang tài liệu vào trong phòng thi. Vào trong phòng thi, bài của ai nấy làm, không được nói chuyện, không được chép bài của người khác. Nhất là không được gian lận bằng cách xé sách hoặc là quay phim. Tiếng quay phim là chỉ những thí sinh chép bài sẵn trong những băng giấy rất nhỏ để trong lòng bàn tay chẳng hạn. Tất cả những điều này chỉ rõ ràng trong phiếu báo danh của thí sinh.

Ngoài ra một số giấy tờ cần thiết phải nộp hay là phải có mặt tại trường thi vào giờ nào cũng được ghi trong phiếu báo danh cả.

NDMB: Thưa Ông Phụ Tá, còn hội đồng các giám thị như thế nào? Những phụ huynh học sinh có thể gửi gắm các vị giám thị nhắc giùm được không?

O. Nguyễn Thanh Liêm: Về tổ chức của hội đồng giám thị, trước hết, chúng tôi có một ủy ban. Ủy ban đó phân phối một số giáo sư và giáo viên đến mọi trung tâm thi để coi thi. Tại mỗi trung tâm có một vị phó chủ tịch và thư ký của hội đồng. Những vị này sẽ căn cứ vào danh sách của các giám thị gửi tới mà phân phối ra để gác thi.

Thông thường, không bao giờ hai giám thị đi chung với nhau trong suốt cuộc thi cũng như hai giám thị đó không thể nào ở trong một phòng thi mãi được. Ví dụ sáng nay họ gác phòng thi này, buổi chiều họ sẽ gác ở phòng thi khác cho nên việc gửi giám thật là khó. Trước hết là may mắn để thí sinh đó được ở trong một trung tâm có giám thị quen đã khó rồi. Mà nếu có xảy ra trường hợp có người quen ở tại trung tâm đó đi nữa, người đó cũng sẽ bị luân phiên để đi những phòng khác chỗ không phải là gác mãi ở một phòng thi.

NDMB: Thi xong nộp bài thi. Vậy hội đồng giám khảo chấm thi như thế nào và giữ bí mật như thế nào?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Sau khi thi rồi, hội đồng giám thị sẽ kiểm soát lại số bài thi. Sau đó, dán lại, gửi về hội đồng trung ương. Tại đây người ta mở ra, kiểm soát lại, cắt phách. Sau khi cắt phách, đánh số mật mã rồi mới phân phối xuống các hội đồng chấm thi. Chấm thi xong, trung ương mới gửi phách xuống để ráp phách lại. Lúc đó các giám khảo mới biết bài thi nào của thí sinh nào.

NDMB: Có khi nào hội đồng làm mất bài thi của thí sinh không?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Không thể nào làm mất bài thi được vì từ vị giám thị gác trong phòng thi đến lúc đem nộp cho hội đồng giám thị đã có người kiểm soát và ký tên. Rồi từ hội đồng giám thị gửi về trung ương qua tay người nào, người này phải kiểm soát, ký tên nhận lãnh. Lúc gửi xuống hội đồng giám khảo cũng vậy.

NDMB: Có khi nào có thể trao bài thi được không?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Việc trao bài thi không thể thực hiện nói vì muốn tìm ra được một thí sinh quen ở hội đồng nào, gửi về lúc nào là việc rất khó khăn.

NDMB: Sau mỗi kỳ thi, chúng tôi đều được nhiều thư của phụ huynh học sinh hoặc các thí sinh nói rằng, bài của các thí sinh đó làm rất hay mà tại sao lại bị rớt. Phụ huynh học sinh này đòi được xem lại bài thi của con em mình, việc này có được không và họ có thể yêu cầu chấm lại bài thi không?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Việc coi bài thi, theo nguyên tắc không thể thỏa mãn được. Vì quyền coi cũng như chấm hay định giá bài là quyền của các vị giáo sư đã từng dạy trong lớp đó. Ngoài ra, việc chấm lại hay không, theo nguyên tắc, không có. Vì muốn chấm vô tư được là chỉ khi nào bài đó đã được cất phách rồi. Khi đã rập phách, biết rõ bài đó của thí sinh nào rồi thì không thể chấm vô tư được.

NDMB: Thưa Ông Phụ Tá, bây giờ chúng tôi bàn về những tổ chức tư nhân khai thác sự muốn đậu của thí sinh để khi đi lính được vào Thủ Đức hoặc được du học. Khi nộp hồ sơ thi, thí sinh cũng có thể nộp những chứng chỉ học trình giả do các tổ chức đó làm ra. Ví dụ như năm nay là kỳ thi Tú Tài I chót, họ cần những chứng chỉ học trình giả của lớp đệ nhị để thi Tú Tài I. Bộ Giao Dục có thể kiểm soát được không?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Việc kiểm soát những hồ sơ thi vụ, năm nay chúng tôi làm rất kỹ. Các năm trước chúng tôi giao cho một nhân viên ở một trường nào đó phụ trách về hồ sơ thi vụ thôi. Nhân viên đó chịu trách nhiệm về việc kiểm soát những chứng chỉ học trình xem có hợp lệ không.

Đặc biệt năm nay chúng tôi giao phó cho những trường có thâu nhận những hồ sơ thi vụ, chính vị hiệu trưởng phải thành lập một ủy ban, trong đó có quý vị giáo sư để kiểm soát lại những chứng chỉ có hợp lệ không. Đến giờ này chúng tôi được biết là có nhiều nơi thu nhận hồ sơ thi vụ qua cuộc kiểm soát ủy ban tại trường, cũng có một số chứng chỉ bị coi là nghi ngờ và đang được gọi lại để các nơi xác nhận.

Nói chung, tình trạng làm chứng chỉ học trình giả mạo từ trước đến giờ cũng có những tổ chức làm chứng chỉ giả mạo. Đây không phải là những chứng chỉ ma mà là những chứng chỉ giả mạo. Nhưng các cơ quan tuyển dụng người thường vẫn gởi những

chúng chỉ đó đến Nha Tư Thục để xác nhận lại, Nha Tư Thục đã thấy rằng có những chứng chỉ hoàn toàn giả mạo. Gần đây bên cơ quan Cảnh Sát cũng có phát giác một tổ chức chuyên môn làm chứng chỉ học trình và học bạ giả mạo.

Ngoài ra cũng có một số trường đã lợi dụng lúc Nha Tư Thục bận rộn để họ đem chứng chỉ giả mạo để xin kiểm nhận và họ có thể lén lút làm được một vài chứng chỉ giả mạo. Trường hợp này nếu biết, chúng tôi sẽ thâu hồi giấy phép của trường đó lại.

NDMB: Chúng tôi thấy rằng đó không phải là giả mạo mà thật ra đó là những chứng chỉ thật sự của các trường đó cấp, trường hợp này cũng tương tự như những giấy khai sanh dùng để hoán dịch vì lý do gia cảnh. Các hội đồng xã cũng cấp giấy khai sanh thật sự nhưng đứa con lại không có. Bây giờ các trường cấp giấy chứng chỉ học trình thật sự, có ông giám đốc trường ký đang hoảng nhưng học sinh lại không học ở đó.

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Trường hợp này chúng tôi gọi là trường hợp chứng chỉ ma nghĩa là đương sự không học hay là không học đúng với những năm được ấn định nhưng trường lại cấp phát những chứng chỉ như vậy.

Đối với tư thục, hằng năm chúng tôi đòi hỏi ở các trường tư phải nộp một danh sách của các học sinh các lớp, nộp tại Nha Tư Thục, nếu ở Saigon. Ở các tỉnh, nộp tại các trường công lập ở tỉnh vì vị hiệu trưởng trường công lập tỉnh kiêm thanh tra tư thục tại địa phương và bản chính được gửi về Nha Tư Thục.

Chúng tôi giữ danh sách từ đầu năm. Khi thiết lập danh sách muốn cho học sinh năm nay học Đệ Nhị, năm rồi học sinh đó phải có chứng chỉ lớp Đệ Tam. Chúng tôi căn cứ trên danh sách đó để kiểm nhận lại học bạ hay chứng chỉ học trình. Nếu đầu năm, trong danh sách, không có tên học sinh đó mà cuối năm lại có, chúng tôi loại ngay.

NDMB: Những người làm chứng chỉ ma tin tưởng rằng Bộ Giáo Dục không thể nào kiểm soát hết cả hàng trăm ngàn tên được.

O. Nguyễn Thanh Liêm: Chúng tôi vẫn có những cách thức để kiểm soát. Ví dụ bây giờ một người muốn vào Cảnh sát hay Không quân, thường những cơ quan tuyển dụng sẽ gửi những chứng chỉ đó về Nha Tư Thục để kiểm nhận lại. Lúc đó Nha Tư Thục lục lại trong danh sách các trường gửi lên và xác nhận cho biết là học sinh đó có học hay không.

NDMB: Hiện nay ở Saigon và nhiều nơi trong nước có những lớp gọi là luyện thi bảo đảm lấy tiền miễn học phí và có thể họ dạy ở tư gia, hoặc ở trong những tư thục chính thức. Vậy Bộ Giáo Dục đối phó với những lớp đó như thế nào?

O. Nguyễn Thanh Liêm: Thường thì những Lớp Luyện thi bảo đảm này có tính cách bịp bợm những học sinh nhẹ dạ. Họ tổ chức ở tư gia, họ tổ chức bất hợp pháp và họ buộc thí sinh phải đóng cho họ trước khi vào học một số tiền rất lớn gọi là tiền nhập học. Sau đó họ đặt ra một số điều kiện như học sinh không được nghỉ quá ba buổi, không được nói chuyện trong bao nhiêu lần, phải làm bài bao nhiêu lần v.v.. nếu vi phạm họ không chịu trách nhiệm, hay là khi thi rớt không có quyền đòi tiền lại. Như vậy họ bảo đảm thi đậu. Khi thi đậu lại phải trả thêm một số tiền nữa.

Trên thực tế, nhiều thí sinh đã bị lường gạt. Đối với những tổ chức như vậy, khi biết, chúng tôi thông báo ngay cho Tòa Đô Chánh để dẹp ngay. Nhưng việc dẹp ngay những lớp này cũng không dễ vì tổ chức của họ chỉ cần lường gạt được mấy chục học sinh là đủ rồi. Và lại, nếu dẹp chỗ này, họ sẽ chạy đi chỗ khác.

Nhận cơ hội này chúng tôi cũng muốn thưa với quý vị phụ huynh học sinh và nhấn nhủ các em học sinh không nên nhẹ dạ, đừng tin tưởng rằng người ta có thể bảo đảm cho mình, nhất là trong những lớp luyện thi một hai tháng mà các em đậu được. Thường thì các em mất tiền toi vô ích.

NDMB: Có nhiều tổ chức còn làm mạnh hơn là họ bảo đảm cho thi đậu. Họ định giá cho Tú Tài I là 200.000\$ và tú 300.000\$ đến 500.000\$ cho Tú Tài II. Đậu mới phải trả tiền, rớt khỏi trả

O. Nguyễn Thanh Liêm: Chúng tôi cũng được biết, có một số trường hợp như vậy. Những người này, cũng là những người đi lương gặt mà thôi. Có nhiều khi họ không có nhiệm vụ gì trong hội đồng giám khảo nhưng họ vẫn nói họ có quen với vị giám khảo nào đó hay những người có trách nhiệm trong hội đồng thi và họ đi bảo đảm cho thí sinh thi đậu. Nhiều khi họ chẳng làm gì cả. Học sinh đó tự mình có khả năng thi đậu, họ sẽ đến nhận tiền. Còn rất thí thôi. Có khi họ chỉ mượn một giáo sư, nào đó biết được điểm trước một ngày là họ kê công ơn nhưng thật sự thí việc gói gắm ở hội đồng giám khảo không phải để,

Trước hết là phải biết thí sinh ở Hội đồng nào. Khi về đến Hội đồng rồi, trong mấy ngàn thí sinh làm sao biết bài nào của thí sinh nào đó mà gửi. Nếu có tìm ra nữa, có rất nhiều giám khảo, trong đó, biết bài thi đó sẽ lọt vào tay giám khảo nào? Bởi vậy, việc gửi gắm cất phiếu lưu, không bảo đảm. Tuy nhiên người ta cũng khai thác điểm tâm lý là các em muốn đậu cho nên mới có những tổ chức bịp bợm như vậy.

NĐMB: Có trường hợp nào mà các giám thị chung nhau giúp cho các thí sinh không? Ví dụ như ông giám thị này có con em gửi cho ông giám thị kia để nhờ nhắc bài dùm, và ngược lại.

O. Nguyễn Thanh Liêm: Rất khó thực hiện những việc trao đổi như vậy. Số giám thị rất đông, thành ra vào trong một hội đồng giám thị ít khi nào quen được hết. Ví dụ như có gửi được khi vị giám thị đó vào trong phòng thi cũng khó nhắc lắm, vì còn có những thí sinh khác trong phòng thi nữa. Những thí sinh này sẽ kêu lên và hơn nữa, còn những giám thị hành lang, những ủy ban thanh sát đi bắt ngó nữa.

NĐMB: Tổ chức làm tiền bảo đảm cho kết quả kỳ thi cũng có thể bán trước những đề thi mà họ cho rằng đề thi đó có thể đúng tới 90% đề thi sẽ ra và họ bán với giá là 5.000\$. Hồi này Ông Phụ tá có nói đề thi rất được bảo đảm về phương diện bí mật vậy tại sao lại có người bán đề thi vì cũng có những đề thi bán đúng với đề thi đã ra trong kỳ thi?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Đây là việc bấp bưng hơn là sự thật. Một số thí sinh năm rồi cố đi tìm mua những đề thi với giá 5.000\$ hoặc 6.000\$ nhưng sau đó chỉ đề thi này loạn toàn sai với đề thi ra trong kỳ thi.

Tóm lại tổ chức đó đã lợi dụng sự nhọ da của thí sinh để kiếm tiền. Tôi thấy trong tờ Phản Báo Tình Hình số 39 vừa qua, một ký giả đã đề cập tới vấn đề này. Ký giả này viết như sau: Một học sinh cho biết là năm ngoái em đã mua tới sáu đề thi không có lời giải với giá 5.000\$ mỗi đề nhưng đến khi thi thì không có đề nào đúng cả. Em vẫn thi đấu nhưng hoàn toàn do sức học và cố gắng của mình, tuy nhiên em vẫn không ăn hận. Chẳng thể phải một số tiền còn hơn là thi tốt vì tiếc của. Chúng tôi thấy tâm lý của học sinh là, "thà tốn tiền hơn là tiếc của" nên rất dễ bị người ta lường gạt. Thật sự, tổ chức bán đề thi chỉ là một tổ chức lường gạt mà thôi. Vậy các học sinh không nên nghe lời người ta để chạy chọt vô ích.

NDMB: Có tổ chức bảo đảm việc thi dùm nữa. Ví dụ như mình trả tiền cho họ một số tiền nào, như là 500.000 chẳng hạn thì họ sẽ cho một người đi thi dùm và thí sinh cứ việc ở nhà.

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Trong những năm qua cũng có một vài trường hợp thi dùm, chúng tôi đã phát giác và hủy bỏ kết quả của kỳ thi và còn truy tố những người thi dùm nữa. Thi dùm như vậy khó lắm chứ không phải dễ vì giả mạo nhiều thứ giấy tờ. Giả mạo từ tấm hình của mình trên phiếu thí sinh, đến những giấy tờ cần thiết dùng trong trường thi. Bởi vậy việc này rất khó khăn và sau đó có thể bị phát giác vì luôn luôn sau mỗi kỳ thi... chúng tôi đều có những ủy ban để kiểm soát lại kết quả của cuộc thi. Do đó, những người đi thi dùm có thể bị tố cáo ngay hay là khi thi xong, chúng tôi tìm ra giữa chữ viết của thí sinh trên đơn xin thi và chữ viết trong bài thi. Nếu phát giác ra sự gian lận thì kết quả kỳ thi bị hủy bỏ, mà trong trường hợp đó còn có thể bị truy tố ra tòa.

NDMB: Hồi này Ông Phụ Tá có nói hội đồng giám khảo làm việc cũng chặt chẽ lắm trong việc chấm bài thi. Nhưng tổ chức

Làm tiên kia cũng nói rằng họ có đường giây có thể là móc nối với hội đồng giám khảo để trao bài thi và chấm cho đậu và có thể hội đồng giám khảo còn cho biết số điểm một vài ngày trước khi treo bảng.

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Hồi này tôi cũng có trình bày là nhân việc học sinh thiết tha mong đậu cho kỳ được cho nên họ nhẹ dạ để cho những bịp bợm, lừa gạt đều có thể xảy ra. Trường hợp này là trường hợp họ lãnh đại vậy thôi chứ thật sự họ chẳng làm gì cả. Có thể như thế này: ví dụ tôi nói để tôi gửi gắm cho một ông giám khảo nào đó trong hội đồng thi để lãnh một số tiền. Rồi muốn cho phụ huynh học sinh tin rằng mình có quen với hội đồng giám khảo thật sự, một ngày nào đó mình có thể tới hội đồng để bắt tay với một vị giáo sư nào đó rồi trở ra nói với phụ huynh học sinh là đã gửi rồi. Sau này, khi có kết quả mà thí sinh ấy đậu, cứ nhận là đã lo nhưng thật sự có làm gì đâu và chuyện đậu rớt là do sức học của thí sinh.

NDMB: Mỗi năm thi, ở một vài trung tâm có chuyện rắc rối xảy ra mà người ta nói là do những người địa phương quấy rầy. Ví dụ như trung tâm ở Long Xuyên, Cần Thơ, Tây Ninh... Vậy Ông Phụ Tá nghĩ cách nào để có thể bảo vệ các phòng thi?

Ô. Nguyễn Thanh Liêm: Theo một tinh thần thông tư của Thủ Thủ Tướng, hôm trước chúng tôi có họp một Ủy Ban Liên Bộ Bảo Vệ Trường Thi. Ở mỗi địa phương có tổ chức hội đồng thi cũng có thành lập một Ủy Ban Bảo Vệ Trường Thi. Trong phiên họp của ủy ban, chúng tôi ấn định rõ ràng những công việc mà các cơ quan công quyền phải giúp đỡ cho hội đồng thi như thế nào. Chẳng hạn như phụ huynh học sinh không được đến trường thi, ngay cả những người lo về an ninh cũng không được đến gần phòng thi. Nghĩa là trong phòng thi, trên hành lang của trường thi chỉ do những giám thị có trách nhiệm ở đó mà thôi. Còn Cảnh Sát, Quân Cảnh chỉ ở ngoài phạm vi hội đồng, chỉ khi nào vị chủ tịch của trung tâm kêu gọi những nhân viên an ninh phải can thiệp một vụ bất trắc xảy ra thì họ mới có quyền đến gần.

NDMB: Đó là nguyên tắc, thực tế lại chính những người giữ an ninh vi phạm nhiều hơn. Có người nói rằng chính những người cầm quyền tại địa phương đã vi phạm kỷ luật trường thi.

O. Nguyễn Thanh Liêm: Vì thế cho nên những tiêu khoản chúng tôi ghi trong biên bản Ủy Ban Bảo Vệ Trường thi để gửi tới địa phương, chúng tôi có nhắc nhở các cơ quan công quyền địa phương giúp đỡ chúng tôi rất thận trọng trong vấn đề này. Thứ nhất là chính những vị đó cũng ở trong Ủy Ban Bảo Vệ Trường Thi cho nên cũng có trách nhiệm trong việc này và không nên để những chuyện lỗi thời xảy ra.

NDMB: Khi thi xong rồi có thể rút. Có tổ chức lại nói rằng có thể cho người bị rút bằng cấp, bằng cấp có ký tên và đóng dấu của giới chức có thẩm quyền. Người dùng bằng cấp đó chỉ việc điền tên vào thôi. Vậy Bộ Giáo Dục có cách nào kiểm soát được những bằng đó không?

O. Nguyễn Thanh Liêm: Những tổ chức làm giả thi chúng chỉ học trình, học bạ chúng chỉ của kỳ thi Tú Tài I đều có làm giả. Nghĩa là họ bắt chước chữ ký, con dấu và bán cho một số người. Nhưng khi xử dụng những giấy tờ đó bị phát giác ngay vì cơ quan nào tuyển dụng nhân viên cũng đều gửi chúng chỉ, văn bằng đến nhà khảo thí để xin xác nhận. Nhà Khảo Thí sẽ lật trở lại danh sách kỳ thi cử là biết ngay.

NDMB: Nghe nói Ông Phụ Tá có một dự án cải tổ toàn bộ vấn đề thi cử, xin phác họa cho biết dự án đó?

O. Nguyễn Thanh Liêm: Chúng tôi có nghiên cứu một cách kỹ lưỡng về dự án cải tổ và tận tiến việc thi cử. Trong dự án này chúng tôi sẽ thiết lập một lối thi trắc nghiệm khách quan và có thể chấm bài bằng máy điện tử và những hồ sơ thí vụ đều được làm bởi máy điện tử. Nhưng dự án đó đòi hỏi một số tiền hơi lớn, khoảng 180.000 mỹ kim (72 triệu bạc Việt Nam). Nếu thực hiện được, công cuộc này sẽ hoàn tất vào năm 1974. Năm tới đã bỏ thi Tú Tài I rồi chỉ còn duy trì Tú Tài II của năm 1973 nhưng đến năm 1974 khi thi Tú Tài II sẽ sửa đổi hết, nếu dự án vừa nói có phương tiện để thực hiện.

CHƯƠNG TRÌNH CẢI CÁCH THỦ TỤC

HÀNH CHÁNH

Phát Hình Ngày 13.7.1972

Ông LÊ CÔNG CHẤT, Thứ Trưởng Nội Vụ.

Ông TRƯƠNG VĂN NAM, Tổng Thư Ký Bộ Nội Vụ.

Ông TRẦN CÔNG HÀM, Chánh sự vụ Sở Kế Hoạch Bộ Nội Vụ.

NDMB: Thưa Ông Thứ Trưởng, hể nói tới hành chính là người ta nghĩ tới Rùa, Rắc rối, Tham nhũng, xin cho biết tại sao?

Ô. Lê Công Chất: Trong lúc Quân Lực VNCH đang anh dũng tiêu diệt Cộng Sản xâm lăng ở các chiến trường, nghe câu hỏi ray rức của Đại Tá, tôi thấy lòng buồn rười rượi.

Tuy nhiên, chắc Đại Tá cũng công nhận "Muội ư cô già, hà đi mình kim". Nếu không biết việc trước thì không thể mình sát việc đời nay được.

.../

Nền hành chánh chúng ta đi từ hình thức cổ điển có tính cách Cãnh sát, Quốc phòng và Tư pháp, biến chuyển sang hình thức kinh tế và xã hội, từ tình trạng thô sơ biến thành hiện trạng rườm rà phức tạp như ngày nay, qua thời kỳ quân chủ từ Lê Thái Tổ tới Gia Long, Minh Mạng và qua thời kỳ Pháp thuộc tới nay.

Rồi đến thời kỳ 1945 đến 1954, nước ta lại trải qua nhiều cuộc biến đổi cho đến ký kết Hiệp định Genève nhiều Chánh phủ Trung Ương được thiết lập trong tình trạng khẩn cấp và trong trạng thái tranh chấp quyền binh, nên không lúc nào ổn định để thực hiện các cuộc cải tổ hành chánh đáng kể.

Tóm lại, nền hành chánh nước ta hiện nay là di sản của chế độ thuộc địa Pháp để lại.

Do đó, lẽ dĩ nhiên luật lệ do Pháp đặt ra có chiều hướng phục vụ quyền lợi của giai cấp thống trị hơn là quyền lợi của nhân dân Việt Nam, và hiện nay nhiều hoạt động của nhân dân ta vẫn còn bị chi phối bởi nhiều luật lệ thời Pháp thuộc để lại nay xét ra không còn thích hợp vì hoàn cảnh và thời gian.

Chính nền hành chánh củ đó đã ám ảnh dân ta và họ cho là rùa, rắc rối, tham nhũng.

Thật ra, vì rườm rà nên không rõ ràng, mà cái gì không rõ ràng, mờ mờ ảo ảo, thì hay rắc rối, mà có rắc rối thì phải gỡ rối. Bây giờ mỗi lần gỡ rối thì người ta nói là "kiếm chút cháo". Hề gỡ rối ít thì người ta nói cháo rùa mà gỡ rối nhiều thì người ta nói cháo bào ngư.

NDMB: Như vậy thì tình trạng các loại "cháo" đó hiện nay ra sao ?

Ô. Lê Công Chất: Thật ra chẳng phải bây giờ mà trước đây các Chánh phủ cũng nhận thấy nguy cơ của một nền hành chánh rườm rà với những luật lệ củ kỹ, rai rắc, e ngại "hành chánh sẽ biến thành "hà chánh" tức một nền hành chánh hà khắc, cho nên cũng có thực hiện những cải cách lẻ tẻ.

Nhưng mãi đến nền Đệ Nhị Cộng Hòa, đương kim Tổng Thống VNCH mới đặt nặng vấn đề cải cách thủ tục hành chính và có kế hoạch thực hiện nằm trong các kế hoạch Bình định Xây dựng Bình định phát triển, Cộng đồng Tự vệ và Cộng đồng Phát triển Địa phương trong mục tiêu tự quản, hành chính nhân dân là một trong ba mục tiêu chính: tự phòng, tự quản và tự túc của Chính phủ.

Tổng Thống chỉ thị nghiên cứu sửa đổi các thủ tục hành chính rườm rà, phức tạp gây nhiều phiền toái cho dân chúng, giản dị hóa thủ tục các giấy tờ tương giao giữa các cơ quan công quyền và thiết lập hệ thống báo cáo hữu hiệu đã điện từ hạ tầng cơ sở xã ấp đến các cơ quan trung ương để tiến tới việc áp dụng trên toàn quốc những thủ tục hành chính giản dị, minh bạch và hữu hiệu.

Khổ vậy mà lần lần lấy những lá xấu cành dư gây rườm rà, rậm rạp vô ích cho cây mà thay một số các thủ tục được nhẹ nhàng hơn. Và trong kế hoạch bốn năm cộng đồng tự vệ và Cộng đồng Phát triển địa phương (1972-1975) Tổng Thống chỉ thị bứng những cây xấu tận rễ bằng cách thiết lập một cơ cấu đặc trách việc cải cách thủ tục hành chính.

Đó là Ủy Ban Quốc Gia Cải Cách Thủ Tục Hành Chính do Thủ Tướng Chính Phủ làm Chủ Tịch.

NDMB: Thưa ông Tổng Thư Ký Bộ Nội Vụ, mục đích khi đặt ra cải cách thủ tục hành chính là để giúp dân hay giúp chính phủ?

Ô. Trương Văn Nam: Như Ông Thứ Trưởng Nội Vụ vừa trình bày, phần lớn luật lệ của nước ta do thời Pháp thuộc để lại, nên lắm khi rườm rà và phiền phức.

Cho nên, mục đích của công cuộc cải cách thủ tục hành chính trước nhất nhằm giúp đỡ người dân được mau chóng, khỏi bị phiền toái vô ích khi tiếp xúc với chánh quyền để xin những giấy tờ cần thiết đến đời sống và công ăn việc làm.

Những gì xét thấy không cần thiết sẽ được bãi bỏ. Ví dụ, theo vài thủ tục xưa, trong vài vấn đề như xin việc làm, hay hành nghề, nhiều cơ quan đòi phiếu trích lục tư pháp lý

lịch số 3 và đòi thêm chúng chỉ hính kiểm do Xã ở Tỉnh hoặc khu phố ở các Thị xã và Phường tại Đô thành cấp.

Nhiều người dân đã than phiền, tại nhiều nơi, muốn xin chúng chỉ hính kiểm lại bị chính quyền Xã, Khu phố, Phường đòi phải xuất trình Tư Pháp Lý lịch màu số 3. Những thủ tục rườm rà như vậy đã và sẽ được cải thiện để giúp đỡ đồng bào.

Sau nữa, công cuộc cải cách thủ tục hành chính trong tương lai còn nhằm giúp cho Chính phủ điều hành giản dị và hữu hiệu các cơ quan công quyền đồng thời bớt được chi phí về nhân viên và giấy tờ. Hiện nay, tại nhiều quốc gia như Hoa Kỳ, Phi Luật Tân, Đài Loan v.v.. đều có những ủy ban để lo việc cải cách này.

NDMB: Thưa ông Chánh Sư Vụ Sở Kế Hoạch, chương trình cải cách thủ tục hành chính được tổ chức và điều hành như thế nào?

O. Trần Công Hàm: Tổ chức và phương thức điều hành. Chương trình cải cách thủ tục hành chính như sau: Ủy Ban Quốc gia Cải cách thủ tục hành chính do chính Thủ Tướng Chính phủ làm chủ tịch, Ông Thủ Trưởng Bộ Nội Vụ làm tổng thư ký và một số hội viên là các tổng trưởng, bộ trưởng.

Tại mỗi bộ hay mỗi cơ quan biệt lập phải thành lập Nhóm Đặc Nhiệm gồm có một Trưởng nhóm và một số chuyên viên có khả năng và thiện chí, am hiểu vấn đề. Để phụ trách cải cách các thủ tục hành chính thuộc bộ hay cơ quan.

Mỗi đô, tỉnh, thị xã có một tiểu ban Cải Cách Thủ Tục Hành Chính trực thuộc Hội Đồng Bình Định và Phát triển Đô, tỉnh thị. Tiểu Ban Cải Cách thủ tục hành chính có nhiệm vụ tiếp nhận các chỉ thị của Trung Ương và thực hiện các Cải cách Thủ tục Hành chính tại Địa phương và trình về Trung Ương các đề nghị cải cách cần thiết.

NDMB: Thưa ông Tổng Thư Ký, trước đây đã có nhiều Ủy ban Cải cách Hành chính và chúng ta cũng có sẵn một Học viện Quốc Gia Hành Chính. Tại sao nay lại lập Ủy Ban Cải Cách Thủ Tục Hành Chính? Ủy ban đã làm gì chưa, và sẽ làm những gì?

O. Trương Văn Nam: Như Ông Thủ Trưởng Nội Vụ đã trình bày là từ lâu, các Chánh phủ tiên nhiệm đã thay ngụy cơ của một nền hành chánh, với những luật lệ cũ kỹ và cồng kềnh, nên đã nghĩ đến việc cải cách. Tuy nhiên, nước ta trước sự xâm lăng của Cộng sản, có những vấn đề khó khăn và brong đại phải được tuân tự giải quyết.

Tuy rằng, hiện nay nước ta vẫn còn gặp nhiều khó khăn do sự xâm lăng của Cộng sản, Tổng Thống VNCH nhận thấy cần đặc biệt lưu tâm tới vấn đề cải cách hành chánh để phục vụ đồng bào, nên đã đưa chương trình Cải cách Thủ tục Hành chánh vào trong Kế Hoạch Tứ Niên Cộng Đồng Tự Vệ và Cộng Đồng Phát Triển (1972-1975) và thành lập một Ủy Ban Quốc Gia Cải Cách Thủ Tục Hành Chánh, để lo vấn đề này.

Học Viện Quốc Gia Hành Chánh là một trường đào tạo cán bộ chỉ huy hành chánh, ngoài nhiệm vụ giảng huấn, Học viện cũng nghiên cứu các vấn đề hành chánh, nhưng có tánh cách giáo khoa và chuyên khảo hơn là giải quyết trên thực tế.

Trái lại, Chánh phủ chỉ huy trực tiếp nền Hành chánh với những va chạm thực tế có đủ tham quyền và khả năng để Cải cách các thủ tục hành chánh.

Thật ra muốn cải cách thủ tục hành chánh cần phải phân tích thật kỹ càng vấn đề xem vấn đề được qui định bởi những luật, hay sắc lệnh, nghị định nào. Phân tích hồ sơ có bao nhiêu giấy tờ, xem giấy tờ nào xét cần thiết để bảo đảm an ninh trật tự và vệ sinh công cộng. Giấy tờ nào có thể bãi bỏ. Phân tích xem vấn đề từ phát sinh đến khi được giải quyết (ví dụ: đơn xin hành nghề đến khi được cấp giấy phép phải trải qua mấy cơ quan và mất bao nhiêu thời giờ mới được kết quả) và xem có thể gián dị cách nào cho được mau chóng. Sau cùng đề nghị lên cấp tham quyền để xin sửa đổi.

Các cơ cấu tổ chức về cải cách thủ tục hành chánh tuy mới được thành lập từ tháng 4.72 nhưng tới nay các Bộ đã nhận được rất nhiều đề nghị cải cách thủ tục hành chánh và đã cứu xét cải cách được 14 thủ tục hành chánh nhằm gián dị hóa các thủ tục tới mức tối đa, có thể tiết giảm tiền bạc và thì giờ cho dân chúng.

Ví dụ: Thủ tục đã được cải cách xét ra rất có lợi cho đồng bào như: thủ tục cấp giấy mở quán ăn, giải khát. Nay Bộ Nội Vụ đã quyết định cải cách thủ tục này và ban hành Nghị định số 395-BNV/HO/NĐ ngày 16.6.72 trong vòng một tháng là có thể có giấy phép. Với thủ tục mới, hồ sơ chỉ còn bốn văn kiện là:

Đơn xin hành nghề, giấy khám sức khỏe của chủ nhà và đầu bếp, giấy cam kết không sử dụng những người giúp việc mắc bệnh truyền nhiễm, giấy tờ chứng minh quyền sử dụng căn nhà để mở quán ăn hay giấy ưng thuận của chủ căn nhà.

Về thủ tục tiến hành:

- Bỏ việc xin phiếu tư pháp lý lịch (độ 1 tháng)
- Bỏ thủ tục sưu tra Cảnh sát (độ hai tháng)
- Bỏ thủ tục tham khảo ý kiến Hội đồng tỉnh (độ hai tháng)

Như vậy, trước đây thời gian cứu xét đơn xin hành nghề mở quán ăn giải khát kéo dài trên 6,7 tháng, nay chỉ còn một thời gian độ một tháng.

Trước đây, việc cấp ^{giấy} phép buôn bán sửa chữa máy thu thanh và thu hình do Bộ Nội Vụ cấp và hồ sơ xin phép cần tới 8 văn kiện và qua những thủ tục điều tra Cảnh sát (ước độ hai tháng), cứu xét tại Tỉnh, Thị (độ một tháng), cứu xét tại Bộ Nội Vụ (độ một tháng)

Nay thủ tục hành chánh này đã được Bộ Nội Vụ trình Phủ Thủ Tướng xin cải tiến như sau:

- Trường hợp hành nghề sửa chữa máy thu hình, thu thanh: người xin chỉ cần nộp một tờ hành nghề.
- Trường hợp buôn bán máy thu thanh, thu hình, chỉ phải nộp đơn xin đính kèm một chứng chỉ không thiếu thuế và giấy chứng minh chủ quyền cơ sở hành nghề.
- Và ủy quyền cho các đô, tỉnh, thị trưởng cấp phép cho các đương đơn. Với thủ tục mới trong vòng một tháng người xin có thể được cấp phép.

NDMB: Phưa ông Chánh sự vụ Sở Kế Hoạch, hỏi này Ông Thủ Tướng có cho biết việc này không phải của chánh phủ mà còn là của người dân nữa, vậy người dân sẽ giữ vai trò gì trong việc Cải Cách Thủ Tục Hành Chánh?

Ô. Trần Công Hàm: Người dân giữ vai trò quan trọng trong việc Cải cách Thủ tục Hành chính vì mọi cải cách đều nhằm mục đích tạo sự dễ dàng, tạo nhiều tiện ích cho dân chúng.

Ủy Ban Quốc Gia Cải cách Thủ tục Hành chính kêu gọi sự hưởng ứng của dân chúng, báo chí thân hào nhân sĩ đưa ra những đề nghị cải cách các thủ tục hành chính mà tương giao giữa chính quyền và dân chúng đã gặp phải những sự phiền phức hay khó khăn.

Những đề nghị này nếu có xin được gửi tới chương trình Người Dân Muốn Biết hay văn phòng Trưởng trực Ủy Ban Quốc Gia Cải Cách Thủ Tục Hành Chính, số 41 Đại lộ Thống Nhất Saigon hay hộp thư số 1 Saigon.

NDMB: Người đưa đề nghị có được thưởng gì không, nếu đề nghị đó được Ủy ban chấp nhận và thi hành?

Ô. Trần Công Hàm: Để khuyến khích sự hưởng ứng, tham gia của dân chúng và mọi giới đối với Chương trình Cải Cách Thủ Tục Hành Chính, Ủy Ban Quốc Gia Cải Cách Thủ Tục Hành Chính dự trù trong bốn năm từ 1972-1975, mỗi năm sẽ trao một số giải thưởng bằng hiện kim trị giá khoảng 1.000.000\$ cho những đề nghị cải cách thủ tục hành chính tiến bộ nhất, xác đáng nhất.

NDMB: Nếu đặt vấn đề giản dị hóa thủ tục hành chính thì giản dị có thể đến mức nào?

Ô. Trương Văn Nam: Thực sự khó mà ấn định mức độ giản dị hóa các thủ tục hành chính. Ủy ban Cải Cách Thủ Tục Hành Chính thường cố gắng giản dị hóa các thủ tục Hành Chính tới mức tối đa để giảm bớt những khó khăn, tốn phí cho dân chúng mà đồng thời vẫn bảo đảm duy trì được an ninh trật tự và vệ sinh công cộng.

Trong mọi cộng đồng, luôn luôn có nhân muốn đòi hỏi được nhiều tự do; ngược lại, muốn được tồn tại cộng đồng phải có những ràng buộc để hạn chế bớt sự tự do và quyền lợi của cá nhân.

Như đã thấy tại nhiều nơi, mặc dù thể lệ xây cất đã khá chặt chẽ, vậy mà có nhiều người đã xây cất nhà cửa trên miệng cống công cộng; làm trên lề lộ hay trên đường hầm, bít lối đi giữa hai xóm. Nay, nếu cho giản dị thủ tục xây cất đến mức thả lỏng thì an ninh và trật tự không còn nữa và sẽ gây rối loạn.

Cho nên, tùy theo mỗi vấn đề, Ủy Ban Cải Cách Hành Chánh sẽ đề nghị việc cải cách thủ tục đến mức tối đa, nhưng không thể quá lần mức có thể làm nguy hại cho nền trật tự và an ninh công cộng.

NDMB: Ông Tổng Thư Ký nói có nhiều việc có thể giản dị được như là tờ khai gia đình, các chứng thư hành chánh, chứng chỉ hạnh kiểm, thị nhận ban sào và chữ ký tư nhân, giấy phép chuyển thị hải, giấy phép hội họp làm ma chay cúng giỗ, giấy phép buôn bán sửa chữa máy thu thanh, thu hình, giấy phép mở quán ăn giải khát, giấy phép mở tiệm cam đồ bình dân, việc ủy quyền cho các Phường Trưởng Đồ Thành ký cấp các giấy tờ hộ tịch thay vì Quận Trưởng, việc cung cấp cho dân chúng những mẫu ấn chỉ đơn tử. Vậy theo ông Chánh sự vụ, có thể giản dị đến mức nào?

Ô. Trần Công Hàm: Trong những thủ tục vừa hỏi, phần lớn đã được Ủy Ban Cải Cách Thủ Tục Hành Chánh cứu xét giản dị hóa tới mức tối đa, một phần đã được công bố, một phần sẽ được công bố cho thi hành trong ngày gần đây.

Tờ khai gia đình sẽ được thống nhất trên toàn quốc theo một mẫu nhất định.

Các Xã Trưởng, Chủ Tịch Khu Phố, Phường Trưởng sẽ có thẩm quyền ký cấp sổ gia đình.

Khi dân chúng di chuyển gia đình đi nơi khác, phải xin giấy thay đổi cư trú (thay thế phép di chuyển, báo cáo thay đổi chỗ ở cũ) cũng do các Xã Trưởng, Chủ Tịch Khu Phố, Phường Trưởng ký cấp. Chỉ trong trường hợp di chuyển tới một tỉnh khác hay Đồ Thành Saigon, mới cần có cấp Quận ký khám.

Dân chúng có thể xin di chuyển tạm không phải gạch tên trong sổ gia đình cũ trong thời gian hai tháng và có thể xin tái hạn hai lần (tất cả là sáu tháng).

Về việc cung cấp cho dân chúng những mẫu ấn chỉ đơn từ, Bộ Nội Vụ đã ban hành thông tư cho phép các nhà in được công khai in bán cho dân chúng các mẫu ấn chỉ trong mục đích dân chúng có thể dễ dàng tìm mua các loại ấn chỉ cần thiết và giá rẻ.

Về việc thị nhận bản sao và chữ ký tư nhân thì đây là một cái cách quan trọng trong lãnh vực hành chánh.

Các Xã trưởng tại các tỉnh. Chủ tịch Ủy Ban Hành Chánh Khu phố tại các Thị xã và Phường trưởng tại Đô thành được trao quyền thị nhận các bản sao và chữ ký tư nhân, thay vì trước đây phải xin tại cấp Quận, Tỉnh hay Thị xã.

Về việc cấp pháp chứng thư hành chánh, các Phường trưởng, Xã trưởng, Chủ tịch Khu phố cũng được quyền ký cấp cho dân chúng các chứng thư hành chánh, như chứng chỉ sống chung, chứng chỉ hạnh kiểm v.v... và các chứng thư này không cần phải xin cấp Quận Tỉnh, Thị xã thị thực lại chữ ký của những viên chức này. Như thế, từ nay dân chúng khi xin cấp chứng thư hành chánh khỏi phải qua hai cơ quan như trước đây mà chỉ cần đến một cơ quan để xin.

Đối với giấy chứng chỉ hạnh kiểm, các cơ quan cấp chứng chỉ hạnh kiểm thường đòi hỏi người xin phải xuất trình phiếu tư pháp lý lịch số 3 kèm theo tờ khai gia đình. Để giản dị, Bộ Nội Vụ đã trình Phủ Thủ Tướng trong tương lai sẽ xin giản dị hóa những hồ sơ nào đòi hỏi tư pháp lý lịch thì miễn đòi hỏi chứng chỉ hạnh kiểm và ngược lại. Trong khi chờ đợi quyết định của Phủ Thủ Tướng Bộ Nội Vụ đã ra các thông tư lưu ý các cơ quan hành chánh địa phương sẽ xét cấp các chứng chỉ hạnh kiểm tùy theo sự hiểu biết của mình về hạnh kiểm của đương đơn mà không được buộc các đương sự xuất trình phiếu tư pháp lý lịch.

Việc cấp giấy phép quán ăn, giải khát và giấy phép buôn bán sửa chữa máy thu thanh, thu hình cũng đã được giản dị hóa như ông Tổng Thư Ký trình bày.

Riêng về vấn đề ủy quyền cho các Phường Trưởng Đô Thành ký cấp các giấy tờ hộ tịch thay vì Quận Trưởng chưa thể thực hiện được vì thiếu phương tiện như trụ sở, nhân viên. Tuy nhiên Ủy ban Cải cách Thủ tục Hành chánh, Bộ Nội Vụ đã lưu ý Tòa Đô Chánh hãy sửa soạn sắp xếp phương tiện để việc ủy quyền cho các Phường trưởng trong vấn đề hộ tịch sẽ có thể thực hiện được trong những năm sắp tới.

còn lại hai thủ tục giấy phép đi chuyển thi hải và giấy hội họp làm ma chay, cũng giống có lẽ đã quá giản dị. Ủy ban Cải cách Thủ tục Hành chính chưa đặt vấn đề cứu xét cải cách thủ tục này.

NDMB: Thưa Ông Tổng Thư Ký, mỗi lần xin giấy tờ, đồng bào phải đóng một số tiền gọi là lệ phí. Nhưng người dân không biết lệ phí những giấy tờ đó để làm gì và ai có quyền miễn lệ phí?

Ô. Trương Văn Nam: Lệ phí thường chỉ được thu trên một vài loại giấy tờ, như trích lục hộ tịch, xin thị thực chữ ký và thu cho ngân sách các xã, ngân sách các thị xã hoặc Đô thành, để đại thọ việc mua sắm các số, Bộ nói trên và in các tờ rời để cấp trích lục khai sinh, khai tử, hôn thú.

Lệ phí tối đa từ 30 đến 40\$. Ngoài ra, Bộ Nội Vụ cũng có cho miễn đóng lệ phí đối với các giấy tờ như nạp hồ sơ, học bổng, xin hưu bổng miễn đóng cho cô nhi và quả phụ v.v..

Bộ Nội Vụ đã có chỉ thị các Đô, Tỉnh, Thị và các Xã có thu lệ phí, phải dán trước văn phòng, giá biểu lệ phí và các trường hợp được miễn.

NDMB: Thưa Ông Tổng Thư ký, hỏi này ông Tổng Thư Ký nói có nhiều loại giấy tờ đã rút ngắn thời gian cấp phát từ sáu tháng đến một tháng hoặc những giấy tờ có thể một ngày là được. Vậy những trường hợp này có được niêm yết để tránh trường hợp có những nhân viên đã làm xong nhưng vẫn giữ lại để làm tiền?

Ô. Trương Văn Nam: Vấn đề này Bộ Nội Vụ đã chỉ thị cho các cơ quan có trách nhiệm phải công bố cho đồng bào biết.

NDMB: Thưa ông Chánh Sự Vụ Sở Kế Hoạch, những loại giấy tờ như xin phép lạc quyền, mở số tombola, gắn huy hiệu thì chắc chánh phủ phải khó khăn hơn để tránh lạm dụng?

Ô. Trần Công Hàm: Thủ tục cứu xét việc cấp phép lạc quyền, mở số Tombola vẫn được duy trì như cũ nghĩa là do Bộ Nội Vụ cứu xét và thẩm định vì Bộ Nội Vụ có thể cứu xét kỹ lưỡng, để tránh lạm dụng. Riêng đối với thủ tục cứu xét cấp giấy phép tổ chức bán huỷ hiệu, Ủy Ban Cải Cách Thủ Tục Hành Chính nhận thấy ít quan trọng nên Bộ Nội Vụ ủy quyền cho các Đô, Tỉnh, Thị Trưởng thẩm quyền cứu xét cấp loại giấy phép này được mau chóng và thích hợp với hoàn cảnh thực tế hơn nên đã trình lên Phủ Thủ Tướng xin giao cho các đô, tỉnh, tại quyền cấp giấy phép loại này trong phạm vi quản hạt.

NDMB: Thưa Ông Thủ Tướng, chương trình cải cách các thủ tục hành chính đã được đặt ra và đã được thực hiện. Vậy chương trình tổ sẽ thực hiện trong thời gian bao lâu?

Ô. Lê Công Chất: Theo Kế Hoạch Tứ niên Cộng đồng Tự vệ và Cộng đồng Phát triển, chương trình Cải cách Thủ tục Hành chính sẽ hoàn tất vào cuối năm 1975.

Hiện nay, nhờ sự hợp tác của dân chúng, báo chí, nhân sĩ và cũng nhờ những ý kiến mà chương trình Người Dân Muốn Biết đã chuyển lại cho chúng tôi chương trình Cải cách Thủ tục Hành chính đã tiến triển điều hòa, chúng tôi trong năm nay cố gắng đạt chỉ tiêu cải cách 80 thủ tục thể lệ và chúng tôi hy vọng sẽ hoàn tất chương trình vào cuối 1975.

Tôi nói hoàn tất chương trình Cải cách Thủ tục Hành chính vào cuối 1975 là đặt các chỉ tiêu ấn định trong kế hoạch bốn năm của Chính phủ chứ không phải đến cuối năm 1975 là xong không còn lo cải cách nữa vì như tôi đã trình bày, công cuộc cải cách thủ tục hành chính có tính cách trường kỳ, do một cơ quan biệt lập phụ trách để thường xuyên nghiên cứu cải cách thủ tục hành chính cho luôn luôn thích hợp với hoàn cảnh, thời đại và nhu cầu của dân chúng, của quốc gia.

Người ta nói, nói tới hành chính là người ta nghĩ đến "tham nhũng". Thật ra không phải chỉ lý do thủ tục rườm rà sinh ra tham nhũng mà còn do tổ chức luộm thuộm, nhân sự không tốt, cho nên Chính phủ có kế hoạch chung là vừa cải tiến tổ chức, vừa cải thiện nhân sự và cải cách thủ tục.

Nhưng chắc ai cũng dự biết bộ máy hành chính khác hẳn với bộ máy chế tạo sản phẩm. Bộ máy hành chính dùng người tổ chức để tác động trái lại bộ máy chế tạo sản phẩm làm bằng vật liệu, cây, đồng, sắt, thép da v.v..

Bộ máy hành chính sử dụng năng lực con người để tác động trái lại bộ máy chế tạo sản phẩm tác động bằng sức lực của vật liệu.

Do đó, sự tiến bộ của bộ máy làm bằng con người rất chậm chạp trái lại sự tiến bộ của bộ máy dùng chế tạo các loại sản phẩm vật chất tiến bộ rất nhanh. Vì sao? Vì máy móc dễ thí nghiệm thay đổi. Người, bộ máy hành chính khó thí nghiệm.

Vì vậy mà kinh nghiệm cho thấy mỗi lần có cải tiến tổ chức hay cải cách thủ tục, ta thấy ngay vì lý do lẽ lối, tập quán hay kỹ thuật truyền nói nhân sự liên hệ có vẻ bỏ ngỡ dường như "bỏ thì thương, vương thì tội" hay như lời của Nguyễn Du:

Tiếc thay chút nghĩa cũ càng

Đầu lía ngó ý còn vương tơ lòng.

Tuy nhiên dầu có khó khăn, Ủy ban Quốc Gia Cải Cách Thủ Tục Hành Chính cũng cố gắng đạt các chỉ tiêu mà Chính phủ đã ấn định và đúng theo quan niệm của Chính phủ là:

"Hành chi nan kế giải, thả trùng khốn dân, ngô bất nhân dã".

Nếu đặt luật lệ mà dân khó theo tức làm khổ dân thì chính phủ này nhất định không làm như vậy. Chính phủ luôn luôn trung thành với chủ trương không hại dân, không phí của công, tức là bất hại dân, bất thương tài, vương đạo dã. Có người nói trong lúc này đưa ra vấn đề cải cách thủ tục hành chính không hợp thời. Nhận xét đó có lý, nhưng theo tôi, song song với quân sự, "đạo đạo định thái bình" thì phải có "văn thân cụ bút an thiên hạ". Do đó, mà nỗ lực cải cách thủ tục hành chính lúc này là một công tác yểm trợ tiền tuyến vậy.

PHÔNG VẤN TRUNG TƯỚNG VANUXEM

Phát Hình Ngày 21.7.1972

Trung Tướng VANUXEM, 68 tuổi, Tiến Sĩ Luật Khoa. Trước khi vào quân đội, ông là giáo sư Văn Chương và Triết Học. Ông đã tham gia Đại chiến thứ II (1939-1945) trên các chiến trường Âu Châu và Bắc Phi.

Ông đến Việt Nam hồi tháng 12.1945 với cấp bậc Thiếu Tá và ông là người Pháp sau cùng rời Bắc Việt năm 1955 cấp bậc ông lúc ấy là Thiếu Tướng.

Ông đã chỉ huy các Secteurs Hòa Bình, Sơn Tây, chỉ huy GM3, Sư đoàn I, Sư đoàn 2 và Zone Sud du Tonkin.

Ông đã chỉ huy trường Chiến thuật huấn luyện các sĩ quan Việt Nam tại Hà Nội. Học trò cũ của Tướng Vanuxem là Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, Đại Tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực VNCH và một số tướng lãnh khác.

Tướng Vanuxem đã chiến đấu tại Algérie và là Tư lệnh Phó lực lượng Pháp tại Đức. Ông đã bị Tổng Thống De Gaulle giam cầm hai năm.

Từ năm 1965, ông trở qua Việt Nam mỗi năm một hai lần để theo dõi tiến triển của tình hình và ông đã viết nhiều sách báo và đã diễn thuyết ở nhiều nơi tại Pháp.

Ông là Phó Chủ tịch Hội Thân Hữu Pháp Việt.

NĐMB: Thưa Trung Tướng, Trung Tướng đã cùng Tổng Thống viếng mặt trận An Lộc và đã chứng kiến chiến cuộc Quảng Trị, Trung Tướng có những cảm nghĩ nào?

Trung Tướng Vanuxem: Tôi phải thú thật với ông là tôi rất hạnh diện.

Hạnh diện vì điều mà chúng tôi trông đợi từ 20 năm nay bây giờ đã được thực hiện. Từ 20 năm nay chúng tôi đã trông đợi để trả thù cho những người từng bị giam khổ và tử nhục. (Tướng) Hưng và đúng 38 tuổi, còn (Tướng) Trưởng bốn mươi ba tuổi. Họ đã cứu được nước, nhất là họ đã cứu điều mà hết thảy chúng ta từng trông đợi và hy vọng.

Những người đã trông đợi những điều ấy trong năm mốt hoặc trong cảnh hồi hưu buồn bã, dường như đã sống đây và ngày nay họ cùng tôi cảm thấy tri ân. Đó là một niềm hy vọng mới và cố nhiên cảm tưởng hạnh diện ấy đã trở lại mau lẹ. Dù quen mắt đến đâu, những cảnh tượng tàn phá tại các thành phố và vùng quê cũng làm người ta đau xót.

Và trước biết bao tàn phá, biết bao kinh khủng, nghĩ đến biết bao sinh mạng bị tổn phí và biết bao thống khổ đã lan tràn, người ta không khỏi tự hỏi: tại sao?

Những hình ảnh kinh khủng ấy, đáng lẽ phải in sâu vào mắt những kẻ muốn lấy lòng Mạc Tư Khoa hay Bắc Kinh. Người ta chỉ thấy có một cách trả lời là: ngày nay, chủ nghĩa Cộng Sản cũng như chủ nghĩa Hitler hồi trước chỉ một chủ nghĩa độc tài thống trị mà thôi.

Việc xảy ra tại Quảng Trị hiện nay hầu như là một phép lạ. An Lộc, trong phạm vi nhỏ hẹp của nó có lẽ là một thứ tượng trưng còn đẹp hơn nữa.

Tôi đã thử thuật lại trận này cho một cựu chiến hữu và tôi đã nói rằng đó là nơi xấu nhất để lựa chọn địa thế là một vùng đất dốc và một lòng chảo có đồi núi bao quanh: trong đó chiến cụ và binh sĩ đứng chung trên một khoảng đất tàn phá 4 cây số vuông. Ngọt 100.000 đạn đại bác rớt vào đó. Những cuộc tấn công với chiến xa tiến tới cách đồn chỉ huy chỉ vài trăm thước, nhiều người chết hơn là ở Điện Biên Phủ. Đúng là một

nơi không thể nào giữ được vậy mà họ đã giữ vững và đã chiến thắng. Đánh rằng phải nói là nhỏ không quân và nhất là phải nói đến không quân Việt Nam ít được nhắc tới, đã hiện diện ở đó nhiều hơn không quân nào khác.

Người cựu chiến hữu nghe tôi thuật lại, đã phải thốt ra rằng: "Sao lại có thể như vậy"?

Nếu thế thì bọn "Việt" (tức là Việt Cộng) hiện nay không giống bọn "Việt" trước kia.

Thật vậy, đó không còn là bọn "Việt" trước kia và ở phía bên này cũng không còn là những người Việt Nam như trước. Bọn Việt Cộng hồi đó là những kẻ tin tưởng vào việc chúng làm. Chúng còn ghì là chúng có dân theo chúng. Chúng đã có những thủ lãnh đầy tham vọng và say mê. Bọn Việt Cộng hồi đó đã biết hy sinh. Ta phải thú nhận là cũng lúc đó quân đội Pháp và quân đội Việt Nam đã chiến đấu một cách không tin tưởng lắm lắm. Cấp chỉ huy thì thay đổi bất nhất. Dân chúng ăn nẫu trong một thái độ chờ thối mà một người như Đại Tướng De Lattre cũng không chưa khỏi được cho họ. Hai chính phủ Pháp Việt đều không biết rõ mình muốn gì.

Nhưng từ đó, mọi việc đã đổi khác. Từ đó, bọn Việt Cộng càng được hứa hẹn nhiều bao nhiêu thì lại càng không hiểu là chúng chiến đấu vì lẽ gì, chúng lại biết rõ là dân chúng không còn ở sau lưng chúng nữa.

Chúng biết rõ là các thủ lãnh của họ đã trở nên già nua, hủ hóa và không thể làm điều gì khác hơn là cái cọ với nhau.

Về phía bên này thì người ta thấy những binh sĩ Việt Nam. Một quân đội Việt Nam tự tin và đôi khi còn quá tự tin nữa: như một cột đồng trụ từ thời xưa biểu tượng cho vận mạng tổ quốc. Người ta cũng thấy một dân chúng đã chứng tỏ quyết tâm của mình không những bằng những cử chỉ mà cũng bằng thái độ của họ trong những điều kiện khó khăn, chua xót và đôi khi anh dũng.

Sau hết, trong sự nhất trí mới tìm lại được của dân tộc, người ta thấy một cấp chỉ huy thẳng tiến trên con đường chiến thắng. Bọn Việt Cộng ngày nay chỉ còn là bọn người dấn đầu vào chỗ chết mà thôi.

Trái lại người Việt Nam Quốc Gia sẵn sàng chịu mọi hy sinh cho tổ quốc. Tôi nghĩ đó là những lý do giải thích cuộc chiến thắng hôm nay. Điều này có lẽ còn chân thật hơn cả những cuộc thay đổi võ khí chiến thuật và chiến lược nữa. Đó là điều cốt yếu, đáng đem lại chiến thắng ngày nay.

Đành là chiến thắng này còn mong manh và phải được củng cố, có lẽ còn phải tái diễn nữa. Nhưng, lần đầu tiên trong lịch sử, một dân tộc chỉ được "tổng minh giúp đỡ" đã thắng được cuộc xâm lăng của Cộng Sản. Lần đầu tiên trong lịch sử, có lẽ người ta đã tìm ra phương thức ngăn chặn các loại chiến tranh ác liệt tự xưng "giải phóng dân tộc". Lần đầu tiên trong lịch sử, Cộng Sản đã thụt lùi trước ý chí của một dân tộc. Đành rằng có không lực mạnh mẽ của Hoa Kỳ yểm trợ, nhưng chính những B.52 có lẽ đã không đủ để ngăn chặn quân Bắc Việt đến Huế hay cả Saigon nữa. Chính quân đội Việt Nam, chính dân tộc Việt Nam đã đạt được chiến thắng này. Như thế, chiến thắng này là một khúc quanh quyết định cho chiến cuộc Việt Nam và vượt qua mọi sự xảy ra ở ngay đây. Vì bạn hãy tin là mọi dân tộc hiện bị xiềng xích làm nô lệ cho các chế độ độc tài, đều nghe biết chiến thắng này. Và để kết luận, đây không hẳn là một chiến thắng của Việt Nam, mà là một chiến thắng của tự do trên thế giới.

NDMB: Trung Tướng có nói rằng Việt Cộng ngày nay không giống như Việt Minh ngày xưa, và người Việt miền Nam ngày nay cũng không giống người Việt miền Nam ngày xưa. Có lẽ đó là điểm sai lầm của Võ Nguyên Giáp trong việc mưu tính tấn công miền Nam. Nếu ở địa vị của Võ Nguyên Giáp, Trung Tướng sẽ hành động như thế nào?

Trung Tướng Vanuxem: Tôi đã từng trả lời một câu hỏi tương tự như thế này. Tôi đã nói nếu tôi là (Võ Nguyên) Giáp, tôi sẽ tự sát. Thật vậy, tình thế cho thấy là Giáp tỏ ra bất lực trên cả hai phương diện chính trị và quân sự trong một cuộc chiến cách mạng, nơi mà yếu tố chính trị đi liền với yếu tố quân sự.

Giáp đã tỏ ra bất lực khi đứng trên nguyên tắc sơ đẳng của chủ nghĩa Mao mà nhận cách hắn đã phạm lỗi lầm rất lạ, là Giáp đã tin tưởng ở sự bỏ cuộc của nước Mỹ, ở sự bỏ cuộc của quân đội VNCH, ở sự bỏ cuộc của Nhân Dân Việt Nam ở sự cuộc của chính phủ Việt Nam.

Nhưng tất cả đứng lên để đối phó với các hiểm họa.

Về mặt quân sự, ông đã biết là Giáp tự cho mình là Napoléon. Có lẽ đúng, vì hẳn đã có cuộc đánh bại tại Waterloo của hắn, Giáp đã già rồi, già một cách tai hại. Hắn tỏ ra bướng bỉnh và ngu ngốc. Hắn không biết hành quân. Hắn chỉ bám lấy mọi một cách hành quân mà hắn biết, và có thể dùng được ở một lúc nào đó, nhưng lại không thể dùng được trước những dữ kiện hiện nay.

Vậy mà hắn có đủ mọi lời thề trong tay, bởi vì hắn có thể lựa chọn chiến trường, lựa chọn lúc đánh và lựa chọn các phương tiện để tấn công.

Bên này, miền Nam Việt Nam có đủ mọi thứ khó khăn, bắt đầu từ những khó khăn ghê gớm nhất là khó khăn chiến lược, hình thế đất đai, bắt buộc miền Nam Việt Nam không thể lâm vào một cuộc giao tranh ở bên sâu, vì thế phải phân tán địa hình và dự trữ, mà không có cách can thiệp nào khác và chỉ còn biết đặt hết tin tưởng vào các vị Tư lệnh Quận khu, Tư lệnh Sư Đoàn và các vị chỉ huy ở mọi cấp. Thêm vào đó, các vị này phải gánh chịu trách nhiệm quá lớn lao, nhưng đối lại được trọn quyền sáng kiến.

Cũng phải nói thêm là Giáp cũng có những khó khăn to lớn, trước hết phải kể là khó khăn tiếp vận, bởi vì cố nhiên không và hải quân Mỹ đã nỗ lực ngăn chặn tất cả những gì mà Giáp có thể dùng để nuôi dưỡng trận đánh của hắn.

Giáp cũng gặp phải những khó khăn rất lớn về vấn đề chỉ huy. Bộ Tư Lệnh Bắc Việt rất quen với những cuộc hành quân ngắn, có chuẩn bị kỹ càng từ trước và không có gì bất ngờ xảy ra. Vậy khi cuộc hành quân kéo dài, khi cuộc hành quân gặp những tạo ngộ bất trắc, thì cấp chỉ huy địa phương của chúng không có sáng kiến chi hết, không đối phó nổi vấn đề và phải cầu cứu đến Bộ Chính trị ở Hà Nội, hay cái chỉ đó.

Sau sự cuồng dại ở Quảng Trị, thay vì khai thác ngay lập tức, quân Bắc Việt lại phải hỏi Hà Nội, 20 ngày sau mới có trả lời. Rốt cuộc Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã thắng.

Tôi cho là tính chất trí thức cứng nhắc của Giáp đã gặp phải trí thông minh mềm dẻo của Tổng Thống Thiệu. Chiến thắng tất phải về kẻ có can trường.

NDMB: Trung Tướng có nói về đức tính uyển chuyển sáng suốt của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. Nếu ở vào địa vị Tổng Thống, Trung Tướng sẽ hành động như thế nào trên hai phương diện chánh trị và quân sự?

Trung Tướng Vanuxem: Tôi không muốn tự đặt mình trong địa vị của Tổng Thống Thiệu khi phải quan tâm về mặt quân sự cũng như chánh trị. Tôi đã thấy nhiều khó khăn khi tự đặt mình vào địa vị Võ Nguyên Giáp. Nhưng tôi nghĩ có lẽ ông muốn hỏi tôi là về mặt quân sự người ta có thể dứt trận chiến hiện nay như thế nào?

Vậy tôi xin đáp rằng, khi Tổng Thống Thiệu đi thăm mặt trận phía Bắc, Tổng Thống đã công khai tuyên bố là Tổng Thống ra lệnh cho các Chỉ huy trưởng hành quân tiêu diệt các sư đoàn Bắc Việt và tái chiếm những tỉnh, quận đã mất.

Tôi đã cẩn thận hỏi: "Tổng Thống đã nói: và hay đã nói: hoặc, hay đã nói: lần lượt (thực hiện hai mục tiêu trên) Tôi nghĩ phải hiểu theo nghĩa lần lượt."

Bởi vậy, Tổng Thống đã nói trước hết phải tiêu diệt các lực lượng Bắc Việt rồi sau đó tái chiếm những lãnh thổ đã mất.

Tôi mới tự đặt câu hỏi: "Với hai Sư đoàn Việt Nam Cộng Hòa, Tổng Thống sẽ làm sao hủy diệt được bốn sư đoàn Bắc Việt hiện diện ở đó?"

Tôi đã tới coi tận mắt và phải tin rằng sự thật đã y như vậy. Vậy nếu ông chịu khó cộng lại những thành quả mỗi ngày thì ông sẽ thấy mọi việc suông sẽ và hết sức thuận lợi cho xứ Việt Nam chúng ta.

NDMB: Nếu Trung Tướng là Tổng Thống Nixon, Trung Tướng sẽ yểm trợ miền Nam Việt Nam như thế nào?

Trung Tướng Vanuxem: Rồi sau Tướng Giáp, Tổng Thống Thiệu, bây giờ đến Nixon, tại sao không thử là Đức Giáo Hoàng

nửa đi? rồi nghĩ rằng thật là bi thảm, nước Pháp đã hy sinh hết bao nhiêu mạng sống của các con em, mà vẫn không thành công, trong việc bảo vệ tự do cho toàn lãnh thổ Việt Nam, và nhất là cho miền Bắc Việt Nam.

Tôi nghĩ rằng Hoa Kỳ là quốc gia mạnh nhất trên thế giới hiện nay, đã phải hy sinh đến 50.000 mạng sống của các thanh niên của họ. Với cái giá đó, Hoa Kỳ đáng lẽ phải giải phóng được miền Bắc. Với cái giá đó Hoa Kỳ đáng lẽ phải giải phóng được miền Bắc lại cho chính phủ hợp pháp của Việt Nam. Và như vậy Hoa Kỳ đã giúp cho Việt Nam được một sự bảo đảm duy nhất có giá trị cho hòa bình.

NDMB: Trung Tướng có tin rằng chiến cuộc sắp kết thúc chẳng? và Hòa Đàm Ba Lê có thể đưa đến hy vọng nào cho hòa bình?

Trung Tướng Vanuxem: Hồi này tôi đã cố nói, tại sao không đặt vào địa vị Đức Giáo Hoàng, người mong muốn một nền hòa bình hơn ai hết trên thế giới này.

Tôi đã cố đọc bản thỏa ước Genève, tôi đã đọc hết sức kỹ càng, tôi đọc kỹ nhất là phần tuyên cáo của Phạm Văn Đồng lúc đó, và giờ đây lời tuyên chiến thật sự mà chính Đồng đã đưa ra.

Nếu tôi là Đức Giáo Hoàng La Mã, tôi sẽ đặt lên bàn thờ tất cả những người đã chịu cảnh đàn áp vì tín ngưỡng của họ, tôi sẽ ban phép lành cho tất cả những thứ vũ khí đang bảo vệ cho chúng ta chống lại chủ nghĩa vô thần, tôi sẽ nói rõ ai là những kẻ xâm lăng thực sự, cũng như tôi sẽ đưa ra các lời nguyện rửa chống lại tất cả những kẻ nào từ chối hòa bình, mà không đếm xỉa đến các đạo luật nhân đạo và thiêng liêng.

Còn về vấn đề hòa bình, tôi thành thật cầu chúc cho hòa bình trở lại miền Nam Việt Nam. Tôi thành thật cầu mong cho hòa bình trở lại tại cả miền Bắc nữa.

Tôi sẽ nói với Bắc Việt rằng, lời cầu chúc của tôi gửi cho họ nữa, bởi vì không như ở miền Nam, các ông là những người tự do, còn ở Bắc Việt, ruột thịt của các ông, hiện đang sống trong cảnh nô lệ, một cách bi thảm nhất. Đó cũng là một vấn đề vô cùng thiết yếu.

Thử hỏi ông cùng những con người tự do có thể muốn hưởng những cảnh êm dịu của hòa bình, nếu nền hòa bình này phải trả giá bằng sự nô lệ hóa hết thầy anh em chúng ta chăng? Đó vẫn là vấn đề và đó là lý do tại sao, dù người ta nói gì chăng nữa, tôi cần nghĩ rằng sẽ chỉ có một giải pháp duy nhất cho một nền hòa bình chân thực là sự tái thống nhất xứ sở.

Hòa bình có thể đến từ miền Bắc với niềm hy vọng đen tối mà ông cũng biết là gieo họa cho cả một sự chiến thắng của phía ông vừa mới quyết định. Là miền Nam sẽ không bao giờ trở thành Cộng Sản và sự tái thống nhất sẽ không thực hiện một cách có lợi cho miền Bắc.

Bởi vậy người ta sẽ có thể tìm kiếm những giải pháp chờ đợi. Dù sao cũng giảm bớt nỗi thống khổ của cả một dân tộc.

Vì những đồng minh của chúng ta đã từ khước giải pháp mà đáng lẽ có thể đem lại hòa bình, và đồng thời tái thống nhất quý quốc, chắc chắn chúng ta sẽ phải tìm cách thu xếp. Những cách thu xếp ấy sẽ phải hết sức thích đáng và nền hòa bình gượng gạo ấy dù sao cũng là cơ hội cho xứ này phát triển và sống trong niềm hy vọng trở lại.

Nhưng ông cũng biết rõ biệt tài của hệ thống Cộng Sản là không muốn có hòa bình. Cộng sản như một giáo hội chỉ nhằm truyền bá "giáo lý" của họ, và luôn luôn tiến tới.

Hỏi này tôi có nói nếu tôi là Võ Nguyên Giáp thì tôi sẽ tự tử, nhưng Giáp sẽ không tự tử. Nhờ áp lực cảnh sát nhân dân miền Bắc sẽ không thể ho hơ gì trong khi một chế độ bình thường mà bị chiến bại như thế thì chắc chế độ đó phải đổ. Ở Hà Nội người ta sẽ cãi nhau ở cấp tối cao. Và Giáp sẽ vẫn cứng đầu vì nếu không thế thì chế độ của y sẽ cáo chung.

Chế độ Cộng Sản vốn năng hoạt và muốn hành động. Nó chỉ có thể hoàn toàn thắng hoặc chiến đấu nữa. Dù cho có những hiệp ước trong đó có ghi hai chữ hòa bình ấy với những chữ ký của các đại cường, dù cho hiệp định Ba Lê sẽ thay thế hiệp định Genève (mà chúng ta nói riêng với nhau là đã sinh ra cuộc chiến tranh ngày nay), dù cho có hết thầy những điều nói trên chăng nữa, có lẽ người ta cũng không thể ngăn cản những nhà lãnh đạo Hà Nội muốn có chiến tranh. Dù họ không được những đại cường

ủng hộ, cung cấp vũ khí và viện trợ chúng mình, Bắc Việt đứng trước mọi biến cố sẽ vẫn có thể gọi năm chục ngàn người vào miền Nam, thay vì gọi mười vạn người, họ sẽ gọi hút xương máu của nhân dân miền Nam. Và rồi vì không có Bộ Cựu Chiến Binh ở miền Bắc, họ sẽ không phải lo âu báo cho gia đình những kẻ viển vông chính ấy là thân nhân của mình tã bỏ xác ở miền Nam. Đó chính là điều mà ta phải biết. Nghĩa là chiến tranh sẽ tiếp tục một cách âm thầm. Có lẽ người ta sẽ có thể khắc phục được nó lần lần nhưng nó sẽ vẫn còn đó khi mà Việt Nam chưa tái thống nhất được trong nền tự do.

NDMB: Như vậy, theo Trung tướng, một cuộc ngưng chiến đấu có nhiều báo đảm vẫn không thể thực hiện được?

Trung Tướng Vanuxem: Một cuộc ngưng bắn là điều mong muốn, dù đó chỉ là một cuộc hưu chiến. Cần phải có những báo đảm mà trình bày ra thì khó nói cho rõ.

Nhưng ai có thể biết rõ những điều bấp bênh có thể trở thành vững bền, trong một sự chờ đợi như vậy mà người ta sẽ cố kéo dài?

Điều kiện chẳng hạn như phải cấm xen Lào, cả quân sự lẫn chính trị, giữa hai nước.

Quân đội Bắc Việt phải rút khỏi Ai Lao và Cam Bốt.

Các vũ khí tấn công phải bị cấm, chẳng hạn như thứ vũ khí mà Bắc Việt đã dùng.

Và còn có điều kiện cho phép liên minh phòng thủ mạnh mẽ và chắc chắn.

Đó là những thứ cần thiết để giữ cho tình trạng bấp bênh đó càng được lâu càng hay, và cũng để ngăn cản những kẻ gây hấn ngày nay, không cho chúng trở lại reo rắc, hận thù, chiến tranh và khủng khiếp ở miền Nam, nơi muốn có hòa bình.

NDMB: Thưa Trung Tướng, trong cuộc hưu chiến đó, VNCH có nên duy trì lực lượng quân sự ở mức hiện giờ hay là nên cải tổ thành một lực lượng cảnh bị?

Trung Tướng Vanuxem: Ở Saigon, trước Vương Cung Thánh Đường tại công trường Kennedy có một bức tượng lớn và đẹp của Nữ Vương Hòa Bình Ở dưới chân mặt bức tượng, có đầu một con rắn. Tượng Đức Bà không thể nhắc chân lên, vì phải giữ con vật độc đó không cho nó ngóc đầu lên.

Điều mà tôi sợ cho các ông và đó là một sự cảnh tỉnh long trọng là một nền an toàn giả tạo sẽ đưa các ông đến sự thiếu đoàn kết, chia rẽ, hết thông cảm với nhau, và "giải giới" các ông về cả tinh thần lẫn quân sự.

Lúc đó thì hòa bình có thể đem lại cho các ông những tai họa lớn lao hơn chiến tranh. Đó chính là điều các ông nên đề phòng. Với cái giá đó và bằng cách duy trì tinh thần phòng thủ mà các ông vừa chứng tỏ cho tôi thấy, các ông sẽ bảo vệ được còn cháu của các ông và tổ quốc của các ông.

NDMB: Thành thật cảm ơn Trung Tướng về lời báo trước đó. Pháp và Việt Nam đã giao hảo mật thiết với nhau từ gần hai thế kỷ qua. Chúng ta phải làm gì để kéo dài tinh thần hữu đó?

Trung Tướng Vanuxem: Người ta thường cho rằng nền văn minh tốt đẹp nhất, bắt nguồn từ nghệ thuật nấu ăn và phải nhận là Pháp và Việt Nam đều đứng hàng đầu về nghệ thuật đó.

Có lẽ nhờ đó mà không ai thoải mái bằng một người Việt tại Pháp hay một người Pháp tại Việt Nam, không khác nào chúng ta có sự tương đồng về tâm hồn và tinh cảm. Nhưng cái gì mà chúng ta đã cùng nhau thực hiện, sẽ cùng nhau thực hiện, cùng với quyền lợi tương quan của hai xứ, tuy nằm rất cách biệt nhau nhưng cùng có vị trí địa dư, chánh trị rất quan trọng, đã khiến cho cảm nghĩ của chúng ta hòa hợp đúng với quyền lợi của chúng ta.

Vì thế, cần có sự hợp nhất đó. Điều đó là dĩ nhiên. Dân chúng mong muốn như vậy.

Các nhà cầm quyền có những điều bất đồng, gây trở ngại cho sự giao hảo giữa chúng ta. Chúng ta rất buồn lòng nhưng vì lẽ dân chúng mong muốn nên chúng ta biết rằng sự hợp nhất không sớm thì muộn cũng sẽ được thực hiện.

Có nhiên là phải có một thỏa hiệp thân hữu mới, tôn trọng cá tính của chúng ta, cũng như thỏa hiệp đầu tiên mà ông vừa nhắc đến.

Trong khi đó, chính phủ Pháp chẳng hiểu chi cả, cứ ngỡ rằng cần phải có một thái độ nào đó. Tại sao?

Sử sách thế giới chưa từng cho thấy có trường hợp nào mà một quốc gia hay một dân tộc lại có thể được giải phóng, dưới chế độ Cộng Sản. Khi người ta đồng ý để cho hiệp định Geneva giao phần nửa lãnh thổ Việt Nam cho Cộng Sản, như vậy, có nghĩa là để cho Cộng Sản giải phóng, và việc người ta trừ định thống nhất lãnh thổ trong năm sau, cũng mang một lối suy luận như vậy.

Nghĩa là thống nhất lãnh thổ dưới màu cờ Cộng Sản.

Nhưng các ông đã phá vỡ lối suy luận nguy hại đó, các ông đã thắng đã làm cho cái gì tưởng như chắc xảy ra đã không xảy ra. Các ông đã làm sôi động vấn đề và quý ông đã biến đổi luôn cả thực chất.

Các ông còn thực hiện được nhiều việc khác nữa.

Tôi xin phép nói qua về kết quả của mối thân hữu giữa chúng ta. Dân chúng Pháp vốn có tính đố kỵ...

Chắc chắn là họ phiền hà về sự vô ơn mà về sự yếu kém của chúng tôi khiến các ông phải có thái độ đó.

Đĩ nhiên, là chúng tôi đã bỏ cuộc chiến giữa lúc nó chỉ còn cần cho sự tự do của các ông và cũng do khuyến cáo của đồng minh của chúng ta hiện đang thay thế chúng tôi một cách đắc lực. Dù sao chúng tôi cũng buồn lòng. Chúng tôi đã bỏ cuộc chiến vì thấy rằng nó chỉ còn có lợi cho quyền lợi và tự do của các ông có nghĩa là chúng tôi đã chờ đợi, mong muốn và kêu gọi sự tham gia toàn diện của các ông vào cuộc chiến đấu của chính các ông. Nhưng các ông đã từ khước, thế nên mới có sự ngỡ rằng các ông không có đủ can trường, can trường cần có cho những dân tộc biết tự trọng. Và chúng tôi cuối cùng còn tin rằng chiến sĩ của chúng tôi đã chết một cách vô ích và quý ông giữ một kỷ niệm không lấy gì làm tốt đẹp đối với chúng tôi.

Các ông vừa làm một cuộc đánh chính phi thường mà chúng tôi chờ đợi từ lâu.

Đó là bằng chứng sự can thiệp của các ông. Bây giờ, điều cần là người ta phải tin tưởng và tôn trọng cá tính của dân tộc các ông.

Vì thế cần phải để cho Chính phủ Pháp có thời giờ sửa lại lời lầm xưa có כדי giờ để tách rời khỏi nhu cầu của cuộc bầu cử sắp đến (ở Pháp) và để được hiểu biết về tình hình thực tế.

Và lại, mọi việc sẽ thay đổi. Tôi cố ý mang đến đây tờ báo này một trong những tuần báo lớn nhất của Pháp, có hàng triệu độc giả. Đây hai trang liền một trình bày về An Lộc.

An Lộc là Verdun của Việt Nam, là Stalingrad của quân đội Việt Nam. Quân đội Việt Nam đã giữ vững, Việt Nam hóa là một sức mạnh. Đó là điều mà tờ báo đã viết và được độc giả đọc, thật không thể nào tưởng tượng nổi sự kiện này mấy tháng trước đây điều đó có nghĩa là dư luận đã thay đổi rồi. Những việc kế tiếp sẽ xảy ra.

Người ta cho biết là những cuộc trao đổi văn hóa, y tế kỹ thuật và cả kinh tế, còn khó khăn lúc này, nhưng luôn luôn vẫn có. Vậy cứ để cho mọi việc tuân tự tiến và người ta tin chắc là sẽ có những ngày tươi sáng cho tình hữu nghị Pháp - Việt.

Thời giờ cấp bách bây giờ tôi phải từ giả Việt Nam.

Chiến thắng đã lộ dạng với các ông, lúc đó các ông sẽ có nhiều cơ quá nhiều bạn ở phía kẻ thắng lao giơ cũng vinh dự hơn ở phía kẻ bại.

Tôi ra đi với niềm an ủi là những chiến sĩ tử trận đã được báo thù và với niềm hạnh diện được thấy một Việt Nam mới đang thực hiện giấc mộng củ của chúng tôi.

Tôi chỉ trở lại với một tư cách một du khách hoặc khi nào quý ông lại gặp họa nạn.

Bao nhiêu sự kiện đã xảy ra tại đây, bao nhiêu là hy vọng, bao nhiêu nỗi nhọc nhằn, cùng với mối tình chiến hữu trong một cuộc chiến như vậy và cả bao nhiêu là nỗi vui buồn cùng chia xớt trong khung cảnh một lý tưởng, tất cả ngàn ý đã biến đổi tôi thành một người Việt kiêm luôn một người Pháp. Tổ quốc là gì nếu không phải là nơi ta biết yêu mến và biết hiến thân.

Đối với tôi, hai tổ quốc nhưng chung một mối tình.

Tôi xin kết thúc bằng những lời hoan hô Việt Nam và hoan hô Pháp quốc.

LE GENERAL VANUXEM INTERVIEWE A L'EMISSION

"LE PUBLIC VEUT SAVOIR". (1)

Agé de 68 ans, et docteur en Droit, avant son entrée dans l'armée, le Général VANUXEM avait été professeur de littérature et de philosophie. Pendant la 2ème guerre mondiale, il avait participé dans toutes les campagnes d'Europe et d'Afrique du Nord.

Arrivé au Vietnam en Décembre 1945, avec le grade de Chef de Bataillon, il a été le dernier des Français à quitter le Nord-Vietnam en 1955, devenu alors général de Brigade.

Il avait commandé dans les Secteurs de Hoa Binh, Son Tay, les 1ère et 2ème Divisions et la Zone Sud du Tonkin.

Il avait dirigé le Cours tactique pour la formation des officiers Vietnamiens à Hà Nội. Ses anciens élèves sont le Président Nguyễn Văn Thiệu, le Général Cao Văn Viên, Chef d'Etat Major Général des FARVN.

(1) Theo lời yêu cầu của một số khán thính giả, Chương Trình Người Dân Muốn Biết tối Thứ Sáu 28.7.72 đã cho phát nguyên bản tiếng Pháp về các khán thính giả ngoại quốc ở Saigon theo dõi. Chúng tôi cũng xin trình bày đề quý vị độc giả có tài liệu nguyên bản tra cứu.

Il avait combattu en Algérie et avait été Adjoint au Commandant-en-Chef des Forces Françaises en Allemagne.

Depuis 1965, le Général Vanuxem est revenu au Viêt Nam 2 fois par an pour suivre l'évolution de la situation militaire.

Il est actuellement Vice-Président de l'Association d'Amitié France-Viêt Nam.

De son côté, Mme Vanuxem avait vécu pendant plus de 10 ans au Viêt Nam. Elle est l'une des femmes françaises les plus dé corées.

Le Général Vanuxem a été fait Grand-Officier de la Légion d'honneur et voit 25 citations et 9 médailles de blessés de guerre.

Il a reçu également des distinctions Viêt Namiennees telles que la Cravate de Commandeur de l'Ordre National et la Croix de Vaillance.

Le Public Veut Savoir: Mon Général vous avez visité avec le Président Nguyen Van Thieu la bataille d'An Lộc, et vous avez vu la bataille de Quang Tri, quelles sont vos impressions ?

Le Général Vanuxem: Je dois vous avouer que mon premier sentiment a été un sentiment d'orgueil.

D'orgueil, parce qu'enfin s'est réalisé ce que nous attendions depuis 20 ans. Depuis 20ans, nous attendions que soient vengés ceux qui avaient été à la peine et la honte. Hung a tout juste 38 ans, c'est-à-dire qu'il s'engageait. Trương a 43 ans, il passait tout juste son brevet de parachutiste. Aujourd'hui, ils ont sauvé la patrie, ils ont surtout sauvé ce que nous attendions et nous espérions tous. Alors que ceux qui attendaient c'est-à-dire dans leur tombeau ou dans leur triste retraite tressaillent aujourd'hui avec moi d'une reconnaissance inespérée et d'une espérance nouvelle. Bien sûr, ce sentiment d'orgueil a été vite repris. On a beau être habitué au spectacle de la guerre. Une telle désolation

répandue sur des villes et sur des campagnes émeut malgré soi. Elles sont si totales, si abusives qu'on ne peut pas ne pas avoir le sentiment de quelque chose d'outrancier qui n'a rien à voir avec ce qu'on pourrait, cette fois là, espérer. Devant tant de destructions, devant tant d'horreurs, et en pensant à tant de vies dépensées et la somme de tant de souffrances, répandues, on ne peut pas ne pas se demander: pourquoi? Ces images abominables, il faudrait qu'on les enfonce au fond des yeux de ceux qui vont faire des grâces à Moscou ou à Pékin. Car, il n'y a qu'une réponse: c'est aujourd'hui le communisme, comme hier l'hitlérisme, c'est le totalitarisme.

Bien sûr, ce qui se passe à Quang Tri aujourd'hui tient un peu du miracle. An Lôm c'est peut être, dans son étroitesse, une espèce de symbole, plus beau encore.

J'ai essayé de raconter à un ancien combattant et je lui ai dit: "C'est le lieu le plus mal choisi, une pente et une cuvette de partout surmontées et dominées. Là dedans, l'habitant et le soldat mis ensemble dans un espace réduit de deux kilomètres sur deux. Près de cent mille coups d'artillerie là dessus; des attaques avec char, parvenant à quelque cent mètres du P.C, plus de pertes qu'à Dien Bien Phu. C'était indéfendable. Et pourtant, ils ont tenu. C'est la victoire".

Pour la première fois dans l'Histoire, on a peut être trouvé le procédé pour arrêter le cycle infernal des guerre dites de libération nationale. Pour la première fois dans l'histoire, le communisme a reculé par la volonté d'un peuple. Les B.52 eux mêmes n'auraient pas suffi à empêcher les Nord-Viétnamiens de venir à Huê, même à Saïgon. C'est l'armée Viêtnamienne, c'est le peuple Viêtnamien qui ont gagné cette victoire. Cette victoire est un tournant décisif pour la guerre du Viêtnam, elle dépasse même beaucoup ce qui se passe ici même. Car croyez bien que cette victoire est attendue par tous les peuples qui sont dans les fers et dans l'esclavage des régimes totalitaires. C'est une victoire Viêtnamienne, c'est aussi une victoire de la liberté dans le monde.

Le Public veut savoir: Vous aviez dit que Viêts d'aujourd'hui ne sont pas les mêmes que les Viêts d'hier et que

les Sud-Vietnamiens d'aujourd'hui ne sont plus les mêmes que les Sud-Vietnamiens d'autrefois. C'est là peut-être l'erreur de Vo Nguyen Giap en calculant l'offensive contre les Sud-Vietnam. A la place de Vo Nguyen Giap, que feriez-vous ?

Le Général Vanuxem: J'ai déjà répondu à la question. A sa place je ne suiciderais. En effet, en l'occurrence, Giap s'est montré incapable à la fois tant sur le plan politique que sur le plan militaire dans un combat révolutionnaire où justement la politique et le militaire se rejoignent.

Il a été incapable de se soumettre à la stricte analyse que commande le Maoïsme primaire et il a fait l'erreur extraordinaire de croire à la défection de l'Amérique, à la défection de la population, à la défection du Gouvernement vietnamien, qui se sont tous redressés devant le danger.

Militairement, vous savez que Giap se croyait Napoléon. Peut être en effet il a son Waterloo. Mais il a vieilli. Il a mal vieilli. Il s'est montré entêté et stupide. Il n'a pas su manoeuvrer. Il s'en est tenu à la seule manoeuvre qu'il connaissait et qui avait été acceptable à un certain moment, mais qui ne l'était plus du tout devant les données actuelles.

Il avait pourtant les meilleurs atouts en main puisqu'il avait l'avantage de choix, du lieu, du moment et des moyens.

En face, le Sud-Vietnam avait toutes les difficultés à commencer par les pires qui sont les difficultés stratégiques: la configuration du terrain obligeait le Sud-Vietnam à ne pas mener un combat en profondeur, il devait répartir son terrain, désupléer ses réserves, sans autre intervention possible, en faisant une confiance quasiment absolue à ses commandants de Régions à ses commandants de Divisions, à ses chefs militaires à tous échelons et on leur déléguait en plus la plus grande responsabilité et en contre-partie, une initiative extraordinaire.

Il faut bien dire que Giap avait quand même en contre-partie, de grandes difficultés: à commencer par la logistique, puisque bien sûr, l'aviation et la marine américaines s'en donnaient à cœur joie surtout ce qui pourrait lui permettre de nourrir sa bataille.

.../

Il a eu aussi à faire face à des grandes difficultés dans le commandement et c'est peut-être là qu'il faudrait bien regarder. Le commandement militaire nord-vietnamien est très rodé à la manoeuvre courte, à la manoeuvre bien préparée, à la manoeuvre sans imprévu. Dès que la manoeuvre s'allonge, dès qu'elle comporte des aléas, immédiatement le commandement local, délié de toute autorité incapable d'initiative, se désaisit de la question et doit en référer à son politburo à Hanoi pour obtenir quelque chose.

Après la folie de Quang Tri, au lieu d'une exploitation immédiate, les Nord-Vietnamiens en ont référé à Hanoi. La réponse est venue 20 jours plus tard. Thiệu avait gagné.

Je pense que l'intellectualité sclérosée de Giap était en opposition avec la souplesse intelligente de Thiệu. La victoire est allée au courageux.

Le Public veut savoir: Vous avez parlé de la souplesse intelligente du Président Thiệu. À sa place, que feriez-vous sur les plans politique et militaire ?

Le Général Vauxem: Je ne veux pas me mettre à la place du Président Thiệu dans une préoccupation autant militaire que politique. J'ai déjà beaucoup de mal à me mettre à la place de Giap. Mais je pense que vous voulez me demander comment on peut militairement en finir avec la campagne actuelle.

Bien. Lorsque le Président Thiệu est allé visiter le front du Nord, il a publiquement déclaré qu'il donnait l'ordre à ses chefs militaires de procéder à l'extermination des divisions nord-vietnamiennes et à la récupération des provinces perdues.

Très attentionné, j'ai demandé: "A-t-il dit: et ? ou a-t-il dit: ou ? ou a-t-il dit: l'une après l'autre" ? C'est en ce dernier sens qu'il faut le comprendre.

Par conséquent, il a dit qu'il faut d'abord exterminer les forces nord-vietnamiennes et ensuite réoccuper les territoires perdus.

Alors je me suis posé la question: "Comment donc va-t-il avec 2 divisions, détruire les 4 divisions nord-Vietnamiennes qui sont là-bas?" J'ai été voir et j'en reviens convaincu: les choses se passent parfaitement comme cela. Ayez donc l'obligeance d'additionner les bilans de chaque jour, vous verrez que les choses iront de soi au mieux des intérêts de notre Vietnam.

Le Public veut savoir: Quels soutiens donneriez-vous aux Sud-Vietnamiens, si vous étiez le Président Nixon?

Le Général Vanuxem: Là, après Giap, après Thiệu, voilà Nixon et pourquoi pas le Saint-Père? Je pense qu'il est navrant que la France qui a dépensé tant de sang de ses enfants n'a pas réussi, à ce prix, à défendre la liberté de tout le Vietnam et du Nord-Vietnam, en particulier.

Je pense que l'Amérique, qui est la nation la plus puissante du monde, a dépensé ici la vie de 50.000 de ses enfants. Sans qu'il en coûtât davantage, elle aurait pu libérer le Nord. A ce prix là, elle aurait pu rendre le Nord à son gouvernement légitime, elle eût ainsi donné la seule et valable garantie de la paix au Vietnam.

Le Public veut savoir: Pensez-vous que la guerre va bientôt finir?

- Quelles sont les chances d'une paix négociée à Paris?

Le Général Vanuxem: Voyez-vous, je disais tout à l'heure: pourquoi pas le Saint-Père, le Saint-Père qui souhaite la paix plus qu'aucun homme du monde.

Si j'étais le Saint-Père je lirais les accords de Genève je les lirais à fond je lirais en particulier cette pathétique et prophétique proclamation de Trần Văn Dô et cette véritable déclaration de guerre prononcée par Phạm Văn Đông.

Si j'étais le Saint-Père de Rome, je mettrais sur les autels tous ceux qui ici ont souffert la persécution pour leur foi: Je bénirais les armes qui nous défendent contre l'athéisme, je désignerais quels sont ces véritables agresseurs et je lancerais mes anathèmes contre ceux qui refusent la paix en dépit des lois humaines et divines.

Alors de paix, comment la paix? De tout mon coeur, je souhaite la paix au Sud-Viêtnam. De tout mon coeur je souhaite la paix, je dirais même au Nord-Viêtnam. Mes vœux sont plus chaleureux pour le Nord-Viêtnam parce qu'ici, au Sud, vous êtes des hommes libres et que là-bas les hommes du Nord, qui sont vos frères, sont dans l'esclavage de plus délibéré et le plus affreux qui soit.

C'est d'ailleurs à la question essentielle.

Est-ce que vous pouvez, est-ce que les hommes libres peuvent vouloir jouir des douceurs de la paix, si ces douceurs de la paix achetées doivent être payées au prix l'esclavage de tous nos frères. Ce sera toujours le problème, et voilà pourquoi, quoi qu'on en dise, je pense qu'il n'y aura qu'une seule solution pour une paix véritable, ce sera la réunification.

La paix peut même venir du Nord avec la sombre espérance que vous savez, et faire le malheur de tout un pays. Votre victoire vient de décider que le Sud ne serait jamais communisé et que la réunification ne se ferait pas au profit du Nord.

On pourra, par conséquent, chercher des solutions d'attente qui ménageront quand même la souffrance de tout un peuple. Puisque nos Alliés ont refusé la solution qui âut été capable de donner la paix en même temps que de réunifier votre pays, il est certain que dès lors il faudra trouver des arrangements, il faudra que ces arrangements soient les plus convenables possibles et que ce semblant de paix soit quand même l'occasion pour ce pays de se développer et de retrouver ses espoirs.

Mais vous svez très bien que c'est dans le génie du système communiste de ne pas vouloir la paix. Le communisme,

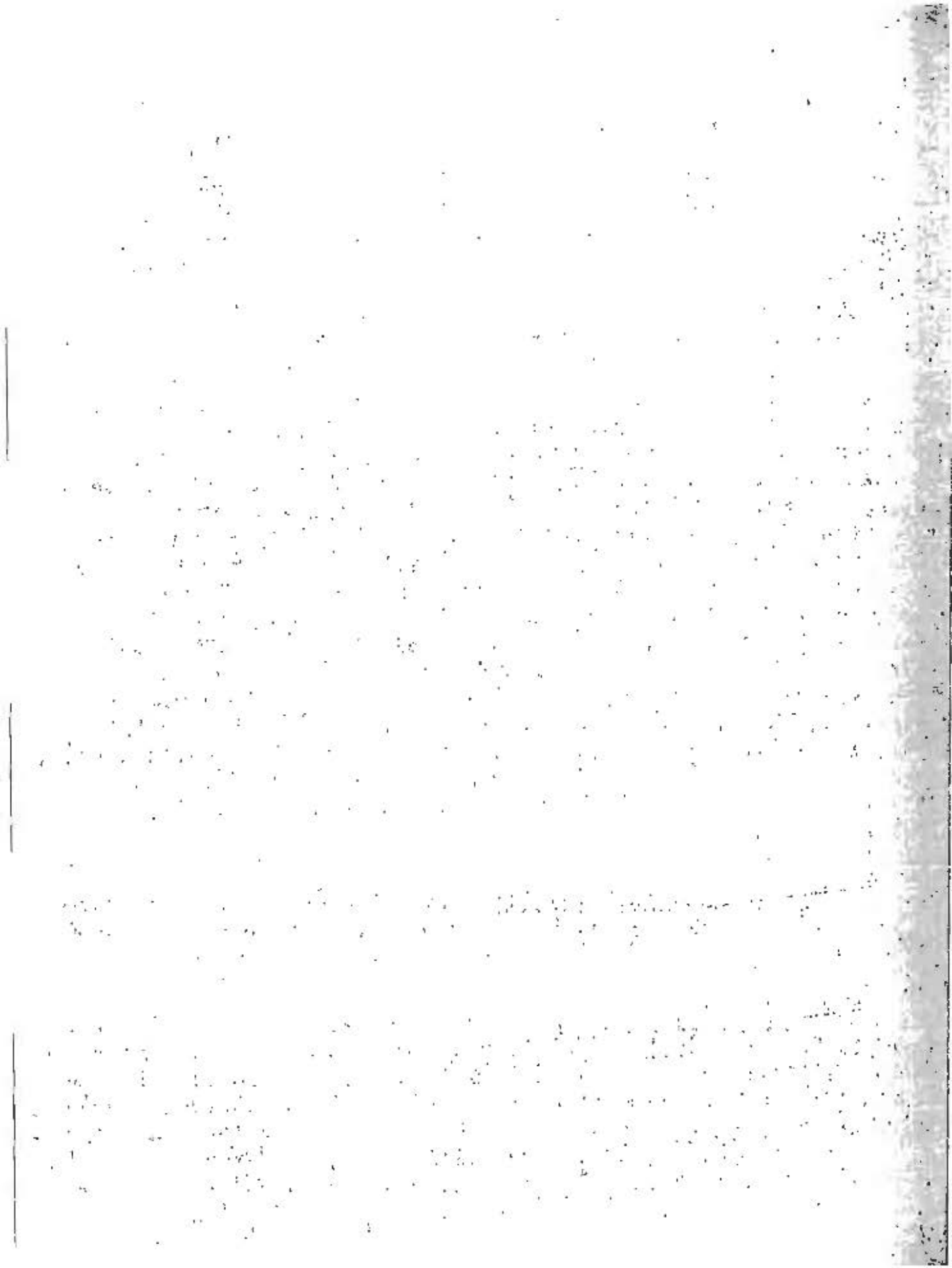
comme une Église, ne procède que par prosélytisme, et doit avancer toujours. Je disais tout à l'heure que si j'étais Giap je me suiciderais, mais il ne se suicidera pas. Grâce à la pression policière, le peuple du Nord ne pourra rien dire alors que devant une telle défaite un régime normal tomberait. On se disputera au sommet. Giap s'entêtera, parce que s'il ne s'entêtait pas, ce serait la fin de son régime.

Le régime communiste est dynamique. Il veut l'action. Il ne peut-être que triomphant ou combattant.

Même s'il y avait des traités où ce mot paix serait là, avec les signatures des grands du monde, même si des accords de Paris se substituaient aux accords de Genève, — dont entre nous, soit-dit, il faut convenir qu'ils ont été la cause de la guerre d'aujourd'hui-même si tout cela existait on ne pourrait pas empêcher, les dirigeants d'Hanoï de vouloir la guerre. Seroient-ils démunis des armes et des aides que leur apportent leurs grands souteneurs, le Nord serait toujours capable, devant les événements, d'envoyer cinquante mille hommes dans le Sud, au lieu de saigner les hétéras, ils saigneraient les Sud-Viêtnameis. Et puis comme il n'y a pas de ministère des anciens combattants là-bas, ils n'y auraient pas à déclarer leur mort à la famille. Voilà bien ce qu'il faut savoir; c'est que la guerre continuera d'une façon larvée, on pourra peut-être la dominer peu à peu, mais elle restera à tant que la réunification ne sera faite au profit de la liberté.

Le Public veut savoir: Alors d'après vous, un cessez-le feu, même avec beaucoup de garanties, ne pourrait pas avoir lieu ?

Le Général Vanuxem: Un cessez-le-feu est souhaitable, même s'il n'est qu'une trêve. On devra l'entourer de garanties qui sont difficiles à définir mais qui sont tout ce qui pourrait consolider ce qu'il y a de précaire dans une telle trêve qu'on essaierait de toujours, prolonger. Ce serait l'interdiction de l'ingérence étrangère, militaire ou politique dans l'un ou l'autre des États. Ce serait le retrait des troupes Nord-



A ce titre, celles du Vietnam et de la France, sont placées parmi les premières.

Paris et Saïgon sont les deux seules capitales qui peuvent se goûter les deux meilleures cuisines du monde.

Est-ce cela personne n'est plus à l'aise qu'un Vietnamien en France ou qu'un Français au Vietnam. Comme si nous étions de la même communauté d'esprit et de sentiment. Mais tout ce que nous avons fait ensemble, tout ce que nous pouvons encore faire ensemble et l'intérêt que présente l'un pour l'autre la place de nos deux pays aux antipodes, mais aux lieux géo-politiquement les plus intéressants du monde, font que notre sentiment correspond à notre intérêt.

Par conséquent il y a nécessité de cette autre réunification tout aussi nécessaire que l'autre.

Elle va de soi. Elle est demandée par les peuples. Alors que les gouvernements aient leurs différends et que les différends gênent nos relations, nous en sommes attristés, mais nous savons que nos peuples veulent cette réunification qui elle ne fera tôt ou tard.

Il faudra, bien sûr, conclure un nouveau traité d'amitié qui respectera nos personnalités. Ainsi le faisait d'ailleurs ce premier traité d'amitié dont vous parliez qui fut conclu quelque années avant le traité d'amitié qui unit la France et les Etats-Unis. Il faudra songer bientôt à fêter leur deuxième centenaire. Il se trouve que ces deux traités (regardez bien les choses) ont joué dans le destin de ces trois pays et ont fait que ces 3 pays se sont trouvés ici à défendre la paix et la liberté.

Alors le gouvernement français, un peu dans ses nuées a pu croire qu'il était logique d'avoir une certaine attitude. Pourquoi? Dans l'histoire du monde il n'y a pas d'exemple qu'un pays ou qu'un peuple sous le régime communiste ait pu être libéré. Quand on convient que la moitié du Vietnam serait donnée aux communistes par les Accords de Genève, cela signifiait qu'on ne la libérerait pas et quand on prévoyait la réunification dans deux ans plus tard, cela signifiait ainsi, en bonne logique que la réunification se ferait sous l'étoile rouge.

.../

Or, vous avez cassé tout cela. Vous avez cassé cette pauvre logique, vous avez, par votre victoire fait que ce qui semblait inéluctable ne l'est plus. Vous avez ravivé le problème, vous en avez changé la teneur.

Vous avez même fait autre chose.

Vous me permettez de vous parler un peu du rudement dans l'amitié qui nous unit. Le peuple français est un peuple jaloux.

Il est certain qu'il a été confit des infidélités que notre humiliante faiblesse vous a obligés à lui faire.

Il est certain que nous avons abandonné le combat à un moment où il n'était livré que pour notre liberté et sur les conseils de nos alliés qui d'ailleurs nous ont avantageusement remplacés auprès de vous. Nous avons quand même été chagrinés. Nous avons abandonné le combat qui n'avait plus d'intérêt que pour vous mêmes et pour votre liberté. C'est que nous avons attendu, espéré, appelé votre adhésion pleine et entière à ce combat, qui était le vôtre. Vous nous l'avez refusée. Alors on en était venu à croire que vous n'auriez jamais le courage qui est nécessaire aux peuples pour être eux-mêmes. Et nous avons fini par croire que nos morts étaient morts pour rien et vous nous en avions emporté un souvenir quelque peu mélancolique.

Or, vous venez de donner justement, d'une façon extraordinaire, ce démenti que nous attendions depuis si longtemps.

Il est la preuve de votre courage: il importe que maintenant on dût reconnaître et respecter ce que vous êtes.

Par conséquent, il importe de laisser au gouvernement français le temps de revenir de ses erreurs anciennes, le temps de se détacher de certaines fidélités qui lui paraissent nécessaires aux élections prochaines et de s'informer à la réalité, de connaître ce que vous êtes et voir en vous ce que nous espérions depuis si longtemps et que vous vous révélez enfin.

D'ailleurs bien des choses changent. J'ai apporté à dessein ce journal, un des plus grands hebdomadaires de France qui est lu par des millions de lecteurs.

Une double page. Une double page sur An L'ôc, le Verdun Vietnamien, le Stalingrad de l'Armée Vietnamienne. L'Armée Vietnamienne tient. La Vietnamisation est une force. Voilà ce qu'on dit, voilà ce qu'on a appris, voilà ce que l'on fait voir. C'était impensable il y a quelques mois. Cela signifie que l'opinion se retourne. Alors le reste suivra.

Puisque on nous assure que nos échanges culturels, médicaux, techniques, et même économiques en ce temps, pourtant difficiles, sont en progrès constant. Alors, il n'y a qu'à laisser faire et l'on sait très bien qu'il y aura encore de beaux jours pour l'amitié entre la France et le Vietnam.

Tellement que maintenant que le temps passe, moi, je dois faire adieu au Vietnam. La victoire vous a souri. Alors vous allez avoir beaucoup d'amis: Vous allez avoir trop d'amis. Il y a plus d'honneur dans le camp des vainqueurs que dans le camp des vaincus. Je partirai avec la consolation de voir mes morts vengés et l'orgueil de savoir que le nouveau Vietnam est en train de réaliser notre vieux rêve.

Je ne reviendrai qu'en touriste ou au cas où le malheur vous reviendrait ce qu'à Dieu ne plaise. Tant de choses passées ici tant d'espoir; tant de peine, une telle fraternité d'armes dans un tel combat; et dans le même idéal, tant de choses vécues ensemble bonnes ou mauvaises, tout cela a fait de moi, quelqu'un qui est vietnamien autant que Français. La patrie c'est là où l'on a aimé, là où l'on a donné.

En m'effaçant, je confonds mes deux patries dans un même amour. Je conclus: Vive le Vietnam, Vive la France.

PHỎNG VẤN VỀ BẢO HIỂM CHIẾN TRANH

 Phát Hình Ngày 4.8.1972

Bà NGUYỄN BÌNH MINH, 39 tuổi, sanh tại Cần Thơ, Giám
 Đốc Đông Nam Á Bảo Hiểm Công Ty.

Ông TRẦN MẠNH PHÚC, 43 tuổi sanh tại Hà Nội, Tổng
 Giám Đốc Cửu Long Bảo Hiểm Công Ty.

Bà BÙI KIM THỊ, 37 tuổi, sanh tại Hà Nội, Giám Đốc Thái
 Bình Dương Bảo Hiểm Công Ty.

Ông NGUYỄN VĂN PHÁT, 42 tuổi sanh tại Cần Bột, Tổng
 Giám Đốc Phương Hoàng Tổng Bảo Hiểm Công Ty.

NDMB: Thưa Ông Nguyễn Văn Phát, bảo hiểm có ích lợi
 gì cho người được bảo hiểm không?

O. Nguyễn Văn Phát: Bảo hiểm là một nghiệp vụ thương
 mại. Các công ty bảo hiểm là các hội buôn và chúng tôi bán ra
 một loại hàng đặc biệt không như những loại hàng khác cụ thể
 như lúa, gạo hay hàng vải. Chúng tôi bán một loại hàng gọi là
sự bảo đảm và dân chúng tìm đến mua với chúng tôi những bảo
 đảm nào họ nhận thấy cần thiết cho tài sản của họ, đời sống
 của họ.

Nói về tư lợi của bảo hiểm thì tùy theo nhu cầu của dân chúng, ví dụ như chúng ta sợ tai sản của chúng ta bị cháy thì mua loại bảo hiểm hỏa hoạn. Nếu chúng ta sợ bị thương tích, bị tàn tật và tai nạn thì chúng ta mua loại bảo hiểm tai nạn.

Những loại bảo hiểm khác như là bảo hiểm ốm đau: công ty bảo hiểm sẽ bồi thường những chi phí về thuốc men, bác sĩ cho người bảo hiểm. Một loại bảo hiểm thông thường mà ai cũng biết là việc bảo hiểm loại xe tự động nghĩa là bảo hiểm trách nhiệm của người sử dụng xe tự động đối với đệ tam nhân.

NDMB: Trong thời gian gần đây có rất nhiều hãng bảo hiểm được thành lập. Nhưng người ta nhận thấy số hãng bảo hiểm thành lập quá nhiều đối với dân số Việt Nam và nhất là đối với sự hiểu biết của người Việt Nam về bảo hiểm. Ông cho biết số công ty bảo hiểm hoạt động là bao nhiêu, và điều mà chúng tôi nói là có quá nhiều có đúng không?

O. Nguyễn Văn Phát: Số công ty bảo hiểm đang hoạt động tại Việt Nam hiện nay là 43 công ty. Con số này thật ra không phải là quá nhiều nếu chúng ta so sánh với một vài nước ở Đông Nam Á ví dụ như Phi Luật Tân, Ấn Độ thì chúng ta còn thua kém xa. Ngược lại, chúng ta lại có nhiều công ty bảo hiểm hơn ở những xứ như Đại Hàn, Đài Loan hay Nhật Bản. Số công ty bảo hiểm này đã hoạt động và được thành lập tương đối gần đây vì trước kia chỉ có những công ty bảo hiểm của người ngoại quốc hoạt động tại Việt Nam. Nay với sự phát triển kinh tế, chúng ta đã cố gắng dành lại thị trường bảo hiểm cho người Việt Nam.

NDMB: Thưa Bà Nguyễn Bình Minh, nói tới bảo hiểm, người ta nghĩ đến những rủi ro tai nạn xe hơi mà thôi, người ta chưa biết đến những rủi ro khác. Xin bà kể ra những rủi ro khác mà hãng bảo hiểm bảo đảm cho người vào bảo hiểm.

Bà Nguyễn Bình Minh: Thường thì dân chúng chỉ biết về bảo hiểm qua việc bảo hiểm xe tự động. Thực ra, các hội bảo hiểm chúng tôi còn bảo hiểm những rủi ro khác chẳng hạn như rủi ro hỏa hoạn, rủi ro chuyên chở phạm đến thân thể. Những loại bảo hiểm này được phân thành hai loại: Loại bảo hiểm thiệt hại và bảo hiểm thân nhân.

NDMB: Xin bà giải thích thế nào là bảo hiểm thiệt hại?

Bà Nguyễn Bình Minh: Như danh từ đã chỉ định nghiệp vụ bảo hiểm các thiệt hại có mục đích bồi thường những tổn thất, thiệt hại phạm đến tài sản được bảo hiểm. Ví dụ như việc bảo hiểm hỏa hoạn nhà cửa, kho hàng, nhà máy cơ xưởng, việc bảo hiểm trộm cắp tài vật, xe cộ, bảo hiểm hàng hóa đang được chuyên chở, hay việc bảo hiểm những phương tiện chuyên chở gồm có: tàu bè, xe cộ, ghe thuyền v.v..

Ngoài ra, chúng tôi cũng bảo đảm trách nhiệm dân sự của các người vào bảo hiểm trong trường hợp luật định, chẳng hạn như việc bảo hiểm trách nhiệm của các chủ xe, của các bác sĩ, dược sĩ, các nhà thầu xây cất Việt Nam.

NDMB: Đó là bảo hiểm về thiệt hại, về tài sản, về trách nhiệm, nhưng còn vấn đề nhân thân, ví dụ một người bị thiệt mạng, bị gãy tay gãy chân thì như thế nào?

Bà Nguyễn Bình Minh: Bảo hiểm nhân thân nhằm bảo hiểm những thiệt hại xảy đến thân thể con người. Ví dụ như bị tai nạn lưu thông, bị vô ý té ngã hoặc những biến cố liên quan đến đời sống của con người.

Về rủi ro, chúng tôi phân biệt hai loại: loại rủi ro thường và loại rủi ro bất thường.

Nói về rủi ro thường, chúng ta có thể hiểu rằng đây là những tai nạn thông thường mà chúng ta gặp trong đời sống hàng ngày. Ví dụ như rủi ro cháy nhà, rủi ro bị điện giật.

Về rủi ro bất thường, chúng ta có thể hiểu rằng đó là những biến cố ít khi xảy ra trong đời sống con người, nếu có, một khi xảy ra thì sự tổn thất sẽ không lường được. Ví dụ như thiên tai như bão lụt, động đất hoặc chiến tranh.

NDMB: Nói về chiến tranh thì tại sao từ trước tới giờ các công ty bảo hiểm không bao giờ bảo hiểm về rủi ro chiến tranh?

Bà Nguyễn Bình Minh: Vì những thiệt hại do chiến tranh gây ra quá lớn lao và ngoài sự tiên liệu của mọi người mà tài sản của các hội bảo hiểm không thể nào bảo đảm nổi, đầu là tất cả các hội đều tham gia vào. Thí dụ như những thiệt hại do biến cố Tết Mậu Thân lên đến hàng chục tỷ bạc chưa kể đến những thiệt hại về nhân mạng.

NDMB: Nhưng thế nào là rủi ro chiến tranh?

Bà Nguyễn Bình Minh: Theo quan niệm thông thường, rủi ro chiến tranh là những thiệt hại về tài sản hay nhân mạng gây ra bởi vũ khí hay chiến cụ trong cuộc ngoại chiến, nội chiến.

NDMB: Thưa Ông Trần Mạnh Phúc, gần đây có tin rằng chánh phủ sẽ đứng ra để bảo hiểm chiến tranh với sự tham gia của các công ty bảo hiểm tư. Xin ông cho biết nghiệp vụ này được tổ chức ra sao?

Ông Trần Mạnh Phúc: Như bà đồng nghiệp chúng tôi vừa trình bày, những thiệt hại do chiến tranh gây ra cho dân chúng quá lớn nên không thể do các công ty bảo hiểm bảo đảm được. Cho nên, tại các quốc gia lâm chiến, thường việc bảo hiểm những rủi ro chiến tranh do chánh phủ đảm trách hoặc một mình hoặc với sự cộng tác của các công ty bảo hiểm. Sự bảo đảm này thường không có tính cách toàn diện mà chỉ hạn chế vào các khu vực hay hoạt động nào xét ra cần thiết cho nhu cầu quốc phòng và kinh tế.

Sau cuộc tấn công của quân Cộng Sản Bắc Việt vào các tỉnh địa đầu hồi tháng ba vừa qua, đời sống kinh tế của dân chúng tại các nơi này có phần suy sụp, các thương gia không dám hoạt động trở lại, và sợ bom đạn gây thiệt hại cho cơ sở làm ăn của họ. Muốn cho nền kinh tế tại các nơi ấy chóng được trở lại mức bình thường và cũng là muốn cho các công thương kỹ nghệ gia tại các địa phương khác được vững tâm làm ăn, chánh phủ đứng ra bảo hiểm những thiệt hại mà chiến tranh có thể gây ra cho tài sản của họ.

Trong việc bảo hiểm này, có sự tham gia của các công ty bảo hiểm với chính phủ dưới hình thức cộng đồng bảo hiểm.

Ngoài ra, một số hội bảo hiểm đứng nhận làm đại diện cho Chính phủ để làm tất cả các công việc liên quan đến việc bảo hiểm rủi ro chiến tranh này, tránh cho chính phủ khỏi phải tổ chức một cơ quan mới và bắt cho công quỹ một khoản chi tiêu.

Hiện nay, ở mỗi tỉnh, thị xã trên toàn quốc, đều có những đại diện các công ty bảo hiểm sẵn sàng tiếp xúc với những ai muốn bảo hiểm.

NDMB: Vậy những tài sản nào chính phủ sẽ bảo hiểm và những tài sản nào chính phủ không bảo hiểm?

Ô. Trần Mạnh Phúc: Những tài sản được bảo hiểm là những cơ sở kỹ nghệ, thương mại, kho hàng, các phương tiện chuyên vận, được coi là cần thiết cho nền kinh tế quốc gia.

Bộ Kinh Tế có nhiệm vụ lập danh sách các kỹ nghệ, sản phẩm, kho hàng và phương tiện chuyên chở mà Chính phủ cần bảo hiểm.

Hiện thời, các tài sản kể sau đây được hưởng chế độ bảo hiểm này: kho gạo, cơ sở kỹ nghệ, gạo chuyên chở bằng đường bộ hay bằng đường thủy, hàng hóa chuyên chở trên xe, thuyền, tàu, xe đò, camion.

- Tiệm bán thực phẩm, mế cốc, lò bánh mì, tiệm ăn được.

Tuy nhiên, số tiền bảo đảm được giới hạn tùy theo tài sản:

- Kho gạo và cơ sở kỹ nghệ thì trị giá tối đa là 1.500.000.000\$, gạo chuyên chở, hàng hóa chuyên chở trị giá tối đa 200.000.000\$ mỗi chuyến, tàu và ghe thuyền là 100.000.000\$, xe đò, camion, tiệm bán thực phẩm, mế cốc, lò bánh mì trị giá tối đa là 1.500.000\$, tiệm ăn được trị giá tối đa là 2.000.000\$.

Những tài sản xin được bảo hiểm phải là đang hoạt động lúc xin bảo hiểm.

NDMB: Khi bảo hiểm, người ta phải đóng bao nhiêu tiền và trong thời hạn là bao nhiêu?

Ô. Trần Mạnh Phúc: Bảo khoản phát hành có hiệu lực một tháng, hết hạn phải lập bảo khoản mới. Hiệu lực của bảo khoản bắt đầu từ 12 giờ trưa ngày hôm sau ngày đóng bảo phí. Tùy theo loại tài sản bảo hiểm, bảo phí xuất được ấn định như: kho gạo, cơ sở kỹ nghệ là 0,50% một tháng. Gạo, hàng hóa chuyên chở là 1,50% một chuyến, các tài sản khác là 1,50% một tháng.

Thí dụ: Một tiệm ô tô được được trị giá là 1.500.000\$ bảo phí sẽ đóng phải là: $\frac{1.500.000\$ \times 1,5}{100} = 22.500\$$ một tháng

Bảo phí suất trên đây có thể được thay đổi tùy theo tình hình chiến sự.

NDMB: Thưa ông Nguyễn Văn Phát, khi có một sự không may do chiến tranh gây ra thì có thể có một số tài sản bị hư hại, vậy chánh phủ có thể bồi thường và có thể không bồi thường, xin ông nói về những thiệt hại vật chất mà chánh phủ sẽ bồi thường.

Ô. Nguyễn Mạnh Phát: Việc bảo hiểm tai nạn chiến tranh chỉ bảo đảm những thiệt hại vật chất. Chánh phủ sẽ bồi thường những thiệt hại vật chất như: mọi phá hủy cố tình hay ngẫu nhiên gây ra bởi đạn dược, chất nổ, vũ khí hay chiến cụ trong các cuộc xung đột vũ trang, mọi hỏa hoạn, nổ, sụp đổ, va chạm, lật đổ, mắc cạn, chìm đắm cố tình hay ngẫu nhiên gây ra bởi đạn dược, chất nổ, vũ khí hay chiến cụ trong các cuộc xung đột vũ trang.

NDMB: Còn những trường hợp nào Chánh phủ không bồi thường?

Ô. Nguyễn Mạnh Phát: Chánh phủ sẽ không bồi thường trong những trường hợp như: những thiệt hại về sinh mạng, những thiệt hại gián tiếp do nghỉ việc, thương tích, chết chóc, gián đoạn thị trường, thất lợi, chậm giao hàng, giảm giá, các phí khoản tồn kho và khai thác.

420.

Những tổn thất hay thiệt hại do người vào bảo hiểm cố ý gây ra hay với sự đồng lõa của họ, những tổn thất hay thiệt hại do: tịch thu, trưng thu, trưng dụng, đình công, bế xưởng, hành động cướp bóc xảy ra ngoài dịp có những vụ phá hủy được Chính phủ bảo đảm.

Tài sản được bảo hiểm của bảo viên bị thiệt hại như thế nào, Chính phủ sẽ bồi thường đến mức ấy, nhưng bất cứ trong trường hợp nào cũng không vượt quá giá trị tối đa mà Chính phủ nhận bảo đảm cho mỗi tài vật.

Chúng tôi cũng xin lưu ý một khía cạnh khác là có thể có những thiệt hại về tài nạn chiến tranh đã được Chính phủ bồi thường vì một lý do nào đó. Như trường hợp quân lực các nước bạn gây thiệt hại và đã bồi thường một cách gián tiếp. Trong trường hợp này, tiền bồi thường sẽ là số sai biệt, nếu có, giữa số vốn đã được bảo hiểm ấn định trong hợp đồng bảo hiểm.

NDMB: Muốn được bồi thường, người bảo hiểm phải làm những gì?

O. Nguyễn Văn Phát: Khi tai nạn xảy ra, người vào bảo hiểm có bốn phận phải khai ngay bằng văn thư cho công ty bảo hiểm đại diện phát hành bảo khoản biết và chậm nhất là năm ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn.

Sự ấn định số tổn thất, thiệt hại sẽ do một cuộc giám định tương thuận. Các giám định viên sẽ do người vào bảo hiểm và công ty bảo hiểm đại diện chính phủ cử.

Muốn được bồi thường thì phải làm gì? người vào bảo hiểm phải chứng minh là những thiệt hại, tổn thất do rủi ro chiến tranh gây ra và xuất trình các tài liệu như: phúc trình của giám định viên về số tổn thất, thiệt hại giấy chứng nhận của các nhà chức trách dân sự hay quân sự rằng những sự kiện chiến tranh đã xảy ra đúng lúc và ngay nơi xảy ra tai nạn mà người vào bảo hiểm đòi bồi thường một tờ khai có ký tên và nhận thực là đúng kể rõ trường hợp xảy ra tai nạn, số tiền đòi bồi thường.

.../

NDMB: Thưa Bà Bùi Kim Thi, về bảo hiểm tai nạn cá nhân không phải vì lý do chiến tranh thì quý vị bảo hiểm những trường hợp nào và việc bồi thường ra sao?

Bà Bùi Kim Thi: Bảo hiểm tai nạn cá nhân thuộc loại bảo hiểm nhân thân. Biên cố xảy đến phải là một tai nạn phạm đến thân thể người được bảo hiểm có tính cách bất ngờ và ngoài ý muốn của họ. Những trường hợp mà chúng tôi thường nhận bảo hiểm là các học sinh, sinh viên trong khi theo học tại trường, các trại sinh hay các đoàn thể tham dự các trại hè hay các cuộc du ngoạn, các cá nhân trong đời sống hàng ngày hay trong những cuộc di chuyển bằng phi cơ, tàu thủy hay xe cộ v.v..

Chúng tôi sẽ trả số tiền bồi thường khi tai nạn xảy ra. Số tiền bồi thường là một con số đã được đôi bên chấp thuận khi ký kết khế ước bảo hiểm và số này được trả cho nạn nhân.

NDMB: Thưa Bà, ở ngoại quốc hãng bảo hiểm, bảo hiểm về tánh mạng hoặc rủi ro tai nạn về thân thể vì chiến tranh. Vậy quý vị có bảo hiểm rủi ro chiến tranh phạm đến con người không?

Bà Bùi Kim Thi: Song song với việc bảo hiểm tai nạn chiến tranh do chính phủ đứng ra chủ trương, đôn đốc việc bảo hiểm tai nạn cá nhân do chiến cuộc gây ra, thì các công ty bảo hiểm đã đảm nhận từ hơn hai năm nay, đây là một nghiệp vụ tương đối mới mẻ, nhưng ở trong tầm mức khả năng của chúng tôi.

NDMB: Vậy thế nào là tai nạn chiến tranh phạm đến thân thể và những ai có thể được bảo hiểm loại rủi ro đặc biệt này?

Bà Bùi Kim Thi: Chúng tôi đã định nghĩa thế nào là rủi ro chiến tranh, nhưng nói về rủi ro chiến tranh phạm đến thân thể con người thì việc bảo hiểm của chúng tôi, có phần rộng rãi hơn: Đó là những biến cố trực tiếp hay gián tiếp gây ra bởi binh khí và chiến cụ trong những cuộc ngoại chiến, nội chiến, phản loạn, bạo động, khủng bố, phá hoại hay cướp bóc.

Chúng tôi đã tổ chức việc bảo hiểm tai nạn chiến tranh phạm đến thân thể, để đáp ứng nhu cầu của một số dân chúng mà vì cuộc sống hàng ngày phải đương đầu với những rủi ro của cuộc chiến, nói một cách tổng quát, chúng tôi nhận bảo hiểm tai nạn chiến tranh cho mọi thành phần dân chúng và đặc biệt là thành phần nhân lực hữu ích nhất cho đời sống quốc gia đó là những cá nhân ở vào hạn tuổi từ 16 đến 65.

NDMB: Thưa Ông Nguyễn Văn Phát, Bà Thi không nói tới việc bảo hiểm cho những quân nhân có thể xin được bảo hiểm về nhân mạng, xin ông cho biết lý do tại sao đến nay chính phủ hay những công ty bảo hiểm không bảo hiểm cho quân nhân?

Ô. Nguyễn Văn Phát: Việc bảo hiểm cho quân nhân là một vấn đề rất to lớn đối với các công ty bảo hiểm tư vì không đủ khả năng để thực hiện nghiệp vụ này.

Nếu có cơ quan nào có thể đảm trách được việc bảo hiểm cho quân nhân thì đó là cơ quan của chính quyền. Vả lại, chính quyền không thể nào đưa việc bảo hiểm cho quân nhân ra cho những công ty tư nhân vì vấn đề bí mật quân sự. Tôi nghĩ rằng Bộ Quốc Phòng sẽ không tiết lộ cho các công ty bảo hiểm tư biết được số thương vong của quân đội.

NDMB: Về phương diện bảo hiểm thì trước kia ông có nghe nói về việc Bộ Quốc Phòng có nghĩ tới việc bảo hiểm cho quân nhân không?

Ô. Trần Mạnh Phúc: Trước đây có một vài công ty bảo hiểm có làm những dự án về việc bảo hiểm cho quân nhân, nhưng việc bảo hiểm này là một nghiệp vụ quá to tát, các công ty bảo hiểm tư không thể nào đảm nhận được vì đầu cho có đảm nhận được thì cũng phải là những công ty có phương tiện tài chánh rất dồi dào.

Chúng ta có thể nghĩ rằng không có một công ty nào có được một số bảo viên là một triệu người như quân lực VNCH, và chính phủ không thể giao phó một nghiệp vụ to lớn như vậy cho một công ty bảo hiểm tư.

NDMB: Bây giờ xin hỏi riêng ông, nếu mỗi quân nhân một tháng đóng 200\$ bảo hiểm về nhân mạng, vậy khi bồi thường thì mỗi quân nhân tử trận là một triệu thì công ty bảo hiểm có lời không?

O. Nguyễn Văn Phát: Chúng tôi xin thú thật rằng chúng tôi không đủ yếu tố để trả lời vì nghiệp vụ bảo hiểm của chúng tôi căn cứ trên những thống kê. Chúng tôi thu một số bảo phí trên một số đồng bào viên là cốt để có đủ tiền trả ra cho những trường hợp biến cố xảy đến. Thành ra số 200\$ vừa nói, chúng tôi không biết có đủ để bồi thường cho số thương vong hay tử nạn vì đó là những con số mà chúng tôi không thể có được.

NDMB: Còn những phóng viên chiến trường có được bảo hiểm không?

O. Trần Mạnh Phúc: Việc bảo hiểm tai nạn chiến tranh phạm đến thân thể con người chỉ dành cho thành phần dân sự. Nghề phóng viên, chúng tôi nghĩ là một nghề dân sự. Sau nữa, dù biết rằng đây là trường hợp gia trọng hay sự rủi ro, chúng tôi cũng cố gắng nhận bảo đảm, cho các phóng viên chiến trường vì chúng tôi cũng phải đóng góp một cái gì vào xã hội trong khi chiến cuộc đang sôi động trong nước.

NDMB: Thưa Bà Bùi Kim Tai, xin bà cho biết một vài thí dụ về tai nạn chiến tranh phạm đến thân thể con người.

Bà Bùi Kim Tai: Cách đây không lâu một phòng trà tại đường Tự Do bị nổ tung vì chất nổ và gây thương vong cho một số người. Hàng ngày trên báo chí, chúng ta thấy những tin tức về các cuộc pháo kích mà hậu quả là gây thương tích hay chết chóc cho đồng bào.

Những tai nạn do bom đạn gây ra cho dân chúng trong những cuộc giao tranh chống hạn như hồi Tết Mậu Thân hay như ngay lúc này, tại các vùng Quảng Trị, Bình Long v.v..

.../

Tất cả những tai nạn này, do vũ khí; súng đạn, chiến cụ v.v.. gây ra làm cho con người bị tàn tật hoặc bị thương được xem là tai nạn chiến tranh.

NDMB: Việc bồi thường cho nạn nhân có được giản dị và nhanh chóng không?

Bà Bùi Kim Tai: Khi nạn nhân hoặc người thừa kế có đủ giấy tờ chứng minh sự tàn tật hoặc sự thiệt mạng là chúng tôi trả tiền bồi thường ngay.

Thủ tục bồi thường của chúng tôi rất giản dị và nhanh chóng đương sự không cần phải chứng minh rằng đó là tai nạn chiến tranh vì trong nghiệp vụ này sự bảo đảm bao gồm cả rủi ro chiến tranh cũng như loại rủi ro thông thường.

NDMB: Thưa Ông Nguyễn Văn Phát, từ này tới giờ quý vị đã nói nhiều về việc bồi thường cho những rủi ro, kể cả những rủi ro vì tai nạn chiến tranh, nhưng ông cũng nói không thể bảo hiểm cho quân nhân được vì sợ bị sập tiệm. Vậy ngoài việc bảo hiểm cho quân nhân ra Ông có sợ bị sập tiệm không?

Ô. Nguyễn Văn Phát: Bảo hiểm là một nghiệp vụ thương mại và các công ty bảo hiểm là một hội buôn. Trong việc buôn bán, nếu có phát đạt và nếu có thua lỗ cũng là một trường hợp thông thường, chúng tôi phải chấp nhận. Nhưng đã ở trong nghề bảo hiểm, nghĩa là chúng tôi đi bán sự bảo đảm cho dân chúng thì chúng tôi cũng phải biết mua lấy sự bảo đảm cho chúng tôi để tránh những trường hợp bị sập tiệm.

Chúng tôi có những khía cạnh kỹ thuật để tránh trường hợp này. Trước hết là Bộ Tài Chính cũng đã nghiên cứu kỹ vấn đề là chỉ cho phép chúng tôi nhận bảo hiểm những số vốn tương đối nhỏ. Đây là trường hợp những công ty mới thành lập, vì đa số các công ty Việt Nam mới thành lập khoảng hai, ba năm trở lại đây. Còn về khía cạnh chuyên môn khác thì chúng tôi có những hình thức như cộng đồng bảo hiểm, nghĩa là khi chúng tôi

có những vụ bảo hiểm rủi ro quá lớn, ví dụ như nhà máy dệt, trị giá cả tỷ bạc mà chúng tôi không thể bảo hiểm nổi thì việc trước hết là chúng tôi phân chia ra từng số vốn nhỏ để các công ty bảo hiểm tại Việt Nam có thể nhận lãnh được.

Trường hợp nếu thị trường Việt Nam không thu hút nổi tổng số vốn bảo hiểm ấy thì chúng tôi phải đưa ra thị trường quốc tế, dưới hình thức tái bảo hiểm. Việc tái bảo hiểm có thể thực hiện từng nghiệp vụ một hay là chúng tôi có thể thực hiện một cách tổng quát là tất cả các nghiệp vụ của chúng tôi, chúng tôi sẽ tái bảo hiểm theo một tỷ lệ nào đó.

Tóm tắt, chúng tôi tìm những phương thức để tránh trường hợp sập tiệm, đồng thời chúng tôi cũng xin lưu ý rằng nghiệp vụ bảo hiểm là một nghiệp vụ có tính cách quốc tế nhất vì các rủi ro bảo hiểm ngay tại Việt Nam chúng tôi cũng phân phối đi đến thị trường quốc tế, đến những nước rất tân tiến như Hoa Kỳ, Pháp, Thụy Sĩ, Anh v.v..

NDMB: Ông nói rằng ông có nhiều phương thức để tránh sập tiệm, như vậy là thiệt thòi cho người được bảo hiểm. Bởi vì ông sẽ tìm cách để khỏi phải bồi thường.

Ô. Nguyễn Văn Phán: Chúng tôi không tránh né việc bồi thường. Hình thức mà chúng tôi tránh né là tránh né việc bồi thường một số tiền quá nhiều nên chúng tôi phải phân phối cho nhiều công ty tại Việt Nam hoặc những công ty ở các nước bạn tiếp tay để bồi thường cho khách hàng chứ không phải chúng tôi tránh né số tiền bồi thường.

TRƯỞNG BỘ BINH THỦ ĐỨC

Phát Hành Ngày 11.8.1972

Trung Tướng PHẠM QUỐC THUẬN, Chỉ Huy Trưởng Trưởng Bộ Binh Thủ Đức.

Đại Tá LỘ CÔNG DANH, Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn Sinh Viên.

Trung Tá ĐỖ NGUYỄN TỰ, Trưởng Khối Quân Quản, Trưởng Bộ Binh Thủ Đức.

Tiểu sử và ý nghĩa về phù hiệu của Trường.

Trường Bộ Binh Thủ Đức tọa lạc trên ngọn đồi Tăng Nhơn Phú thuộc Quận Thủ Đức, Tỉnh Gia Định, cách Saigon khoảng 15 cây số về hướng Đông Bắc. Từ trên cao nhìn xuống, khu vực doanh trại trông hùng vĩ và quy mô, những kiến trúc đồ sộ nằm san sát trên một diện tích rộng khoảng một cây số vuông, cung ứng đầy đủ tiện nghi sinh hoạt cho toàn thể SVSQ, khóa sinh và quân nhân cơ hữu cùng gia đình. Những con đường nhựa thẳng rộng bóng mát, phân cách các khu vực trong trường thành những ô vuông thật đẹp mắt.

.../

Lãnh thổ thuộc phạm vi trách nhiệm của trường và cũng là nơi thiết lập những bài tập chiến thuật, mìn bẫy, sân bắn bao gồm một khu vực rộng lớn nằm về phía Bắc và phía Đông của Trường. Chu vi khu vực thực tập dài khoảng 25 cây số với đầy đủ các địa thế thích hợp cho những bài tập chiến thuật, mìn bẫy và vũ khí tác xạ...

Qua hai mươi năm với bao thử thách của thời gian và biến chuyển của lịch sử, Trường Bộ Binh vẫn oai hùng, tồn tại và phát triển để tô sáng cho vùng trời miền Nam tự do, xứng danh là lò luyện thép đã từng đào tạo những cán bộ đầy đủ khả năng và thiện chí không lỗi với truyền thống của Trường.

Tháng 10 năm 1951, trong lúc cuộc chiến tranh do Việt Minh chủ trương càng ngày càng tăng dần cường độ, để đáp ứng đà bành trướng, Trường Sĩ Quan Thủ Đức được thành lập song song với Trường Sĩ Quan Nam Định tại Bắc Phần.

Một năm sau, Trường Sĩ Quan Nam Định được sáp nhập vào Trường Sĩ Quan Thủ Đức để trở thành quân trường duy nhất có nhiệm vụ đào tạo sĩ quan trừ bị cho quân đội VNCH. Sau bốn năm tích cực hoạt động trong trách vụ đào tạo sĩ quan Bộ Binh năm 1955 trường được giao phó thêm nhiệm vụ đào tạo chuyên viên các ngành trong Quân Đội và được cải danh thành "Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức" gồm các trường huấn luyện sau đây:

Trường Bộ Binh, Trường Thiết Giáp, Trường Pháo Binh, Trường Công Binh, Trường Truyền Tin, Trường Quân Cụ, Trường Thông Vận Binh, Trường Quân Nhu.

Tháng 10 năm 1961, tình trạng đất nước khẩn trương do sự bành trướng chiến tranh xâm lăng mạnh mẽ của Cộng Sản gây ra, khiến chiến trận bùng nổ trên toàn lãnh thổ miền Nam, nhu cầu cán bộ chỉ huy để cung ứng cho chiến trường lập gia tăng. Vì thế các trường huấn luyện chuyên môn được tách rời khỏi Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức (ngoại trừ 2 trường Bộ Binh và Thiết Giáp) để lấy chỗ huấn luyện số thanh niên động viên đông đảo trong một chương trình đại quy mô.

Sau hai năm hoạt động liên tục với những phát triển không ngừng về cơ sở và kỹ thuật huấn luyện, ngày 1 tháng 8 năm 1963, Bộ Tổng Tham Mưu đã ấn định nhiệm vụ chính của Trường là đào tạo Sĩ quan trừ bị cho QLVNCH do đó trường lấy lại danh hiệu cũ là "Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức".

Đến tháng 4 năm 1964, Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức lãnh thêm nhiệm vụ đào tạo các cán bộ Đại Đội Trưởng và Tiểu Đoàn Trưởng Bộ Binh. Để phù hợp với các nhiệm vụ được giao phó ngày 1 tháng 7 năm 1964 Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức được chính thức cải danh là "Trường Bộ Binh".

Để đáp ứng nhu cầu Quốc Phòng, trong những năm gần đây Trường Bộ Binh lại lãnh thêm nhiệm vụ mới huấn luyện các lớp cán bản Bộ Binh, Hoàn Hảo Sĩ quan. Nhà T.Đ. Sĩ đầu mùa hạ năm 1971, khóa Tham Mưu Trung Cấp (nguyên được huấn luyện tại Trường Chỉ Huy Tham Mưu Dalat) được cải danh là khóa Bộ Binh cao cấp và dời về huấn luyện tại Trường Bộ Binh.

Với các nhiệm vụ chồng chất liên tục, Trường Bộ Binh đã và đang nỗ lực không ngừng trong việc cải tiến huấn luyện kiểu hãnh của một Quân trưởng đào tạo nhiều Sĩ quan trừ bị, nhất vùng Đông Nam Á Châu.

Phù hiệu trường Bộ Binh gồm một ngọn lửa hồng bao quanh thanh kiếm bạc trên nền xanh đậm: Ngọn lửa hồng tượng trưng cho sự rèn luyện, nung đúc chí khí và thể chất. Thanh kiếm bạc nổi lên sự quyết tâm chiến đấu chống ngoại xâm của dân tộc Việt. Nền xanh là màu biểu tượng của Bộ Binh. Phương châm "Cư An Tư Ngụy" ghi trên phù hiệu có nghĩa "muốn hòa bình phải chuẩn bị chiến tranh".

NDMB: Thưa Trung Tướng, Trường Bộ Binh đào tạo Sĩ quan trừ bị. Trung Tướng quan niệm việc đào tạo một mẫu người Sĩ quan Trừ bị như thế nào? Một Sĩ quan Trừ bị phải là một cấp thừa hành hay là một cấp chỉ huy?

Trung Tướng C.H.T: Những SVSQ thụ huấn tại Trường Bộ Binh Thủ Đức hầu hết thuộc thành phần thanh niên trí thức được động viên theo hạng tuổi quân dịch.

Tuổi họ còn rất trẻ đa số sinh trưởng tại thành thị. Do đó, họ còn thiếu nhiều kinh nghiệm sống và nhất là ít hiểu biết về cuộc sống lam lũ của đồng bào nông thôn. Họ cũng thiếu cả một sức bền bỉ, chịu đựng như những thanh niên cùng lứa tuổi ở đồng ruộng. Bởi vậy ngoài việc huấn luyện cho họ một

căn bản quân sự vững chắc còn phải giáo dục họ về lý phương diện trí dục, đức dục và thể dục. Để trở thành người sĩ quan trừ bị đa năng đa hiệu, trước hết quân trường trang bị cho họ một lập trường chống Cộng vững chắc, dứt khoát, đồng thời đào tạo cho họ một tinh thần bất khuất, một sức khỏe dẻo dai, chịu đựng trước mọi gian khổ. Sau nữa, khi trở thành một sĩ quan chỉ huy họ phải thân dân, yêu dân, được dân yêu vì sự men phục của đồng đội.

NDMB: Thưa Trung Tá Đỗ Nguyên Tu, để đào tạo sĩ quan theo tiêu chuẩn mà Trung Tướng Chỉ Huy Trường vừa nói, với tư cách là Trưởng khối Quân huấn Trung Tá thiết lập chương trình như thế nào?

Trung Tá Đỗ Nguyên Tu: Để hoàn thành nhiệm vụ đào tạo sĩ quan trừ bị cho QLVNCH, Trường Bộ Binh lấy phương châm "Kỹ - Trí - Dũng" đã được Bộ Tổng Tham Mưu, Tổng cục Quân Huấn đề ra làm kim chỉ nam hướng dẫn toàn bộ công tác huấn luyện cho SVSQ và Sĩ quan khóa sinh.

Kỹ là trang bị cho khóa sinh có trình độ quân sự cần thiết. Trí là nâng cao trình độ kiến thức tổng quát cho khóa sinh và giúp đào tạo cho họ thành một Sĩ quan cán bộ. Dũng là xây dựng những đức tính căn bản của người cán bộ Sĩ quan: Trung với nước, tín với dân, tín với cấp chỉ huy, căm thù Cộng Sản. Hơn bất cứ lãnh vực nào khác, lãnh vực chương trình huấn luyện phải được soạn thảo đáp ứng với phương châm đề ra vì nói đến chương trình huấn luyện tức là nói đến thời gian và môn học. Thời gian là mức tối thiểu để ổn định trình độ và kiến thức binh nghiệp cho khóa sinh, còn môn học nói lên nhu cầu để trang bị cho khóa sinh về lý luận học thuật quân sự phù hợp với mục đích của khóa học.

NDMB: Để đạt mục tiêu đó, chi tiết chương trình như thế nào?

Trung Tá Đỗ Nguyên Tu: Khóa huấn luyện sinh viên trừ bị có mục đích huấn luyện thanh niên có Tú Tài I hoặc văn bằng tương đương trở lên, được động viên hay tình nguyện, thành

một sĩ quan trung đội trưởng Bộ Binh hoặc giữ một trách vụ tương đương trong binh chủng, binh sở của QLVNCH.

Trước năm 1972, khóa học này đề ra 2 giai đoạn: Giai đoạn I mười tuần lễ huấn luyện về căn bản quân sự tại Trung tâm Huấn luyện Quang Trung. Giai đoạn 2 hai mươi bốn tuần lễ huấn luyện về căn bản bộ binh tại TBB.

Từ năm 1972, để việc huấn luyện được liên tục, TBB đảm nhận toàn bộ chương trình này gồm 42 tuần lễ được chia thành 3 giai đoạn: Giai đoạn 1: căn bản quân sự, tám tuần, Giai đoạn 2: Tiểu Đội Trưởng, 10 tuần. Trong giai đoạn này các tân khóa sinh được gắn cấp hiệu Alfa tổ chức trong một buổi lễ trọng thể. Kể từ thời gian này các tân khóa sinh được chính thức chấp nhận là một sinh viên Sĩ quan. Giai đoạn 3: Trung Đội Trưởng, 24 tuần, kết thúc giai đoạn này là lễ mãn khóa. Trong buổi lễ này, các SVSQ trúng tuyển sẽ được gắn cấp bậc chuẩn úy trừ bị.

Trước tình trạng khẩn trương của đất nước, chương trình huấn luyện này đã được tạm thời rút ngắn xuống 32 tuần lễ, đặc biệt áp dụng cho khóa 1/72 vì khóa này đã học hết giai đoạn Tiểu Đội Trưởng của chương trình huấn luyện 43 tuần lễ.

- Chương trình huấn luyện 24 tuần lễ được áp dụng cho các thanh niên tình nguyện hoặc động viên.

- Chương trình huấn luyện 20 tuần lễ được áp dụng cho sinh viên đã qua chương trình huấn luyện quân sự học đường cấp 1.

- Chương trình huấn luyện 16 tuần lễ được áp dụng cho sinh viên đã qua chương trình huấn luyện quân sự học đường cấp 2 và 3.

Đối với những sinh viên, khi ở ngoài dân sự đã thụ huấn chương trình huấn luyện quân sự học đường cấp 1, 2 và 3 các năm trước khi nhập học chúng tôi có một thời gian 2 tuần lễ để ôn tập lại những đề tài mà họ đã được học trước đây ở các Trung Tâm Huấn luyện Quốc Gia trên toàn quốc.

NDMB: Trong năm 1972, TBB sẽ có bao nhiêu khóa học?

.../

Trung Tá Đỗ Nguyên Tu: Trong lịch khóa huấn luyện năm 1972, Bộ Tổng Tham Mưu/ Tổng Cuộc Quân Huấn ấn định cho TBB có 11 khóa sinh viên sĩ quan trừ bị thường xuyên gồm 10.531 sinh viên sĩ quan thụ huấn, bốn khóa Bộ binh Cao Cấp gồm 800 khóa sinh, bốn khóa Đại Đội Trưởng Bộ Binh gồm 423 khóa sinh.

NDMB: Thưa Đại Tá Lộ Công Danh, Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn Sinh Viên, hồi này Trung Tướng Chỉ Huy Trưởng có nói rằng 1 sĩ quan Trừ bị phải là một cấp chỉ huy và được tập chỉ huy tại trường, vậy hình thức tự chỉ huy tại trường như thế nào?

Đại Tá Lộ Công Danh: Để sinh viên sĩ quan quen với nghệ thuật lãnh đạo chỉ huy, trong thời gian huấn luyện, SVSQ sẽ lần lượt đảm nhiệm các chức vụ chỉ huy như sau: sinh viên sĩ quan đại đội trưởng, SVSQ thượng vụ đại đội, SVSQ trung đội trưởng, SVSQ tiểu đội trưởng.

Hiện nay, nhiệm kỳ của các SVSQ/ Tự Chỉ Huy được thay đổi hai lần mỗi tuần và việc bàn giao nhiệm vụ có sự chứng kiến của sĩ quan cán bộ trung đội, đại đội liên hệ.

NDMB: Trong hệ thống tự chỉ huy, mỗi SVSQ có nhiệm vụ gì?

Đại Tá Lộ Công Danh: Nhiệm vụ của SVSQ trong hệ thống tự chỉ huy được ấn định rõ ràng trong nội quy như sau: SVSQ đại đội trưởng chịu trách nhiệm trước sĩ quan cán bộ đại đội trưởng và sĩ quan trực tại đại đội về mọi sinh hoạt trong phiên nhiệm như:

- Điều khiển, phối hợp, đôn đốc các hoạt động của các sinh viên trung đội trưởng, sinh viên tiểu đội trưởng và tất cả các sinh viên trong đại đội.

- Sinh viên sĩ quan thượng vụ đại đội: phối hợp và giúp SV/DDT để hướng dẫn đại đội thi hành các phần vụ thường nhật của đại đội như: đánh thức sinh viên, hướng dẫn đến địa điểm huấn luyện, kiểm soát trật tự và vệ sinh trong doanh trại.

Sinh viên sĩ quan trung đội trưởng chịu trách nhiệm trước sinh viên đại đội trưởng và sĩ quan cán bộ trung đội trưởng về sinh hoạt hằng ngày của trung đội.

SVSQ tiểu đội trưởng chịu trách nhiệm trước SVSQ trung đội trưởng, và SV cán bộ về tinh thần kỷ luật, tác phong của SV trong tiểu đội.

NDMB: Trong thời gian giữ chức vụ chỉ huy, các SVSQ có những quyền hạn gì?

Đại Tá Lộ Công Danh: SVSQ giữ nhiệm vụ chỉ huy được quyền phạt các SVSQ trực thuộc nếu họ tỏ ra bất phục tùng hay tắc trách trong nhiệm vụ. Hình phạt được áp dụng tối đa cho mỗi lần vi phạm là 20 hít đất không súng và có thể phạt nhiều lần trong ngày.

Ngoài ra, để bảo vệ uy tín của hệ thống chỉ huy, các SVSQ cấp trưởng cao hơn không được phạt các SVSQ cấp trưởng thấp hơn ví dụ như Đại đội trưởng không được phạt trung đội trưởng và tiểu đội trưởng để các SVSQ này có uy tín. Thường thì các SVSQ đại đội trưởng ghi nhận lỗi lầm và báo cáo lên SQ cán bộ giải quyết.

Họ được nghỉ phép đặc biệt cuối tuần nếu tỏ ra xuất sắc trong chức vụ và không bị vi phạm lầm lỗi trong thời gian giữ chức vụ SVSQ cấp trưởng.

NDMB: Xin Đại Tá cho biết về sinh hoạt trong một ngày của sinh viên sĩ quan tại TBB như thế nào?

Đại Tá Lộ Công Danh: Thời khóa biểu hằng ngày của SVSQ tại TBB như sau: Từ 5 giờ 30 đến 7 giờ là giờ báo thức, thể dục, vệ sinh cá nhân, doanh trại, điểm tâm, từ 7 giờ đến 12 giờ là buổi học sáng, từ 12 giờ đến 13 giờ 30 dùng cơm trưa nghỉ trưa, di chuyển đi học, từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 30 là buổi học chiều, từ 18 giờ dùng cơm chiều, 18 giờ 30 đến 20 giờ 30, giờ tự do từ 20 giờ 30 đến 21 giờ 55 là giờ tự học và 22 giờ tắt đèn ngủ.

NDMB: Thưa Đại Tá trong thời gian thụ huấn, SVSQ có được về phép không? Trong thời gian thiết quân luật này có thể có vấn đề cấm trại 100%, vấn đề nghỉ phép của SVSQ có bị ảnh hưởng không?

Đại Tá Lộ Công Danh: Theo nội quy, mỗi cuối tuần SVSQ được nghỉ phép 24 giờ với quân số là 50%. Phép đặc biệt được hưởng như những quân nhân khác. Cuối khóa học SVSQ vẫn được hưởng phép 10 ngày trước khi ra đơn vị gọi là phép cuối khóa. Trong tình trạng thiết quân luật hiện nay, toàn thể quân nhân các cấp cấm trại 100% tất cả các loại phép đều được đình chỉ trừ phép đặc biệt như quan, hôn, tang, tế. Đặc biệt SVSQ vẫn được đi phép trong các kỳ thi văn hóa. Riêng phép cuối khóa vẫn còn đình chỉ.

NDMB: Nếu không được đi phép thì trong ngày thứ Bảy Chúa Nhật, SVSQ làm gì cho đỡ buồn?

Đại Tá Lộ Công Danh: Ngoài chương trình huấn luyện quân sự, nhà trường còn thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt vui sống trong những giờ nhàn rỗi như trình diễn văn nghệ, chiếu bóng, thi đua thể thao, bích báo, trưng khuôn khổ những hình thức huấn đạo vừa vui vừa học hỏi.

Ngoài ra Liên đoàn Sinh viên còn dành cho SVSQ và tân khóa sinh trọn ngày Chúa Nhật để tiếp thân nhân, gặp gỡ bạn bè tại Khu Tiếp Tân TBB hoặc đọc sách báo tại thư viện giải trí, hội quán sinh viên. SVSQ và tân khóa sinh còn được tham dự các lễ tôn giáo theo tín ngưỡng trong ngày chúa nhật và ngày lễ.

NDMB: TBB có một nội quy và một sinh viên khi bước chân vào trường phải theo nội quy đó. Đại Tá cho biết qua về nội quy được áp dụng cho sinh viên?

Đại Tá Lộ Công Danh: Nội quy áp dụng cho sinh viên SQ tại TBB là văn kiện căn bản được soạn thảo tự thi quân trường được thành lập và được sửa chữa nhiều lần để phù hợp với thời gian và không gian. Tất cả gồm chín chương ấn định

những điều lệ và quy tắc để cho SVSQ dựa theo đó áp dụng đồng loạt theo đúng truyền thống của một quân trường.

Một quy của TBB ngoài những chương nói về sự tổ chức của liên đoàn sinh viên, về huấn luyện, về hành chánh chỉ rõ các thủ tục làm đơn từ nghỉ phép cùng các biện nghi giải trí tại nhà trường.

Còn các chương nói về quy luật của SVSQ trong đó ấn định giai đoạn mà SVSQ được coi là tân khóa sinh và giai đoạn trở thành SVSQ cùng những khác biệt giữa hai giai đoạn này.

Một thí dụ như khi còn là tân khóa sinh đi chuyển phải chạy, chưa được gắn cấp hiệu Alfa, khi là SVSQ thì khỏi phải chạy và được tân khóa sinh chào kính.

Chương quy luật của SVSQ cũng ấn định các hình thức khen thưởng và các hình phạt v.v..

Ngay khi bước chân vào TBB, tất cả tân khóa sinh sẽ được cán bộ và sinh viên khuyh trưởng hướng dẫn nội quy ngay trong tuần lễ đầu để mọi người thấu hiểu những quy luật quân sự mà họ phải tuân giữ trong suốt thời gian của khóa học.

NDMB: Đại Tá nói tới hình phạt thì chúng tôi xin hỏi ngay, những hình phạt đó là những hình phạt nào đối với những sinh viên phạm lỗi?

Đại Tá Lộ Công Danh: Ai cũng biết rằng khi một hạt cát có thể làm hao mòn các cơ phận guồng máy. Một quân nhân vô kỷ luật có thể làm trở ngại cho sự thành công của đơn vị. Do đó TBB là nơi có trách nhiệm đào tạo cán bộ sĩ quan cho quân đội, huấn luyện họ thành những quân nhân du tú. Vì lẽ đó những mục đích của hình phạt áp dụng cho SVSQ không phải là để đe dọa hay hành hạ mà nhằm sửa sai những lỗi lầm hay phát huy tinh thần phục vụ kỷ luật và trách nhiệm của SVSQ.

Hình phạt luôn luôn được áp dụng công bằng nên trong quyển nội quy, nhà trường đã tách ra nhiều trường hợp vi phạm nhẹ hay nặng, vô tình hay cố ý.

Vì quan niệm là hình phạt sửa sai, là nhắc nhở SVSQ làm việc tốt, Trung Tướng Chỉ Huy Trưởng chúng tôi vẫn thường xuyên nhắc nhở là hình phạt phải có nghĩa răn dạy và đúng mức và cảm ngọt không được làm tổn thương đến nhân phẩm cũng như tác hại đến sức khỏe. Các hình phạt được chia làm hai loại:

Những SVSQ lười biếng ham chơi, vô trách nhiệm. Sau khi đã được sĩ quan cán bộ nhiều lần nhắc nhở, sửa sai nhưng vẫn còn tái phạm, hoặc vi phạm những lỗi nặng như không bảo toàn quân trang quân dụng, canh gác lơ là, thiếu tư cách v.v.. Những hình phạt được tùy trường hợp áp dụng có thể là phạt dã chiến, phạt khinh cảm, trọng cảm, tù quân, trừ điểm suốt khóa hoặc đưa ra Hội Đồng Danh Dự để xét phạt hay đề nghị sa thải khỏi khóa học.

NDMB: Thưa Đại Tá, nói đến hình phạt thì một thanh niên chưa đặt chân đến TBB rất lo ngại. Họ lo ngại nhất là về việc gọi là huấn nhục và họ có đặt câu hỏi rằng việc huấn nhục đó có cần thiết không?

Đại Tá Lộ Công Danh: Người khóa sinh mới đến TBB chưa hòa mình với tập thể của quân ngũ, mỗi người từ thể chất đến tinh thần đều có những khác biệt. Hoàn cảnh xã hội, những sở thích và cả những tâm trạng thậm kín riêng tư cũng khá phức tạp. Bởi đó, những tân khóa sinh cần phải được trải đời huấn luyện để có thể trở thành một tập thể tương đối đồng nhất.

Từ khởi điểm ấy các tân khóa sinh sẽ có một năng lực thể chất cũng như tinh thần, sức chịu đựng để sẵn sàng bước lên một giai đoạn huấn luyện kế tiếp. Thời kỳ sơ khởi này được mệnh danh là giai đoạn huấn kỹ tân khóa sinh.

Có nhiều vị hiểu lầm, cho rằng tiếng huấn nhục là huấn luyện có tính cách khổ nhục. Chúng tôi xin đính chính vấn đề này, huấn nhục có nghĩa là được huấn luyện về thể chất. Nhục là thể chất và chúng tôi xin nói là huấn kỹ thay vì huấn nhục.

Giai đoạn huấn kỹ này thường kéo dài từ 4 đến 6 tuần lễ và sau đó tân khóa sinh sẽ được gán Alfa để chính thức trở thành SVSQ.

.../

NDMB: Dẫn nhạc sửa thành huấn kỹ. Những hình phạt đó là quý kỹ lưỡng như bắt lặt đất hàng trăm cái, cuốn người trong poncho rồi lấn ti hoặc bắt lấy một cây tầm tể đo chiều dài của vũ đình trường... thành ga lăm cho nhiều sinh viên mà có người cho rằng vì quá vất ỨC hổ thận, đã tự tử. Người ta còn nói đó là một dịch tự tử. Xin Đại Tá cho biết điều gọi là dịch tự tử đó có thật không?

Đại Tá Lô Công Danh: Vụ mà một số báo chí gọi là dịch tự tử tại TBB chúng tôi, thật ra chỉ là một sản phẩm tương tượng và phóng đại quá lớn, chỉ có một vụ tự sát của SVSQ Nguyễn Sanh Chính khóa 1/72. Còn từ đầu năm 1972 đến nay, tại TBB có tất cả bảy vụ sinh viên làm nổ súng. Phân loại các vụ này như sau:

- Ba vụ cướp cò vì bắt cấn không chết: ngày 3.2.1972 SVSQ Hàng Cầu Khóa 3/71, ngày 7.2.1972 SVSQ Phan Văn Thái Khóa 1/72 quê tại Quảng Trị, ngày 2.6.1972 SVSQ Nguyễn Xuân Phúc Khóa 4/71 quê tại Bình Định.

- Một vụ hủy hoại thân thể: ngày 8.2.1972 SVSQ Nguyễn Văn Thân Khóa 1/72 quê tại Định Tường.

Ba vụ tự sát gồm hai không chết và một chết- hoàn toàn vì lý do riêng tư: Ngày 6.3.1972, SVSQ Nguyễn Văn Biên Khóa 1/72 quê tại Quảng Nam. Lý do tự sát: bị phân phối tội đối tồn gia đình ngũ, nên quá lo sợ đến cùng cực. Hiện anh Biên vẫn còn sống. Ngày 21.3.1972 SVSQ Hồ Hỷ Khóa 5/71 quê tại Quảng Trị. Lý do tự sát: đau tim, bao tử, rớt kỳ thi vào Đại Học Y Khoa, quá buồn. Hiện anh Hồ Hỷ vẫn còn sống. Ngày 15.7.1972 SVSQ Nguyễn Sanh Chính (chết) Khóa 1/72 quê tại Thừa Thiên, lý do tự sát: tình cảm riêng tư.

Như vậy, thật rõ ràng là không thể nói sự kiện trên là một dịch tự sát được? Chúng tôi nghĩ rằng chữ dịch có lẽ nên dùng trong trường hợp quy mô hơn mới đúng. Còn ở trường chúng tôi chỉ có mấy vụ nổ súng; tự sát có tính cách riêng rẽ- người ở Đại đội này, kẻ ở Đại đội khác - mãi miết học tập có khi họ chưa gặp nhau lấy một lần trong cả một cái tập thể trên 4.000 người, thì làm sao có thể gọi là dịch này hay dịch nọ được.

Cũng tại TBB, độ năm, sáu năm về trước, thỉnh thoảng cũng có một vài vụ SVSQ tự tử vì chán đời hay vì thi rớt. Vậy mà dư luận lúc bấy giờ cũng không đến nỗi khác nghiệt, báo chí cũng ít thấy đề cập tới. Sự kiện đó khiến chúng tôi đã suy nghĩ nhiều và sự suy nghĩ đó một phần đã dẫn tới một kết luận như sau:

Trước đây, về sĩ số SVSQ thụ huấn tại TPB nhiều lắm là 1.000 người, với 1.000 người này cộng với một số tương ứng gia đình thân nhân họ, thì kể như là chi chi bằng một phần tư cả sĩ số SVSQ lẫn gia đình thân nhân họ so sánh với bây giờ tại TBB chúng tôi thường xuyên có trên 4.000 SVSQ.

Tôi muốn nói, theo luật tự nhiên: ít người thì ít chuyện, nhiều người thì lắm chuyện. Nói ra điều này chúng tôi cũng không có ý muốn biện bạch gì hết, nhưng có lẽ vì đó chính là một thực tại mà ngày hôm nay một vài tờ báo đã góp nhặt những sự việc xảy ra lẻ tẻ, riêng rẽ trong cả một cái tập thể trên 4.000 SVSQ tại trường chúng tôi, để rồi mệnh danh đó là một dịch tự tử thì thật là một cái gì ghê gớm quá sức tưởng tượng.

Tóm lại chỉ có ba vụ thực sự là tự sát với những lý do hoàn toàn riêng tư không dính dáng một chút nào đến TBB ngoài việc đáng tiếc là họ đã cùng chọn nơi tự sát là TBB với phương tiện súng của quân đội. Sau trường hợp SVSQ làm nổ súng mà vẫn còn sống là những nhận chứng xác thực nhất để bất cứ ai kể cả báo chí có thể gặp họ mà han hỏi cho ra lẽ.

Tiền đây, nhân dịp đề cập đến vấn đề này, tôi cũng xin làm sáng tỏ một trường hợp điển hình, mới nhất vừa xảy ra tại TBB chúng tôi khoảng gần hai tuần nay, đó là vụ SVSQ Đỗ Thế Quang thuộc khóa 4/71 cũng được một vài tờ báo loan tin là Trung Tướng Chỉ Huy Trường chúng tôi đã nói rằng: Anh này đã tự tử vì tình, và sau khi không chết, nằm bệnh viện về lại bị phạt giam v.v..

Sự thực Trung Tướng Chỉ Huy Trường không hề tuyên bố như vậy, và SVSQ Đỗ Thế Quang cũng không hề tự tử.

Còn chuyện này xảy ra như sau:

.../

Trong thời gian thụ huấn từ ngày 7.2.1972 tại TBB Dương sự đã bị tước lại vì phạm kỷ luật nặng. Hội đồng Kỷ luật đã họp để xét xử SVSQ Đỗ Thế Quang với thành phần gồm cả đại diện SVSQ đồng khóa. Kết quả Hội đồng Kỷ luật đề nghị sa thải Dương sự ra khỏi khóa 4/72 với cấp bậc binh nhì. Sau khi xét hồ sơ, Bộ Tổng Tham Mưu đã ban hành quyết định sa thải Dương sự và chuyển chuyển ra đơn vị với cấp bậc binh nhì. Đó là một chuyện có lẽ không lấy gì làm lạ lắm ở trong bất cứ một quân trường nào đối với những phần tử vô kỷ luật quá mức.

NDMB: Nói đến Hội đồng Kỷ luật và có SVSQ đại diện, chúng tôi xin hỏi là các SVSQ có được tham gia vào các dịch vụ khác liên quan đến đời sống của họ không, ví dụ như vấn đề ăn uống, giặt giũ chẳng hạn.

Đại Tá Lộ Công Danh: Để sự sinh hoạt của SVSQ được thích hợp và thoải mái hơn, trong tất cả mọi sinh hoạt liên quan tới đời sống của các anh em SV TBB đều cho phép các SVSQ được trực tiếp tham dự vào việc quản trị, kiểm soát như: ủy ban kiểm nhận thực phẩm, ủy ban kiểm soát nhà ăn, hội đồng quản trị hội quán SV, ủy ban thầu nhận quân trang do nhà thầu thực hiện. Kiểm soát nhà thầu giặt ủi xem có thi hành đúng điều lệ sạch hay không, ủy ban kiểm soát việc sử dụng thực phẩm phụ trội cộng đồng, hội đồng kỷ luật.

Tất cả các công tác này đều do SVSQ đảm trách trực tiếp hoặc có tham dự. Cán bộ nhà trường chỉ có nhiệm vụ đơn đốc và giám sát việc thực hiện mà thôi.

Ngoài ra, liên quan mật thiết tới vụ sinh hoạt hàng ngày của SVSQ, một hệ thống sinh hoạt xây dựng đơn vị đó chính các SVSQ tự bầu lên và đảm nhiệm từ cấp trung đội trở lên tới liên đoàn. Mỗi trung đội SVSQ có một tiểu ban sinh hoạt xây dựng đơn vị gồm có: tổ kỷ luật học tập: coi sóc về việc thực thi quân kỷ và tôn đốc việc học tập trung đội, tổ vui sống: lo về sinh hoạt giải trí (văn nghệ, thể thao, báo chí), tổ xây dựng: rút ưu khuyết điểm, đưa sáng kiến cải tiến sinh hoạt đơn vị, vấn đề ẩm thực, vệ sinh, tương trợ sinh hoạt tâm linh, tổ khánh tiết: lo công tác trang trí, phương tiện yểm trợ cho các buổi lễ, hội họp v.v..

Ngoài ra, để đảm bảo rằng mọi ý kiến, thắc mắc nguyện vọng đều được thấu nhận và giải quyết kịp thời, TBB còn có các tổ chức sau, như: thiết lập các thùng thư xây dựng, tiếp thu nhận các thư tử, ý kiến thắc mắc trình lên chỉ huy trưởng. Các bích báo được tôn tốc để thể hiện trong các đại đội SVSQ hàng tháng để các anh em SVSQ có thể giải bày ý kiến của mình theo ý muốn.

Mỗi tháng TBB Khối Chiến tranh Cañh Trị có tổ chức một buổi sinh hoạt xây dựng tôn vị toàn trường do chính Trung Đương Chỉ huy Trưởng hay Đại Tá Chỉ huy phó chủ tọa nhằm giải đáp tại chỗ các thắc mắc nguyện vọng của quân nhân có hữu, sĩ quan khóa sinh cũng như SVSQ nếu có.

NDMB: Thưa Đại Tá, hiện nay SVSQ được ăn uống như thế nào? Mỗi ngày, mỗi phần ăn của SVSQ được lãnh là bao nhiêu tiền?

Đại Tá Lộ Công Danh: Trước kia tiền ăn thực của một SVSQ là 58\$50 một ngày, gồm có 36\$50 do lương hàng tháng của SVSQ góp vào và 22\$ do Thành phủ cho gia tăng đặc biệt hầu bồi dưỡng sức khỏe thêm khi SVSQ trải qua các giai đoạn huấn luyện một nhọc.

Nhưng gần đây giá sinh hoạt càng ngày càng cao, nên Bộ Quốc Phòng đã cho gia tăng phần của Chánh phủ đại thọ tử 22\$ lên 35\$ do Thông tư số 20370/08/TCTT/QC ngày 1.10.1970, như vậy số tiền ăn một ngày của SVSQ hiện nay là 71\$50.

Số tiền 71\$50 được sử dụng vào việc nuôi ăn như sau: điếm tâm sáng, 15\$60 ăn cơm trưa, 26\$27 ăn cơm chiều, 26\$27 mua mắm, muối, mỡ và trả một ngày 2\$86, bỏ vào quỹ dư thực là 0\$50.

Theo nội quy hiện nay, hàng ngày mỗi đại đội SVSQ phải cất cử hai SVSQ lo về ăn thực được gọi là SVSQ kiểm thực. Các SVSQ kiểm thực có nhiệm vụ hàng ngày kiểm soát thực phẩm do nhà thầu cung cấp theo điều kiện sách và có quyền hoàn trả lại nhà thầu thịt, cá, rau cải nào sót thấy không đúng với thực đơn hàng ngày và điều kiện sách đã ấn định.

Thực đơn cũng do SVSQ soạn thảo hàng tuần và cho nhà thầu biết để cung cấp cho đúng món ăn hàng ngày SVSQ kiểm thực

là hội viên của ủy ban gọi thầu của nhà trường hàng năm. SVSQ kiểm thực và nghiên cứu đề trình lên Bộ Chỉ Huy TBB những đề nghị cải tiến và tìm thực nếu có.

NDMB: Số tiền ăn dành cho SVSQ mỗi ngày tương đối quá ít, vì vậy cho nên có việc cấp thêm thực phẩm phụ trội cho SVSQ. Người ta đôn là mỗi tháng, mỗi người được một hộp mỡ, hai hộp thịt gà, hai hộp thịt đậu trị giá lối 1.200\$. Vậy tại sao có nhiều khóa không được cấp. Có người nói rằng số thực phẩm này đã bị ăn xén. Xin Đại tá cho biết số thực phẩm ấy đi đâu?

Đại Tá Lộ Công Danh: Từ 31.3.1972 trở về trước do huấn thị số 4006 ngày 20.8.70 của BTM/TCTV, việc cấp phát thực phẩm phụ trội được thực hiện bằng hai loại: Loại cộng đồng dành cho các SVSQ và quân nhân cơ hữu ăn trong ăm thực TBB. Loại này được xử dụng chung cho tập thể để gia tăng khẩu phần ăn hàng ngày chứ không phát thẳng tay cho từng người. Việc nhận lãnh và phân phối thực phẩm do một ủy ban đảm nhiệm mệnh danh là tiểu ban điều hành thực phẩm phụ trội. Trong đó gồm có đại diện SVSQ của các tiểu đoàn.

Loại cá nhân dành cho các quân nhân cơ hữu không ăn trong ăm thực vụ TBB. Loại này mỗi cá nhân được lãnh một khẩu phần hàng tháng để tùy nghi xử dụng.

Kể từ ngày 1.4.1972 do Huấn thị số 430/12/TM/TCTV ngày 4.2.1972 chúng tôi cũng như các đơn vị bạn trên toàn quốc được lệnh ngưng cấp phát thực phẩm phụ trội loại cộng đồng và chỉ cấp phát hàng tháng đồng loạt khẩu phần cá nhân cho toàn thể quân nhân các cấp SVSQ và tân khóa sinh dịp lãnh lương hàng tháng để họ tùy nghi xử dụng các thực phẩm phụ trội như đem về nhà hoặc ăn tại nhà ăn sinh viên hay ngoài bãi v.v..

Khẩu phần thực phẩm cá nhân gồm có: - cá, một tháng một hộp thịt, một tháng một hộp heo hay bò, gà hai tháng một hộp mỡ ba tháng một hộp.

Riêng về hàng Quân tiếp vụ, SVSQ và TKS cũng được nhận hàng như thuốc hút tùy theo sự phân phối của Sở 3 QTV.

Việc thu tiền mua hàng và phân phối do SVSQ đảm trách dưới sự hướng dẫn và đôn đốc của sĩ quan cán bộ.

NĐMB: Ngoài vấn đề ăn uống, thực phẩm phụ trội còn có vấn đề giặt ủi. Người ta nói rằng TBB trả lương SVSQ mỗi tháng 230\$ tiền giặt ủi nhưng TBB đã không giặt ủi gì cả. Mỗi SVSQ phải tự túc hoặc mua những người lính và vợ đơn lính mỗi lần giặt là 50\$. Người ta lại còn nói thêm là những ông lính đó phải đưa cho cấp nào đó 10\$. Như vậy có hai việc là trừ tiền của SVSQ mà không làm dịch vụ giặt ủi cho họ và vấn đề 10\$. Xin Đại Tá cho biết sự thật?

Đại Tá Lộ Công Danh: Năm 1970 nhà trường đã bỏ chế độ nhà thầu giặt ủi quân trang và SVSQ tự do bỏ giặt đầu tùy ý. Sự kiên trên sau đó đã gặp trở ngại vì quân nhân có lính lính giặt đồ đã bê bối ăn cắp nước, điện cũ, nhà trường và bỏ bê công việc hàng ngày đổ lo giặt ủi. Ngoài ra có gây mâu thuẫn nội bộ, người nọ được giặt người kia không được giặt và nảy sinh ra một cấp trung gian bao thầu.

Vừa rồi TBB đã có lần bị hỏa hoạn xảy ra tại Khu Gia Binh làm cháy một số lớn quân trang của SVSQ bỏ giặt mà không được bồi thường. Do đó nhà trường đã trình lên BTRM, TCQH xin tái lập chế độ nhà thầu theo thỉnh nguyện của SVSQ và được TCQH chấp thuận.

Về điều kiện sách có các đoạn chính như hàng tuần thứ hai, tư, sáu nhà thầu nhận đồ đơ, thứ ba, năm, bảy nhà thầu giao đồ sạch lại. Sinh viên được bỏ tự do không giới hạn số lượng, kể cả đồ lót và mỗi tháng 260\$, giá tiền này qua một hội đồng định giá gồm có đại diện SVSQ ấn định trước khi đem ra đấu thầu.

Sinh viên có quyền khiếu nại nếu nhà thầu không áp dụng đúng theo điều lệ sách. Thí dụ như làm mất, rách không đến nhận lãnh và trả theo đúng lịch trình ấn định.

Nếu nhà thầu bị cảnh cáo ba lần sẽ bị giải thầu và tịch thu tiền ký quỹ.

Ngoài ra, việc bỏ giặt ở bên ngoài với giá 50\$, chúng tôi tưởng rằng với giá đó là giá tối thiểu rồi. Chính chúng tôi, những cận bộ bỏ giặt cũng phải trả 50 hoặc 60\$ cho mỗi bộ đồ trần có hồ, ủi. Do đó việc nói rằng có cấp nào đó ăn 10\$ thêm thì chỉ là điều xuyên tạc mà thôi.

NDMB: Như Đại Tá, trong việc huấn kỹ có những sĩ quan cán bộ hay những sinh viên huấn trưởng đã áp dụng những hình phạt quá nặng nề. Sự kiện này đưa đến câu hỏi là TBB lựa chọn sĩ quan cán bộ theo những điều kiện nào và những sĩ quan cán bộ ấy có những nhiệm vụ nào?

Đại Tá Lộ Công Định: Người sĩ quan cán bộ được hiểu là các sĩ quan trung đội trưởng, đại đội trưởng và tiểu đoàn trưởng lựa chọn theo hai tiêu chuẩn chính là điều kiện võ thuật và kiến thức quân sự.

Về thể chất sĩ quan cán bộ phải có đầy đủ sức khỏe để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của sinh viên sĩ quan vì lo buổi sáng từ lúc kèn báo thức cho đến ban đêm khi tắt đèn sĩ quan cán bộ phải có mặt thường xuyên để theo sát mọi sinh hoạt và hướng dẫn huấn luyện cho SVSQ. Sĩ quan cán bộ là giới chức đánh giá khả năng chỉ huy và mức tiến bộ của SVSQ. Vì thế sức khỏe và lòng nhiệt thành với nhiệm vụ là yếu tố quan trọng để được chọn làm sĩ quan cán bộ.

Về kiến thức quân sự, sĩ quan cán bộ phải là những sĩ quan xuất thân ở các trường võ bị Việt Nam hay ngoại quốc có năng khiếu về huấn luyện và nhất là kinh nghiệm chiến trường. Do đó, phần lớn sĩ quan cán bộ tại TBB là những sĩ quan đã từng tác chiến lâu năm ở đơn vị được đưa về làm cán bộ nhất là ở cấp đại đội trưởng và tiểu đoàn trưởng.

NDMB: Thưa Trung Tướng, Trung Tướng quan niệm một người SQTB phải là một cấp chỉ huy nhưng từ khóa 2/72 trở đi sẽ được rút ngắn từ thời gian huấn luyện còn 24 tuần lễ, 20 tuần lễ hoặc 16 tuần lễ. Như vậy Trung Tướng có đầy đủ để huấn luyện cấp chỉ huy trung đội không?

Trung Tướng CHT: Nói là đủ thì cũng chưa đúng mà nói là thiếu thì cũng không xác thực. Vì đối với một người chuyên cần, thì thời gian cũng vẫn đủ thời gian dài lại càng thêm vững chắc, ngược lại đối với một người không chuyên cần bề bời thì thời gian dài cũng là thiếu.

Ví dụ: một học sinh hay một sinh viên nếu là một người chuyên cần, chỉ cần phân nửa thời gian trong niên khóa là đủ để đậu một văn bằng hoặc một chứng chỉ. Trái lại, đối với một người ham chơi hơn học, thì thời gian lúc nào cũng thiếu. Đối với một sinh viên đại học cũng vậy, nếu là một người chăm chỉ thời gian phải kiếm tiền bên ngoài cũng đủ để họ đậu một chứng chỉ, cố người nhập TBB với tinh thần bất mãn, chán nản. Ví dụ có anh đã ghi vào vải bọc trên nón sắt là "học ít quên ít, học nhiều quên nhiều, không học là hơn cả".

Đời sống phóng túng, trác táng không giờ giấc, không trật tự bên ngoài không thế nào không thấy đau khổ khi phải tập quen với kỷ luật, sáng dậy từ 5g30 học tập suốt cho tới 6 giờ chiều. Ngoài ra, phải học thêm từ 8g30 tới tới 10 giờ tối, và đi ngủ, không còn thì giờ hút thuốc, uống cà phê như mọi khi.

Có nhiều người tưởng rằng nền kỷ luật chặt chẽ như vậy sẽ làm cho yếu người đi, thật sự có nhiều SV đã không có thì giờ hút quá nhiều thuốc, uống quá nhiều cà phê, mà thân thể lại thêm sức khỏe.

Tóm lại, tôi thấy đối với những người chuyên cần chịu khép mình vào kỷ luật, vì thiếu đối với những người không chuyên cần và ngoan cố không chịu khép mình vào kỷ luật.

Chương trình rút ngắn từ 42 tuần lễ, xuống 24 tuần lễ 20 tuần lễ hoặc 16 tuần lễ quả thật không phải là điều lý tưởng mà chúng tôi mong mỏi, tuy nhiên nếu chúng ta nhìn về quá khứ, vào thời kỳ năm 1958 trở về trước, cũng tại TBB này lúc đó còn mang danh hiệu là Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, thì cũng là nhiều khóa được huấn luyện theo chương trình 24 tuần lễ. Vậy mà đến ngày hôm nay, nhiều SQTB xuất thân từ đó cũng trở thành những sĩ quan cao cấp ưu tú của Quân Lực, thí dụ Trung Tướng Ngô Quang Trưởng Khóa 4 và Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng, Khóa 5..

NDMB: Thưa Trung Tướng, hồi này Đại Tá Lộ Công Danh đã trình bày về các vụ bị tử việc giết úi và thực phẩm phụ trội do một số tin đồn đưa ra, xin Trung Tướng cho biết ý kiến về việc này.

.../

Trung Tướng CHT: Chúng tôi không nghĩ rằng báo chí trong nước có ác ý gì đối với TBB đâu. Nhưng chỉ vì muốn loan tin nóng bỏng hoặc vì tình cảm riêng tư đối với một cá nhân nào rồi quên tìm hiểu nguyên nhân sự thực.

Vả lại báo chí loan tin nếu có nhầm lẫn thì cũng dễ cải chính nên ít khi thắc mắc về sự sai lầm của mình.

Nhân dịp này chúng tôi trân trọng yêu cầu quý vị nhà báo khi có tin gì về TBB, xin mời tới TBB gặp Khối Chiến Tranh Chính Trị, nơi đây sẽ trình bày rành rẽ và hướng dẫn quý vị tới tận trung đội, đại đội SVSQ để điều tra thêm.

Có thể vì loan tin đúng sự thật, quý vị coi như đã đóng góp vào công tác xây dựng Quân lực VNCH.

Hơn nữa, luôn luôn tôi nghĩ rằng các vị ký giả báo chí cũng là đồng bào ruột thịt, cũng đã từng có ý thức yểm trợ tinh thần tối đa cho anh em chiến sĩ giết giặc ngoài tiền tuyến thì chẳng lẽ nhầm lẫn vô tình hay cố ý phá hoại tinh thần một quân trưởng để gieo hoang mang sợ sệt trong đầu óc các thanh niên trẻ tuổi sắp vào quân trưởng.

Lời nói sau chót của tôi trong phút chót của chương trình Người Dân Muốn Biết là chúng tôi thành thật đón nhận mọi ý kiến xây dựng của bất cứ ai, kể cả báo chí đối với TBB.

Tôi xin cảm ơn Đại Tá đã có nhã ý dành cho chúng tôi cơ hội này để trình bày sự sinh hoạt của TBB trước công luận.

DIỆN VÀ NGƯỜI TIÊU THỤ ĐIỆN

Phát Hình Ngày 18.8.1972

Ký Sư HỒ TẤN PHÁT, Tổng Giám Đốc Công Ty Điện Lực Việt Nam quanh các vấn đề liên quan đến giới tiêu thụ điện.

Cùng tham dự cuộc phỏng vấn này còn có:

Ông LÊ BÁ TRỰC, Phó Tổng Giám Đốc khai thác vùng Saigon và phụ cận.

Ông LÊ THỨC CÂN, Giám Đốc Nha Chuyên Vận và Phân Phối.

NDMB: Thưa Ông Tổng Giám Đốc, hiện nay giá điện ở Saigon tăng lên là 17\$, như vậy là tăng tới 60% so với giá cũ. Tại sao lại mắc quá như vậy?

O. Hồ Tấn Phát: Vấn đề định giá điện là do một ủy ban của Chánh phủ là Ủy Ban Tiện Ích Quốc Gia. Ủy Ban này cứu xét rất tỉ mỉ những đơn xin của các cơ quan. Riêng về giá điện tăng từ tháng 2 vừa qua thì việc giá tăng này do hai ảnh hưởng chánh là 1. thay đổi hối suất hồi tháng 11.72, 2. việc tăng nhiên, vật liệu vào tháng Giêng 1972. Việc thay đổi hối suất từ 118 đến 275 rồi đến 410 đã ảnh hưởng rất nhiều đến

những máy móc, vật liệu nhập cảng, chuyện này còn ảnh hưởng đến cả số tiền nợ của công ty vay để đầu tư. Ví dụ trước kia công ty thiếu nợ một triệu mỹ kim thì công ty chỉ dự trù là 275 triệu bạc Việt Nam, nhưng sau này khi đổi hối suất từ 275 thành 410 thì số nợ cũng một triệu mỹ kim thì chúng tôi lại phải dự trù là 410 triệu bạc Việt Nam.

Như vậy tiền nợ và tiền lời sẽ tăng thêm. Hơn nữa, giá dầu cũng đã tăng từ tháng Giêng 1972. Trong đường lối của Chính phủ hiện nay không có việc yểm trợ các công ty về mặt khai thác và những chi phí phụ trội do hai ảnh hưởng trên, tất nhiên công ty phải xin được hoàn lại phần nào trong giá điện mới điều chỉnh.

NDMB: Chúng tôi thắc mắc là vì sao giá tiền điện tăng 60% đó chỉ đổ lên đầu dân chúng, trong khi các kỹ nghệ không hề bị ảnh hưởng, nghĩa là không chịu sự tăng giá như mọi người?

Ô. Hồ Tấn Phát: Thật ra tỷ lệ trung bình gia tăng tiền điện gia dụng lối 60%, gia tăng điện hạ thế độ 33% điện trung thế và kỹ nghệ giữ nguyên. Đây là trường hợp mà chính phủ nâng đỡ kỹ nghệ nước nhà. Nâng đỡ, không phải là để che chở cho nhà giàu nhưng nâng đỡ là làm sao cho kỹ nghệ đó có thể sản xuất những sản phẩm nội hóa với giá thấp, đương nhiên dân chúng cũng được hưởng lợi.

Đặc biệt như vấn đề điện chạy nước được giữ nguyên cho nên giá nước vẫn ở mức thấp. Nếu công ty điện lực tăng giá điện kỹ nghệ cao thì giá nước sẽ tăng thì dân chúng sẽ phải trả giá nước cao.

NDMB: Tại sao điện ở nông thôn mắc hơn điện ở Saigon, ví dụ như ở Long An trả 22\$ 1 kw, tại Cần Giuộc 40\$ 1 kw và tại Cần Đước thì lại tới 63\$ 1 kw.

Ô. Hồ Tấn Phát: Ở Saigon, Công ty có nhiều máy móc tối tân xử dụng dầu oăn, như vậy nhiên liệu rẻ bằng phân nửa nhà máy dưới tỉnh. Hơn nữa nhờ số đông tiêu thụ nên giá thành có

thể giảm bớt. Còn ở tỉnh, quận việc trang bị các nhà máy riêng rẽ rất mắc và mức tiêu thụ của dân chúng có ít nên giá thành ở tỉnh có mắc.

NDMB: Nhưng ở Bến Lức đã dùng điện ở Saigon vì có mắc dây từ Saigon tới Bến Lức chỗ không phải nơi dây đã chạy máy điện riêng, nhưng tại đây vẫn bị trả 30\$ 1 kw. Người ta nói rằng đi xin đồng hồ điện cũng phải trả một số tiền gọi là Q.T.T. Số tiền trong Q.T.T dùng để mắc dây, tại sao lại còn bắt trả thêm như ở Bến Lức?

Ô. Hồ Tấn Phát: Đặc biệt, trung tâm điện lực Bến Lức, một quận đầu tiên được điện hóa và nhà máy Bến Lức được trang bị từ 1971 với số tiền trên 20 triệu Việt Nam. Quận Bến Lức có đường dây Saigon-Bến Lức, và nhờ đó công ty có thể cung cấp được điện cho nơi này bằng điện ở Saigon. Nhờ xét của vị khách thỉnh giả vừa nói rất đúng ở chỗ dùng điện do dây Saigon mà không được hưởng giá rẻ. Chúng tôi đang nghiên cứu vấn đề này nhưng còn phần nói rằng dùng tiền Q.T.T để lắp đường dây thì vấn đề ấy như thế này: Q.T.T do Ủy ban tiện ích quản trị, sử dụng trong những trường hợp tại nạn đặc biệt. Đường dây Saigon-Bến Lức do Công Ty Điện Lực đài thọ 100% chứ không phải của Q.T.T.

NDMB: Cũng ông cả hỏi về điện ở Cần Đức nói rằng có một công ty điện tư đã bắt chặt đồng bào để đòi trả 63\$ 1 kw và thắc mắc rằng có phải Công Ty Điện Lực đã thông đồng với Công Ty đó để làm tiền đồng bào mà không đặt những máy điện nông thôn cho đồng bào?

Ô. Hồ Tấn Phát: Chương trình phát triển điện lực tại các quận do chánh phủ đề xướng. Chúng tôi cũng ráng làm thế nào cho giá tiền điện tại các quận có thể giảm thiểu được. Vì lý do đó mà giá tại các quận hiện giờ là 25\$, trong khi đó tại một vài nơi như Cần Đức có thể tới năm, sáu chục đồng.

Hiện giờ Công Ty Điện Lực cố gắng để điện hóa cho mỗi tỉnh, mỗi quận. Riêng tỉnh Long An, Cần Đức, chúng tôi sẽ cố gắng điện hóa những nơi đó. Nếu được thì giá điện tại những nơi này cũng như những nơi khác vậy.

NDMB: Thưa Ông Giám Đốc Chuyên Vận và Phân Phối, đây là câu hỏi của ông Nguyễn Việt Thắng, số 249 đường Đê Thám. Ông Thắng hỏi rằng compteur Nhật Bản và Đài Loan bán ở những tiệm đèn chỉ có 750\$, trong khi ấy Công Ty Điện Lực lại trừ mỗi tháng 52\$ tiền compteur, như vậy có quá mắc không?

Ô. Lê Thúc Cẩn: Từ năm 1969 đến nay, giá tiền thuê điện kế là 20\$, thành ra nếu người sử dụng điện kế Đài Loan giá 750\$ một cái thì mức tiền thuê bao điện kế đó không mắc. Hơn nữa tiền thuê bao điện kế đó còn bao gồm cả chi phí tu bổ định kỳ mà Công Ty Điện Lực Việt Nam phải đảm nhận.

Từ năm 1972 trở đi, Công Ty Điện Lực Việt Nam không nhập cảng loại điện kế nhập cảng của Đài Loan nữa mà chỉ nhập cảng loại điện kế của Hoa Kỳ, trị giá của những điện kế mới là 8.000\$ cho nên Công Ty Điện Lực Việt Nam đã xin Ủy Ban Tiện Ích cho điều chỉnh lại giá thuê bao điện kế và Ủy ban chấp thuận cho giá tăng là 52\$.

NDMB: Có người than phiền có nhiều đồng hồ điện chạy quá nhanh hoặc là do quý công ty điều chỉnh thế nào cho chạy nhanh để có lời nhiều hơn hoặc có những đồng hồ mua của Nhật Bản, Đài Loan chạy không chính xác hay những đồng hồ cũ có lúc chạy mau, lúc chạy chậm thì thì việc này quý công ty có thể nào chỉ cho dân chúng biết cách kiểm soát một cái đồng hồ như thế nào là chạy chậm, chạy mau?

Ô. Lê Thúc Cẩn: Tất cả những điện kế trước khi thiết kế tại nhà khách hàng đều được chuẩn định tại phòng thí nghiệm của Công Ty Điện Lực Việt Nam, dưới quyền giám hộ và kiểm soát của Ủy Ban Tiện Ích Quốc Gia.

Ngoài ra Công Ty Điện Lực Việt Nam cũng có chương trình tu bổ định kỳ; bất cứ trường hợp nào khách hàng thấy đồng hồ chạy nhanh hơn thì có thể gửi thư về Sở Thương Vụ, Công Ty Điện Lực Việt Nam số 72 đường Hai Bà Trưng, chúng tôi sẽ cất cử người tới tận nhà để kiểm chứng xem đồng hồ có chạy đúng hay không. Chúng tôi cũng xin lưu ý khách hàng là không nên căn cứ vào tốc độ của đĩa quay mà cho là đồng hồ chạy nhanh

hay chậm. Tốc độ của đĩa quay không ảnh hưởng đúng tỷ lệ với số kw giờ tiêu thụ mà còn tùy thuộc nơi cơ thặng trong điện kế nữa.

NDMB: Còn khi xin gắn tổng hồ vô điện thì sự chiốt tính như thế nào? Ông Nguyễn Việt Thống nói rằng nhà đèn 13.000\$ khi gắn đồng hồ điện trong khi ông ta tính 30 thước giấy và hai miếng dây gắn đồng hồ, 7 thước dây cáp, một cây sắt chữ L 60x2 thước, với dao cúp điện 10 ampères tổng cộng chỉ có 7.500\$.

O. Lê Thúc Căn: Trước hết là giá biểu nào điện kế khoản hiện giờ là 11.000 tính tròn, chứ không phải 13.000. Số tiền 11.000\$ này đã được ấn định cho thầu từ năm 1969 tới nay không thay đổi. Giá 11.000\$ này bao gồm tất cả những vật liệu mà nhà thầu phải cung cấp. Ngoài ra còn có cả tiền gọi là tiền ứng trước về mức tiêu thụ hàng tháng, chi phí cho những nhân viên của Công Ty Điện Lực Việt Nam đơn gắn điện kế tại nhà.

NDMB: Thưa Ông Giám Đốc, có nhiều đồng bào cũng than phiền rằng khi họ nhận được hóa đơn thầu tiền thì họ lại thấy số kw tiêu thụ lại cao hơn với số mà Công Ty Điện Lực đã ghi ở dưới chỗ đồng hồ.

O. Lê Thúc Căn: Hàng tháng, khi biên điện viên tới nhà khách hàng để biên số điện tiêu thụ trên điện kế và đôi khi khách hàng vắng nhà nên biên điện viên không ghi được số tiêu thụ đó nên Công Ty Điện Lực tính phỏng định mức tiêu thụ tùy theo và căn cứ vào mức tiêu thụ của tháng trước. Bởi vậy mà có những sai biệt, nếu khách hàng liên tiếp vắng mặt trong 2, 3 tháng thì sự sai biệt này còn quan trọng hơn, cho đến ngày nào nhân viên của Công Ty Điện Lực đọc được chỉ số tiêu thụ thực thì lúc đó hóa đơn sẽ được điều chỉnh.

Để khách hàng biết rõ hơn về cách thức chúng tôi tính tiền, kể từ tháng 7.72 trở đi, trên các hóa đơn nếu tiền điện tính theo mức phỏng định thì đều được ghi trên hóa đơn là phỏng định. Nếu là sự tiêu thụ thực thụ thì trên hóa đơn, sẽ được ghi là hóa đơn có truy thầu hay là hóa đơn có bồi hoàn để khách hàng hiểu rõ.

NDMB: Một vấn đề khác là tại sao lại có thể thức trả tiền khác. Đó là miếng giấy của nhà đèn để lại ghi là: một tuần nữa sẽ trở lại tính tiền trong khi trước kia thì ngày hôm nay nhân viên điện lực đến, rồi ngày mai họ lại đến nữa. Xin ông giải thích vấn đề này?

Ô. Lê Thúc Căn: Để cải tiến dịch vụ thu tiền cũng như là để hữu hiệu hóa việc thu tiền từ đầu tháng 6.72 chúng tôi đã sắp xếp một kế hoạch thu tiền mới. Hiện giờ, hàng tháng ngày chúng tôi cử nhân viên tới thu tiền đều được ấn định một cách tương đối nhất định từ tháng này qua tháng khác. Khi ghi chỉ số điện kế, chúng tôi có để phiếu báo ngày chúng tôi sẽ trở lại thu tiền.

NDMB: Chúng tôi đề nghị là trên phiếu đó nên để số kw tiêu thụ để người tiêu thụ có thể làm một con toán nhân để có thể ước tính trong tuần đó hầu chuẩn bị sẵn số tiền để trả cho nhà đèn.

Ô. Lê Thúc Căn: Đề nghị này rất đúng, chúng tôi xin ghi nhận.

NDMB: Có lúc nhà đèn cúp điện thì nhân viên nhà đèn đến bấm chuông, nhưng chuông không kêu rồi ông ta bỏ đi nhà khác ngay và không trở lại, bắt buộc khách hàng phải đến công ty để trả tiền điện, phải chờ, chen lấn rất mất thì giờ. Nếu nhân viên nhà đèn ấy chịu khó chờ một chút thì đỡ cho khách hàng biết bao nhiêu.

Ô. Lê Thúc Căn: Chúng tôi sẽ chấn chỉnh lại đường lối làm việc của các nhân viên.

NDMB: Còn chuyện này nữa, khi ngồi mà tính lại số điện tiêu thụ với số kw thường thường là sẽ thấy nhà đèn đòi mắc hơn. Tại sao vậy?

.../

O. Lê Thúc Căn: Khi khách hàng tính tiền tiêu thụ theo chỉ số của điện kế thì cũng phải tính tiền thuê bao điện tế, tiền phụ thu. Từ tháng 8.72 trên tất cả các hóa đơn gửi tới khách hàng đều được ghi những chi tiết cả rồi. Chúng tôi hy vọng với cách sửa đổi này sẽ giúp đồng bào biết rõ hơn về ngân khoản cần thiết để trả tiền điện.

NDMB: Một khách chính giả là Ông Dương Thanh Phong than phiền rằng tháng 8 phải trả tiền điện tới hai lần. Có người lại nói tháng tư vừa rồi cũng bị trả tiền điện hai lần. Như vậy là trong một năm họ phải trả tới 13 tháng tiền điện.

O. Lê Thúc Căn: Kỳ tháng 4.72 là vì Tết Nhâm Tý nghỉ 7 ngày. Mặc dầu nhân viên điện lực sẵn sàng đi thu tiền trong 7 ngày Tết, nhưng chúng tôi cũng không dám phiền khách hàng đến gõ cửa thu tiền vào những ngày đầu năm. Vì vậy nên trong lịch trình thu tiền, chúng tôi bị chậm mất 10 ngày. Sự chậm trễ đó chúng tôi bắt buộc phải lấy lại. Bởi vậy mà trong tháng 3 và tháng 4 có khách hàng mới trả tiền hôm đầu tháng, đến ngày 25 lại phải trả tiền điện lần thứ hai, nên có cảm tưởng là chúng tôi thu tiền tới hai lần. Trường hợp tháng 8.72 có một vài khách hàng có cảm tưởng là phải trả hai tháng tiền điện trong tháng này thì sự thực là một lầm lỗi khi chúng tôi in hóa đơn: Thay vì ghi là kỳ tháng 8 thì chúng tôi ghi là kỳ tháng 7. Nhưng những hóa đơn in lần này cũng không có nhiều, chỉ chừng 10.000 tờ thôi.

NDMB: Đây là một trường hợp có thể coi là trường hợp chung. Bà Nguyễn Bạch Yến ở số 88/13 đường Bà Huyện Thanh Quan nói rằng hồi tháng 5.1972 "Compteur của nhà tôi chỉ số 2253k, khi nhà đèn đưa hóa đơn thì lại với số tiền là 3253k, tính ra tháng này nhà tôi xài tới 2.500\$ nhưng hóa đơn đòi tiền tới 19 ngàn mấy trăm. Buộc lòng tôi phải khiếu nại lần thứ nhất. Đến văn phòng ông này chỉ đến ông kia, đến ông kia chỉ đến ông nọ. Ít ngày sau đem hóa đơn đòi tiền nữa, tôi lại phải đi khiếu nại lần thứ hai. Rồi mấy bữa nhà đèn cho người đến cúp điện, buộc lòng tôi phải đi kêu nại lần thứ ba.

.../

Tôi có hỏi tại sao tôi bị cúp điện thì được một viên chức của nhà đèn trả lời là vì họ quên. Như vậy đi khiếu nại tiền xe hết 900\$, vậy thiệt hại này nhà đèn có thưởng cho tôi không? Nếu không thì rõ ràng là những thiệt hại của khách hàng không được biết tới. Nhà đèn lấy việc cúp điện làm điều kiện buộc khách hàng chịu thiệt trong khi lỗi là do nơi máy ồng".

Ô. Lê Thúc Căn: Chúng tôi xin phân tách câu hỏi này ra làm hai phần. Phần thứ nhất là một số khách hàng chưa kịp nạp tiền đã bị cúp hơi. Phần thứ hai các chi tiết trong trường hợp của Bà Yến. Chúng tôi xin trả lời phần thứ hai trước. Chúng tôi xin thành thật xin lỗi Bà Yến về trường hợp của bà. Công Ty Điện Lực Việt Nam đã làm lỗi là thay vì ghi chỉ số tính tiền là 2253 lại ghi là 3253. Số tiền sai biệt này, chúng tôi sẽ hoàn lại bà Yến. Chúng tôi xin mời bà Yến trong ngày Thứ Bảy, hoặc Thứ Hai tới văn phòng Nha Chuyển Vận và Phân Phối số 72 đường Mai Bá Trưng để chúng tôi điều chỉnh lại.

Kế hoạch thu tiền của chúng tôi bây giờ được sửa đổi như sau: Nhân viên chúng tôi đến thu hóa đơn lần thứ nhất; nếu không thu được sẽ để lại nhà khách hàng phiếu báo, xin khách hàng nội trong tám ngày hãy đến nạp tiền tại Công Ty. Quá kỳ hạn này, Công Ty Điện Lực Việt Nam sẽ cử nhân viên đến nhà khách hàng truy thu hóa đơn lần thứ hai. Lần này khách hàng vẫn không trả thì vì quyền lợi của công ty nên chúng tôi phải tạm ngưng cung cấp hơi điện và cũng để lại cho khách hàng một phiếu báo là yêu cầu khách hàng tới nạp tiền tại Công Ty trong thời hạn tám ngày nữa. Sau kỳ hạn này, chúng tôi cử nhân viên tới nhà khách hàng lần thứ ba. Nhân viên phải trưng thu hóa đơn một lần nữa. Lần này khách hàng vẫn không trả tiền thì vì quyền lợi của Công Ty, chúng tôi buộc lòng phải ngưng cung cấp điện.

Áp lực mà chúng tôi đang sử dụng trong việc thu tiền, chúng tôi muốn đó chỉ là một biện pháp giải đoạn ngắn hạn mà thôi. Hiện chúng tôi đang cố gắng sao cho khách hàng hài lòng. Nếu khách hàng hài lòng với các dịch vụ của Công Ty Điện Lực Việt Nam thì khách hàng sẽ trả tiền sòng phẳng. Nếu khách hàng trả tiền sòng phẳng thì Công Ty về phương diện tài chánh sẽ dồi dào và có thể thực hiện thêm những công tác khác.

NDMB: Chúng tôi có thư của bà Trần Ngọc Oánh, Chủ tịch Hội Ban Người Cui Việt Nam. Bà Oánh than phiền rằng Công Ty Điện Lực đã trưng dụng đất và làm hại hoa màu của bà. Đến nay, mặc dầu bà đã khiếu nại nhiều lần, nhưng Công Ty Điện Lực vẫn không bồi thường tiền thiệt hại và trưng dụng cho Hội Ban Người Cui.

Ô. Lê Thúc Cẩn: Để thực hiện đường dây 66.000 kilo-volt băng qua Thủ Thiêm, chúng tôi cần phải chia ra làm hai phần. Phần thứ nhất là việc truất hữu và bồi thường các hoa màu cần thiết để thiết lập các trụ điện và đường dây. Phần thứ hai là việc truất hữu và bồi thường hoa màu để làm công lộ. Riêng về phần hành của Công Ty Điện Lực Việt Nam, chúng tôi đoán chắc rằng chúng tôi đã bồi thường về hoa màu xong xuôi. Còn về phần truất hữu thì chúng tôi thấy rằng cần phải phối hợp với Tòa Đô Chánh và xin gặp bà Trần Ngọc Oánh để thỏa hiệp phương thức thích hợp nhất để giải quyết vấn đề. Chúng tôi hy vọng trong vòng một hay hai tuần tới, chúng tôi sẽ tổ chức được buổi họp để giải quyết dứt khoát vấn đề.

NDMB: Có phải lúc đó ông Trần Ngọc Oánh là Tổng Quản Trị Công Ty Điện đã trưng dụng đất của bà Trần Ngọc Oánh không?

Ô. Lê Thúc Cẩn: Phải. Đó là lúc thiết trí đường dây 66.000 kilo-volts nằm trong chương trình khi ông Trần Ngọc Oánh là Tổng Quản Trị.

NDMB: Đây là trường hợp của ông Lê Cao Bằng, Trưởng ga xe lửa Gò Vấp (Xóm Thơm) tỉnh Gia Định. Ông Bằng cho biết:

"Lúc 9 giờ sáng ngày 18.7.72, nhà đèn Gò Vấp tăng điện thế lên hoặc vì trục trặc máy sao đó đã làm hư như sau: làm hư một máy VHF (siêu tầng số) của ga trong lúc đang xử dụng liên lạc các đài.

Đến 15 giờ cùng ngày, ở Saigon mang một máy siêu tần số khác để thay thế, bất thần lúc 18 giờ 20, máy tự nhiên cháy khói mù lên, vội vàng rút ficha điện ra nên máy không bị hư nhưng cháy mất một bóng đèn xanh (máy này có hai bóng, 1 xanh và 1 đỏ).

Trên đây là những thiệt hại về phần số nhà Xa Việt Nam, còn về nhân viên từng bị tại ga thì có những thiệt hại như sau: Trưởng ga: cháy một Survolteur, một tivi 12 inch và một đèn tube 6 tác. Lao công: cháy hai đèn tube mỗi cái dài 1m20 và một quạt máy để bàn.

Ông Bường bị sẽ khiến trách một cách oan uổng vì máy siêu tần số hư trị giá trên 100.000\$.

Ngoài ra, về phía đồng bào cùng chung đường giây điện dẫn vào ga cũng bị cháy, hư đèn, tivi v.v..

Vậy, ông Bường hỏi "chúng tôi có thể khiếu nại để Công Ty Điện Lực bồi thường thiệt hại không? Hỏi đại diện nhà đèn cho biết lý do trực tiếp đó? Lưu ý nhân viên nhà đèn nên thận trọng từ này về sau".

Ông Bường cũng cho biết thêm rằng survoltour, tivi, quạt máy cháy hư ông chưa có tiền để sửa. Còn máy siêu tần số thì đang được sửa chữa tại Ty Điện Cơ Saigon.

O. Lê Thúc Căn: Chúng tôi xin ông Bường làm đơn chính thức gửi Công Ty Điện Lực Việt Nam để chúng tôi sẽ thành lập ủy ban điều tra về trường hợp của ông Bường vì lý do hao đã gây nên sự thiệt hại đó. Tùy theo kết quả của Ủy Ban điều tra nếu nhận thấy không vi trường hợp giống tổ, báo mà làm dây điện đứt hay nếu không vì một lỗi lầm do một đệ tam nhân nào khác mà chính do lỗi lầm của Công Ty Điện Lực thì chúng tôi sẽ bồi hoàn cho Công Quản Quốc Gia Hỏa Xa và cho ông Bường những thiệt hại đó, để Công Quản Hỏa Xa có đủ yếu tố giải tòa biện pháp chế tài đối với Ông Trưởng Ga.

Nhưng chúng tôi cũng ghi nhận rằng hư hại này đã xảy ra hai lần trong một ngày thì chắc là vì do sự chạm của đường dây chớ trong thời gian đó chúng tôi không thực hiện một công tác nào mới để có thể thay điện thế một cách bất thường tại khu Gò Vấp.

Nhân dịp này, chúng tôi cũng xin lưu ý khách hàng có đường dây điện băng qua sân, qua vườn có những cây lớn, sát dây điện thì xin mé nhánh cây cần thận để tránh trường hợp báo lớn làm đường dây chạm nhau thay đổi điện thế tột ngột. Chúng

tôi cũng xin lưu ý là khách hàng đừng cắm survolteur thường xuyên vào hệ thống điện. Nếu cắm thường xuyên là đã xài điện phí phạm vì dù không dùng điện nhưng máy survolteur cũng xài một số điện.

Ngoài ra hiện giờ chúng tôi thiết trí rất nhiều trạm biến thế công cộng rất có thể tại nhiều khu vực hiện nay máy tăng thế không còn cần thiết nữa. Nhân dịp này xin quý vị hãy kiểm lại điện thế tại khu vực mình dùng, xem máy tăng thế thấy có còn cần thiết nữa hay không?

NDMB: Sản dịp ông Giám Đốc nói về những trạm biến điện nhỏ, chúng tôi xin nhắc lại thư của ông Lê Văn Tiên, đại diện đồng bào hẻm 116-5 đường Tô Hiến Thành. Ông Tiên nói rằng vào buổi tối, lúc 19 giờ, đèn điện ở khu xóm ông mở như đèn dầu, thử điện thì thấy chỉ còn 50 hoặc 60 volt. Ông Tiên xin Công Ty Điện Lực gán cho xóm ông một thùng tăng điện tại đầu hẻm.

Ô. Lê Thúc Căn: Chúng tôi xin ghi nhận lời yêu cầu này và chúng tôi sẽ cho cứu xét và thiết trí máy biến thế ở đầu hẻm theo lời yêu cầu của Ông Tiên.

NDMB: Có một đồng bào vô danh ở Phú Nhuận, Gia Định nói rằng xin điện 110 thì nhà đèn lại gán điện 220. Có cách nào xin nhà đèn cho lại điện 110 và có lúc đứt dây, xin nhà đèn đến sửa thì xin tối năm, bảy lần mới đến. Mỗi lần đến lại làm khó dễ và đòi tiền trà nước ...

Ô. Lê Thúc Căn: Chúng tôi ghi nhận trường hợp này và sẽ coi lại nếu hiện tại vị khách hàng này ở trong khu vực có hệ thống 110-220 thì chúng tôi sẽ cho đổi lại điện 110. Nếu khách hàng ở trong khu vực tân lập thì rất tiếc là theo tiêu chuẩn mới, để bảo đảm điện thế cung cấp cho khách hàng thì chúng tôi chỉ cấp điện 220 mà thôi.

Về việc mà vị khách hàng nói tới việc sửa chữa thì chúng tôi công nhận đây là một thiếu sót của công ty vì nhiều khách hàng khi điện hư không biết kêu số điện thoại nào và làm

sao có những cơ quan đốc thúc trễ sửa chữa kịp thời. Chúng tôi cũng xin trình rằng từ tháng 10 trở đi sẽ có một ban gọi là ban sửa chữa trung ương, chúng tôi sẽ thông báo trên giấy báo của biên điện viên gửi tới quý vị hàng tháng các số điện thoại của khu khai thác liên hệ, số điện thoại của ban sửa chữa trung ương. Ban sửa chữa trung ương có trách nhiệm ghi nhận lời yêu cầu của khách hàng, theo dõi và đốc thúc cũng như ghi giờ công tác sửa chữa hoàn tất. Chúng tôi hy vọng với phương thức làm việc này, việc trễ sẽ không còn nữa.

NDMB: Thưa Ông Phó Tổng Giám Đốc Khai Thác Vùng Saigon và phụ cận, Công Ty Điện Lực có bốn phận là phải cung cấp điện suốt ngày đêm cho dân chúng theo khe ước đã ký. Vậy nếu công ty cúp điện sẽ gây ra việc đồ ăn trong tủ lạnh hư hay gây trở ngại cho công việc làm ăn của khách hàng khiến bị lỗ lã, khách hàng khiếu nại ở đâu và ai sẽ bồi thường những thiệt hại đó?

O. Lê Bá Trục: Mục tiêu chính của Công ty là làm thế nào tránh được những trường hợp gián đoạn điện để phục vụ khách hàng và mỗi lần Công Ty cúp điện, chúng tôi cũng mất một số lợi vì chúng tôi không bán được điện cho khách hàng. Trong khi đó, chúng tôi vẫn phải trả chi phí điều hành cho nhân viên.

Bởi vậy, trừ những việc gián đoạn có lợi trong việc điều hành thì chúng tôi rất tránh. Chúng tôi xin phân việc gián đoạn điện ra làm ba loại: Loại gián đoạn vì nhiều loạn và loại gián đoạn vì chính khách hàng gây ra.

Loại thứ nhất là trường hợp nhiều loạn. Chắc ít người trong Đô Thành biết rằng điện năng được cung cấp trong Đô Thành bởi 18 nhà máy điện nằm trong Đô thành và điện năng sản xuất đến khách hàng qua hệ thống chuyển vận và phân phối gồm 76 cây số đường dây cao thế 66 KV, 8 trạm biến điện chính, 890 cây số đường dây trung thế 15KV, với 1.300 nhà hơi và 840 cây số đường dây hạ thế.

Với một hệ thống phân phối lớn như vậy, trường hợp chạm điện ^{ráp dề} xây ra. Đó là những trường hợp mưa bão, sét đánh trên đường dây hay có thể những em nhỏ thả điều chạm trên

đường dây hai pha cũng gay ra chạm điện. Những trang cụ bảo vệ hệ thống đều tự động lên có gián đoạn điện mỗi khi bị chạm. Chúng tôi đã cố ý giảm thiểu việc gián đoạn điện như là mé cành cây trước khi mùa mưa tới và trang bị thêm những máy đóng điện tự động.

Trường hợp thứ nhì là trường hợp phải cúp điện để điều hành công tác, chúng tôi dời đường dây này qua một đường dây khác thì việc cúp điện chỉ xảy ra trong năm, mười phút mà thôi. Trường hợp cúp điện vì công tác thì hiện nay công ty đang tiến hành một chương trình gắn những máy biến điện trên trụ để cung cấp điện năng đầy đủ. Nhưng muốn gắn những máy biến điện trên đường dây, nhất là đường dây cao thế, chúng tôi phải cắt điện đường dây đó mới gắn được. Thành ra trước khi làm công tác chúng tôi cũng có đăng báo loan báo việc cúp điện. Chúng tôi cũng rành trong những năm tới chúng tôi huấn luyện nhân viên một phương pháp tân tiến hơn là bắt những máy biến điện với một kỹ thuật bắt qua những đường dây có điện để khỏi cúp điện.

Trường hợp thứ ba là trường hợp khách hàng làm gián đoạn điện. Ai cũng biết hệ thống đặt đường dây vào nhà khách hàng đều được trang bị ngay tại trụ điện một cầu chì, và sau điện kế là một cầu chì thứ nhì. Mục đích của hai cầu chì này là để bảo vệ đường dây, nếu vì lý do nào đó, cầu chì sẽ đứt và không làm hư hại đến dây điện. Nhưng có nhiều nhà chỉ dùng điện nhiều, cháy cầu chì, đã thay thế cầu chì cũ bằng một cầu chì lớn hơn, có khi lại thay thế bằng dây đồng nữa. Trường hợp này, thay vì cháy cầu chì trong nhà sẽ cháy cầu chì ngoài đường. Muốn thay cầu chì ngoài đường, phải có nhân viên của công ty.

NDMB: Đây là một đề nghị về việc loan báo cúp điện. Chúng tôi thấy mỗi khi công ty loan báo cúp điện, công ty thường loan báo số đồng hồ điện, việc này khiến cho những người dùng điện phải đi kiểm soát đồng hồ của mình một cách khó khăn vậy đề nghị công ty nên loan báo tên đường bị cúp điện là chúng tôi thấy ngay.

O. Lê Bá Trục: Chúng tôi xin ghi nhận ý kiến này và sẽ chỉ thị cho các khu công tác liên hệ áp dụng.

NDMB: Thưa Ông Tổng Giám Đốc, còn vấn đề khác là máy bừa rầy chúng tôi thấy Công ty Điện Lực cho người đi mó những nhánh cây, nhưng đáng lý sau khi mó thì có xe rúc hết liền, đằng này quý công ty để những nhánh cây ở ngoài đường cả tuần làm đờ đây thành phố.

Ô. Lê Bá Trực: Năm nay là năm đầu tiên chúng tôi bắt đầu khai thác dây trời và mó cây và cũng năm nay là năm những cây cối trong thành phố mọc rất nhiều cành lá cho nên chúng tôi có thiếu sót, chúng tôi cũng xin cáo lỗi với đồng bào.

NDMB: Thưa Ông Tổng Giám Đốc, mỗi người dân khi trả tiền điện đều bị thâu một số tiền gọi là phụ thu đèn đường. Như vậy dân Saigon đều phải trả tiền gọi là phụ thu đèn đường, nhưng có đường lại tối hù. Như vậy đồng bào đã phải trả tiền phụ thu đèn đường để đốt cho một số villa nhà giàu mà thôi sao?

Ô. Hồ Tấn Phát: Tiền phụ thu đèn đường trong đô thành là một cái đối với 1kw/h, chúng tôi chỉ thu dùm cho Tòa Đô Chánh và chuyển qua tòa Đô Chánh mà thôi. Chúng tôi biết rằng những chi phí để trang bị đèn đường, nhưng chi phí để trả tiền điện cao hơn số tiền phụ thu mà công ty đã thâu cho Tòa Đô Chánh. Tòa Đô Chánh đã đóng góp về điện nhiều hơn số tiền phụ thu vừa nói.

NDMB: Trong thời gian qua, Công ty Điện Lực đã khánh thành nhiều nhà máy điện tại nhiều nơi, nhưng vấn đề xin điện vẫn khó khăn, vẫn bị làm khó dễ và vẫn bị ăn tiền như thường.

Ô. Hồ Tấn Phát: Muốn cung cấp đầy đủ điện cho dân chúng, chúng ta phải có một hệ thống nhà máy sản xuất, chúng ta cũng phải có một hệ thống chuyển vận phân phối đầy đủ. Hai năm qua, công ty điện đã cố gắng rất nhiều và đã xây cất một số nhà máy tương đối đầy đủ để cung cấp điện cho đô thành. Tuy nhiên về hệ thống chuyển vận phân phối, chúng tôi gặp nhiều trở ngại về thủ tục mua sắm và nhập cảng những vật liệu về chuyển vận phân phối. Những vật liệu đó vừa đến Saigon cách

đây chúng một chúng. Chúng tôi sẽ cố gắng vừa ở at tăng cường hệ thống chuyển vận phân phối và vừa để cung cấp điện cho dân chúng.

Vấn đề trả nước thì chúng tôi cũng nghe rất nhiều. Thành thật mà nói, chúng tôi sẽ cố gắng có sự hợp tác giữa khách hàng với công ty để kiếm những bằng cứ cụ thể hầu chúng tôi có biện pháp thích nghi đối với nhân viên thừa hành hoặc đối với những nhà thầu nào chậm trễ, kiếm chuyện. Chúng tôi thấy rằng chúng tôi chưa thành công trong công việc làm thế nào để có sự hợp tác của khách hàng hầu kiếm ra những bằng cứ cụ thể về vấn đề trả nước đó. Tuy nhiên chúng tôi biết chắc rằng có việc đó. Hiện nay chúng tôi thấy rằng biện pháp duy nhất mà chúng tôi có thể cố gắng làm là cố gắng thỏa mãn tới đa 100% cho dân chúng, ngoại trừ những đường hầm mà chúng tôi gặp khó khăn trong việc trông trụ đèn.

Bắt đầu từ tháng này, chúng tôi quyết định là ai làm đơn xin cấp điện, điện đơn cũng như điện máy lạnh thì nội trong 20 ngày, công ty sẽ hoàn tất hóa đơn. Sau khi thanh toán tiền, công ty sẽ cho mắc điện và hoàn tất công tác đó ngay. Đó là trường hợp những điện kế thường và điện máy lạnh. Còn những điện kỹ nghệ hay những building cần trạm biến điện, trong vòng hai tháng chúng tôi sẽ hoàn tất hồ sơ, đồ án và sẵn sàng chuyển qua Tòa Đô Chánh để xin phép. Như vậy chúng tôi thấy rằng chỉ có biện pháp cố gắng thỏa mãn 100% cho dân chúng mới trừ được nợ trả nước.

PHÒNG VẤN ÔNG TỔNG TRƯỞNG

PHÁT TRIỂN SẮC TỘC

Phát Hình Ngày 25.8.1972

Ông Tổng Trưởng Sắc Tộc NAY LUETT, 37 tuổi, sanh tại Bôn Mahing, Phú Bôn, Ông thuộc sắc dân Jarai, trước khi đảm nhận chức vụ Tổng Trưởng Phát Triển Sắc Tộc, Ông là Công Cán Ủy Viên kiêm Giám Đốc Nha Xây Dựng Sơn Thôn, Bộ Phát Triển Sắc Tộc.

NDMB: Thưa Ông Tổng Trưởng, ngày thứ ba tới đây Bộ Phát Triển Sắc Tộc và đồng bào các sắc tộc chuẩn bị đệ ngủ chu niên ngày ban hành quy chế riêng biệt cho đồng bào thiểu số. Xin Ông Tổng Trưởng cho biết ý nghĩa của lễ kỷ niệm này cũng như lý do mà chánh phủ đã ban hành quy chế đó?

Ô. Tổng Trưởng PTST: Vâng, vào ngày 29.8.1972 tới đây Bộ Phát Triển Sắc Tộc chúng tôi và đồng bào các sắc tộc toàn quốc sẽ kỷ niệm đệ ngủ chu niên ngày ban hành quy chế riêng biệt cho đồng bào thiểu số tức Sắc luật số 033/67 ngày 29.8.1967.

.../

Đối với đồng bào các sắc tộc, đây là một ngày trọng đại, vì nó đánh dấu ngày đồng bào thiểu số thực sự gia nhập vào cộng đồng dân tộc Việt Nam. Nói như vậy không phải là có quy chế, người thiểu số mới là người Việt Nam. Trái lại, người thiểu số từ xưa vốn là công dân Việt Nam đã cùng toàn dân tranh đấu bảo vệ và mở mang bờ cõi, nhưng trải qua bao nhiêu triều đại, bao nhiêu chế độ, người thiểu số vẫn bị bỏ quên để tự sinh tồn trong tình trạng chậm tiến.

Dưới thời Pháp thuộc, người thiểu số đã bị chính sách "ngu dân và chia để trị" của thực dân cô lập trong núi rừng cao nguyên, ít được tiếp xúc với văn minh. Giữa kinh và thượng cùng là công dân một nước mà không có dịp được giao tiếp để coi nhau như người xa lạ. Đến thời Đế I Cộng Hòa, cương giới Hoàng triều Cương thổ được bãi bỏ, kinh thượng mới có dịp nhìn nhau là tỉnh huỳnh đệ.

Suốt từ 1958 đến 1967, đồng bào thượng đã liên tiếp trình bày nguyện vọng lên chánh quyền xin được nâng đỡ để theo kịp đa tiến bộ của dân tộc. Đặc biệt, đồng bào thượng đã đứng ra thành lập các phong trào tranh đấu như: phong trào Bajaraka vào những năm 1957, 1958, phong trào Fulro vào năm 1964, 1969.

Cho đến năm 1967, những nguyện vọng của đồng bào Thượng được chánh phủ lưu tâm cứu xét. Chánh phủ và quốc hội thông cảm. Hiến pháp VNCH ghi nhận sự hiện diện của đồng bào thiểu số trong cộng đồng Việt Nam và ấn định các điều khoản nâng đỡ đồng bào thiểu số, trong đó có dự trù ban hành một quy chế nâng đỡ đồng bào thiểu số.

Chiếu theo hiến pháp, Chánh phủ đã cho triệu tập đại hội các sắc tộc thiểu số toàn quốc ngày 25, 26.6.1967 để tham khảo nguyện vọng chung. Sau đó vào ngày 29.8.1967, đương kim Tổng Thống đã đích thân lên Ban Mê Thuột ban hành sắc luật 033/67 ấn định quy chế đặc biệt nâng đỡ đồng bào thiểu số chiếu theo hiến pháp và nguyện vọng của đồng bào đã đệ trình trong đại hội vừa kể.

NDMB: Mỗi sắc tộc có một nền văn minh riêng, một cách sống riêng. Vậy khi phát triển, ta sẽ đưa họ tới một mẫu người nào ?

.../

Ô. Tổng Trưởng PTST: Mỗi sắc tộc có một nền văn minh riêng, có những phong tục, tập quán, cách thức sinh hoạt riêng. Đó là điều chúng ta phải hành diện vì nó chứng tỏ nền văn hóa dân tộc Việt Nam rất phong phú.

Chính sách phát triển sắc tộc có hai mục tiêu lớn cần thực hiện đó là tôn trọng phong tục, tập quán, ngôn ngữ của đồng bào thiểu số và nâng đỡ đồng bào thiểu số theo kịp đà tiến bộ chung của dân tộc.

Tất cả mọi chương trình kế hoạch hướng về đồng bào thiểu số đều cần phải nhằm vào hai mục tiêu rõ rệt đó. Nghĩa là vừa phải giúp đỡ, đồng bào các sắc tộc cải thiện sinh hoạt để theo kịp đà tiến bộ của dân tộc, vừa phải hướng dẫn đồng bào bảo vệ phát huy những thuần phong mỹ tục và loại bỏ những tập quán nào có hại.

Chúng ta sẽ xây dựng những xã hội đồng bào thiểu số tiến bộ trong cộng đồng Việt Nam tiến bộ.

NDMB: Thưa Ông Tổng Trưởng, trong thời bình cũng như thời chiến, đồng bào sắc tộc có thể đóng góp được những gì để bảo vệ quốc gia này?

Ô. Tổng Trưởng PTST: Muốn hiểu rõ khả năng đóng góp của đồng bào sắc tộc cần hiểu rõ về vị trí địa lý, khí hậu của cao nguyên cùng sức chịu đựng của đồng bào sơn cước đối với vùng Thượng.

Chúng ta biết rằng trong lịch sử Việt Nam không thiếu gì chiến công trong đó có người kinh và sắc tộc đã sát cánh bên nhau trong công cuộc chống xâm lăng, bảo vệ quốc gia, mở mang bờ cõi...

Gần đây nhất, người thiểu số đã từng sát cánh cùng đồng bào toàn quốc chống Pháp. Trong suốt 30 năm Pháp thuộc những cuộc kháng Pháp liên tiếp xảy ra trên cao nguyên Bắc và Nam do người thiểu số chủ trương hoặc người thiểu số ủng hộ, yểm trợ tích cực che quân kháng chiến. Người thượng cũng cùng toàn dân vùng đây chống chế độ độc tài của Tổng Thống Ngô Đình Diệm vào năm 1958-1963 và Chế độ Nguyễn Khánh 1964.

Đồng bào thượng cũng đã hòa mình vào cuộc chống Cộng chung của dân tộc. Trên lý thuyết từ trước đến nay thanh niên thượng vẫn được hoãn dịch nhưng trên thực tế có thể nói hầu hết thanh niên thượng từ 17 tuổi trở lên đã tình nguyện gia nhập các binh chủng trong quân đội và các lực lượng võ trang, bán võ trang khác. Nhiều chiến thắng do các đơn vị gồm toàn người thiểu số thu đạt đã đi vào lịch sử như Pleime, Dakto, Benhet, Toumrong (Kontum) v.v..

Nhiều đơn lữ chỉ có người địa phương mới có đủ sức chịu đựng bền bỉ như Dakpek, Chương Thiện, Phú Túc, Đức Lập v.v.. giờ phút này tôi đang nói chuyện với quý vị, thì trên 20.000 anh em chiến sĩ Biệt Động Quân Biên phòng người Thượng (nguyên là lực lượng đặc biệt) đang giữ gìn biên cương, chống Cộng Sản xâm lăng, ở các tiền đồn biên giới và các đơn vị Nghĩa quân, Địa phương quân cũng như Nhân Dân Tự Vệ.

Gần đây nữa, trong cuộc xâm lăng của Cộng Sản Bắc Việt vào Kontum, Quảng Trị, Bình Long v.v.. vào tháng 4 vừa qua đồng bào thượng đã anh dũng sát cánh cùng quân đội ngăn chặn xâm lăng Cộng sản. Điển hình nhất là gần 4.000 thanh niên Thượng ở Kontum đã tình nguyện xin được võ trang thành lực lượng nhân dân kháng Cộng và đã cùng quân dân Kontum tử thủ thị xã đẩy lui các cuộc tấn công của địch. Cũng còn có các đơn, bót do các chiến sĩ Thượng tử thủ đến người lính cuối cùng mà báo chí đã ca tụng và Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa đã đặc biệt tuyên dương công trạng.

Lại phải kể hơn 10.000 cán bộ xây dựng sơn thôn đang phục vụ trên khắp nẻo đường đất nước. Từ tám năm nay họ là những chiến sĩ tay súng tay cày vừa chiến đấu vừa xây dựng. Họ đã lập được nhiều chiến công về quân sự cũng như đã đóng góp rất nhiều vào công cuộc cải tạo, xây dựng xã hội và chiêu hồi.

Trong công cuộc chống Cộng sản xâm lăng hiện nay, đồng bào thượng rất căm thù Cộng sản, do đó tinh thần chống Cộng của đồng bào rất cao và chiến đấu rất anh dũng, cũng vì vậy tại nhiều nơi Việt Cộng đã phải huy động cả trung đoàn đến đàn áp một buôn thượng như ở Konhoring (Kontum), Dakson (Phước Long), Lệ Trung (Pleiku) đốt ấp, làng v.v.. và chính vì tinh

thần chống Cộng của đồng bào Thượng rất cao nên trong dịp Tết Mậu Thân cũng như trong cuộc xâm lăng của Cộng sản mới đây Việt Cộng đã không ngần ngại tàn sát, đốt phá rất nhiều buôn ấp thượng.

Cao nguyên đất rộng, tài nguyên phong phú dồi dào sẽ làm cho quốc gia thêm giàu mạnh, khí hậu cao nguyên nhiều nơi chỉ hợp với thổ dân, do đó, trong công cuộc phát triển kinh tế, mở mang cao nguyên, khối hơn một triệu người thiểu số là một tài nguyên nhân lực hùng hậu đóng góp đáng kể cho quốc gia.

NDMB: Thưa Ông Tổng Trưởng, chúng tôi hết sức thân phục sự đóng góp xương máu của đồng bào sắc tộc, nhất là trong những chiến thắng vẻ vang ở Dakto, Dapeek v.v., và trận tử thủ ở Kontum vừa qua. Sự đóng góp đó có được chánh phủ bù đắp bằng công tác PTST mà chánh phủ đã thực hiện được cho đồng bào thiểu số không?

O. Tổng Trưởng PTST: Chỉ tính từ ngày có sắc luật ấn định quy chế riêng biệt cho đồng bào các sắc tộc, công tác PTST đã đạt được nhiều thành quả khích lệ. Ở đây, chúng tôi chỉ xin đưa ra một vài con số cũng như những công tác chính đã được thực hiện trong năm vừa qua.

Về những con số thành quả chúng ta có: Thành lập trường Thiếu sinh quân Cao nguyên, Trung tâm Huấn luyện Cán bộ Quốc gia Pleiku, trường Sư Phạm Cao nguyên, tái lập các tòa án phong tục, đã đào tạo được 2.149 công chức các ngành, tổ chức 2 khóa tham sự đặc biệt gồm 120 người, kiểm soát được 391 xã, 1.502 ấp, dân số gồm 740.537 người, kết nạp 121.044 đoàn viên NDTV, huấn luyện 77.346 và võ trang cho 39.319 người, tổ chức trên 120 Đại đội DPQ chưa kể các đơn vị MQ sắc tộc, thanh toán trên 40% nạn mù chữ, tổ chức 48 ký túc xá Trung tiểu học, nuôi ăn học trên 8.000 người, tổng số học sinh, sinh viên sắc tộc gồm 36.702 học sinh sơ học, 31.248 học sinh tiểu học, 5.232 học sinh Trung học, 133 sinh viên đại học và chuyên nghiệp, đã cấp 1.003 học bổng các loại, gửi 24 sinh viên du học tại Pháp Hoa Kỳ, Nhật Bản, trợ cấp trên 30 triệu cho các cơ sở từ thiện ngoài ra còn rất nhiều cơ sở xã hội, y tế, kinh tế khác đã và đang thực hiện nếu kể ra sợ làm mất quá nhiều thì giờ của quý vị.

Về những công tác đã thực hiện trong những năm 1971-72 có những công tác chính như:

Rất nhiều công tác bị đình trệ từ những năm trước đã được giải quyết toàn bộ hay phần lớn như: xây cất, tu bổ ký túc xá tại các tỉnh, xây cất ký túc xá Tân Quý Đông-Gia Định, tu bổ trụ sở Bộ PTST, thành lập Trung Tâm Nghiên Cứu Sắc Tộc tại Dalat cải tuyển một số đơn vị nguyên thuộc nhóm Fulro.

NDMB: Phưa Ông Tổng Trưởng, trong Sắc luật ban hành quy chế cố dự trù thành lập 1 cơ quan là cơ quan nghiên cứu Phát Triển Nông Nghiệp, trường đào tạo cán bộ Y Tế, Viện Bảo Tàng Nhân Chủng v.v.. đến nay đã xúc tiến được những công tác nào?

Ô. Tổng Trưởng PTST: Trong điều 5, 6 và 7 Sắc Luật số 033/67 có nói đến việc thành lập Cơ quan Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp, trường đào tạo cán bộ Y Tế các cấp, Viện bảo tàng Nhân Chủng, Viện Nghiên cứu Sắc Tộc.

) Cơ quan Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp cho đồng bào thiểu số đã được Bộ Phát Triển Sắc Tộc đệ trình lên Chánh phủ và sẽ được Bộ Cải Cách Điền Địa Phát Triển Nông Ngư Nghiệp nghiên cứu thành lập.

Hiện chưa có một trường riêng đào tạo cán bộ Y Tế các cấp nhưng đã có một trường Tá Viên Điều Dưỡng tạm đặt tại Ban Mê Thuật trường này mỗi năm tổ chức một khóa, mỗi khóa trên 50 học viên. Ngoài ra, Bộ Phát Triển Sắc Tộc và Bộ Y Tế cũng phải hợp tuyển lựa và cấp học bổng cho học sinh, sinh viên. thiểu số theo học các trường đào tạo nữ hộ sinh, Cán sự Y Tế, Đại học Y Khoa v.v..

Viện Bảo Tàng Nhân Chủng và Viện Nghiên Cứu các sắc tộc sẽ do Hội đồng các Sắc tộc nghiên cứu và đề nghị. Tuy nhiên hiện nay Bộ Phát Triển Sắc Tộc đã thành lập một Trung tâm nghiên cứu các Sắc tộc tại Dalat cùng mục đích với hai cơ quan vừa kể. Ngoài ra, Bộ chúng tôi cũng đang dự trù xây cất thêm một Trung tâm Phát triển Văn hóa Thiểu số tại Saigon.

.../

Hội Đồng các Sắc Tộc là một định chế đặc biệt được dự trù trong điều 97, 98 của hiến pháp VNCH và điều 2 của Sắc luật 033/67 tại miền Nam Việt Nam có nhiệm vụ cố vấn cho Chánh phủ về các vấn đề liên quan đến đồng bào thiểu số.

Vai trò của hội đồng này rất quan trọng vì có nhiều sắc tộc, tập quán, ngôn ngữ nhu cầu khác nhau mà chỉ người sắc tộc mới am hiểu rõ ràng thực trạng, nhu cầu của sắc tộc mình.

Ngày 14.10.1969 Tổng Thống ban hành Luật số 014/69 ấn định tổ chức, điều hành Hội Đồng các Sắc Tộc chiếu Hiến Pháp và sắc luật vừa kể số. Hội viên gồm có: 16 hội viên thực thụ và 4 dự khuyết do Tổng Thống chỉ định, 32 hội viên thực thụ và 8 dự khuyết do đồng bào đề cử.

Thành phần Hội đồng hiện nay được bầu ngày 12.12.1969 và được triệu tập vào 26.10.1970 gồm đại diện cho toàn thể 21 sắc tộc Thượng, 5 sắc tộc thiểu số miền Bắc và đồng bào Chăm, ngoài ra trong thành phần chỉ định còn có chuyên viên kinh và Việt gốc Miên.

Hội viên của Hội Đồng do đồng bào bầu lên, nên sẽ chia sẻ trách nhiệm với Bộ Phát Triển Sắc Tộc trong công cuộc nâng cao dân sinh, dân trí cho đồng bào thiểu số, hướng dẫn đồng bào thực thi chánh sách, chủ trương của Chánh phủ và tạo đạt nguyện vọng của đồng bào lên Chánh phủ.

NDMB: Ngoài Bộ Phát Triển Sắc Tộc còn có cơ quan nào trách nhiệm về việc thực thi chánh sách đối với đồng bào các Sắc tộc của chánh phủ không?

O. Tổng Trưởng PTST: Bộ Phát Triển Sắc Tộc không thể nào đảm nhiệm tất cả chương trình Phát Triển Sắc Tộc được, vì công cuộc nâng cao dân sinh, dân trí cho hơn một triệu người thiểu số liên quan đến mọi lãnh vực từ chánh trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội v.v.. Bộ Phát Triển Sắc Tộc không có đủ khả năng và chuyên viên để thực hiện tất cả các công việc đó và cũng không thể trách nhiệm hết các công tác đó. Do đó công tác Phát triển Sắc tộc phải được quan niệm là trách nhiệm chung

của tất cả các Bộ, các cơ quan chuyên môn ở địa phương là trách nhiệm của Ông Tỉnh Trưởng, Quận Trưởng của các Ty chuyên môn v.v.. rộng hơn nữa công tác phát triển sắc tộc là trách nhiệm của tất cả mọi người.

Như vậy vai trò của Bộ Phát Triển Sắc Tộc ở Trung Ương và các cơ quan Phát triển sắc tộc ở địa phương là đơn phương phụ trách những công tác thuần túy trong lãnh vực phát triển sắc tộc như điều hành các Ký túc xá các cơ sở Phát Triển Sắc Tộc khác v.v.. các công tác có tính cách chuyên môn thuộc phạm vi trách nhiệm của các bộ chuyên môn. Bộ Phát triển sắc tộc trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn đồng bào sắc tộc thực hiện.

Chính vì vậy, ngay khi chúng tôi nhậm chức, chúng tôi đã đề ra phương châm "cộng đồng hợp tác và trách nhiệm" hơn một năm qua chúng tôi đã cố gắng thực hiện phương châm đó và nhờ sự thông cảm của các cơ quan và mọi người nên đến nay công tác phát triển sắc tộc đã tạo được tinh thần hợp tác, trách nhiệm liên đới giữa đồng bào, các cơ quan công tư, với Bộ Phát Triển Sắc Tộc. Nhờ vậy mà công tác đã có những tiến triển khích lệ.

NDMB: Thưa Ông Tổng Trưởng, Tổng Thống VNVH vừa ban hành một sắc luật bỏ việc hoãn dịch và miễn dịch cho đồng bào sắc tộc. Ông Tổng Trưởng thấy phản ứng của đồng bào các sắc tộc ra sao?

Ô. Tổng Trưởng PTST: Việc động viên đồng bào các sắc tộc, thì như sau:

Đồng bào Thượng từ trước đến nay không bị chi phối về vấn đề động viên.

Đồng bào Chăm thì đến sau cách mạng 1.11.63 mới được hoãn dịch như người Thượng.

Còn đồng bào thiểu số miền Bắc, thì chỉ sau khi có Luật Tổng Động viên số 033/68 ban hành ngày 19.6.68 mới được hoãn dịch.

Như chúng tôi có dịp trình bày, đồng bào thượng từ trước đến nay vẫn được hoãn dịch nhưng đa số thanh niên thượng đã ở trong quân ngũ, hoặc trong các lực lượng bán quân sự hoặc ở trong tổ chức Nhân dân Tự vệ và đã chiến đấu tận tình.

Đối với đồng bào thượng, vấn đề hoãn dịch chỉ thực sự cần thiết đối với các công chức, cán bộ, sinh viên, học sinh vì họ là nòng cốt cho việc thực thi chính sách Phát triển Sắc tộc.

Khi tổ quốc lâm nguy, mọi người đều có trách nhiệm chung, do đó đồng bào thượng chúng tôi nghĩ rằng ngoài những thành phần cần thiết cho quốc gia, mọi người tham gia vào công cuộc chiến đấu chung là hợp tình hợp lý. Vì như Tổng Thống đã nói: "Đất nước còn, còn tất cả. Đất nước mất, mất tất cả". Tôi nghĩ rằng đồng bào sắc tộc cũng có nhiệm vụ cùng toàn dân đứng lên chống Cộng sản, lúc đó mới còn chính sách, mới còn sắc tộc.

Tuy nhiên xét rằng đồng bào các sắc tộc có những phong tục, tập quán và sinh hoạt riêng tư khó có thể hòa mình ngay với nếp sống tập thể của quân đội nên chắc chắn chính phủ sẽ có những biện pháp hữu hiệu để động viên đồng bào các sắc tộc vào công cuộc chiến đấu chung của toàn dân, tránh những xáo trộn nhưng cũng vẫn cùng toàn dân cầm súng chống Cộng.

Những công tác được đẩy mạnh như xúc tiến mạnh mẽ công tác kiến diên và an định khu vực sinh sống chính, kết quả đã cấp 10.746 chứng thư kiến diên, 56 buôn được thiết lập khu vực sinh sống chính. Lo việc cứu trợ định cư cho gần 60.000 nạn nhân chiến cuộc, di chuyển trên 3.000 đồng bào ở Quảng Trị về định cư tại Darlac, huấn luyện 2.166 cán bộ các ngành, khuyến khích tư nhân thành lập công ty đầu tư trên cao nguyên và khuyến khích đồng bào thiếu số bỏ vốn đầu tư v.v..

Đó chỉ là một vài thành quả điển hình, còn rất nhiều những nỗ lực khác, Bộ chúng tôi đã cho đúc kết và sẽ được phổ biến rộng rãi.

NDMB: Chúng tôi thấy chánh phủ đã lo cho đồng bào sắc tộc rất nhiều, nhưng theo ý kiến của đồng bào sắc tộc mà ông Tổng Trưởng biết thì việc làm của chánh phủ đã đầy đủ chưa? Có cần phải có những cải sửa nào nữa không?

.../

Ô. Tổng Trưởng PTST: Một chính sách phù hợp với nguyện vọng của nhân dân đương nhiên là một chính sách hữu hiệu.

Chính sách phát triển sắc tộc hiện nay được thể hiện đúng theo nguyện vọng của đồng bào thiểu số toàn quốc đề trình trong đại hội các sắc tộc toàn quốc ngày 25, 26.6.1967. Do đó, trong giai đoạn và trong tình trạng xã hội của đồng bào Thiếu số hiện nay thì chính sách phát triển sắc tộc đang được áp dụng đã đáp ứng một phần lớn nhu cầu của đồng bào. Chính Tổng Thống đã nhiều lần nhắc nhở trong các phiên họp Hội đồng Tổng Trưởng là chương trình phát triển sắc tộc cần phải đẩy mạnh và liên tục.

Tuy nhiên, trong tương lai khi đồng bào các sắc tộc ^{đã tiến bộ} thì hoặc chính sách sẽ không cần thiết nữa hoặc sẽ được cải tiến cho phù hợp với trình độ của đồng bào.

NDMB: Thưa Ông Tổng Trưởng, những biện pháp đó có thể duy trì một tệ trạng là có nhiều người không phải là đồng bào sắc tộc nhưng lại lấy giấy giả là đồng bào thiểu số. Ví dụ có người kinh dùng giấy của người Chăm, người Việt gốc Hoa lại lấy giấy người Nùng v.v.. Nghe nói rằng muốn có những loại giấy này phải tốn tới ba bốn trăm ngàn để khởi đi lính. Vậy Ông Tổng Trưởng có biết những loại giấy này do quý Bộ phát ra không?

Ô. Tổng Trưởng PTST: Tệ trạng này từ hai ba năm về trước thì cũng có. Nhưng từ khi tôi nhậm chức, tôi áp dụng đủ mọi biện pháp để chặn đứng việc này. Khi nhậm chức tôi có thành lập một Ủy ban gồm đủ mọi sắc dân cứu xét những hồ sơ xin cấp giấy sắc tộc. Duyệt xét như vậy không có cách nào sót được. Hơn nữa tôi có ký một loại giấy sắc tộc mới và tất cả những người được cấp giấy sắc tộc cũ, bắt buộc phải thay đổi hết. Trong dịp thay đổi này tôi sẽ truy ra những giấy giả. Những giấy nghi ngờ, chúng tôi sẽ đưa ra cảnh sát để điều tra lại, hoặc đưa về chánh quyền địa phương xác nhận. Tuy nhiên điều nói rằng một số người đã lợi dụng thì cũng có. Nhưng từ khi tôi nhậm chức thì trong một ngàn người chỉ có một hai người là nhiều. Một, hai người đó chúng tôi tiếp tục tìm cho ra sự thật để chặn đứng. Vì trong thời gian qua cũng có một số người lợi dụng.

Chúng tôi xin nói thêm là trong dịp thay đổi giấy tờ sắc tộc, chúng tôi cố chấp đúng được, dù không phải là 100% nhưng ít ra cũng được tới 95%.

NDMB: Dứng trước hiện tình đất nước thì đồng bào sắc tộc có quan điểm nào, lập trường chính trị nào tối với chánh phủ, Cộng sản và quốc gia bạn?

Ô. Tổng Trưởng PTST: Hòa bình là ước vọng chung của toàn thể nhân dân Việt Nam. Đồng bào thiểu số là những người chịu nhiều thảm họa chiến tranh do Cộng sản gây ra từ nhiều năm qua. Do đó, đồng bào các sắc tộc rất trông đợi hòa bình nhưng phải là một thứ hòa bình công chính không Cộng sản.

Đồng bào các sắc tộc thiểu số tin tưởng vào lập trường chống Cộng vững chắc của Tổng Thống và Chánh phủ, tin tưởng ở lẽ tất thắng của quân dân VNCH do đó đặt tin tưởng vào một nền hòa bình mà chánh phủ và quân dân ta sẽ đạt được lập trường của khối hơn một triệu người sắc tộc cũng là lập trường chung của nhân dân Việt Nam cương quyết chống Cộng, bảo vệ tự do và độc lập của quốc gia.

Đồng bào các sắc tộc ủng hộ chánh phủ nào theo đuổi lập trường chống Cộng và mưu phúc lợi cho toàn dân, giúp đỡ đồng bào sắc tộc như chính phủ hiện thời.

Đồng bào các sắc tộc hoan nghênh sự giúp đỡ của nước ngoài nhằm giúp đỡ quốc gia Việt Nam bảo vệ chủ quyền độc lập tự do và phát triển về kinh tế, đồng thời chúng tôi cũng cương quyết chống lại mọi âm mưu xâm lược bất cứ từ đâu tới.

NDMB: Sau khi chiến tranh chấm dứt, theo nhận xét của Ông Tổng Trưởng thì kinh tế tại miền các nguyên Việt Nam có thể phát triển như thế nào?

Ô. Tổng Trưởng PTST: Vấn đề phát triển kinh tế cao nguyên là một trong những mục tiêu mà Chánh phủ và riêng Bộ PTST đang theo đuổi. Nếu đồng bằng sông Cửu Long là vựa lúa của Đông Nam Á, thì cao nguyên cũng là một kho tàng tài nguyên vô tận là lâm sản, khoáng sản, thổ sản.

Được khai thác đúng mức, cao nguyên sẽ là một trong những yếu tố giúp quốc gia chúng ta sớm giàu mạnh. Mặt khác cao nguyên vốn được coi là một khu vực chiến lược quan trọng chẳng những cho miền Nam Việt Nam mà còn chung cho cả vùng Đông Nam Á. Do đó, việc xây dựng và phát triển cao nguyên chẳng những có ích lợi về mặt kinh tế mà còn cần thiết cho nhu cầu quân sự nữa.

NDMB: Ngoài những việc mà Bộ PTST đã làm để thực thi quy chế mà chánh phủ đã ban hành từ 5 năm nay, nhất là những cơ quan như cơ quan phát triển nông nghiệp, trường y tế v.v.. thì Bộ PTST trong tương lai có những dự án nào khác không?

Ô. Tổng Trưởng PTST: Như chúng tôi đã trình bày, công tác PTST liên quan mật thiết đến mọi lãnh vực sinh hoạt quốc gia. Do đó, trên lãnh vực nào Bộ PTST cũng đều dự trù những dự án cấp thời và lâu dài.

Hiện nay Chương trình Tứ niên 1972-1975 của Bộ PTST nằm trong Kế hoạch Phát triển Quốc gia đã dự trù kế hoạch phát triển trên mọi lãnh vực.

Đặc biệt trên lãnh vực phát triển kinh tế, Bộ PTST đang có những chương trình đầu tư nhân sự, đào tạo cán bộ, chuyên viên các ngành để cung ứng cho nhu cầu phát triển nông ngư súc, thủy điện, khai thác nông lâm khoáng sản v.v..

Bộ PTST đang dự trù những kế hoạch lớn như: Chương trình phát triển cao nguyên trên căn bản phát triển sắc tộc. Kế hoạch Phát triển Cao nguyên, nâng cao mức sống đồng bào các sắc tộc cùng một số kế hoạch quan trọng khác đang được tham khảo ý kiến rộng rãi trước khi đệ trình Chánh phủ thực hiện.

Về những dự án ngắn hạn và cấp thời thì đang có các chương trình: giúp đỡ nạn nhân chiến cuộc, di dân, khẩn hoang lập ấp, tái thiết các vùng chiến nạn, vận động thanh niên tổng quân diệt Cộng, củng cố lập trường chống Cộng cho toàn thể đồng bào sắc tộc sẵn sàng đấu tranh chính trị với Cộng sản v.v. xây cất thêm các cơ sở liên hệ đến công cuộc phát triển và xây dựng sắc tộc. Chúng tôi cũng còn những chương trình dài hạn khác nữa nhưng vì thời giờ eo hẹp không thể trình bày hết được.

TRUNG TÂM QUỐC GIA KỸ THUẬT

PHÚ THỌ

 Phát Hình Ngày 1.9.1972

Giáo Sư PHẠM HỮU HIỆP, Giám Đốc Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ, sinh năm 1934 tại Phan Rang, Ninh Thuận, tốt nghiệp Kỹ sư Điện tử trường Kỹ Sư Toulouse (Pháp), Tiến Sĩ Vật Lý Điện tử thuộc Đại Học Toulouse.

Trước khi giữ chức vụ Giám Đốc Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ, ông là Trưởng ban Điện tử Đại Học Khoa Học Saigon.

Ông đã giữ chức vụ Khoa trưởng Đại Học Khoa Học Căn Thơ từ năm 1967 đến năm 1972. Từ đầu năm 1972 ông là Giám Đốc Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ, kiêm Trưởng ban Đại học Hội đồng Văn Hóa Giáo Dục. Ông đã tu nghiệp tại một số xí nghiệp tại Âu Châu và Hoa Kỳ. Năm 1970, ông đã xuất bản cuốn "Mạch Điện Tử Transistor".

NDMB: Thưa Ông Giám Đốc, Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật thành lập từ bao giờ và lúc ấy có bao nhiêu trường cũng như hiện nay có bao nhiêu trường nằm trong Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật?

.... /

O. Phạm Hữu Hiệp: Trung tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ chính thức lập ngày 29.6.1957 bằng một Sắc lệnh số 213/GD của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Trung tâm là một cơ sở giáo dục kỹ thuật duy nhất ở Việt Nam về các ngành công chánh, công nghệ, điện học, hỏa học và hàng hải. Từ năm 1957 đến nay, số trường vẫn vậy.

Trung tâm hiện tọa lạc trên một khu đất rộng hơn 10 mẫu tây, diện tích xây cất trên 20.000 thước vuông, đặc biệt cơ xưởng công nghệ rộng hơn 6.000 thước vuông. Trung tâm hiện nay phụ trách đào tạo hai loại cán bộ cấp kỹ sư với chương trình học bốn năm và cấp cán sự với chương trình học hai năm.

Sĩ số hiện nay vào khoảng 800 sinh viên kỹ sư và trên 400 sinh viên cán sự.

NDMB: Xin Ông Giám Đốc nói về mối trường cao đẳng thuộc Trung tâm, những trường nào đào tạo những loại kỹ sư nào và những kỹ sư đó khi tốt nghiệp có thể làm tại những xí nghiệp hay những cơ quan nào trong chính phủ?

O. Phạm Hữu Hiệp: Trường Công Chánh xuất xứ từ trường Cao Đẳng Công Chánh Hà Nội được thành lập vào năm 1911. Đến năm 1947 trường này dời về Saigon, vào năm 1957 có cơ sở mới đặt tại vị trí hiện tại. Trường Công Chánh đào tạo kỹ sư và cán sự cho hai ngành công chánh và địa chánh. Ngành công chánh hướng nhiều về kiến tạo kiểu lộ và thủy lợi. Ngành địa chánh chuyên về đồ đạc, không ảnh và cải cách điền địa.

Những cán bộ tốt nghiệp trường công chánh thường thường sẽ phục vụ tại các Bộ Công Chánh, Bộ Cải Cách Điền Địa Bộ Giao Thông Vận Tải, Bộ Kinh Tế và một số xí nghiệp tư.

NDMB: Còn Trường Công Nghệ?

O. Phạm Hữu Hiệp: Trường Công Nghệ thành lập từ năm 1956 đến năm 1957 sáp nhập vào Trung tâm. Trường Công Nghệ chỉ đào tạo cấp kỹ sư cho các ngành Công Kỹ Nghệ. Các môn giảng dạy tại trường Quốc Gia Kỹ Sư Công nghệ thường thường

gồm có các loại máy, ngành đúc, luyện kim, ngành mộc, sức chịu của vật liệu...

NDMB: Còn trường Điện ?

Ô. Phạm Hữu Hiệp: Trường Điện có hai ngành là ngành điện năng và ngành điện tử. Trường Điện cũng đào tạo hai cấp, cấp kỹ sư và cấp cán sự. Ngành điện năng hướng nhiều về việc sản xuất điện năng, phân phối cũng như kiểm soát việc phân phối điện năng. Ngành điện tử chú trọng nhiều về điện kỹ nghệ truyền thanh và truyền hình. Trường cũng dự định trong tương lai gần đây mở thêm ngành viễn thông để cung cấp chuyên viên cho ngành bưu điện.

NDMB: Các kỹ sư đó tốt nghiệp rồi sẽ đi làm ở những cơ quan nào ?

Ô. Phạm Hữu Hiệp: Đến giờ, đa số kỹ sư điện phục vụ tại Công Ty Điện Lực Việt Nam, một số khác được sử dụng tại những cơ quan chính quyền hoặc một số xí nghiệp tư.

NDMB: Còn trường hóa học đào tạo những kỹ sư và cán sự hóa học như thế nào ?

Ô. Phạm Hữu Hiệp: Trường hóa học thành lập từ năm 1962 và lúc đó chỉ có cấp cán sự. Lúc đó có hai ngành là ngành cán sự phòng thí nghiệm và ngành sản xuất. Năm 1968 Bộ Giáo Dục cho phép thành lập Trường Cao Đẳng Hóa Học. Từ đó chúng tôi có một ngành duy nhất là ngành hóa kiến tạo đào tạo những cán bộ chuyên về thiết kế những cơ xởng kỹ nghệ về hóa chất cũng như những chuyên viên điều chế.

NDMB: Còn Trường Hàng Hải ?

Ô. Phạm Hữu Hiệp: Trường Hàng Hải chính thức thành lập năm 1951 đến 1957 sáp nhập vào trung tâm. Trường Hàng Hải

đào tạo cấp cán sự mà thôi, và có hai ngành là ngành chỉ huy đào tạo những thuyền trưởng và cấp cán sự cơ khí đào tạo những chuyên viên cơ khí trên tàu.

NDMB: Trung tâm đã đào tạo một số kỹ sư và cán sự các xí nghiệp có thể thâu nhận một số nhưng phải lớn những kỹ sư này sẽ phải thi hành nghĩa vụ quân sự, vậy những kỹ sư hay những cán sự đó khi vào quân đội sẽ đi vào những ngành nào?

Ô. Phạm Hữu Hiệp: Vấn đề này chỉ hiện nay trong quân đội rất cần những chuyên viên kỹ thuật. Khi vào quân đội thường thường những kỹ sư hay cán sự tốt nghiệp tại Phú Thọ có thể phục vụ tại những ngành như công binh, quân cụ, quân nhu, truyền tin cũng như những cơ xưởng kỹ thuật của các cơ xưởng lục quân, hải quân.

NDMB: Ngày 20.9 tới đây thì trung tâm sẽ mở một kỳ thi tuyển sinh viên nhập học trung tâm. Xin ông Giám Đốc kê khai những điều kiện để có thể dự thi?

Ô. Phạm Hữu Hiệp: Những điều kiện này do Bộ Giáo Dục ấn định. Đại cương có thể tóm lược như sau: Thí sinh phải có Tú Tài Toán, hoặc Tú tài Kỹ thuật hay một văn bằng tương đương. Tất cả những thí sinh sẽ thi cùng môn với nhau, nghĩa là những thí sinh khi ghi danh sẽ chọn trường nhưng sẽ thi chung và đến khi sắp hạng trúng tuyển thì được sắp theo từng ban hay từng trường.

Thí sinh sẽ phải thi hai môn chính. Một môn toán: trong bốn tiếng đồng hồ và môn lý hóa cũng trong bốn tiếng. Ngoài ra sinh viên có Tú Tài Kỹ Thuật muốn ghi danh thi vào trường Quốc Gia Công Nghệ thì họ sẽ được sắp hạng riêng nhưng họ sẽ phải thi thêm môn Kỹ Nghệ Họa.

Năm nay trung tâm được phép tuyển vào năm thứ nhất ban kỹ sư tất cả là 300 tân sinh viên gồm 80 sinh viên công chánh và địa chánh, 100 sinh viên điện và điện tử. 80 sinh viên công nghệ và 40 sinh viên hóa học. Sĩ số như vậy kể là đã gia tăng rất nhiều so với những năm trước. Hiện nay, sĩ số sinh viên kỹ sư gia tăng rất nhanh vì nhu cầu rất lớn để đào tạo thêm kỹ sư.

Số sinh viên cán sự hầu như là không đổi. Đó cũng là một khuyết điểm, mặc dầu trung tâm muốn gia tăng sĩ số loại này rất nhiều, nhưng Bộ Giáo Dục hiện đang có một kế hoạch tăng cường và phát triển đúng mức hơn cấp cán sự bằng cách tách ra khỏi Trung Tâm.

NDMB: Theo ông Giám Đốc dự đoán sẽ có bao nhiêu thí sinh xin thi tuyển?

Ô. Phạm Hữu Hiệp: Dựa vào số học sinh vào đầu Tú Tài II, Trung tâm dự định là năm nay sẽ có vào khoảng từ 5 đến 7.000 thí sinh. Công việc đang đương một số thí sinh lớn như vậy cũng là một khó khăn nhưng chúng tôi cũng cố gắng tổ chức một kỳ thi công minh và kết quả đúng với khả năng các thí sinh ưu tú sẽ được vào Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ.

NDMB: Thưa Ông Giám Đốc, Trung Tâm có đủ phòng ốc và trang bị đầy đủ các phòng thí nghiệm cũng như các máy móc để cho các sinh viên học tập không?

Ô. Phạm Hữu Hiệp: Trung tâm chúng tôi đang gặp những khó khăn. Chúng tôi thiếu lớp học, thiếu phần nào về phòng thí nghiệm, thiếu người chuyên môn giảng dạy, nhưng khó khăn nhất là thiếu ngân sách điều hành. Theo đà vật giá leo thang ngân sách cũng phải được gia tăng theo đó trang trải những vật liệu cần thiết cũng như cần thêm nhân lực chuyên môn. Những khó khăn này chúng tôi hy vọng trong năm tới sẽ được thêm phương tiện phần nào.

NDMB: Nếu tính số nữ sinh viên và nam sinh viên sĩ số phải nữ được bao nhiêu và thường thường các cô ấy học về ngành nào?

Ô. Phạm Hữu Hiệp: Trên 1.200 sinh viên và cán sự tại Trung Tâm thì nữ sinh viên chiếm chỉ có khoảng 60 người mà thôi. Đa số những nữ sinh viên này học lớp cán sự và kỹ sư hóa

học vì môn hóa học có lẽ thích hợp nhất đối với nữ sinh và môn kỹ thuật khác có lẽ không thuận tiện cho nữ sinh vì hoặc quá nặng về toán hay là công việc thực tập nặng nề, không thích hợp cho nữ sinh.

NDMB: Các giáo sư giảng dạy tại Trung tâm được tuyển chọn như thế nào?

Ô. Phạm Hữu Hiệp: Thường thường đối với cấp nhân viên giảng huấn vì còn khiêm khuyết nên chúng tôi thâu nhận vào cấp giảng nghiệm viên nếu họ có cử nhân hoặc Bachelor. Chúng tôi cần cấp giảng sư với văn bằng Cao Học Khoa Học hay văn bằng Master hoặc cao hơn ở cấp Tiến sĩ Kỹ sư hay Tiến Sĩ Quốc Gia hoặc Ph.D. Hiện giờ, nhu cầu nhiều nhất là cấp Master hay cấp Ph.D vì ở cấp giảng nghiệm viên tương đối có khá nhiều. Tính về tỷ lệ cấp nhân viên giảng huấn thì hiện nay Trung Tâm có vào khoảng 15 Tiến sĩ, hơn 20 cao học, Master và trên 60 nhân viên có bằng cử nhân, kỹ sư hay Bachelor.

NDMB: Có phải vì lý do bằng cấp Pháp, Hoa Kỳ, Úc Châu Tân Tây Lan hay bằng cấp Nhật Bản mà có sự lục đục, lủng củng trong ban giáo sư của Trung tâm không?

Ô. Phạm Hữu Hiệp: Vấn đề này đã được báo chí nêu lên. Thật ra vấn đề này không hẳn đúng. Dĩ nhiên khi một người ở Mỹ về thường thường có xu hướng thích giao dịch với một người cũng ở Mỹ về nhưng đây chỉ ở trên vấn đề tình cảm mà thôi còn trong công việc thì khác. Điển hình là ban Giám đốc thì tôi là gốc ở Pháp, ông Phó Giám Đốc Trung tâm gốc Gia Nã Đại, ông Giám Đốc Công Chánh thì cũng gốc Pháp, ông Giám Đốc Công Nghệ tốt nghiệp ở Mỹ, ông Giám Đốc Hóa Học tốt nghiệp ở Úc Châu, ông Giám Đốc Hàng Hải tốt nghiệp ở Pháp, ông Phụ Tá Học Vụ tốt nghiệp ở Nhật Bản và ông Phụ tá Sinh viên vụ tốt nghiệp ở Anh Quốc. Như vậy ban Giám Đốc bây giờ vẫn không có chuyện kỳ thị gì về nguồn gốc cả.

NDMB: Nếu không có sự kỳ thị về văn bằng thì cũng có sự lủng củng khác như vấn đề già, trẻ. Vậy, theo ông, có vấn đề đó không?

Ô. Phạm Hữu Hiệp: Nếu nói về phương diện nghề nghiệp thì ở trong lãnh vực nào cũng có phần gọi là hơi khác ý kiến giữa cấp già và cấp trẻ.

Đặc biệt là đối với ngành giáo dục kỹ thuật thì sự bất đồng ý kiến hình như phần nào có tính cách đương nhiên. Vì giáo dục là luôn luôn cải tiến cho nên khi một vị giáo sư lớn tuổi thì những kiến thức đã thấm lượm được, phần nào có hơi khác với những kiến thức của lớp trẻ vừa ở ngoại quốc về. Bởi vậy việc khác ý kiến về quan niệm thi cũng có, nhưng trên phương diện làm việc thì mục tiêu vẫn giống nhau. Ai có bốn phần này nên hiện giờ tại Trung tâm không thể nói là lũng củng được. Tuy nhiên vẫn có những vị Giáo sư lớn tuổi nhưng tâm hồn rất trẻ nên không có sự cách biệt quá lớn giữa lớp già và lớp trẻ.

NDMB: Ngoài các Giáo sư Việt Nam thì có Giáo sư ngoại quốc giảng dạy tại Trung tâm không?

Ô. Phạm Hữu Hiệp: Hiện có một số nhân viên ngoại quốc đang giúp trung tâm về phương diện thiết lập phòng thí nghiệm hoặc cố vấn cho Trung tâm về vấn đề tổ chức học vụ. Còn vấn đề giảng dạy thì hầu như không có vị nào giảng dạy trực tiếp, chỉ trừ về phần sinh ngữ thì Phái Bộ Văn Hóa Kỹ Thuật Pháp có giúp Trung tâm hai vị Giáo sư Pháp để giảng dạy về Pháp ngữ tại Phòng Thánh thị của Trung tâm.

NDMB: Ngôn ngữ giảng dạy tại Trung tâm là ngôn ngữ Việt Nam phải không? Nếu gặp những danh từ kỹ thuật ngoại quốc thì giáo sư tại trường dùng danh từ của nước mình hay dịch ra bằng Việt ngữ qua tiếng nói của Đài Loan hoặc của Nhật Bản?

Ô. Phạm Hữu Hiệp: Ngôn ngữ là một vấn đề mà chúng tôi đang cứu xét rất kỹ. Từ năm 1964, Bộ Giáo Dục đã đề ra vấn đề cần phải giảng dạy bằng Việt ngữ tại cấp đại học thì từ đó ngôn ngữ chính là Việt ngữ. Tuy nhiên đứng về phương diện giáo dục kỹ thuật thì nếu giảng dạy bằng tiếng Việt hoàn toàn thì cũng có phần lợi và cũng có phần hại. Lợi vì sinh viên có thể hiểu dễ dàng hơn khi họ không rành sinh ngữ. Nhưng đa số sách

vở, tạp chí chuyên môn đều là ngoại ngữ nên khi sinh viên không thạo đời sinh ngữ sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc tham khảo.

Do đó, trung tâm từ một vài năm nay đã có phần giảng dạy sinh ngữ bắt buộc tại trung tâm. Trong ba năm đầu, bắt buộc sinh viên phải học từ ba đến sáu giờ sinh ngữ hàng tuần. Ngoài ra, trong vấn đề Việt ngữ cũng có điểm khó khăn là vấp phải những danh từ chuyên môn, hiện thời chúng tôi cũng cố gắng để dịch thêm một số danh từ kỹ thuật. Trong vấn đề dịch cũng là một điều khá phức tạp. Hiện giờ Ủy ban soạn thảo danh từ chuyên môn đã đề ra một số phương pháp. Những danh từ kỹ thuật chuyên môn thì chúng tôi có thể dịch từ tiếng Trung Hoa hoặc tiếng Nhật sang thành tiếng Việt. Nhưng dịch như vậy có trở ngại là nhiều khi danh từ đó quá dài hay là quá "nhỏ" cũng bất tiện. Thành ra có một số danh từ chúng tôi đã phiên âm vì những danh từ đó đã là danh từ quốc tế rồi. Ví dụ như danh từ vị tướng để diễn tả cho một dòng điện. Dòng điện có một vị tướng hoặc là ba vị tướng thì danh từ vị tướng xuất xứ là tiếng Trung Hoa nhưng đối chúng cũng như sinh viên nghe lạ tai hơn là chữ pha. Do đó chúng tôi dùng chữ pha để chỉ dòng điện một pha hay dòng điện ba pha cho dễ hiểu.

NDMB: Thưa ông Giám đốc, sinh viên ở trong Trung tâm sinh hoạt như thế nào?

Ô. Phạm Hữu Hiệp: Vấn đề sinh hoạt của sinh viên là một việc quan trọng. Sinh viên kỹ thuật thường có một chương trình học rất nặng. Hàng tuần họ phải học thêm 40 tiếng đồng hồ, do đó cũng cần phải có những sinh hoạt giải trí, thể thao, văn nghệ và xã hội, trung tâm có ông Phụ tá Sinh viên Vụ đặc trách về vấn đề này. Tuy nhiên với tổ chức hiện tại và với cơ cấu hiện tại thì cũng phần nào khó cải thiện được vấn đề sinh viên vụ, do đó việc cải tổ trong tương lai cần phải đặt nặng vấn đề sinh hoạt của sinh viên.

NDMB: Trong lúc học tại Trung Tâm, sinh viên có được Trung tâm giới thiệu đến các hãng, xí nghiệp hoặc cơ quan của chánh phủ để tập sự không?

.../

O. Phạm Hữu Hiệp: Đó là vấn đề bắt buộc đối với sinh viên của các trường ở cấp kỹ sư và sau năm thứ nhất đối với sinh viên của sự sinh viên phải có một hay hai tháng tập sự bắt buộc như tại Công Ty Điện Lực Việt Nam, Xi Măng Hà Tiên hay Đài Truyền Hình. Những thời gian tập sự đó giúp cho sinh viên hiểu rõ hơn về môi trường sau này họ sẽ hoạt động. Sau mỗi kỳ tập sự sinh viên phải làm một bản phúc trình gửi về trường để chấm điểm. Trong tương lai chúng tôi muốn nhấn mạnh hơn nữa về phần tập sự. Vấn đề này cần phải có sự thỏa hiệp với một số xí nghiệp và tư trong nước.

NDMB: Khi sinh viên tốt nghiệp, ra trường họ có phương tiện để học hỏi thêm như học ở ngoại quốc chẳng hạn?

O. Phạm Hữu Hiệp: Vấn đề học hỏi thêm gọi là hậu kỹ sư nhà trường cũng cố gắng đối với thành phần ưu tú hay những thành phần muốn tiến thêm nhà trường cũng giới thiệu họ với một số cơ sở đại học ngoại quốc, nếu họ muốn xuất ngoại hoặc với các phân khoa bạn như phân khoa hóa học chẳng hạn để họ soạn một luận án cao học hay luận án Tiến Sĩ Kỹ Sư. Hiện Trung tâm tuy không chánh thức giảng dạy cấp hậu kỹ sư nhưng cũng có một số giáo sư đã bảo trợ được cho một số kỹ sư để họ soạn luận án trong một số lãnh vực chuyên môn.

NDMB: Thưa ông Giám Đốc có vấn đề nan giải cho sinh viên tốt nghiệp là khi ra trường nhiều khi tìm việc làm không ra vì một phần nhu cầu xí nghiệp của mình không có bao nhiêu, phần khác là các xí nghiệp không phải do người Việt Nam chính công làm chủ, chúng tôi muốn nói tới những xí nghiệp của những người Việt gốc Hoa hoặc của ngoại quốc lại dùng những kỹ sư Đại Loan, Kỹ sư Nhật Bản, Kỹ sư Đại Hàn mà không bao giờ dùng những Kỹ sư Việt Nam do Trung tâm Phú Thọ đào tạo. Việc này có phải là tại chánh phủ không lo lắng cho họ không?

O. Phạm Hữu Hiệp: Vấn đề này rất quan trọng đối với Trung tâm chúng tôi. Đó là việc làm sao tìm được công ăn việc làm cho sinh viên đã tốt nghiệp cần sự hay kỹ sư. Nhìn vào

số cán sự và kỹ sư tốt nghiệp, từ 10 năm nay số cán sự tốt nghiệp hàng năm chỉ vào khoảng 200. Đối với cấp kỹ sư thì số tốt nghiệp từ 50 đến 80 và đến 150 từ năm 1962 đến 1972. Số cán sự và kỹ sư tốt nghiệp so với nhu cầu hiện tại ngoài thị trường thì thấy quá ít. Theo thống kê về kinh tế hậu chiến của giáo sư Vũ Quốc Thúc cũng như những thống kê của bên USAID cấp cán sự hàng năm chúng tôi phải đào tạo gấp 10 lần như vậy và cấp kỹ sư, nhu cầu phải vào khoảng 4 lần 150 kỹ sư đã tốt nghiệp.

NDMB: Nghĩa là, theo chúng tôi thấy, mỗi năm bốn trường đào tạo chỉ được trung bình từ 120 đến 150 người trong khi nhà trường có tới 800 sinh viên?

O. Phạm Hữu Hiệp: Sở dĩ có sự khác biệt lớn như vậy vì số sinh viên tính chung trên bốn năm học, và những năm gần đây số sinh viên thu nhận là có gia tăng.

Như năm rồi chúng tôi thu nhận 200 và năm tới chúng tôi thu nhận 300 cho nên có sự cách biệt đó. Đáng lẽ ra toàn thể cán sự và kỹ sư tốt nghiệp tại Phú Thọ phải tìm công ăn việc làm một cách dễ dàng vì nhu cầu ở ngoài thị trường rất lớn. Tuy nhiên, thực tế là có một số cán sự và kỹ sư thuộc một vài ngành chuyên môn đã gặp khá nhiều khó khăn trong vấn đề kiếm công ăn việc làm.

Một trong những lý do khó khăn là có một số xí nghiệp tư thích tuyển dụng chuyên viên ngoại quốc hơn là chuyên viên Việt Nam với lý do là chuyên viên ngoại quốc có nhiều kinh nghiệm. Việc này có phần nào đúng nhưng tôi nghĩ rằng quốc gia cũng cần phải có kế hoạch để làm sao huấn luyện thêm số kỹ sư, cán sự để họ đủ kinh nghiệm phục vụ.

Lý do thứ hai là một số xí nghiệp, nhất là những xí nghiệp tư, tầm mức của những xí nghiệp đó cần kỹ sư điều hành và phát triển cơ sở có lẽ vì một số xí nghiệp chưa am hiểu việc sử dụng kỹ sư như thế nào nên họ còn dè dặt trong vấn đề sử dụng. Trung tâm chúng tôi trong tương lai sẽ cố gắng cải thiện sự liên lạc với giới bên ngoài để làm sao những giới đó am hiểu hơn về trình độ chuyên môn của những sinh viên tốt nghiệp tại Trung tâm.

NDMB: Chúng tôi thấy ngoài xí nghiệp tư có một số xí nghiệp công, ví dụ . . . một cơ quan chính phủ là Bưu Điện lại dùng kỹ sư và cán sự Phi Luật Tân thay vì dùng cán sự và kỹ sư của trường Phú Thọ đào tạo. Chuyện thứ hai nữa là, đây không phải là điều nói ra để chỉ trích trung tâm, nhưng các xí nghiệp cho rằng Trung tâm không đào tạo các kỹ sư đúng mức kỹ sư thành ra họ nói muốn vô mà làm không nổi nên họ mới muốn kỹ sư và cán bộ ngoại quốc. Theo ý kiến ông giám đốc thì việc đào tạo kỹ sư và cán sự của mình có đúng không?

Ô. Phạm Hữu Hiệp: Tôi nghĩ rằng cũng cần có những luật lệ để bảo vệ những kỹ sư và cán sự Việt Nam sau khi tốt nghiệp.

Theo tôi nghĩ, có lẽ chính phủ nên có một kế hoạch do một ủy ban liên bộ hoạch định rõ ràng về nhu cầu tuyển dụng kỹ sư và cán bộ vào những lãnh vực xí nghiệp để có thể phối hợp với công việc đào tạo chuyên viên. Chúng tôi hy vọng trong tương lai chỉ có những lãnh vực chuyên môn thật đặc biệt mà kỹ sư Việt Nam không thể đảm đương nổi mới muốn kỹ sư ngoại quốc mà thôi.

Về điểm thứ hai, sự hữu hiệu trong việc giảng dạy của Trung tâm, chúng tôi cũng đồng ý rằng sự giảng dạy của Trung tâm đến giờ có thể nói chưa đạt được mức khả quan và khi chúng tôi về nhận lãnh việc điều khiển Trung tâm thì chúng tôi thấy rằng cần phải duyệt lại và cải tổ lại việc giảng dạy.

Chúng tôi nghĩ rằng trước hết phải xét lại nhu cầu kỹ sư và cán sự ở bên ngoài và cần phải liên lạc với các xí nghiệp để xem nhu cầu của họ ra sao hầu có thể đào luyện chuyên viên theo đúng nhu cầu đó. Từ trước đến giờ Trung tâm chưa thực hiện được việc này. Hiện đã có dự án cải tổ Trung tâm mà Bộ Giáo Dục đang xúc tiến, chúng tôi hy vọng chúng tôi sẽ có nhiều phương tiện hơn để hoạt động.

Phần khác, chúng tôi công nhận rằng chúng tôi chưa đạt được mức hữu hiệu trong việc giảng dạy là vì còn thiếu phương tiện, đặc biệt về ngân sách và nhận lực chuyên môn. Trong tương lai chúng tôi hy vọng chúng tôi có phương tiện thu hút nhân tài về giảng dạy tại Trung tâm. Do đó, chúng tôi tin rằng Trung tâm sẽ hữu hiệu hơn về nhu cầu kỹ sư và cán sự.

NDMB: Ông Giám Đốc nhìn nhận rằng kỹ sư của mình chưa được đào tạo đúng mức, nhưng có một phần cũng tại các xí nghiệp không dám muốn các kỹ sư Việt Nam vì các kỹ sư Việt Nam sau khi tốt nghiệp trở thành một ông chủ hay một ông quan ưa ngồi bàn giấy thay vì đi công trường hay bắt tay vào việc ở dưới xưởng. Những người ấy chỉ ngồi cai tay năm ngón nên không ai dám muốn vậy ông Giám Đốc có nghĩ rằng mình có thể sửa đổi vấn đề đó không?

Ô. Phạm Hữu Hiệp: Đó là một khía cạnh thiết yếu. Chúng tôi nhìn nhận rằng lúc trước việc giảng dạy chưa được thực tế, quá nặng về lý thuyết, lại thêm khía cạnh tâm lý là người Việt Nam mình ở một trình độ văn bằng nào đó cho rằng đó là cấp trí thức, chỉ làm việc bằng đầu óc mà thôi. Quan niệm này từ xưa, đến giờ vẫn còn ảnh hưởng tới thái độ của sinh viên. Chúng tôi công nhận việc này có, nhưng dĩ nhiên là sai.

Theo những kỹ sư Pháp hồi xưa đó là những cấp điều khiển, bây giờ quan niệm khác, người kỹ sư phải đa năng và đặc biệt, ở những xí đang mở mang như ở Việt Nam người kỹ sư càng phải đa năng hơn. Điều này có nghĩa là họ phải hiểu công việc của người thợ và của người cai để làm việc.

Chúng tôi hy vọng có thể sửa đổi lại cái mẫu mực người kỹ sư Việt Nam phần nào giống người kỹ sư Đại Hàn hay Đại Loan nghĩa là người kỹ sư phải ra tận công trường, vào trong xưởng để làm việc, hơn là ở trong văn phòng. Chúng tôi sẽ có một chương trình học hỏi thực tiễn hơn. Chúng tôi cố gắng để làm sao cho năm đầu kỹ sư sẽ cho sinh viên tập sự tại các xí nghiệp như là một người thợ và như vậy, họ mới hiểu hoàn cảnh của người thợ cũng như cách làm việc của người thợ như thế nào?

NDMB: Thưa Ông Giám Đốc, ngoài các dự án cải tổ, ông Giám đốc có kế hoạch phát triển cấp kỹ sư và cán sự trong tương lai nằm trong bối cảnh của quốc gia như thế nào?

Ô. Phạm Hữu Hiệp: Hiện giờ chính phủ đặt nặng vấn đề giáo dục kỹ thuật và Bộ cũng đã có những dự án để cải tổ Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật để trở thành một Học viện Quốc Gia Kỹ thuật và trong tương lai xa hơn, sẽ biến thành cấp Đại học Bách

khoa như tại Thủ Đức. Về nhu cầu của kỹ sư thì trong năm năm tới, hàng năm chúng tôi phải đào tạo trên 1.000 kỹ sư nên việc phát triển hầu như là bắt buộc. Đối với cấp cán sự thì nhu cầu càng nặng nề hơn. Bộ Giáo Dục đã có dự án cải biến cấp cán sự của Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật như một Viện Đại Học Công Đồng để có thể đào tạo hàng năm vào khoảng từ 1 tới 2.000 cán sự hầu kịp đáp ứng nhu cầu cơ quan xí nghiệp công và tư trong nước.

NDMB: Hồi này Ông Giám Đốc có nói rằng trung tâm thiếu phương tiện, vậy trung tâm có thể nhận những việc nghiên cứu, việc thí nghiệm những máy móc hay là nhận những gì mà các xí nghiệp cần tới. Trung tâm Kỹ thuật giúp để kiếm thêm phương tiện hoạt động không?

Ô. Phạm Hữu Hiệp: Về phần yểm trợ cho trung tâm thì hiện trung tâm có ba phái đoàn viện trợ là phái đoàn viện trợ USAID biệt phái năm chuyên viên đến giúp trung tâm về mặt cố vấn cũng như giúp phương tiện máy móc. Phái đoàn viện trợ của UNESCO giúp 10 chuyên viên để giúp trung tâm về mặt thí nghiệm giáo sư để thực tập và họ cũng giúp thiết lập thêm bảy phòng thí nghiệm mới. Phái đoàn viện trợ thứ ba của Pháp gồm bốn chuyên viên và hàng năm cũng cung cấp một số vật liệu và máy móc cho trung tâm.

Chúng tôi cũng có nhận được một ít viện trợ về dụng cụ máy móc hoặc về tài chánh do các xí nghiệp, cơ quan Việt Nam. gởi đến có khi bằng học bổng, có khi bằng cách giúp cho một số máy móc để trang bị các phòng thí nghiệm. Tuy nhiên, trong vấn đề này có thể nói là chúng tôi chưa đạt được mức hữu hiệu trong việc xin viện trợ.

Chúng tôi hy vọng sau khi cải tổ và sau khi được chính thức công nhận như một cơ sở đại học, chúng tôi sẽ có thẩm quyền hơn trong việc giao dịch với các cơ quan, các xí nghiệp công và tư nhận những ngân khoản để có thể tài trợ cho trung tâm một cách trực tiếp và sử dụng một cách hữu hiệu hơn.

VIỆN ĐỊNH CHUẨN

Phát Minh Ngày 8.9.1972

Ông PHÍ MINH TÂM, Giám Đốc Viện Định Chuẩn, Bộ Kinh Tế, sinh năm 1939 tại Nam Vang. Ông tốt nghiệp Trường Quốc Gia Nông Lâm Mục Bảo Lộc năm 1959. Ông theo học tại Đại Học Syracuse năm 1963 và có bằng Bachelor of Science về Hóa Học Gỗ và Nhựa chất. Ông có bằng Master of Science về Hóa Học Tạo Tác tại Viện Kỹ Thuật Massachusetts (MIT) Hoa Kỳ năm 1965.

Trước khi giữ chức vụ Giám Đốc Viện Định Chuẩn năm 1967, ông là Giảng Viên Trường Cao Đẳng Hóa Học, chuyên viên Trung Tâm Khuếch Trương Kỹ Nghệ. Ông cũng đã viết nhiều bài trên các tuần san Chấn Động Kinh Tế và nguyệt san Quản Trị Xi Nghiệp.

NDMB: Thưa ông Giám Đốc, danh từ Định Chuẩn nghe hơi lạ tại đối với khán thính giả của chúng tôi. Xin ông Giám Đốc cho biết định chuẩn là gì và tại sao chúng ta phải định chuẩn?

Ô. Phí Minh Tâm: Định chuẩn là một hoạt động, đúng hơn là một kỹ thuật thiết lập và áp dụng tiêu chuẩn thích hợp nhằm phối hợp với việc sản xuất đúng với nhu cầu, loại bỏ những loại sản phẩm không cần thiết và cũng để bảo đảm về phẩm chất cho sự an toàn của sản phẩm cho người tiêu thụ.

.../

Tại sao phải định chuẩn thí năng khiếu tự nhiên của con người là muốn đặt trật tự vào trong những việc rối loạn. Từ xưa, con người đã biết dùng ngôn ngữ để thỏa hiệp với nhau và cũng đã biết dùng những dụng cụ đặc biệt cho nhu cầu đặc biệt. Con người cũng đã biết ấn định những đơn vị để đo lường. Những khía cạnh đó đều là những việc của định chuẩn.

Sự khác biệt của định chuẩn ngày xưa có thể nói là dần dần mà có, nhưng sự tiến bộ ngày nay quá nhanh chóng chúng ta phải phối hợp để có thể sử dụng một cách tối đa những sự hiểu biết ngày nay.

NDMB: Nếu nói Viện Định Chuẩn ấn định những tiêu chuẩn quốc gia để những sản phẩm được sản xuất một cách điều hòa, đúng mức tại những ích lợi mà định chuẩn có thể đem đến cho người tiêu thụ là những ích lợi gì?

O. Phí Minh Tâm: Những ích lợi của định chuẩn thường là gián tiếp, nhưng chúng tôi có thể kể ra những ích lợi cụ thể như sau: Đối với nhà sản xuất, tiêu chuẩn sẽ giúp nhà sản xuất có thể hoạch định việc sản xuất từ khi nguyên liệu vào cho đến lúc sản phẩm hoàn tất. Có tiêu chuẩn nhà sản xuất mới có thể so sánh sản phẩm của mình với tiêu chuẩn và biết những sản phẩm nào hư hại mà loại nó hay sửa chữa trước khi hoàn tất. Nhờ vậy nhà sản xuất có thể tránh được sự hao tổn nguyên liệu. Định chuẩn cũng có thể hạn chế được những loại sản phẩm không cần thiết. Do đó nhà sản xuất có thể sản xuất được một số lượng lớn và cũng làm giảm giá thành của sản phẩm xuống. Ngoài ra, nhờ sự đơn giản đó mà việc tồn kho cũng giảm thiểu đi.

Đối với người tiêu thụ, định chuẩn bảo đảm được phẩm chất và tính chất an toàn của sản phẩm. Sau nữa, một sản phẩm đã được định chuẩn những bộ phận thay thế sẽ được sản xuất đúng với tiêu chuẩn để có thể thay thế dễ dàng.

NDMB: Giới công kỹ nghệ không đồng ý với Viện Định Chuẩn đã ấn định những tiêu chuẩn đó. Họ nói rằng những tiêu chuẩn do Viện Định Chuẩn đưa ra, nếu họ làm đúng như vậy, sản phẩm sẽ quá mắc, không ai mua. Ý kiến của ông Giám Đốc về việc này như thế nào?

.../

Ô. Phú Minh Tâm: Vấn đề định chuẩn tương đối mới mẽ đối với Việt Nam. Đối với những nhà sản xuất, sự lo âu đó rất tự nhiên vì một phần quý vị đó chưa có những phương tiện cần thiết để theo dõi sản phẩm của mình. Về điểm này chúng tôi xin nhận mạnh rằng mục đích của định chuẩn là giúp đỡ và hướng dẫn nhà sản xuất để có thể sản xuất đúng tiêu chuẩn. Trong lúc thiết lập tiêu chuẩn, sự tham gia của những nhà sản xuất trong việc soạn thảo, chấp thuận tiêu chuẩn có thể nói là rất rộng rãi. Do đó tiêu chuẩn không thể nào quá với khả năng sản xuất.

NDMB: Nếu những nhà sản xuất không theo những tiêu chuẩn đó, họ có bị thiệt hại gì không?

Ô. Phú Minh Tâm: Theo kinh nghiệm của những người chuyên môn về định chuẩn, ở ngoài quốc thường có hai quan điểm khác nhau là: Một là cưỡng bách áp dụng tiêu chuẩn, hai là để tiêu chuẩn được các nhà sản xuất tự do áp dụng. Sau khi cân nhắc, việc cưỡng bách thấy không cần thiết, và cơ quan định chuẩn cũng có những phương pháp khác đưa đến những phương thức có thể áp dụng tiêu chuẩn được.

NDMB: Nếu không cưỡng bách, có cách nào để những nhà sản xuất phải theo đúng tiêu chuẩn?

Ô. Phú Minh Tâm: Đối với Viện Định Chuẩn khi tiêu chuẩn ban hành ra thường có tính cách hướng dẫn kỹ thuật để cung cấp cho các nhà sản xuất. Tùy nhu cầu của cơ quan xử dụng cơ quan có thể yêu cầu nhà sản xuất, sản xuất theo đúng tiêu chuẩn đó. Còn nhà sản xuất có làm đúng tiêu chuẩn hay không, Viện Định Chuẩn không can thiệp vào. Nhưng để khuyến khích việc áp dụng tiêu chuẩn vào trong kỹ nghệ, Viện Định Chuẩn dự trù sẽ có một hệ thống mà trong đó chúng tôi cung cấp một dấu hiệu gọi là dấu hiệu vật chất để cho những sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn sẽ được cấp dấu hiệu đó. Dấu hiệu này là kim chỉ nam cho người tiêu thụ.

NDMB: Trước khi đi vào những chi tiết của các tiêu chuẩn, chúng tôi xin hỏi là Viện Định Chuẩn đã được thành lập

từ bao giờ và có nhiệm vụ gì, đến nay Viện Định Chuẩn đã thực hiện được những công tác nào?

Ô. Phí Minh Tâm: Viện Định Chuẩn được thiết lập năm 1967, được chính phủ giao phó những nhiệm vụ như thiết lập và ban hành tiêu chuẩn quốc gia, kiểm tra và trực nghiệm sản phẩm, tổ chức và phối hợp việc kiểm tra sản xuất nhập cảng, cấp phát và kiểm soát việc sử dụng dấu hiệu phẩm chất, điều chỉnh và chứng nhận những dụng cụ đo lường và dụng cụ khoa học, tư vấn cho các cơ quan chính phủ và công kỹ thương gia về các vấn đề định chuẩn, kiểm phẩm. Và nhiệm vụ cuối cùng là cung cấp những tài liệu về định chuẩn, kiểm phẩm cho các công kỹ thương gia, dân chúng và các cơ quan chính phủ.

Từ năm 1967, chúng tôi đã soạn thảo và ban hành được 75 tiêu chuẩn quốc gia về những sản phẩm, phương pháp khác nhau. Năm 1967 chúng tôi đã soạn thảo được 15 dự thảo, năm 1968 số dự thảo là 32 còn số tiêu chuẩn ban hành năm đầu tiêu là 37. Năm 1969 có 22 dự thảo và 20 tiêu chuẩn được ban hành, năm 1970 có 20 dự thảo và 9 tiêu chuẩn, năm 1971 có 20 dự thảo và 9 tiêu chuẩn, năm 1972 chúng tôi dự trù soạn thảo 37 tiêu chuẩn. Tùy mỗi tiêu chuẩn, có thể nhiều hay ít nên số tiêu chuẩn được ban hành, dự thảo có khác nhau.

NDMB: Những tiêu chuẩn mà Viện Định Chuẩn đã nghiên cứu và đã phổ biến là những tiêu chuẩn nào? Ví dụ như tiêu chuẩn đầu tiên là quốc kỳ Việt Nam, tiêu chuẩn về pin và xe đạp, ruột xe đạp, xe gắn máy, xà bông giặt, xà bông thơm, nước mắm, bột ngọt, ly cốc thủy tinh, tên và định nghĩa các loại hàng vải thông dụng, định thép thông dụng tên và định nghĩa các loại sợi thông dụng, cách diễn tả lượng khối của chỉ sợi bằng đơn vị tex v.v.. Thưa Ông Giám Đốc, khi là những tiêu chuẩn như vậy, công việc đã được hoạch định ra sao? Như phải làm bắt đầu từ đâu, do ý kiến của ai rồi trực nghiệm thế nào?

Ô. Phí Minh Tâm: Hàng năm chúng tôi tham khảo với những cơ quan khác, với những đoàn thể có thể sử dụng tiêu chuẩn. Sau đó chúng tôi đúc kết thành một chương trình để ấn

.../

lệnh việc làm của định chuẩn trong năm. Về thủ tục thiếp lập những cơ quan, đoàn thể đều có thể đề nghị tiêu chuẩn. Những đề nghị này sẽ được cứu xét và soạn thảo ra một dự thảo tiêu chuẩn.

Khi soạn thảo tiêu chuẩn, chúng tôi sử dụng những tài liệu ngoại quốc, tài liệu của những tổ chức khoa học kỹ thuật. Sau khi có dự thảo, chúng tôi chuyển dự thảo tới một tiểu ban để thảo luận và cứu xét. Trong tiểu ban này có đại diện của giới sản xuất, giới thương mại giới tiêu thụ và cả đại diện của những cơ quan khoa học, kỹ thuật. Tiểu ban sẽ cứu xét dự thảo cũng như quyết định sửa đổi dự thảo như thế nào để phù hợp với kỹ thuật và xứ sở hiện tại. Sau khi tiểu ban chấp thuận dự thảo tiêu chuẩn rồi chúng tôi mới công bố dự thảo đó cho công chúng biết, chúng tôi gọi là tham khảo công cộng.

Sau hai tháng, nếu có những đề nghị quan trọng cần phải thảo luận lại thì chúng tôi sẽ triệu tập tiểu ban để cứu xét những đề nghị sửa đổi. Sau đó chúng tôi mới thành lập dự án tiêu chuẩn đó độ trình lên ông Tổng Trưởng Kinh Tế ban hành thành một tiêu chuẩn quốc gia. Chúng tôi sẽ phổ biến rộng rãi tiêu chuẩn này.

NDMB: Chúng tôi thấy Viện Định Chuẩn đã có những tiêu chuẩn cho sườn xe đạp, tay cầm xe đạp nhưng các nhà sản xuất xe đạp Việt Nam lại không theo những tiêu chuẩn của quý Viện thành ra những loại máy gọi là "lô can" đạp vài lần là gãy hỏng, không an toàn. Vậy có cách nào buộc các nhà sản xuất phải áp dụng theo tiêu chuẩn của Viện Định Chuẩn để làm những loại xe tương đối an toàn hơn?

O. Phí Minh Tâm: Như tôi đã trình bày, những cơ quan hành chính trong nhiệm vụ bảo vệ người tiêu thụ có thể ban hành những văn kiện cưỡng bách áp dụng một số tiêu chuẩn của chúng tôi thiết lập.

NDMB: Chúng tôi cũng thấy ở ngoài đường có bán nhiều dây điện, quạt điện, máy biến điện dùng cho đèn ống v.v., các thứ đó thường được sản xuất theo lối tiểu công nghệ và rất

nguy hiểm vì những chất nhựa bao bên ngoài không được tốt. Thành thử có thể gây chàm điện phát cháy. Chúng tôi không biết là làm cách nào để có thể bài trừ những việc đó?

O. Phí Minh Tâm: Về những sản phẩm liện làm theo lối tiểu công nghệ là bất hợp pháp nhưng cũng có một số người làm lên lút. Do đó chúng tôi xin nói là việc này có là do phần nào đã thiếu việc định chuẩn. Nếu định chuẩn đã có từ lâu thì có thể tránh được phần nào những tệ trạng đó.

Chúng tôi có dự trù cấp dấu hiệu phẩm chất để hướng dẫn người tiêu thụ. Chúng tôi nói rằng chúng tôi dự trù vì hiện giờ chúng tôi đang xây một phòng thí nghiệm để có thể theo dõi và trắc nghiệm những sản phẩm mà chúng tôi công nhận. Chúng tôi chỉ muốn công nhận khi có đủ bảo đảm rằng sản phẩm đó đã làm đúng.

NDMB: Chúng tôi cũng muốn nói tới những nhà sản xuất cá hộp, thịt hộp đã dùng chỉ để hàn lại. Chỉ này cũng rất độc. Họ lại không nấu để giết hết những vi trùng trước khi vô hộp gây cho người tiêu thụ có thể ngộ độc. Đó là những sản phẩm sản xuất trong xứ nhưng cũng có cả những món đồ nhập cảng của một xứ nào đó không làm đúng mức.

Hơn nữa, có những món đồ mà ở ngoài quốc người ta đã cho là thiếu an toàn hoặc là xấu nhưng người nhập cảng lại muốn làm giàu mau nên họ đã nhập cảng những món đồ chỉ tốt ở trên hóa đơn mà hàng lại xấu để tung ra thị trường Việt Nam. Viện Định Chuẩn có sách nào để ngăn ngừa việc này không?

O. Phí Minh Tâm: Luật đòi hỏi rằng trước thực phẩm khi đem bán nhà nhập cảng phải trình cho cơ quan chính phủ để lấy mẫu và đem đi thử trước khi bán. Quy chế đó cũng không nói rõ ràng sẽ áp dụng cho tất cả các hàng nhập cảng. Riêng Viện Định Chuẩn, chúng tôi nhìn với khía cạnh bảo vệ quốc gia, trong quy chế đang được quốc hội cứu xét có dự trù trường hợp một số sản phẩm nhập cảng sau này sẽ được kiểm phẩm trước khi bán.

Việc kiểm tra tất cả những hàng nhập cảng là một công việc rất tốn kém, do đó những sản phẩm được kiểm tra sẽ tùy nơi sự quan trọng về kinh tế của sản phẩm.

.../

NDMB: Hoa Kỳ có làm ra ít lắm là trên 5.000 bộ tiêu chuẩn và trên 20 quốc gia trên thế giới cũng có tài liệu đó thì tại sao Viện Định Chuẩn không dùng những tiêu chuẩn người ta đã tìm ra để dùng, vì như vậy những đề xuất càng hay những đồ làm trong xứ vẫn có thể đúng với tiêu chuẩn quốc tế được.

Ô. Phú Minh Tâm: Điều này rất đúng. Nếu có thể dùng chung những tiêu chuẩn quốc tế thì vừa tránh được tốn kém, vừa cho phép mình buôn bán trên thị trường quốc tế dễ dàng. Trong việc thiết lập tiêu chuẩn, chúng tôi cũng dành ưu tiên cho những tiêu chuẩn quốc tế nào thích hợp cho hoàn cảnh Việt Nam. Tuy nhiên đối với một quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia cũng rất cần thiết vì mỗi quốc gia cũng có những hoàn cảnh khác nhau. Khác về kỹ thuật, về trình độ kỹ nghệ, khác về sở thích con người cũng như khí hậu chẳng hạn. Do đó phải có những tiêu chuẩn thích hợp.

Tôi lấy một ví dụ như ở Âu Châu mùa đông rất lạnh thì thực phẩm đòi hỏi những chất cung cấp nhiệt lượng cao trong khi đó ở Việt Nam khí hậu không cần tới nhiệt lượng cao như vậy nên không thể áp dụng theo tiêu chuẩn của họ. Hơn nữa, họ có những máy tính vi hơn mình nên họ có thể làm được những sản phẩm độ dung sai nhỏ. Nếu mình theo tiêu chuẩn ngoại quốc quá cao không thể bán được hàng, thành ra vấn đề là làm thế nào tiêu chuẩn phải phù hợp với khả năng kỹ thuật và kỹ nghệ của Việt Nam.

Nhiều vị nghĩ rằng nếu tiêu chuẩn thấp quá thì không ai mua. Điều này chỉ đúng một phần nào thôi, theo kinh nghiệm của một vài quốc gia như Đại Hàn chẳng hạn, họ làm giày tung ra hai hạng gồm một hạng tốt và một hạng kém hơn. Sau vài năm, hạng tốt lại bán ít hơn vì hạng kém đúng với nhu cầu của dân chúng hơn thành ra định chuẩn là không phải ấn định một tiêu chuẩn quá cao mà là thế nào phù hợp với nhu cầu, đồng thời bảo đảm được sự an toàn cho người tiêu thụ.

NDMB: Chúng tôi thấy Ông Giám Đốc có mang theo một cuộn dây kềm, vậy loại dây kềm này có đúng theo tiêu chuẩn quốc tế không?

.../

Ô. Phí Minh Tâm: Chúng tôi không dùng tiêu chuẩn quốc tế một cách trực tiếp đối với loại dây kẽm này, nhưng chúng tôi cũng đã dùng một tiêu chuẩn của ngoại quốc và được điều chỉnh lại cho phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam. Chúng tôi phân loại dây căn cứ vào đường kính của dây và đặc tính thứ nhì là việc phân hạng theo lớp kẽm được tráng bên ngoài. Nếu lớp kẽm dày thì việc sử dụng được lâu hơn. Thường là trong tiêu chuẩn chúng tôi chỉ đòi hỏi về đặc tính việc sử dụng hơn là cách cấu tạo của sản phẩm.

NDMB: Chúng tôi thấy định của Việt Nam đóng để bị còng trong khi đó thì định của ngoại quốc rất cứng. Vậy tiêu chuẩn dùng cho định tại sao không dùng tiêu chuẩn quốc tế?

Ô. Phí Minh Tâm: Điều này rất đúng. Nhưng chúng tôi chỉ đòi ở việc làm định là khi đóng dùng còng chỗ không nói định đó phải dùng loại sắt gì vì việc này đã đi sâu vào việc chế biến, chúng tôi không can thiệp vào.

NDMB: Còn đối với pin?

Ô. Phí Minh Tâm: Về pin đèn thì phần lớn chúng ta chỉ để ý đến thời gian được tiêu thụ bao lâu và sau khi sử dụng; có bị cháy làm hư radio hay không. Chúng tôi cũng đòi hỏi để nhà sản xuất đáp ứng những yếu tố này.

Còn điểm khác nữa là chúng tôi cũng đòi hỏi cả về kích thước của cục pin nữa để sao cho tiện dụng. Ngoài ra chúng tôi cũng đòi hỏi cả đến thời gian sử dụng được sau khi đã tồn trữ sáu tháng. Vì với thời gian tồn trữ lâu, pin cũng có thể hết điện. Thường thường ở những quốc gia tiên tiến, khi sản xuất pin, người ta có đóng một dấu ký hiệu về ngày tháng sản xuất trên cục pin. Ở Việt Nam chúng tôi cũng đòi hỏi như vậy.

NDMB: Chúng tôi hy vọng ở Việt Nam sẽ có một cơ quan để giúp giới tiêu thụ, ví dụ như cho biết pin của hãng A không nên xài vì mau cháy, xấu và nên mua pin của hãng B.

.../

Ở Mỹ có những tờ báo chuyên về thí nghiệm những sản phẩm. Ví dụ như họ cho biết áo, giầy của hãng nào xài bền hơn chẳng hạn. Chúng tôi nghĩ ở Việt Nam cũng nên có những cơ quan như vậy. Nếu Viện Định Chuẩn sau khi ban hành những tiêu chuẩn, chúng tôi hy vọng Viện Định Chuẩn cũng có thể gắn những nhãn hiệu của Viện Định Chuẩn lên những sản phẩm để người tiêu thụ biết.

Thưa Ông Giám Đốc, ông Giám Đốc có gặp những khó khăn nào trong việc thiết lập những tiêu chuẩn không?

Ô. Phí Minh Tâm: Ngoài những khó khăn chung của quốc gia vì tình trạng chiến tranh, riêng việc định chuẩn, khó khăn trước tiên là vì định chuẩn khá mới mẻ nên những thành phần cần hợp tác chưa hiểu rõ định chuẩn là gì. Khó khăn khác là mình thiếu cơ cấu khoa học, kỹ thuật để giúp cho công việc định chuẩn tiến hành một cách mau chóng. Ở những quốc gia tiên tiến, cơ quan định chuẩn chỉ làm công việc phối hợp, thỏa hiệp chung cho quốc gia về một tiêu chuẩn. Trái lại ở Việt Nam, chúng tôi lại phải đảm trách vai trò kỹ thuật luôn.

NDMB: Nếu Viện Định Chuẩn không có thẩm quyền cưỡng bách mà chỉ có nhiệm vụ hướng dẫn và cố vấn cho các công kỹ nghệ thì những tiêu chuẩn ban hành, theo chỗ chúng tôi thấy có vẻ lý thuyết mà thôi, vì suốt năm năm sau khi Viện Định Chuẩn đã được thành lập và hoạt động mà dân chúng vẫn phải sử dụng những món hàng có phẩm chất xấu. Ví dụ như một cái bóng đèn làm tại Việt Nam chỉ xài được vài chục giờ thì bị chột, trong khi đó những bóng đèn ngoại quốc tốt hơn.

Ngoài ra, những nhà sản xuất ở đây thường bán nhãn ngoại quốc như là sản phẩm đó đã được làm tại Nhật, tại Đài Loan v.v.. Nhưng thật ra thì sản phẩm đó đã làm tại Chợ Lớn hay một nơi nào đó. Vậy Viện Định Chuẩn có cách nào ngăn ngừa tệ trạng dùng nhãn hiệu giả hoặc việc nhập cảng những đồ xấu?

Ô. Phí Minh Tâm: Những sản phẩm xấu là kết quả của nhiều yếu tố. Muốn có sản phẩm tốt, phải có máy móc tốt, phương pháp tốt, nguyên liệu tốt và nhân công giỏi. Những yếu tố này

.../

ở trong một nước chậm tiến rất khó có được. Vai trò của định chuẩn là giúp thế nào để sử dụng tối đa những yếu tố mình đã có.

Để bảo vệ người tiêu thụ, có hai công việc phải làm. Thứ nhất là làm thế nào sản phẩm tốt hơn, giúp cho người tiêu thụ có hoàn cảnh để lựa chọn. Thứ hai là trừng phạt, ngăn ngừa những lạm dụng hay bán những sản phẩm có hại cho người tiêu thụ. Chính phủ đã giao cho Viện Định Chuẩn nhiệm vụ thứ nhất, còn nhiệm vụ thứ hai thì chính phủ giao cho cơ quan Cảnh Sát. Sở dĩ trong những năm qua định chuẩn chưa phát triển rõ ràng là vì việc tinh chuẩn là một lãnh vực tương đối mới và khó khăn, chúng tôi cần những máy móc dụng cụ đo lường tinh vi và tốn kém. Bởi vậy những năm qua, chúng tôi tập trung vào công việc soạn thảo những tiêu chuẩn để làm căn bản và phổ biến những tài liệu kỹ thuật trợ giúp những nhà sản xuất nào đến yêu cầu chúng tôi chế chúng tôi chưa phổ biến một cách rộng rãi.

Lý do khác nữa cũng khiến hoạt động định chuẩn bị hạn chế là vì nhiệm vụ của định chuẩn là cung cấp những dịch vụ kỹ thuật thường thường rất tốn kém. Những dịch vụ đó gồm có việc khảo cứu trong phòng thí nghiệm, đo lường, sửa chữa dụng cụ máy móc. Những dịch vụ này sẽ cung cấp một cách hữu hiệu nếu cơ quan định chuẩn có một quy chế cho phép làm. Hiện giờ chính phủ cũng ý thức được việc này.

Trong năm 1969, Tổng Thống cũng có chuyển sang Quốc Hội một dự luật về định chuẩn để cải tổ cách tổ chức và điều hành của định chuẩn, quy định một số những biện pháp để áp dụng tiêu chuẩn như kiểm tra hàng hóa xuất nhập cảng và cấp dấu hiệu kiểm soát để người tiêu người tiêu thụ biết được sản phẩm nào tốt hay xấu. Sở dĩ có quy chế đó là vì nếu Viện Định Chuẩn chúng tôi cấp một dấu hiệu mà có người mạo nhận thì hiện giờ cũng không có quy chế nào để trừng phạt những lạm dụng đó.

NDMB: Khi Viện Định Chuẩn cải biến thành Viện Quốc Gia Định Chuẩn theo một đạo luật thì, hồi này Ông Giám Đốc có nói Viện Định Chuẩn sẽ cấp con dấu lên hàng đã kiểm soát, nhưng liệu có thể nào, nhà sản xuất trả tiền riêng cho nhân viên cấp dấu chứng nhận rằng sản phẩm đó đúng tiêu chuẩn. Nói cách khác liệu có vấn đề tham nhũng trong đó được không?

.../

Ô. Phú Minh Tâm: Về điểm này, chúng tôi cũng có dịp tham khảo ý kiến với những người có kinh nghiệm về định chuẩn ở trên nhiều quốc gia. Thứ nhất là dấu hiệu sản xuất được cung cấp như một dịch vụ mà nhà sản xuất phải trả một lệ phí, thứ nhì là nhà sản xuất có trách nhiệm về việc dán những dấu hiệu đó lên sản phẩm của họ. Trách nhiệm dán lên không phải do nơi Viện Định Chuẩn mà do nhà sản xuất.

Dự luật về định chuẩn cũng có dự trù việc trừng phạt nhà sản xuất hay nhân viên định chuẩn có lạm dụng. Riêng về việc tham nhũng, chúng tôi nghĩ thứ nhất là đó là một dịch vụ mà nhà sản xuất đã phải trả tiền, thứ nhì là người phán đoán về sản phẩm là dân chúng và những cơ quan khoa học khác. Bởi vậy, chuyện lạm dụng của nhân viên định chuẩn rất khó có thể có được.

HDMB: Thưa Ông Giám Đốc, gần đây, Tổng Thống và Thủ Tướng đã đặt vấn đề xuất cảng lên hàng quốc sách với khẩu hiệu "Muốn Trường Lớn Phải Xuất Cảng". Chúng tôi cũng biết là xuất cảng phải được định chuẩn hỗ trợ mới có thể tiến mạnh được. Vậy ông Giám Đốc phát họa cho biết Viện Định Chuẩn sẽ giữ vai trò gì trong kế hoạch khuyến khích xuất cảng, nói chung là trong các chương trình Phát triển Kinh tế Quốc Gia?

Ô. Phú Minh Tâm Tiếp theo thông điệp của Tổng Thống ngày 15.11.1971, về vấn đề xuất cảng, có nhiều biện pháp kinh tế tài chánh để khuyến khích việc phát triển quốc gia.

Bộ Kinh Tế cũng yểm trợ tối đa cho Viện Định Chuẩn để hoàn tất cơ cấu hầu có thể đóng góp một vai trò hữu hiệu hơn vào việc xuất cảng. Để thi hành nhiệm vụ đó một cách đúng đắn, chúng tôi hợp tác thường xuyên với Tổng đoàn Công Kỹ Nghệ là đoàn thể của các nhà sản xuất, cũng như Phòng Thương Mại, Tổng Đoàn Công Kỹ Nghệ, Trung Tâm Khuyến Xuất Cảng để dành ưu tiên cho những sản phẩm xuất cảng. Vai trò của Viện Định Chuẩn là phối hợp việc sản xuất như thế nào cho đúng với nhu cầu của người sẽ mua.

Chúng tôi thực hiện vai trò đó bằng hai cách: Thứ nhất là chúng tôi có thể cung cấp tài liệu về tiêu chuẩn của những quốc gia có thể mua hàng Việt Nam. Chúng tôi có một thư

viện, nếu những vị sản xuất, những nhà tiêu thụ hay bất cứ một người dân nào cần đến một tiêu chuẩn về pin đèn của Nhật Bản chẳng hạn thì chúng tôi cũng có thể cung cấp được. Phải biết là chúng tôi cũng hợp tác với các nhà sản xuất pin tinh tiêu chuẩn thế nào để có thể xuất cảng được, đồng thời, không gây khó khăn quá nặng cho sản xuất.

SÁCH TẠI VIỆT NAM

 Phát Hình Ngày 15.9.1972

Bà BÙI THỊ LÂM, Giám Đốc Nha Công Tác Quốc Tế Bộ Giáo
 Dục kiêm Tổng Thư Ký Ủy Hội Quốc Gia UNESCO Việt Nam.

Ông NGUYỄN VĂN QUYÊN, Giám Đốc Nha Mỹ Thuật thuộc Văn
 Phòng Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa.

Ông NGUYỄN HUNG TRƯỜNG, Giám Đốc Nhà Sách Khai Trí
 kiêm Chủ Nhiệm tuần báo Thiếu Nhi.

Ông PHẠM VIỆT TUYẾN, Giáo Sư Đại Học Văn Khoa kiêm
 Tổng Thư Ký Hội Văn Bút Việt Nam.

Ông VÕ LONG TÊ, Công Cán Ủy Viên Văn Phòng Quốc Vụ
 Khanh Đặc Trách Văn Hóa.

NDMB: Thưa Bà Bùi Thị Lâm, Việt Nam chúng ta có chương
 trình hưởng ứng năm quốc tế sách. Chương trình đó như thế nào?

Bà Bùi Thị Lâm: Trong kỳ họp thứ 16 tại Paris năm 1970
 đại hội đồng của tổ chức Giáo dục, Khoa học Văn hóa Liên hiệp
 Quốc (UNESCO) quyết định chọn năm 1972 làm Năm Quốc Tế Về Sách
 (Année Internationale du Livre) vì sách giữ một vai trò ngày
 càng quan trọng trong việc thực thi những mục tiêu tổ chức

.../

UNESCO đề ra và phát huy khả năng của con người, phát động những tiềm năng xây dựng xã hội, phát triển quốc gia và hợp tác quốc tế.

Với ý thức đó, Ủy Hội Quốc Gia UNESCO/VN tổ chức khóa hội thảo và triển lãm sách, trước là để biểu dương sự hưởng ứng cụ thể đối với năm Quốc Tế Phát Triển Sách do tổ chức UNESCO đưa ra, sau là để kêu gọi các giới liên hệ đến trách vụ phát huy văn hóa nước nhà tiếp tay vào một công trình có tầm quan trọng lớn lao đối với mỗi cá nhân cũng như đối với cộng đồng.

Ủy hội Quốc gia UNESCO/VN với sự hỗ trợ của Văn phòng Quốc Vụ Khanh Đặc trách Văn hóa, Bộ Thông Tin, Bộ Giáo Dục cùng với sự tham gia của nhiều cơ quan chính quyền cũng như giới sáng tác và giới xuất bản tư nhân đứng ra tổ chức khóa hội thảo và triển lãm sách.

Cuộc hội thảo hướng trọng tâm vào chủ đề: "Hiện Trạng và Chiều Hướng Phát Triển Sách tại Việt Nam" kéo dài trong ba ngày 6,7,8 tháng 9.

Cuộc triển lãm kéo dài trong vòng 1 tuần lễ từ 6 đến 12.9.1972 để công chúng có thời giờ quan sát hiện trạng xuất bản sách tại nước nhà.

NDMB: Khóa hội thảo này đã đạt được những kết quả nào?

Bà Bùi Thị Lâm: Khóa hội thảo có bốn bài thuyết trình thảo luận và một nghị luận hội. Tôi cũng xin nói sơ về những đề tài này. Đề tài thứ nhất là "Tình hình Xuất bản và Nhập cảng Sách Từ Năm 1954 Đến Nay Và Sở thích Của Độc giả" do Bộ Thông Tin thuyết trình. Đề tài thứ hai là "Ấn phẩm Công và Văn hóa, Thực trạng và Chiều hướng Phát triển" do Văn phòng Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa thuyết trình. Đề tài thứ ba là "Hiện trạng và Viễn Ảnh Sách Giáo Khoa tại Việt Nam" do Trung Tâm Học Liệu thuộc Bộ Giáo Dục thuyết trình. Đề tài thứ tư là "Người Cầm Bút từ Năm 1954 Đến Nay" do Hội Văn Bút thuyết trình.

Sau hết là một nghị luận hội về đề tài "Làm Thế Nào Để Sản Xuất và Phổ biến Sách Rộng Rãi".

.../

Kết quả của khóa Hội thảo đã ghi nhận 11 chủ điểm là:

1. Bảo vệ tài sản văn hóa quốc gia
2. Phát triển cơ cấu tổ chức chính quyền liên quan đến việc phát triển sách.
3. Đầu tư tài chính để phát triển sách
4. Trao đổi văn hóa: xuất và nhập cảng sách
5. Phát triển sách nhi đồng
6. Chiều hướng nhập cảng sách: nhiều số lượng hay nhiều tác phẩm?
7. Sáng tác, xuất bản và phát hành
8. Vấn đề tác quyền
9. Phổ biến sách rộng rãi: phát động phong trào đọc sách nâng đỡ sách có giá trị
10. Trách nhiệm của nhà văn
11. Kiểm soát sách giáo khoa

Khóa Hội thảo đề nghị Ủy Hội Quốc Gia UNESCO tổ chức tiếp một loạt khóa hội thảo để thảo luận riêng rẽ về 11 chủ điểm nói trên.

Khóa Hội thảo cũng đề nghị Ủy Hội Quốc Gia UNESCO tiến tới việc thành lập một Ủy ban Phát Triển Sách Công, Tư để nghiên cứu và thực thi hai quyết nghị trên. Qua các buổi thuyết trình và các buổi thảo luận, các hội thảo viên đều ý thức hai khó khăn lớn mà tư nhân cũng như chính quyền gặp phải là (1) vấn đề tài chính và (2) vấn đề tâm lý do tình trạng chiến tranh kéo dài từ nhiều năm qua làm trở ngại việc hệ thống hóa kế hoạch soạn thảo, xuất bản và phát hành sách. Trong một sớm một chiều không thể nào giải quyết được một vấn đề bao quát để đạt được khẩu hiệu "Sách cho mọi người".

Khóa hội thảo 1972 là bước đầu ghi nhận những quyết nghị xây dựng để tiến tới những khóa hội thảo kế tiếp tìm giải pháp thực hiện tuân tữ những mục tiêu đã được đề ra.

.../

Thành quả của khóa hội thảo này đánh dấu sự phát động một phong trào phát triển văn hóa nói chung và phát triển sách nói riêng trong thập niên tới. Nhưng điều đáng mừng hơn hết là sự hợp tác giữa chính quyền và các giới tư nhân liên quan đến vấn đề sách từ nay có môi trường để phát triển mạnh mẽ.

NDMB: Thưa Ông Nguyễn Văn Quyền, Giám Đốc Nha Mỹ Thuật, đã tổ chức cuộc triển lãm, ông cũng biết về tình trạng sách tại Việt Nam trong 18 năm qua, xin ông cho biết về thực trạng sách tại Việt Nam.

Ô. Nguyễn Văn Quyền: Vì thời giờ gấp rút nên cuộc triển lãm vừa qua chỉ quy tụ được 12 cơ quan công quyền và 11 nhà xuất bản tự do. Do đó sách trình bày kỹ này chỉ cho ta một ý niệm về sách qua bản thư mục mà văn phòng Quốc Vụ Khanh đã ấn hành. Chúng tôi hy vọng trong những năm tới sẽ có những cuộc triển lãm đầy đủ và hào hứng hơn. Theo tôi nhận xét, trong 18 năm qua, chúng ta đã theo đúng chủ trương tự do văn hóa và tôi thấy đã có những nỗ lực đáng kể về phía công quyền cũng như tư nhân.

Theo thống kê, năm 1954 có 205 tác phẩm giáo khoa, 379 sách phổ thông cho đại chúng. Năm 1971 có 302 sách giáo khoa và 789 sách cho đại chúng. Đó là chưa kể những ấn phẩm công. Như thế đã có những tiến bộ rõ rệt khiến chúng ta tin tưởng vào ngành sản xuất sách Việt Nam. Riêng về cách trình bày năm 1971 có những cái tiến rõ rệt. Sách đẹp, trình bày sáng sủa, hình ảnh rõ, chữ đẹp và cách đóng tinh xảo hơn. Tuy nhiên, về giấy thì có phần không được tốt.

NDMB: Thưa Giáo Sư Phạm Việt Tuyền, ông là nhà văn một nhà sáng tác. Vậy khi sáng tác, ông nghĩ rằng ông viết cho ai, tại sao ông viết và ông viết để làm gì?

Ô. Phạm Việt Tuyền: Đó là cả một câu chuyện dài dòng. Điều này tùy thuộc mỗi cá nhân, mỗi môn, loại mà người viết sử dụng. Làm thơ khác, viết tiểu thuyết khác, viết văn phê bình lại khác. Người ta có thể viết đó thừa mãn nhu cầu sống,

.../

thỏa mãn tư duy vì cảm xúc của mình cũng như biểu lộ khuynh hướng hành động của mình. Nhưng người ta cũng có thể viết nhằm gây cảm xúc hành động nơi người khác.

NDMB: Thưa Ông Nguyễn Hùng Trương, Giám Đốc Nhà Xuất Bản Khai Trí. Ông đã xuất bản nhiều sách, vậy khi nhận xuất bản một cuốn sách, ông chọn với tiêu chuẩn nào?

Ô. Nguyễn Hùng Trương: Khi nhận một tác phẩm của một nhà văn đưa đến, trước hết chúng tôi coi sách đó có hợp với đường lối, chủ trương của nhà xuất bản không. Có nhà xuất bản chỉ chuyên in sách giáo khoa, hay in riêng một loại sách giáo khoa như sách toán chẳng hạn, có nhà xuất bản chuyên in sách kỹ thuật, hay có nhà xuất bản chuyên về văn nghệ chỉ in tiểu thuyết.

Sách nào thích hợp với chủ trương của nhà xuất bản, sau một thời gian xem xét có giá trị sẽ được nhận xuất bản.

NDMB: Thưa Ông, hiện giờ độc giả thích những loại sách nào?

Ô. Nguyễn Hùng Trương: Ngoài sách giáo khoa đang bán chạy trong mùa tựu trường, hiện nay những tiểu thuyết dịch của nữ văn sĩ Trung Hoa, Quỳnh Dao bán chạy nhất cũng như mấy năm trước người ta đua nhau đọc tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung.

NDMB: Chúng tôi thấy có hơn 150 nhà xuất bản, như vậy là chúng ta có quá nhiều nhà xuất bản hay không?

Ô. Nguyễn Hùng Trương: Theo các tên nhà xuất bản ghi trên những sách đang bày bán tại Saigon, có trên 150 nhà xuất bản. Thật sự, số nhà xuất bản ít hơn con số trên rất nhiều vì có nhà xuất bản lấy rất nhiều tên và số tác giả tự xuất bản lấy không ít, lại có khi tác giả đặt riêng một tên cho mỗi quyển sách mình xuất bản. Vì vậy mà chúng ta thấy nhiều nhà xuất bản chỉ in có một quyển sách rồi thôi. Tóm lại, chỉ có độ 30 nhà xuất bản chuyên nghiệp thường xuyên có sách xuất bản trong năm.

.../

NDMB: Khi cuốn sách được xuất bản rồi, người ta lại than phiền rằng sách rất khó có thể đến tay độc giả, nhất là những độc giả ở nông thôn. Việc này là lỗi tại ai, tại nhà xuất bản hay nhà phát hành đã không đem tới tay người đọc?

Ô. Nguyễn Hùng Trương: Hiện nay ở Việt Nam có ba nhà phát hành chuyên phát hành báo nhưng không có nhà phát hành nào chuyên phát hành sách cả. Vì lẽ đó, chính chúng tôi cũng gặp khó khăn trong việc phổ biến rộng rãi sách trong nước. Tôi nghĩ rằng nếu các nhà xuất bản cố gắng ngồi lại với nhau, hùn vốn lập một nhà phát hành có lẽ sách sẽ được phổ biến rộng rãi hơn.

NDMB: Thưa Giáo Sư Phạm Việt Tuyên, với tư cách một nhà văn, ông có nghĩ ông có trách nhiệm với độc giả không, hay ông chiếu theo thị hiếu độc giả?

Ô. Phạm Việt Tuyên: Tất nhiên là nhà văn bao giờ cũng thông cảm vô trách nhiệm của mình đối với độc giả. Nhà văn viết để sống chỉ có phần nhỏ mà viết vì mục đích lý tưởng cao đẹp là phần chính yếu. Có nhiều khi đau khổ mà viết. Vì rằng nếu để thị hiếu viết đi làm công việc khác chắc chắn sẽ kiếm được số tiền không nói là gấp trăm, nhưng cũng gấp 10 lần.

NDMB: Thưa Ông Công Cán Ủy Văn Phòng Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, chúng tôi thấy văn phòng Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa cũng có sáng tác, dịch xuất bản và phát hành một số sách. Như vậy văn phòng Quốc Vụ Khanh có cạnh tranh với các nhà văn, nhà xuất bản, nhà phát hành không?

Ô. Võ Long Tế: Với tính cách là cơ quan công quyền lo về văn hóa, văn phòng Quốc Vụ Khanh có xuất bản một số sách sáng tác, biên khảo, dịch thuật. Văn phòng cũng lo phát hành lấy, vì, như Ông Giám Đốc nhà Khai Trí đã nói, chúng ta không có nhà phát hành. Về điểm cạnh tranh với các nhà văn, nhà xuất bản hay không, Văn Phòng Quốc Vụ Khanh chỉ chọn những loại sách mà các tư nhân không đủ điều kiện để làm. Văn phòng

Quốc Vụ Khanh chỉ phiên dịch những sách cổ văn, chữ Hán, chữ nôm, những tài liệu cần thiết mà chỉ có những thư viện của chúng ta mới có. Và cũng cần rất nhiều thời giờ kiên nhẫn để phiên dịch và chú giải. Và lại, những loại sách giới thiệu sách ngoại quốc là một công việc không đem lại những nguồn lợi như những cuốn sách sáng tác thuần túy như thơ hay tiểu thuyết. Tóm lại, việc Văn phòng Quốc Vụ Khanh đã làm là làm với trách nhiệm mà chúng ta phải làm.

NDMB: Thưa Ông Giám Đốc nhà sách Khai Trí, người ta nói rằng bán sách dạo rầy khá lắm phải không?

Ông Nguyễn Hùng Thương: Bác cứ nghề gì nếu làm việc cố gắng và có phương pháp đều khá cả. Theo tâm lý chung, nghề gì thâu được lợi nhiều người ta đua nhau làm. Thí dụ, trong thời kỳ quân đội Mỹ ở ở sang Việt Nam, người ta đua nhau mở Bar, cắt nhà cho Mỹ thuê. Riêng về ngành bán sách chắc chắn không thu lợi được bao nhiêu nên không ai thêm làm. Vì vậy mà số nhà sách tại Saigon, cũng như ở những nơi khác trong xứ là những nơi bán những món ăn bình dân mở quá ít, so với những quán ăn tạp hớt. Riêng tại dương Lê Lợi, khi xưa có trên mười hiệu sách bây giờ chỉ còn có năm hiệu, trên phân nửa đã đổi sang nghề khác, để chịu hơn.

Chúng tôi nghĩ chánh phủ nên khuyến khích tư nhân mở thêm nhiều nhà sách để sách được phổ biến rộng rãi, nêu cao dân trí, bằng cách dễ dàng cho nhà sách trong việc thuê khóa.

KOMB: Thưa Giáo Sư Phạm Việt Tuyền, có vấn đề mà người ta thấy có những cuốn sách mới xuất bản lại bán ở vỉa hè với giá rẻ hơn trong nhà sách thì việc này có phải rằng khi nhà văn viết một cuốn sách, nhà xuất bản lại xuất bản riêng, in quá số lượng đã đồng ý với nhà văn để bán ra ngoài hầu kiếm lợi riêng phải không?

Ông Phạm Việt Tuyền: Hiện tượng này có thể có. Ví dụ như nhà xuất bản và nhà văn đã đồng ý 3.000 cuốn, nhưng nhà xuất bản có thể, tôi nói có thể chứ không phải ai cũng làm như vậy, nhà xuất bản có thể in quá số lượng đã đồng ý. Còn việc

sách bán vỉa hè thì tôi thấy những sách này thường không phải là sách mới hơn hẳn mới có trường hợp một cuốn sách tương đối mới mang bày bán. Như bữa trước, tôi có thấy một cuốn sách xuất bản chưa đầy 6 tháng mà đã bày bán ở lề đường nhưng tôi chỉ thấy một cuốn đó thôi.

Còn sách của nhiều nhà văn tên tuổi và những sách tương đối có giá trị cũng bị bày bán xông thì tình trạng này có lẽ một phần do nơi nhà xuất bản bị kẹt vốn, mới bán đi để lấy lại vốn. Tình trạng này cũng là tình trạng đau khổ cho người cầm bút. Một việc khác đau khổ hơn là bị đạo văn chẳng hạn. Trường hợp đó là trường hợp G.S. Thanh Lăng đã bị người ta lấy văn của ông ấy hàng ba bốn trăm trang để in lại. Họ đã in lại cả những chỗ sai do lỗi nơi người in ronéo nữa. Nhưng nỗi đau khổ đó khiến người cầm bút phải suy nghĩ. Muốn chữa những bệnh liên quan tới sách, chữa một cách vụn vặt thì không được bao nhiêu. Có lẽ chính quyền và các giới có liên hệ tới sách nên nghiên cứu vấn đề này một cách sâu xa và đề ra những kế hoạch vừa tổng quát vừa sâu xa, vừa thiết thực mới có thể sửa đổi được.

NDMB: Thưa Ông Giám Đốc nhà sách Khai Trí, đạo này sách quá mắc, làm sao độc giả có thể mua nổi, nhất là những sách nhập cảng?

O. Nguyễn Hùng Trương: Vì giấy in tăng quá cao, nên giá sách xuất bản cũng tăng theo. Về sách nhập cảng, trước năm 1972 sách được nhập cảng với hối suất 118\$ một mỹ kim, hiện nay hối suất dành cho nhập cảng sách tính là 435\$ một mỹ kim, chánh phủ tài trợ được 65\$ cho mỗi mỹ kim nhập cảng sách. Như vậy còn lại là 370\$ một mỹ kim, tức là mỗi quyển sách nhập cảng hiện nay phải bán giá gấp ba lần giá năm rồi, như vậy với lợi tức của người dân không tăng, ít ai có thể mua nổi sách ngoại quốc.

Chúng tôi nghĩ rằng chính phủ nên giúp đỡ cho sách vở được phổ biến rộng rãi bằng cách tài trợ giá giấy in sách và hạ hối suất nhiều hơn nữa để nhập cảng sách.

.../

NDMB: Khi muốn đặt mua một cuốn sách nhập cảng tiền dùng để mua sách có được tự do không và thời gian để mua sách là bao lâu?

Ô. Nguyễn Hùng Trương: Muốn đặt mua một số sách nào, nhà nhập cảng phải làm một bản danh sách gồm đầy đủ tên sách, tác giả nhà xuất bản, số lượng, trình cho Ủy Ban Liên Bộ chọn lựa sách báo nhập cảng gồm có đại diện Bộ Giáo Dục, Bộ Thông Tin, Bộ Kinh Tế, xem xét và chỉ chấp nhận cho những sách xét ra cần thiết.

Sách đặt mua phải ít nhất sáu tháng sau mới nhận được.

NDMB: Thưa Công cán Ủy viên Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa có kế hoạch gì để phát triển sách không?

Ô. Võ Long Tê: Việc đầu tiên là thực hiện một quyết nghị của khóa hội thảo vừa qua là phải đi đến thành lập một ủy ban phát triển. Sự phát triển sách cần có sự cộng tác một đảng giữa chính quyền, một đảng giữa các giới tư nhân. Chúng tôi mong trong một ngày gần đây, các đại diện những cơ quan công quyền và tư nhân sẽ ngồi lại với nhau để tìm một phương thức làm thế nào sách được phát triển. Chúng tôi cũng xin thưa, những cơ quan công quyền từ trước đến nay vẫn cố gắng trong phạm vi ngân khoản thực hiện những công tác mà không bao giờ có ý định cạnh tranh với những nhà xuất bản tư nhân.

Những công việc chúng tôi nhằm ưu tiên thực hiện là tồn trữ, phiên dịch và chú giải những di sản văn hóa của tiền nhân. Trong vòng ba năm nay, văn phòng Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa chúng tôi đã phiên dịch được rất nhiều sách và cũng ấn hành nhiều sách. Trong vòng ba năm, chúng tôi đã xuất bản trên 50 cuốn sách và trên 200 bản thảo đã dịch xong. Chúng tôi cũng dự định sưu tầm một thư tịch đầy đủ về những tác phẩm cổ văn hiện còn tàng trữ ở nhiều nước như Đại Loan, Nhật Bản...

Chúng tôi cũng sẽ dự định làm nhiều bản cổ văn để so sánh và chú giải. Chúng tôi cũng không quên giới thiệu những tác phẩm văn hóa ngoại quốc. Nhà văn khố và thư viện quốc gia đã làm những cuốn thư tịch tổng quát.

.../

Việc làm thư tịch là việc thiết yếu để giúp các học giả trong việc nghiên cứu và giúp vào việc phát triển sách.

O. Nguyễn Hùng Trương: Xin phép Ông Tổng Giám Đốc vui lòng cho chúng tôi hỏi Ông Tổng Giám Đốc một câu cho vui. Ông Tổng Giám Đốc có mê sách không?

NDMB: Mê lắm.

O. Nguyễn Hùng Trương: Ông Chu Tử có viết trong quyển Sống: Sách hơn người yêu ở chỗ sách không nhờn nhéo, không ỉch kỹ, không phản trắc và khi ta chán sách, ta vứt sách vào tủ thì sách nằm im, không bù lu bù loa, không mua dao con chó để xin ta tí huyết như các bà, các cô. Vậy xin Ông Tổng Giám Đốc cho biết Ông Tổng Giám Đốc quyển sách hay và người yêu, Ông Tổng Giám Đốc chọn hay mê người nào?

NDMB: Ông hỏi câu khó trả lời quá. Nhưng ở đây thì tôi nói rằng tôi yêu sách lắm, còn về nhà thì khác.

Mục Lục Chỉ Dẫn

Các Nhân Vật Có Ghi Trong Thư Tập
Người Đọc Muốn Biết

I, II, III: Số tập--1, 2... số trang trong tập-- ts: có
sơ lược tiểu sử của nhân vật

Nguyễn Văn AN II, 406
Nguyễn Văn AN III, 263
Đỗ AN III, 16
Nguyễn Văn ÁI ts III, 158
Nguyễn Văn AN I, 95 II, 359
Đặng Trần AN III, 204
Hồ Quang AN ts III, 149
Nguyễn Văn ANH ts III, 267
Huỳnh Ngọc ANH I, 180
Phan Hùng ANH II, 416
AGNEW I, 23, 26, 116, 124
Gene AINSWORTH ts II, 48
Vincent AURIOL I, 288

Dương Văn BA I, 192
Ba BÀ II, 178
Fritz BERGHAUS II, 154
Ba NHỎ II, 148
Ba XI II, 144, 146, 149, 151,
152

Wương Văn BẮC II, 204
Haning BAKER II, 307
Vĩnh BẢO II, 346
Nguyễn Văn BẢO ts III, 243
Brigitte BARDOT III, 77
Clyde BAUER I, 297
Nguyễn Ngọc BẦY III, 204
Võ Văn BẦY II, 421
Huỳnh Văn BẾ III, 66
Lê Tấn BỀN II, 421
Nguyễn Văn BI III, 323
Phạm Văn BÌNH II, 370
Nguyễn Ngọc BÌNH II, 460, 461
Nguyễn Văn BÌNH I, 61

Nguyễn Thị BÌNH I, 340, 341
Đào Trinh BÌNH I, 296
Nguyễn Văn BÌNH III, 436
Đặng Vũ BIÊN ts III, 127
BOKASSA II, 141, 142, 143, 144
145, 146, 147, 148, 149
150, 151, 152, 153

David BRUCE I, 337
Ellsworth BUNKER I, 338
BREZHNEV III, 360
Trần Quốc BỬU II, 214
Hồ Văn BỬU ts I, 302
Lê Cao BƯỜNG III, 453, 454
Trương Minh CẮC ts III, 65
Nguyễn Văn CẢNH II, 204
Huỳnh Văn CAO I, 258, 302, 394
II, 86, 162

Nguyễn CẦU I, 358
Hàng CẦU III, 436
Lê Thúc CÁN III, 445
Nguyễn Thọ CHÂN III, 354
Nguyễn CHÂN ts III, 312
Hồ Văn CHÂM ts I, 83, III, 204
Lê Công CHÁT ts I, 109, 352,
II, 434 III, 5,
378

Trần Ngọc CHÀU I, 182, 183, 184
185, 186, 187,
189, 190, 191,
192, 193, 194,
195, 196, 197,
II, 82

Nguyễn Long CHÀU II, 112
Lê Văn CHÀU II, 339
Nguyễn Thành CHÀU I, 227, 228

.../

Vũ Đức CHANG II, 315
 CHENG HENG II, 269
 Đặng Kim CHI III, 204
 Trần Văn CHÍ II, 321
 Phạm Ngọc CHÍ I, 61
 Lê Văn CHIẾN III, 221
 Tư CHIẾU II, 143, 153
 Tuệ CHIẾU II, 384
 Phạm Xuân CHIẾU II, 325
 Kiều CHINH I, 226
 Trương CHINH II, 9, 10
 III, 352, 361
 Đinh Trịnh CHÍNH I, 301
 Phạm Tu CHÍNH II, 234
 Nguyễn Sanh CHÍNH III, 436
 Đinh Quang CHỨC II, 383
 CHUONNATH I, 148
 Nguyễn Thị CHÚ II, 310, 311
 Nguyễn Tấn CHÚC I, 355
 Lê CHO ts III, 149
 Philip CLARK I, 24
 CEAUSESCU III, 362
 Benjamin CONSTANT III, 227
 Đoàn Trung CÒN III, 149
 Nguyễn Hữu CÔNG ts III, 55
 Nguyễn Văn CỐN I, 123
 Nhã Văn CỬ II, 49
 Trần Văn CỬ II, 470
 Hồ Ngọc CỬ II, 176
 Nguyễn Văn CỬ ts III, 13
 Cao Văn CỬA II, 162
 Trần Lưu CUNG ts I, 376
 Trần Đỗ CUNG II, 72
 Kim CƯƠNG I, 199
 Phạm Mạnh CƯƠNG I, 350
 Cốc Chính CƯƠNG II, 81
 Hà Thành CHƯƠNG II, 367, 369
 OHSAWA III, 95
 Quỳnh DAO III, 501
 Bảo ĐẠI I, 127

Nguyễn Phước ĐẠI I, 193
 Phan Quang ĐÁN I, 116, 124, 271
 III, 312, 313, 320
 327

Lộ Công DANH III, 426
 Võ Thị DANH III, 221
 Phạm Thanh DÂN ts II, 304
 Trần Văn DÂN III, 33
 Ngô Đình ĐIỂM I, 250 II, 351, 353
 354, 385; III, 178
 229, 263, 462, 473

Nguyễn Hiền ĐIỂM ts II, 393
 Bùi ĐIỂM I, 301
 Phan ĐINH II, 362
 Huỳnh Văn DIỆP II, 136
 Huỳnh Ngọc DIỆP III, 298
 Nguyễn Văn ĐIỀU I, 328
 Đoàn Hồng ĐIỀU III, 21
 Đặng Văn ĐÌNH ts I, 47
 Khải ĐÌNH III, 349
 Bùi Xuân DUNG I, 228
 Vũ Thị DUNG ts III, 86
 Nguyễn Hữu DUNG ts II, 292
 Lê DUẨN II, 9, 11 III, 352, 357,
 361

Trần Trung DUNG II, 237
 Trần Văn DŨNG III, 33
 Lê Đình DUYÊN III, 204
 Ngô Mạnh DUYÊN III, 298
 Nguyễn Văn DŨY II, 50
 Đỗ Bằng ĐOÀN I, 243
 Phạm Mạnh DƯƠNG I, 301
 Phan Văn ĐẠI II, 431
 Nguyễn Tâm ĐÁN II, 364
 Nguyễn ĐẠT II, 204
 Nguyễn Văn ĐẠT III, 204
 Nguyễn Văn ĐÁNG II, 417
 Đoàn Văn ĐẶNG II, 112
 Tôn Thất ĐÌNH II, 35
 Nguyễn Lân ĐÍNH ts III, 86
 Trần Văn ĐÓN I, 62, 171

- Tăng Kim ĐÔNG ts III, 186
 Mạc Trạch ĐÔNG III, 358
 Phạm Văn ĐÔNG II, 6, 9, III, 396
 Võ Thúc ĐÔNG III, 354
 Tôn Thất ĐÔNG I, 323
 Nguyễn Văn ĐỦ I, 328
 Hoàng Văn ĐỨC ts II, 59, III, 196
 Nguyễn Văn ĐỨC II, 49
 Nguyễn Gia ĐỨC I, 250
 Tự ĐỨC I, 244
 Phan Huy ĐỨC I, 352
 Nguyễn Y ĐỨC II, 362
 Ngô Công ĐỨC II, 75
 Lý Cẩm ĐƯƠNG I, 296
- FANMOUNG II, 184
 Nicholas FIRYUBIN III, 360
- Nguyễn Thị GÁI II, 336
 De GAULLE I, 61, 128
 Johanna GEHAN I, 291
 Lê Sĩ-GIAI ts III, 196
 Nguyễn Kim GIANG ts III, 352
 Nguyễn Quỳnh Giao III, 204
 Phạm Hữu GIÁC tức MẠC GIAO II, 72, 86
 Lê Văn GIÁP I, 304
 Võ Nguyên GIÁP II, 9, III, 393, 394, 395, 397
- HABIB I, 126
 Trần Công HÀM III, 378
 HAHNEMANN II, 67
 HARRIMAN I, 125, 126, 327, 338
 Nguyễn Thị HAI I, 101
- Nguyễn Thị HAI III, 325
 Nguyễn Văn HAI III, 68
 Nguyễn Văn HAI II, 403
 Nguyễn Văn HAI III, 137
 Lê Thanh HAI II, 362
 Nguyễn Đăng HẢI I, 316
 Thích Đôn HẬU I, 304
 Lê Hoàng HOA I, 228
 Dương Quỳnh HOA I, 304, 306
 Phan Văn HÒA II, 76, 177, 178
 Mai Văn HÒA II, 372, 373
 Hoàng HỒ I, 182, 183, 184, 186, 187
 Bửu HỘI I, 123
 Thôn Thủy HỒNG I, 226, II, 145
 Nhất HẠNH I, 127
 Nguyễn Hữu HẠNH I, 56
 Karl Peter HEGERMANN II, 155
 Trần Ngọc HIỀN I, 183, 184
 Đàm Sĩ HIỀN ts I, 261, II, 252
 Lê Văn HIỆT II, 305
 Lê Văn HIỀN III, 253
 Lê Thương HIỀN III, 24
 Nguyễn Bá HIỀN III, 70
 Bửu HIỆP ts II, 177, III, 28, 289
 Lê Ngũ HIỆP II, 359
 Phạm Hữu HIỆP ts III, 472
 Nguyễn Khắc HIẾU I, 249
 Nguyễn Duy MINH II, 356, III, 204
 Phạm Hải HỒ I, 356
 Nguyễn Tấn HỒNG II, 416
 Lê Thị Lê HỒNG III, 120
 Đào Vũ HỒNG II, 399
 Đặng Minh HOÀNG IC, 430
 Lê Mông HOÀNG I, 227, 228
 Trần Tử HOÀNG ts III, 331
 Lý Ký HOÀNG II, 222, 333
 Phạm Ngọc HÙNG I, 305
 Đỗ Trọng HUỆ I, 243
 Phan Thị HUỆ II, 417
 Nguyễn Bích HUỆ ts I, 65

- Nguyễn Kim LINH II, 315
 Trần Văn LIÊM I, 352
 Nguyễn Thanh LIÊM ts III, 364
 Nguyễn Văn LIÊM ts III, 318
 Ngô Sĩ LIÊN I, 244
 Huỳnh LIÊN ts III, 168
 Nguyễn Thị Bích LIÊN ts
 III, 86
 Bửu LỘC I, 123
 Trần LỘC III, 205
 Lê Văn LỢI III, 60
 Võ Thị LIÊU II, 336
 Cabot LODGE I, 125, 126, 127,
 337
 LOUIS XVI III, 85
 Du Kim LONG II, 148
 Nguyễn Văn LONG II, 48
 Lon NOL I, 254, 256, 258, 260,
 269, 271
 Hoàng Vĩnh LỘC I, 228
 Lê Quang LỘC I, 305, 306
 Huỳnh Văn LỢI ts I, 386 II,
 175
 Chí LỢI II, 87
 Nguyễn Văn LỰC II, 417
 Lưu Vĩnh LỰ I, 219
 Trần Văn LƯỢC II, 136
 Nguyễn Bá LƯƠNG ts I, 59
 Hoàng Mộng LƯƠNG ts III,
 179
 Lê Văn LŨY I, 328, II, 465
 Linh Mục LÊ VĂN LÝ III,
 205
 Không Trung LƯU II, 161
 Trần Phong LƯU III, 290
 Nguyễn Quang LUYỆN II, 72
 Bắc Sĩ LUYỆN II, 352
 MARTINE II, 141 và kế tiếp
 Trần Thị Tuệ MAI III, 205
 Vũ Tài MANG III, 205
 Minh MANG III, 348
 Huỳnh Kim MANG ts III, 289
 MARX III, 356
 Henry MASPERO I, 246, 247
 Lưu Minh MẮN II, 310, 311
 Vũ Văn MẤU I, 394, 396
 Phan MẬT II, 152
 Charles MERON II, 304
 Dương Văn MINH I, 24, 63
 Đặng Quang MINH III, 354
 MINH III, 24
 Nguyễn Bình MINH ts III, 414
 Đào Bình MINH III, 225
 Hồ Chí MINH I, 120, 130, II, 8, 11
 Đế MINH I, 244
 Nguyễn Đức MINH II, 125
 Lưu Thị Diệu MINH II, 136
 Nguyễn Văn MINH I, 150, II, 470,
 471
 MONTESQUIEU III, 227
 Trần Thị MƯỜI ts III, 312
 Nguyễn Văn NAM II, 362
 Nguyễn Thành NAM III, 327
 Trương Văn NAM III, 378
 NAPOLEÓN III, 229
 Hoàng Thị NAM III, 263
 Đinh Huy NANG II, 383
 Võ Ngọc NHA I, 7, 182
 Nguyễn Đại NHẬN II, 458, 459, 460
 Đỗ Ngọc NHẬN II, 450
 Bùi Bá NHẬN tự Tô Văn II, 349
 Hồ Hữu NHẬT I, 304, 305
 Lô Văn NHẬT II, 450
 Lê Trung NHIÊN III, 205
 Nguyễn Văn NHIỀU II, 430
 Nguyễn Chí NHIỀU II, 362
 Đỗ Thị NHU ts III, 120
 Huỳnh Thị NGUNG III, 24

Nguyễn Trọng NHỎ I, 180
 NIXON I, 26, 28, 29, 337, II, 91
 92, III, 172, 173, 241,
 395, 360, 361

Phan NÔNG I, 244
 Trần Thị Bích NGA I, 199
 Lê Thành NGHỆ III, 323
 Thanh NGHỊ I, 304, 305.
 Phan NGHỊ I, 7
 Tô Tiếng NGHĨA ts I, 323,
 II, 464

NGHĨA I, 183
 Nhã Xuân NGHĨA II, 50
 Trương Tấn NGHIỆP II, 399,
 402, 406

Thích Đức NGHIỆP II, 383
 Nguyễn Văn ỚT tức Tony
 Phong NGUYỄN II, 345
 Joseph NGUYỄN I, 149
 Sư Cô Thích Nữ Tịnh NGUYỄN
 III, 205

Huỳnh Ảnh NGUYỆT II, 234
 Minh NGUYỆT ts III, 168
 Trần Hưng NGŨ II, 162
 Trương Quang NGỌC II, 462,
 463

Phạm Kim NGỌC ts I, 53 III,
 176

Đinh Văn NGỌC II, 359
 Võ Văn NINH tự Việt Nhân
 II, 349

Thái Khắc NGON ts III, 127
 Lê Văn NICOLAS I, 149

Paul NUR ts I, 366
 Lý Thị NHẬN III, 70

Đỗ Ngọc NHẬN ts I, 376

Trần Ngọc NHUẬN I, 19

Huỳnh Kim NÊN III, 205

Huỳnh Ngọc NỮ I, 101

Đỗ Thị Kim OANH II, 307
 Trần Ngọc OANH III, 205
 Bà Trần Ngọc OANH III, 453

Pierre PASQUIER III, 349
 PATRIS I, 245

P. Habib I, 337

Lâm Văn PHÁT I, 187

Hồ Tấn PHÁT ts II, 422, III, 445

Huỳnh Văn PHÁT I, 305

Phan Văn PHÁT ts III, 243

Trần Thế PHÁP I, 243

Phùng Huy PHAN II, 195

Tạ Phát PHAN II, 469

Lưu Mạnh PHÁT II, 431

Nguyễn Văn PHIÊU II, 431

Trần Văn PHIÊU I, 352

Trần Ngươn PHIÊU ts I, 92, 268

II, 234, III,

205, 312

Hoàng Thổ PHIỆT ts I, 351, 352,

III, 196

POMPIDOU I, 128

PODGORNY III, 360, 361

Trần Thanh PHONG ts I, 37, III,

451

Nguyễn Khoa PHÒNG II, 39

Nguyễn Bình PHŨ ts III, 331

Nguyễn Xuân PHƯỚC III, 436

Trần Mạnh PHƯỚC ts III, 414

Nguyễn PHỤNG I, 358, 359

Phan Kim PHỤNG III, 325

Việt Định PHƯƠNG II, 141

Nguyễn Thị PHƯƠNG III, 62

Hồ Quang PHƯỚC I, 297

Lê Văn QUẢ III, 223

Võ Văn QUAN ts III, 73

.../

- Lạc Long QUÂN I, 245
 Nguyễn Văn QUANG I, 118
 Nguyễn Văn QUANG II, 417
 Võ Xuân QUANG II, 465
 Lâm Xuân QUANG III, 127
 Đỗ Thế QUANG III, 438
 Phan Huy QUÁT II, 325
 Nguyễn Văn PHÚ II, 418
 Phạm Kim QUY ts II, 222, III
 298
 Hoàng Kim QUY I, 301
 Phan Văn QUÝ III, 71
 Linh Mục Hoàng Sĩ QUÝ III,
 205
 Phạm Minh QUỐC III, 358
 Nguyễn Duy QUYẾN ts III,
 149
 Nguyễn Văn QUYỀN III, 497

 Văn Thị ÍCH ts TƯ RỒM III,
 34
 Đỗ Văn RỒ II, 112
 ROGERS I, 336, 337
 TƯ RỒ I, 183

 SADAT III, 209
 Nguyễn Phú SANH III, 40
 Nguyễn Văn SANG II, 428
 Trần Thanh SANG ts, III, 331
 SÁNG I, 183
 Lê SÁNG III, 205
 Nguyễn Văn SÁNG II, 195
 Nguyễn Phú SANH I, 110
 SIHANOUK I, 253, 254, 260,
 335 II, 92
 Thượng Tọa Thích Pháp SIÊU
 ts, III, 149
 Steve SMITH I, 291

 Đặng Ngọc SONG ts, III, 331
 Ứng SỞ II, 243
 Nguyễn Văn SƠN I, 328
 Khánh SƠN ts III, 168
 Nguyễn Hữu SƠN III, 290
 Trần SOUL I, 149
 SUKARNO II, 89, 92
 Đặng Văn SUNG II, 162, III, 203
 Phan Khắc SỬ II, 325 III, 216

 Nguyễn Duy TÀI II, 162
 Ngô Thị TÂM II, 431
 Nguyễn Thị TÂM II, 333, 345
 Phan Đình TANG ts II, 375
 Bùi Duy TÂM II, 59
 Nguyễn Văn TÂM I, 123
 Phí Minh TÂM ts III, 485
 Nguyễn Văn TÂM III, 91
 Trương Như TẤN I, 304
 Lê Phước TẤN I, 74
 Trần Quang TẤN II, 383
 Vũ Ngọc TẤN ts III, 210
 Huỳnh TẤN II, 362
 Trang Sĩ TẤN I, 140
 Phan TẬP II, 333
 Nguyễn Phúc Bửu TẬP III, 205
 Võ Long TÊ III, 497
 TEODORU ts II, 21
 Lâm Văn TẾT I, 304, 305, 306
 Lê Văn THẬN III, 436
 Nguyễn Văn THẬN III, 436
 Tạ Văn THẬN III, 290
 Trần Bình THANH II, 398, 400
 Trần Kim THÀNH II, 304
 Trần Chánh THÀNH I, 168, 258, III,
 268
 Nguyễn Long THÀNH II, 417
 Bùi Phạm THÀNH ts III, 243

 .../

- Phan Văn THÁI III, 436
 Nguyễn Cao THANG III, 323
 Nguyễn Việt THẮNG III, 448, 449
 Trịnh Đình THẢO I, 302, 304, 306
 Giáp Văn THẬP I, 328
 Nguyễn Trọng THẮC I, 328
 Nguyễn Quốc THỂ I, 353, 354, 356
 Nguyễn Như THI II, 112
 Bùi Kim THI ts III, 414
 Lâm Quang THI ts I, 308
 Nguyễn Văn THIẾC II, 359
 Quách Đăng THIÊN II, 429
 Trương Công THIÊN II, 429
 Thiếu tá Ủy Viên Chánh Phủ I, 182
 Nguyễn Khắc THIỆU II, 39
 Nguyễn THIỆU II, 154
 Nguyễn Văn THIỆU ts I, 1, 24, 25, 26, 28, 50, 211, 229, II, 149, 326, III 10, 11, 173, 174, 218, 395
 Phạm Quốc THUẦN III, 426
 Dương Hòa THUẬN II, 403
 Lê Văn THÔNG I, 301
 Trần Quý THÔNG I, 301
 Hoàng THÔNG II, 161
 Nguyễn An THÔNG I, 352
 Nguyễn Văn THÔNG II, 162
 Nguyễn Tăng THỌ ts II, 273
 Nguyễn Hữu THỌ I, 304, 305
 Đào Văn THỌ tự Phi Hồ II, 349
 Vĩnh THỌ I, 118
 Nguyễn Văn THỌ III, 205
 Nguyễn Vạng THỌ III, 298
 Nguyễn Văn THƠ I, 101
 Nguyễn Văn THƠ I, 301, II 136
 Kiều Mộng THƯ I, 195
 Trần Văn THƯ II, 430
 Đại Đức Thích Tuệ Không tức Thi Sĩ Phạm Thiên THƯ III, 204
 Vũ Quốc THỨC ts I, 176, 279
 Trần Thị Thu THỦY II, 337
 Xuân THỦY II, 6
 Lê Tuấn THỰC II, 431
 Lê THƯỜNG I, 350
 Nguyễn Thị Đức TÍN II, 307
 Lê Trí TÍN II, 39
 Lê Văn TIÊN III, 453
 Hoàng Ngọc TIÊU ts III, 98
 Nguyễn Đình TIẾP II, 349
 Trần Minh TIẾT I, 352, III, 196, 197, 198, 199, 200, 201, 202, 203, 208, 209
 Ngô Khắc TÍNH ts I, 30, 297, 301, II 86, 412
 Alexis de Tocqueville III, 227
 Tăng Thị Thành TRAI I, 199, II, 187
 Nguyễn TRẦN I, 355
 Đặng Kỳ TRẦN II, 362
 Vũ Minh TRẦN I, 352
 Cao TRẦN I, 8
 Josephine TRẦN I, 149
 Võ TÙNG III, 290
 Nguyễn Giao TRINH I, 74
 Đỗ Cao TRÍ ts, I, 209, 273, 180
 Huỳnh Văn TRỌNG I, 7
 Phạm Thế TRÚC I, 189
 Thiệu TRỊ III, 348
 Âu Dương TU III, 227
 Trần Văn TRUNG III, 327
 Lê Bá TRỰC III, 445
 Đinh Văn TRƯỜNG II, 430
 Nguyễn Hùng TRƯỜNG III, 497
 Lâm Quang TRƯỜNG I, 74
 Phạm Nam TRƯỜNG II, 162, III, 205

Ngô Quang TRƯỜNG III, 327,
391

TRUMAN II, 208

Mai Thọ TRUYỀN ts I, 343

Đỗ Quang TỰ III, 426

Lê Văn TỰ ts II, 388

Trần Hữu TỰ II, 429

Nguyễn Hữu TUẤN II, 262

Võ Anh TUẤN II, 204

Phạm Việt TUYỀN III, 497

Trần Thị TUYẾT II, 187

Mộng TUYẾT III, 205

Phạm Văn TƯỚC ts III, 120

Phạm Kim TƯỜNG II, 346

Ứng TƯỜNG ts III, 345

Phạm Thanh TƯỜNG II, 232

Phạm Kế TOẠI III, 205

Nguyễn Văn ỨT II, 333

Trần Đức ƯỚC II, 362.

VANUXEM ts III, 390

Trần Khánh VÂN ts II, 13

Hồ Thị Tường VÂN ts III,
127

Nguyễn Thành VÂN ts III,
243

Trương Văn VĨNH III, 323

Hùng Anh WƯƠNG I, 246

Hùng Chinh WƯƠNG I, 246

Hùng Nghi WƯƠNG I, 246

Hùng Tuyền WƯƠNG I, 246

Hùng Tạo WƯƠNG I, 246

Hùng Định WƯƠNG I, 246

Hùng Triều WƯƠNG I, 246

Hùng Việt WƯƠNG I, 246

Hùng Vũ WƯƠNG I, 246

Hùng Uy WƯƠNG I, 246

Hùng Vĩ WƯƠNG I, 246

Hùng Chiêu WƯƠNG I, 246

Hùng Huy WƯƠNG I, 246

Hùng Y WƯƠNG I, 246

Hùng Hoa WƯƠNG I, 246

Lạc WƯƠNG I, 246, 247

Hùng WƯƠNG I, 244, 245, 248, 250, 251

Kinh Dương WƯƠNG I, 245, 248

Hùng Quốc WƯƠNG I, 245

Lạc Long QUẬN tức Hùng Hiền WƯƠNG
I, 245

Lý Thái WƯƠNG II, 434

Hồ Văn VŨ II, 307

Văn VỸ II, 333

Nguyễn Văn VỸ ts, I, 15, II, 324

Nguyễn Lưu VIÊN ts I, 172

Lưu Đình VIỆP I, 352, 354

Nguyễn Phước VŨNG II, 370

Nguyễn Thị VUI I, 127

Kim VUI I, 226

Lê Văn XÂY III, 23

Nguyễn Hữu XUÂN III, 176

Huỳnh Văn XÊ II, 307

Lý Tế XUYỀN I, 243

Nguyễn Bá YÊN III, 21

Nguyễn YÊN ts III, 331

Nguyễn Bạch YÊN III, 450, 452

Nguyễn Hoàng YÊN ts III, 149

Nguyễn Phước YÊN II, 165

Brigitte WILLMER II, 154

Mục Lục Chỉ Dẫn Vấn Đề
Của Ba Tập Người Dân Muốn Biết

Số I, II, III: chỉ tập một, hai, ba - Số thường chỉ trang của từng bài.

An Lộc, Chiến Trường III, 331-344	Bề Hội Đồng II, 333-348
An ninh Thủ Đô I, 150-162	Bến Thành, Chợ mới III, 289- 297
Bán Đề Thi III, 364-377	Bệnh Viện tại Saigon III, 65-72
Báo Chí I, 219-225	Biệt Khu Thủ Đô I, 150-162
- Tự do báo chí I, 30-38	Biệt Phái (giáo chức) I, 15-20
Bào Chế Thuốc Tây III, 127- 137	Bồi Quê Dầu Nấm III, 168-178
Bảo Hiểm - Bảo Liểm Chiến Tranh III, 414-425	Bộ Binh Khử Mức III, 426-444
Bảo Lữ Miền Trung II, 31- 38	Bụi Dối II, 48-58
Bảo Vệ Thuận Phong Mỹ Tục III, 149-156	Bưu Điện II, 273-282
Bắc Việt, quan hệ với Nga Số III, 352-363	Cải Cách Hành Chánh III, 378-389
Bầu Cử, Hạ Viện II, 434-449	Cải Huấn Chính Sách Cải Huấn hậu chiến I, 109-113
Bầu Cử Tổng Thống, Phó Tổng Thống ngày 3.10.1971 III, 5-12	Cải Huấn III, 40-54
Bầu Cử Thượng Viện I, 394- 408	Cải Tiến Trung tiểu học III, 218-225
Bầu Cử Tổng Thống I, 163-171; II, 161-174	Cải Tổ Quân Lực I, 15-20
	Cảnh Sát Công Lộ II, 292-303
	Cảnh Sát Đô Thành I, 140-149
	Căm Bốt (C.H. Khmer) I, 253- 260
	Cấp Dưỡng, III, 110-119

- Cầu cống II, 374-382
- Cha mẹ nuôi quốc tế III,
120-126
- Chánh Đảng tại Việt Nam
III, 226-242
- Cháy nhà I, 386-393
- Chăm Cứu III, 179-185
- Chiến tranh và Hòa bình
I, 74-82
- Chiến Sĩ Trị Thiên, An Lộc,
Đất Đỏ III, 331-344
- Chiến trường, Trị Thiên,
An Lộc, Đất Đỏ III, 331-
344
- Chính sách cải huấn I,
109-113
- Chồng Mỹ II, 125-135
- Chợ Bến Thành III, 289-297
- Chợ Cầu Muối II, 175-179
- Chuột (Bưu điện) II, 273-
282
- Chuyên chở công cộng III,
28-39
- Chương trình Trung Tiểu
Học III, 218-225
- Cổ vật quốc gia III, 345-
351
- Công Chánh tại Saigon II,
243-251
- Công Kỹ Thương gia III,
321-330
- Công lộ II, 292-303
- Công Nhân II, 195-203
- Cộng sản, cáo vấn đề II, 5-12
- Cơ sở ngoại quốc tại Việt Nam
II, 195-203
- Cường hào ác bá I, 47-52
- Cứu Hỏa I, 386-393
- Cứu trợ bão lụt Miền Trung II,
31-38
- Nạn nhân chiến cuộc III, 98-109
- Đồng bào lánh cư và nạn nhân
chiến cuộc III, 312-320
- Công thương kỹ nghệ gia III,
321-330
- Cựu Chiến Binh I, 131-139
- Dân Biểu liên lạc với C.S I, 182-
189
- Dân Chủ I, 30-38
- Dân Tộc I, 343-350
- Dầu lửa tại Việt Nam II, 204-213
- Di sản cổ vật III, 345-351
- Định Dương III, 86-97
- Dự Luật về Cựu Chiến Binh I, 131-
139
- Dalat II, 154-160
- Đại học Mỹ, phản chiến II, 13-20
- Đại Học Việt Nam III, 277-288
- Dàn bà Việt Nam II, 125-135
- Phụ nữ Việt Nam I, 101-108;
I, 198-208
- Đất Đỏ, chiến trường III, 331-344
- Đất Lành II, 304-314
- Địa Phương Hóa Giáo Dục I, 172-
181

Kỹ thuật Phú Thọ, Trung
tâm III, 472-484

Làng Hòa Bình II, 154-160
- Trẻ em Việt Nam

Lãnh sự III, 312-320

Laos Động I, 261-267; II,
252-261

Liên Danh Thượng Viện I,
394-408

Liên Hiệp Nghị Sĩ Á Châu
II, 72-85

Liên Minh (của Trịnh Đình
Thảo) I, 302-307

Lions Club I, 296-301
- Khu Hội 311 Lions Việt
Nam

Lộ Vận III, 13-27

Luật Bầu cử Tổng Thống
II, 161-174

Luật, Trường Luật Saigon
III, 186-195

Luật Sư, nghề III, 73-85

Lừa Bịp, bán đề thi III,
364-377

Lưu thông II, 292-303

Ma túy II, 222-233
- Bài trừ Ma Túy II, 333-
348

- Các vấn đề Ma Túy II,
349-358

- Nghiền Ma Túy II, 222-233

Mẹ Mìn II, 333-348

Nạn nhân chiến cuộc III, 312-320
Nga Xô, quan hệ với Bắc Việt
III, 352-363

Ngày Quân lực II, 324-332
- Ngày Quốc Hận II, 382-387

Ngân Hàng Phát Triển Nông Nghiệp
I, 316-322

Ngân Hàng Quân Đội I, 15-20

Ngân Sách I, 279-290

Nghề Dược Sĩ III, 127-137
- Nghe Luật Sư III, 73-85

Nghiền ma túy II, 222-233

Ngoại thương I, 279-290

Ngưng bắn I, 1-14

Người Cầm Bút (ở Việt Nam) I,
92-100

Nhân Bản I, 343-350

Nhân Dân Tự Vệ II, 393-411

Nobel Hòa bình III, 196-209

Nông Dân Việt Nam II, 214-221

Nữ tài tử I, 226-233

Nước II, 262-272

Pasteur Việt Nam III, 157-167

Phái Đoàn Việt Nam Giao Dịch
Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình
Chiến III, 255-266

Phái đoàn VNCH tại Cầm Bốt I,
268-272

Phản chiến II, 13-20

Phát Triển Quốc Gia III, 267-276

Phát triển Sắc tộc III, 460-471

Phát triển Xã: I, 39-46

Phụ nữ Việt Nam I, 101-103;
I, 198-208

- Đàn bà Việt Nam II, 125-135

Phủ Thọ, Trung tâm quốc gia
Kỹ thuật III, 472-484

Quan hệ Nga Xô và Bắc Việt
III, 352-363

QL/VNCH-(Huấn Luyện) I,
308-315

- QL/VNCH II, 324-332

Quản sự Học đường, Huấn
luyện I, 376-385

Quân trường I, 308-315

Quê Đâu Năm III, 168-178

Quy chế đặc biệt cho đồng
bào sắc tộc I, 366-375

Quốc Hận 20.7.1971 II,
382-387

Quốc Hội I, 59-64

- Xem Hạ Viện, Thượng Viện
Bầu cử, Liên danh, Thủ
Ủy

Quốc Tổ I, 243-252

Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn
Hóa I, 343-350

Quyền lợi (Cựu chiến binh)
I, 131-139

- Quyền lợi của Thương phế
binh I, 234-242

Rác tại Đô Thành III, 65-72

Rùa (Bưu điện) I, 273-282

Sách III, 479-506

Saigon Thủy Cục II, 262-272

Sắc tộc I, 366-375: III, 460-471

Sinh viên, Hoa Kỳ II, 21-30

Số Kiến thiết II, 464-473

- Tiền lời về số I, 323-333

Sở Cứu Hỏa II, 175-179

Sở Thú Saigon III, 210-217

Suối Tiên II, 136-140

Tài định thuế lợi tức II, 112-
124

Tài tử I, 226-233

Thảo Cầm Viên Saigon III, 210-
217

Thiệt hại vì bão lụt tại miền
Trung II, 31-38

Thanh niên Chí nguyện I, 291-295

Thanh niên thể thao II, 359-374

Thay quần I, 1-14: I, 209-218

Thể thao II, 359-374

Thí Tú Tài III, 364-377

Thiết Quân Luật III, 298-311

Thủ Đô I, 150-162

Thú Đức, trường Bộ Binh II,
450-463

- Thủ Tục Hành chánh III, 378-389
 Thụ Ủy I, 394-408
 Thuận Phong Mỹ Tục III, 149-156
 Thuế III, 55-64
 - Thuế Kiệm Ước I, 53-58
 - Thuế lợi tức II, 112-124
 Thi Tú Tài II, 315-323
 Thuốc tây III, 127-137
 Thủy Cục II, 262-272
 Thư Viện Quốc Gia III, 138-148
 Thương Binh I, 74-82
 - Thương phế binh I, 234-242
 Thượng Viện I, 163-171: I, 394-408
 Thủy Quân Lục Chiến I, 74-82
 Tiếp tế I, 261-267
 Tiêu thụ Điện III, 445-459
 Tim con, Bokassa II, 141-153
 Tình hình Kinh tế I, 53-58
 Tình hình Việt Nam 1970 II, 86-111
 Tình trạng Thiết Quân Luật III, 298-311
 Tòa Án Mặt Trận I, 182-189
 Toàn Vẹn Lãnh thổ I, 1-14
 Tổng Thống, Phó Tổng Thống I, 21-29
 - Bầu cử III, 5-12
 Trại Hợp Bọn II, 136-140
 Tranh chấp Lao động I, 261-267
 - Lao Động II, 252-261
 Trẻ em không nhà II, 48-58
 - Trẻ em Việt Nam II, 154-160
 Trộm cướp II, 333-348
 Trợ cấp xã hội I, 279-290
 Trung tâm Cải huấn III, 40-54
 Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật III, 472-484
 Trung, Tiểu học III, 218-225
 Trường Luật Saigon III, 186-195
 Trường Quốc gia Âm nhạc Huế, Saigon I, 358-365
 Trường Trung Vương II, 187-194
 Trường Võ Bị Quốc gia Việt Nam III, 243-254
 Tú Tài II, 315-323: III, 364-377
 Tự do báo chí I, 30-38
 Trị Thiên, chiến trường III, 331-344
 Tương lai Xã hội Việt Nam I, 92-100
 Ủy Hội Quốc tế kiểm soát Đình chiến III, 255-266
 Ủy Viên Chánh Phủ I, 182-189
 Văn Hóa Việt Nam I, 343-350
 Vấn đề ngoại giao I, 114-121
 Vé số Kiến thiết II, 464-473
 Vệ sinh tại Saigon II, 242-251

Viện Dinh Chuẩn III, 485-496

Viện Pasteur Việt Nam III,
157-167

Việt Kiều tại Cầm Bốt I,
253-260

Võ Bị Quốc Gia I, 308-315;
III, 243-254

Vườn Bách Thú Saigon III,
210-217

Kổ số Kiến thiết I, 323-333;
II, 464-473

Xã Hội Việt Nam I, 92-100
- Phụ nữ trong xã hội Việt Nam
I, 101-108

Xuất bản III, 479-506

Y Khoa II, 59-71

Yểm trợ Tiền tuyến, Công Kỹ
Thương Gia III, 321-330

Chương Trình NGƯỜI DÂN MUỐN BIẾT

Sáng Lập Và Điều Khiển Chương Trình
Đại Tá TRẦN VĂN LÂM

Phụ Tá Tổ Chức:

TRẦN VĂN NGÔ
ĐINH PHỤNG TIẾN

Trụ Ký:

NGUYỄN CẨM HÀ
NGUYỄN NGỌC THỦY

Sưu Tập NGƯỜI DÂN MUỐN BIẾT

Tập I Ấn Hành Ngày 3.2.1972--200 bản

Tập II Ấn Hành Ngày 15.5.1972--200 bản

Tập III Ấn Hành Ngày 30.9.1972--200 bản